

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 32/4

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 32/1 - No. 1668 - 1692

SỐ 1668/10
LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

*Tác giả: Bồ-tát Long Thọ.
Hán dịch: Đời Diêu Tân, Đại sư Phiệt Đề Ma Đa.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).*

QUYỂN 1

*Đánh lễ Giác viên mãn
Giác Pháp tạng đã chứng
Và Đại sĩ tạo luận
Cùng các chúng Hiền Thánh.
Muốn mở cửa bố thí
Tạm hiển hướng quả vị
Lợi ích các chúng sinh
Báo ân Sư muôn một.*

* *Luận nói:* Nay tạo Luận này là nhằm giải thích lần nữa về Đại thừa (Ma-ha-diễn), vì muốn hiển bày chỉ rõ về chỗ sâu xa, vì diệu tột cùng của Thể ấy từ nơi bậc thầy. Nếu người chưa đạt sự chứng đắc đích thực và chưa ra khỏi hành tà, thì tôi tầm mờ mịt hoàn toàn không nhìn thấy gì, vì Ma-ha-diễn đã luôn vượt quá cảnh giới của tư duy. Hoặc vì muốn khiến cho chúng sinh theo căn cơ lợi钝, mở được cánh cửa vào nhanh nơi pháp Phật, nêu rõ phần vị tu hành tiệm tiến hướng nhập diệu lý của Kinh Luận được giảng giải vốn rất sâu rộng. Hoặc do bậc thầy đã thành tựu đầy đủ các thứ công đức hết sức sâu nặng, tức để đền đáp phần nào ân lớn của thầy. Hoặc vì bí mật quán

xét chúng sinh nơi đời vị lai, dấy khởi trăm ngàn thứ tranh chấp hủy hoại Tông chỉ của Luận. Hoặc là tự thân lắng nghe thọ nhận ý lạc. Vì có các nhân duyên như vậy, nên phải tạo ra Luận này.

Đã nói về phần gốc, tiếp theo là nói về phần sai biệt của luận. Luận có bao nhiêu thứ loại, bao nhiêu luận đã gồm thâu? Luận Ma Ha Diễn thuộc về loại nào?

** Tụng nêu:*

*Mười vạn chín ngàn bộ
Mười Luận gồm thâu chung
Ma Ha La, Bạt Đề
Ô Xá Ma, Xà Tha
Luận Phiệt Na, Đề Xá
A Bộ Đế, Bạt Ma
Ô Ha Ma Tăng Na
Và Kiện Bà Ma Ca.*

** Luận nói:* Tập hợp vô số các Luận của một đời nói chung là có mười vạn chín ngàn bộ. Các Luận như vậy được gồm thâu trong mười bộ. Những gì là mười bộ? Đó là: (1) Luận Ma Ha La. (2) Luận Bạt Đề. (3) Luận Ô Xá Ma. (4) Luận Xà Tha. (5) Luận Phiệt Na Đề Xá. (6) Luận A Bộ Đế. (7) Luận Bạt Ma. (8) Luận Hô Ha. (9) Luận Ma Tăng Na. (10) Luận Kiện Bà. Đó gọi là mười bộ. Luận Ma Ha Diễn thuộc về Luận Như Ý. Bộ Luận do Bồ-tát Mã Minh soạn thuật, luận đó có bao nhiêu văn, bao nhiêu nghĩa? Luận Ma Ha Diễn thuộc về loại nào?

** Tụng nêu:*

*Gồm có một trăm bộ
Chín mươi chín thứ văn
Mười thứ nghĩa gồm thâu
Luận này thuộc sách quý.*

* *Luận nói*: Các Luận do Bồ-tát Mã Minh soạn thuật gồm có một trăm bộ, ở trong một trăm bộ có chín mươi chín thứ thuộc về Luận hoa văn, còn lại mười thứ luận thuộc về Luận gồm thâu nghĩa. Luận này thuộc loại sách quý. Mười thứ Luận gồm thâu nghĩa, tên gọi của chúng là thế nào, luận đó đã mở bày chỉ rõ là đồng hay là khác?

* *Tụng nêu*:

*Biến Mãn cùng Quy Chân
Trung Tạng cùng Vi Diệu
Hợp Nhất và Tam Muội
Luận Thanh Tịnh, Bản Nguyên
Luận Huyền Lý, Khởi Tín
Kiến lập đồng một tướng.*

* *Luận nói*: Những gì là mười loại? Đó là: (1) Luận Nhất Tâm Biến Mãn. (2) Luận Dung Tục Quy Chân. (3) Luận Pháp Giới Trung Tạng. (4) Luận Bí Mật Vi Diệu. (5) Luận Chúng Mạng Hợp Nhất. (6) Luận Chân Như Tam Muội. (7) Luận Tâm Tánh Thanh Tịnh. (8) Luận Bất Động Bản Nguyên. (9) Luận Thâm Thâm Huyền Lý. (10) Luận Đại Thừa Khởi Tín. Đó gọi là mười. Mười Luận như thế về số lượng tuy khác nhau, nhưng tướng kiến lập là đồng một loại.

Đã nói về phần sai biệt của Luận, tiếp đến là nói về sự sai biệt của Tạng. Tạng có bao nhiêu loại, bao nhiêu tạng đã gồm thâu? Luận Ma-ha-diễn thuộc về Tạng nào?

* *Tụng nêu*:

*Hoặc năm mươi một Tạng
Hoặc chỉ mười như Kinh
Gồm thâu vào ba Tạng
Luận hoặc chung hoặc riêng.*

* *Luận nói*: Năm mươi một Tạng là phân biệt nhân quả, là biểu hiện công đức để dẫn dắt người thực hành. Trong Khế kinh Kim Cương nói như vậy: “Đức Phật dạy: Này Phật tử! Ta sẽ vì ông dùng ngôn từ vô ngại, tuyên thuyết nêu bày năm mươi Tạng về nhân và một Tạng về quả”. Thế nên hoặc có mười Tạng. Những gì là mười Tạng? Đó là:

(1) Chỉ thiết lập một Tạng gồm thâu toàn bộ các pháp. Đó là Tạng Pháp Giới Pháp Luân. Trong Khế kinh Viên Mãn nói như vậy: “Tất cả ngôn âm hiện có của chúng sinh, không loại nào là không thuộc về âm thanh pháp luân của Như Lai”.

(2) Thiết lập hai Tạng gồm thâu toàn bộ các pháp. Đó là Tạng Thanh văn và Tạng Bồ-tát. Trong Khế kinh Tổng Trì nói như vậy: “Pháp môn tuy vô biên nhưng không ra ngoài hai thứ Tạng”.

(3) Thiết lập ba Tạng gồm thâu toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào Tạng Như Lai. Trong Khế kinh Quang Minh nói như vậy: “Hết thầy chư Phật nhiều hơn số Hằng hà sa, chỉ nhằm tuyên thuyết về pháp tạng Thanh văn, pháp tạng Bồ-tát và pháp tạng Như Lai, lại không còn một đạo nào nữa”.

(4) Thiết lập bốn Tạng gồm thâu toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào Tạng Bồ Đặc Già La. Trong Kinh Đạo Phẩm nói như vậy: “Này Phật tử! Hãy lắng nghe rõ. Ta sẽ vì ông giảng nói về Tạng nhân, Tạng nghĩa, Tạng lễ, Tạng trí cho đến Tạng tín cùng Tạng Thanh văn, Tạng Bồ-tát và Pháp tạng Đại giác. Vì sao? Vì để cho những người thực hành lần lượt chuyển biến theo pháp cùng thứ lớp được thắng lợi”.

(5) Thiết lập năm Tạng gồm thâu toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào Tạng thiên. Trong Khế kinh Thiên Tử nói như vậy: “Đức Phật nói với Da Luận: Không thể ngôn thuyết về báo không thanh tịnh. Ta vì đại chúng nêu giảng rộng khắp về Tạng tịnh, Tạng

nhân và Tạng của Nhị thừa cùng Pháp tạng Đại giác của tất cả chư Phật”.

(6) Thiết lập sáu Tạng gồm thấu toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào Tạng Nại-lạc-ca. Trong Khế kinh Bồ Úy nói như vậy: “Ta an trụ bất động phân biệt tuyên thuyết về tám vạn bốn ngàn Tạng Nại-lạc-ca”. Như trước đã nói về năm loại Tạng.

(7) Thiết lập bảy Tạng gồm thấu toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào Tạng Ma La Cửu Đa Đa. Trong Khế kinh Ban Mẫu nói như vậy: “Nay Ta dùng lời chân thật vì Ban Mẫu cùng một ức bảy vạn ba ngàn đại chúng phân biệt giảng nói về năm vạn một ngàn ba trăm lẻ hai loại Tạng quý thần”. Như trước đã nói về sáu loại Tạng.

(8) Thiết lập tám Tạng gồm thấu toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào Tạng Kiện Bà Đà Na Bạt. Trong Khế kinh Long Vương nói như vậy: “Long vương Nan-đà phát ra tám ngàn câu hỏi, thưa hỏi Đức Như Lai. Đức Phật mở ra mười ức Tạng bằng sinh đạo”. Như trước đã nói về bảy loại Tạng.

(9) Thiết lập chín Tạng gồm thấu toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào Tạng Khí Thế Giới. Trong Khế kinh Thế Giới nói như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Thọ Thần: Lành thay! Lành thay! Như ông đã nói, nếu muốn nghe về điều ấy, nay Ta sẽ vì ông phân biệt diễn nói về Tạng của đối tượng nương dựa”. Như trước đã nói về tám loại Tạng.

(10) Thiết lập mười Tạng gồm thấu toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào Tạng Tạp Loạn. Trong Khế kinh Âm Thanh nói như vậy: “Ta nay mở bày chỉ rõ về tám loại Tạng tạp loạn”. Như trước đã nói về chín loại Tạng.

Đây gọi là mười Tạng. Các Tạng như vậy là gồm thấu toàn bộ mười ức tám ngàn Pháp Tạng.

Ba Tạng căn bản hoặc gồm thâu mười Tạng. Những gì là ba Tạng? Đó là: (1) Tạng Tổ-đát-lãm (Tạng Kinh). (2) Tạng Tỳ-nại-da (Tạng Luật). (3) Tạng A-tỳ-đạt-ma (Tạng Luận). Đây gọi là ba Tạng. Luận Ma-ha-diễn hoặc thuộc về các Tạng, hoặc chỉ thuộc về Tạng A-tỳ-đạt-ma. Vì vậy Tụng nói “Hoặc chung – hoặc riêng”. Chung nghĩa là thông hợp toàn bộ, riêng nghĩa là lựa chọn phân biệt. Người hành trì pháp theo chỗ ứng hợp không mất, vì thế lập tên gọi là Tạng.

Đã nói về sự sai biệt của Tạng, tiếp theo là nói về sự sai biệt của Kinh.

Kinh có bao nhiêu số và bao nhiêu kinh đã gồm thâu? Nay Luận Ma Ha Diễn này thì những kinh nào làm nơi nương dựa?

* *Tụng nêu:*

*Gồm trăm số Lạc-xoa
Thâu mười hai bộ kinh
Tu Đa La, Kỳ Dạ
Cùng Tỳ Già La Na.
Già Đà, Ưu Đà Na
Cùng với Ni Đà Na
Kinh A Ba Đà Na
Y ĐẾ Mục Đa Già .
Xà Đà Già, Phật Lược
A Phù Đà, Đạt Ma
Kinh Ưu Ba Đê Xá
Dựa hoặc chung hoặc riêng.*

* *Luận nói:* Tập hợp tất cả các kinh thuộc các loại trong một đời Đức Phật thuyết giảng có một trăm ức bộ. Các kinh như vậy gồm thâu vào mười hai bộ. Những gì là mười hai bộ? Đó là: (1) Tu-đa-la (Khế kinh). (2) Kỳ Dạ (Trùng tụng). (3) Tỳ Già La Na

(Cô khởi). (4) Già Đà (Phúng tụng). (5) Ưu Đà Na (Tự thuyết). (6) Ni Đà Na (Nhân duyên). (7) A Ba Đà Na (Thí dụ). (8) Y ĐẾ Mục Đa Già (Bản sự). (9) Xà Đà Già (Bản sinh). (10) Tỳ Phật Lược (Phương quảng). (11) A Phù Đà Đạt Ma (Vị tăng hữu). (12) Ưu Ba Đề Xá (Luận nghị).

Đây gọi là mười hai bộ. Kinh căn bản làm nơi nương dựa của Luận Ma-ha-diễn, hoặc là chung, hoặc là riêng. Chung nghĩa là thông hợp toàn bộ, riêng nghĩa là lựa chọn phân biệt. Luận Ma-ha-diễn văn thì hẹp, câu thì gọn, tức hết sức nhỏ, gọn, vì sao đại dương của Khế kinh là vô lượng vô biên lại làm chỗ nương dựa chung? Vì như Bà Tát Y Già cho phép, như Tiêu Đa La dẫn đưa, vì vậy không có lỗi. Kinh làm chỗ nương dựa riêng thì số lượng ấy có bao nhiêu, tên gọi là những gì và quyền thuộc của mỗi thứ là bao nhiêu?

* *Tụng nêu:*

*Gồm một trăm Khế kinh
Như Quang Minh Đại Giác...
Năm mươi đầu đều trăm
Năm mươi sau đều ngàn.*

* *Luận nói:* Kinh làm chỗ nương dựa riêng của Luận Ma-ha-diễn, gồm có một trăm kinh. Những gì là một trăm? Đó là: (1) Kinh Quang Minh Đại Giác. (2) Kinh Thâm Thâm Thuận Lý. (3) Kinh Kim Cương Tam Muội. (4) Kinh Chư Pháp Vô Hành. (5) Kinh Thọ Lâm Thuyết Pháp. (6) Kinh Vô Tận Nhất Địa. (7) Kinh Thanh Tịnh Như Như. (8) Kinh Tự Tánh Tự Thể. (9) Kinh Đại Thừa Đồng Tánh. (10) Kinh A Lê Da Thức. (11) Kinh Quả Viên Mãn. (12) Kinh Hư Không Đẳng. (13) Kinh Tam Tam Muội. (14) Kinh Nhất Tâm Pháp. (15) Kinh Bản Tánh Trí. (16) Kinh Chân Pháp Giới. (17) Kinh Nhiếp Vô Lượng. (18) Kinh Tối Thượng Cực. (19) Kinh Duy Ma Cật. (20) Kinh Lăng Già Vương. (21) Kinh Trung

Thật. (22) Kinh Vô Thủy. (23) Kinh Thập Nhân. (24) Kinh Luân Chuyển. (25) Kinh Từ Vân. (26) Kinh Khí Tâm. (27) Kinh Vô Vị. (28) Kinh Hiền Thánh. (29) Kinh Ân Mật. (30) Kinh Hoa Nghiêm. (31) Kinh Đại Phẩm. (32) Kinh Tịch Diệt. (33) Kinh Thánh Quý. (34) Kinh Biến Duyên. (35) Kinh Huân Tập. (36) Kinh Phật Tánh. (37) Kinh Huyền Lý. (38) Kinh Lăng Già. (39) Kinh Bản Nghiệp. (40) Kinh Uẩn Cao Sơn. (41) Kinh Quy Bản. (42) Kinh Chân Tu. (43) Kinh Bát Đức. (44) Kinh Phật Tuệ. (45) Kinh Duyên Khởi. (46) Kinh Nhất Thể. (47) Kinh Tự Phật. (48) Kinh Đại Hải. (49) Kinh Vô Tướng. (50) Kinh Biến Chân Như. (51) Kinh Thập Chung Như Lai Tạng. (52) Kinh Tam Thân Bản Hữu. (53) Kinh Bát Thức Thông Đạt Duyên. (54) Kinh Chúng Sinh Thân Đẳng Pháp. (55) Kinh Chư Phật Vô Tận Tạng. (56) Kinh Tán Thán Bất Thiện Phẩm. (57) Kinh Chư Pháp Đồng Nhất Tướng. (58) Kinh Nhất Thể Đại Bi Quán. (59) Kinh Như Như Bản Trí Tuệ. (60) Kinh Trần Trần Pháp Giới Sát Độ. (61) Kinh Luân Chuyển Bản Tế. (62) Kinh Pháp Giới Pháp Luân. (63) Kinh Đại Trí Bản Hữu. (64) Kinh Bình Đẳng Pháp Giới. (65) Kinh Tứ Tướng Thường Trụ. (66) Kinh Chân Như Nhất Tướng. (67) Kinh Lưu Chuyển Bất Động. (68) Kinh Tịch Tĩnh Niết Bàn. (69) Kinh Thông Đạt Âm Thanh. (70) Kinh Như Lai Tự Tướng. (71) Kinh Phu Nhân. (72) Kinh Pháp Môn. (73) Kinh Bát Dự. (74) Kinh Trung Tại. (75) Kinh Tổng Trì. (76) Kinh Bất Động. (77) Kinh Lương Trí. (78) Kinh Đạo Trí. (79) Kinh Bản Giác. (80) Kinh Đại Vô Lượng. (81) Kinh Tự Nhiên Bản Quả. (82) Kinh Thâm Thâm Pháp Tạng. (83) Kinh Nhất Đạo Thanh Tịnh. (84) Kinh Thập Chung Vọng Tướng. (85) Kinh Pháp Môn Hiền Liễu. (86) Kinh Cảnh Giới Viên Mãn. (87) Kinh Quang Minh Thật Trí. (88) Kinh Nhân Quả Đồng Thể. (89) Kinh Tâm Thần Bất Không. (90) Kinh Chân Trí Vô Sinh Hạnh. (91) Kinh Vô Ngại Giải Thoát. (92) Kinh Tùy Duyên Tăng Trưởng. (93) Kinh Pháp Tánh Thật Tế. (94) Kinh Quảng Đại Hư Không. (95) Kinh

Bản Nhân Duyên Khởi. (96) Kinh Chư Pháp Vô Vi. (97) Kinh Bản Lai Thanh Tịnh. (98) Kinh Tu Hành Đạo Địa. (99) Kinh Bất Tu Cụ Đức. (100) Kinh Ma Ha Tát Vân Nhã.

Đây gọi là một trăm kinh. Quyển thuộc của một trăm kinh như vậy, như dưới đây thì năm mươi kinh đầu đều có số trăm, năm mươi kinh sau đều có số ngàn. Nêu lên mục lục của kinh là làm rõ về mạng lưới của luận. Phần sau sẽ tùy theo văn để mở bày chỉ rõ.

Đã nói về sự sai biệt của kinh, tiếp theo sẽ nói về người tạo luận. Khế kinh nói có khác nhau, số ấy có bao nhiêu? Nay Sư Mã Minh là thuộc về vị nào?

* *Tụng nêu:*

*Gồm có sáu Mã Minh
Khế kinh nói khác nhau
Nhưng thuận hợp căn cơ
Không có tướng sai trái.*

* *Luận nói:* Tập hợp tất cả các Khế kinh trong một đời Đức Thế Tôn thuyết giảng thì có nhiều loại văn khác nhau, gồm chung có sáu loại. Những gì là sáu loại? Đó là:

(1) Trong Khế kinh Đại Thừa Bản Pháp nói như vậy: “Đấng Đại Giác vô thượng nói về duyên nhập Niết-bàn, Bồ-tát Mã Minh liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, chấp tay cung kính, hướng về Đức Thế Tôn nói kệ:

*Vô Thượng Tôn đầy đủ đại từ
Vô biên biển kiếp đủ vạn hạnh
Chỉ vì từ bi thương muôn loài
Nên Phật tự nói nhập Niết-bàn.
Con cùng tất cả các đại chúng
Mờ mịt tán loạn, tâm tưởng mất
Thế Tôn bậc đầy đủ đại từ*

Bỏ đàn con đến thế giới khác.

Hướng hồ con từ bi chưa đủ

Theo Đức Phật đến thế giới khác.

Bấy giờ, Bồ-tát Mã Minh nói kệ này xong, nhìn thấy đôi mắt Đức Phật từ từ tự mạng chung”.

(2) Trong Khế kinh Biến Hóa Công Đức nói như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Mã Minh: Sau khi Ta diệt độ hơn ba trăm năm, ông sẽ vâng theo diệu lực gia hộ của Ta, dùng vô số thứ pháp làm phương tiện tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh đời vị lai. Nếu Ta không gia hộ diệu lực thì ông sẽ không thể tự thực hiện”.

(3) Trong Khế kinh Ma Ha Ma Da nêu bày như vậy: “Sau khi Đức Như Lai diệt độ khoảng sáu trăm năm, tức có chín mươi sáu thứ các ngoại đạo, cùng với những tà kiến tranh nhau xuất hiện hủy diệt pháp Phật. Bấy giờ, một vị Tỳ-kheo tên là Mã Minh, khéo giảng nói về pháp yếu, hàng phục tất cả các đám ngoại đạo”.

(4) Trong Khế kinh Thường Đức Tam Muội nêu rõ như vậy: “Sau khi Đức Phật diệt độ trong khoảng tám trăm năm, có một người trí tuệ tên là Mã Minh, hoặc từ nơi chúng ngoại đạo, hoặc là đệ tử nhà Phật, phá trừ các ngoại đạo kiến lập pháp Phật”.

(5) Trong Khế kinh Ma Ni Thanh Tịnh nêu bày như vậy: “Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn hơn một trăm năm, Đại sĩ Mã Minh xuất hiện ở thế gian, bảo vệ chánh pháp, dựng lên ngọn cờ Phật giáo”.

(6) Trong Khế kinh Thắng Đánh Vương nêu bày như vậy: “Như Lai thành đạo vào bảy ngày thứ mười, có một ngoại đạo tên là Ca La Nặc Cưu Thi Ma, biến hóa thân mình làm Đại Long vương, hiện rõ tám vạn sáu ngàn đầu với tám vạn sáu ngàn lưỡi, trong một lúc phát khởi tám vạn sáu ngàn vắn nạn trái nhau để chắt

vấn Đức Như Lai. Như Lai tức thì tạo ba lớp giải đáp, trả lời thông suốt tất cả các vấn nạn kia. Lúc ấy, Long vương lại tạo ra mười lớp vấn nạn để hỏi Phật. Đức Phật tức thì tạo ra trăm lớp giải đáp để giải thích thông suốt hết thảy. Hỏi đáp như vậy xong, Đức Phật nói với Long vương: Lành thay! Lành thay! Sa-môn Mã Minh, vì nhằm bảo vệ thành lũy giáo pháp, dùng hình tướng phá hoại để kiến lập pháp Phật. Nhẫn nại cùng nhẫn nại, luôn tu như vậy, luôn hành như vậy, chớ nên du hành theo lối nhỏ, phải du hành rộng khắp. Thế là Long vương dùng thân hình vốn có của mình, xả bỏ tướng súc sinh, đến trước Đấng Vô Thượng thân khẩu ý thành kính lễ bái, dung mạo hoan hỷ, hướng về Đức Thế Tôn nói tụng:

*Lời lành thay, lành thay!
Nơi tai con lắng nghe
Tự giả hay là thật
Trong tâm con rất nghi.
Con chẳng thân súc sinh
Con chẳng chúng ngoại đạo
Nhưng tán thán hóa sinh
Biến hóa hình như vậy.
Thế Tôn như gương biết
Con ẩn tại cõi này
Hiện nơi thế giới khác
Như pháp du hành khắp.*

Bấy giờ, Mã Minh nêu bày kệ này xong, như đi vào căn nhà vắng lặng nhập thiền định”.

Đây gọi là sáu loại.

Các kinh như vậy là đều nói khác nhau, tùy theo căn cơ ứng hiện thì không có lỗi mâu thuẫn. Bồ-tát Mã Minh là người đang ở quả vị nào? Cõi nào? Nhân duyên gì mà Mã Minh sinh ra?

* *Tụng nêu:*

*Vốn Phật Đại Quang Minh
 Nhân trong địa Bất động
 Xuất hiện Tây Thiên Trúc
 Theo quá khứ lập tên.*

* *Luận nói:* Bồ-tát Mã Minh nếu nói đúng về gốc là Đức Phật Đại Quang Minh. Nếu luận về nhân tức là Bồ-tát trụ vị trong địa thứ tám. Sinh ra ở vùng Tây Thiên Trúc, cha tên Lư Già, mẹ là Cù Na, đồng sinh lợi ích. Trong đời quá khứ, có một vị Đại vương tên là Luân Đà, có hàng ngàn loài chim màu trắng đều có tiếng hót rất hay. Nếu chim cất tiếng hót thì phước đức của Đại vương tăng lên. Nếu chim không cất tiếng hót thì phước đức của Đại vương tồn giảm. Các loài chim như vậy, nếu thấy ngựa trắng tức thì cất tiếng hót rất hay. Nếu lúc không thấy ngựa trắng thì luôn im lặng không hót. Bấy giờ, Đại vương đi khắp nơi cầu tìm ngựa trắng, nhưng suốt cả ngày vẫn không tìm được, liền nói như vậy: Nếu như chim hót này thuộc chúng ngoại đạo, thì đều phá bỏ mọi thứ riêng tôn kính riêng tin vào Phật giáo. Nếu như chim hót này thuộc đệ tử của Phật, thì đều phá bỏ mọi thứ riêng tôn kính riêng tin vào giáo pháp ngoại đạo. Khi đó, Bồ-tát dùng sức thần thông, hiện ra ngàn ngựa trắng hý vang và ngàn chim trắng cất tiếng hót, nối tiếp làm hưng thịnh chánh pháp khiến không đoạn dứt. Vì vậy Đức Thế Tôn gọi Bồ-tát ấy là Mã Minh.

Đã nói về tướng sai khác của người tạo luận. Tiếp theo nêu nguyên bản để giải thích. * *Bản luận viết:*

*Quy mạng khắp mười phương
 Nghiệp tối thắng, biến trí
 Sắc tự tại vô ngại
 Đại bi cứu thế gian.*

* *Luận giải thích*: Trong một tụng này tức có hai môn. Thế nào là hai? Đó là: (1) Môn gồm thâm chung tất cả chúng mạng. (2) Môn quy hướng nơi bậc Đại giác viên mãn.

Môn gồm thâm chung: Là thâm tóm chung chúng mạng căn của hết thầy chúng sinh hiện có trong mười phương thế giới. Như trong Bản luận nói “Mạng khắp mười phương”.

Môn quy hướng: Là dùng chúng mạng căn như vậy quay về hợp với con người đầy đủ đại từ bi. Như trong Bản luận nói “Nghịệp tối thắng biến trí, sắc tự tại vô ngại, đại bi cứu thế gian”.

Luận sư nêu ra bao nhiêu đức để tán thán bậc Đại giác? Những tướng ấy như thế nào?

* *Tụng nêu*:

*Gồm tám vạn bốn ngàn
Bốn mươi tám thứ đức
Đức tối thắng v.v... đều mười
Trí vô ngại đều bốn.
Và tám vạn bốn ngàn
Các sắc tướng sai biệt
Công đức tuy vô lượng
Trọn không ngoài số này.*

* *Luận giải thích*: Bồ-tát Mã Minh nêu tổng quát về tám vạn bốn ngàn, bốn mươi, tám loại công đức để cùng kính ca ngợi bậc Đại giác vô thượng. Phẩm công đức thanh tịnh trong quả vị Phật viên mãn tuy có vô lượng vô biên, nhưng chung quy không ra ngoài số lượng này. Vì vậy Bồ-tát Mã Minh đã tán thán về tướng chung. Những gì là tám vạn bốn ngàn công đức? Vì sắc tướng có sai biệt nên thành tám vạn bốn ngàn. Những gì là bốn mươi? Vì tối thắng nghịệp biến (hiện hành khắp) mỗi thứ đều có mười loại công

đức nên thành số bốn mươi. Thế nào là tám loại? Vì trí và vô ngại mỗi thứ đều có bốn loại nên thành tám loại.

Những gì mười Tội (Bậc nhất)? Đó là: (1) Tội siêu quá: Là xa lìa địa Nhị thừa. (2) Tội xuất ly: Là vĩnh viễn lìa bỏ biên vực của ba cõi. (3) Tội đối trị: Là nhanh chóng đoạn dứt bốn trụ địa. (4) Tội yếm hoạn: Là đã vượt qua xóm làng của năm uẩn. (5) Tội ly ái: Là vĩnh viễn cách biệt con đường rẽ vào sáu nẻo. (6) Tội uy đức: Là chiến thắng làm thoái chuyển bảy loại quân xấu ác. (7) Tội binh chúng: Là đều diệt trừ hết tám khu rừng tà vạy. (8) Tội trí tuệ kiểm: Là chặt đứt hoàn toàn chín loại kiết buộc. (9) Tội giải thoát: Là đoạn trừ mười thứ dây trói buộc. (10) Tội dừng mãinh: Là phá trừ, hàng phục chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Đấy gọi là mười Tội. Ở trong Khế kinh nói là mười loại đệ nhất.

Những gì là mười Thắng? Đó là: (1) Thắng lực: Là đầy đủ mười lực. (2) Thắng vô úy: Là đầy đủ bốn vô úy. (3) Thắng bất cộng: Là đầy đủ mười tám pháp bất cộng. (4) Thắng đạo phẩm: Là đầy đủ ba mươi bảy đạo phẩm. (5) Thắng biến hóa: Là đầy đủ trăm ngàn thứ biến hóa. (6) Thắng ngôn âm: Là đầy đủ tám mươi tám loại Phạm âm. (7) Thắng đoan nghiêm: Là đầy đủ ba mươi hai thứ tướng của bậc đại trượng phu. (8) Thắng cát tường: Là tùy theo nơi chốn của cảnh giới tạo tác, luôn xuất sinh làm tăng trưởng các công đức căn thiện. (9) Thắng nan đắc: Là bậc được tôn kính nhất ở trong ba cõi. (10) Thắng trụ xứ: Là nơi cung điện mình cư trú, dùng chín vạn tám ngàn thứ vi diệu viên mãn để trang nghiêm. Đấy gọi là mười Thắng. Ở trong Khế kinh nói là mười loại thù thắng.

Những gì là mười Nghiệp? Đó là: (1) Nghiệp tự nhiên: Là những việc làm luôn tự tại. (2) Nghiệp bình đẳng: Là giáo hóa đem lại lợi ích không sai biệt. (3) Nghiệp tương ưng: Là thuận theo căn cơ mà xuất hiện. (4) Nghiệp cụ túc: Là đầy đủ hai thứ

tư lương phước và trí. (5) Nghiệp vô tận: Là hành tác không có biên vực giới hạn. (6) Nghiệp đồng sinh: Là thuận theo các nẻo, cõi để thọ sinh. (7) Nghiệp vô trước: Là xa lìa mọi hệ lụy trần tục, giống như hoa sen. (8) Nghiệp y chỉ: Là tạo tác làm nơi chốn quy về nương dựa như đại địa. (9) Nghiệp vô yếm: Là gồm thâu chúng sinh không cùng tận như biển lớn. (10) Nghiệp thông đạt: Là hành tác không có chướng ngại như hư không. Đấy gọi là mười Nghiệp. Ở trong Khế kinh nói là mười loại tác dụng.

Những gì là mười Biến (Hiện hành khắp)? Đó là: (1) Căn biến: Là các sắc căn của Phật, mỗi mỗi thứ đều hiện bày khắp pháp giới. (2) Thức biến: Là các tâm thức của Phật không gì là không thông suốt. (3) Cảnh giới biến: Là đối tượng duyên của trí viên mãn không phân chia giới hạn. (4) Thọ mạng biến: Là hành hóa đều không thể nghĩ bàn. (5) Quyến thuộc biến: Là hành tác không thể lường tính. (6) Công đức biến: Là mỗi mỗi công đức sánh bằng hư không giới. (7) Từ bi biến: Là hành hóa không có phân biệt lựa chọn. (8) Ngôn thuyết biến: Là âm thanh của Đức Phật giảng nói không đâu là không đến. (9) Chứng biến: Là không nơi chốn nào là không cùng tận. (10) Vô đẳng biến: Là không gì có thể sánh bằng. Đấy gọi là mười Biến. Ở trong Khế kinh nói là mười loại chu biến.

Những gì là bốn Trí? Đó là: (1) Trí quang minh vô tận tạng, vì có thể sinh ra mười ức một ngàn môn trí tuệ. (2) Trí nhất vị nhất tướng, vì thông đạt Hằng sa hết thảy các pháp không sai biệt. (3) Trí đại bi vô biên, vì thuận theo chúng sinh thực hiện sự giáo hóa đồng nhất đủ khắp tất cả thế giới ở mười phương. (4) Trí vô vi tịch diệt, vì xa lìa tất cả mọi hành động tạo nghiệp. Đấy gọi là bốn Trí. Ở trong Khế kinh nói là bốn loại trí viên mãn.

Những gì là bốn Vô ngại? Đó là: (1) Pháp vô ngại: Là nhận biết rõ về thật tướng, thật tánh của các pháp. (2) Nghĩa vô ngại: Là

nhận biết rõ về các pháp cùng tướng sai biệt và tướng sinh diệt của các chúng. (3) Từ vô ngại: Là không hủy hoại giả danh mà nêu rõ về thật tướng. (4) Lạc thuyết vô ngại: Là phát khởi vô biên ngôn thuyết về biển Khế kinh theo thứ lớp không đoạn dứt. Đây gọi là bốn Vô ngại. Ở trong Khế kinh nói là bốn loại trí giải thoát.

Nói tự tại là đều chung cho cả phần trên nên không giải thích riêng. Còn danh nghĩa của sắc tướng, như trong đại tổng trì đã nêu bày rõ và rộng.

Đã nói về Giác bảo (Phật bảo), tiếp theo là nói về Pháp, Tăng.

* *Bản luận viết:*

*Cùng thể tướng thân kia
Biển chân như pháp tánh
Kho công đức vô lượng
Tu hành đúng như thật.*

* *Luận giải thích:* Trong một tụng này lại có hai môn. Thế nào là hai môn? Đó là: (1) Môn thể gồm thân tất cả chúng thân. (2) Môn thông đạt chung về Pháp tạng, Tăng già.

Môn thể gồm thân: Là thân tóm hết tất cả các thân vô thường, lưu chuyển, sinh diệt của vô lượng chúng sinh. Như trong Bản luận nói “Thể tướng của thân kia”.

Môn thông đạt chung: Là do chúng thân như vậy nên thông hiểu chung về các Pháp tạng thâm diệu và tất cả những người tu hành như thật. Như Bản luận nói “Cùng... Biển chân như pháp tánh, Kho công đức vô lượng, Tu hành đúng như thật”. Nói “Vân vân” là gồm chung về ý lễ bái tôn kính. Luận sư đã dựa vào bao nhiêu Pháp – Tăng để lễ bái tôn kính, tướng ấy như thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Quy chung nơi mười bốn
Tăng mười và Pháp bốn*

*Hoặc bao gồm trên dưới
Tăng chúng có nhiều loại.*

* *Luận giải thích:* Bồ-tát Mã Minh quy y chung nơi mười bốn xứ đức, vì Tăng có mười và Pháp có bốn, tất cả đều sai biệt.

Thế nào là mười Tăng? Vì mười địa có sai biệt.

Những gì là bốn Pháp? Vì Giáo – Lý – Hành – Quả đều sai biệt. Pháp nghĩa là Giáo pháp, đó gọi là tùy thuận căn cơ, như biển của tất cả Khế kinh đã tiếp nhận hết thủy chúng sinh. Tánh chân như nghĩa là Lý pháp, nơi thể tánh của tất cả các pháp là bình đẳng. Lìa các thứ hư vọng về giả. Dứt các thứ chấp trước về thật. Biển nghĩa là Quả pháp, đối với quả vị Diệu giác muôn đức viên mãn không có cùng tận, như biển lớn. Kho công đức vô lượng là Hành pháp, vì sáu độ vạn hạnh là quyến thuộc của phẩm tịnh, đều không thể nghĩ bàn, do nghĩa vượt quá số lượng. Như tức là mười loại chân như. Thật tu hành nghĩa là mười loại chánh trí. Chúng đặc lý chân như là ở nơi trí chân thật kiến lập danh xưng Tăng. Lý, trí hợp thông, chủ thể và đối tượng bình đẳng một vị, vì bình đẳng nên không tranh luận.

Vì sao dùng mạng để nêu lên mười phương như vậy? Vì muốn nêu bày chỉ rõ về mạng căn đã gồm thâu là rộng lớn, đầy đủ, không có biên vực. Vì sao lấy thân để nêu lên tướng ấy? Là muốn hiện bày chỉ rõ về bốn tướng đã làm tán loạn tất cả chúng sinh nay thấy đều thâu giữ, muốn khiến đạt được thân kim cương thường trụ bất động.

Do đâu tám Thánh không chỉ quy mạng nơi tự thân mà chính là nhận lấy chung tất cả thân mạng hiện có của vô lượng chúng sinh để quy y nơi Tam bảo? Do nhận biết sáng rõ tất cả chúng sinh đều bình đẳng, bình đẳng, chỉ một chân như không có sai khác. Thân mạng của chúng sinh và thân mạng của mình là cùng một vị một tướng không lìa nhau. Vì vậy tụng nói là Đẳng, chử Đẳng

có nghĩa rất sâu xa. Do đâu gồm thâu nhận lấy vô lượng thân mạng của tất cả chúng sinh quy y nơi Tam bảo, thành tựu tướng lễ bái cung kính (Hòa nam)? Do ba đời hết thấy chư Phật nơi mười phương thấy đều hoan hỷ. Ba đời hết thấy các vị Bồ-tát nơi mười phương thấy đều tán thán. Ba đời hết thấy các Pháp tạng trong mười phương luôn được lưu truyền khắp không hề đoạn dứt.

Bồ-tát Mã Minh chứng đắc địa Bất động, công đức nơi các địa dưới đều đã đầy đủ. Vì sao đối với các vị Tăng ở địa dưới thấy đều lễ bái cung kính? Do người là chủ thể quy kính đều không đồng với quả vị mình đạt được. Nếu tự mình quy y thì chỉ nên nói lễ bái cung kính bậc đã chứng đắc đủ địa Bất động và hai địa trên. Nếu như vậy thì vì sao không nhận lấy các địa trước? Vì không phải không có người quy y nên không nêu riêng, do từ trên xuống dưới đã cùng hiển hiện rõ. Lúc Bồ-tát của địa Pháp vân (Địa thứ mười) là người có thể quy y, thì nên nương dựa vào Tăng bậc nào? Đối nơi địa Diệu giác có Tăng chân thật nên không lỗi lầm. Nếu như vậy thì vì sao không nêu riêng? Vì từ dưới lên trên đã cùng được hiện bày rõ. Thế nên tụng nêu:

*Hoặc bao gồm trên dưới
Tăng chúng có nhiều loại.*

Đã nói về Pháp, Tăng, tiếp theo là nói về ý nghĩa căn bản.

* *Bản luận viết:*

*Vì muốn khiến chúng sinh
Trừ nghi bỏ chấp tà
Khởi chánh tín Đại thừa
Phật chủng không đoạn dứt.*

* *Luận giải thích:* Trong một tụng này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Đó là: (1) Môn đoạn dứt chướng ngại trói buộc. (2) Môn liên tục giải thoát.

Trong môn đoạn dứt có bốn thứ sai biệt. Những gì là bốn? Đó là: (a) Môn tín tâm quyết định, vì khiến cho vô lượng chúng sinh đoạn trừ tâm nghi hoặc, phát khởi tâm tin kiên cố, quyết định hướng về chánh đạo Đại thừa thâm diệu. (b) Môn xa lìa tâm chán bỏ, vì khiến cho hết thảy chúng sinh... xa lìa tâm chán bỏ, tăng trưởng ý niệm được an vui, tinh tấn đối với chánh đạo Đại thừa thâm diệu. (c) Môn đối trị luận tà, vì khiến đối trị chín mươi sáu loại ngoại đạo lớn, cùng với chín vạn ba ngàn ngoại đạo quyền thuộc, bốn loại đại ma cùng ba vạn hai ngàn chúng ma quyền thuộc, đoạn trừ một ức bốn vạn sáu ngàn loại luận thuyết thế gian, hướng nhập nơi chánh đạo Đại thừa thâm diệu. (d) Môn trừ bỏ chấp trước, vì khiến cho tất cả hàng phàm phu, các hạng Nhị thừa cùng tất cả Bồ-tát, đoạn trừ năm thứ nhân kiến, chứng đắc năm loại đối trị, đoạn trừ hai thứ pháp chấp, chứng đắc hai loại đối trị, hồi hướng về chánh đạo Đại thừa thâm diệu. Như trong Bản luận nói: “Vì muốn khiến chúng sinh, Đoạn nghi bỏ chấp tà, Khởi chánh tín Đại thừa”.

Trong môn liên tục có ba loại sai biệt. Những gì là ba? Đó là: (a) Môn không đoạn dứt Đại giác, vì khiến tập thành nhân của vạn hạnh, trang nghiêm quả của bậc Đại giác, ngôi vi Pháp vương vô thượng không đoạn dứt. (b) Môn không đoạn mất Pháp tạng, vì khiến xuất hiện tiếng vang của Phạm âm vi diệu thù thắng, tuyên nêu biển cả của hết thảy Khế kinh, nên tám vạn bốn ngàn Pháp tạng không bị đoạn dứt. (c) Môn không đoạn mất Tăng già, vì khiến các hàng trước địa và trên địa tu tập đại đạo kiến lập cung điện của pháp giới chân như, hai Tăng chánh, hậu an trụ không bị đoạn mất. Như trong Bản luận nói: “Phật chủng không đoạn dứt”.

Tụng về chúng sinh nói đến phần hạn là thế nào? Là nhằm đối trị, đoạn trừ những gì? Kiến lập Tam bảo không đoạn dứt chăng?

* *Tụng nêu:*

*Gồm chung người ba tụ
 Vì chưa được viên mãn
 Đối trị bốn thứ đoạn
 Tạo lập ba không dứt.*

* *Luận giải thích:* Bồ-tát Mã Minh duyên chung với ba tụ để làm cảnh giới. Vì sao? Vì chưa chứng đắc quả viên mãn. Nhưng môn ba tụ có ba loại. Những gì là ba loại? Đó là: (1) Trước hàng thập Tín gọi là tụ tà định, vì không thể tin nơi nghiệp, quả báo. Ba Hiền và mười Thánh gọi là tụ chánh định, vì quyết định an lập phần vị không thoái chuyển. Mười loại tâm tín gọi là tụ bất định, vì hoặc tiến lên, hoặc thoái mất chưa quyết định. (2) Trước hàng thập tín và mười tâm tín gọi là tụ tà định, vì đều không có căn thiện. Quả vị Đại giác vô thượng gọi là tụ chánh định, vì đã hoàn toàn đầy đủ. Ba Hiền và mười Thánh gọi là tụ bất định, vì đều chưa đến quả cứu cánh. (3) Trước hàng thập Tín gọi là tụ tà định, vì không có tâm vui cầu. Mười Thánh gọi là tụ chánh định, vì đã chứng đắc chân thật. Thập Tín và ba Hiền gọi là tụ bất định, vì chưa thể chính thức chứng đạt.

Đây gọi là ba loại. Bồ-tát Mã Minh cần đến môn thứ nhất kia, vì muốn đối trị bốn thứ đoạn dứt, kiến lập nghĩa của Tam bảo không đoạn dứt. Những gì là bốn thứ? Đó là: (1) Nghi hoặc đoạn: Vì tâm do dự không thể quyết định được, nên đã đoạn mất chủng tử Tam bảo. (2) Yếm xả đoạn: Vì tâm tham ái hữu nên không thể vui thích pháp, nên đã đoạn mất chủng tử Tam bảo. (3) Tà kiến đoạn: Vì tâm vọng tưởng nên không thể có chánh kiến, vì thế đoạn mất chủng tử Tam bảo. (4) Định chấp đoạn: Vì tâm chấp thật có nên không thể lìa bỏ chấp trước, do vậy đoạn mất chủng tử Tam bảo.

Đây gọi là bốn thứ đoạn dứt. Đã nói về ý nghĩa căn bản của Luận, tiếp theo là mở bày phần Thể tổng quát.

* *Bản luận viết*: Có pháp có thể khởi tín căn của Đại thừa, vì vậy phải nên nói rõ.

* *Luận giải thích*: Trong văn này có hai môn. Những gì là hai môn? Đó là: (1) Môn chủ thể nhập. (2) Môn đối tượng nhập. Môn chủ thể nhập: Là đối với lý của đối tượng được nêu giảng luôn khéo hướng vào. Môn đối tượng nhập: Là khéo vì pháp kia tạo nơi chốn nương dựa. *Có pháp* là nêu tổng quát về mười sáu pháp của môn chủ thể nhập. *Có thể khởi tín căn* là nêu chung về tướng tác nghiệp của môn pháp. *Ma-ha-diễn* là nêu chung về Thể của mười sáu pháp nơi đối tượng nhập cùng với Thể của Ma-ha-diễn là bất nhị. Tín quyết định để tâm tiến lên, căn sinh trưởng để thực hành pháp. Nếu để hội nhập nơi lý thì không ra ngoài hai thứ ấy, nên gọi là Tín căn.

Lại nữa, tín tức là thập tín, căn nghĩa là từ Trụ Mới phát tâm cho đến Địa Pháp Vân. Vì sao? Vì tín ban đầu không có căn thì tiến thoái tùy theo duyên, ví như hoa Ban-đa-già-y-ma. Tín về sau chuyển dần đến bất động kiên cố hơn hẳn, ví như cây Kiện-cru-a-di-lễ. Tín căn có bao nhiêu nghĩa, các tướng ấy như thế nào?

* *Tụng nêu*:

*Đều có mười thứ nghĩa
Là tròng tịnh, hạ chuyển...*

* *Luận giải thích*: Tín có mười thứ nghĩa. Thế nào là mười thứ? Đó là: (1) Nghĩa lắng sạch: Là có khả năng khiến cho tâm tánh thanh tịnh sáng rõ. (2) Nghĩa quyết định: Là có khả năng khiến cho tâm tánh thuần nhất kiên cố. (3) Nghĩa hoan hỷ: Là có thể khiến đoạn trừ các loại ưu não. (4) Nghĩa không chán bỏ: Là có thể khiến đoạn trừ tâm lười biếng. (5) Nghĩa tùy hỷ: Là đối với các hành tác thù thắng của người khác luôn phát khởi đồng tâm. (6) Nghĩa tôn trọng: Là đối với những người có đức không hề sinh tâm niệm khinh thường. (7) Nghĩa tùy thuận: Là thuận theo những

gì thấy nghe, không hề trái ngược. (8) Nghĩa tán thán: Là thuận theo những thắng hành kia, luôn chí tâm xưng tán. (9) Nghĩa bất hoại: Là chuyên ở nhất tâm không vọng tưởng lầm lỗi. (10) Nghĩa ái lạc: Là có thể khiến thành tựu tâm từ bi. Đây gọi là mười thứ nghĩa của Tín.

Căn có mười thứ nghĩa. Thế nào là mười thứ? Đó là: (1) Nghĩa hạ chuyển: Là có khả năng trừ bỏ kiêu mạn. (2) Nghĩa ẩn mật: Là có khả năng giảng giải lý thâm diệu. (3) Nghĩa xuất sinh: Là khiến sinh trưởng vô số những công đức. (4) Nghĩa kiên cố: Là thủy đều thâm giữ, không khiến thiếu mất. (5) Nghĩa tương tục: Là chuyên biến cùng lớn thêm, không có đoạn dứt. (6) Nghĩa xuất ly: Là nơi từng địa từng địa chuyển thắng và dần dần xa lìa. (7) Nghĩa tập thành: Là tu tập vô số các pháp trong đạo phẩm. (8) Nghĩa mậu vinh: Là dùng các hành đức để trang nghiêm rất đáng yêu thích. (9) Nghĩa cụ túc: Là trong quả vị Đẳng giác nhân hành đều viên mãn. (10) Nghĩa cao thắng: Là ở nơi quả vị Diệu giác là tối thắng và rộng lớn không gì có thể vượt qua. Đây gọi là mười thứ nghĩa của Căn.

Chủ thể nhập và đối tượng nhập có nhiều thứ sai biệt, trong phần lập nghĩa tự sẽ làm rõ.

Đã nói về Thể tổng quát, tiếp theo là nêu bày về sự kiến lập.

* *Bản luận viết*: Nói rõ có năm phần. Những gì là năm phần? Một là phần Nhân duyên. Hai là phần Lập nghĩa. Ba là phần Giải thích. Bốn là phần Tín tâm tu hành. Năm là phần Lợi ích khuyến tu.

* *Luận giải thích*: Vì sao theo thứ lớp như thế? Vì giáo pháp xuất hiện là theo pháp như vậy. Nghĩa này là thế nào? Là muốn hiển bày chỉ rõ về thuốc hay, vị tốt chính là do đối tượng được đối trị là bệnh tật chướng ngại mà xuất hiện. Giáo pháp của chủ thể hóa độ nhất định là do đối tượng được đối trị theo căn cơ mà phát

khởi. Trước bệnh không có thuốc, tức trước căn cơ không có giáo pháp. Do đó, đầu tiên lập phần Nhân duyên, vì muốn chỉ rõ ngọc báu Như ý tuy chỉ là một, nhưng là căn bản của tất cả các thứ báu. Pháp Ma-ha-diễn tuy chỉ là một, nhưng là thể tánh của Hằng sa pháp môn, uy thế mạnh mẽ như Đại Long mới là đối tượng thọ dụng. Người trí lợi căn mới là đối tượng lãnh hội.

Thứ hai là lập phần Lập nghĩa: Vì muốn hiển bày chỉ rõ tạng báu Ma-ni tuy gồm đủ vô lượng muôn thứ châu báu, nhưng mở ra hàng ngàn lớp cửa thì chúng rỗng mới là đối tượng nhận biết rõ. Pháp căn bản của Đại thừa tuy gồm đủ vô biên ngàn nghĩa nhưng giải thích riêng giảng nói rộng thì hàng độn căn mới là đối tượng cần phân minh.

Thứ ba là lập phần Giải thích: Vì muốn hiện bày làm rõ tuy trong tai mắt thấy nghe về diệu thuật của trận mưa báu, trong tâm tư hiểu biết rõ về đức tròn đủ vô tận mà còn xuất hiện tướng lưỡi uy nghiêm, nhập môn không tranh nhau mà khai thông cả xưa nay, không tiếp cận hay cách xa Đàn việt. Đạt được Tạng báu Như ý không do đi lên cung điện đài cao. Tuy trong miệng lưỡi trì tụng từ ngữ tôn kính của giáo nghĩa mà nơi tâm tư quán xét rộng lược về lý sâu xa. Nên siêng năng gia hạnh thêm nơi thắng tấn mới đối với kim cương không khởi tin tưởng kiên cố. Đạt được Tạng báu pháp giới nhưng không do khế hợp với lý huyền diệu.

Thứ tư là lập phần Tín tâm tu hành: Tuy mở ra pháp có rộng lược, chỉ rõ về cửa ngõ tiến nhập, nhưng hàng chúng sinh khiếp nhược, nghe những pháp môn nêu giảng rộng, tức không thể tăng tiến tu hành. Hàng chúng sinh độn căn nghe các pháp môn nói tóm lược, thì không thể hiểu rõ nên sinh tâm chán lia. Những loại chúng sinh như vậy, nếu gặp được duyên khuyến khích chỉ dẫn, tức dần dần tiến tu, đầy đủ nhân của trăm hành đạt đến quả của vạn đức. Nếu không gặp được duyên khuyến khích thúc đẩy thì càng

ngày càng thoái chuyển xa hơn, đem Hằng sa phiền não vào nơi vô tánh. Bồ-tát Mã Minh nhìn thấy lợi ích này, nên hiện bày chỉ rõ lợi ích để khuyến khích chỉ dẫn tu hành. Do đó, sau cuối là lập phần Lợi ích khuyến tu.

Do nhân duyên gì mà không tăng không giảm chỉ lập ra năm phần như vậy?

* *Tụng nêu:*

*Thâu nơi Đại Tổng Địa
Gồm năm mươi pháp môn
Vì vậy không tăng giảm
Chỉ kiến lập năm phần.*

* *Luận giải thích:* Nơi mười vạn tụng trong Luận Đại Tổng Địa do Bồ-tát Mã Minh soạn thuật đã lập chung năm mươi môn, phán định, giải thích về các thứ giáo lý. Nay trong Luận này, lập năm phần pháp môn, mỗi pháp môn đều gồm thâu mười môn kia, vì vậy không tăng không giảm, chỉ lập năm phần.

Đó gọi là Luận kia đã kiến lập. Mười môn như đối tượng giáo hóa viên mãn v.v... là thuộc về phần Nhân duyên. Mười môn như một trăm sáu mươi thứ Ma-ha-diễn v.v... là thuộc về phần Lập nghĩa. Mười môn như an lập, tùy thuận quyết trạch v.v... là thuộc về phần Giải thích. Mười môn như tu tập, quyết định, hương nhập v.v... là thuộc về phần Tu hành. Mười môn như khuyến tỉnh, chê trách, dẫn dắt v.v... là thuộc về phần Khuyến tu.

Đã nói về môn kiến lập, tiếp theo nói về môn nêu chương và phán thuyết.

* *Bản luận viết:* Đầu tiên là nói về phần Nhân duyên.

Hỏi: Có nhân duyên gì khiến tạo ra Luận này?

Đáp: Về nhân duyên này tức có tám loại. Những gì là tám? Đó là: (1) Nhân duyên tổng tướng. Nghĩa là nhằm khiến cho chúng

sinh xa lìa tất cả khổ, đạt được an vui rốt ráo, không phải là cầu danh lợi và sự cung kính của thế gian. (2) Vì muốn giải thích về nghĩa lý căn bản của Như Lai, khiến các chúng sinh hiểu biết đúng đắn không sai lầm. (3) Vì khiến chúng sinh thành tựu căn thiện, đối với giáo pháp Đại thừa có thể đảm nhận được tín tâm không thoái chuyển. (4) Vì khiến cho những chúng sinh có căn thiện nhỏ yếu tu tập phát khởi tín tâm. (5) Vì nhằm chỉ rõ phương tiện để tiêu trừ nghiệp chướng xấu ác, khéo bảo vệ tâm ấy xa lìa ngu si kiêu mạn, ra khỏi các thứ lưới tà. (6) Vì nêu ra phương pháp tu tập chỉ quán, nhằm đối trị tâm sai lầm của hàng phàm phu, Nhị thừa. (7) Vì nêu rõ phương tiện chuyên niệm sinh ở trước Phật, tất định không thoái chuyển tín tâm. (8) Vì bày tỏ lợi ích để khuyến khích tu hành. Có những nhân duyên như vậy, nên tạo ra Luận này.

* *Luận giải thích*: Trong tám nhân duyên ấy, thì một nhân duyên đầu làm nhân duyên chính cho phần Lập nghĩa. Hai nhân duyên tiếp theo làm nhân duyên chính cho phần Giải thích. Bốn nhân duyên tiếp nữa tức làm nhân duyên chính cho phần Tín tâm tu hành. Một nhân duyên sau cùng thì làm nhân duyên chính cho phần Lợi ích khuyến tu. Trong một nhân duyên đầu tức có bốn môn. Nơi bảy nhân duyên sau mỗi nhân duyên đều có đủ ba môn.

Những gì là bốn môn? Đó là: (1) Môn giáo pháp của chủ thể hóa độ xuất hiện hưng khởi. (2) Môn chúng sinh của đối tượng hóa độ có phần hạn. (3) Môn xuất hiện hưng khởi tác nghiệp thiện xảo. (4) Môn trừ bỏ tranh luận, phi báng.

Những gì là ba môn? Đó là ba môn ở trước. Nay sẽ nêu ra tướng, theo thứ lớp giải thích riêng. Nhân duyên tổng tướng là nêu tổng quát môn giáo pháp của chủ thể hóa độ xuất hiện hưng khởi. Nghĩa là vì làm nhân duyên chính cho Thể chung của tám loại căn bản, nên nói là Nhân duyên tổng. Vì làm nhân duyên chính cho hai mươi bốn thứ phần tướng ly biệt, nên nói là Nhân duyên

tướng. Đối với ba mươi hai thứ pháp tướng tổng biệt này, trong phần Lập nghĩa tự chúng sẽ nói rõ. “*Nhằm khiến cho chúng sinh*” là nêu tổng quát về môn chúng sinh của đối tượng được hóa độ có phần hạn. Nghĩa là gồm thâu mười ức tám vạn sáu ngàn loại chúng sinh thuộc tụ tà định, ba mươi loại chúng sinh thuộc tụ bất định, một trăm hai mươi loại chúng sinh thuộc tụ chánh định. “*Xa lìa tất cả khổ, đạt được an vui rốt ráo*” là nêu tổng quát về môn xuất hiện hưng khởi tác nghiệp thiện xảo. Nghĩa là duyên nơi ba tụ để làm cảnh giới, tuyên thuyết mở bày chỉ rõ về pháp yếu vi diệu, nhằm khiến cho hết thảy vô lượng chúng sinh xa lìa các khổ của sinh diệt, vô thường, đạt được an lạc của tổng tướng căn bản. “*Không phải là cầu danh lợi và sự cung kính của thế gian*”, là nêu tổng quát về môn trừ bỏ tranh luận, phỉ báng. Nghĩa là chúng sinh ngu tối dấy khởi nghi ngờ như vậy: Bồ-tát Mã Minh ở nơi vị là địa Bất động, chưa đến địa Pháp vân, mà duyên với các vị Bồ-tát ở địa trên để làm cảnh giới của đối tượng được hóa độ ấy, tức chỉ hiển bày sự thù thắng của chính mình, là cầu mong danh lợi... Chỉ có những lời nói hư giả không có nghĩa thật. Há có Bồ-tát ở địa dưới tức nên giáo hóa được Bồ-tát ở địa trên sao? Do đó, Bồ-tát Mã Minh vì nhằm trừ dứt những nghi vấn không tin như thế, nên tự thông tỏ mà nói: Tôi từ kiếp lâu xa đã thành tựu quả vị Chánh giác rồi, nhưng để hỗ trợ sự nghiệp giáo hóa tạo lợi ích cho quần sinh, vì làm viên mãn bản nguyện nên theo phương tiện thị hiện ở phần vị đang tu tập, không phải cho là vì mong cầu danh lợi v.v... mà nêu bày như vậy. Đã nói về Nhân duyên thứ nhất.

Nói Nhân duyên thứ hai là giải thích về nghĩa lý căn bản của Như Lai, tức nêu chung về môn giáo pháp của chủ thể hóa độ đã xuất hiện hưng khởi. Nghĩa là nhân duyên này có thể làm nhân duyên chính để hiển thị chánh nghĩa đối trị tà chấp, nên nói là nghĩa lý căn bản của Như Lai. Vì sao? Vì hết thảy chư Như Lai nơi ba đời trong mười phương, không có một vị Phật nào là không

thuận theo một tâm căn bản làm thành hai môn với bảy thứ đối trị để thành tựu Chánh giác. “*Khiến các chúng sinh*” là nêu chung về môn chúng sinh của đối tượng được hóa độ có phần hạn. Nghĩa là gồm sáu mươi ức tám vạn sáu ngàn loại chúng sinh thuộc tự tà định. “*Hiểu biết đúng đắn không sai lầm*” là nêu chung về môn xuất hiện hưng khởi tác nghiệp thiện xảo. Nghĩa là duyên theo chúng sinh cuồng loạn thuộc tự tà định để làm cảnh giới, tuyên thuyết, mở bày, chỉ rõ về pháp thâm diệu của chánh nghĩa để đối trị tà chấp, điều chỉnh vô số thứ hiểu biết sai lạc, phá bỏ hằng sa thứ kiến giải trái ngược, đoạn trừ chướng ngại bất tín của hạng Xiển-đề, đều khiến hướng nhập nơi đạo lớn của thập tín. Đã nói về Nhân duyên thứ hai.

Nhân duyên thứ ba là làm nhân duyên chính cho sự phân biệt phát khởi hướng về tướng của đạo. Đây gọi là môn giáo pháp của chủ thể hóa độ xuất hiện hưng khởi. Nghĩa là ba loại phát tâm. “*Chúng sinh thành tựu căn thiện*” là nêu chung về môn chúng sinh của đối tượng được hóa độ có phần hạn. Nghĩa là gồm sáu mươi các chúng sinh thuộc phẩm thượng nơi thập tín – ba phẩm nơi thập giải – ba phẩm nơi thập hạnh – ba phẩm nơi thập hướng và ba phẩm nơi thập địa. “*Đối với giáo pháp Đại thừa, có thể đảm nhận được, tín tâm không thoái chuyển*” là nêu chung về môn xuất hiện hưng khởi tác nghiệp thiện xảo. Nghĩa là duyên với chúng sinh của hai tự để làm cảnh giới, tuyên thuyết, mở bày, chỉ rõ về ba loại phát tâm, khiến vượt quá tự phần đạt được phần thắng tấn. Đã nói về Nhân duyên thứ ba.

Nhân duyên thứ tư là làm nhân duyên chính cho phần Tín tâm tu hành, gồm có bốn loại tín tâm và bốn loại tu hành. Đây gọi là môn giáo pháp của chủ thể hóa độ đã xuất hiện hưng khởi. “*Chúng sinh có căn thiện nhỏ, yếu*” là nêu chung về môn chúng sinh của đối tượng được hóa độ có phần hạn. Nghĩa là gồm sáu mươi

được chúng sinh phẩm trung nơi năm tâm trước của vị thập tín. Vì đã đạt được năm tâm trước, tức không phải hoàn toàn không có căn thiện, nên nói là căn thiện nhỏ, yếu. Vì chưa được năm tâm sau nên không thể gồm đủ, tức không gọi là thành tựu. “*Tu tập phát khởi tín tâm*” là nêu chung về môn xuất hiện hưng khởi tác nghiệp thiện xảo. Nghĩa là có thể khiến thành tựu năm tín tâm sau. Đã nói về Nhân duyên thứ tư.

Nhân duyên thứ năm là môn sau cùng của phần Tín tâm tu hành tăng tiến. Lại nữa, nếu người tuy tín tâm tu hành, cho đến có thể tránh khỏi các chướng ngại, căn thiện tăng trưởng nên làm nhân duyên chính, đây gọi là môn giáo pháp của chủ thể hóa độ đã xuất hiện hưng khởi. Chúng sinh trong đây đã gồm thấu được tâm đầu tiên của vị thập tín là chúng sinh phẩm hạ. Đây gọi là môn chúng sinh của đối tượng được hóa độ có phần hạn. “*Tiêu trừ nghiệp chướng xấu ác...*” là nêu chung về môn xuất hiện hưng khởi tác nghiệp thiện xảo. Nghĩa là nêu ra các phương tiện như lễ bái, sám hối v.v... để tiêu trừ vô số biển nghiệp chướng. Đã nói về Nhân duyên thứ năm.

Nhân duyên thứ sáu là nói về phương pháp tu tập chỉ và quán, tức nêu chung về môn giáo pháp của chủ thể hóa độ đã xuất hiện hưng khởi. Nghĩa là làm nhân duyên chính cho môn tu hành chỉ và quán của phần Tín tâm tu hành. “*Hàng phàm phu, Nhị thừa*” là nêu chung về môn chúng sinh của đối tượng được hóa độ có phần hạn. Nghĩa là gồm thấu được chúng sinh phẩm hạ có hai tâm của vị thập tín. Tụ tà định gồm thấu hết thấy hàng Nhị thừa. “*Đối trị tâm sai lầm*” là nêu chung về môn xuất hiện hưng khởi tác nghiệp thiện xảo. Nghĩa là dùng hai luân thông hợp để đối trị những lỗi lầm do kiến chấp của hàng phàm phu, Nhị thừa. Đã nói về Nhân duyên thứ sáu.

Nhân duyên thứ bảy là nhân duyên sau cùng của phần Tín tâm tu hành. Lại nữa, chúng sinh mới học pháp này cho đến cứu cánh tức được sinh và trụ nơi tụ chánh định, nên làm nhân duyên chính. Đây gọi là môn giáo pháp của chủ thể hóa độ đã xuất hiện hưng khởi. Chúng sinh trong đây đã gồm thâu được bốn tâm trước của vị thập tín, lại không thể đạt phần thắng tấn, nên là chúng sinh phẩm hạ. Nghĩa là trụ ở thế giới này, thành tựu tín tâm là hết sức sợ hãi. Đây gọi là môn chúng sinh của đối tượng được hóa độ có phần hạn. “*Tất định không thoái chuyển tín tâm*” là nêu chung về môn xuất hiện hưng khởi tác nghiệp thiện xảo. Nghĩa là dùng diệu lực của duyên thù thắng để an lập tụ chánh định. Đã nói về Nhân duyên thứ bảy.

Nhân duyên thứ tám là làm nhân duyên chính cho phần bày tỏ lợi ích để khuyến khích tu hành. Đây gọi là môn giáo pháp của chủ thể hóa độ đã xuất hiện hưng khởi. Chúng sinh trong đây đã gồm thâu mười ức tám vạn sáu ngàn loại các chúng sinh thuộc tụ tà định. Đó gọi là môn chúng sinh của đối tượng được hóa độ có phần hạn. “*Vì bày tỏ lợi ích để khuyến khích tu hành*” là nêu chung về môn xuất hiện hưng khởi tác nghiệp thiện xảo. Nghĩa là vì nhằm giảng nói về những công đức làm tăng trưởng sự vui thích mong muốn nên chỉ rõ những lỗi lầm tai họa khiến giác ngộ để lìa bỏ. Đã nói về Nhân duyên thứ tám.

Tất cả các giáo pháp đều gồm hết nơi phần Lập nghĩa. Tất cả các căn cơ của đối tượng được hóa độ đều gồm hết nơi phần Nhân duyên thứ nhất, vì sao phân ra ba phần để giải thích riêng, lập ra bảy nhân duyên để giải thích rộng như vậy? Vì muốn hiển bày chỉ rõ về lợi – độn, rộng – lược, tổng – biệt vốn chẳng đồng. Do đâu người của hàng Nhị thừa đã nhận lấy lần nữa về bốn xứ? Do muốn hiển thị chúng sinh thuộc hàng Nhị thừa là thấp kém nhỏ hẹp, phát tâm Bồ-đề hướng về đạo vô thượng là vô cùng khó khăn, không

thể vượt quá các loại chúng sinh khác. Vì sao chúng sinh thuộc tu tà định còn lại chỉ nhận lấy nơi ba xứ? Vì muốn làm rõ các chúng sinh còn lại có những lỗi lầm nhưng nhẹ hơn so với hàng Nhị thừa. Do đâu người thuộc tu bất định thì nhận lấy riêng nơi ba phẩm? Do muốn chỉ rõ chúng sinh thuộc tu bất định, căn tánh ám độn, kém mỏng, phát tâm quyết định hướng về đạo vô thượng, là vô cùng khó, không thể vượt qua so với chúng sinh thuộc tu chánh định. Vì sao người thuộc tu chánh định không phân biệt ba phẩm mà gồm thâu chung hết thấy? Vì muốn hiển bày chỉ rõ chúng sinh thuộc tu chánh định có những lỗi lầm nhưng nhẹ hơn so với chúng sinh thuộc tu bất định.

Có nhân duyên gì không tăng không giảm nên chỉ lập thành tám loại nhân duyên? Vì sao theo thứ lớp như vậy?

* *Tụng nêu:*

*Thâu chung Đại Tổng Địa
Có tám mươi nhân duyên
Pháp tu hành chuyển thắng
Theo thứ lớp như thế.*

* *Luận giải thích:* Trong mười vạn tụng nơi Luận Đại Tổng Địa do Bồ-tát Mã Minh soạn thuật, đã lập chung tám mươi nhân duyên để làm duyên do của Luận. Nay trong Luận này có tám loại nhân duyên, mỗi loại đều gồm thâu mười thứ nhân duyên của Luận kia, nên không tăng không giảm, chỉ lập tám loại. Do nghĩa ấy nên nói là *Như vậy v.v...* Chữ *v.v...* là gồm thâu chung tám mươi thứ nhân duyên kia.

Thứ lớp của nhân duyên nơi hành pháp là theo pháp như vậy. Nghĩa là loại trừ chướng ngại bất tín của hạng Xiển-đề thì được tâm của hàng thập tín. Loại trừ chướng ngại chấp ngã thì được tâm của hàng thập trụ. Loại trừ chướng ngại sợ khổ thì được tâm của hàng thập hạnh. Loại trừ chướng ngại lìa bỏ thì được tâm của

hàng thập hồi hương. Đoạn dứt mùi thứ chướng ngại như tánh của hàng phạm phu v.v... thì chúng được mùi thứ địa như địa Hoan Hỷ v.v...

Đã nói về tám nhân duyên. Tiếp theo là nói về bốn loại căn.

* *Bản luận viết: Hỏi:* Trong Khế kinh có đủ những pháp này, đâu cần phải nêu bày lần nữa? *Đáp:* Trong Khế kinh tuy có những pháp ấy, nhưng vì căn hành của chúng sinh không giống nhau, duyên thọ nhận lý giải đều riêng khác. Nghĩa là lúc Đức Như Lai còn tại thế, các chúng sinh thuộc hàng lợi căn, tức có thể vì họ thuyết giảng về người có sắc tâm hành nghiệp thù thắng. Viên âm đồng nhất diễn nêu thì dị loại cùng lãnh hội, vì vậy không cần đến Luận. Sau khi Đức Như Lai diệt độ, hoặc có chúng sinh có thể dùng tự lực nghe rộng mà nhận hiểu. Hoặc có chúng sinh cũng dùng tự lực nghe ít mà hiểu nhiều. Hoặc có chúng sinh không đủ tâm lực, nhưng nhờ vào luận rộng mà có thể hiểu biết. Tự có chúng sinh lại cho luận rộng vẫn nhiều là phiền phức, tâm ưa thích tổng trì, ít văn mà gồm thấu nhiều nghĩa, có thể nhận hiểu. Như vậy Luận này là muốn thấu tóm chung về vô biên nghĩa nơi pháp thâm diệu rộng lớn của Đức Như Lai, nên nói Luận này.

* *Luận giải thích:* Trong văn ở đây có hai môn. Những gì là hai môn? Đó là: (1) Môn nêu vấn nạn không khác với những điều đã nói. (2) Môn nêu rõ thời gian, phần vị để giải quyết nghi vấn.

Hỏi: Trong Khế kinh có đủ những pháp này, đâu cần phải nêu bày lần nữa? Tức là môn nêu vấn nạn. Nghĩa là trong một trăm Khế kinh như Quang Minh Đại Giác v.v... đã mở bày chỉ rõ về tất cả vô lượng Pháp tạng, tùy theo lượng căn cơ để thấu nhận lợi ích không có thiếu sót. Kẻ sĩ bậc trung đâu cần phải nhọc tạo ra Luận này, truyền bá lần nữa về pháp kia, lại không tăng thêm sức để hiển bày. Nay soạn thuật Luận này nêu giảng lại pháp kia, từng không có các sự việc như cầu được xưng tán chẳng? Tin tưởng tôn

kính rốt cùng là không đạt được hết diệu lý ấy. Đấy gọi là môn nêu vấn nạn không khác với những điều đã nói.

Đáp: “Trong Khế kinh tuy có những pháp ấy, nhưng vì căn hành của chúng sinh không giống nhau, duyên thọ nhận lý giải đều riêng khác”, là nêu chung về môn giải quyết nghi vấn. Đó gọi là Bồ-tát Mã Minh đã tự thông hiểu mà nói. Hết thấy giáo lý của chư Phật nơi ba đời tự nhiên thường trụ trong một vị bình đẳng, không có dời chuyển, không có khởi diệt, vì vậy tuy chỗ bày tỏ có sai biệt, văn nghĩa chẳng đồng, nhưng giáo pháp ấy chỉ là một vị, chỉ là bình đẳng, hoặc không phân chia, hoặc không riêng khác. Nhưng căn tánh của chúng sinh có dị biệt, lợi độn không như nhau. Tâm hành khác nhau, tức rộng lược chẳng giống. Căn cơ của đối tượng được hóa độ đã khác, thì người của chủ thể hóa độ không thể tự đồng, khiến thọ nhận tên gọi của giáo pháp đều khác, khiến lãnh hội nhân duyên của văn nghĩa đều riêng. Nghĩa là hoặc có chúng sinh dựa vào Già-đà-tu-lê-tỳ-la của Phật mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sinh dựa vào Già-đà-thi-tu-lê-tỳ-la của Bồ-tát mới được hiểu rõ. Do đó, vì hạng người này nên cần phải tạo luận.

Lại nữa, lúc Đức Như Lai còn ở thế gian, thì đối tượng được hóa độ là thanh tịnh, chủ thể hóa độ là viên mãn, với tám vạn bốn ngàn loại sắc, bốn loại tâm biến trí, mười loại tác nghiệp, mười loại thù thắng, sáu mươi tám Phạm âm trọn vẹn và tám mươi tám diệu âm, diễn giảng nơi một thời không có trước sau, vô lượng vô biên các chủng loại sai khác thấy đều lãnh hội. Hoặc có chúng sinh nhìn thấy sắc tướng vi diệu của Phật mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sinh tư duy về tâm niệm của Phật mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sinh quán xét mười nghiệp, mười sự thù thắng của Như Lai mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sinh lắng nghe Phạm âm, diệu âm viên mãn của Phật mà được hiểu rõ. Như vậy, bình đẳng sáng rõ thông đạt thì không cần đến Luận. Sau khi Đức Phật diệt độ, thì

đối tượng được hóa độ tức tạp loạn, chủ thể hóa độ tức thiếu sót, cơ duyên của Kinh Luận khác, căn tánh rộng lược riêng. Căn nghĩa là bốn thứ căn, cơ duyên tức là cơ duyên của ba thừa. Những gì là bốn thứ căn? Đó là: (1) Căn tự lực mở rộng. (2) Căn tự lực tóm lược. (3) Căn không có sức phải dựa vào kẻ khác để mở rộng. (4) Căn không có sức phải dựa vào kẻ khác để tóm lược. Trong bốn thứ căn tánh như vậy, hai thứ đầu là chúng Tu-đa-la (Khế kinh). Hai thứ sau là chúng Ưu-bà-đề-da (Luận nghi).

Vì sao trong môn Nhân duyên thì đối tượng được hóa độ viên mãn, còn trong môn Căn tánh thì đối tượng được hóa độ lại nhỏ thiếu? Vì muốn hiển bày chỉ rõ ý lạc của Tăng đoàn là thanh tịnh không có giới hạn. Vì muốn làm rõ các loại chúng sinh thọ giáo, thực hành có phần hạn. Do nhân duyên gì mà xuất hiện hưng khởi hai lớp giáo pháp rộng lược? Tương ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Vì bản nguyện hệ thuộc
Xuất hưng pháp môn này
Khế kinh Lăng Già Vương
Giảng giải hiện bày rõ.*

* *Luận giải thích:* Do hệ thuộc nơi lực của nhân duyên, nên xuất hiện hưng khởi hai lớp pháp môn rất sâu xa. Vì sao? Vì ở trong Khế kinh đã thuyết giảng hiển bày phân minh. Đó là trong Khế kinh Lăng Già Vương đã giảng nói như vậy: Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Ta nhớ về vô lượng biển kiếp nơi quá khứ, hơn năm trăm đời làm Tiên nhân nhẫn nhục, ở chốn núi rừng chuyên tâm tu hành vô số các thứ pháp thanh tịnh như hạnh thiếu dục, tri túc, cùng bốn Thánh chủng. Lúc ấy, có một con rắn lớn từ trên đỉnh núi bò xuống, đến gần chỗ Ta, nghe được những điều Ta đọc tụng, tức thì gieo mình lễ bái sám hối. Xong rồi, dùng đầu xoáy vào đất, cung kính làm văn, nói kệ:

*Con đời quá khứ
 Tiên nhân nhân nhục
 Trụ tại núi này
 Sáu thời hành đạo.
 Nhất thời sân giận
 Sức của nhân duyên
 Nay làm thân rắn
 Thường chịu khổ lớn.
 Nếu sau mạng chung
 Được làm thân người
 Con là đệ tử
 Theo Ngài tu hành.
 Lời Ngài đọc tụng
 Con luôn tụng đọc
 Vì vậy con nay
 Khởi đại hổ thẹn.*

Nói kệ này xong lập tức mạng chung, về sau được làm thân người tức là đệ tử của Ta. Bây giờ, lời phát nguyện là cùng hỗ tương hệ thuộc. Nghĩa là Ta phát nguyện như vậy: Tôi nếu chứng đắc đạo quả vô thượng sẽ tuyên thuyết chín mươi Lạc-xoa nêu bày mở rộng về Khế kinh, tạo lợi ích cho chúng sinh có ý lạc rộng lớn. Tuyên thuyết mười Lạc-xoa, nêu bày tóm lược về Khế kinh, tạo lợi ích cho chúng sinh có ý lạc tổng trì. Tức đệ tử của Ta phát nguyện như vậy: Sau khi Thầy diệt độ, con sẽ tạo tác chín mươi bộ nêu giảng rộng về Ưu-bà-tát-đề-da, đem lại lợi ích cho chúng sinh có ý lạc rộng lớn. Tạo tác mười bộ, nêu giảng tóm lược về Ưu-bà-tát-đề-da, đem lại lợi ích cho chúng sinh có ý lạc tổng trì. Vì nhân duyên này, nên nay Ta tuyên thuyết các biển Khế kinh. Do nhân duyên này, nên sau khi Ta diệt độ, đệ tử của Ta hiện tạo tác luận bàn về giáo pháp.

Đã nói về phần Nhân duyên. Tiếp theo là nói về phần Lập nghĩa. Danh tự của pháp môn trong phần Lập nghĩa, số ấy có bao nhiêu và tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Có ba mươi ba loại
Mười sáu pháp sở nhập
Mười sáu môn năng nhập
Cùng không hai riêng khác.*

* *Luận giải thích:* Danh số của pháp môn trong phần Lập nghĩa, gồm chung có ba mươi ba loại sai biệt. Những gì là ba mươi ba loại sai biệt? Đó là mười sáu pháp căn bản là đối tượng nhập và mười sáu môn là chủ thể nhập, cùng Ma-ha-diễn không hai, tất cả đều sai biệt. Vì sao Ma-ha-diễn trở thành mười sáu loại? Vì nơi Ma-ha-diễn căn bản đã chia ra tám loại. Trong ba nghĩa lớn của pháp giới nhất tâm đều chia làm hai loại. Vì sao môn chủ thể nhập trở thành mười sáu loại? Vì nơi pháp giới nhất tâm và ba nghĩa lớn đều có hai loại, hoặc đều chia ra hai loại môn. Đây gọi là số căn bản.

Đã nói về pháp số. Tiếp theo là sẽ giải thích riêng.

* *Bản luận viết:* Ma-ha-diễn là tổng, nêu bày có hai loại. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Pháp. (2) Nghĩa. Nói là pháp tức là tâm chúng sinh. Tâm ấy thì gồm thấu tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Dựa vào tâm ấy để hiển bày chỉ rõ về nghĩa của Đại thừa (Ma-ha-diễn). Vì sao? Vì tâm ấy là tướng chân như, tức làm rõ Thể của Đại thừa. Do tâm ấy là tướng nhân duyên sinh diệt, nên có thể chỉ rõ về tướng dụng nơi tự thể của Đại thừa.

Nói là nghĩa tức có ba loại. Những gì là ba loại? Đó là: (1) Thể đại. Nghĩa là tất cả các pháp đều là một chân như bình đẳng không tăng không giảm. (2) Tướng đại. Nghĩa là Như Lai tạng

gồm đủ vô lượng tánh công đức. (3) Dụng đại. Nghĩa là có thể phát sinh tất cả nhân quả thiện của thế gian và xuất thế gian. Là đối tượng hành hóa căn bản của tất cả chư Phật. Tất cả Bồ-tát đều nương nơi pháp này mà đạt đến địa Như Lai.

* *Luận giải thích*: Trong đoạn văn này có ba môn. Những gì là ba môn? Đó là: (1) Môn tổng thể căn bản của đối tượng nhập. (2) Môn biệt tướng của chủ thể nương dựa hướng nhập. (3) Môn thông đạt phép tắc bất động.

Hai thứ môn đầu có hai lớp, là trụ nơi tư duy nên quán xét. Ma-ha-diễn là tổng, tức là môn tổng thể căn bản của đối tượng nhập. Tức là trong Ma-ha-diễn căn bản có tám loại sai biệt. Những gì là tám? Đó là: (1) Ma-ha-diễn của một thể một tâm. (2) Ma-ha-diễn của ba phần từ một tâm. (3) Ma-ha-diễn có vô lượng vô biên các pháp sai biệt nơi thể đại không tăng không giảm. (4) Ma-ha-diễn tịch tĩnh không tạp loạn chỉ một vị bình đẳng nơi thể đại không tăng không giảm. (5) Ma-ha-diễn của Như Lai tạng gồm đủ công đức nơi tướng đại. (6) Ma-ha-diễn gồm đủ tánh công đức nơi tướng đại. (7) Ma-ha-diễn có thể phát sinh tất cả nhân quả của thế gian nơi dụng đại. (8) Ma-ha-diễn có thể phát sinh tất cả nhân quả thiện xuất thế gian nơi dụng đại.

Đây gọi là tám loại. Tám loại pháp Ma-ha-diễn như vậy đều từ chủ thể hội nhập để kiến lập tên gọi. Nghĩa là dùng một Thể một tâm làm môn nơi đối tượng hướng nhập, nên gọi là Ma-ha-diễn một thể một tâm. Cho đến do có thể phát sinh tất cả nhân quả thiện của xuất thế gian nơi dụng đại để làm môn nơi đối tượng hướng nhập, nên gọi là Ma-ha-diễn có thể phát sinh tất cả nhân quả thiện của xuất thế gian nơi dụng đại. Ví như Chuyển luân Thánh vương. Nghĩa là như Luân vương thuận theo tướng bánh xe của mình để kiến lập tên gọi, pháp Ma-ha-diễn cũng lại như vậy, thuận theo tướng của môn để kiến lập tên gọi. Trong Khế kinh Đại Giác nói

như vậy: “Đức Phật nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Hãy lắng nghe và khéo tư duy, ghi nhớ. Ta sẽ vì ông phân biệt giải nêu về tám loại thân pháp. Những gì là tám loại? Đó là: (1) Thân pháp hướng nhập một Thể. (2) Thân pháp của ba thứ tự hướng nhập. (3) Thân pháp hướng nhập Thể lớn của các pháp sai biệt không tăng không giảm. (4) Thân pháp hướng nhập Thể lớn của một tướng thuần tịnh, không xen tạp, không tăng không giảm. (5) Thân pháp hướng nhập Tướng lớn của Như Lai tạng gồm đủ công đức được hiển bày rõ. (6) Thân pháp hướng nhập Tướng lớn của tánh công đức viên mãn được hiển bày rõ. (7) Thân pháp hướng nhập Dụng lớn xuất sinh nhân quả của thể gian tự tại vô ngại. (8) Thân pháp hướng nhập Dụng lớn, xuất sinh nhân quả vi diệu của xuất thể gian tự tại vô ngại. Đây gọi là tám loại, cho đến nói rộng”.

Bồ-tát Mã Minh đã chính thức gồm thâu văn ấy, vì vậy thuyết giảng Ma-ha-diễn là tổng. Tổng nói đến trong này là tổng thể ở trong hai xứ. Nghĩa là hướng lên trên và xuống dưới. Trong Luận Đại Tổng Địa đã chia ra tám mươi môn, giải thích rộng về pháp Ma-ha-diễn căn bản. Nay đều gồm thâu mười thành một loại, nên chỉ lập tám pháp. Do nơi nghĩa nào mà có tám loại nên biết? Biệt tướng của chủ thể nhập có tám loại. Tổng thể của đối tượng nhập có tám loại nên biết. Tướng pháp của tám thứ chủ thể nhập, đối tượng nhập hơn kém, rộng hẹp, tướng ấy là thể nào?

* *Tụng nêu:*

*Bình đẳng, bình đẳng một
Đều không có sai khác
Vì gồm thâu các pháp
Cuối cùng không tạp loạn.*

* *Luận giải thích:* Như vậy mười sáu pháp tướng của chủ thể nhập và đối tượng được nhập, đầy đủ khắp chốn, bình đẳng bình đẳng, một vị, một tướng đều không sai biệt. Vì sao? Vì đều gồm

thâu các pháp hoàn toàn rốt ráo. Nếu như thế thì gốc ngọn cùng với chung riêng thấy đều trộn lẫn nên thành tạp loạn chăng? Chung cuộc thì gốc ngọn ấy không cùng tạp loạn, môn riêng chung kia trước sau chẳng phải là không có. Nhưng mỗi mỗi cùng riêng biệt thấy đều bằng nhau về lượng, nên nói là bình đẳng. Không phải cho là một pháp nên xưng là bình đẳng.

Đã nói về lớp thứ nhất. Trong bốn loại pháp thuộc lớp thứ hai đều có đủ ba môn. Những gì là ba môn? Đó là: (1) Môn quyết định của pháp căn bản đã nương dựa. (2) Môn căn bản đã gồm thâu phần ngọn có hạn lượng. (3) Môn kiến lập hai loại Ma-ha-diễn.

Nói là pháp nghĩa là tâm chúng sinh, tức là môn quyết định của pháp căn bản đã nương dựa. Nay cần phải dựa theo tụng chính về tổng trì để nêu bày làm rõ. Tướng ấy như thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Chúng là bốn chúng diễn
Sinh là bốn loại sinh
Là một pháp giới tạng
Khắp nơi tám xứ kia.*

* *Luận giải thích:* Chúng có bốn loại. Những gì là bốn loại? Đó là: (1) Tất cả chúng Như Lai. (2) Tất cả chúng Bồ-tát. (3) Tất cả chúng Thanh văn. (4) Tất cả chúng Duyên giác. Đây gọi là bốn chúng.

Sinh có bốn loại. Những gì là bốn loại? Đó là: (1) Noãn sinh. (2) Thai sinh. (3) Thấp sinh. (4) Hóa sinh. Đây gọi là bốn sinh.

Số vượt hơn nên gọi là chúng, thọ sinh nên là sinh, là tâm của một pháp giới. Trong tám xứ kia đều hiện bày cùng khắp tròn đủ, không thể phân tích, không thể chia lìa, chỉ là một Thể, chỉ là một tướng. Do bốn loại chúng gồm thâu hết thấy các Thánh, vì bốn loại sinh gồm thâu tất cả các phàm, Luận sư Mã Minh vì làm rõ một

tâm rộng lớn viên mãn, gọi là chúng sinh. Trong Khế kinh Thuận Lý giảng nói như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng lớn, hiển hiện thần lực xong, tức nói với Phật tử: Hãy lắng nghe kỹ cùng khéo tư duy ghi nhớ. Ta sẽ vì các ông phân biệt giải nói về một tạng pháp giới. Nay thiện nam! Một tạng pháp giới đó là đối khắp các chúng Như Lai, các chúng Bồ-tát, các chúng Thanh văn, các chúng Duyên giác và các hàng phàm phu, không nơi nào là không thông suốt, không chốn nào là không đến được, không nẻo nào là không ứng hợp, vì vậy gọi là một tạng pháp giới”.

Nay gồm thân văn này nên gọi là chúng sinh. Nơi sáu vạn kệ tụng trong Luận Bản Tạng của Bồ-tát Mã Minh đã phân ra mười loại môn giải thích riêng nêu giảng rộng. Nay lược gồm thân nên chỉ nói là chúng sinh. Đã nói về môn quyết định của pháp căn bản đã nương dựa. Tâm ấy thì gồm thân tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian, tức là môn căn bản đã gồm thân phần ngọn có hạn lượng. Tướng ấy như thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Là một tâm pháp giới
Thân chung hai loại môn
Gọi thân thế – xuất thế
Tạo pháp giới là pháp.*

* *Luận giải thích:* Một tâm pháp giới gồm thân chung tất cả pháp của môn sinh diệt, vì vậy gọi là gồm thân pháp thế gian. Gồm thân chung tất cả pháp của môn chân như, vì thế gọi là gồm thân pháp xuất thế gian. Đều làm thành pháp giới nên gọi là pháp. Trong Khế kinh tự thể nêu bày như vậy: “Quảng Đại Thần Vương tức gồm thân tất cả các loại vô minh, tất cả các loại pháp nhiễm, tất cả các loại phàm pháp bạch tịnh. Lại gồm thân tất cả các pháp thanh tịnh, tất cả các pháp vô ngại, tất cả pháp giải thoát, tất cả pháp lìa dứt, tất cả pháp đầy đủ, tất cả các pháp tịch tĩnh. Nhưng

Quảng Đại Thần Vương không phải là pháp thể gian, không phải là pháp xuất thể gian”. Nay gồm thâu văn này nên gọi là gồm thâu. Trong tám vạn kệ tụng nơi Luận Quy Tông của Bồ-tát Mã Minh đã phân ra hai mươi môn, giảng giải phân minh tường tận. Trong đây chỉ tóm lược nên nêu bày như vậy.

Đã nói về môn căn bản gồm thâu phân ngọn có hạn lượng. Dựa vào tâm ấy để hiển bày chỉ rõ về nghĩa của Ma-ha-diễn (Đại thừa), tức là môn kiến lập hai loại Ma-ha-diễn. Tương ấy như thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Nêu chung hai thứ môn
Nói dựa nơi tâm này
Nêu chung hai pháp gốc
Chỉ rõ Ma-ha-diễn.*

* *Luận giải thích:* Nêu tổng quát về hai thứ môn của chủ thể nhập, nên nói là dựa vào tâm ấy. Nêu tổng quát về hai loại pháp của đối tượng nhập, nên nói là hiển bày chỉ rõ về nghĩa của Ma-ha-diễn. Thế nào là hai môn? Đó là: (1) Môn tâm chân như. (2) Môn tâm sinh diệt. Thế nào là hai pháp gốc? Đó là: (1) Ma-ha-diễn của một thể. (2) Ma-ha-diễn của tự thể – tự tướng – tự dụng. Như vậy, hai loại pháp căn bản của đối tượng nhập, hoặc thuận theo chủ thể nhập để kiến lập tên gọi. Nghĩa là dùng Thể chân như làm môn của Ma-ha-diễn là đối tượng hướng nhập, nên gọi là Thể. Dùng tự tướng nơi tâm của Bản giác làm môn của Ma-ha-diễn là đối tượng hướng nhập, nên gọi là Tự. Vì môn chủ thể nhập có hai loại riêng, nên pháp căn bản của đối tượng nhập có hai loại cần nhận biết. “Vì sao”: Tức là lời thỉnh vấn. Nghĩa là do nơi nghĩa nào mà trong câu “Dựa vào tâm ấy” có đủ hai thứ môn. Trong câu “Hiển bày chỉ rõ về nghĩa của Ma-ha-diễn” có đủ hai loại pháp căn bản? Đáp: Tạo nên một tâm pháp giới thuộc môn chân như, tức là hiện rõ pháp

Ma-ha-diễn của một thể. Tạo nên một tâm pháp giới thuộc môn sinh diệt, là có thể nêu rõ pháp Ma-ha-diễn của tự thể – tự tướng – tự dụng. Do nghĩa này nên biết đều có đủ hai môn, hai pháp.

Trong Khế kinh Đại Giác thuyết giảng như vậy: “Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Có hai loại pháp rất sâu xa vi diệu không thể nghĩ bàn. Những gì là hai pháp? Đó là: (1) Ma-ha-diễn của thể tướng bình đẳng. (2) Ma-ha-diễn của tự tướng tự nhiên. Nếu muốn chứng đắc hai loại pháp này, nên hành trì hai môn. Thế nào là hai môn? Đó là: (1) Môn không đoạn – không buộc. (2) Môn có đoạn – có buộc. Cho đến nói rộng”. Nay gồm thấu văn này nên nêu dẫn như vậy. Trong Luận Đại Tổng Địa đã chia ra tám loại môn, giảng nói phân minh và rộng. Đã nói về môn kiến lập hai loại Ma-ha-diễn.

Trong nghĩa của ba đại đều lược bớt hai môn đầu và lập một môn sau. Bồ-tát Mã Minh vốn hướng về ý lạc, tức nêu phần sau để gồm thấu phần đầu, phần giữa nên đã biện dẫn như vậy. Lại nữa, so với thứ lớp tiếp theo thì hiện rõ phân minh. Do pháp căn bản của hai tụng trên tức nên đưa đến ở đây.

(1) Thể đại: Là nêu tổng quát về hai loại pháp căn bản của đối tượng nhập. Những gì là hai loại? Một là Ma-ha-diễn của vô lượng vô biên các pháp sai biệt, nhưng không tăng không giảm. Hai là Ma-ha-diễn tịch tĩnh không tạp loạn, chỉ một vị bình đẳng, không tăng không giảm. Nghĩa là tất cả các pháp đều là một chân như bình đẳng không tăng không giảm. Là nêu chung về hai loại môn riêng của chủ thể nhập. Những gì là hai loại? Nghĩa là như tên gọi của pháp căn bản thì môn chủ thể nhập cũng như vậy.

(2) Tướng đại. Là nêu tổng quát về hai loại pháp căn bản của đối tượng nhập. Những gì là hai loại? Một là Ma-ha-diễn của Như Lai tạng gồm đủ công đức. Hai là Ma-ha-diễn có đủ tánh công đức. Nghĩa là Như Lai tạng gồm đủ vô lượng tánh công đức, là nêu

chung về hai loại môn riêng của chủ thể nhập. Thế nào là hai loại? Đó là như tên gọi của pháp căn bản thì môn cũng như vậy.

(3) Dụng đại. Là nêu tổng quát về hai loại pháp căn bản của đối tượng nhập. Thế nào là hai loại? Một là Ma-ha-diễn có thể phát sinh tất cả nhân quả của thế gian. Hai là Ma-ha-diễn có thể phát sinh tất cả nhân quả thiện của xuất thế gian. Nghĩa là có thể phát sinh tất cả nhân quả thiện của thế gian và xuất thế gian. Là nêu chung về hai thứ môn riêng của chủ thể nhập. Những gì là hai loại? Đó là như tên gọi của pháp căn bản thì môn cũng như vậy.

Về nghĩa của ba thứ đại thì phân riêng từng phần để giải thích, như trong phẩm Bản Địa của Luận Tổng Địa đã nêu giải phân minh.

Do đâu pháp Ma-ha-diễn bất nhị không có nhân duyên? Vì là pháp hết sức vi diệu, sâu xa, độc tôn, lia mọi căn cơ. Vì sao lia mọi căn cơ? Vì không có căn cơ nên đâu cần phải kiến lập hay không kiến lập. Pháp Ma-ha-diễn này là pháp của chư Phật đã chứng đắc chẳng? Đối với chư Phật là có thể chứng đắc. Hỏi chư Phật đạt được hay không thì chư Bồ-tát, Nhị thừa và tất cả phàm phu cũng lại như vậy, vì cùng là trong biển tánh đức viên mãn. Vì sao? Vì lia mọi thứ căn cơ, lia các giáo thuyết.

Do đâu tám thứ pháp căn bản từ nơi nhân duyên khởi? Vì ứng hợp với cơ, thuận theo giáo thuyết.

Vì sao ứng hợp với cơ? Vì có căn cơ. Như vậy, tám thứ pháp căn bản, chư Phật đã đạt được chẳng? Chư Phật đã đạt được. Nêu hỏi đối với chư Phật đạt được hay không thì chư Bồ-tát, Nhị thừa và tất cả phàm phu cũng lại như vậy, vì cùng là tu hành gieo trồng nơi biển nhân. Vì sao? Vì có căn cơ, vì có giáo thuyết. Do đâu pháp Ma-ha-diễn dựa vào môn chân như là đối tượng hướng nhập chỉ lập tên gọi Thế? Do đâu pháp Ma-ha-diễn dựa vào môn sinh diệt là đối tượng hướng nhập chỉ lập tên gọi của tự mình? Do trong

môn chân như không có tướng khác, còn trong môn sinh diệt thì có tướng khác. *Khác* nghĩa là tất cả pháp thuộc phẩm bất thiện. *Tự* nghĩa là tất cả pháp thuộc phẩm thanh tịnh. Nếu đối tượng được đối trị là *khác* không có, thì chủ thể đối trị là *tự* không có, vì vậy chỉ nói *thể* không nói *tự*. Nếu như đối tượng được đối trị là *khác* đã có, thì chủ thể đối trị là *tự* cũng có, nên gọi là *tự* không chỉ là *thể*. Lại nữa, vì muốn hiện bày rõ Thể của một pháp giới là bình đẳng, bình đẳng không có riêng tư, vô lượng tánh đức tự nhiên vốn có, không phải đạt được nhờ nơi uy lực nào khác.

Lại nữa, tùy nghi an lập, không có cố định. Vì sao trong môn nêu bày riêng, một tâm biệt lập làm thành một mà ba đại hợp chung thành một, nhưng cùng đồng vì đều giảng giải về hai loại Ma-ha-diễn? Nghĩa của ba đại phù hợp mới thuận theo để có thể giảng giải về hai loại Ma-ha-diễn. Tên gọi của nghĩa đại là chung nơi ba loại, nên gồm làm một nghĩa, không có ý hướng riêng khác. Nay đã phân ra chỉ rõ về mười sáu pháp môn có hơn kém, rộng hẹp. Tướng ấy là thể nào?

* *Tụng nêu:*

*Bình đẳng, bình đẳng một
Đều không có dị biệt
Vì gồm thấu các pháp
Rốt cùng không tạp loạn.*

* *Luận giải thích:* Mười sáu pháp môn của chủ thể nhập và đối tượng được nhập là viên mãn, trọn đủ, bình đẳng bình đẳng, hiện bày khắp pháp giới không có sai biệt. Vì sao? Vì đều gồm thấu các pháp rốt ráo hoàn toàn, nhưng chung cuộc thì gốc, ngọn – chủ thể, đối tượng là không tạp loạn.

Đã nói về hai môn Tổng – Biệt là đối tượng hành hóa căn bản của hết thầy chư Phật. Tất cả Bồ-tát đều nhân nơi pháp này mà đạt đến địa Như Lai: Tức là môn thông đạt phép tắc bất động. Nghĩa là

số chư Phật đời quá khứ nhiều như vi trần, số chư Phật đời hiện tại nhiều như vi trần, số chư Phật đời vị lai nhiều như vi trần, thấy đều nhân nơi ba mươi hai loại này, an lập theo phương tiện chuyên chở rất sâu xa, đến được địa vô thượng thanh tịnh. Tất cả Bồ-tát trong ba đời khắp mười phương cũng lại như vậy. Bồ-tát nói đến trong đây là đã nhận lấy chung tất cả chúng sinh trong ba tụ. Vì sao? Vì không có một chúng sinh nào mà không thông đạt nơi địa Như Lai.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 2

Đã nói về phần Lập nghĩa. Tiếp theo là nói về phần Giải thích.

Danh tự, pháp môn trong phần Giải thích, số lượng ấy có bao nhiêu, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Chỉ có bốn loại pháp
Hai mươi chín môn khác
Tóm lược không giải thích
Trong chín luận đã nêu.*

* *Luận giải thích:* Trong phần Giải thích, chỉ giải thích về bốn pháp. Các pháp môn còn lại thì lược không giải thích riêng. Những gì là bốn pháp? Đó là: (1) Ma-ha-diễn một thể. (2) Ma-ha-diễn ba tự. (3) Môn chân như. (4) Môn sinh diệt. Vì sao các pháp còn lại thì lược không giải thích? Vì trong chín luận như Luận Nhất Tâm Biến Mãn đã giải thích. Nghĩa là trong Luận Nhất Tâm Biến Mãn chỉ giải thích bốn pháp, các pháp môn còn lại thì lược, không giải thích riêng. Những gì là bốn pháp? Đó là: (1) Ma-ha-diễn của một thể một tâm. (2) Ma-ha-diễn của ba tự một tâm. (3) Môn một thể một tâm. (4) Môn ba tự một tâm. Trong Luận Dung Tục Quy Chân chỉ giải thích bốn pháp, pháp môn còn lại thì lược, không giải thích riêng. Những gì là bốn pháp? Đó là: (1) Ma-ha-diễn của thể đại là vô lượng vô biên các pháp sai biệt không tăng không giảm. (2) Ma-ha-diễn của thể đại là các pháp tịch tĩnh không tạp loạn, chỉ một vị bình đẳng không tăng không giảm. (3) Môn của thể đại là các pháp sai biệt không tăng không giảm. (4) Môn của thể đại là một vị bình đẳng không tăng không giảm.

Trong Luận Pháp Giới Trung Tạng chỉ giải thích bốn pháp, pháp môn còn lại thì lược không giải thích riêng. Những gì là bốn pháp? Đó là: (1) Ma-ha-diễn của tướng đại là Như Lai tạng gồm đủ công đức. (2) Ma-ha-diễn của tướng đại có đầy đủ tánh công đức. (3) Môn tướng đại là Như Lai tạng gồm đủ công đức. (4) Môn tướng đại có đầy đủ tánh công đức.

Trong Luận Bí Mật Vi Diệu chỉ giải thích bốn pháp, pháp môn còn lại thì lược không giải thích riêng. Những gì là bốn pháp? Đó là: (1) Ma-ha-diễn của dụng đại có khả năng phát sinh tất cả nhân quả thiện của của thế gian. (2) Ma-ha-diễn của dụng đại có khả năng phát sinh tất cả nhân quả thiện của xuất thế gian. (3) Môn dụng đại nơi nhân quả thiện của thế gian. (4) Môn dụng đại nơi nhân quả thiện của xuất thế gian.

Trong Luận Chúng Mạng Hợp Nhất chỉ giải thích bốn pháp, pháp môn còn lại thì lược không giải thích riêng. Những gì là bốn pháp? Đó là: (1) Ma-ha-diễn của vô lượng vô biên các pháp sai biệt không tăng không giảm. (2) Ma-ha-diễn của tịch tĩnh không tạp loạn, chỉ một vị bình đẳng không tăng không giảm. (3) Môn các pháp sai biệt không tăng không giảm. (4) Môn một vị bình đẳng không tăng không giảm.

Trong Luận Chân Chư Tam Muội chỉ giải thích bốn pháp, pháp môn còn lại thì lược không giải thích riêng. Những gì là bốn pháp? Đó là: (1) Ma-ha-diễn của Như Lai tạng gồm đủ công đức. (2) Ma-ha-diễn có đầy đủ tánh công đức. (3) Môn Như Lai tạng có đủ công đức. (4) Môn có đầy đủ tánh công đức.

Trong Luận Tâm Tánh Thanh Tịnh chỉ giải thích bốn pháp, pháp môn còn lại thì lược không giải thích riêng. Những gì là bốn pháp? Đó là: (1) Ma-ha-diễn có khả năng phát sinh tất cả nhân quả của thế gian. (2) Ma-ha-diễn có khả năng phát sinh tất cả nhân quả thiện của xuất thế gian. (3) Môn nhân quả của thế gian. (4) Môn nhân quả thiện của xuất thế gian.

Trong hai loại Luận Bất Động Bản Nguyên và Thâm Thâm Huyền Lý chỉ giải thích một pháp, pháp môn còn lại thì lược không giải thích riêng. Thế nào là một pháp? Đó là pháp Ma-ha-diễn bất nhị, giải thích rộng hay giải thích lược đều có sai biệt. Vì sao các luận trong môn kiến lập đều nêu đủ số lượng vốn có, còn trong

môn giảng giải rộng thì đều thiếu số lượng đó? Vì muốn hiển bày chỉ rõ thể của pháp không phân chia nghĩa lý nhưng môn loại có thể dị biệt. Lại nữa, vì muốn khiến cho người học tăng trưởng lực tư duy. Lại nữa, vì nhằm mở bày chỉ rõ về lý giáo là hết sức sâu xa huyền diệu, khiến xuất sinh tâm tán thán tôn trọng. Lại nữa, vì muốn làm rõ pháp môn rộng lớn như cảnh giới hư không, nghĩa lý vô cùng như biển thần trong lặng, ngôn thuyết không thể luận bàn đủ, tư duy không nhận biết về lượng.

Đã nói về số lượng căn bản, tiếp theo là sẽ giải thích riêng.

* *Bản luận viết*: Giải thích có ba loại. Những gì là ba loại? Đó là: (1) Hiển bày chỉ rõ về nghĩa chánh yếu. (2) Đối trị các thứ tà chấp. (3) Phân biệt tướng phát khởi hướng về đạo.

* *Luận giải thích*: Ba môn như vậy giải thích số lượng môn bốn pháp đại.

* *Bản luận viết*: Hiển bày chỉ rõ về nghĩa chánh yếu, là dựa vào một tâm pháp có hai thứ môn. Những gì là hai thứ? Đó là: (1) Môn tâm chân như. (2) Môn tâm sinh diệt. Hai thứ môn này mỗi môn đều thâm tóm chung tất cả các pháp. Nghĩa này là thế nào? Do hai môn ấy là không cùng lìa nhau.

* *Luận giải thích*: Tức là phần giảng nêu tóm lược, trong ấy có ba môn. Những gì là ba môn? Đó là: (1) Môn kiến lập bốn loại pháp tướng. (2) Môn pháp môn thâm tóm toàn bộ viên mãn. (3) Môn phát khởi hỏi đáp để làm rõ nhân.

Dựa vào một tâm pháp có hai thứ môn. Những gì là hai thứ? Đó là: (1) Môn tâm chân như. (2) Môn tâm sinh diệt. Tức là môn kiến lập bốn loại pháp tướng. Tên gọi của hai pháp nơi hai môn là sai biệt, số lượng ấy có bao nhiêu, tướng ấy như thế nào?

* *Tụng nêu*:

Đều có mười loại tên

*Khế kinh nói khác nhau
Nhưng không có Thể khác
Thuận theo thể lập tên.*

* *Luận giải thích:* Hai pháp nơi hai môn đều có mười tên gọi, trong các Khế kinh đã phân biệt nêu giảng khác nhau, nhưng Thể của pháp ấy thì không có sai biệt, tùy theo công năng kia để lập tên gọi của chúng. Mười tên gọi của hai loại pháp căn bản là thể nào?

* *Tụng nêu:*

*Tỳ Ma Ha Kiện Na
Ma Ha Cưu Thi Đế
Ma Thi Đà Na La
Ma Ca La Câu Xá
Tất Tất Y Ni La
Bà Già Bà Câu Xá
Tất Đạt Ma Biên Na
Hoặc gọi Ma-ha-diễn
Bà Già Xoa La Bà
Tất A Tổ Ma Lợi.
Mười tên gọi như vậy
Chung hai loại pháp gốc.*

* *Luận giải thích:* Hai loại pháp căn bản đều có mười tên gọi. Tên gọi thì chung nhưng nghĩa khác nhau. Những gì là mười tên gọi? Đó là:

(1) Gọi là Quảng Đại Thần Vương. Trong đây có hai. Những gì là hai? Một là Cưu Na Da Thần Vương. Hai là Già Tỳ Khư La Thần Vương. Thần Vương thứ nhất ở nơi núi Kim Cang, hoàn toàn sinh ra thần chúng an lành. Thần Vương thứ hai ở trong biển lớn, nổi thông khắp nơi, sinh ra tất cả các loại thần chúng an lành và thần chúng lỗi lầm tai họa. Quảng Đại Thần Vương của hai loại

pháp căn bản cũng lại như vậy. Pháp căn bản của một thể hoàn toàn sinh ra pháp chân như thanh tịnh. Pháp căn bản của ba tự nổi thông khắp nơi sinh ra tất cả các loại phẩm pháp thanh bạch và phẩm pháp nhiễm ô. Trong Khế kinh Tự Thể thuyết giảng như vậy: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến trước Đức Phật thưa: Thế Tôn! Hai loại Đại thừa là hết sức sâu xa vi diệu, chúng tâm không nhận biết, không hiểu rõ là đồng hay dị, nên rất nghi hoặc. Như chỗ thích hợp kính xin Đức Thế Tôn vì đại chúng nên giảng nói lại Đức Phật thị hiện sắc tướng nói với Bồ-tát Văn-thù: Này thiện nam! Hai pháp như vậy: Ví như Kim Cang Thần Vương và Chủ Hải Thần Vương, tướng của họ đều dị biệt”.

Nghĩa là như Kim Cang Thần Vương ở nơi núi Kim Cang, hiện ra các cảnh giới, chỉ hiện bày ánh sáng vàng ròng, không hiện ra ánh sáng khác. Kim Cang Thần Vương của một tâm chân như cũng lại như vậy, chỉ có pháp tịnh, không có pháp khác. Lại như Kim Cang Thần Vương chỉ sinh ra quyền thuộc thanh tịnh, luôn không sinh ra quyền thuộc tạp loạn. Chân như nhất tâm cũng lại như vậy, chỉ sinh ra pháp thanh tịnh vô cầu.

Lại nữa, ví như Chủ Hải Thần Vương ở trong biển lớn, sinh ra các loại quyền thuộc thô ác và các loại quyền thuộc thiện diệu. Chủ Hải Thần Vương của một tâm sinh diệt cũng lại như vậy, sinh ra tất cả các pháp tịnh nhiễm.

(2) Gọi là Đại Hư Không Vương. Ở đây có hai. Những gì là hai? Một là Không Tự Tại Không Vương. Hai là Sắc Tự Tại Không Vương. Không Vương thứ nhất lấy *không* dung nạp thọ nhận mà làm tự tại. Không Vương thứ hai lấy sắc dung nạp thọ nhận mà làm tự tại.

Hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy. Không Vương của một thể dùng xứ vô trụ để thành tự tại, Không Vương ba tự lấy xứ hữu trụ để thành tự tại.

Trong Khế kinh Kim Cang Tam Muội nói như vậy: “Nhất tâm như pháp, lý tự thể hoàn toàn rỗng lặng, như Không Vương kia vốn không có trụ xứ”. Trong Khế kinh Nhất Địa thì nêu bày như vậy: “Nhất tâm pháp thể, đối với các chướng ngại là không có chướng ngại, khiến trụ nơi các pháp. Ví như Không Vương đối với tất cả các sắc được tự tại nên dung nạp thọ nhận đại chúng”.

(3) Gọi là Xuất Sinh Long Vương. Trong đây có hai. Những gì là hai? Một là Xuất Sinh Quang Minh Long Vương. Hai là Xuất Sinh Phong Thủy Long Vương. Long Vương thứ nhất dùng ánh sáng thanh tịnh làm nơi nương dựa. Long Vương thứ hai dùng đức của gió nước làm nơi nương dựa. Xuất Sinh Long Vương của hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy. Pháp căn bản của một thể lấy pháp thuần tịnh làm thể của mình. Pháp căn bản của ba tự lấy pháp nhiễm tịnh làm đức của mình.

Trong Khế kinh Thuận Lý nêu bày như vậy: “Pháp căn bản của nhất tâm là thuần nhất không có xen tạp, ví như Quang Minh Long Vương lấy ánh sáng thanh tịnh làm cung điện, lấy ánh sáng thanh tịnh làm tướng thân mình, lấy ánh sáng thanh tịnh để làm đồ chúng”.

Trong Khế kinh Vô Thủy nêu giảng như vậy: “Ví như trong biển lớn có Đại Long Vương, tên là Xuất Sinh Phong Thủy, từ trên đỉnh đầu của Long Vương đó sinh ra nước trong lặng. Từ cuối phần đuôi của Long Vương ấy sinh ra ngọn gió mịt mù. Do Long Vương này nên nước trong biển lớn gió luôn nối tiếp nhau không có đoạn dứt. Long Vương của Nhất Tâm cũng lại như vậy, có khả năng sinh ra tất cả các pháp sai biệt và bình đẳng, các thứ ấy luôn nối tiếp nhau không có đoạn dứt”.

(4) Gọi là Như Ý Châu Tạng. Trong ấy có hai. Những gì là hai? Một là Kim Chủ Như Ý. Hai là Mãn Chủ Như Ý. Như Ý thứ nhất chỉ sinh ra kim cang, Như Ý thứ hai sinh ra đầy đủ các vật

thiện và bất thiện. Hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy. Như Ý của một Thể chỉ sinh ra pháp thanh tịnh. Như Ý của ba tự sinh chung pháp nhiếp và tịnh.

Trong Khế kinh Như Như nói như vậy: “Đức Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Tạng: Này Phật tử! Ví như Kim Sí Điều Vương mạng chung, sau đây tim của nó rơi vào biển thành ngọc báu như ý, có khả năng phát sinh cát vàng tạo lợi ích cho Long Vương. Pháp căn bản của một tâm cũng lại như vậy, có khả năng phát sinh chân lý tạo lợi ích viên mãn”.

Vì vậy trong Khế kinh Bản Tánh Trí nêu rõ như vậy: “Ví như loài quý Già-đa-lợi, vì báo ân nên ở trong một vạn kiếp, làm ngọc châu như ý, tạo lợi ích cho chúng sinh ở biển. Như Ý của một tâm cũng lại như vậy, có khả năng sinh trưởng pháp sinh tử cùng pháp Niết-bàn”.

(5) Gọi là Phương Thôn. Trong ấy có hai. Những gì là hai? Một là Bạch Hào Phương Thôn. Hai là Loạn Sắc Phương Thôn. Trong Phương Đẳng thứ nhất chỉ hiện tiền hình tượng nẻo trời. Trong Phương Thôn thứ hai hiện tiền chung cả năm nẻo. Như thể phần thân của hai hào chúng sinh, hiển bày phân minh ví như gương sáng. Hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy.

Trong Khế kinh Nhiếp Vô Lượng nói như vậy: “Pháp giới thanh tịnh như Bạch Tất Tát Y Ni La. Pháp giới vô tận như Loạn Tất Tát Y Ni La”.

(6) Gọi là Như Lai tạng. Ở đây có hai. Những gì là hai? Một là Như Lai tạng Viên Chuyển Viên Phục. Hai là Như Lai tạng Dữ Hành Dữ Tướng. Trong Khế kinh Thật Tế nêu giảng như vậy: “Này Phật tử! Như Lai tạng là chỉ có giác ngộ, chỉ có như như, lìa nhân lưu chuyển, lìa trói buộc của suy nghĩ nhận biết, mỗi mỗi sáng sủa, vì vậy gọi là Như Lai tạng”.

Trong Khế kinh Lăng Già nêu rõ như vậy: “Nhu Lai tạng là nhân của thiện và bất thiện, thọ nhận khổ vui, cùng với nhân cùng hợp, hoặc sinh hoặc diệt, cũng như người có tài nghệ”.

(7) Gọi là Nhất Pháp Giới. Trong đây có hai. Những gì là hai? Một là Nhất Pháp Giới Thuần Bạch. Hai là Nhất Pháp Giới Vô Tận. Pháp giới thứ nhất như thời kiếp Không. Pháp giới thứ hai như thời kiếp Trụ.

Trong Khế kinh Chân Pháp Giới nêu bày như vậy: “Chủng loại không vô ngại như thời không trường. Chủng loại biến vô ngại như thời hữu trường”.

(8) Gọi là Ma-ha-diễn. Nghĩa như trước đã nêu rõ.

(9) Gọi là Trung Thật. Trong ấy có hai. Những gì là hai? Một là Trung Thật Đẳng Trụ. Hai là Trung Thật Biệt Trụ. Trung Thật thứ nhất như hạt minh châu riêng biệt, Trung Thật thứ hai như hạt minh châu thuận theo. Trong Khế kinh Minh Trung Thật nêu rõ như vậy: “Chân tâm lìa biên. Nếu chân như nương dựa như hạt ngọc dị đồng. Nếu sinh diệt nương dựa thì như hạt ngọc đồng dị”.

(10) Gọi là Nhất Tâm. Ở đây có hai. Thế nào là hai? Một là Nhất Tâm Thị Nhất Thị Nhất. Hai là Nhất Tâm Thị Nhất Thiết Thị Nhất Thiết. Nhất Tâm thứ nhất tùy theo đối tượng tạo tác để lập tên gọi. Nhất Tâm thứ hai tùy theo chủ thể tạo tác để lập tên gọi.

Trong Khế kinh Nhất Tâm Pháp thuyết giảng như vậy: “Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến trước Đức Phật, thưa: Thế Tôn! Trong Khế kinh Bản Địa nêu rõ như vậy: Thể tánh của tâm ấy chẳng phải lớn – chẳng phải nhỏ, chẳng phải là pháp – chẳng phải là phi pháp, chẳng phải là đồng – chẳng phải là dị, chẳng phải là một – chẳng phải là tất cả. Do nhân duyên gì hôm nay tự nói nhất tâm chân như nhân một nên là một. Nhất tâm sinh diệt nhân nhiều nên là một? Há chẳng phải Đức Thế Tôn đã có lỗi trái nhau, vì không có trước

sau chẳng? Đức Phật dạy: Này thiện nam! Chớ nên nói lời như vậy. Vì sao? Vì tâm pháp chẳng phải là một, nhân nơi đối tượng tạo tác là một nên giả gọi là một. Tâm pháp chẳng phải là tất cả, nhân nơi đối tượng tạo tác là tất cả nên giả gọi là tất cả. Nhưng nói một tâm không nói tất cả các tâm, là tùy theo tâm của chủ thể tạo tác để lập tên gọi. Cho đến nói rộng”.

Đây gọi là mười tên gọi. Mười tên gọi như vậy là gồm thấu chung danh tự căn bản nơi tất cả các Pháp tạng của chư Phật.

Đã nói về mười loại tên gọi riêng của hai pháp. Tiếp theo nói về tên gọi của hai môn có sai biệt. Mười tên gọi của Chân như, tướng của chúng là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Bà Già Bà Câu Xá
 Kiện Già A Đa Na
 Tất Bồ Đề Bà Lê
 Kiện Ha Kiện Bà Na
 A Đà A Chỉ Ni
 A Già A Thủy Da
 Độ La Nặc Bồ Đề
 Mạc Hô Kiện Na Địa
 Ma Ha Tiêu Đà Nhất
 Bà A Xoa Ni La
 Mười thứ tên gọi như vậy
 Chân như không cùng xưng.*

* *Luận giải thích:* Môn tâm Chân như có mười thứ tên gọi. Những gì là mười? Đó là: (1) Gọi là môn Như Lai tạng, vì không hề tạp loạn. (2) Gọi là môn Bình đẳng bất nhị, vì không có sai biệt. (3) Gọi là môn Nhất đạo thanh tịnh, vì không có đường rẽ khác. (4) Gọi là môn Bất khởi bất động, vì lìa mọi thứ tác nghiệp. (5) Gọi là

môn Vô đoạn vô phục, vì không có đối trị chương ngại. (6) Gọi là môn Vô khứ vô lai, vì không có trên dưới. (7) Gọi là môn Xuất thế gian, vì không có bốn tướng. (8) Gọi là môn Tịch diệt tịch tĩnh, vì không có qua lại. (9) Gọi là môn Đại tổng tướng, vì không có tướng riêng. (10) Gọi là môn Chân như, vì không có hư giả.

Đây gọi là mười tên gọi. Mười tên gọi như vậy là gồm thâu toàn bộ danh tự, pháp môn, nghĩa lý bình đẳng nơi tất cả Pháp tạng của chư Phật.

Mười tên gọi của môn sinh diệt, tướng của chúng là thể nào?

* *Tụng nêu:*

*A-lê-da Kiện Ma
Bà Già Bà Câu Xá
A Y Bà Na La
Kiện Ha Kiện Chỉ Ni.
Kiện Già Kiện Thủy Da
Xoa Xoa Phiệt Na La
La Nặc Bồ Đế Ni
Xà Phục Đa Niết Bàn.
Ha Chỉ Già Na Thi
Đa Bạt Đa Kiện Xá
Mười thứ tên như vậy
Sinh diệt không cùng xưng.*

* *Luận giải thích:* Môn tâm sinh diệt có mười thứ tên gọi. Những gì là mười? Đó là: (1) Gọi là môn Tạng thức, vì thâu giữ tất cả các pháp nhiễm tịnh. (2) Gọi là môn Như Lai tạng, vì che giữ thể của pháp thân Như Lai. (3) Gọi là môn Khởi động, vì tương tục tạo nghiệp. (4) Gọi là môn Hữu đoạn hữu phục, vì có đối trị chương ngại. (5) Gọi là môn Hữu khứ hữu lai, vì có trên dưới. (6) Gọi là môn Đa tướng phân dị, vì pháp nhiễm tịnh là nhiều vô số

kể. (7) Gọi là môn Thế gian, vì bốn tướng đều cùng chuyên. (8) Gọi là môn Lưu chuyển hoàn diệt, vì có đầy đủ pháp sinh tử và Niết-bàn. (9) Gọi là môn Tương đãi câu thành, vì không có pháp tự thành. (10) Gọi là môn Sinh diệt, vì biểu hiện tướng vô thường.

Đây gọi là mười. Mười tên gọi như vậy là gồm thấu chung vô số loại danh tự, pháp môn sai biệt nơi tất cả Pháp tạng của chư Phật.

Đã nói về mười thứ tên gọi riêng khác của hai môn. Tiếp theo nói về môn phân tướng đồng – dị. Hai loại pháp căn bản đồng – dị có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Có ba dị – hai đồng
Đều nương môn cảnh riêng
Đều hiện khắp tên đồng
Đồng tên nhưng nghĩa khác.*

* *Luận giải thích:* Hai loại pháp căn bản có ba dị và hai đồng. Những gì là ba dị biệt? Đó là: (1) Nương dựa dị biệt, vì đều có đối tượng dựa là Ma-ha-diễn. (2) Môn dị biệt, vì đều có đủ môn chủ thể nhập có sai biệt. (3) Cảnh giới dị biệt, vì đều duyên vào nơi tự nương dựa làm cảnh giới.

Đây gọi là ba dị biệt. Những gì là hai đồng? Đó là: (1) Hiện bày khắp là đồng, vì hiện bày trọn khắp pháp giới là cùng số lượng. (2) Tên gọi là đồng. Mười loại tên gọi là thông hợp hai pháp. Đây gọi là hai thứ đồng. Vì sao như thế? Vì đồng tên gọi nhưng nghĩa khác nhau. Hai loại pháp môn đồng – dị có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Có bảy dị – một đồng
Người, Pháp, Nương, Hành, Thế*

*Cảnh giới Phân vị khác
Tên gọi khác, nghĩa khác.*

* *Luận giải thích:* Hai loại môn này có bảy dị biệt và một đồng. Những gì là bảy dị biệt? Đó là: (1) Chúng người dị biệt. Vì trong môn Chân như chỉ có người giải thoát thanh tịnh. Trong môn sinh diệt có đủ các chúng sinh thuộc ba tụ. (2) Pháp môn dị biệt. Vì trong môn Chân như chỉ có phẩm pháp hoàn toàn thanh bạch. Trong môn sinh diệt thì có đủ tất cả pháp nhiễm tịnh. (3) Đối tượng nương dựa dị biệt. Do đều có đối tượng nương dựa là Ma-ha-diễn. (4) Hành pháp dị biệt. Vì trong môn Chân như một tâm một niệm sinh khởi, trói buộc thì không sinh khởi, dùng làm hành tác. Trong môn sinh diệt lấy sinh diệt sinh, lấy diệt diệt diệt dùng làm hành tác. (5) Thể tướng dị biệt. Do môn tâm Chân như cùng với gốc kia là như nhau. Môn tâm sinh diệt cùng với gốc kia là khác nhau. Trong Khế kinh Lăng Già nêu rõ như vậy: “Tịch diệt gọi là nhất tâm, nhất tâm gọi là Như Lai tạng”. (6) Cảnh giới dị biệt, vì đều duyên với tụ nương dựa làm cảnh giới. (7) Vị địa dị biệt. Vì trong môn Chân như thì an trụ tương tạp, còn trong môn sinh diệt thì an trụ qua lại. Đây gọi là bảy thứ dị biệt. Thế nào là một thứ đồng? Nghĩa là hiện bày khắp là đồng. Vì sao như thế? Vì khác tên gọi và khác nghĩa.

Hai môn vị, địa trong các Khế kinh nào nêu giảng phân minh hiện rõ? Điều có bao nhiêu địa vị?

* *Tụng nêu:*

*Khế kinh như Lăng Già...
Chân như có một loại
Môn sinh diệt có hai
Vì trên dưới tạp loạn.*

* *Luận giải thích*: Hai môn địa, vị trong các Khế kinh như Lăng Già... đã thuyết giảng hiển bày. Nghĩa là trong Khế kinh Đại Bản Lăng Già nói như vậy:

*Hồi hướng tức tín tâm
Tín tâm là Phật địa
Phật địa tức mười Địa
Mười Địa tức phát tâm.*

Trong Khế kinh Phân Lưu Lăng Già nêu rõ như vậy:

*Mười Địa là Địa một
Địa một là Địa tám
Chín Địa là bảy Địa
Bảy Địa là tám Địa.
Hai Địa là ba Địa
Bốn Địa là năm Địa
Ba Địa là sáu Địa
Tịch diệt có lớp gì?*

Trong Khế kinh Chân Tu nêu bày như vậy:

*Mẹ một tuổi một thời
Sinh con năm mươi tuổi
Con năm mươi tuổi kia
Mẹ một tuổi mang thai.
Một tuổi sinh năm mươi
Đại trượng phu nam tử
Hoặc há có như thế?
Hoặc há không như thế?*

Các Khế kinh như vậy v.v... đã dựa vào tâm nơi môn Chân như để kiến lập vị địa kia. Đối với môn Chân như chỉ có trụ nơi vị hoàn toàn tạp loạn, không có vị nào khác. Do vậy tụng nói là “Chỉ loạn”. Trong Khế kinh khác nói đủ các loại vị địa thứ lớp qua

lại, dựa nơi môn sinh diệt mà được an lập, tức nên quán xét kỹ. Đối với môn sinh diệt có hai loại vị. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Môn Hướng thượng. (2) Môn Hướng hạ. Hai môn Sinh diệt và Quyết trạch như vậy tự sẽ nói rõ. Môn tâm sinh diệt từ chánh trí đã chứng tánh thì lý chân như thuộc về môn nào? Thuộc về môn sinh diệt không phải là môn chân như, vì phần giới dị biệt. Chân như của hai môn lại có sai biệt thế nào? Lý của môn chân như là lý từ nơi lý. Lý của môn sinh diệt là trí từ nơi lý. Vị địa của hai môn do nghĩa gì nên lý kia đều khác biệt? Vì chân như thì không có chướng ngại còn sinh diệt thì có chướng ngại. Nêu lên một phương diện này để tùy theo đây quán xét thích hợp.

Đã nói về môn kiến lập bốn loại pháp tướng, hai thứ môn này thấy đều gồm thấu chung tất cả các pháp. Tức là môn Pháp môn thấu tóm toàn bộ viên mãn. Nghĩa là dùng môn chân như gồm thấu tất cả các pháp, nên không một pháp nào không phải là chân như. Dùng môn sinh diệt gồm thấu tất cả các pháp, tức không một pháp nào không phải là sinh diệt. Nhưng môn chân như không thể gồm thấu tất cả các pháp của môn sinh diệt. Lại môn sinh diệt cũng không thể gồm thấu tất cả các pháp của môn chân như. Nhưng nói gồm thấu chung tất cả các pháp, là thấu tóm chung tất cả pháp sinh diệt, gồm thấu chung tất cả pháp chân như. Vì sao? Vì hai môn như vậy thấy đều bình đẳng mỗi mỗi môn đều có những sai biệt.

Đã nói về môn Pháp môn gồm thấu toàn bộ viên mãn. Nghĩa ấy là thế nào? Vì hai môn này không cùng lìa nhau, tức là môn phát khởi hỏi đáp để hiển bày nhân. Nghĩa là trực tiếp nêu câu hỏi và trực tiếp nêu bày đáp lại.

Đã nói về phần nêu giảng tóm lược. Tiếp theo là nói về phần thuyết giảng rộng.

* *Bản luận viết*: Tâm chân như tức là Thể của pháp môn nơi tổng tướng đại của một pháp giới. Nghĩa là tánh của tâm không

sinh không diệt. Tất cả các pháp chỉ dựa vào vọng niệm mà có sai biệt. Nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới. Vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay, lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên và hoàn toàn bình đẳng, không có biến đổi, không thể hủy hoại, chỉ là một tâm nên gọi là chân như. Do tất cả ngôn thuyết là giả danh không thật, chỉ tùy theo vọng niệm nên không thể đạt được. Nói chân như là cũng không có tướng. Nghĩa là chôn tốt cùng của ngôn thuyết nhân nơi ngôn ngữ loại trừ ngôn ngữ. Thể của chân như này không gì có thể trừ bỏ, vì tất cả các pháp thấy đều là Chân. Cũng không gì có thể thiết lập, vì tất cả các pháp đều đồng là Như. Nên biết tất cả pháp không thể nêu diễn, không thể suy niệm, nên gọi là Chân Như.

Hỏi: Nếu nghĩa như vậy thì các chúng sinh làm sao tùy thuận để có thể hội nhập được?

Đáp: Nếu nhận biết tất cả pháp, tuy nói nêu nhưng không có chủ thể nói có thể nói nêu, tuy suy niệm cũng không có chủ thể niệm có thể suy niệm, thì đó gọi là tùy thuận. Nếu lìa nói nêu suy niệm thì gọi là được hội nhập.

Lại nữa, chân như là dựa vào ngôn thuyết phân biệt có hai loại nghĩa. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Như thật không, do có thể hiển bày thật một cách rõ ràng. (2) Như thật bất không, vì có tự thể đầy đủ công đức của tánh vô lậu. Nói là không tức từ xưa đến nay không tương ứng với tất cả pháp nhiễm. Nghĩa là lìa tướng sai biệt của tất cả pháp, do không có tâm niệm hư vọng. Nên biết tự tánh của chân như chẳng phải là có tướng, chẳng phải là không tướng. Phi phi có tướng, phi phi không tướng. Chẳng phải là tướng có không cùng hợp. Chẳng phải một tướng, chẳng phải khác tướng, phi phi một tướng, phi phi khác tướng. Chẳng phải là tướng một và khác cùng hợp. Cho đến nói chung. Dựa nơi tất cả chúng sinh do có tâm vọng, niệm niệm phân biệt đều không tương

ưng, nên nói là không. Nếu lia tâm vọng thì thật sự không gì có thể là không. Nói là bất không, vì đã hiển bày thể của pháp là không, không có vọng, tức là chân tâm thường hằng bất biến, pháp tịnh đầy đủ, gọi là bất không, cũng không có tướng để có thể giữ lấy, vì lia cảnh giới của suy niệm chỉ chứng tương ưng.

* *Luận giải thích*: Đây tức là phần thuyết giảng rộng. Trong ấy có ba môn. Những gì là ba môn? Đó là: (1) Môn chân như của thể tánh căn bản. (2) Môn phát khởi vấn đáp trừ bỏ nghi. (3) Môn chân như giả nêu mở tướng.

Trong môn thứ nhất tức có ba môn. Những gì là ba? Một là môn kiến lập danh tự. Hai là môn trực tiếp giảng giải chân thể. Ba là môn giải thích danh tự.

Tâm chân như tức là pháp môn nơi tổng tướng đại của một pháp giới. Thể tức là môn kiến lập danh tự. Nghĩa là tùy theo công năng để lập tên gọi. Chân như của một tâm đều có mười tên gọi, vì sao loại trừ những tên gọi khác, chỉ lập tên gọi này? Vì tác nghiệp thích hợp. Những tên gọi còn lại tất không phải như vậy nên lược bớt, không lập. Nghĩa này là thế nào? Vì một tâm tạo nghiệp lớn, pháp tạo nghiệp chung, giới tạo nghiệp tướng. Nên môn của pháp thì môn tức là thể, do đó nói là thể của pháp môn. Các loại biệt tướng theo như trước nên xét kỹ.

Đã nói về môn kiến lập danh tự. Tiếp đến là nói về môn trực tiếp giảng giải về chân thể. Nói là tánh của tâm không sinh diệt là trực tiếp giảng giải về môn chân như phân biệt với môn sinh diệt. Nghĩa là pháp chân như chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, không sinh, không diệt, chẳng phải trụ, chẳng phải dị, không trụ, không dị, không phải như pháp sinh diệt, là sinh là diệt, có sinh, có diệt, là trụ, là dị, có trụ, có dị, vì tướng có không là sai biệt.

Lại nữa, chẳng phải thị nói là chẳng (Bất), chẳng phải nghĩa là phi nên nói là chẳng (Bất). Vì sao? Vì pháp chân như kia là trăm

phi chẳng phải là phi, ngàn thị chẳng phải là thị, chẳng phải phi, chẳng phải thị, đối với chẳng phải hai cũng chẳng trụ. Tất cả các pháp chỉ dựa nơi vọng niệm mà có sai biệt, tức lại nhờ nơi có kia để hiển bày cái này là không. Nghĩa là mượn cái giả có của môn sinh diệt để chỉ rõ cái thật không của môn chân như. Nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới. Nếu lìa nhận thức của các hý luận thì không có tất cả các cảnh giới hư vọng. Vì thế tất cả pháp từ xưa đến nay là lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, là trực tiếp hiển thị về tướng lìa dứt của pháp chân như.

Ngôn thuyết, danh tự, tâm lượng đều có bao nhiêu số, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Ngôn thuyết có năm loại
Danh tự có hai loại
Tâm lượng có mười thứ
Khế kinh nói có khác.*

* *Luận giải thích:* Ngôn thuyết có năm loại. Những gì là năm loại? Đó là: (1) Ngôn thuyết của tướng. (2) Ngôn thuyết của mộng. (3) Ngôn thuyết vọng chấp. (4) Ngôn thuyết vô thủy. (5) Ngôn thuyết như nghĩa.

Trong Khế kinh Lăng Già nêu giảng như vậy: “Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết của tướng đó là chấp trước các tướng như sắc v.v... sinh ra. Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết của mộng là nghĩ đến cảnh giới hư vọng đã thọ dụng trước đây, rồi nương theo cảnh giới ấy để sinh mộng, đến khi tỉnh rồi tức biết là đã dựa vào cảnh giới hư vọng không thật phát sinh. Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết chấp trước là nghĩ đến các nghiệp đã nghe, đã tạo tác từ trước mà sinh khởi. Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết vô thủy là từ vô thủy đến nay chấp trước hý luận, huân tập chủng tử của phiền não mà sinh”.

Trong Khế kinh Kim Cương Tam Muội nêu giảng như vậy: Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Tất cả vạn pháp thấy đều là ngôn ngữ văn tự. Tướng của ngôn ngữ văn tự tức không phải là nghĩa, vì nghĩa như thật thì không thể ngôn thuyết. Vậy hôm nay Như Lai làm sao thuyết pháp? Đức Phật nói: Ta thuyết pháp là vì chúng sinh như các ông đang phát sinh để nói. Nói về pháp không thể nói được, vì vậy nên nói về điều ấy. Những gì Ta nêu giảng là nghĩa ngữ không phải là văn. Chúng sinh nói nêu là văn ngữ không phải là nghĩa. Không phải là nghĩa ngữ thì thấy đều là trống không. Ngôn thuyết trống không là không nói về nghĩa. Không nói về nghĩa thì đều là vọng ngữ.

Như nghĩa ngữ ấy là thật không chẳng không. Không thật chẳng thật là nơi hai tướng. Trung gian chẳng trung gian pháp của chẳng trung gian là nơi ba tướng. Vì không thấy xứ sở nên như như như thuyết.

Như vậy, trong năm loại ngôn thuyết thì bốn loại ngôn thuyết trước là thuyết hư vọng nên không thể bàn luận về chân. Một loại ngôn thuyết sau là thuyết như thật nên được bàn luận về chân lý. Bồ-tát Mã Minh tức căn cứ vào bốn loại trước nên đã nói về lia tướng ngôn thuyết như vậy.

Danh có hai loại. Những gì là hai? Một là danh của tự tự. Hai là danh của tự ảnh. Trong Khế kinh Lăng Già nêu bày như vậy: “Này Đại Tuệ! Lại nữa, danh thân nghĩa là các chữ thuận theo danh tự có sai biệt, từ chữ A cho đến chữ Ha, gọi là danh thân”.

Trong Khế kinh Đạo Phẩm giảng nói như vậy: “Ở trong gương cùng nêu bày gọi là danh hiển ảnh”.

Tự (Chữ) có hai loại. Những gì là hai? Một là tự dựa vào thanh. Hai là tự dựa vào không.

Trong Khế kinh Lăng Già nói như vậy: “Này Đại Tuệ! Lại nữa, tự thân nghĩa là thanh dài ngắn, âm vận cao thấp gọi là tự thân”. Trong Khế kinh Đại Hải nêu rõ như vậy: “Đức Phật nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Như trước ông đã hỏi, thế nào gọi là Luân tự hư không? Đó là ví như chim bay trong hư không, lúc vượt qua vùng ánh sáng mặt trời thì phát ra mùi loại âm thanh hòa hợp. Luận tự hư không nên quán xét như vậy”. Như thế trong hai loại danh thì một loại đầu tức không thể giảng nêu khẳng định về chân lý thâm diệu. Một loại sau thì có thể giảng giải được chân lý. Nay dựa vào môn trước nên nói: “Lìa tướng danh tự” như vậy.

Tâm lượng có mười loại. Những gì là mười? Đó là: (1) Tâm nhãn thức. (2) Tâm nhĩ thức. (3) Tâm tỷ thức. (4) Tâm thiệt thức. (5) Tâm thân thức. (6) Tâm ý thức. (7) Tâm mặt-na thức. (8) Tâm A-lê-da thức. (9) Tâm đa nhất thức. (10) Tâm nhất nhất thức.

Trong mười loại như vậy thì chín loại đầu tâm không duyên với chân lý, một loại sau thì tâm có thể duyên với chân lý để làm cảnh giới. Nay dựa vào chín loại trước nên nói như vậy: “Lìa tướng của tâm duyên”. Trong Khế kinh Bản Hữu nói như vậy: “Chân lý thâm diệu không phải là cảnh giới khác, chỉ duyên nơi đối tượng nương dựa của chính nó để làm cảnh giới”. “Hoàn toàn bình đẳng, không có biến đổi, không thể hủy hoại. Là hiện bày rõ công đức của ba loại xa lìa. Nghĩa là tất cả sai biệt dùng bốn loại ngôn thuyết hư vọng làm căn bản để chuyển biến. Chín loại biến luận, mười loại dị chấp của tất cả ngoại đạo, chỉ lấy danh tự làm căn bản chuyển đổi. Tất cả phiền não phá chướng, tất cả sở tri hoại chướng, chỉ dùng tâm pháp làm chỗ dựa để chuyển biến. Nhưng trong thể của chân thì lìa ba tướng nên gồm đủ ba đức. “Chỉ là một tâm nên gọi là chân như”, là tổng kết về Thể nơi chân như. “Do tất cả ngôn thuyết đều là giả danh không thật, chỉ tùy theo vọng niệm nên không thể đạt được”, là làm rõ về nhân duyên của ba xa lìa.

Nghĩa là vì tất cả ngôn thuyết không thật, tất cả đều là giả danh không thật, tất cả tâm thức chỉ tùy theo vọng niệm không thể đạt được, nên không thể ngôn thuyết. Trong lý chân thật thì không có lia ba tướng. Vì tướng hư giả và pháp như thật là hoàn toàn trái nhau. Nói chân như cũng không có tướng, là phần chuyển thứ hai, dùng ngôn ngữ để loại trừ lỗi lầm của những chấp trước. Nghĩa là chúng sinh ngu muội dấy lên chấp như vậy: Xa lia ba tướng trọn đủ ba đức là lý của thể chân như, tuy không có tướng giả mà có tướng thật, tự nhiên thường trụ quyết định là thật có. Do chấp như vậy nên rơi vào biên chấp thường, không biết lúc nào ra khỏi. Vì thế để loại trừ kiến chấp như vậy, nên nói chân như cũng không có tướng. Nghĩa là chốn tột cùng của ngôn thuyết, nhân nơi ngôn ngữ loại trừ ngôn ngữ, là trực tiếp chỉ rõ nhân duyên vô tướng của chân như. Tức là các thứ ngôn thuyết đạt đến mức tột cùng, đối với chân như lại không thể vượt quá. Đã đoạn dứt ngôn ngữ diễn tả, há có thể có tướng vô ngôn? Tức nên được nhân nơi ngôn ngữ loại trừ ngôn ngữ mà thôi. Ở đây, chủ thể loại trừ là như như đúng như thuyết, đối tượng loại trừ là bốn thứ ngôn thuyết hư vọng.

Trong Khế kinh Đại Bản Duy Ma Cật nêu giảng như vậy: “Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Cưu-na-a-phiệt-đà-đa: Các đại chúng chúng tôi, mỗi mỗi thấy đều tùy theo chỗ vui thích của mình, tuyên thuyết về một loại của tánh ngàn pháp hương về môn Bất nhị. Như chỗ thích hợp, thì Duy Ma Cật vì đại chúng chúng tôi, lia ngôn thuyết nơi ngôn thuyết để nói về phi bất nhị nơi bất nhị, trừ bỏ cấu uế của giả nói. Lúc này Duy Ma Cật im lặng không nói gì. Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khen ngợi Duy Ma Cật: Lành thay! Lành thay! Cư sĩ như ngôn ngữ diễn tả về như, như tai nghe theo như. Lành thay! Lành thay! Đây mới là pháp môn bất nhị chân thật. Đây chính là pháp môn bất nhị chân thật”.

Đã nói về môn trực tiếp giảng giải về thể của chân như. Tiếp theo là nói về môn giải thích danh tự. Thể của chân như này không gì có thể trừ bỏ, vì tất cả các pháp thấy đều là chân, là căn cứ theo chân để giải thích về danh (Tên gọi). “Cũng không gì có thể thiết lập, vì tất cả pháp đều đồng là như”, là căn cứ theo như để giải thích về danh. Văn này nêu rõ về nghĩa gì? Đó gọi là hiển bày làm rõ không có trí đoạn chứng. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là đạo đoạn khởi lên tất nhân nơi việc đối trị chướng ngại, không thể tự khởi. Nhưng trong thể của chân thì không có pháp nhiệm để có thể trừ bỏ, nên cũng không có đạo đoạn của chủ thể đối trị. Vì sao? Vì không có một pháp nào không phải là thể của chân. Lại nữa, nếu như trí có chướng ngại, tùy theo tâm cao thấp, tức nên có thể kiến lập tất cả các vị địa. Nhưng trong Thể của như thì không có phần vị nào để có thể kiến lập. Không có phương tiện của chủ thể kiến lập. Vì sao? Vì không có một pháp nào không phải là Thể của như. “Nên biết tất cả pháp không thể nêu diễn, không thể suy niệm, nên gọi là Chân như”, là tổng kết những điều đã nói ở trên.

Đã nói về môn Chân như của Thể tánh căn bản. Tiếp theo là nói về môn Phát khởi vấn đáp trừ bỏ Nghi.

Hỏi: Nếu nghĩa như vậy thì các chúng sinh làm sao tùy thuận để có thể nhập được? Tức là sinh nghi dẫn đến thừa hỏi như vậy. Người hỏi căn cứ vào những câu nào, phát sinh những nghi như thế? Đó là dựa vào câu “Không thể nêu diễn, không thể suy niệm” mà phát sinh vấn nạn nghi về nghĩa tùy thuận. Dựa vào chuyển ngôn thứ hai, nên phát sinh vấn nạn để nghi về điều có thể hội nhập được. Đối với câu tùy thuận thì trực tiếp nêu nghi về nhân. Còn đối với câu có thể hội nhập được thì trực tiếp nêu nghi về quả. Vì sao? Vì ngôn thuyết thiện xảo là phương tiện tùy thuận để sinh trưởng văn tuệ, tuệ do văn tạo thành là phương tiện tùy thuận để sinh trưởng tư tuệ. Tuệ do tư tạo thành là phương tiện tùy thuận để

sinh trưởng tu tuệ. Tất cả thiện giáo đạt tới chỗ tốt cùng nơi ngôn ngữ diễn tả, thì hết thấy ba tuệ đã thực hiện hết sự việc niệm pháp. Nếu không có ngôn ngữ diễn tả thì không có ba tuệ. Nếu không có ba tuệ thì không có vạn hạnh. Nhưng pháp chân như không thể nêu bày nên không có ngôn giáo. Không thể suy niệm thì không có ba Tuệ, không có ba Tuệ nên không thể thành tựu vạn hạnh của mười địa. Các loại chúng sinh lấy gì để dựa vào mà dần dần tiến tu? Vì nghi ngờ như vậy nên dẫn đến chất vấn làm sao tùy thuận thực hành nhân nơi chủ thể khởi và có quả đức nơi đối tượng được khởi. Nếu không có nhân phát khởi thì không có chủ thể hội nhập. Nếu không có chủ thể hội nhập thì không thể chứng đắc đối tượng hội nhập. Chủ thể hội nhập gọi là tâm kim cang, đối tượng hội nhập gọi là địa kim cang. Đã không có nhân thì lấy gì làm cách thức để chứng thực hội nhập trong đại dương Nhất thiết chủng trí của Như Lai? Vì nghi ngờ như vậy nên dẫn đến chất vấn: Làm sao có thể hội nhập được? Hai câu hỏi như vậy là căn cứ vào môn sinh diệt mà nghi ngờ về môn Chân như. Nghĩa là có chúng sinh dấy lên nghi ngờ như vậy: Nếu như trong môn sinh diệt đoạn trừ tất cả mọi pháp ác, tu tập tất cả các pháp thiện, thì đầy đủ mọi nhân hạnh, quả đức viên mãn. Trong môn Chân như cũng lại như vậy, há môn Chân như “Không thể nói” là bỏ pháp khéo gia hạnh, “Không thể nghĩ đến” là bài báng vị địa năm bậc sao? Nay nêu ra ý này là khởi câu hỏi như vậy.

Đáp: Nếu nhận biết được tất cả các pháp, tuy nói là không có chủ thể nên nêu dẫn nhưng có thể nêu bày. Tuy suy niệm cũng không có chủ thể suy niệm nhưng có thể suy nghĩ. Đó gọi là được tùy thuận. Nếu như lìa nêu bày suy niệm thì gọi là được hội nhập, tức là như thứ lớp ấy để giải quyết hai nghi ngờ kia. Nghĩa là tùy thuận tự có hai loại. Những gì là hai? Một là tùy thuận Sinh diệt. Hai là tùy thuận Chân như. Trong tùy thuận sinh diệt lại có hai loại. Những gì là hai? Một là tùy thuận hướng thượng. Hai là

tùy thuận hướng hạ. Tùy thuận hướng thượng là từ Tín cho đến kim cương, có thể làm phương tiện tùy thuận của quả vị Bồ-đề. Tùy thuận hướng hạ là từ Địa Tạng tự tánh thanh tịnh vi diệu cho đến Niệm Tín thứ nhất, có thể làm phương tiện tùy thuận của Địa Da Da. Nói tùy thuận hướng thượng, là nhân nơi âm thanh ngôn thuyết vô thường sinh trưởng Văn Tuệ về vô thường. Nhân nơi Văn Tuệ về vô thường sinh trưởng Tư Tuệ về vô thường. Nhân nơi Tư Tuệ về vô thường sinh trưởng Tu Tuệ về vô thường. Nhân nơi Tu Tuệ về vô thường sinh trưởng hành đức của vô thường. Đó gọi là tùy thuận hướng thượng.

Nói tùy thuận hướng hạ là nhân nơi hành đức về thường sinh trưởng Tu Tuệ về thường. Nhân nơi Tu Tuệ về thường sinh trưởng Tư Tuệ về thường. Nhân nơi Tư Tuệ về thường, sinh trưởng Văn Tuệ về thường. Nhân nơi Văn Tuệ về thường sinh trưởng ngôn thuyết về thường. Đó gọi là tùy thuận hướng hạ. Hai môn như vậy là đồng thời đầy đủ không có trước sau. Còn các biệt tướng chứng trí đến nơi *Văn xứ* tự sẽ nêu rõ.

Trong môn Chân như nói như vậy: “Không thể nói nêu” là vì không có âm thanh ngôn thuyết về thường và vô thường. “Không thể suy niệm” là vì không có ba Tuệ về thường và vô thường, chứ không phải là không có tự môn về ngôn thuyết và suy niệm để nói như thế này: “Không thể nói nêu, không thể suy niệm”. Do nghĩa này nên không thể dùng môn khác để vấn nạn môn khác. Do đây có nên kia có, vì kia có nên đây có. Nếu như vậy thì trong môn Chân như ngôn thuyết cùng suy niệm là có những tướng gì? Nghĩa là có ngôn thuyết, không phải là âm thanh của thường, không phải là âm thanh của vô thường. Nghĩa là không có chủ thể nêu bày nhưng có thể nêu bày, như như như thuyết. Lại nữa, có suy niệm không phải là ba tuệ của thường, không phải là ba tuệ của vô thường. nghĩa là không có chủ thể suy niệm nhưng có thể suy niệm là niệm của tịch

diệt tịch tĩnh. Vì sao? Vì trong môn Chân như không có qua lại để trụ trong tạp loạn.

Thế nào gọi là tùy thuận Chân như? Nghĩa là nếu nhận biết tất cả các pháp tuy thuyết nêu, nhưng không có thuyết nêu của thường thuyết, không có thuyết nêu của vô thường thuyết. Không có thuyết nêu của chủ thể thuyết, không có thuyết nêu của có thể thuyết. Đó gọi là tùy thuận nơi âm thanh của Chân như. Nếu cùng với đây trái nhau thì đó gọi là điên đảo nơi âm thanh của Chân như.

Lại nữa, nếu nhận biết được tất cả các pháp tuy có suy niệm nhưng không có suy niệm của tuệ thường, không có suy niệm của tuệ về vô thường. Không có suy niệm của chủ thể niệm, không có suy niệm có thể niệm. Đó gọi là tùy thuận nơi niệm tịch diệt tịch tĩnh. Nếu cùng với đây trái nhau thì đó gọi là điên đảo nơi niệm tịch diệt tịch tĩnh.

Đã nói về phần tướng tùy thuận. Tiếp theo là giải trừ nghi về nghĩa có thể nhập được. Trong đây có hai. Những gì là hai? Một là Sinh diệt được nhập. Hai là Chân như được nhập. Trong phần Sinh diệt được nhập lại có hai loại. Những gì là hai loại? Một là Được nhập về hướng thượng. Hai là Được nhập về hướng hạ. Nói được nhập về hướng thượng tức là địa Kim Cương. Nói được nhập về hướng hạ tức là địa Da Da. Nên có câu nói như vậy: *Cần tùy thuận tức nên quán xét kỹ*.

Chân như được hội nhập là từ nơi chốn của đối tượng được nương dựa. Dùng gì để được hội nhập? Nghĩa là phần vị đang xen lẫn nhau. Thế nào là được hội nhập? Nghĩa là xa lìa ngôn thuyết suy niệm. Lìa những ngôn thuyết suy niệm là như thế nào? Nghĩa là môn Chân như đều cùng chẳng phải là ngôn ngữ diễn tả và cũng đều chẳng phải là suy niệm. Vì vậy nên nói: Nếu xa lìa ngôn thuyết suy niệm thì đó gọi là được hội nhập. Tức là chuyển ngôn thuyết

thứ nhất được thành tựu. Chuyên ngôn thuyết thứ hai là nghi đã được đoạn trừ thì nghĩa lý sẽ được sáng rõ.

Đã nói về môn Phát khởi vấn đáp giải trừ nghi. Tiếp theo là nói về môn Nhờ vào ngôn thuyết mở ra tướng Chân như. Trong ấy có hai môn. Những gì là hai? Một là môn Chân như của như thật không. Hai là môn Chân như của như thật bất không. Như thật không là trong Thể của Như như có Hằng hà sa số tất cả các pháp nhiệm nhiều hơn Hằng hà sa thủy đều rỗng không có thật. Như thật bất không, là trong Thể của Như như có Hằng hà sa số tất cả các pháp tịnh nhiều hơn Hằng hà sa, thủy đều đầy đủ không thiếu. Hai môn như vậy tùy theo mỗi mỗi đều có đủ và không cùng lìa bỏ. Ở đây, nên đọc lời tụng về huyền lý. Như tụng ấy nêu:

*Xa lìa ba tướng giả
Viên mãn ba đức thật
Vì những nhân duyên ấy
Kiến lập thể Chân như.
Xa lìa tướng Tứ cú
Viên mãn đức bốn pháp
Do nhân duyên như vậy
Kiến lập tướng Chân như.
Tất cả hành làm lỗi
Ba – bốn tướng làm góc
Tất cả Phẩm Công Đức
Ba – bốn đức làm góc.
Do nơi nhân duyên ấy
Không tăng cũng không giảm
Chỉ ở số lượng phẩm
Tạo an lập như vậy.*

Nay đọc tụng này, vốn nên giữ lấy môn Chân như, vì lia cảnh giới của suy niệm thì chỉ chứng đắc tương ưng, là chứng phân loạn trụ nhưng không phải chứng phân qua lại đan xen.

Đã nói về môn tâm Chân như. Tiếp đến là nói về môn tâm Sinh diệt.

* *Bản luận viết*: Tâm sinh diệt là dựa nơi Như Lai tạng nên có tâm sinh diệt. Đó gọi là bất sinh, bất diệt cùng với sinh diệt hòa hợp, không phải một không phải khác, gọi là thức A-lê-da. Thức này có hai thứ nghĩa, có thể gồm thâu tất cả các pháp, có thể phát sinh tất cả các pháp. Những gì là hai thứ? Một là nghĩa giác. Hai là nghĩa bất giác.

* *Luận giải thích*: Trong đây có hai môn. Những gì gọi là hai? Đó là: (1) Môn tổng tướng của đối tượng được nương dựa. (2) Môn biệt tướng của chủ thể nương dựa. Ở đây có hai lớp an trụ nơi tư duy nên quán xét. Nghĩa là môn sinh diệt lấy nhất tâm làm nơi nương dựa. Môn sinh diệt gồm thâu nghĩa giác và nghĩa bất giác, vì thức A-lê-da làm nơi nương dựa. Trước nói về môn thứ nhất: Tâm sinh diệt là xướng nêu phần trên để lập phần dưới. Dựa nơi Như Lai tạng là đối tượng nương dựa nơi nhất tâm. Đối tượng nương dựa kia là nhiều hay một tâm cũng gọi là Như Lai tạng. Tức là chữ tâm trên, tiếp xuống dưới là kiến lập tên gọi khác. Có tâm sinh diệt là pháp môn của chủ thể nương dựa, nghĩa là môn sinh diệt. Nay sẽ căn cứ vào Khế kinh để hiển bày chỉ rõ về môn Như Lai tạng. Tạng của Như Lai có số lượng bao nhiêu? Nay Như Lai tạng này là thuộc về gì?

* *Tụng nêu*:

*Như Lai tạng có mười
Khế kinh thuyết giảng khác
Như Lai tạng trong đây
Cùng hành cùng tướng thâu.*

* *Luận giải thích*: Như Lai tạng có mười loại. Ở trong các Khế kinh đã nêu giảng có khác nhau. Những gì là mười loại? Đó là:

(1) Như Lai tạng Đại Tổng trì, gồm thâu hết thảy tất cả Như Lai tạng. Trong Khế kinh chư Phật Vô Tận Tạng thuyết giảng như vậy: “Đức Phật nói với Bồ-tát Văn-thù: Có Như Lai tạng, tên là Đại Bảo Vô Tận Thù Thắng Viên Mãn Đà La Ni, gồm thâu hết các Tạng, không gì là không thông suốt, không gì là không thích hợp, viên mãn nơi viên mãn, bình đẳng nơi bình đẳng, tất cả các Như Lai tạng hiện có, không Tạng nào là không dùng đây làm căn bản. Vì sao? Vì Như Lai tạng này là Như Lai tạng vương, Như Lai tạng chủ, là Như Lai tạng thiên, Như Lai tạng địa. Do các nghĩa ấy nên gọi là Như Lai tạng Đại Bảo Vô Tận Thù Thắng Viên Mãn Đà La Ni”. Văn của Khế kinh này nêu rõ về nghĩa gì? Đó là hiển thị về tổng tướng nơi đối tượng nương dựa của Tạng Đà-la-ni. Trong các Khế kinh khác thì các Như Lai tạng là biệt tướng của chủ thể nương dựa. Do nghĩa nào nên gọi là Như Lai tạng? Do nơi nghĩa thâu giữ.

(2) Như Lai tạng viễn chuyển viễn phục, do chỉ một Thể thanh tịnh, một Thể viên mãn. Trong Khế kinh Thật Tế nêu bày như vậy: “Này Phật tử! Như Lai tạng tức chỉ có giác ngộ, chỉ có Như như, lìa nhân lưu chuyển, lìa trói buộc của suy xét nhận biết, mỗi mỗi đều sáng tỏ, vì vậy gọi là Như Lai tạng”. Văn của Khế kinh nêu rõ về nghĩa gì? Đó là hiện bày rõ về một tâm của môn Chân như, không có nhân của mê lầm, không có nhân của giác ngộ, không có quả của mê lầm, không có quả của giác ngộ, vì một Chân một Như, chỉ có Thể của Như Lai diệu tịnh. Do nghĩa nào nên gọi là Như Lai tạng? Do nghĩa không xen tạp.

(3) Như Lai tạng cùng hành cùng tướng. Cùng với sức lưu chuyển khiến pháp thân Như Lai bị che giấu. Trong Khế kinh Lăng

Già thuyết giảng như vậy: “Nhu Lai tạng là nhân thiện bất thiện thọ nhận khổ vui, cùng với nhân đều cùng có hoặc sinh hoặc diệt, cũng như người trẻ có tài”. Văn của Kinh này nêu rõ về nghĩa gì? Đó là hiển bày chỉ rõ về một tâm của môn sinh diệt. Đối với mê lầm cho lực. Cũng đối với giác ngộ cho lực, xuất hiện pháp sinh tử và Niết-bàn. Ví như người không phải là huyễn mà huyễn hóa, đối với các sự việc huyễn, tùy theo chỗ thích ứng mà cho lực dụng. Do nghĩa nào nên gọi là Nhu Lai tạng? Do nghĩa khiến bị che giấu.

(4) Nhu Lai tạng Chân như nơi chân như, vì chỉ có Như như. Trong Khế kinh Chân Tu nói như vậy: “Nhu Lai tạng Như lý – Như lý, chẳng phải là kiến lập, chẳng phải là hủy báng, chẳng phải là thường, chẳng phải là vô thường, chẳng phải là đối tượng chứng đắc của trí chánh thể, cũng chẳng phải là cảnh giới nơi đối tượng duyên của ý và ý thức. Vì sao? Vì chỉ có lý nơi lý không có đây kia”. Văn của Kinh này biện minh về nghĩa gì? Đó là hiển thị lý của tánh Chân như trong môn Chân như. Chỉ có lý nơi tự lý không phải là trí nơi tự lý. Do nghĩa nào nên gọi là Nhu Lai tạng? Do nghĩa không có thứ khác.

(5) Nhu Lai tạng Sinh diệt, Chân như: Là bất sinh bất diệt bị sinh diệt làm cấu nhiễm. Trong Khế kinh Lăng Già nêu bày như vậy: “Này Đại Tuệ! Phạm phu ngu si không hiểu không biết, chấp trước các pháp sát-na không dừng trụ, rơi vào nẻo tà kiến, nói: Pháp vô lậu cũng sát-na không dừng trụ, phá bỏ Nhu Lai tạng chân như kia. Lại nữa, này Đại Tuệ! Nhu Lai tạng Kim cương là pháp Nhu Lai chứng đắc, không phải là sát-na không dừng trụ. Này Đại Tuệ! Pháp Nhu Lai chứng đắc nếu sát-na không dừng trụ, thì tất cả Thánh nhân không thành Thánh nhân”. Văn của Kinh này nêu rõ về nghĩa gì? Đó là hiển bày rõ về lý của tánh Chân như trong môn sinh diệt, xa lìa tướng vô thường nơi pháp bất sinh bất diệt. Do nghĩa nào nên gọi là Nhu Lai tạng? Do nghĩa bị cấu nhiễm.

(6) Như Lai tạng không, vì tất cả các không đã che giấu Như Lai. Trong Khế kinh Thắng Man thuyết giảng như vậy: “Thưa Thế Tôn! Như Lai tạng không, hoặc lìa, hoặc thoát, hoặc khác với tất cả tạng phiền não”. Văn của Kinh này làm rõ về nghĩa gì? Đó là hiển thị về tất cả các pháp nhiệm trong môn sinh diệt, vì che kín vô lượng tánh công đức nơi Bản giác của tự tướng. Do nghĩa nào mà tất cả pháp nhiệm gọi chung là không? Đó là vì tất cả pháp nhiệm đều là huyền hóa sai biệt, thể tướng không thật, tác dụng chẳng phải chân nên gọi là không. Nhưng có thể che kín Thể chân Đức thật nơi pháp thân Như Lai, vì vậy gọi là Như Lai tạng. Vì thuận theo năng lực chứa giữ nhiệm mà lập tên gọi.

(7) Như Lai tạng Bất không, vì tất cả bất không bị không làm cấu nhiễm. Trong Khế kinh Thắng Man giảng nói như vậy: “Thưa Thế Tôn! Như Lai tạng Bất không vượt quá Hằng sa số pháp Phật không lìa, không thoát, không khác và không nghĩ bàn”. Văn của Kinh này biện rõ về nghĩa gì? Đó là hiển bày rõ về Bản giác của tự tướng trong môn sinh diệt, đầy đủ tất cả công đức vượt quá Hằng sa số, bị tất cả pháp nhiệm vượt quá Hằng sa số làm cấu nhiễm. Do nghĩa nào mà tất cả pháp tịnh gọi chung là Bất không? Đó là tác dụng thắng diệu thật sự trong tự thể của tất cả các pháp tịnh, xa lìa hư giả, vượt lên trên các thứ giả dối xảo trá, nên gọi là Bất không. Bị che lấp do pháp nhiệm nên gọi là Như Lai tạng. Nơi lúc xuất hiện thì gọi là Pháp thân, vào lúc lấp kín thì gọi là Như Lai tạng. Thuận theo nghĩa tịnh bị chứa giữ để lập tên gọi.

(8) Như Lai tạng năng nhiếp là tâm tịnh của tự tánh trong tạng vô minh, có thể gồm thu tất cả các công đức. Trong Khế kinh Bất Tăng Bất Giảm nói như vậy: “Như Lai tạng bản tế tương ưng với Thể và pháp thanh tịnh. Pháp này là pháp như thật, không hư vọng, không lìa, không thoát, là trí không thể nghĩ bàn. Từ bản tế vô thủy đến nay đã có thể của pháp tương ưng và thanh tịnh ấy”.

Văn của Kinh này nêu bày về nghĩa gì? Đó là hiện rõ tâm thanh tịnh nơi tự tánh của tất cả các chúng sinh, từ vô thủy đến nay đều có đủ ba trí, viên mãn bốn đức, không có thiếu mất. Do nghĩa nào nên gọi là Như Lai tạng? Vì tâm điên đảo không hiểu không biết. Tùy theo chủ thể và đối tượng đều thanh tịnh mà lập tên gọi.

(9) Như Lai tạng sở nhiếp là tất cả pháp nhiệm chứa giữ trong địa vô minh, chính là đã xuất ly và gồm đủ giác ngộ là đối tượng được gồm thâu. Trong Khế kinh Bát Tạng Bát Giảm nêu rõ như vậy: “Bản tế của Như Lai tạng không tương ưng với Thê và phiền não triền là pháp không thanh tịnh. Bản tế của pháp này là lia thoát không tương ưng với pháp không thanh tịnh của phiền não triền. Chỉ có trí Bồ-đề của Như Lai mới có thể đoạn trừ”. Văn của Kinh này nêu rõ về nghĩa gì? Đó là hiện bày chỉ rõ về Thủy giác tròn đủ nơi Phật, đoạn trừ tất cả chướng, có đủ Nhất thiết trí. Trí sáng tỏ là bên ngoài, ngăn chận tối tăm là bên trong, tất cả pháp nhiệm đã được trí thâu giữ. Do nghĩa nào nên gọi là Như Lai tạng? Do nghĩa thâu giữ.

(10) Như Lai tạng ẩn phủ, vì Pháp thân của Như Lai bị phiền não che phủ ẩn mất. Trong Khế kinh Bát Tạng Bát Giảm thuyết giảng như vậy: “Như Lai tạng vào thời gian vị lai luôn bình đẳng cùng với pháp hiện hữu. Đây là phần căn bản của tất cả các pháp, gồm đủ hết thảy pháp, hoàn bị hết thảy pháp, ở trong pháp thế gian không lia, không thoát”. Văn của đoạn Kinh này nêu bày về nghĩa gì? Đó là hiện bày chỉ rõ về Thê của nhiều tâm, một tâm, bình đẳng đối với pháp giới hiện khắp cả ba đời, hoàn toàn có đủ các pháp nhiệm tịnh, không nơi nào là không thông suốt, không chôn nào là không đến được.

Lại nữa, vì hiện rõ về tâm thanh tịnh của tự tánh trong môn tùy duyên, ở nơi pháp nhiệm đã bị che giấu ẩn mất, nên Pháp thân Như Lai chưa xuất hiện. Đó gọi là mười loại Như Lai tạng. Như

vậy, trong mười loại Như Lai tạng ấy, thì Như Lai tạng hiện nay là thuộc về Như Lai tạng cùng hành cùng tướng.

Đã nói về môn Như Lai tạng. Tiếp theo là nói về môn thức A-lê-da. Đó tức là bất sinh bất diệt cùng với sinh diệt hòa hợp, chẳng phải một, chẳng phải khác, gọi là thức A-lê-da, là lược bỏ tên gọi phân biệt, kiến lập tên gọi đầy đủ, tuy nghĩa đã gồm đủ nhưng ngôn từ chưa đủ. Trong đây đã nói về bất sinh, bất diệt cùng với sinh diệt, thì mỗi loại đều có những pháp nào và phần hạn thích hợp?

* *Tụng nêu:*

*Thâu chung các vô vi
Gọi là không sinh diệt
Thâu chung các hữu vi
Nên gọi là sinh diệt.*

* *Luận giải thích:* Gồm thâu chung tất cả pháp vô vi, vì vậy gọi là bất sinh bất diệt, là tổng tướng của các pháp vô vi bất sinh bất diệt. Gồm thâu chung tất cả pháp hữu vi, nên gọi là sinh diệt. Tức nói sinh diệt là tổng tướng của các pháp hữu vi. Hai pháp hữu vi và vô vi như thế, mỗi loại có số lượng bao nhiêu, tên gọi như thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Vô vi tuy vô lượng
Lược nói có bốn loại
Là Chân như, Bản giác
Thủy giác cùng Hu không.
Hữu vi tuy vô lượng
Lược nói có năm thứ
Là vô minh căn bản
Cùng phẩm của bốn tướng.*

* *Luận giải thích*: Pháp vô vi có bốn loại. Những gì là bốn? Đó là: (1) Vô vi của Chân như. (2) Vô vi của Bản giác. (3) Vô vi của Thủy giác. (4) Vô vi của Hư không. Đây gọi là bốn loại.

Pháp hữu vi có năm loại. Những gì là năm? Đó là: (1) Hữu vi của vô minh căn bản. (2) Hữu vi của tướng sinh. (3) Hữu vi của tướng trụ. (4) Hữu vi của tướng diệt. (5) Hữu vi của tướng diệt. Đây gọi là năm loại.

Lại, bốn loại pháp vô vi dùng gì làm Thể, có những dụng như thế nào?

* *Tụng nêu*:

*Dựa đều có hai loại
Đó là chung và riêng
Như Thể, Dụng cũng vậy
Theo giải thích nên xét.*

* *Luận giải thích*: Vô vi của Chân như có hai đối tượng nương dựa. Những gì là hai? Đó là: (1) Đối tượng nương dựa chung: Là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp căn bản của một tâm, lấy đó làm Thể. (2) Đối tượng nương dựa riêng: Là pháp của lý tịch tĩnh trong môn sinh diệt, lấy đó làm Thể.

Vô vi của Bản giác có hai đối tượng nương dựa. Những gì là hai? Đó là: (1) Đối tượng nương dựa chung: Là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp căn bản của một tâm, lấy đó làm Thể. (2) Đối tượng nương dựa riêng: Là bản trí tự nhiên trong môn sinh diệt, lấy đó làm Thể.

Vô vi của Thủy giác có hai đối tượng nương dựa. Những gì là hai? Đó là: (1) Đối tượng nương dựa chung: Tức chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp căn bản của một tâm, lấy đó làm Thể. (2) Đối tượng nương dựa riêng: Tức là tri tùy theo kẻ khác khởi trong môn sinh diệt, lấy đó làm Thể.

Vô vi của Hư không có hai đối tượng nương dựa. Những gì là hai? Đó là: (1) Đối tượng nương dựa chung: Tức là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp căn bản của một tâm, lấy đó làm Thể. (2) Đối tượng nương dựa riêng: Tức là sự không hiện có trong môn sinh diệt và lấy đó làm Thể.

Đây gọi là hai loại đối tượng nương dựa.

Lại nữa, vô vi của Chân như có hai loại dụng. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dụng chung. Là khiến cho tất cả các pháp được sinh ra. (2) Dụng riêng. Là khiến cho tánh bình đẳng không mất.

Vô vi của Bản giác có hai loại dụng. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dụng chung. Là không giữ lấy tự tánh. (2) Dụng riêng. Là không chuyển biến.

Vô vi của Thủy giác có hai loại dụng. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dụng chung. Là tùy theo vọng chuyển. (2) Dụng riêng. Là đối trị sai lầm của tự mình.

Vô vi của Hư không có hai loại dụng. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dụng chung. Là muốn có tức khiến có. (2) Dụng riêng. Là tánh không vô khiến không mất.

Đây gọi là hai dụng. Trong đây đã nói về chung, là nghĩa từ kẻ khác và riêng là nghĩa của tự thân. Dựa vào hai lời nêu này nên quán xét rộng có vô số loại biệt tướng, đến xứ văn tự sẽ nói rõ.

Năm loại hữu vi dùng gì làm Thể, có những dụng như thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Dựa đều có hai loại
Đó là chung và riêng
Như Thể, Dụng cũng vậy
Theo giải thích nên xét.*

* *Luận giải thích*: Hữu vi của vô minh căn bản có hai loại nương dựa. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dựa chung. Tức chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp căn bản của một tâm lấy đó làm Thể. (2) Dựa riêng. Là địa của trụ đại lực trong môn sinh diệt và lấy đó làm Thể.

Hữu vi của tướng sinh có hai loại nương dựa. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dựa chung. Tức chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp căn bản của một tâm và lấy đó làm thể. (2) Dựa riêng. Là pháp nhiệm của phần vi tế trong môn sinh diệt và lấy đó làm Thể.

Hữu vi của tướng trụ có hai loại nương dựa. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dựa chung. Nghĩa là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp căn bản của một tâm và lấy đó làm Thể. (2) Dựa riêng. Là pháp nhiệm của phần thô trong môn sinh diệt và lấy đó làm thể.

Hữu vi của tướng dị có hai loại nương dựa. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dựa chung. Tức là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp căn bản của một tâm và lấy đó làm Thể. (2) Dựa riêng. Tức pháp nhiệm thuộc phần thô trong môn sinh diệt và lấy đó làm Thể.

Hữu vi của tướng diệt có hai loại nương dựa. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dựa chung. Nghĩa là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp căn bản của một tâm và lấy đó làm Thể. (2) Dựa riêng. Là pháp nhiệm thuộc phần thô trong môn sinh diệt và lấy đó làm Thể.

Đấy gọi là hai loại nương dựa.

Lại nữa, hữu vi của vô minh căn bản có hai loại dụng. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dụng chung. Là có thể sinh khởi tất cả các

pháp nhiệm. (2) Dụng riêng. Là tùy những nơi chốn đạt đến, tạo ra các sự việc chướng ngại.

Hữu vi của tướng sinh có hai loại dụng. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dụng chung. Là đối với hạng thượng, hạ, trung đều trao cho lực dụng kia. (2) Dụng riêng. Là tùy theo những nơi chốn đi đến đều tạo ra các sự việc chướng ngại.

Như nói về tướng sinh thì tướng trụ và tướng dị cũng như vậy.

Hữu vi của tướng diệt có hai loại dụng. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Dụng chung. Là đối với phần trên và tự thân đều trao cho lực dụng kia. (2) Dụng riêng. Là có khả năng tạo ra các sự chướng ngại. Đây gọi là hai loại dụng. Vô số các loại biệt tướng đến nơi xứ vẫn tự sẽ nêu rõ.

Do nơi nghĩa nào mà thuyết giảng như vậy? Vì tất cả các pháp hữu vi, vô vi đều dùng chung một tâm để làm Thể của mình. Ở trong Khế kinh đều nêu giảng như vậy. Là những Khế kinh nào? Đó là Kinh Đạo Trí. Thuyết giảng như thế nào? Ở trong Kinh ấy nêu: Bảy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trước Đức Phật thưa: Thế Tôn! Thức A-lê-da vốn có đủ tất cả pháp, gồm đủ tất cả pháp, vô lượng vô biên số vượt quá Hằng hà sa. Các pháp như vậy lấy gì làm căn bản và sinh khởi ở nơi xứ nào? Đức Phật dạy: Tất cả các pháp hữu vi, vô vi như vậy, xứ sinh là thù thắng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì ở nơi xứ chẳng phải là hữu vi, chẳng phải là vô vi, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, nhưng có thể phát sinh. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại thưa với Đức Phật: Thế Tôn! Vì sao gọi là xứ chẳng phải là hữu vi, chẳng phải là vô vi? Đức Phật nói: Xứ chẳng phải là hữu vi, chẳng phải là vô vi, đó tức là pháp căn bản của một tâm, vì chẳng phải là hữu vi nên có thể tạo ra hữu vi. Do chẳng phải là vô vi nên có thể tạo ra vô vi. Vì vậy Ta nói xứ sinh là thù thắng không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như con thú có hai nơi nương dựa: Một là nhà vua. Hai là cha mẹ. Tất cả các pháp hữu vi, vô vi cũng lại như vậy, đều có hai nơi nương dựa, đó là nương dựa của thông đạt và nương dựa của chi phần.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như tất cả các loại cỏ cây có hai nơi nương dựa: Một là đại địa. Hai là hạt giống. Tất cả các pháp hữu vi, vô vi cũng lại như vậy, đều có hai nơi nương dựa, đó là nương dựa của thông đạt và nương dựa của chi phần. Cho đến nói rộng.

Cùng hòa hợp tức là phân bày chỉ rõ về chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập có sai biệt. Phân bày chỉ rõ như thế nào? Đó là hiển thị các pháp nhiễm tịnh, có lực, không lực, cùng có hơn kém. Nay nên tạo ra hai môn để nêu giảng phân minh. Những gì là hai môn? Đó là: (1) Môn hạ chuyển. (2) Môn thượng chuyển. Trong môn sinh diệt không ra ngoài hai môn này. Hai môn như vậy có sai biệt như thế nào?

** Tụng nêu:*

Các pháp nhiễm có lực

Các pháp tịnh không lực

Bỏ gốc, hạ hạ chuyển

Gọi là môn hạ chuyển.

Các pháp tịnh có lực

Các pháp nhiễm không lực

Hướng gốc, trên trên chuyển

Gọi là môn thượng chuyển.

** Luận giải thích:* Do các pháp nhiễm tịnh đều cùng có hơn kém, nên hai loại môn chuyển được thành lập. Nay trước nên nói về môn thứ nhất là môn hạ chuyển. Vô minh căn bản lấy những

pháp nào để làm đối tượng huân tập? Ở trong thời gian nào để tạo sự huân tập?

* *Tụng nêu:*

*Đối tượng huân có năm
Là tâm một pháp giới
Cùng bốn loại vô vi
Không đâu chẳng giữa sau.
Chọn lấy đâu giữa sau
Như Khế kinh nói rõ.*

* *Luận giải thích:* Vô minh căn bản dùng năm loại pháp để làm đối tượng huân tập. Đó là một pháp giới và bốn vô vi. Huân tập một pháp giới, tương ấy như thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Tâm một loại pháp giới
Có hai thứ tự tại
Là hữu vi, vô vi
Vô minh căn bản này
Dựa vào tự tại đâu
Để tạo sự huân tập.*

* *Luận giải thích:* Tâm của pháp giới có hai loại tự tại. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Hữu vi tự tại. Là có thể vì pháp hữu vi làm nơi chốn nương dựa. (2) Vô vi tự tại. Tức có thể vì pháp vô vi làm nơi chốn nương dựa. Vô minh căn bản dựa vào tự tại thứ nhất (Hữu vi tự tại) để có thể đây tạo sự huân tập các pháp, không phải là tự tại thứ hai (Vô vi tự tại). Trong Khế kinh Trung Thật nói như vậy: “Vô minh căn bản huân tập nơi chốn nương dựa của chính nó, với lượng có phần hạn, không phải là nơi chốn nương dựa khác”. Huân tập pháp Chân như, tương ấy như thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Pháp vô vi chân như
 Có hai loại tác dụng
 Đó là chung và riêng
 Như trước nói quyết trạch.
 Vô minh căn bản này
 Dựa tác dụng thứ nhất
 Để tạo sự huân tập
 Vô vi khác cũng vậy.*

* *Luận giải thích:* Vô vi của chân như có hai loại dụng, đó là chung và riêng, như trước đã nói. Vô minh căn bản dựa vào tác dụng thứ nhất, có thể tạo ra sự huân tập các pháp, không phải là tác dụng thứ hai. Như nói về vô vi của chân như, thì ba vô vi còn lại cũng lại như vậy, đều dựa vào tác dụng thứ nhất không phải là tác dụng thứ hai. Vô minh căn bản tạo ra sự huân tập các pháp, về thời lượng chẳng phải là đầu cũng chẳng phải là giữa, sau, vì nhận lấy cả đầu, giữa, sau. Trong Khế kinh Bản Trí nêu rõ như vậy: “Đại lực vô minh vào lúc tạo ra sự huân tập các pháp, thì đầu và giữa, sau đều cùng một lúc nhận lấy đủ, không phải là nhận lấy riêng biệt”.

Ở đây đã nói về chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập, do nghĩa gì nên gọi là huân tập? Nghĩa là có thể dẫn dắt pháp kia để hợp với tự thể không cùng lìa bỏ, đều cùng hành, cùng chuyển, nên gọi là chủ thể huân tập. Lại có thể khiến cho pháp kia không tạo chướng ngại, hoặc tùy hoặc thuận không trái ngược, vì thế gọi là đối tượng được huân tập, tức là năm loại hữu vi.

Chủ thể huân tập là bốn loại pháp vô vi và tâm của một pháp giới. Đối tượng được huân tập là năm pháp tùy thuận xuất hiện, nhưng cùng với năm thứ chủ thể huân tập cùng hội hợp hòa hợp đồng sự và cùng chuyển. Vì vậy nói là bất sinh bất diệt cùng với sinh diệt hòa hợp. Như đại lực vô minh và pháp căn bản của một

tâm là nương dựa chung, tức dựa vào hữu vi tự tại để tạo sự huân tập, thì hữu vi của bốn tướng nên biết như vậy. Như đại lực vô minh dựa vào tác dụng thông đạt của bốn loại vô vi, tức có thể tạo ra sự huân tập, thì bốn tướng hữu vi nên biết cũng như vậy. Những nghĩa như thế đến phần tự quyết định chọn lựa thì lý ấy tức phân minh.

Chẳng phải một, chẳng phải khác: Tức là mở bày chỉ rõ về chỗ đồng dị của pháp hữu vi và vô vi có sai biệt. Mở bày chỉ rõ như thế nào? Đó là nhằm hiển thị tâm của một pháp giới là vô vi tự tại. Bốn loại vô vi với sự tác dụng riêng, cùng với tâm của một pháp giới là hữu vi tự tại. Bốn loại vô vi với tác dụng thông đạt, về lý là không đồng, nên gọi là chẳng phải một. Vì nhằm hiển thị về pháp nhiệm thọ nhận chủ thể huân tập và tâm của một pháp giới là hữu vi tự tại. Bốn loại vô vi với tác dụng thông đạt, cùng với năm loại hữu vi của chủ thể tạo ra sự huân tập, về lý là không khác, vì thế gọi là chẳng phải khác. Lại nữa, pháp tịnh của đối tượng được huân tập cùng với pháp nhiệm của chủ thể huân tập, thấy đều sai biệt, nên gọi là chẳng phải một. Chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập là cùng một tâm tạo ra, không có thứ khác, nên gọi là chẳng phải khác. Gọi là thức A-lê-da, là tổng kết về phần tự viên mãn.

Đã nói về môn hạ chuyên. Tiếp đến là nói về môn thượng chuyên. Nếu muốn thành lập môn thượng chuyên này, lại nên căn cứ theo ngôn từ gốc của kinh. Đó là trong Khế kinh Lăng Già Vương giảng nói như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với đại chúng: Các Phật tử! Ta nhớ về thời xưa kia, trong lúc đi ra, Ta đến nương nhờ nơi người khác. Trong lúc đi vào thì người khác đến nương nhờ nơi Ta”. Văn của đoạn kinh này nêu rõ về nghĩa gì? Đó là hiển bày rõ về hai chuyện. Hiển bày rõ như thế nào? Nghĩa là trong lúc đi ra, Ta đến nương nhờ nơi người khác, tức là

hạ chuyên. Trong lúc đi vào, người khác đến nương nhờ nơi Ta, tức là thượng chuyên. Nghĩa này là thế nào? Ta có nghĩa là Phật, là Chân như, Bản giác, Như Lai tạng. Đến là nghĩa thọ nhận huân tập. Nương nhờ nơi người khác là từ bỏ Bản giác của mình để dựa vào vô minh của kẻ khác. Căn cứ vào văn của đoạn kinh này để đưa ra giải thích như vậy. Thế nên nói là bất sinh bất diệt cùng với sinh diệt hòa hợp, tức là môn hạ chuyên. Nếu muốn thành lập môn thượng chuyên, thì có thể nói sinh diệt cùng với bất sinh bất diệt hòa hợp. Vì nghĩa này nên trong Luận Huyền Lý vẫn giữ lại lời nói ấy. Bồ-tát Mã Minh, vốn theo A-thế-da, so với nghĩa tiếp theo thì thứ lớp phân minh hiện rõ. Đưa ra một gồm đủ một để cùng được chỉ rõ. Vì vậy không có sai lầm thiếu sót. Nghĩa của môn thượng chuyên đối với phần đối trị, lý ấy tự sáng tỏ.

Đã nói về môn thượng chuyên. Tiếp theo là nói về môn gồm thâm trọn khắp để an lập. Các thức sai biệt số lượng ấy có bao nhiêu? Trong những Khế kinh nào đều giảng nói có bao nhiêu loại thức?

** Tụng nêu:*

*Mâu Ni Đại Giác Tôn
Trong một đời Thánh thuyết
Hợp chung có mười loại
Khế kinh đều nói khác.
Tức một loại là đầu
Mười loại là sau cùng
Các Khế kinh quy bản
Đều thuyết giảng phân minh.*

** Luận giải thích:* Tập hợp trong một đời các Thánh thuyết giảng, Khế kinh nói khác nhau, gồm có mười loại. Nghĩa là từ một loại thức cho đến mười loại thức. Những gì là mười loại thức theo kinh nêu bày sai biệt? Đó là:

(1) *Thiết lập một loại thức gồm thấu toàn bộ các thức.* Trong đây có bốn loại. Những gì là bốn?

Một là thiết lập tất cả thức của một tâm thấu tóm chung các thức. Đó là dùng thức của một tâm hiện hữu khắp nơi hai thứ tự tại, không nơi nào là không an lập. Trong Khế kinh Nhất Tâm Pháp Giới thuyết giảng như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vâng theo lực uy thần của Đức Phật, tức thì thừa Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Ngài đã thuyết giảng có bao nhiêu loại thức, thể tướng của chúng như thế nào? Xin hãy vì con phân biệt khai thị. Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Lành thay! Lành thay! Này Văn-thù-sư-lợi! Ông đã vì các đại chúng nên thừa hỏi về sự việc này. Hãy lắng nghe kỹ và khéo suy nghĩ ghi nhớ, Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa: Lành thay Đức Thế Tôn! Con xin vui thích được nghe! Đức Phật nói với Văn-thù-sư-lợi: Ta chỉ kiến lập một loại thức, những thức khác chẳng phải kiến lập. Vì sao như thế? Vì một loại thức ấy gồm nhiều các loại thức, thức này có vô số các loại lực, có thể tạo nên tất cả các loại tên gọi, nhưng chỉ một thức, hoàn toàn không có pháp khác. Vì vậy Ta nói chỉ kiến lập một loại thức, những thức còn lại không phải kiến lập.

Hai là thiết lập thức A-lê-da gồm thấu toàn bộ các thức. Đó là dùng thức A-lê-da có đầy đủ nghĩa chướng ngại và không chướng ngại, không nơi chốn nào là không gồm thấu. Trong Khế kinh A Lê Da Thức nêu bày như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Quán Tự Tại liền bạch Phật: Thừa Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là thức của tổng tướng thông đạt? Do nghĩa gì nên gọi là Tổng tướng? Đức Phật nói với Bồ-tát Quán Tự Tại: Nơi thức của tổng tướng thông đạt tức là thức A-lê-da. Thức này có sự ngăn ngại và sự không ngăn ngại, gồm đủ tất cả các pháp hoàn bị và tất cả pháp các pháp không hoàn bị. Ví như biển cả vì nước, sóng v.v..., nên đã tạo ra danh xưng Tổng tướng. Vì nghĩa này nên gọi là Tổng tướng”.

Ba là thiết lập thức Mạt-na gồm thấu toàn bộ các thức. Đó là vì thức Mạt-na gồm đủ mười một loại nghĩa, không có thứ gì là không gồm thấu. Trong Khế kinh Hiền Liễu nêu rõ như vậy: “Các loại tâm thức tuy có vô lượng, nhưng chỉ do thức Mạt-na chuyển biến không có pháp khác. Vì sao? Vì thức Mạt-na này gồm đủ mười một nghĩa, không có thứ gì là không tạo tác”.

Bốn là thiết lập một ý thức gồm thấu chung các thức. Đó là vì ý thức có bảy thứ chuyển biến tự tại, theo đấy có thể tạo nên sự việc kia. Trong Khế kinh Thất Hóa nói như vậy: “Vị như Huyền sự chỉ là một người, dùng sức của huyền thuật biến hóa ra bảy người. Người ngu thấy như thế cho là có bảy người, nhưng người trí thì thấy chỉ có một người chứ không có bảy người khác. Huyền sự của ý thức cũng lại như vậy, chỉ là một thức nhưng có thể tạo ra bảy sự, hàng phàm phu thấy như thế cho là có bảy sự, nhưng người giác ngộ thì thấy chỉ có ý thức, không có bảy sự khác”.

Đấy gọi là bốn thứ Khế kinh kiến lập đồng một loại thức.

(2) *Thiết lập hai loại thức gồm thấu toàn bộ các thức*. Những gì là hai loại? Một là thức A-lê-da. Hai là ý thức. Thức A-lê-da: Là nêu chung về ba thức: Nghiệp, chuyển và hiện. Ý thức: Là nêu chung về bảy loại thức chuyển. Trong Khế kinh Lăng Già nêu bày như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói rộng có tám loại thức. Nói lược thì có hai loại thức. Những gì là hai loại? Một là thức liễu biệt. Hai là thức phân biệt sự”. Cho đến nói rộng.

(3) *Thiết lập ba loại thức gồm thấu toàn bộ các thức*. Những gì là ba loại? Một là thức A-lê-da. Hai là thức Mạt-na. Ba là ý thức. Thức A-lê-da là nêu chung về ba tướng thức. Thức Mạt-na là chỉ thẳng về ý căn. Ý thức là nêu chung về sáu loại chuyển thức. Trong Khế kinh Từ Vân nói như vậy: “Lại nữa, này Kính Thủ! Nói rộng có mười loại thức. Nói lược thì có ba loại thức. Những gì là

ba loại? Một là thức tế tướng tánh. Hai là thức căn tướng tánh. Ba là thức phân ly tướng tánh”. Cho đến nói rộng.

(4) *Thiết lập bốn loại thức gồm thấu toàn bộ các thức.* Những gì là bốn loại? Đó là trong ba loại trước thêm vào một tâm thức. Trong Khế kinh Vô Tướng nói rõ như vậy: “Pháp của thức tuy là vô lượng, nhưng không ra ngoài bốn loại thức. Những gì là bốn loại? Một là thức sở y bản nhất. Hai là thức năng y trì tạng. Ba là thức ý trì. Bốn là thức biến phân biệt”. Cho đến nói rộng.

(5) *Thiết lập năm loại thức gồm thấu toàn bộ các thức.* Những gì là năm loại? Đó là trong bốn loại trước, thêm vào *Thức tùy thuận biến chuyển*. Trong Khế kinh Đại Vô Lượng thuyết giảng như vậy: “Lại nữa, có thức không phải do những thức kia gồm thấu nhưng hiện bày khắp nơi các thức ấy, đó là thức tùy thuận biến chuyển”.

(6) *Thiết lập sáu loại thức gồm thấu toàn bộ các thức.* Những gì là sáu loại? Đó là năm thứ thức riêng biệt như nhãn v.v... và thức thứ sáu là ý thức. Trong Khế kinh Tứ Thánh Đế nói như vậy: “Đức Phật bảo Thọ Vương: Ta vì các chúng sinh căn cơ nhỏ, dùng ý hướng bí mật, khởi xương như vậy: Chỉ có sáu thức, không có thức nào khác. Nhưng bản ý thật là muốn khiến nhận biết trong sáu loại thức là gồm đủ tất cả thức, nên ở trong đại chúng nói rõ như vậy”.

(7) *Thiết lập bảy loại thức gồm thấu toàn bộ các thức.* Những gì là bảy loại? Đó là trong sáu loại trước thêm vào thức Mạt-na. Trong Khế kinh Pháp Môn nói rõ như vậy: “Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Pháp của thức có bảy loại. Những gì là bảy? Đó là sáu thức thân và thức Mạt-na. Bảy thức như vậy hoặc là cùng một thời chuyển, hoặc là theo trước sau chuyển. Lại nữa, thức thứ bảy có lực thù thắng. Hoặc có lúc tạo tác công dụng trì tạng. Hoặc có lúc tạo tác chỗ nương dựa phân biệt”.

(8) *Thiết lập tám loại thức gồm thấu toàn bộ các thức.* Những gì là tám loại? Đó là trong bảy thức trước thêm vào thức A-lê-da. Trong Khế kinh Đạo Trí nói rõ như vậy: “Tâm vương có tám loại. Những gì là tám? Một là tâm vương của nhãn thức, cho đến tám là tâm vương của thức dị thực báo. Vô số các loại pháp của thức không ra ngoài số lượng này”.

(9) *Thiết lập chín loại thức gồm thấu toàn bộ các thức.* Những gì là chín loại? Đó là trong tám loại trước thêm vào thức Am-ma-la. Trong Khế kinh Kim Cương Tam Muội nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Vô Trụ thừa Đức Phật: Thừa Tôn giả! Do lợi chuyển gì để chuyển tất cả tình thức của chúng sinh nhập nơi thức Am-ma-la? Đức Phật bảo: Chư Phật Như Lai thường dùng một thứ giác ngộ để chuyển các thức nhập nơi thức Am-ma-la”.

(10) *Thiết lập mười loại thức gồm thấu toàn bộ các thức.* Những gì là mười loại? Đó là trong chín loại trước thêm vào thức Nhất thiết nhất tâm. Trong Khế kinh Pháp Môn nêu giảng như vậy: “Tâm lượng tuy là vô lượng nhưng không ra ngoài mười thức”. Cho đến nói rộng.

Đây là mười loại thức, các Khế kinh đã giảng nói khác nhau. Mười loại như vậy ở trong Bảo San đã gồm đủ như thế nào, an lập như thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Nơi Bản luận tuy rõ
Nay lại giải thích nữa
Dùng văn tán Khế kinh
Nói chung thuộc Luận này.*

* *Luận giải thích:* Ở trong Bản luận tuy đã nêu bày phân minh, nhưng nay vì hàng độn căn nên lại giải thích lần nữa, dùng văn của Khế kinh có liên quan đến ngôn thuyết của luận. Đó là

trong Khế kinh Nhất Tâm Pháp Giới đã kiến lập chung về thức Nhất thiết nhất tâm. Luận Ma-ha-diễn gồm thâu một pháp giới, nghĩa như trước đã nói.

Trong Khế kinh Thức A Lê Da đã kiến lập chung về thức A-lê-da. Luận Ma-ha-diễn đã gồm thâu toàn bộ thức A-lê-da. Vì sao? Vì ở trong Bản luận đã nói như vậy: “Đó gọi là bất sinh bất diệt cùng với sinh diệt hòa hợp, chẳng phải một, chẳng phải khác, nên gọi là thức A-lê-da. Thức này có hai loại nghĩa, có thể gồm thâu tất cả pháp và phát sinh tất cả pháp. Những gì là hai loại? Một là nghĩa giác. Hai là nghĩa bất giác”.

Trong Khế kinh Hiển Liễu đã kiến lập chung thức Đại-mạt-na. Luận Ma-ha-diễn đã gồm thâu toàn bộ thức Mạt-na. Vì sao? Vì ở trong luận đã nêu rõ như vậy: “Lại nữa, nhân duyên sinh diệt, nghĩa là chúng sinh dựa vào tâm, ý, ý thức chuyển. Nghĩa này là thế nào? Vì dựa nơi thức A-lê-da, nên nói có vô minh bất giác dấy khởi. Có thể thấy, có thể hiện, có thể nhận lấy cảnh giới, dấy khởi suy niệm tương tục, nên nói là ý. Ý này lại có năm thứ tên gọi. Những gì là năm tên gọi? (1) Gọi là thức nghiệp. Nghĩa là lực vô minh bất giác khiến tâm động. (2) Gọi là thức chuyển. Vì dựa nơi tâm động nên có thể thấy tướng. (3) Gọi là thức hiện. Đó là có thể hiện bày tất cả cảnh giới. Cũng như gương sáng hiện rõ các cảnh sắc hình tượng. Thức hiện cũng vậy, tùy theo năm trần hướng đến lập tức hiện rõ không có trước sau. Do nơi tất cả thời tự nhiên mà khởi lên luôn ở trước. (4) Gọi là thức trí. Nghĩa là phân biệt các pháp nhiễm tịnh. (5) Gọi là thức tương tục. Do niệm tương ưng không đoạn dứt”. Cho đến nói rộng.

Trong Khế kinh Thất Hóa đã kiến lập chung đồng một ý thức. Luận Ma-ha-diễn đã gồm thâu một phần ý thức, nói về tướng tuy thiếu nhưng mật ý thì đầy đủ. Ở trong Bản luận nêu rõ như vậy: “Lại nữa, nói ý thức tức là thức tương tục này. Dựa vào đây các

hàng phạm phu chấp giữ càng sâu, chấp về ngã và ngã sở, có vô số các thứ vọng chấp, tùy theo sự duyên dựa phân biệt về sáu trần, gọi là ý thức”. Cho đến nói rộng.

Tất cả các Kinh như vậy như vậy, tùy theo xứ thích hợp nên phối hợp tương xứng như thế.

Đã nói về môn gồm sáu đũa để an lập. Tiếp theo là nói về môn tạng thức phân tích theo tên chữ. Tên gọi của thức A-lê-da có sai biệt, số lượng ấy có bao nhiêu? Khế kinh thuyết giảng khác nhau, tướng ấy là thế nào? Những gì là nghĩa của chữ và thuộc về những xứ nào?

* *Tụng nêu:*

*A-lê-da có mười
Khế kinh giảng nói khác
Ma Ha Kiện Đát Tiêu
Kiện A Thi Già La.
Bạch Bạch Am Ma La
Hắc Bạch Am Ma La
Yết La La Kiện Ma
Phược Đa Đề Kiện Ma.
Xa Ha Na Kiện Ma
Bà A Xoa Ni La
Bạch Bạch Ca Tát La
Hắc Bạch Ca Tát la.
Mười loại thức như vậy
Trong Luận Ma Ha Diễn
Nêu giảng phân minh rõ
Tùy thuận nên phối hợp.*

* *Luận giải thích:* Thức A-lê-da gồm có mười loại. Vì sao? Vì ở trong Khế kinh đã thuyết giảng có riêng khác. Những gì là

mười? Đó là: (1) Gọi là Thức A-lê-da Đại Nhiếp Chủ. Đó tức là thức tổng tướng đại, nghĩa như trước đã nói.

(2) Gọi là Thức A-lê-da của căn bản vô minh. Đó gọi là vô minh căn bản được lập riêng, dùng làm thức A-lê-da. Trong Khế kinh Thập Chung Vọng Tướng thuyết giảng như vậy: “Thức Sát xa chỉ đa đề vương chính là pháp hư vọng, không thể thấu đạt Thể của một pháp giới. Thức A-lê-da của tất cả pháp nhiễm lấy đó làm căn bản, xuất sinh tăng trưởng, không lúc nào đoạn dứt. Nếu không có thức Đề vương thì quyền thuộc của phẩm đen vĩnh viễn không có nơi chốn nương dựa, không thể sinh trưởng”. Thức A-lê-da này nên thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bản luận nêu rõ như vậy: “Đó là nói về nghĩa bất giác. Tức là không nhận biết như thật về pháp Chân như duy nhất, tâm bất giác dậy khởi nên có suy niệm”. Cho đến nói rộng.

(3) Gọi là Thức A-lê-da của bản giác thanh tịnh. Đó là trí căn bản tự nhiên được lập riêng, lấy đó làm thức A-lê-da. Trong Khế kinh Bản Giác nói như vậy: “Thức A-lê-da của tự thể tịnh Phật gồm đủ công đức vô lậu viên mãn, luôn thanh tịnh, luôn quyết định, không có tướng thọ nhận huân tập, không có tướng biến dị, Thể của trí bất động có đủ phẩm trang. Vì vậy gọi là thức độc nhất tịnh”. Thức A-lê-da này nên thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bản luận nói như vậy: “Lại nữa, thể tướng của giác có bốn loại nghĩa đại, cùng bằng với hư không, giống như gương sáng”. Cho đến nói rộng.

(4) Gọi là Thức A-lê-da của bản giác nhiễm tịnh. Đó là trí Đà-la-ni không giữ lấy tự tánh được lập riêng, lấy đó làm thức A-lê-da. Trong Khế kinh Bản Nhân Duyên Khởi nêu bày như vậy: “Bấy giờ, Đồng tử Quang Nghiêm liền thưa với Đức Phật: Tôn giả! Do nhân duyên gì khó vào trong hội chưa từng có mà nói nêu như vậy? Vì tùy theo duyên khác khởi lên trí Đà-la-ni, gọi là thức

Lăng già vương. Thế nào gọi là Lăng già vương? Lấy đó làm dụ bày tỏ trí Đà-la-ni duyên khởi kia. Lúc này, Tôn giả nói với Đồng tử Quang Nghiêm: Lăng già vương này thường ở trong núi Ma-la giữa biển lớn, dẫn theo mười vạn sáu ngàn chúng quỷ thần để làm quyến thuộc. Các quyến thuộc như vậy đều nương nơi cung điện hóa hiện du hành qua các cõi nước, thầy đều nhờ vào Lăng già vương kia mới được đến nơi. Nghĩa là các chúng quỷ thần cùng nói như vậy: Chúng thần chúng tôi không có uy đức, không có khí lực, đối với những gì đã làm đều không có công năng. Nếu như thích hợp, mong Đại vương ban cho năng lực để trong đám chúng tôi hành trì được. Lăng già vương lập tức thuận theo, lúc đó ban cho lực thù thắng, không cùng lia bỏ nhưng cùng chuyển biến. Tức Lăng già vương tuy không phân thân nhưng có thể hiện hữu khắp nơi trong các thần chúng, mỗi mỗi đều khiến đạt được lượng toàn thân nơi tất cả thời, nơi tất cả xứ, đều cùng chuyển biến không lia. Trí không giữ lấy tự tánh cũng lại như vậy, có thể thọ nhận vô lượng vô biên phiền não của tất cả pháp nhiễm do chúng quỷ thần huân tập, không cùng lia bỏ mà đều cùng chuyển. Do nhân duyên này, Ta mới nói như thế là khó vào trong hội, thuận theo giác trí chuyên gọi là thức Lăng già vương”. Thức A-lê-da này nên thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bản luận nói như vậy: “Tự tánh nơi tâm thanh tịnh, do gió vô minh nên động, tâm và vô minh đều cùng không hình tướng, không lia bỏ nhau”. Cho đến nói rộng.

(5) Gọi là Thức A-lê-da của nghiệp tướng nghiệp thức. Đó là tướng nghiệp cùng với thức nghiệp căn bản, được lập riêng để làm thức A-lê-da. Trong Khế kinh Bản Tánh Trí nêu giảng như vậy: “Thức A-lê-da không có chủ thể tạo tác phân biệt, không có đối tượng được tạo tác phân biệt, không thể phân tích và không thể làm cách biệt, chỉ do nơi nghĩa thuần động ẩn chuyển, nên gọi là Kiện-ma”. Thức A-lê-da này nên thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bản luận nói như vậy: “Lại nữa, dựa vào bất giác nên sinh

ba loại tướng, cùng với bất giác kia tương ưng không lìa. Những gì là ba tướng? Một là tướng vô minh nghiệp. Do dựa vào bất giác, nên tâm động nói là nghiệp. Giác thì không động, động tức có khổ, vì quả không lìa nhân”.

(6) Gọi là Thức A-lê-da của chuyển tướng chuyển thức. Đó là tướng có thể thấy rõ cảnh giới cùng với chuyển thức, được lập riêng để làm thức A-lê-da. Trong Khế kinh Đại Vô Lượng nói như vậy: “Thức A-lê-da có nhận thấy thì nhận thấy chuyển, không nhận thấy thì nhận thấy khởi”. Thức A-lê-da này nên thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bản luận nêu rõ như vậy: “Hai là tướng có thể thấy. Vì dựa nơi động nên có thể thấy, không động thì không thấy”.

(7) Gọi là Thức A-lê-da của hiện tướng hiện thức. Đó là tướng của cảnh giới cùng với hiện thức, được lập riêng để làm thức A-lê-da. Trong Khế kinh Thật Tế nêu bày như vậy: “Biệt dị và biệt dị nơi địa hiện tiền chuyển. Cùng khác và cùng khác thì gồm đủ hành chuyển. Vì vậy gọi là thức A-lê-da. Lại nữa, thức A-lê-da này thực sự là pháp dị thực vô ký, tướng tịnh bạch, nên hoặc gọi là thành thực”. Thức A-lê-da này nên thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bản luận nói như vậy: “Ba là tướng cảnh giới. Do dựa vào chủ thể nhận thấy, nên cảnh giới vọng hiện, tức lìa nhận thấy thì không có cảnh giới”.

(8) Gọi là Thức A-lê-da của lý tánh chân như. Đó là chân như thanh tịnh do chánh trí đã chứng đắc, được lập riêng để làm thức A-lê-da. Trong Khế kinh Chư Pháp Đồng Thể nói như vậy: “Có thức là thức, không phải thức thuộc về thức, đó gọi là thức A-lê-da như như”. Thức A-lê-da này nên thuộc về phần quyết trạch nào? Tức là cảnh thật của Bát nhã thanh tịnh thuộc về chân như.

(9) Gọi là Thức A-lê-da của thủy giác thanh tịnh. Đó là Bát nhã của thủy giác thanh bạch vốn có, được lập riêng để làm thức

A-lê-da. Trong Khế kinh Quả Viên Mãn nêu bày như vậy: “Đức Phật nói với Thọ vương Bồ Đề: Thức A-lê-da của thủy giác tự nhiên, tức luôn không lia bản giác thanh tịnh. Bản giác thanh tịnh tức luôn không lia thức thanh tịnh của thủy giác. Tùy theo nơi này mà nơi kia có. Hoặc chẳng phải đồng loại, hoặc chẳng phải khác loại”. Thức A-lê-da này nên thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bản luận nêu rõ như vậy: “Nghĩa bản giác là đối với thủy giác mà nói. Do thủy giác tức đồng với bản giác”.

(10) Gọi là Thức A-lê-da của thủy giác nhiễm tịnh. Đó là Bát nhã của thủy giác tùy duyên, được lập riêng để làm thức A-lê-da. Trong Khế kinh Quả Viên Mãn nói như vậy: “Lại nữa, này Thọ vương! Như thức tịnh của thủy giác và bản giác bạch tịnh, nói về thức A-lê-da của thủy giác nhiễm tịnh và bản giác không giữ tự tánh duyên khởi cũng lại như vậy”. Thức A-lê-da này nên thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bản luận nói như vậy: “Nghĩa thủy giác là dựa nơi bản giác mà có bất giác. Dựa nơi bất giác nên nói là có thủy giác. Lại do giác ngộ về gốc của tâm nên gọi là Cứu cánh giác. Không giác ngộ về gốc của tâm nên chẳng phải là Cứu cánh giác”. Cho đến nói rộng.

Những nghĩa như vậy đến phần Tự quyết trạch sẽ quảng diễn đầy đủ. Đồng thời, mười loại Mạt-na và sáu loại ý thức, ở trong phần văn sau theo thứ lớp sẽ giải thích. Nay chỉ lược nêu.

Đã nói về môn Tạng thức phân tích theo tên chữ. Tiếp đến là nói về môn Thức gồm thân chung phát sinh. Thức này có hai loại nghĩa, có thể gồm thân tất cả pháp, có thể phát sinh tất cả pháp. Những gì là hai nghĩa? Một là nghĩa giác. Hai là nghĩa bất giác. Nhưng là hiển bày chỉ rõ chung về tướng viên mãn thù thắng của bản thức. Nghĩa này là thế nào? Đó là gồm đủ hai thứ viên mãn. Những gì là hai thứ? Một là công đức viên mãn. Hai là lỗi lầm gồm đủ.

Công đức viên mãn: Là câu chữ của nghĩa giác, có thể gồm thâu tất cả các công đức là vô lượng vô biên, vượt quá Hằng sa số không lìa, không đoạn. Có thể phát sinh tất cả các công đức là vô lượng vô biên, vượt quá Hằng sa số, không lìa, không đoạn.

Lỗi lầm gồm đủ: Là câu chữ của nghĩa bất giác, có thể thâu tóm tất cả các lỗi lầm là vô lượng vô biên, vượt quá Hằng sa số hoặc lìa hoặc thoát. Có thể phát sinh tất cả các lỗi lầm là vô lượng vô biên vượt quá Hằng sa số, hoặc lìa hoặc thoát. Như vậy là vô số các loại tướng đã gồm thâu phát sinh huân tập có sai biệt, đến trong phần Biệt tướng quyết trạch sẽ hiển thị phân minh.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 3

Đã nói về môn Thức gồm thân chung phát sinh viên mãn. Tiếp theo là nói về môn Tổng tướng phân biệt nêu rộng.

* *Bản luận viết*: Nói về nghĩa giác tức là tướng lìa niệm nơi thể của tâm. Tướng lìa niệm là ngang bằng hư không giới. Một tướng pháp giới không đâu là không hiện bày khắp, tức là pháp thân bình đẳng của Như Lai. Dựa nơi pháp thân này nên gọi là Bản giác. Vì sao? Vì nghĩa của bản giác là đối với thủy giác mà nói. Do thủy giác tức đồng với bản giác. Nghĩa của thủy giác là dựa vào bản giác mà có bất giác, dựa nơi bất giác nên nói là có Thủy giác. Lại, vì giác ngộ về gốc của tâm nên gọi là Cứu cánh giác. Không giác ngộ về gốc của tâm nên không phải là Cứu cánh giác.

* *Luận giải thích*: Ở trong phần văn này có hai môn. Những gì là hai? Một là môn lược nói về an lập Bản giác. Hai là môn lược nói về an lập Thủy giác. Trong môn Bản giác tức gồm có hai môn. Những gì là hai? Một là môn Bản giác thanh tịnh. Hai là môn Bản giác nhiễm tịnh. Trong môn Thủy giác lại có hai môn. Những gì là hai? Một là môn Thủy giác thanh tịnh. Hai là môn Thủy giác nhiễm tịnh.

Thế nào gọi là Bản giác thanh tịnh? Là pháp thân vốn có từ vô thủy đến nay gồm đủ các đức viên mãn vượt quá Hàng sa số, luôn sáng sạch.

Thế nào gọi là Bản giác nhiễm tịnh? Là tâm tự tánh tịnh nhận lấy sự huân tập của vô minh nên lưu chuyển trong sinh tử không đoạn dứt.

Thế nào gọi là Thủy giác thanh tịnh? Là trí của tánh vô lậu xuất ly tất cả vô lượng vô minh, không nhận lấy sự huân tập của hết thảy vô minh.

Thế nào gọi là Thủy giác nhiễm tịnh? Là Bát nhã của Thủy giác đã nhận lấy sự huân tập của vô minh nên không thể lìa bỏ.

Các giác như vậy đều là quyến thuộc của trí, nên chúng được lý nào để trở thành phần của Thế? Đó là lý của tánh Chân như và lý Hư không. Hai lý như vậy đều có bao nhiêu loại? Tức đều có hai loại? Những gì gọi là hai loại Chân như? Một là Chân như thanh tịnh. Hai là Chân như nhiễm tịnh. Lý của Hư không cũng lại như vậy. Thế nào gọi là Chân như thanh tịnh? Đó là chân như của hai loại giác thanh tịnh đã chứng, lìa các thứ huân tập. Thế nào gọi là Chân như nhiễm tịnh? Đó là chân như của hai loại giác nhiễm tịnh đã chứng, không lìa các thứ huân tập. Lý của Hư không cũng lại như vậy. Do nghĩa nào mà tạm gọi là Bản, Giác? Sự chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Bản, Giác đều có mười
Thế tuy đồng sự chữ
Mỗi mỗi đều sai biệt
Tức nghĩa như căn, gương.*

* *Luận giải thích:* Bản, giác mỗi loại có mười. Những gì là mười Bản? Đó là:

(1) Bản của sự chữ là *Căn*: Là bản có pháp thân có thể khéo trụ giữ tất cả công đức. Ví như gốc rễ (*Căn*) của cây có thể khéo trụ giữ tất cả cành lá và hoa quả khiến không thể hoại mất.

(2) Bản của sự chữ là *Bản*: Tức bản có pháp thân từ vô thủy đến nay, tánh tự nhiên có không phải là mới khởi.

(3) Bản của sự chữ là *Viễn*: Tức bản có pháp thân và lúc có công đức thì lớp lớp lâu xa không phân chia giới hạn.

(4) Bản của sự chữ là *Tự*: Tức bản có pháp thân, ngã tự thành ngã, không phải là kẻ khác thành ngã.

(5) Bản của sự chữ là *Thế*: Là bản có pháp thân, vì các cành nhánh công đức làm nơi nương dựa.

(6) Bản của sự chữ là *Tánh*: Là bản có pháp thân theo nghĩa không chuyển, vì luôn được kiến lập.

(7) Bản của sự chữ là *Trụ*: Tức bản có pháp thân trụ ở nơi vô trụ, không có đi đến.

(8) Bản của sự chữ là *Thường*: Tức bản có pháp thân quyết định về thật tế không lưu chuyển.

(9) Bản của sự chữ là *Kiên*: Tức bản có pháp thân xa lìa tướng lay động (Gió), kiên cố bất động như kim cương.

(10) Bản của sự chữ là *Tổng*: Tức bản có pháp thân rộng lớn tròn đủ, không đâu là không hiện bày khắp, là Thể thông hợp.

Đấy gọi là mười Bản.

Những gì là mười Giác? Đó là:

(1) Giác của sự chữ là *Kính* (Gương): Là tuệ của nhất thiết trí thanh tịnh minh bạch, không vướng bụi bặm.

(2) Giác của sự chữ là *Khai*: Là tuệ của nhất thiết trí thông đạt hiện bày rõ không có chướng ngại.

(3) Giác của sự chữ là *Nhất*: Là tuệ của nhất thiết trí độc tôn độc nhất không gì có thể so sánh.

(4) Giác của sự chữ là *Ly*: Là tuệ của nhất thiết trí có tự tánh giải thoát, xuất ly tất cả các thứ trói buộc.

(5) Giác của sự chữ là *Mãn*: Là tuệ của nhất thiết trí có đầy đủ vô lượng các thứ công đức, không thiếu sót.

(6) Giác của sự chữ là *Chiếu*: Là tuệ của nhất thiết trí phóng ra ánh sáng lớn, soi chiếu khắp tất cả vô lượng cảnh giới.

(7) Giác của sự chữ là *Sát* (Quan sát): Là tuệ của nhất thiết trí luôn luôn phân minh không mê loạn.

(8) Giác của sự chữ là *Hiển*: Là tuệ của nhất thiết trí nơi phẩm tịnh trong thể thanh tịnh, quyền thuộc đều hiện tiền.

(9) Giác của sự chữ là *Tri*: Là tuệ của nhất thiết trí, đối với tất cả các pháp không pháp nào là không cùng tận.

(10) Giác của sự chữ là *Giác*: Là tuệ của nhất thiết trí nơi công đức hiện có chỉ có giác chiếu, không một pháp nào không phải là giác. Đây gọi là mười Giác.

Như vậy, mười loại nghĩa của chữ Bản, Giác, chỉ dựa vào một loại pháp thân của đại tánh, tùy theo nghĩa nên có giải thích khác nhau, nhưng căn cứ nơi tự thể thì không sai biệt. Nơi hai loại Bản giác đã nói trong này, đúng nghĩa là Bản giác nào? Đó là Bản giác thanh tịnh, không phải là Bản giác nhiễm tịnh.

Nghĩa của chữ Bản giác nhiễm tịnh có sai biệt và tương ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Trong Bản giác nhiễm tịnh
Hoặc đều có mười nghĩa
Trước nói trong mười sự
Đều có tánh xa lìa.*

* *Luận giải thích:* Trong Bản giác này hoặc đều có mười nghĩa. Vì sao? Vì trong mười nghĩa ở trước đều có nghĩa “Không giữ lấy tự tánh”, sự chữ phối hợp là dựa nơi điều vừa nêu, nên biết.

Hai giác như vậy là đồng hay là khác? Chẳng phải đồng mà đồng nên chẳng phải khác mà khác. Do nghĩa này nên hoặc là đồng, hoặc là khác, hoặc chẳng phải là đồng, hoặc chẳng phải là khác. Do đó đều là thị, đều là phi.

Do nghĩa nào mà tạm gọi là Thủy giác? Sự chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Từ vô thủy đến nay
Không có lúc mê loạn
Ngày nay lần đầu giác
Nên gọi là Thủy giác.*

* *Luận giải thích:* Tức Bát nhã của Thủy giác từ vô thủy đến nay, không có lúc nào bị mê loạn, vì không có lúc mê lầm, nhưng nay mới lần đầu giác, nên gọi là Thủy giác. Như vậy, thủy giác nếu trước mê sau giác thì chẳng phải là Thủy giác. Nhưng thời gian không mê lầm nơi lý thường, nay thường là đầu tiên, nên gọi là Thủy giác. Như thế thủy giác trong hai loại thủy giác, đúng nghĩa là Thủy giác nào? Đó là Thủy giác thanh tịnh không phải là Thủy giác nhiễm tịnh. Thủy giác nhiễm tịnh về sự chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Trí thủy giác thanh tịnh
Vì không giữ tự tánh
Mà bị nhiễm huân tập
Nên gọi giác nhiễm tịnh.*

* *Luận giải thích:* Thủy giác thanh tịnh tuy không có lúc nào mê lầm, nhưng vì không giữ lấy tự tánh nên có thể bị pháp nhiễm huân tập, thuận theo duyên lưu chuyển. Do nghĩa này nên gọi là Thủy giác nhiễm tịnh.

Vì nghĩa nào mà tạm gọi là Chân như, sự chữ có sai biệt tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Thế lý tánh Chân như
Bình đẳng bình đẳng một
Không có tướng một, nhiều
Nên gọi là Chân như.*

* *Luận giải thích:* Lý của tánh chân như là bình đẳng nơi bình đẳng, chỉ đồng một tướng, cũng không có một tướng, cũng không có nhiều tướng. Vì không có một tướng nên xa lìa duyên đồng. Vì không có nhiều tướng nên lìa duyên khác. Do nghĩa ấy nên gọi là Chân như. Như vậy, hai loại trí tịnh của chân như tự thân đã nội chứng. Lại nữa, Chân Như đều có mười nghĩa.

Những gì là mười Chân? Đó là: (1) Chân của sự chữ là *Căn*, cho đến thứ mười là Chân của sự chữ là *Tổng*. Mười Chân như vậy cùng với mười loại nghĩa của Bản là tương ưng đều cùng có và không lìa bỏ nhau. Vì vậy nên đồng tên gọi để biểu thị.

Những gì là mười Như? Đó là: (1) Như của sự chữ là *Kính*, cho đến thứ mười là Như của sự chữ là *Giác*. Mười Như như vậy cùng với mười loại nghĩa của Giác là tương ưng đều cùng có và không lìa bỏ nhau. Vì vậy nên đồng tên gọi để biểu thị.

Vì sao? Vì mười loại lý của Chân nơi pháp thân vốn có tức có phương tiện của công đức. Mười loại lý của Như nơi tuệ của nhất thiết trí thì có phương tiện của giác ngộ. Do nghĩa này nên đã lặp lại ngôn từ nêu bày chỉ rõ như vậy. Nơi hai loại Chân Như đã nói trong đây thì đúng nghĩa là Chân Như nào? Đó là Chân Như thanh tịnh, không phải là Chân Như nhiễm tịnh. Chân – Như nhiễm tịnh về sự chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Lý Chân Như thanh tịnh
 Vì không giữ tự tánh
 Mà bị nhiễm huân tập
 Gọi Chân Như nhiễm tịnh.*

* *Luận giải thích:* Chân như thanh tịnh từ vô thủy đến nay, tự tánh thanh tịnh, bình đẳng nơi bình đẳng, không sinh không diệt, cũng không có đi đến, cũng không có nơi chốn. Nhưng lý tánh của Chân như không giữ lấy tự tánh, nên tùy duyên động chuyển, vì vậy gọi là Chân như nhiễm tịnh. Như thế, hai trí tịnh nhiễm của Chân như tự thân đã nội chứng là tương ưng đều cùng có, không cùng lìa bỏ. Các nghĩa như vậy, tức xem ở trước đã nói, so sánh chỗ tương tự nên biết. Do nghĩa nào mà tạm gọi là Hư không, sự chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Hư không có mười nghĩa
 Thể tuy đồng sự nghĩa
 Mỗi mỗi đều sai biệt
 Là nghĩa như vô ngại.*

* *Luận giải thích:* Lý của tánh hư không có mười loại nghĩa. Những gì là mười loại? Đó là: (1) Nghĩa không chướng ngại, vì trong các sắc pháp không có chướng ngại. (2) Nghĩa hiện bày trọn khắp, vì không đâu là không đến. (3) Nghĩa bình đẳng, vì không phân biệt lựa chọn. (4) Nghĩa rộng lớn, vì không phân chia giới hạn. (5) Nghĩa vô tướng, vì dứt hẳn sắc tướng. (6) Nghĩa thanh tịnh, vì không vướng mắc trần cấu. (7) Nghĩa bất động, vì không có thành hoại. (8) Nghĩa hữu không, vì diệt trừ hữu lượng. (9) Nghĩa không không, vì lìa chấp trước không. (10) Nghĩa vô đắc, vì không thể nắm giữ.

Đây gọi là mùi nhĩ. Như vậy, dụng của mùi sự nhĩ thì có sai biệt, nếu căn cứ nơi thể thì không dị biệt.

Hai loại trí thanh tịnh của lý hư không này tự thân đã nội chứng là tương ưng đều cùng có và không lìa bỏ nhau. Trong hai hư không thì đúng nghĩa là hư không nào? Đó là hư không thanh tịnh, không phải là hư không nhiễm tịnh. Sự chữ của hư không nhiễm tịnh có sai biệt, tướng ấy là thể nào?

* *Tụng nêu:*

*Lý hư không thanh tịnh
Vì không giữ tự tánh
Nên bị nhiễm huân tập
Gọi hư không nhiễm tịnh.*

* *Luận giải thích:* Hư không thanh tịnh gồm đủ mùi đức, cũng không có tướng nhiễm, cũng không có tướng tịnh, nhưng tánh hư không chẳng giữ lấy tự tánh, tức có thể bị pháp nhiễm huân tập, tùy duyên lưu chuyển, nên gọi là hư không nhiễm tịnh. Chủ thể huân tập, đối tượng được huân tập đã kiến lập vô số các thứ môn như phi báng v.v... Đến phần nói rộng thì lý ấy sẽ hiển bày đầy đủ.

Đã nói về môn sự chữ. Tiếp theo là nói về môn theo đây giải thích.

Nói về nghĩa của giác, tức là câu nêu chung. Từ đây trở xuống đều là câu riêng. Chung là biểu hiện chung về tất cả giác. Riêng là mỗi mỗi đều nêu bày khác nhau. Dựa theo trong câu riêng thì trước là nói về Bản giác thanh tịnh, Thủy giác thanh tịnh. Tiếp đến là nói về Bản giác nhiễm tịnh và Thủy giác nhiễm tịnh. Như thứ lớp ấy đã nói về tướng có thể nhận thấy. Nghĩa là thể của tâm là tướng lìa suy niệm, tức là Bản giác thanh tịnh. Tâm nghĩa là tâm thanh tịnh của tự tánh. Thể tức là thể của pháp thân vốn có. Như

vậy thể của tâm tức gọi là Bản giác. Tướng lìa suy niệm tức là hiện bày chỉ rõ về nghĩa thanh tịnh. Đó gọi là xa lìa niệm của vô minh lớn nên nói lìa niệm. Xa lìa bốn loại tướng của vô thường nên nói là lìa tướng. Vượt quá Hằng sa quyền thuộc của phiền não. Năm hữu vi này dùng làm căn bản, vì vậy nêu lên gốc là không, chỉ rõ quyền thuộc đều là không. Tướng lìa niệm tức là người xướng nêu Bản giác thanh tịnh. Từ (Ngôn từ) tức là người. Ngang bằng hư không giới, không đâu là không hiện bày khắp: Là người giác ngộ như vậy, là khéo chứng đắc lý hư không gồm đủ nghĩa của mười loại công đức. Một tướng pháp giới: Là như người giác ngộ này, đối với chân như pháp giới của đối tượng chứng đắc, đã cùng hòa hợp, cùng một vị, một tướng không có sai biệt. Tức là pháp thân bình đẳng của Như Lai. Khéo chứng đắc lý của hai loại thắng diệu. Người giác ngộ thanh tịnh tức là tự thể tự tánh của pháp thân Như Lai. Dựa nơi pháp thân này gọi là Bản giác: Tức pháp thân vốn có trong đức của tự tánh, tạo nên nơi quay về nương dựa, kiến lập gọi là Bản giác thanh tịnh.

Đã nói về Bản giác thanh tịnh. Tiếp theo là nói về Thủy giác thanh tịnh.

Vì sao? Tức là ngôn từ thừa hỏi. Nghĩa là muốn kiến lập Thủy giác thanh tịnh nên tạo sự thừa hỏi như thế. Tướng thừa hỏi như thế nào? Nghĩa là có chúng sinh nêu vấn nạn như vậy: Pháp thân vốn có từ xưa đến nay, gồm đủ vô lượng tánh công đức, luôn luôn sáng sạch, thường hằng tự tại. Dựa vào nghĩa này nên gọi là Bản giác. Bản giác như vậy ở trong thời gian nào, do nhân duyên gì mà có đầy đủ tất cả vô lượng công đức gọi là Bản giác? Nếu nói như vậy thì Bản giác này có đại trí lực, có thể khéo đoạn trừ tất cả lỗi lầm tai hại. Đầy đủ các công đức viên mãn: Tức là Bản giác này trước mê lầm sau giác ngộ, không phải là Bản giác luôn sáng sạch. Tức công đức này đoạn trừ lỗi lầm rồi, thì trước là ần, về sau mới

là hiển, thì không phải là tự tánh sáng rõ. Há mê lầm – giác ngộ, ẩn giấu – hiển bày, là nghĩa vốn có mà được thành lập sao? Nếu nói như vậy thì thường đoạn lại không đoạn, thường đầy đủ lại không đầy đủ. Vì vậy tức nên có Bản Đoạn, Bản Đức, nghĩa này cũng không thành lập, là không có lỗi lầm của công đức. Nghĩa là tất cả chướng ngại từ xưa đã đoạn xong lại không đợi phải đoạn nữa. Tất cả công đức từ xưa đã đầy đủ lại không đợi phải đầy đủ nữa. Giác ấy tức là Thủy giác không phải là Bản giác kia. Vì vậy trong Bát nhã Ba-la-mật đã nêu bày như vậy: “Nếu giác là Thủy giác, thì hoặc bất giác tức là vô minh. Nếu lia hai thứ này thì gọi là Bản giác”. Do nghĩa gì để có thể nói như vậy? Trong đức nơi tự tánh của pháp thân vốn có, mà tạo nơi chốn quay về nương dựa gọi là Bản giác, nên nói là vì sao. Nghĩa của Bản giác là đối với Thủy giác mà nói là trực tiếp trừ bỏ nghi kia. Nghĩa là Đại sư Mã Minh tự thông suốt để nói: Bản giác thanh tịnh, từ xưa đến nay là không sinh không diệt, không phải do kiến lập mà có, không phải do hủy báng mà không. Hoặc chẳng phải là lỗi lầm tai hại, hoặc chẳng phải là công đức, nêu xung đường ngôn ngữ dứt, xú tâm hành diệt. Nhưng có ngôn thuyết đầy đủ vô lượng tánh đức viên mãn vượt quá Hằng sa số gọi là Bản giác. Nên biết từ vô thủy đến nay lại có Thủy giác thanh tịnh, phát khởi trí lực lớn, phát khởi định lực lớn, nơi tất cả thời, nơi tất cả xứ, luôn luôn đối trị, vô lượng vô biên vượt quá Hằng sa số biến lỗi lầm tai hại, đầy đủ vô lượng vô biên phẩm tịnh công đức viên mãn vượt quá Hằng sa số. Đối với Thủy giác thanh tịnh này, nên lập danh xưng của Bản giác thanh tịnh kia, do Thủy giác tức đồng Bản giác. Nêu lên lý do ấy, nghĩa là vì Thủy giác tự nhiên cùng với Bản giác kia là đồng, tức có thể đối với Thủy giác chỉ ra Bản giác. Như vậy, hai giác huân tập có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Bản, Thủy giác thanh tịnh
 Từ vô thủy đến giờ
 Xa lìa tất cả nhiễm
 Trong sáng như hư không.
 Thế nên trong môn này
 Pháp nhiễm không huân tập
 Pháp tịnh không huân tập
 Chỉ có tự gia đức.*

* *Luận giải thích:* Hai giác như vậy, không có chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập có sai biệt, chỉ có công đức chân thật của chính nó. Trong môn này không cần phải kiến lập chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập. Nếu là như vậy thì ở trong môn này có nghĩa huân tập gì để cho là có huân tập? Pháp nhiễm, pháp tịnh không cùng đối đãi mà thành. Đó tức là đầy đủ để chuyển huân tập. Huân tập ấy là thế nào? Nghĩa là hoàn toàn sáng rõ thanh tịnh. Trong Khế kinh Tam Thân Bản Hữu nêu rõ như vậy: “Bản giác vốn có nơi Thủy giác vốn có, chỉ có đức huân tập không có lỗi lầm. Đức huân tập chỉ có sự chuyển đầy đủ, không có sự chuyển từng phần”.

Đã nói về Thủy giác thanh tịnh. Tiếp đến là nói về hai giác lìa tánh.

Nghĩa của Thủy giác là dựa vào Bản giác mà có Bất giác. Dựa nơi Bất giác nên nói có Thủy giác: Là chỉ rõ chung về hai loại Bản, Thủy lìa tánh. Tức là dựa vào Bản giác mà có Bất giác. Đó là Bản giác lìa tánh. Dựa vào Bất giác nên nói là có Thủy giác: Tức là Thủy giác lìa tánh. Nghĩa này là thế nào? Là Bát nhã của Bản giác không giữ lấy tự tánh, nên dễ bị pháp nhiễm huân tập, các pháp nhiễm kia khiến được dừng trụ tức là nghĩa của Bản giác lìa tánh. Bát nhã của Thủy giác không giữ lấy tự tánh, tức đã dựa vào các pháp nhiễm đến nay mới dấy khởi vì bị pháp nhiễm lừa dối,

đó là nghĩa của Thủy giác lìa tánh. Bát nhã của Thủy giác có thể đoạn trừ các chướng ngại chứng đắc các công đức, vì sao nói là trí của Thủy giác bị pháp nhiễm lừa dối? Vì đối với pháp không có lỗi lầm lập các thứ lỗi lầm để đoạn trừ chướng ngại. Đối với pháp không có công đức lập các công đức để chứng đắc lý. Nếu như vậy thì Thủy giác ở trong thời gian nào mới được lìa vọng? Là lúc đạo giải thoát đạt tới tột cùng mới được lìa bỏ hoàn toàn, vì trong thời gian ấy đã đạt đến vô niệm. Hai sự việc chuyển đầy đủ và chuyển từng phần nơi đoạn sau sẽ nêu rõ.

Đã nói về môn lược nêu an lập hai giác. Tiếp theo là nói về môn rộng nêu quyết trạch hai giác.

* *Bản luận viết*: Nghĩa này là thế nào? Như người phạm phu, vì nhận biết niệm trước dấy khởi là ác, nên có thể ngăn niệm sau khiến niệm ác ấy không khởi. Tuy lại gọi là giác mà chính là bất giác. Như hàng Nhị thừa quán trí, Bồ-tát mới phát tâm, nhận biết nơi niệm khác nhau nhưng niệm không có tướng khác. Do xả bỏ tướng chấp trước riêng thuộc phần thô, nên gọi là Tương tự giác. Như hàng Bồ-tát pháp thân nhận biết đối với niệm, trụ nơi niệm không trú vào tướng, vì lìa tướng phân biệt niệm thô, nên gọi là Tùy phần giác. Như Bồ-tát ở địa sau cùng đầy đủ phương tiện, một niệm tương ưng, nhận biết tâm mới khởi nhưng tâm không có tướng ban đầu, vì xa lìa niệm vi tế, thấy được tánh của tâm thì tâm tức thường trụ, gọi là Cứu cánh giác. Vì vậy Khế kinh nói: “Nếu có chúng sinh có thể quán xét về vô niệm, tức là hướng về Phật địa”. Lại, tâm khởi lên không có tướng ban đầu có thể nhận biết, nhưng nói là nhận biết tướng ban đầu, tức nói là vô niệm. Vì vậy tất cả chúng sinh không gọi là giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm cùng nối tiếp chưa từng lìa niệm, nên nói là vô minh vô thủy. Nếu người đạt được vô niệm thì nhận biết tướng sinh trụ dị diệt của tâm. Do vô niệm v.v... nên thật sự không có chỗ dị biệt của Thủy

giác. Vì bốn tướng cùng lúc mà có đều không tự lập, xưa nay bình đẳng đồng một giác.

* *Luận giải thích*: Đây tức là phần nêu rộng để quyết trách về Thủy giác. Trong văn này có hai môn. Những gì là hai môn? Đó là: (1) Môn kiến lập bốn tướng. (2) Môn kiến lập tùy giác.

Trong môn Bốn tướng tức có bốn loại. Những gì là bốn loại? Một là bốn tướng của lỗi lầm thô trọng. Hai là bốn tướng của lỗi lầm vi tế. Ba là bốn tướng của công đức vô thường. Bốn là bốn tướng của công đức thường trụ. Bốn tướng thô trọng tức là thời gian dài. Bốn tướng vi tế tức là thời gian ngắn. Tướng vô thường là công đức mới khởi cùng trái với lỗi lầm. Tướng thường trụ là công đức thường trụ đã có cùng trái với lỗi lầm.

Trong môn Tùy giác cũng có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn Mãn giác. Hai là môn Phần giác. Môn Mãn giác là làm sáng tỏ về một giác. Môn Phần giác là hiện bày đủ về giác và bất giác.

Thế nào gọi là bốn tướng của thời gian dài? Đó là từ vị thập tín cho đến lúc đạo giải thoát đạt tới tột cùng mới hoàn toàn lìa. Thế nào gọi là bốn tướng của thời gian ngắn? Vì nhân duyên có được pháp không quá một sát-na. Thế nào gọi là bốn tướng mới bắt đầu khởi? Đó là khởi diệt thì diệt diệt, khởi dị thì khác với dị, khởi trụ thì đức trụ, khởi sinh thì đức sinh. Vì vậy nói là bốn tướng mới khởi. Trái với lỗi lầm nên gọi là công đức, nay mới dấy khởi nên gọi là vô thường. Thế nào gọi là bốn tướng thường trụ? Đó là nay mới dấy khởi nhưng đức thì xưa nay vốn có.

Thế nào gọi là một loại giác? Vì giác cùng với bất giác là không có hai. Thế nào gọi là giác, bất giác? Là giác hoặc bị pháp nhiễm huân tập, hoặc không bị huân tập. Như thứ lớp ấy nói về tướng có thể quán xét. Bốn tướng trong đây có hai thứ lớp. Những gì là hai thứ lớp? Một là thứ lớp trước sau. Hai là thứ lớp cùng có.

Thứ lớp trước sau là trước sau có sai biệt trong lúc các tướng kia không có. Thứ lớp cùng có là trong lúc các tướng kia có thì chúng trước sau cùng một lúc. Lúc các tướng kia không có là căn cứ vào thời gian gián đoạn. Lúc các tướng kia có là dựa vào thời gian tạp loạn. Thứ lớp cùng có tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Tướng sinh trụ dị diệt
Bốn thứ tướng như vậy
Một lúc tức trước sau
Không dần dần chuyển được.
Một lúc nên cùng có
Trước sau nên thứ lớp
Cùng lúc thành một tướng
Riêng nên thành bốn tướng.*

* *Luận giải thích:* Bốn tướng của thứ lớp cùng có: (1) Tướng sinh. (2) Tướng trụ. (3) Tướng dị. (4) Tướng diệt. Bốn tướng như vậy hoặc là một lúc, hoặc là trước sau. Do nghĩa nào nên gọi là một lúc? Do được đồng với nhau. Do nghĩa nào nên nói là trước sau? Do thô tế khác nhau. Không phải dần dần chuyển đổi được: Vì phân biệt là để hiện bày chỉ rõ về nghĩa một lúc. Do nghĩa nào nên nói là cùng có? Do nơi một lúc. Do nghĩa nào nên gọi là thứ lớp? Do trước sau. Bốn tướng như vậy là cùng có nên một, vì thô tế nên bốn. Trong đây một lúc nói đến là ở nơi thời gian nào? Ở vào lúc vô minh căn bản huân tập chân tâm. Ở trong thời gian ấy đã khởi đủ bốn tướng, không hiểu không biết về tánh chân thật của tất cả các pháp hiện bày cùng khắp nơi, tức kiến lập vô lượng phiền não vượt quá Hằng sa số, có thể che phủ tự tánh tịnh nên tâm không biết bao giờ trở về với gốc. Vì vậy nên gọi là bốn tướng cùng có. Vì sao gọi là sinh cho đến gọi là diệt? Nghĩa của chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Trụ địa đại vô minh
Trong thời huân Bản giác
Sinh ba loại tướng tế
Nên gọi là tướng sinh.*

* *Luận giải thích:* Thời gian vô minh căn bản huân tập Bản giác đã phát sinh ba loại tướng, nên gọi là tướng sinh. Những gì là ba tướng? Một là tướng Độc lực nghiệp. Hai là tướng Độc lực tùy. Ba là tướng Câu hợp động. Tướng Độc lực nghiệp là không nhận lấy thể của vô minh mà nhận lấy nghiệp của vô minh. Tướng Độc lực tùy thì không nhận lấy thể của Bản giác mà nhận lấy dụng của Bản giác. Tướng Câu hợp động thì nhận lấy tướng động hòa hợp. Nêu chung về ba loại này nên gọi là tướng sinh, vì danh xưng của tướng sinh được lập vào lúc mới sinh. Nghĩa chữ của tướng trụ, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Tướng trụ có bốn loại
Tướng chuyển và tướng hiện
Tướng trí cùng tương tục
Đấy gọi là bốn loại.*

* *Luận giải thích:* Tướng trụ có bốn loại. Những gì là bốn loại? Một là tướng chuyển. Hai là tướng hiện. Ba là tướng trí. Bốn là tướng tương tục. Đấy gọi là bốn loại tướng. Bốn tướng như vậy do nghĩa nào nên gọi là trụ? Nghĩa của trụ trong đây là tùy thuận ưng hợp có sai biệt. Đó là nếu căn cứ nơi tướng chuyển để nói về tướng trụ kia, tức có thể trụ giữ tâm thức huân tập, nên gọi là tướng trụ. Nếu căn cứ theo tướng hiện để nói về tướng trụ kia, tức có thể trụ giữ sắc tướng huân tập, nên gọi là tướng trụ. Nếu căn cứ nơi tướng trí để nói về tướng trụ kia, tức có thể trụ giữ sáu loại

phân biệt trí dần dần tương ưng với nhiệm, nên gọi là tướng trụ. Nếu căn cứ theo tướng tương tục để nói về tướng trụ kia, tức có thể trụ giữ thức của sự phân biệt liên tục nhiệm ô, nên gọi là tướng trụ. Đây tức là phần tế không phải là phần thô. Nghĩa chữ của tướng dị, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Tướng dị có hai thứ
Chấp thủ, chấp danh tự
Hai thứ tướng như vậy
Chính là phẩm người chấp.*

* *Luận giải thích:* Tướng dị có hai loại. Những gì là hai loại? Một là tướng chấp thủ. Hai là tướng chấp danh tự. Hai tướng như vậy chính là phẩm người chấp. Hai tướng như thế do nghĩa gì nên gọi là tướng dị? Nếu dựa theo tướng chấp thủ để nói về tướng dị kia, tức có thể duyên với tất cả vô lượng biệt tướng, tùy theo các tướng ấy, thức phân biệt phần thô mà có thể chấp trước về dị tự thành dị nên gọi là tướng dị. Nếu dựa theo chấp danh tự để nói về tướng dị kia, tức tùy theo tướng để lập tên gọi, dựa vào tên gọi đó để khởi chấp nên gọi là tướng dị. Nghĩa chữ của tướng diệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Tướng diệt có hai thứ
Khởi nghiệp và quả báo
Tổn hoại tâm dị trước
Khiến chịu khổ là diệt.*

* *Luận giải thích:* Tướng diệt có hai thứ. Những gì là hai thứ? Một là tướng khởi nghiệp. Hai là tướng nghiệp hệ khổ. Hai tướng như vậy đã hủy hoại phần vị dị ở trước khiến nhận lấy vòng khổ, nên gọi là tướng diệt. Lại nữa, lúc nhận lấy vòng khổ, có thể

diệt trừ tất cả vô lượng phẩm thiện, nên gọi là tướng diệt. Lại nữa, lúc nghiệp phát khởi thì căn thiện của Phật tánh dần dần tổn diệt, nên gọi là tướng diệt.

Đã nói về cùng có. Tiếp theo là nói về trước sau. Tướng ấy là thế nào?

** Tụng nêu:*

Tướng diệt, dị, trụ, sinh

Bốn thứ tướng như thế

Theo trí lực hơn kém

Có tăng giảm không đồng.

** Luận giải thích:* Theo thứ lớp trước sau thì: Một là tướng diệt. Hai là tướng dị. Ba là tướng trụ. Bốn là tướng sinh. Bốn tướng như vậy, tùy theo lượng trí tuệ tăng giảm không đồng. Nghĩa này là thế nào? Do người của vị tín thiếu một đủ ba. Người của vị ba Hiền thiếu hai đủ hai. Ở trong mười Địa thì Địa thứ chín thiếu ba đủ một. Nơi Địa thứ mười thiếu một phần thô đủ một phần tế. Trong Địa Như Lai thì bốn tướng đều không có, là thanh tịnh rốt ráo. Vì vậy nói là tăng giảm không đồng.

Đã nói về môn kiến lập. Tiếp đến là nói về môn thuận theo giải thích.

Dựa vào bốn tướng kia để làm rõ về giác có sai biệt, tức là có năm vị. Những gì là năm vị? Đó là: (1) Vị mười Tín. (2) Vị ba Hiền. (3) Vị chín Địa. (4) Vị Nhân mãn. (5) Vị Quả mãn.

Trong bốn vị trước, mỗi vị đều có bốn sự. Những gì là bốn sự? Một là Người tu hành hướng đến. Hai là Tướng của nhân tu hành. Ba là Tướng hành nhân quả. Bốn là Tướng huân tập lia cả hai. Nơi vị thứ năm chỉ có ba sự. Những gì là ba sự? Một là Người có thể viên mãn. Hai là Hành tướng đối trị. Ba là Tướng viên mãn cứu cánh. Như thứ lớp ấy để nói về tướng, nên quán xét.

Vị thứ nhất nói như người phạm phu: Tức là người tu hành hướng đến, là vị ở mười Tín chưa được bất thoái nên gọi là phạm phu. Đã ra khỏi định tà gọi là người giác ngộ. Nhận biết được niệm trước dấy lên là ác: Tức là hiện bày chỉ rõ về tướng của nhân tu hành. Nghĩa là chưa hội nhập nơi mười Tín trở về trước, hai thứ tướng diệt là lỗi lầm lớn, đã không biết không hiểu, nên tạo đủ tất cả nghiệp ác thuộc các loại, thọ nhận đủ khắp tất cả quả khổ vô lượng, mãi luân hồi trong bốn loài nơi năm nẻo, không lúc nào dừng dứt. Ngày nay do vâng theo diệu duyên của tri thức, là Thánh thuyết giảng về phép tác thanh tịnh, có thể được nhập trong vị mười tín, nhận biết các nghiệp ác là lỗi lầm cùng cực, hiểu rõ quả của các khổ là thật không an lạc. Nói nhận biết được niệm trước dấy lên là ác, tức là hiển thị về nghĩa nhận biết tướng diệt. Nên có thể ngăn niệm sau khiến không khởi lên: Tức hiện bày rõ về tướng hành nhân quả. Nghĩa là trong vị này mới khởi đạo đối trị, khí lực rất kém nên gọi là nguyên nhân. Phát tâm trở đi là dấy khởi đạo đối trị chuyển dần tự tại. Lại nữa, lúc trước không hiểu biết nên luôn khởi nghiệp ác. Nay nhận biết rõ nên tâm có hổ thẹn không gây tạo nghiệp ác. Phần uế tạp của tướng diệt dừng dứt không khởi. Tuy cũng gọi là giác nhưng tức là bất giác. là hiển bày chỉ rõ về tướng huân tập cùng hợp cùng lia. Đó gọi là nhận biết đúng pháp của tướng diệt thật sự là lỗi lầm. Phẩm tướng diệt kia không tạo ra sự diệt, nên nói là huân tập cùng lia phẩm tướng diệt ấy. Từ vô thủy đến nay thể tánh thanh tịnh, thật sự là công đức, nhưng đã không biết không hiểu nên nói là huân tập cùng có. Câu chữ trong đây lưu chuyển xa tức nên đến nơi Địa thứ mười. Lại nữa, hiển thị về giác và bất giác hỗ tương tức chung là một vị.

Vị thứ hai nói như hàng Nhị thừa quán trí và Bồ-tát mới phát tâm: Tức là người tu hành hướng đến, vị tại ba Hiền, ở trong vị này là người hoàn toàn vô lậu, thành tựu tự tại không có nghi sợ, nên đem Nhị thừa đồng nơi Bồ-tát để nêu rõ chung. Lại nữa, hiển bày

rõ tất cả Nhị thừa thấy đều tu hành đạo Bồ-tát, chứng nhập trong biển cả của địa Đại giác tự tại. Nhận biết nơi niêm dị, chính là chỉ rõ về tướng của nhân tu hành. Nghĩa là hai loại tướng dị hỗ tương cùng sức nhưng có thể chấp giữ tướng của cảnh giới, phát khởi tham ái để tìm cầu tên gọi, phân biệt về ngôn tướng. Do đây không chán bỏ ngã và ngã sở chuyển thịnh, duyên dựa nơi xét lường tại tăng trọn ngày không dứt. Ngày nay phát khởi Bát nhã của người không theo phương tiện kiến lập pháp không hiện tiền. Nhận biết rõ về tâm tịnh của bản giác là vô minh ngũ say. Mộng nơi tướng dị đây khởi tất cả chướng ngại, từng phần từng phần dần dần cùng xa lìa trí mà cùng tương ưng. Theo niệm của mộng kia nên được nơi giác ngộ. Vì vậy nói là giác ngộ đối với niêm dị. Niêm không có tướng dị: Tức là hiển thị về tướng hành nhân quả. Nghĩa là trong chánh niệm của thủy giác hai loại tướng dị là không hiện có. Vì xả bỏ tướng phân biệt chấp trước của phân thô: Tức là chỉ rõ không có duyên của tướng dị. Đó gọi là ý thức có hai phân biệt, nhưng có thể phân biệt tất cả các pháp. Những gì là hai? Một là phân biệt thô. Hai là phân biệt tế. Thô là khởi lên các thứ tham sân..., có thể khéo phân biệt các cảnh giới trái thuận. Tế là phân biệt của pháp chấp, vì luôn lưu chuyển tràn ngập. Nay đã xa lìa phân biệt thô kia, không phải là phân biệt tế. Phân biệt tế là rất vui mừng vì xa lìa. Nên gọi là tương tự giác: Chính là tóm kết phần trước, gồm cả việc hiển bày chỉ rõ về tướng huân tập lìa cả hai. Nghĩa tương tự trong đây có hai thứ. Những gì là hai thứ? Một là tương tự của dị loại. Hai là tương tự của đồng loại. Tương tự của dị loại: Là tương tự của hàng Nhị thừa. Tương tự của đồng loại: Là tương tự của Bồ-tát. Nhị thừa nhân không hiện bày ba Hiền không để tạo nghĩa tương tự. Bồ-tát của ba Hiền theo phương tiện pháp không hiện bày địa tâm tịnh để nghĩa tương tự. Vì vậy nói chung là tương tự giác.

Vị thứ ba nói như hàng Bồ-tát Pháp thân: Tức là người tu hành hướng đến, tức vị ở tại chín địa. Bồ-tát của chín địa thì chân như pháp giới dùng tự làm thân, thật trí Bát nhã dùng làm tự tâm. Cầu lỵ đã xuất ly chướng buộc đều đoạn dứt, thanh tịnh sáng tỏ, tự tại vô ngại, vì thế gọi là Bồ-tát pháp thân. Nhận biết nơi niệ m trụ: Tức hiện bày rõ về tướng của nhân tu hành. Nghĩa là bốn loại tướng trụ ở nơi tất cả thời, có thể phát khởi phân biệt pháp chấp, lia tánh bản giác, có thể khiến ngủ say. Tâm của bản giác mộng nơi tướng trụ, không thể tỉnh biết, chỉ theo cuồng loạn mà trụ. Nay mặt trời Bát nhã của thủy giác mọc lên, chiếu xua màn đen tối của tướng trụ mê loạn. Chánh trí của thủy giác không có tánh phân biệt, tướng trụ mê loạn thì có tánh phân biệt. Vì có - không, giác - loạn là hết sức trái nhau, nên không thể đều cùng hành. Đạo lý như vậy phân minh hiện tiền, do đó nói là nhận biết rõ nơi niệ m trụ. Niệ m không có tướng trụ: Tức là hiện bày rõ về tướng của hành nhân quả. Do lia phân biệt về tướng niệ m thô: Chính là chỉ rõ có duyên của tướng trụ. Nghĩa là bốn loại tướng trụ so sánh với tướng sinh kia thì hiện bày hết sức thô, nên e rằng biên vực sinh trụ hỗ tương tạp loạn, tức nói như vậy: Ngừng tư duy, thuận quán xét. Như vậy bốn loại tướng trụ mê loạn là như theo thứ lớp ấy. Ở trong địa Cực hỷ, địa Quá tam hữu, địa Tịch tĩnh, địa Thiện tuệ, mỗi địa đều lia một tướng. Nên gọi là tùy phần giác: Tức là tóm kết phần trước và gồm luôn việc nêu rõ về tướng huân tập cùng hợp cùng lia, vì tướng sinh đối với niệ m vi tế chưa xuất ly.

Vị thứ tư nói như Bồ-tát ở địa sau cùng: Tức là hành giả hướng đến. Trong câu chữ này tự có hai người. Những gì là hai? Một là người của nhân viên mãn. Hai là người của quả viên mãn. Người của nhân viên mãn là vị cuối cùng của địa học. Người của quả viên mãn là quả vị vô học hoàn toàn đầy đủ. Người trước đối trị tướng câu hợp động. Người sau đối trị tướng độc lực nghiệp và đại vô minh. Còn tướng độc lực tùy thì không phải là pháp đoạn

trừ, nên không có đạo đối trị. Từ đây trở xuống là hiển bày chỉ rõ về hai loại viên mãn. Đây đủ phương tiện nhất niệm tương ưng: Tức là nêu rõ về người của nhân viên mãn. Nghĩa là trong phần vị này đã có hai loại định kim cang dụ. Những gì là hai loại? Một là kim cang của phương tiện. Hai là kim cang của chánh thể. Hành giả vô cầu đối với hai loại Tam-ma-đề kim cang dụ thì dùng làm tự thể, vì vậy đưa ra đạo để nêu rõ về người kia. Tâm giác mới khởi lên thì tâm ấy không có tướng ban đầu: Tức là nêu rõ về người của quả viên mãn. Đại viên cảnh trí phân minh hiện tiền, không nơi nào là không thông tỏ, không chốn nào là không tận cùng, pháp giới một thể không có gì sánh bằng. Tướng động lực nghiệp nơi vô minh căn bản không thể tự hiện hữu. Hư không bình đẳng một tướng là vô tướng, nên không có niệm ban đầu. Do xa lìa niệm vi tế nên thấy được tánh của tâm. Tâm tức thường trụ gọi là cứu cánh giác. Đó là chỉ rõ về tướng Bát nhã viên mãn của thủy giác. Nhưng đạt đến nơi vô sinh giác, vì thế kinh nói: “Nếu có chúng sinh có thể quán về vô niệm, tức là hướng tới Phật địa”. Chính là nêu dẫn kinh để thay cho phần mình đã nói. Văn của kinh như vậy là chứng minh về nghĩa gì? Chứng minh cho quả Phật. Thế nào là chứng? Nghĩa là trong quả Phật đã chứng thành việc xa lìa hai loại niệm. Những gì là hai loại? Một là niệm về đại vô minh. Hai là niệm về tướng nghiệp vi tế. Hai niệm như vậy nơi đạo giải thoát tột cùng trong một thời là trái ngược nhau, không thể cùng hành. Vì thế nói quả Phật là vô niệm. Nếu không có vọng niệm thì nên có niệm gì? Đó gọi là chánh niệm. Thế nào gọi là chánh niệm? Vì tương ưng với mười đức. Những gì là mười đức? Đó là: (1) Công đức xuất ly, là xa lìa tất cả các xứ nạn. (2) Công đức đồng thể, là tất cả pháp nhiệm quy về nơi chính mình. (3) Công đức thường trụ, là xa lìa các luân mới sinh. (4) Công đức nhất vị, là thủy giác viên mãn luôn là bản giác. (5) Công đức cùng lìa, là xa lìa tất cả pháp nhiễm tịnh. (6) Công đức hoàn chuyển, là sinh ra đủ khắp nơi

các nẻo. (7) Công đức vô trụ, là đối với tất cả xứ không thuộc về xứ nào. (8) Công đức tu hành, là vì các chúng sinh nên tu tập vạn hạnh. (9) Công đức viên mãn, là vì các chúng sinh nên thành tựu đạo quả giác ngộ. (10) Công đức hư không, là vô số các loại công đức đã nói như trước, từ xưa đến nay tự tánh đều không, là vô sở hữu. Đây gọi là mười đức.

Mười đức như vậy cùng với giải thoát sau cùng trong sát-na đầu tiên là cùng hành, cùng khởi không có trước sau, một lúc cùng chuyển, đó gọi là chánh niệm. Văn của kinh đã dẫn không ra ngoài nghĩa này, nên quán xét kỹ.

Lại, tâm khởi lên không có tướng ban đầu có thể nhận biết mà nói nhận biết tướng ban đầu: Tức nghĩa là vô niệm: Là trừ bỏ nghi khiến sinh thẳng giải. Nghĩa là có chúng sinh dấy khởi nghi như vậy: Lúc đạo giải thoát đạt tới tốt cùng hội nhập nơi bản giác tức mới phát sinh rất là vi tế, vậy nhận biết được là có hay nhận biết được là không có? Nếu nhận biết được là có thì đạo giải thoát tốt cùng sẽ không phải là vô niệm. Vì sao? Vì nhận biết có niệm ban đầu. Nếu nhận biết là không có thì đạo giải thoát tốt cùng sẽ không thể có. Vì sao? Vì đã không có niệm ban đầu, thì đợi niệm nào không có để lập đạo giải thoát là có? Nghi là như vậy. Nay tự thông suốt nói: Tướng của đối tượng nhận biết từ xưa đến nay tự tánh là hoàn toàn không. Trí của chủ thể nhận biết từ xưa đến nay thì không lúc nào khởi lên. Đã không có tướng của đối tượng giác ngộ thì cũng không có trí của chủ thể giác ngộ, há có thể nói được là có tướng ban đầu vi tế mà trí tuệ có thể nhận biết được sao? Nhưng có ngôn thuyết nhận biết tướng ban đầu: Tức là nêu rõ về đạo lý vô niệm. Vì sao? Vì lý của pháp tánh tuy không có tướng mới dấy khởi của đối tượng nhận biết, cũng không có trí thủy giác của chủ thể nhận biết để có thể thông đạt không có tướng của đối tượng nhận biết, và không có trí của chủ thể nhận biết. Không hề

có gì để giác ngộ và tất cả không phải là hoàn toàn không có. Vì vậy nay lại dựa vào đạo lý ấy để nói như vậy: Nhận biết tướng ban đầu. Do đó tất cả chúng sinh không gọi là giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm cùng nối tiếp chưa từng lìa niệm nên nói là vô minh vô thủy. Tức là thành lập nghĩa vô niệm nói ở trên. Nghĩa là từ định kim cang trở về sau tất cả chúng sinh, niệm của đại vô minh nơi tướng động lực nghiệp là chưa xuất ly. Đó là chỉ rõ tất cả chúng sinh đều là có niệm nên gọi là chúng sinh. Hết thầy chư Phật đều đạt vô niệm nên xưng là Phật.

Từ đây tiếp xuống là nêu rõ về cảnh giới viên mãn rộng khắp của thủy giác. Nghĩa là bậc đại giác đã đến bờ kia nhận biết khắp về tất cả vô lượng chúng sinh, là một tâm lưu chuyển tạo ra bốn tướng. Như Bản luận viết: “Nếu người đạt đến vô niệm tức nhận biết tướng sinh trụ dị diệt của tâm”. Do nghĩa nào mà nhận biết như vậy? Do lúc tự mình đạt đến vô niệm thì tất cả các chúng sinh đều được bình đẳng. Như Bản luận viết: “Do vô niệm v.v...”. Vì nghĩa nào mà lúc chỉ một hành giả đạt đến vô niệm thì tất cả các chúng sinh đều được vô niệm? Do mỗi mỗi chúng sinh thầy đều có Bản giác. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là một hành giả vào lúc thủy giác viên mãn đồng với bản giác, thì đồng khắp với bản giác trong tâm của tất cả vô lượng chúng sinh, không phải là bản giác riêng mình. Vì sao? Vì tự tánh nơi bản giác hiện hữu khắp các cõi chúng sinh, không nơi chốn nào là không đến. Vị giác ngộ thanh tịnh vào lúc đạt được vô niệm thì tất cả chúng sinh đều được vô niệm. Vị giác ngộ thanh tịnh vào lúc đoạn dứt vô minh thì tất cả chúng sinh cũng có thể đoạn trừ vô minh chăng? Nếu như vậy thì có thể gì? Nếu thủy giác đoạn trừ vô minh, tất cả chúng sinh đều được đoạn trừ thì vì sao ở trên nói là từ định kim cang trở về sau tất cả chúng sinh, vì niệm của đại vô minh nơi tướng động lực nghiệp, chưa xuất ly nên không gọi là giác? Nếu các chúng sinh đối với vô minh vô thủy chưa được xuất ly mà cùng với chư Phật

đồng đạt được vô niệm thì các nghĩa như vô niệm v.v... chỉ có nơi ngôn thuyết, không có thật nghĩa. Há có thể nói được là tất cả chúng sinh đều có bản giác cũng có thủy giác? Quyết đoán về vấn nạn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn tự tông quyết đoán. Hai là môn vọng biệt quyết đoán. Tự động quyết đoán: Là chánh tông của Luận này. Vì muốn hiện bày rõ tất cả chúng sinh đồng một tướng tục không sai biệt, do đó có thể nói được một người tu hành lúc đoạn trừ hoàn toàn vô minh vô thủy, thì tất cả chúng sinh cũng đồng đoạn trừ hết. Một người tu hành lúc đầy đủ thủy giác, thì tất cả chúng sinh cũng đồng được đầy đủ. Vì vậy trong Khế kinh Tam Thân Bản Hữu nói như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Ta do nơi hai đẳng mà thành tựu Chánh giác. Những gì là hai đẳng? Một là đoạn đẳng. Hai là đắc đẳng. Nói đoạn đẳng: Là lúc đạo giải thoát cùng tột của ta mới phát khởi, thì tất cả chúng sinh hiện có vô lượng vô minh vô thủy, trọn một lúc hoàn toàn quyết đoán tức khắc. Nói đắc đẳng: Là lúc ta mới thành đạo đầy đủ thủy giác, thì tất cả chúng sinh đều được đầy đủ. Đấy gọi là hai đẳng”. Vọng biệt quyết đoán: Là nêu lên sự viên mãn để đối chiếu với các cõi chúng sinh, không một pháp nào mà không thanh tịnh. Nêu ra các chúng sinh để đối chiếu với Vô Thượng Tôn, nhập nơi tạng vô minh, không có đối tượng nhận biết, thấy đều thanh tịnh không có chướng ngại. Các nghĩa như vô niệm v.v... tức được thành lập. Nhập nơi tạng vô minh không có đối tượng nhận biết. Văn đã nêu bày ở trên không có lỗi trái nhau. Nêu dẫn một khía cạnh này tức nên quán xét rộng.

Từ đây trở xuống là dung hợp các thủy giác khiến đồng với bản giác. Nghĩa là năm mươi một phần vị đầy đủ thủy giác, thật không có dị biệt của sự dần dần chuyển thắng, cũng không có hoàn toàn viên mãn tột cùng. Vì sao? Vì bốn tướng của tất cả thủy giác là cùng thời mà được dừng trụ đều không tự lập. Từ xưa đến nay tự tánh viên mãn là một vị bình đẳng, hợp đồng không hai, là một

tướng giác. Như Bản luận viết: “Nhưng thật không có chỗ dị biệt của thủy giác, vì bốn tướng cùng lúc mà có, đều không tự lập, xưa nay bình đẳng đồng một thứ giác”.

Trong Khế kinh Đại Tổng Trì nói như vậy: “Bát nhã của thủy giác tỏ ngộ về phẩm tướng diệt, trong phần vị có tướng diệt thì cùng lúc cùng có. Trong lúc không có tướng diệt thì thủy giác theo đây cũng không có. Bát nhã của thủy giác tỏ ngộ về phẩm tướng dị, trong phần vị có tướng dị thì cùng lúc cùng có. Trong lúc không có tướng dị thì thủy giác theo đây cũng không có. Bát nhã của thủy giác tỏ ngộ về phẩm tướng trụ, trong phần vị có tướng trụ thì cùng lúc cùng có. Trong lúc không có tướng trụ thì thủy giác theo đây cũng không có. Bát nhã của thủy giác tỏ ngộ về phẩm tướng sinh, trong phần vị có tướng sinh thì cùng lúc cùng có. Trong lúc không có tướng sinh thì thủy giác theo đây cũng không có. Vì sao? Vì tất cả thủy giác không thể tự khởi, phải chờ đợi pháp nhiệm mới có thể khởi lên. Tất cả pháp nhiệm không thể tự diệt, phải đợi trí lực mới có thể diệt hết. Nói rộng cho đến từ xưa tới nay, tất cả pháp nhiệm tự thể là hoàn toàn không có. Nhưng thủy giác thì vốn trong không xứ tạo hiệu biết về có, cùng thời mà chuyển nên không gọi là chánh”.

Đã nói về phần nói rộng để quyết trạch thủy giác. Tiếp theo là nói về phần nói rộng để quyết trạch bản giác.

* *Bản luận viết*: “Lại nữa, bản giác tùy theo pháp nhiệm phân biệt sinh hai thứ tướng, cùng với bản giác kia không lìa bỏ nhau. Những gì là hai tướng? Một là tướng trí tịnh. Hai là tướng bất tư nghị nghiệp. Tướng trí tịnh: Nghĩa là dựa vào lực của pháp huân tập để tu hành như thật đầy đủ phương tiện, phá bỏ tướng thức hòa hợp, diệt trừ tướng tâm nối tiếp, hiện rõ trí tuệ thuần tịnh của pháp thân. Nghĩa này là thế nào? Vì tướng của tất cả tâm thức đều là vô minh, tướng của vô minh không lìa tánh giác, không phải có

thể hủy hoại, không phải không thể hủy hoại, như nước của biển lớn nhân nơi gió mà sóng động. Tướng của nước và tướng của gió không cùng lia bỏ, nhưng nước không phải là tánh động. Nếu gió ngừng dứt thì tướng động tức diệt, nhưng tánh ướt thì không hoại. Như vậy tâm thanh tịnh nơi tự tánh của chúng sinh, nhân nơi gió vô minh nên động, tâm và vô minh đều cùng không có hình tướng, không cùng lia bỏ, nhưng tâm không phải là tánh động. Nếu vô minh diệt thì sự tương tục tức diệt nhưng tánh của trí thì không hoại. Tướng bất tư nghị nghiệp do dựa vào trí tịnh, có thể tạo ra tất cả cảnh giới thắng diệu. Đó là tướng của vô lượng công đức luôn không đoạn dứt, tùy theo căn cơ của chúng sinh tự nhiên tương ưng, vô số thứ mà hiện được lợi ích”.

* *Luận giải thích*: Đây tức là phần nói rộng tùy theo pháp nhiệm đề quyết trạch bản giác. Ở trong văn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn tánh trí thanh tịnh vốn có. Hai là môn nghiệp dụng tự tại vô ngại. Trong môn thứ nhất tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn không giữ tự tánh tùy theo duyên. Hai là môn đối trị tất cả nghiệp chướng. Trong môn thứ hai lại có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn tùy thuận căn cơ khế hợp. Hai là môn bản tánh thường tịch bất động. Bốn môn như vậy nên phối hợp đề theo đây giải thích. Bản giác tùy nhiệm tức là câu phân biệt, phân biệt chỗ khác với trí của bản giác thanh tịnh. Câu này là muốn nêu rõ về nghĩa gì? Đó là để chỉ rõ về nghĩa nhận lấy sự huân tập, nêu thẳng là bản giác nhận lấy vô minh huân tập vì không giữ lấy tự tánh, tùy duyên vô ngại cùng lúc mà chuyển. Vì vậy gọi là bản giác tùy nhiệm. Tức nơi câu chữ này cũng từ chỗ tùy nhiệm đề lập tên gọi.

Từ đây trở xuống là trực tiếp hiển bày bản giác có thể tùy theo thể tướng, phân biệt phát sinh hai thứ tướng cùng với bản giác kia không lia bỏ nhau. Những gì là hai tướng? Một là tướng

trí tịnh. Hai là tướng bất tư nghị nghiệp. Như vậy hai thứ tướng thù thắng này, cùng với tánh trí của bản giác tùy nhiên kia là cùng hành cùng chuyển không lìa bỏ nhau. Hành tướng trí tịnh của bản giác như vậy, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Phá trừ tất cả chướng
 Hiện bày thân pháp tánh
 Trí tuệ thật thanh tịnh
 Gọi là tướng trí tịnh.*

* *Luận giải thích:* Đoạn trừ tất cả ác, tu tất cả thiện, công đức đầy đủ, trí tuệ viên mãn, trang nghiêm pháp thân gọi là tướng trí tịnh. Đoạn trừ tất cả chướng ngại nên cần đến lực gì? Cần lực đầy đủ. Lực đầy đủ thì số lượng ấy có bao nhiêu? Có hai loại. Những gì là hai loại? Một là lực phương tiện của pháp lực huân tập đầy đủ. Hai là lực phương tiện của sự tu hành như thật đầy đủ. Hai loại lực phương tiện như vậy, từ vô thủy đến nay tự nhiên thường trụ không phải là mới khởi. Trong hai loại ấy, thì lực phương tiện dựa vào pháp lực huân tập đầy đủ, là phá trừ vô minh căn bản và tướng động lực nghiệp. Còn lực phương tiện dựa vào sự tu hành như thật đầy đủ là diệt trừ tướng câu hợp nghiệp, tướng có thể thấy cùng với tướng hiện, tướng phân biệt trí và tướng tương tục. Phá trừ vô minh căn bản và tướng động lực nghiệp, nên thể của tự tánh nơi thân phân minh hiện tiền. Diệt trừ tướng câu hợp cùng tương tục, nên thật trí Bát nhã thuần tịnh sáng rõ. Như Bản luận viết: “Tướng trí tịnh nghĩa là dựa vào lực của pháp huân tập để tu hành như thật đầy đủ phương tiện, phá bỏ tướng thức hòa hợp, diệt trừ tướng tâm tương tục, hiển hiện trí thuần tịnh của pháp thân”. Vì sao vị ba Hiền và vị thập Tín đã lược bỏ không nêu bày? Vì so với thứ lớp kế tiếp đã hiển bày phân minh. Vì sao nay trong môn này, đầu tiên là đối trị vô minh căn bản, cho đến sau cùng là đối trị tướng

diệt? Vì muốn phân biệt chỗ khác với Bát nhã của thủy giác, đã tỏ ngộ về thứ lớp. Vì sao thủy giác lìa bỏ phàm hướng về Thánh? Vì trên trên cách cách là theo thứ lớp chuyển, Bản giác tùy nhiệm thì lìa bỏ Thánh hướng về phàm, dưới dưới tiếp tiếp là theo thứ lớp chuyển, do pháp là như vậy. Hai thứ lớp chuyển như thế nên là trong một lúc hay là có trước sau? Quyết định trong một lúc tức không có trước sau. Những nghĩa như vậy trong Khế kinh nào đã thuyết giảng giải thích biểu hiện rõ? Đó là kinh Chứng Thuyết. Trong Khế kinh ấy đã thuyết giảng như thế nào? Nghĩa là trong Khế kinh Chứng Thuyết kia nêu rõ như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Đà-la-ni nêu ra mười ngàn câu hỏi thưa hỏi Đức Như Lai. Lúc ấy Đức Như Lai liền tạo ra mười vạn câu trả lời để quyết đoán các nghi vấn khai thông toàn bộ câu hỏi của Bồ-tát. Như thứ lớp ấy đáp lại những câu hỏi kia rồi tức nói với Bồ-tát Đà-la-ni: Vì sao nhân giả không hỏi về một sự việc mà cần phải hỏi về những sự việc khác? Lại càng thích hợp vì người Phật tử lại thưa hỏi để mở bày, vì lợi mình lợi người nên thưa hỏi Như Lai. Khi đó, Bồ-tát Đà-la-ni tức vâng theo uy thần của Đức Phật thưa với Phật: Thế Tôn! Vì nhân duyên gì Đức Thế Tôn ở giữa đại chúng nói ra lời như vậy:

*Các Phật tử nghe kỹ
 Ta từ phàm buộc đủ
 Trái đủ tất cả địa
 Viên mãn biển nhân hành
 Trang nghiêm quả Đại giác
 Ta từ địa thanh tịnh
 Trái đủ tất cả địa
 Dem hết thấy muôn hạnh
 Đạt vị tín thứ nhất
 Nhập biển tạng vô minh
 Hai đại sự như vậy*

Một lúc, chẳng trước sau.

Con và tất cả vô số các đại chúng thầy đều hoài nghi về không có thời hạn giải thoát. Nếu như thích hợp xin Đức Thế Tôn vì các Phật tử tạo ra vô số phương tiện, tùy nghi mở bày chỉ rõ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tổng Trì: Hãy lắng nghe kỹ cùng khéo tư duy, ghi nhớ. Ta sẽ vì ông lược nói về những điều chính. Này thiện nam! Hai đại sự này là nêu rõ về hai loại Bát nhã giác trí. Những gì là hai loại? Một là Bát nhã của thủy giác. Hai là Bát nhã của bản giác. Này thiện nam! Bát nhã của thủy giác là từ địa bị trói buộc đủ dần dần xuất ly, cho đến địa kim cương viên mãn nhân hành phát khởi đạo cứu cánh, lập tức đoạn trừ địa vô minh căn bản trụ, mặt trời giác ngộ soi chiếu viên mãn không đâu là không cùng khắp, vì vậy gọi là Bát nhã của thủy giác. Này thiện nam! Bát nhã của bản giác là từ nơi tánh thanh tịnh dần dần xa lìa cho đến vị tín mới phát khởi trí cứu cánh, đoạn trừ phẩm tướng diệt nhập biển vô minh tùy theo duyên động chuyển, do vậy gọi là Bát nhã của bản giác. Lúc này Bồ-tát Tổng Trì và các đại chúng nghe lời nói này rồi, nhận biết rõ về các pháp là một tướng, một thể, cũng không một tướng, cũng không một thể, cũng không vô ngôn không, vô ngôn cũng không. Nhưng tánh của các pháp cũng là thật tướng, cũng là thường trụ, cũng là quyết định, cũng là thật có.

Từ đây tiếp xuống dưới là giải thích riêng, nói rộng để chỉ rõ về nhân duyên. Nghĩa này là thế nào? Tức là nêu hỏi tổng quát. Vì tướng của tất cả tâm thức đều là vô minh: Chính là câu trả lời chung. Đó gọi là rất nhiều các loại thức hý luận, phát khởi vô số loại các lượng duyên dựa, suy nghĩ nhận biết tất cả vô lượng cảnh giới, mê chấp theo tướng của hết thầy cảnh giới không lìa bỏ, đều là phần khí của vô minh. Tức là thành lập hai nghĩa phá diệt đã nói trong phần trên.

Từ đây tiếp xuống là chỉ rõ về đoạn trừ và không đoạn trừ có sai biệt. Trong đây vô minh nên định rõ là có thể đoạn trừ hay là không thể đoạn trừ? Những nghi ấy là do đâu? Nếu có thể đoạn thì tâm của bản giác cũng nên có thể đoạn. Vì sao? Vì pháp nhiệm của vô minh và tánh trí của bản giác là cùng hành, cùng chuyển, không xa lìa nhau. Ví như người đàn ông ngủ cùng với người đàn ông thức, là cùng hành, cùng chuyển, không lìa nhau. Cũng không thể nói là lúc chém người đang ngủ mà người thức không bị thương, vì sự tương tục là một. Cũng không thể nói lúc người ấy được thức và người ấy đang ngủ là không có gì xảy ra, vì sự tương tục là đồng. Nếu nói là khác nhau tức là lỗi lầm lớn. Nếu không thể đoạn trừ thì tâm của tự tánh thanh tịnh luôn bị vô minh che lấp, luân chuyển trong năm đường không lúc nào xuất ly. Vì vậy nếu nói không thể đoạn trừ thì lỗi lầm cũng lớn. Như thế thì vô minh cũng có thể đoạn trừ, cũng không thể đoạn trừ. Nghĩa này là thế nào? Vì vô minh và bản giác có hai nghĩa. Những gì là hai nghĩa? Một là nghĩa đồng thể đồng tướng. Hai là nghĩa dị thể dị tướng. Nói nghĩa đồng: Là nói về tất cả các pháp đều là lý. Nói về nghĩa dị: Là tất cả các pháp với công đức và lỗi lầm tai hại đều sai biệt. Nếu dựa theo môn đầu thì không thể đoạn trừ. Nếu căn cứ theo môn sau thì cũng có thể đoạn trừ. Trong Khế kinh Chư Pháp Vô Hành nêu giảng như vậy:

*Tham dục là Niết-bàn
Giận, si cũng như vậy
Như thế trong ba sự
Có vô lượng Phật đạo.
Thấy, chẳng thấy một tướng
Chấp, không chấp cũng vậy
Đây không Phật, không pháp
Biết đấy gọi thế trí.*

Trong Khế kinh Bản Trí nói như vậy:

*Vô minh căn bản tối
Lực ấy là rất lớn
Hay chướng Nhất thiết trí
Khiến không được tự tại.
Đoạn cần kiếm Bát nhã
Trang nghiêm báu công đức
Biển vô minh dần cạn
Núi pháp thân hiển bày.*

Như Bản luận viết: “Tướng của vô minh không lìa tánh giác, chẳng phải có thể hủy hoại, chẳng phải không thể hủy hoại”.

Từ đây tiếp xuống là nói về dụ để hiển bày chỉ rõ. Biển cả là dụ cho thức A-lê-da. Thức này có hai thứ nghĩa, vì rộng lớn, tròn đầy như biển cả. Nước là dụ cho tâm của bản giác, vì tâm của tự tánh thanh tịnh hiển bày sáng rõ, như nước trong. Gió là dụ cho vô minh căn bản, vì bất giác căn bản có thể khởi động chuyển khiến thức suy nghĩ nhận biết, như gió kia. Sóng nổi lên là dụ cho các thức hý luận, vì các thức như vậy là dời động lưu chuyển, qua lại bất tướng như sóng biển. Tướng nước tướng gió không cùng lìa bỏ: Là dụ cho chân vọng cùng trợ giúp nhau cùng hành, hợp chuyển. Nghĩa là tâm của bản giác không tự khởi lên, phải nhờ vào lực của vô minh mới có thể dậy khởi. Vô minh căn bản không tự chuyển, cần phải nhờ vào lực của chân tâm mới có thể chuyển biến. Như nước không tự tạo nên sóng nước, phải nhờ vào sức của gió mới có thể làm thành sóng. Gió không tự mình hiện rõ tướng động, cần phải dựa vào nước kia mới có thể hiện rõ tướng chuyển động. Nhưng nước không phải là tánh động: Là dụ cho tâm của bản giác lìa tướng hữu vi. Nghĩa là chân tâm của bản giác từ xưa đến nay luôn xa lìa niệm động, cởi bỏ mọi thứ trói buộc, thể tánh thanh tịnh, tướng dụng tự tại. Nhưng không giữ lấy tự tánh, tùy

theo duyên của vô minh tạo thành các thứ tướng. Như nước không phải là tánh động nhưng không giữ lấy tự tánh, tùy theo duyên của gió đẩy lên vô số các sóng. Nếu gió ngừng dứt thì tướng động liền diệt: Là dụ cho vô minh căn bản diệt thì các thức hý luận đều diệt hoàn toàn. Bản giác đoạn trừ chướng ngại thì trước là đối trị vô minh căn bản, sau là đối trị các thức suy nghĩ nhận biết vin dựa theo duyên. Tánh ướt không hoại: Là dụ cho trí của bản giác lìa pháp đoạn diệt. Nghĩa là vô minh diệt thì các thức đều không còn. Vì chân tâm của bản giác không có hoại diệt, giống như gió kia diệt thì các sóng đều ngừng mà nước trong sạch chung quy không hề hoại diệt.

Từ đây tiếp xuống là nêu rõ về hợp để nói. Như thứ lớp ấy nên tạo sự phối hợp. Biển cả, gió, nước từ nơi gì mà sinh? Đó là từ Long vương sinh khởi. Đều từ xứ nào phát sinh? Nghĩa là nếu như nước thì từ đỉnh đầu Long vương phát ra. Nếu là gió thì từ phần cuối đuôi Long vương sinh ra. Vì sao nước biển bị gió làm cho động tạo thành vô số sóng không ngừng dứt? Là do hai sự việc? Những gì là hai sự việc? Một là có đại chủng cùng loại. Hai là do pháp vốn như vậy. Nghĩa này là thế nào? Đó là trong thủy đại kia cũng có phong đại, trong phong đại kia cũng có thủy đại, hỗ tương cùng có, hòa hợp cùng nhau tạo thành vô số thứ sóng luôn nối tiếp nhau không đoạn dứt. Nếu trong thủy đại không có phong đại kia, thì gió sẽ không thể khiến nước động. Nếu trong phong đại không có thủy đại kia, thì nước sẽ không thể tùy theo gió chuyển. Vì sao? Vì bốn đại chủng cùng sinh, cùng chuyển không cùng lìa. Tùy theo một đại hiện bày phân minh nhưng nhận biết không rõ về các đại còn lại thì tướng tăng tướng giảm là không đồng.

Lại nữa, từ vô thủy đến nay do pháp vốn như vậy, nên vô minh và bản giác cũng lại như thế. Đại Long vương: Là dụ cho một tâm pháp. Gió là dụ cho vô minh trụ địa. Từ phần cuối đuôi

phát ra là chỉ rõ về hình tướng xấu kém của pháp này. Nước là dụ cho chân tâm của bản giác. Từ đỉnh đầu phát ra: Là hiển bày làm rõ về hình tướng thắng diệu của pháp ấy. Trong thủy đại kia cũng có phong đại: Là dụ cho trong tâm của bản giác nơi tự tánh thanh tịnh có vô minh căn bản. Trong phong đại kia cũng có thủy đại: Là dụ cho trong tạng vô minh căn bản có Phật tánh của bản giác. Bản ý của Luận này nói tướng dị là đầu, tướng đồng là sau, theo đây giải thích nên quán xét. Trong Khế kinh Chư Phật Vô Tận Tạng thuyết giảng như vậy: “Trong biển lớn phiền não có Như Lai viên mãn, tuyên thuyết về lý của thật tướng thường trụ. Trong thật tánh của bản giác có chúng sinh vô minh, dấy lên vô lượng vô biên sóng của phiền não. Như thế đại sự nơi cảnh giới của Phật và Bồ-tát không phải là nơi chốn có thể nhận biết của hàng phàm phu, Nhị thừa”.

Đã nói về môn tánh trí thanh tịnh vốn có. Tiếp theo là nói về môn nghiệp dụng tự tại vô ngại. Nghĩa là trong môn này, tánh trí vốn có dùng làm nơi nương dựa, khởi lên dụng ứng hóa. Vì tất cả người tu hành: Là nêu rõ về vô số sắc tướng thắng diệu, vì nhãn căn làm cảnh giới. Xuất hiện đủ các loại âm thanh thắng diệu, vì nhĩ căn làm cảnh giới. Phát khởi vô số hương thơm thắng diệu, vì tỷ căn làm cảnh giới. Hiện bày đủ các loại pháp vị thắng diệu, vì thiệt căn làm cảnh giới. Dấy lên đủ các loại tiếp xúc của tam muội thắng diệu, vì thân căn làm cảnh giới. Hiện ra vô số thứ pháp tạng thâm diệu, vì ý căn làm cảnh giới. Như thứ lớp ấy chính là Như Lai Quang Minh Nhật Nguyệt Bảo Đức, Như Lai Âm Thanh Phạm Hưởng Thanh Tịnh, Như Lai Hương Tích Phần Lưu Viên Mãn, Như Lai Nhất Vị Vô Tận Bình Đẳng, Như Lai Giác Xúc Phần Minh Hiển Tướng, Như Lai Trí Tuệ Minh Đạt Biến Mãn, đã thành tựu đầy đủ tùy thời, tùy xứ, tùy lượng của căn cơ, giáo hóa tạo lợi ích tự tại vô ngại. Một niệm không động hiện hữu khắp ba đời, một thân không phân mà đầy đủ trong mười phương có thể làm Phật

sự. Như Bản luận viết: “Tướng bất tư nghị nghiệp do dựa vào trí tịnh, tức có thể tạo ra tất cả cảnh giới thắng diệu. Đó gọi là tướng của vô lượng công đức thường không đoạn dứt. Tùy theo căn cơ của chúng sinh tự nhiên tương ứng, vô số thứ loại hiện đạt được lợi ích”.

Đã nói về môn nêu rộng bản giác tùy nhiễm. Tiếp theo nói về môn nêu rộng bản giác tánh tịnh.

* *Bản luận viết*: Lại nữa, thể tướng của giác có bốn loại nghĩa đại, sánh cùng với hư không cũng như gương sáng sạch. Những gì là bốn loại? Một là gương như thật không, xa lìa tất cả tướng cảnh giới của tâm, không pháp nào có thể hiện bày, vì không phải là nghĩa của giác tuệ soi chiếu. Hai là gương nhân huân tập, nghĩa là như thật bất không, hết thấy cảnh giới của thế gian đều hiện rõ trong ấy, không ra không vào, không mất không hoại, thường trụ nơi một tâm, vì tất cả các pháp tức là tánh chân thật. Lại, tất cả pháp nhiễm đều không thể nhiễm, là thể của trí bất động, đầy đủ vô lậu huân tập chúng sinh. Ba là gương pháp xuất ly, nghĩa là pháp bất không ra khỏi phiền não chướng. Trí chướng lìa tướng hòa hợp, thuần tịnh sáng rõ. Bốn là gương duyên huân tập, nghĩa là dựa vào pháp xuất ly, soi chiếu khắp tâm của chúng sinh khiến tu tập căn thiện, tùy niệm thị hiện.

* *Luận giải thích*: Đây là phần nói rộng về bản giác tánh tịnh. Trong bốn loại nghĩa đại này, mỗi loại có hai nghĩa, cùng với nghĩa đại kia không lìa bỏ nhau. Những gì là hai nghĩa? Một là nghĩa sánh bằng hư không. Hai là nghĩa đồng với gương sáng. Như Bản luận viết: “Lại nữa, thể tướng của giác có bốn loại nghĩa đại, sánh cùng với hư không cũng như gương sáng sạch”.

Thể nào gọi là gương như thật không cùng có hai nghĩa, tướng ấy là thể nào?

* *Tụng nêu*:

*Trong bản giác tánh tịnh
 Xa lìa nghĩ biết như
 Xa lìa vọng cảnh thật
 Chỉ nghĩa xa lìa không
 Gương Ma Xa Phu Sa
 Nêu một bày tỏ một.*

* *Luận giải thích:* Trong thể tánh của bản giác tánh tịnh, là xa lìa tất cả suy nghĩ nhận biết duyên dựa nơi các thức hý luận, thành tựu nghĩa của một vị bình đẳng nên gọi là như. Xa lìa hết thấy cảnh giới hư vọng nơi vô số tướng phần, thành tựu tướng quyết định chân thật nên gọi là thật. Vì muốn chỉ rõ nghĩa của xa lìa nên gọi là không. Gương là tên gọi của dụ. Nhưng gương trong đây tức dụ cho gương bằng ngọc báu Ma Xa Phu Sa, không phải là các loại gương khác như Du Ma v.v... dùng làm ví dụ. Vì sao? Vì lấy gương ngọc báu Ma Xa Phu Sa này đặt ở một nơi thì bên trong gương ngọc báu hoặc tụ tập các loại đá, hoặc là tụ tập các loại thức ăn uống, hoặc tụ tập vô số các vật dụng trang nghiêm, hoặc tụ tập các gương ngọc báu cùng loại. Trong gương ngọc báu kia, các hình tượng khác không hiện, chỉ hiện bày phân minh thứ ngọc báu cùng loại. Gương như thật không cũng lại như vậy. Ở trong gương này chỉ an lập tập thành công đức thanh tịnh đồng với tự loại, vô số các pháp lỗi lầm tai hại của dị loại đều xa lìa. Như Bản luận viết: “Những gì là bốn loại? Một là gương như thật không, là xa lìa tất cả tướng cảnh giới của tâm, không pháp nào có thể hiện bày”. Vì sao mỗi loại có hai thứ nghĩa nhưng chỉ nêu ra nghĩa đồng với gương, còn nghĩa sánh bằng hư không thì chẳng hiện bày chỉ rõ chẳng? Vì nêu lên một nghĩa là gồm luôn việc bày tỏ một nghĩa. Nếu như vậy thì vì sao gọi là nghĩa sánh bằng hư không? Nghĩa là như hư không thanh tịnh chẳng nhiễm vương, bốn chướng đã không thể che lấp, rộng lớn vô biên, ba đời

không thể gồm thâu. Gương như thật không cũng lại như vậy. Vì không phải là nghĩa của giác tuệ soi chiếu: Tức là nêu rõ về sự xa lìa nhân duyên. Nghĩa là như trong gương ngọc báu Ma Xa Phu Sa kia, các hình tượng như đá v.v... không hiện tiền, vì các pháp như đá v.v... đều là thô uế. Trong gương ngọc báu bản giác này, vô số pháp vọng không hiện tiền. Vì tất cả pháp nhiễm đều là tướng của vô minh bất giác, nên không có nghĩa soi chiếu đến.

Thế nào gọi là gương nhân huân tập và có hai nghĩa, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Trí bản giác tánh tịnh
Ba loại pháp thế gian
Thấy đều không lìa bỏ
Vì huân tập một giác.
Trang nghiêm quả pháp thân
Nên gọi nhân huân tập
Gương tròn Đa lê hoa
Không dung nạp khắp một.*

* *Luận giải thích:* Bản giác tánh tịnh, trong ba thế gian thấy đều không lìa. Huân tập ba thế gian kia để làm một giác. Trang nghiêm cho quả của một đại pháp thân, vì vậy gọi là gương nhân huân tập. Thế nào gọi là ba loại thế gian? Một là chúng sinh thế gian. Hai là khí thế gian. Ba là trí chánh giác thế gian. Chúng sinh thế gian: Nghĩa là cõi của tánh phàm phu. Khí thế gian: Nghĩa là cõi nước của đối tượng nương dựa. Trí chánh giác thế gian: Nghĩa là Phật, Bồ-tát. Đây gọi là ba thế gian. Gương trong đây nghĩa là gương làm bằng vòng hoa Đa Lê. Như lấy vòng hoa Đa Lê đặt vào một nơi, xung quanh tập hợp các vật, thì do hoa này huân tập nên tất cả các vật kia thấy đều sáng sạch. Lại các vật sáng sạch trong vòng hoa hiện rõ ở trước thấy đều không sót vật gì. Trong tất cả

các vật do hoa kia hiện rõ ở trước cũng lại không sót vật gì. Gương nhân huân tập cũng lại như thế, huân tập tất cả pháp thành giác thanh tịnh, khiến đều được bình đẳng. Lại nữa, nghĩa hư không tức có hai loại. Những gì là hai loại? Một là nghĩa dung nạp. Hai là nghĩa hiện bày khắp một. Nghĩa dung nạp là dung nạp các sắc không có chướng ngại. Nghĩa hiện bày khắp một là vô số các sắc chỉ đồng một loại đại hư không. Như Bản luận viết: “Hai là gương nhân huân tập, nghĩa là như thật bất không. Tất cả cảnh giới thế gian đều hiện rõ trong ấy”. Như vậy, bản giác từ vô thủy đến nay luôn xa lìa bốn thứ lỗi lầm, tự tánh thanh tịnh thường trụ nơi một tâm. Những gì là bốn? Một là xa lìa lỗi lầm của sự việc không hiện bày khắp, vì ba loại thế gian không ra ngoài gương của bản giác thanh tịnh, như Bản luận nói là *Bất xuất*. Hai là xa lìa lỗi lầm của sự tạp loạn, vì tất cả các pháp không nhập nơi gương của bản giác thanh tịnh, như Bản luận nói là *Bất nhập*. Ba là xa lìa lỗi lầm của những lỗi lầm tai họa, vì trong gương của bản giác các pháp đã hiện rõ ở trước, đều là công đức thanh tịnh của bản giác, như Bản luận nói là *Bất thât*. Bốn là xa lìa lỗi lầm của sự vô thường, vì trong gương của bản giác các pháp đã hiện rõ ở trước, đều là trí vô vi thường trụ, như Bản luận nói *Bất hoại*. Xa lìa biên lỗi lầm là làm viên mãn trung thật, vì thế nói là thường trụ nơi một tâm.

Từ đây trở xuống là nêu rõ về nhân duyên. Do nhân duyên gì mà trong trí của bản giác đã có vô số các pháp như bản giác kia đã lìa các lỗi lầm chẳng? Do vô số các pháp thấy đều là thể chân thật, như Bản luận viết: Vì tất cả pháp tức là tánh chân thật.

Từ đây tiếp xuống là tạo ra duyên để trừ bỏ nghi. Nghĩa là có chúng sinh đầy khởi nghi như vậy: Trong ba thế gian thì chúng sinh thế gian có đầy đủ các thứ pháp nhiễm của vô minh, lưu chuyển đời động không lúc nào ngừng dứt. Thế gian như vậy hiện bày trong bản giác thì không thể nói được là bản giác thanh tịnh

xa lìa các lỗi lầm. Do nghĩa này nên nay thông suốt mà nói: Tất cả pháp nhiệm đã không thể nhiệm. Thật trí Bát nhã thể ấy là không động, tự tánh thanh tịnh đầy đủ viên mãn, luôn huân tập chúng sinh thế gian khiến được thanh tịnh. Như Bản luận viết: “Lại, tất cả pháp nhiệm đã không thể nhiệm, là thể của trí bất động đầy đủ vô lậu huân tập chúng sinh”.

Thể nào gọi là gương của pháp xuất ly và có hai nghĩa, tướng ấy là thể nào?

* *Tụng nêu:*

*Pháp như thật bất không
Xuất ly ba lỗi lầm
Viên mãn ba loại đức
Nên gọi pháp xuất ly
Gương luyện từ pha lê
Nghĩa không vượt khỏi sắc.*

* *Luận giải thích:* Tánh đức vô lậu, xuất ly ba thứ lỗi lầm làm viên mãn ba loại công đức, gọi là pháp xuất ly. Những gì là ba thứ lỗi lầm? Một là phẩm vô minh nhiệm, gọi là phiền não chướng. Hai là vô minh căn bản, gọi là trí chướng. Ba là tướng câu hợp chuyển, gọi là thức hý luận. Đấy gọi là ba thứ lỗi lầm. Ba thứ lỗi lầm như vậy đã hoàn toàn lìa bỏ, nên gọi là xuất ly. Như Bản luận viết: “Ba là gương của pháp xuất ly. Nghĩa là pháp bất không vượt khỏi phiền não chướng, trí chướng, lìa tướng hòa hợp”. Thể nào gọi là ba loại công đức? Một là công đức thuần thành tự. Hai là công đức tịnh thành tự. Ba là công đức minh thành tự. Đấy gọi là ba loại công đức. Như Bản luận viết: “Thuần là sáng sạch”. Xuất ly lỗi lầm gì và làm viên mãn công đức gì? Nghĩa là xuất ly phiền não chướng làm viên mãn công đức tịnh thành tự. Xuất ly trí chướng làm viên mãn công đức minh thành tự. Xuất ly tướng hòa hợp chuyển làm viên mãn công đức thuần thành tự. Vì sao?

Vì cùng đối theo pháp vốn như vậy. Gương trong đây nghĩa là ngọc báu pha lê. Ví như ngọc báu pha lê chìm sâu trong bùn, tức liền xuất hiện vọt khỏi bùn lầy kia, văng ra ngoài hơn một trượng. Nếu đặt ngọc báu ấy vào trong nước đục thì xua trừ phần đục cấu, chỉ giữ lại phần nước trong an trụ trong đó. Nếu đặt vào trong rừng Phước Đa Già thì phát ra hương thơm ngấn xua các mùi hôi thối nơi kia, cách xa mà trụ. Gương của pháp xuất ly cũng lại như vậy. Dụ giảng giải trong này là dụ về nghĩa thanh tịnh của tự thể, trụ nơi tư duy tức nên quán xét. Nghĩa sánh bằng hư không là nghĩa xuất ly sắc. Nghĩa là như hư không xa lìa đại chúng, hoàn toàn thanh tịnh. Gương xong pháp xuất ly cũng lại như vậy.

Thế nào gọi là gương của duyên huân tập và có hai nghĩa, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Nơi vô lượng vô biên
 Trong duyên các chúng sinh
 Hiện vô lượng vô biên
 Ứng, Hóa thân thù thắng.
 Huân tập tâm chúng sinh
 Sinh ra các căn thiện
 Tăng trưởng hai vòng hoa
 Trang nghiêm quả Pháp thân.
 Nên gọi duyên huân tập
 Pha lê trong gương biếc
 Tùy thuận không thành nghĩa
 Như pháp nên quán xét.*

* *Luận giải thích:* Ví như lấy ngọc pha lê đặt vào một nơi, xung quanh tích tập nhiều loại châu ngọc đủ màu sắc. Ngọc pha lê kia hướng theo loại ngọc màu gì thì màu sắc nơi ngọc ấy hiện tiền

chuyên biến. Gương của duyên huân tập cũng lại như vậy. Lại, ví như hư không có lực tự tại, nên ở trong tất cả các sự việc đã tạo tùy thuận thành lập. Gương của duyên huân tập cũng lại như thế. Ở trong sự việc tu hành của tất cả chúng sinh, theo chỗ ứng hợp để kiến lập. Như Bản luận viết: “Bốn là gương của duyên huân tập. Nghĩa là dựa vào pháp xuất ly, soi chiếu khắp nơi tâm chúng sinh khiến tu tập căn thiện theo niệm hiện rõ”.

Bốn loại nghĩa đại của bản giác như vậy là hiện bày khắp trong cảnh giới của tất cả chúng sinh, cảnh giới của tất cả hàng Nhị thừa, cảnh giới của tất cả Bồ-tát, cảnh giới của tất cả Như Lai, không nơi nào là không an trụ, không chốn nào là không soi chiếu, không xứ nào là không thông đạt, không nơi nào là không đi đến, thấy đều đầy đủ viên mãn.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 4

Đã nói môn nêu rộng về bản giác tánh tịnh. Tiếp đến là nói về môn căn bản vô minh trụ địa.

* *Bản luận viết*: Nói về nghĩa bất giác, nghĩa là không nhận biết như thật về pháp chân như duy nhất, tâm bất giác khởi lên nên có niệm kia. Niệm không có tự tướng, không lìa bản giác, cũng như người mê lầm dựa vào phương hướng nên mê lầm, nếu lìa nơi phương hướng thì không có mê lầm. Chúng sinh cũng như vậy. Dựa vào giác nên mê lầm, nếu lìa nơi tánh giác thì không có bất giác. Do có tâm vọng tưởng bất giác, nên có thể nhận biết danh nghĩa để nói về chân giác. Nếu lìa tâm bất giác thì không có tự tướng của chân giác để có thể nêu bày.

* *Luận giải thích*: Tức trong văn này tự có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nói khác về tương ưng kế hợp. Hai là môn theo thứ lớp giải thích riêng nói rộng. Môn đầu là thế nào?

* *Tụng nêu*:

*Đấng Đại Giác Mâu Ni
Thánh thuyết trong một đời
Gồm có sáu loại nói
Là minh, ám, câu phi.
Không cùng với cụ túc
Sáu vô minh như vậy
Tùy nghĩa lập tên khác
Thế tức không sai biệt.*

* *Luận giải thích*: Tập hợp tất cả các loại thuyết giảng khác nhau trong một đời của Đức Thích Ca Mâu Ni tức gồm có sáu thứ. Những gì là sáu thứ? Một là minh vô minh. Hai là ám vô minh. Ba là câu thị vô minh. Bốn là câu phi vô minh. Năm là không vô minh. Sáu là cụ túc vô minh. Đây gọi là sáu thứ. Sáu thứ như vậy theo nghĩa lập tên gọi, căn cứ nơi thể thì không có sai khác.

Minh vô minh: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thể nào?

* *Tụng nêu*:

*Cứu cánh trọn vẹn vô
Thông đạt hiểu rõ minh
Tức do nhân duyên ấy
Lời chung, ý riêng tỏ.*

* *Luận giải thích*: Cứu cánh trọn vẹn nên gọi là *vô*. Thông đạt hiển bày rõ nên gọi là *minh*. Đó là mặt trời Bát nhã tròn đầy hiện bày cùng khắp pháp giới, không một pháp nào mà không sáng tỏ. Vì thế nên nhận biết vô minh như vậy là lời chung mà ý riêng.

Trong Khế kinh Quang Minh Thật Trí giảng nói như vậy: “Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa với Đức Phật: Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Đức Thế Tôn ở trong đại chúng nói lên lời như vậy: Ta nay đã nói trong tất cả Khế kinh, từng chữ từng chữ, từng câu từng câu, đã gồm thâu hết thảy toàn bộ vô lượng những nghĩa lý đã nêu giảng. Nhưng vì chúng sinh hạng độn căn, nên dùng vô số các loại ngôn thuyết để luận bàn chỉ dẫn. Nếu như theo lời Đức Thế Tôn thuyết giảng thì e là sẽ có lỗi lầm. Vì sao? Vì như chữ vô minh là chỉ biểu thị cho phẩm đen tối, không thể biểu thị cho trí Bát nhã sáng tỏ. Cho đến chữ vô thường là chỉ biểu thị cho tướng sinh diệt, không thể nêu bày khẳng định cho lý chân thật của vô vi nên trụ. Đức Thế Tôn đã thuyết giảng như vậy là như thế nào? Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Ta nay đã giảng nói thật sự không có lỗi lầm. Vì sao? Vì như chữ vô minh không thể nói nhất

định là chỉ biểu thị cho phẩm đen tối, vì lực trí tuệ của ông còn thấp hẹp ít thấy ít nghe, nên đã đẩy khởi nghi như vậy. Nhưng chữ vô minh này lại gồm thâm hết tất cả trí Bát nhã sáng tỏ, đầy đủ trọn vẹn không có thiếu sót. Đó là nghĩa cứu cánh, là nghĩa hiện bày đủ khắp, là nghĩa viên mãn, là nghĩa bình đẳng, là nghĩa vô dư, tức nói là *Vô*. Là nghĩa thông đạt, là nghĩa hiển bày rõ, là nghĩa quán chiếu, là nghĩa hiện tiền, là nghĩa vô ngại, tức nói là *Minh*. Cho đến nói rộng”.

Ám vô minh: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Tất cả Bát nhã sáng
Che mắt khiến không sinh
Ví như vật trong tối
Không có sự thù thắng.*

* *Luận giải thích:* Vô minh căn bản có thể che phủ tuệ sáng của tất cả tông tri, khiến bị ngăn ngại không phát sinh được. Ví như trong bóng tối, các vật dụng trang nghiêm tuy có hình tướng thắng diệu, nhưng vì bị bóng tối ngăn ngại, nên sự thù thắng kia không được xuất hiện, vì vậy gọi là ám vô minh.

Trong Khế kinh Viên Mãn nêu giảng như vậy: “Tất cả chúng sinh vốn đầy đủ ba trí, vì điên đảo nên không nhận biết, không giác ngộ”.

Câu thị vô minh: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Chỉ một loại vô minh
Hoặc sáng hoặc tối hợp
Ví như một sắc tối
Hai người đều thấy khác.*

* *Luận giải thích*: Một loại vô minh, hoặc là ánh sáng, hoặc là bóng tối. Ví như một sắc hai người nhìn thấy khác nhau. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là như Ca-la-curu-xa-na và người đồng phần trong ban đêm tất tối tăm, cùng ở một nơi, nhìn thấy màu sắc tối này. Nếu là Ca-la-curu-xa-na thì chỉ thấy màu sắc của ánh sáng thanh tịnh. Nếu là người đồng phần thì chỉ thấy cảnh sắc hoàn toàn tối tăm. Câu thị vô minh cũng lại như vậy. Chỉ một vô minh, hoặc là trí tuệ sáng tỏ, hoặc là pháp đen tối tăm, gồm đủ hai sự.

Trong Khế kinh Thập Thâm Mật Nghiêm nói như vậy: “Vô minh căn bản ở trong người huyễn có thể tạo ra chất huyễn. Ở trong người đức có thể tạo ra chất đức. Vì vậy không thể chọn lấy một mà phủ nhận một”.

Câu phi vô minh: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu*:

*Từ vô thủy đến nay
Không có dựa ngôn thuyết
Xa lìa chuyển phân biệt
Nên xa lìa xa lìa.*

* *Luận giải thích*: Nói câu phi: Là không ngôn từ nương dựa, là lìa tâm chuyển. Vì vậy gọi là *Câu phi vô minh*. Trong Khế kinh Bát Thắng Thiên Tử nói như vậy: “Bấy giờ, Thiên tử Quang Minh Tự Tại Hoa Bảo Diệu Luân, tức vâng theo thần lực của Phật thừa với Đức Phật: Thế Tôn! Vô minh là có chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Vô minh là không có chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Vô minh là cũng có cũng không có chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Vô minh là không phải có, không phải không có chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Vô minh không phải chính là vô minh chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Vì sao như vậy? Đáp: Vì không gì có thể là sự sáng tỏ. Do đó nói là vô minh vô thủy”.

Không vô minh: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Không thể dụng tức không
Ví như sừng thỏ không
Đạo lý như vậy rõ
Vì thế nói là minh.*

* *Luận giải thích:* Không vô minh, thể dụng đều không, nên gọi là minh. Đạo lý như thế là sáng tỏ hiện tiền nên gọi là minh. Ví như sừng thỏ xưa nay là không thật thể, tất cả mọi người thấy đều hiện biết. Trong Khế kinh Vô Thủy nêu giảng như vậy: “Vô minh căn bản là không có thật, là tánh biến kế sở chấp”.

Cụ túc vô minh: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Tất cả pháp nhiễm, tịnh
Xuất sinh tăng trưởng chung
Do nơi nhân duyên ấy
Kiến lập tên cụ túc.*

* *Luận giải thích:* Nói cụ túc: Là vô minh căn bản có thể sinh tất cả các pháp nhiễm tịnh, khiến tăng trưởng, nên lập danh xưng cụ túc (Cụ túc vô minh). Trong Khế kinh Phật Tánh Giải Thoát nêu giảng như vậy: “Từ hạt giống vô minh sinh ra cây giác tri. Từ cây giác tri sinh ra hoa trí tuệ công đức. Từ hai đóa hoa này kết thành quả pháp thân giải thoát. Cho đến nói rộng”. Như vậy, sáu loại vô minh căn bản, ở trong văn của luận đã nêu giảng sáng rõ, nhưng phối hợp an lập thì lại tóm lược. Lại, ám vô minh (Loại vô minh thứ hai) về danh tự có sai biệt, tướng ấy là thế nào, Khế kinh thuyết giảng khác nhau, số lượng ấy có bao nhiêu?

* *Tụng nêu:*

Gồm có mười loại tên

Khế kinh thuyết giảng khác
Kiến Nhất xứ trụ địa
Hoặc Báo ân vô tận.
Hoặc Vô thủy hữu chung
Hoặc Vô đẳng đẳng sinh
Hoặc Sinh đắc, Quán mãn
Trí ngại cùng Bất giác.
Giác liễu và Tử tạng
Mười loại tên như thế
Theo nghĩa dụng sai biệt
Chỉ một ám vô minh.

* *Luận giải thích:* Tập hợp vô số các loại Khế kinh nơi một đời, gồm có mười loại tên gọi. Những gì là mười loại? Đó là: (1) Kiến nhất xứ trụ địa. (2) Báo ân vô tận trụ địa. (3) Vô thủy hữu chung trụ địa. (4) Vô đẳng đẳng sinh trụ địa. (5) Sinh đắc trụ địa. (6) Quán mãn trụ địa. (7) Trí ngại trụ địa. (8) Bất giác trụ địa. (9) Giác liễu trụ địa. (10) Tử tạng trụ địa. Đây gọi là mười. Mười loại tên gọi như vậy chỉ là một thể, tùy theo nghĩa dụng có sai khác, nên quán xét kỹ.

Kiến nhất xứ trụ địa: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thể nào?

* *Tụng nêu:*

Tuệ Bát nhã viên mãn
Hiện thấy một pháp giới
Thể vô minh tức đoạn
Nên gọi Kiến nhất xứ.

* *Luận giải thích:* Từ tâm kim cang trở lại thì trí tuệ chưa đầy đủ, phước đức còn thiếu kém, vì thể không đạt được nơi chốn thật trong một tâm. Vô minh căn bản cũng chưa xuất ly. Nhưng lúc

thâu dẫn muốn hạnh đạt đến quả vị, thì Bát nhã của thủy giác đã hiển bày phân minh, công đức vốn có thì đầy đủ viên mãn. Hiện thấy tâm của pháp giới trong một liên an lập trụ xứ. Vô minh căn bản lập tức đoạn trừ trọn vẹn, vì vậy gọi là Kiến nhất xứ hoặc. Trong Khế kinh Quang Nghiêm Đồng Tử giảng nói như vậy: “Lại nữa, có thứ hoặc tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi và Bồ-tát Thập Địa đều không thể đoạn trừ. Đó là Kiến nhất xứ vô minh trụ địa. Trụ địa như thế, chỉ bậc giác ngộ thanh tịnh chứng đắc một pháp giới mới có thể đoạn dứt”.

Báo ân vô tận trụ địa: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Vô lượng hết thầy Phật
Báo ân của vô minh
Tận vị lai không cùng
Nên gọi Ân vô tận.*

* *Luận giải thích:* Hết thầy chư Phật nơi ba đời trong khắp mười phương đều báo đáp ân của vô minh đến hết đời vị lai cũng không cùng tận. Vì sao? Vì tất cả các bậc giác ngộ lấy vô minh làm nhân vô vi, trang nghiêm đầy đủ cho quả của pháp thân. Trong Khế kinh Bản Lai Thanh Tịnh nêu giảng như vậy: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Đức Thế Tôn trong vô lượng kiếp đã không tiếc thân mạng, đoạn trừ tất cả ác, tu tập tất cả thiện, viên mãn nhân hành, trang nghiêm biển tánh, hỷ lạc tự tại, đức dụng vô ngại. Do nhân duyên gì mà nói lời như vậy: Ta có nhiều ân cho đến tận cùng đời vị lai cũng không thể báo đáp hết được? Đức Phật nói: Ta do nơi vô minh, dùng đũa làm chất để thành tựu đạo Chánh giác, vì vậy Ta nói là có ân rất nặng, ở trong vô lượng kiếp báo ân cũng không hết. Vì nghĩa này nên vô minh trụ địa cũng gọi là Báo ân vô tận trụ địa”.

Vô thủy hữu chung trụ địa: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

Lùi: Quá khứ không hạn

Tiến: Vị lai có tận

Do nơi nhân duyên ấy

Gọi vô thủy hữu chung.

* *Luận giải thích:* Vô minh căn bản nếu lùi về quá khứ thì không có bản tế, gọi là vô thủy. Nếu tiến vào vị lai thì tất có gián đoạn, gọi là hữu chung. Trong Khế kinh Bát Nhã Ba La Mật thuyết giảng như vậy: “Trí tịnh của thủy giác có khởi đầu mà không có chung cuộc. Vô minh trụ địa thì không có khởi đầu nhưng có chung cuộc”.

Vô đẳng đẳng sinh trụ địa: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

Phiền não thượng vô số

Không trước sau một lúc

Đầy đủ khi xuất sinh

Gọi Vô đẳng đẳng sinh.

* *Luận giải thích:* Vô minh căn bản có thắng lực, các phiền não phẩm thượng thì vượt quá Hằng sa số, không có trước sau mà cùng lúc đều cùng sinh, vì vậy gọi là Vô đẳng đẳng sinh. Trong Khế kinh Tự Thể nói như vậy: “Ví như Thiên ma Ba Tuần đối với trời Tự Tại, thì sắc lực, thọ mạng, quyền thuộc, vật dụng đều tự tại thù thắng. Vô đẳng đẳng trụ địa xuất sinh đại lực cũng lại như vậy. Thô tế, trước sau là không có trước sau, đều sinh trường nơi một lúc”.

Sinh đặc trụ địa: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Sinh là ba loại sinh
Đắc là lập thành tựu
Vô minh kia thành lập
Nên gọi là sinh đắc.*

* *Luận giải thích:* Nói là sinh: Nghĩa là ba loại tướng sinh. Gọi là đắc tức có hai nghĩa. Những gì là hai nghĩa? Một là nghĩa kiến lập. Hai là nghĩa thành tựu. Vô minh căn bản có thể khéo thành lập ba loại tướng sinh kia, vì thế gọi là sinh đắc trụ địa. Trong Khế kinh Thập Chung Vọng Tướng nói như vậy: “Căn cứ theo từng phần từng phần chuyên, là sinh đắc trụ địa. Không phải căn cứ theo tự thể, nên gọi là sinh đắc”.

Quán mãn trụ địa: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thể nào?

* *Tụng nêu:*

*Thể vô minh căn bản
Kim cang hoàn không dứt
Phải đợi vị quả mãn
Nên gọi là quán mãn.*

* *Luận giải thích:* Vô minh căn bản đối với tâm kim cang trở lại vẫn còn không phải là đã hết. Phải đợi đến quả vị viên mãn mới vĩnh viễn đoạn dứt trọn vẹn, vì vậy gọi là quán mãn trụ địa. Trong Khế kinh Vô Thượng Bồ Đề nói như vậy: “Vô minh căn bản đợi đến lúc đạt đạo cứu cánh gọi là quán mãn. Các thức hý luận tùy theo quả vị dần dần trừ bỏ gọi là quán phần”

Trí ngại trụ địa: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thể nào?

* *Tụng nêu:*

*Ngăn nhất thiết chùng trí
Thông đạt nghịch thế gian*

*Lỗi trái nhau cực nặng
Nên gọi là trí ngại.*

* *Luận giải thích:* Vô minh căn bản thì mịt mờ rất tối tăm, nhất thiết chủng trí thì hiển bày rất sáng. Như vậy sáng tối trái nhau là lỗi lầm hết sức sâu nặng, vì thế gọi là trí ngại trụ địa. Trong Khế kinh Thập Thâm Nhân Duyên nêu giảng như vậy: “Phiền não sâu dày làm chướng ngại cho trí của chánh thể, trái nhau hết sức nên kiến lập làm chướng ngại. Tuệ Bát nhã ngăn ngại đối với hậu đắc trí, trái nhau rất nặng nên kiến lập làm chướng ngại. Cho đến nói rộng”.

Bất giác trụ địa: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thể nào?

* *Tụng nêu:*

*Từ vô thủy đến nay
Đủ ba thân Bồ-đề
Tròn bốn đức Niết-bàn
Không thể giác, chẳng giác.*

* *Luận giải thích:* Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay đầy đủ ba thân, viên mãn bốn đức, tự tánh thanh tịnh xa lìa vương quốc, nhưng do vô minh nên không nhận biết không giác ngộ, vì thế gọi là bất giác trụ địa. Trong Khế kinh Đại Bản Lăng Già nói rõ như vậy: “Bát nhã là không có đối tượng nhận biết. Các thức hý luận tức là nhận biết về vô. Vô minh căn bản tức là bất giác. Vì sao như vậy? Vì bất giác đối với giác. Cho đến nói rộng”.

Giác liễu trụ địa: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thể nào?

* *Tụng nêu:*

*Thập Địa không phải cảnh
Phàm tiểu cũng không cảnh
Chỉ bậc Đại giác rõ
Nên gọi là giác liễu.*

* *Luận giải thích*: Vô minh căn bản thì hàng Bồ-tát Thập Địa chưa có thể nhận biết được hết huông chi là hàng phàm, tiểu mà có thể khéo nhận biết. Chỉ bậc Đại giác mới hiểu rõ tận cùng, trọn vẹn, vì vậy gọi là Giác liễu trụ địa. Trong Khế kinh Bảo Tích nêu giảng như vậy: “Chỉ là cảnh giới của Đức Phật không phải kẻ khác có thể nhận biết. Tức là giác liễu vô minh”.

Tử tạng trụ địa: Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu*:

*Biển lớn tạng vô minh
Thâu giữ phiền não thượng
Như gieo trồng giữ hạt
Nên gọi là tử tạng.*

* *Luận giải thích*: Vô minh vô thủy thâu giữ phiền não khiến được dùng trụ. Ví như các hạt giống giữ lấy phần ẩn kín hiển bày phần nảy mầm, vì thế gọi là tử tạng trụ địa. Trong Khế kinh Bản Nghiệp nói như vậy: “Cất giữ các hạt giống đủ loại ví như lưới trời”.

Vì nhân duyên gì nên đều gọi là trụ địa. Nghĩa chữ có sai biệt, tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu*:

*Lực vô minh rất lớn
Trụ giữ các pháp nhiễm
Như đất giữ bốn loại
Nên gọi là trụ địa.*

* *Luận giải thích*: Vô minh căn bản lực của chúng là rất lớn, có thể khéo trụ giữ tất cả pháp nhiễm. Ví như đại địa có lực thù thắng nên đã giữ lấy bốn thứ gánh nặng. Do vậy gọi là trụ địa. Những gì là bốn? Một là biển lớn. Hai là núi non. Ba là cỏ cây. Bốn là chúng sinh. Đây gọi là bốn gánh nặng. Trong Khế kinh

Thắng Man nói như vậy: “Thưa Đức Thế Tôn! Lực của vô minh trụ địa như vậy, ở trong số bốn trụ địa của hữu ái, thì lực dụng của vô minh trụ địa là lớn nhất”. Cho đến nói rộng.

Đã nói về môn nói khác về tương ưng khế hợp. Tiếp đến là nói về môn theo thứ lớp giải thích riêng, nói rộng. Nói về nghĩa bất giác: Là nêu tổng quát về gốc ngọn của tất cả bất giác. Từ đây tiếp xuống là tạo sự giải thích lược chỉ rõ. Đầu tiên là giải thích về căn bản bất giác. Tiếp đến là giải thích bất giác của quyền thuộc phân ly. Gốc mở rộng, ngọn tóm lược. Nên quán xét kỹ.

Nghĩa là không nhận biết như thật về pháp chân như chỉ là một nên tâm bất giác khởi lên. Tức là hiển bày chỉ rõ về nhân duyên khởi lên bất giác căn bản. Bất giác căn bản do nhân duyên gì nên có thể dấy khởi mà có? Vì nhân nơi không như thật nên có thể dấy lên mà có. Trong những pháp nào mà không như thật? Đó là trong ba pháp mà không như thật. Nói không như thật, điều ấy có nghĩa gì? Tức là nghĩa trái ngược. Những gì là ba pháp? Một là thật sự nhận biết về một pháp. Hai là chân như là một pháp. Ba là một tâm là một pháp. Đây gọi là ba pháp. Thật sự nhận biết về một pháp: Nghĩa là tất cả các giác tức là trí của chủ thể thông đạt. Chân như là một pháp: Nghĩa là lý bình đẳng tức là cảnh của đối tượng thông đạt. Một tâm là một pháp: Nghĩa là một pháp giới, tức là thể của đối tượng nương dựa. Đối với ba pháp này đều trái ngược nên vô minh có thể dấy khởi, vì thế nói: Nghĩa là không nhận biết như thật về pháp chân như chỉ là một nên tâm bất giác khởi lên. Ba loại pháp kia chung quy đều giữ lấy trong một không lìa bỏ, nên gọi chung là một.

Từ đây trở xuống là lược chỉ rõ về quyền thuộc. Nhưng có niệm kia: Tức nêu rõ về vô minh phân ly. Nghĩa là căn bản đã lập nên tất cả quyền thuộc đều được có.

Từ đây trở đi tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn quy đức thành huyễn, có lực không lực. Hai là môn nêu vọng hiển chân có lực không lực.

Môn quy đức thành huyễn: Là tất cả vô minh, nếu chế ngự cho đến căn bản thì không có tự thể tướng chỉ nương dựa vào bản giác mà được thành lập. Ví như người lạc đường do dựa vào đường đi nên mới lạc, nếu lià đường đi thì không có sự việc lạc lối. Như Bản luận viết: “Niệm không có tự tướng, không lià bản giác. Cũng như người lạc đường dựa vào phương hướng nên không nhận ra. Nếu lià phương hướng thì không có lầm lạc nữa. Chúng sinh cũng như vậy, vì dựa nơi giác nên mê, nếu lià tánh giác thì không còn bất giác”.

Môn nêu vọng hiển chân: Là pháp thân Bát nhã không thể tự hiển được, phải đợi bất giác sau đó mới có thể tán dương danh nghĩa hiện tiền đầy đủ. Ví như bậc trượng phu dưỡng mãnh phải khiến cho các quân lính khuất phục, sau đấy mới có thể đạt được địa vị cao hơn. Như Bản luận viết: “Vì có tâm vọng tưởng bất giác nên có thể nhận biết về danh nghĩa để nói là chân giác. Nếu lià tâm bất giác thì không có tự tướng của chân giác để có thể nói”.

Đã nói về môn trụ địa của vô minh căn bản. Tiếp đến là nói về môn trụ địa của vô minh quyền thuộc. Trong sự quyền thuộc này có hai lớp. Những gì là hai lớp? Một là môn hiển thị về quyền thuộc vi tế. Hai là môn hiển thị về quyền thuộc thô trọng. Môn đầu như thế nào?

* *Bản luận viết*: Lại nữa, dựa vào bất giác nên sinh ba thứ tướng, cùng với bất giác kia tương ưng không lià. Những gì là ba tướng? Một là tướng vô minh nghiệp, vì dựa vào bất giác nên tâm động, gọi là nghiệp. Giác thì không động. Động thì có khổ, do quả không lià nhân. Hai là tướng năng kiến, vì dựa vào động nên có thể thấy, không động thì không thấy. Ba là tướng cảnh giới, vì dựa

vào có thể thấy nên cảnh giới vọng xuất hiện. Lìa thấy thì không có cảnh giới.

* *Luận giải thích*: Căn cứ trong văn này tức có hai lớp. Những gì là hai lớp? Một là môn nêu tổng quát, lược chỉ rõ. Hai là môn nêu lên để giải thích cùng thành. Môn thứ nhất nói: “Dựa vào bất giác nên sinh ba thứ tướng, cùng với bất giác kia tương ưng không lìa”. Tức là hiển thị phần tướng của ngọn nhờ dựa vào khí lực của phần thể nơi gốc mà được thành lập. Lại, phần thể của gốc kia là được các cành nhánh nơi phần tướng của ngọn nuôi dưỡng mà được dùng trụ. Ví như cha con hổ tương làm nhân mà được thành lập. Vì vậy nói là “Tương ưng không lìa”. Nếu nói như thế thì các Bồ-tát từ địa thứ tám trở lên tức nên đoạn trừ vô minh là đồng với diệu giác chăng? Sự việc này không phải vậy, vì tuy Bồ-tát đã đoạn trừ tướng thô, nhưng ba tướng vi tế thì đều chưa đoạn.

Từ đây trở xuống là giải thích môn thứ hai. Trong ba tướng này, thì thứ nhất là tướng nghiệp, giữa chủ thể thấy biết và đối tượng được thấy biết không có sai biệt. Tâm vương niệm pháp không thể phân tích, chỉ do nơi nghĩa thuần động, ngầm lưu chuyển nên gọi là nghiệp. Như vậy biến động, lưu chuyển là chỉ do bất giác. Nếu giác thì không động, động tức có khổ. Vì sao? Vì quả ban đầu của tướng nghiệp không lìa nhân ban đầu của vô minh. Như Bản luận viết: “Một là tướng vô minh nghiệp, vì dựa vào bất giác nên tâm động, gọi là nghiệp. Giác thì không động, động tức có khổ, vì quả không lìa nhân”. Tướng chuyển thứ hai, vì tướng nghiệp khởi niệm là nơi chốn nương dựa, chuyển biến làm chủ thể duyên lưu chuyển thành tướng nhận biết rõ. Nếu không có phần vị của tướng nghiệp động niệm, thì sẽ không có kiến phần của tướng chuyển liễu biệt. Dựa vào động này để tạo nên chuyển kia nên gọi là tướng chuyển. Như Bản luận viết: “Hai là tướng năng kiến, vì dựa vào động nên có thể thấy, không động thì không thấy”. Tướng

hiện thứ ba, vì dùng liễu biệt chuyển làm nơi chốn nương dựa, nên cảnh giới hý luận hiện tiền đầy đủ. Tướng phần của đối tượng duyên tròn đủ hiện bày khắp nơi. Nếu lìa phần vị của thức liễu biệt kiến, thì không có tướng trần của cảnh giới nơi đối tượng duyên. Dựa vào kiến phần này hiện bày tướng phần kia. Ví như dựa vào gương sáng nên hiện rõ các cảnh sắc hình tượng, gọi là tướng hiện. Như Bản luận viết: “Ba là tướng cảnh giới, vì dựa vào chủ thể thấy biết nên cảnh giới vọng xuất hiện, nếu lìa thấy biết thì không có cảnh giới”. Ba tướng như vậy tuy danh tự khác biệt nhưng cùng chỉ rõ về thức vốn có, nơi phần quyết trạch ở trước đã nói rộng. Ba tướng trong đây thì tướng thứ nhất, chủ thể và đối tượng là đồng, thể không sai khác. Tướng thứ hai chỉ có chủ thể thấy biết không có đối tượng thấy biết. Tướng thứ ba thì chủ thể cùng đối tượng thấy đều viên mãn.

Vô minh căn bản lại còn có gì sai khác? Nghi này là do đâu? Vì tự thể của vô minh là không sáng rõ. Nghĩa là nếu nói thể của tâm không động, thì ngay nơi lúc này gọi là vô minh, sự việc ấy tức không đúng. Vì sao? Vì ba là phần nói do dựa vào bất giác nên tâm động, gọi là nghiệp. Nếu nói động là nghiệp thì phần vị thức chẳng phải là vô minh, sự việc này cũng không đúng. Vì sao? Vì phần so sánh nói là do không thông đạt về một pháp giới nên tâm không tương ưng, hốt nhiên niệm khởi nên gọi là vô minh. Hai văn về động khởi đều dựa vào nghiệp thức để nói như vậy, không phải là vô minh kia. Vì sao? Vì chủ thể động, chủ thể khởi là vô minh căn bản. Thuận theo động, thuận theo khởi tức là nghiệp thức. Vì nghĩa này nên không có lỗi trái nhau. Nếu như vậy thì tự thể của vô minh căn bản, vì sao có thể làm động được thể của tâm để có thể khởi các niệm? Xứ này khó biết rõ. Vì Thập Địa không phải là cảnh giới mà ba Hiền thì cũng không thể suy lường. Chỉ có Đức Phật mới hiểu rõ tận cùng nên không thể vọng nêu. Nhưng dựa vào

kinh thuyết giảng mượn ngôn từ để tạm xưng chỉ nói là bất giác. Có được nhân duyên trong phần quyết trạch tiếp sau tự sẽ nêu rõ.

Tướng nghiệp khởi niệm vi tế, chủ thể và đối tượng chưa phân nên tướng và cảnh giới không thể phân biệt. Vậy do nhân duyên nên lập tên gọi động để giải thích tướng nghiệp. Sự việc này lại cũng không thể vọng nói, chỉ dựa vào kinh thuyết giảng để nói như vậy: Tướng nghiệp nơi bản thức, không có chủ thể tạo tác làm rõ, không có đối tượng tạo tác làm rõ, không thể phân tích, không thể cách biệt, chỉ do nơi nghĩa thuần động ngầm lưu chuyển, nên gọi là Kiện ma. Nếu có chúng sinh cần dùng vô số các loại ngôn từ để thêu dệt về điều này, thì than ôi trọn ngày không thể nói hết.

Đã nói về môn hiển thị về quyền thuộc vi tế. Tiếp đến là nói về môn hiển thị về quyền thuộc thô trọng.

* *Bản luận viết*: Vì có cảnh giới duyên theo nên lại sinh sáu thứ tướng. Những gì là sáu thứ? Một là tướng trí, dựa nơi cảnh giới nên tâm khởi lên phân biệt yêu thích và không yêu thích. Hai là tướng tương tục, dựa nơi trí nên sinh ra nhận biết khổ vui, tâm khởi niệm tương ưng không dứt. Ba là tướng chấp thủ, dựa nơi duyên tương tục suy niệm về cảnh giới, tuy giữ khổ vui khiến tâm khởi chấp trước. Bốn là tướng kế danh tự, dựa nơi vọng chấp phân biệt về ngôn tướng giả danh. Năm là tướng khởi nghiệp, dựa nơi tên gọi tìm cầu tên gọi chấp giữ tạo ra đủ loại nghiệp. Sáu là tướng nghiệp hệ khổ, vì dựa nơi nghiệp nên thọ nhận quả không tự tại.

* *Luận giải thích*: Sáu tướng như vậy đều từ nơi địa ý thức không phải là pháp thức khác. Vì sao? Vì trong Kinh Đại Bản đã nói rõ như vậy. Phần quyết trạch này là kinh nào nên giải thích? Đó là Kinh Lăng Già. Nơi Khế kinh ấy sẽ nói về điều gì? Đó là trong Khế kinh Phân Lưu Lăng Già giảng nói như vậy:

*Ví như sóng biển lớn
Là do gió mạnh khởi*

Sóng to vỗ biển rộng
 Không có lúc đoạn dứt.
 Thường trụ biển tạng thức
 Gió cảnh giới khiến động
 Vô số sóng các thức
 Tung tóe mà chuyển sinh.
 Các loại sắc xanh đỏ
 Sữa trắng và mật ong
 Nhiều hoa quả vị nhạt
 Nhật, nguyệt và ánh sáng.
 Chẳng khác, chẳng không khác
 Nước biển khởi sóng cuộn
 Bảy thức cũng như vậy
 Tâm cùng hòa hợp sinh.
 Như nước biển biến đổi
 Đủ các thứ sóng chuyển
 Bảy thức cũng như vậy
 Tâm cùng hòa hợp sinh.
 Là nơi tạng thức kia
 Vô số các thức chuyển
 Là do ý thức ấy
 Tư duy nghĩ các tướng.
 Tướng không hoại có tám
 Không tướng cũng không tướng.

Dựa vào văn của kinh này tạo giải thích, phát khởi văn nói về sáu tướng. Nay văn của kinh này là nêu rõ về nghĩa gì? Đó là nhằm hiển thị về tánh tự thường trụ của biển cả hiện thức, bị gió của cảnh giới sáu trần kia làm cho trôi nổi. Bảy loại chuyển thức lấy thể của hiện thức làm nhân bên trong, lấy cảnh giới sáu trần

làm duyên bên ngoài, khiến cho sáu thứ tướng thô trọng dấy lên mạnh mẽ. Như kinh nói:

*Ví như sóng biển lớn
Là do gió mạnh khởi
Sóng to vỗ biển rộng
Không có lúc đoạn dứt.
Thường trụ biển tạng thức
Gió cảnh giới khiến động
Vô số sóng các thức
Tung tóa mà chuyển sinh.*

Vì sao gọi là gió của cảnh giới? Gió ấy hình trạng như thế nào? Nghĩa là các loại hiển sắc như xanh vàng đỏ trắng v.v..., có thể làm dấy khởi nhãn thức. Các loại châu báu như vàng ngọc phát ra vô số âm thanh thắng diệu, có thể làm dấy khởi nhĩ thức. Các thứ hương như đàn nữ xông đốt tỏa ra vô số hương thơm ngát, có thể làm dấy khởi tỷ thức. Các thứ xúc chạm an ổn như mọc la thạch mật hòa hợp với các thứ vật dụng tạo an lạc tốt đẹp, có thể làm dấy khởi thân thức. Các mùi vị ngọt nhạt, tùy theo chỗ ứng hợp xuất sinh vô số vị, có thể làm dấy khởi thiệt thức. Hoa của hiện tại, quả của vị lai là các loại pháp trần, thuận theo làm cảnh giới nơi đối tượng duyên duyên của thức kia, có thể làm dấy khởi ý thức. Nay trong văn này nêu ra trần chọn lấy thức, tức nên quán xét kỹ. Thức Mạt-na kia tức là phần vị vi tế của ý thức, không có Thể riêng biệt. Sáu trần như vậy có thể làm động thể của tâm khiến thành tán loạn. Ví như gió mạnh nên gọi là gió của cảnh giới. Như kinh nói:

*Các loại sắc xanh đỏ
Sữa trắng và mật ong
Nhiều hoa quả vị nhạt.*

Như vậy, bảy thức cùng với tạng thức là đồng hay là dị? Chẳng phải đồng, chẳng phải dị, vì lìa hai biên. Ví như mặt trời và ánh sáng, nước và các sóng, chẳng phải đồng chẳng phải dị. Bảy thức và tạng thức chẳng phải đồng, chẳng phải dị, nghĩa cũng như vậy. Như kinh nói:

*Nhật, nguyệt và ánh sáng
Chẳng khác, chẳng không khác
Nước biển khởi sóng cuộn
Bảy thức cũng như vậy
Tâm cùng hòa hợp sinh.*

Bảy thức như vậy, từ nơi xứ nào đến nhập trong tạng thức làm thành bảy loại số, lưu chuyển khởi động không lúc nào đoạn dứt? Bảy chuyển thức như thế không đến từ bên trong, không đến từ bên ngoài, không đến từ ở giữa, chỉ do thể của tạng thức biến đổi làm thành bảy thức. Ví như nước biển biến tạo các sóng. Như kinh nói:

*Như nước biển biến đổi
Đủ các thứ sóng chuyển
Bảy thức cũng như vậy
Tâm cùng hòa hợp sinh.
Là nơi tạng thức kia
Vô số các thức chuyển
Là do ý thức ấy
Tư duy nghĩa các tướng.*

Như vậy, hiện thức và bảy chuyển thức là tám loại tâm thức, chỉ có tướng sinh diệt vô thường hay cũng có tướng thật, tướng thường trụ? Như vậy, tám thức từ vô thủy đến nay, ba đời không động, bốn tướng không dời, là tướng chân thật thường trụ, tự tánh thanh tịnh không hoại, đầy đủ viên mãn không có thiếu mất. Tất

cả công đức như vậy v.v... là đồng với pháp giới nên không có hai tướng. Không có hai tướng nên chỉ là một tướng. Chỉ là một tướng nên cũng là vô tướng. Đều vì vô tướng nên vô tướng cũng là vô tướng. Như kinh nói:

*Tướng không hoại có tám
Không tướng cũng không tướng.*

Kinh Lăng Già này nêu rõ gồm có bao nhiêu thức? Tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nói lược. Hai là môn nói rộng. Trong hai môn như vậy cả ba bản kinh đều nói khác nhau. Thế nào là nói khác nhau? Nghĩa là trong một bản Khế kinh Phân Lưu Lăng Già nói như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói lược có ba loại thức, nói rộng có tám loại tướng. Những gì là ba loại thức? Đó là thức chân, thức hiện và thức phân biệt sự”.

Lại trong một bản Khế kinh Phân Lưu Lăng Già nêu bày như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói rộng có tám loại thức, nói lược thì có hai loại thức. Những gì là hai loại thức? Một là thức liễu biệt. Hai là thức phân biệt sự”.

Lại trong một bản Khế kinh Phân Lưu Lăng Già nói như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói lược có bốn loại thức, nói rộng có bảy loại thức. Những gì là bốn loại thức? Đó là thức nghiệp, thức chuyển, thức hiện và thức phân biệt sự”.

Cả ba bản kinh như vậy đúng là chân thuyết, phải nên quy y nơi những Kinh Lăng Già nào? Nhân Duyên Lăng Già, Sa La Lăng Già, Bàn Thi Đa Lăng Già. Bốn loại kinh này tức là ngụy tạo giả nêu nên không đáng để quy y. Nay nên dựa vào một vạn sáu ngàn tụng nêu tổng quát nơi Đại Bản Lăng Già, ba kinh tuy an lập khác nhau về tướng nhưng giải thích thuận hợp, như thứ lớp ấy cần quán xét kỹ.

Trong Khế kinh thứ nhất, thì thứ nhất là thức chân, chính là vô minh căn bản đã huân tập chân tâm của bản giác. Thứ hai là thức hiện, đúng là tướng hiện nơi thức A-lê-da. Thứ ba là thức phân biệt sự, chính là ý thức, phần thô là ý thức, phần tế tức là mạt-na. Vì sao kinh này nói phần tế của ý thức là thức Mạt-na-đà. Thức nghiệp và thức chuyển trong ba phần tế lại lược bỏ không nêu ra. tức ở đây có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu lên hai hiển bày ba có đủ số. Hai là môn dẫn theo trên thông đạt dưới có đủ số.

Môn một nói thế nào? Đó là nêu lên phần thô mạnh để hiển bày phần tế kém. Nghĩa này là thế nào? Vì ở trong ba phần tế thì phần thô là thức hiện, ở trong bảy thức thì mạnh hơn là ý thức. Nêu phần thô là thức hiện để hiển bày phần tế là thức nghiệp và thức chuyển, tức chỉ nói thức hiện. Nêu lên thứ mạnh là ý thức để chỉ rõ thứ kém là Mạt-na, tức chỉ nói ý thức. Vì thế ngôn ngữ lược mà nghĩa lý đủ. Đó gọi là môn nêu lên hai hiển bày ba có đủ số.

Môn hai nói về gì? Đó là trước sau lẫn lộn gồm đủ tên gọi. Nghĩa này là thế nào? Văn trên của kinh nói là các thức có ba thức tướng, đó là tướng chuyển, tướng nghiệp và tướng chân. Thứ nhất là tướng chuyển, tức là thức chuyển thuộc về ba phần tế. Thứ hai là tướng nghiệp, tức là thức nghiệp thuộc về ba phần tế. Thứ ba là tướng chân, tức là thức Mạt-na thuộc về phần tế của ý thức. Nêu dẫn văn của đoạn kinh này cùng với văn sau, tên gọi là viên mãn, nghĩa lý thì đầy đủ. Đó gọi là môn dẫn theo trên thông đạt dưới có đủ số.

Trong Khế kinh này nói tám loại thức: Là A-lê-da, Mạt-na, ý thức và năm thức thân. Đó gọi là tám loại thức. Vì sao thành tám loại? Vì trong một ý thức phân ra bảy loại khác nhau.

Trong Khế kinh thứ hai thì thứ nhất là thức liễu biệt, đúng là tướng hiện nơi thức A-lê-da. Thứ hai là thức phân biệt sự, đúng

là ý thức, nghĩa như trước đã nói, đồng nói là Mạt-na. Trong kinh thứ nhất kia gọi là tướng chân, nơi kinh thứ hai này gọi là thức trí tướng: Là tên gọi khác mà nghĩa đồng. Trong vị Mạt-na bắt đầu có tuệ số, phân biệt đối với trần gọi là thức trí tướng. Như vậy, trí trong cảnh nơi đối tượng duyên của thức tạo sự hiểu rõ về tướng chân thật để chuyển nên gọi là tướng chân. Tám thức trong đây so với trước có thể nhận biết.

Trong Khế kinh thứ ba nói bốn loại pháp thức, tướng của văn sáng rõ nên lại lược bớt không nói. Nói bảy thức: Là Mạt-na và ý thức gồm chung làm một, vì thô tế tuy có khác nhau nhưng chỉ là một thức.

Trong Khế kinh Pháp Giới Pháp Luân nói như vậy: “Ý thức thứ sáu trong lúc phân biệt cảnh giới của sáu trần, tất dựa vào Mạt-na làm gốc của đối tượng nương dựa mới có thể sinh khởi. Vì thế ý thức chính là chủ thể nương dựa, thức Mạt-na kia nên là đối tượng nương dựa”. Chủ thể nương dựa và đối tượng nương dựa ấy không thể là một loại, vì sao nay nói là một thể không khác? Ý của kinh phân biệt nên không có lỗi trái nhau. Nghĩa là trong kinh kia đã lập chủng loại dị biệt. Nay trong kinh này thì lập chủng loại đồng. Do nơi văn nào mà hiện nhận biết rõ về thức phân biệt sự, không dựa vào Mạt-na mà có thể sinh khởi? Do trong Kinh Lăng Già đã nêu giảng rất rõ. Trong Khế kinh ấy đã thuyết giảng như thế nào? Đó là trong Phân Lưu Lăng Già nói như vậy: “Này Đại Tuệ! Thức liễu biệt sự và thức phân biệt sự, hai loại thức ấy không có sai biệt, lần lượt cùng làm nhân cho nhau”.

Lại trong một bản Phân Lưu Lăng Già thuyết giảng như vậy: “Này Đại Tuệ! Thức hiện và thức phân biệt sự, tướng hoại và tướng bất hoại của hai thức lần lượt làm nhân cho nhau”. Do nơi văn ấy nên nhận biết rõ về ý thức, chỉ lấy tướng hiện nơi thức A-lê-da làm đối tượng nương dựa bên trong, sinh khởi động chuyển

không dựa vào Mạt-na. Lại nữa, trong Khế kinh Đại Bản Lăng Già nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Nghiêm đến trước Phật thưa: Thế Tôn! Ý thức của tướng thô và ý thức của tướng tế dùng gì làm nhân, dùng gì làm duyên để chuyển biến tương tục? Đức Phật nói: Đúng vậy! Ý thức thô tế dùng thức hiện gương để làm nhân, dùng cảnh của sáu trần để làm duyên cùng nối tiếp mà chuyển”. Do nghĩa này nên thức Mạt-na thứ bảy duyên với cảnh của sáu trần làm đối tượng duyên, nên nghĩa chuyển đã thành lập. Vì sao? Vì trong kệ tụng của kinh nêu bày như vậy: “Gió cảnh giới đã động, Sóng bảy thức cuộn chuyển”. Lại nữa, nếu có chúng sinh trải qua thức hiện, đó tức là thức Mạt-na này, vì thế ý thức lấy đó làm nhân. Lời này không đáng làm chỉ nam sao?

Đã nói phân căn bản của kinh. Tiếp đến là giải thích văn của luận. Tức trong văn này tự có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu tổng quát lược chỉ rõ. Hai là môn nêu lên và giải thích cùng thành. Vì có duyên của cảnh giới nên lại sinh khởi sáu loại tướng, tức là môn một. Văn ở đây là nêu rõ về nghĩa gì? Đó là chỉ rõ về sáu loại tướng thô của một ý thức, lấy cảnh giới của sáu trần trong thức hiện gương làm duyên phát khởi, lấy thể của thức hiện gương làm nhân nương dựa, nên được sinh trưởng tương tục và chuyển biến đầy đủ. Nếu như vậy thì vì sao chỉ nói là dùng cảnh giới làm duyên, không nói dùng bản thức kia làm nhân? Vì nghĩa cùng được hiển bày nên lại lược bớt, chứ lý ấy không phải là không có. Nếu như vậy thì thức hiện tức nên là Mạt-na, làm chỗ nương dựa gần gũi cho ý thức kia, cũng như là ý căn. Giải thích về nghĩa này tức có hai ý. Những gì là hai ý? Một là ý ngăn chặn. Hai là ý thừa nhận. Ngăn chặn là ngăn lại chủng loại khác. Thừa nhận là thừa nhận A-lê-da và Mạt-na. Nghi vấn như vậy đến trong phần quyết trạch đại Mạt-na lý ấy tự hiển lộ.

Từ đây trở xuống là giải thích về môn thứ hai. Trong sáu tướng này thì hai tướng thứ nhất tức là chấp pháp. Hai tướng thứ hai tức là chấp người. Hai tướng thứ ba tức là biệt tướng của quả báo nơi nghiệp nhân. Lại nữa, hai tướng thứ nhất thì do hàng địa thượng đoạn trừ. Hai tướng thứ hai thì do hàng ba hiền đoạn trừ. Hai tướng thứ ba thì do hàng thập tín xa lìa. Lại nữa, hai tướng đầu tức là tướng tế, bốn tướng sau đều là tướng thô. Lại nữa, một tướng đầu tức là tướng tế, năm tướng sau tức là tướng thô. Lại nữa, năm tướng đầu tức là tướng tế, một tướng sau là tướng thô. Lại nữa, sáu tướng đều là tướng thô. Lại nữa, sáu tướng đều không có tướng tế cũng không có tướng thô. Như thứ lớp ấy nên tư duy kỹ.

Đã nói về môn hiển bày chỉ rõ về quyền thuộc thô trọng. Tiếp đến là nói về môn nêu rõ vô minh có quyết nghị.

* *Bản luận viết*: Nên biết vô minh có thể sinh ra tất cả pháp nhiễm, vì tất cả pháp nhiễm đều là tướng bất giác.

* *Luận giải thích*: Tức trong văn này tự có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn trực tiếp chỉ rõ về đặc có. Hai là môn giải thích tướng quyết nghị. Môn một là thế nào?

* *Tụng nêu*:

*Ví như trông thấy cây
Nên biết có chủng tử
Thấy các phiền não trên
Biết vô minh cũng vậy.*

* *Luận giải thích*: Ví như có người thấy cây rừng thì quyết định nên nhận biết là có hạt giống của chúng. Thấy các phiền não thì nhận biết vô minh là có, nghĩa cũng như vậy. Như Bản luận viết: “Nên biết vô minh có thể sinh ra tất cả pháp nhiễm”.

Môn hai thì thế nào? Đó là có chủng sinh dậy lên nghi như vậy: Vô minh chỉ có một mà pháp nhiễm thì vô lượng, há một vô

minh mà sinh ra các phiền não? Thế nên khởi tâm không tin. Nếu trừ bỏ nghi kia nên nói lời này: Ví như hạt giống chỉ có một mà sinh ra vô lượng vô biên tất cả các loại hoa quả cành lá v.v... Vô minh căn bản cũng lại như vậy, chỉ một vô minh mà có thể sinh ra tất cả pháp nhiệm của vô lượng vô biên phiền não. Do đâu nhận biết được tất cả phiền não đều do vô minh sinh ra? Vì các pháp nhiệm kia đều là tướng bất giác. Nếu cần đến lời này thì nghi kia liền dứt. Như Bản luận viết: “Do tất cả pháp nhiệm đều là tướng bất giác”. Từ trước đến giờ thì vô minh trên căn bản đã lược giải thích rồi. Từ đây trở xuống tập hợp chung hết thảy các pháp nhiệm tịnh. Lại tạo ra hai thứ môn đồng dị, biểu thị bản ý chân thật của người tạo luận. Tướng ấy là thế nào?

* *Bản luận viết*: Lại nữa, giác và bất giác có hai loại tướng. Những gì là hai loại? Một là tướng đồng. Hai là tướng dị. Nói tướng đồng: Ví như vô số các loại gạch ngói đều đồng tánh tướng là vi trần. Như vậy vô số nghiệp huyễn của vô lậu, vô minh đều đồng tánh tướng là chân như. Vì vậy trong Khế kinh đã dựa nơi nghĩa này để nói: “Tất cả chúng sinh xưa nay là thường trụ, hội nhập nơi pháp Bồ-đề Niết-bàn, không phải là tướng có thể tu tập, không phải là tướng có thể tạo tác. Hoàn toàn là vô đắc, cũng không có sắc tướng để có thể thấy, nhưng có thấy sắc tướng, chỉ là nghiệp huyễn đã tạo ra tùy theo pháp nhiệm, không phải là tánh bất không của trí sắc, vì tướng trí là không thể thấy”. Nói tướng dị: Ví như vô số các thứ gạch ngói thảy đều chẳng đồng. Như vậy tánh sai biệt của vô lậu, vô minh tùy theo nhiệm huyễn nên nhiệm huyễn có sai biệt.

* *Luận giải thích*: Tức trong văn này tự có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn tướng đồng. Hai là môn tướng dị. Để nêu rõ về nghĩa nào mà kiến lập môn tướng đồng? Vì nhằm hiển thị tất cả các pháp chỉ là một chân như không có pháp khác chính

là môn chân như. Để nêu rõ về nghĩa nào mà kiến lập môn tướng dị? Vì nhằm hiển thị chỉ là một chân như tạo ra tất cả các pháp, danh tướng đều khác, nghĩa dụng không đồng, chính là môn sinh diệt. Hai môn như vậy dựa nơi Khế kinh nào để kiến lập? Đó là kinh Văn Thù Sư Lợi Đáp Đệ Nhất. Trong Khế kinh ấy chính là nói về điều gì? Nghĩa là trong Khế kinh ấy nói như vậy: “Đức Phật hỏi Bồ-tát Văn-thù: Ông từ lâu xa đến nay luôn không nghỉ ngơi, du hành rộng khắp trong mười phương cõi nước vậy đã thấy sự việc gì đặc biệt? Bồ-tát Văn-thù thưa: Con từ lâu xa đến nay không thấy sự việc gì khác, chỉ thấy vi trần. Đức Phật lại hỏi: Trong một trăm năm ông ở nơi luân gia, không thấy vô số hình tướng của các thứ ngói gạch chãng? Bồ-tát Văn-thù đáp: Con chỉ thấy vi trần không thấy các thứ ngói gạch. Đức Phật lại nói: Ông thật sự không thấy vô số các loại hình tướng như đất nước lửa gió, núi sông cây rừng chãng? Bồ-tát Văn-thù thưa: Con thật sự không thấy những hình tướng như thế, chỉ thấy toàn là vi trần. Như thế, như thế v.v... Đức Thế Tôn cật vấn, Bồ-tát Văn-thù đáp Đến lần thứ một trăm, Đức Phật hỏi Bồ-tát Văn-thù thấy toàn là vi trần chãng? Bồ-tát Văn-thù trả lời: Con từ lâu xa đến nay không thấy vi trần. Bây giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù: Lành thay! Lành thay! Ông là Đại sĩ, có thể hiểu được về một tướng. Có thể hiểu được về một tướng tức là pháp vô tướng. Nay Văn-thù-sư-lợi! Một bậc nhân giả như ông không phải chỉ hiểu được như vậy mà dựa vào môn một tướng hiểu rõ, tất cả chúng sinh xưa nay là thường trụ, hội nhập nơi pháp Bồ-đề Niết-bàn, cho đến do tướng trí không gì có thể thấy”.

Bồ-tát Mã Minh đã dựa vào văn của kinh ấy để lập môn tướng đồng. Nội dung của văn hiện rõ nên không cần phải giải thích lại. Về môn tướng dị, trong Khế kinh ấy nói như vậy: “Đức Phật nói với Tôn giả Thân Tử: Ông thấy cõi này là do tâm nào thấy? Thân Tử đáp: Con thấy cõi này có vô số các loại hình tướng

như núi sông, cây rừng, cát sỏi, đất đá, mặt trăng, mặt trời, cung điện nhà cửa v.v..., tất cả đều có hình tướng, tên gọi sai biệt chẳng đồng. Đức Phật nói: Lực dụng trí tuệ của ông là thấp kém, nhỏ hẹp, tâm có cao thấp nên thấy khác nhau như vậy. Chính vì một người như ông, không phải chỉ thấy như thế. Tất cả chúng sinh lại cũng như vậy. Cho đến các pháp cũng lại như thế. Chân vọng cùng huân tập nhau, công đức, lỗi lầm, hình tướng, tên gọi đều sai biệt. Tùy theo tâm phàm phu nên lập danh tướng, có mà chẳng phải là thật, đều là pháp huyễn hóa. Cho đến nói rộng”. Do dựa vào văn này, tìm cầu nghĩa nêu ra để lập môn tướng dị. Nội dung của văn nêu rõ nên không cần giải thích lại. Trong hai môn này đã giữ lại môn đầu, tức nên tư duy kỹ.

Từ trước đến nay là giải thích trong bản phần là câu chữ của tâm sinh diệt. Từ đây tiếp xuống là giải thích trực tiếp về nhân duyên.

* *Bản luận viết*: Lại nữa, nhân duyên sinh diệt: Đó gọi là chúng sinh dựa nơi tâm ý và ý thức mà chuyển. Nghĩa này là thế nào? Vì dựa vào thức A-lê-da để nói nên có vô minh bất giác dậy khởi, có thể thấy biết, có thể hiện bày, có thể nhận lấy cảnh giới khởi niệm tương tục, nên nói là ý. Ý này lại có năm thứ tên gọi. Những gì là năm loại? Đó là: (1) Gọi là thức nghiệp. Nghĩa là vì lực của vô minh nên tâm bất giác khởi động. (2) Gọi là thức chuyển. Nghĩa là dựa nơi tâm động nên có thể thấy tướng. (3) Gọi là thức hiện. Đó là có thể hiện ra tất cả cảnh giới, cũng như gương sáng hiện rõ các sắc tượng. Thức hiện cũng như vậy, tùy theo năm trần kia đối hướng đến tức hiện rõ không có trước sau, do tất cả thời tự nghiệp dậy khởi luôn ở phía trước. (4) Gọi là thức trí, nghĩa là phân biệt về pháp nhiệm tịnh. (5) Gọi là thức tương tục, vì niệm tương ưng không dứt.

* *Luận giải thích*: Tức trong văn này tự có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn gồm thâm nghĩa hiển bày tông chỉ phát sinh kiến giải. Hai là môn thuận theo văn nêu rộng để trừ bỏ nghi. Môn một là thế nào? Trong đây nói về nhân duyên có hai lớp. Những gì là hai lớp? Một là nhân duyên không tương ưng sinh diệt. Hai là nhân duyên tương ưng sinh diệt.

Nhân duyên của lớp thứ nhất tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu*:

*Vô minh căn bản kia
Là tùy duyên bản giác
Nhân duyên đều gồm đủ
Là ba không tương ưng.
Chính thức tạo nhân duyên
Nhân duyên sinh diệt tế
Lại tác ý quán sát
Nên xét kỹ nghĩa lý.*

* *Luận giải thích*: Vô minh căn bản tùy duyên nơi bản giác, mỗi mỗi nhân duyên đều có đầy đủ hai nghĩa, có thể khiến ba loại nhiễm không tương ưng, chính thức tạo nhân duyên, vì thế nói là môn nhân duyên của sinh diệt vi tế. Hình tướng đầy đủ trong môn nói rộng, lý ấy tự sáng tỏ.

Nhân duyên của lớp thứ hai tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu*:

*Tự thể thức hiện gương
Tướng cảnh giới sáu trần
Là ba loại tương ưng
Có thể tạo nhân duyên.*

* *Luận giải thích*: Thể của thức hiện gương là cảnh giới của sáu trần. Như thứ lớp ấy, có thể tạo nhân duyên cho ba loại pháp nhiệm tương ưng, vì thế nói là môn nhân duyên của sinh diệt thô trọng. Trong thể của thức hiện lại có nghĩa về duyên, tức nên tư duy kỹ. Lại nữa, lại có hai lớp nhân duyên. Những gì là hai lớp? Một là nhân duyên bản biến. Hai là nhân duyên mặt biến. Nói bản biến là nêu ra vô minh căn bản và tâm của bản giác, đối chiếu với sáu tướng thô có nghĩa của nhân duyên. Nói mặt biến là nêu ra tướng nghiệp chuyển đối chiếu với ba tương ưng có nghĩa của nhân duyên. Lại nữa, lại có hai lớp nhân duyên. Những gì là hai lớp? Một là nhân duyên thượng hạ. Hai là nhân duyên hạ thượng. Nói thượng hạ: Tức vô minh là bắt đầu, quả báo là sau cùng, xuống thấp nữa cùng với lực cũng không vượt qua số đó, vì để tạo nhân duyên. Nói hạ thượng: Tức quả báo là khởi đầu, vô minh là sau cùng, lên cao nữa cùng với lực cũng không vượt qua số đó để tạo nhân duyên.

Lại nữa, tất cả pháp hữu vi sinh diệt thì sát-na không dừng trụ, vì không nhân không duyên. Lại nữa, pháp nhân duyên là không, không có chủ, tự tánh thật sự là không thể thủ đắc. Lại nữa, pháp không thể thủ đắc thì không thể thủ đắc, cũng không thể thủ đắc. Như thứ lớp ấy tức nên xét chọn kỹ.

Đã nói về môn gồm thâm nghĩa, hiển bày tông chỉ phát sinh kiến giải. Tiếp đến là nói về môn thuận theo văn nói rộng để trừ bỏ nghi. Trong đây có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu tổng quát. Hai là môn giải thích rộng. Lại nữa, nhân duyên sinh diệt, đó gọi là chúng sinh dựa nơi tâm ý và ý thức chuyển: Tức là môn thứ nhất. Văn này là nêu rõ về nghĩa gì? Đó là muốn hiển thị về chủ thể nương dựa và đối tượng nương dựa có sai biệt. Thế nào là đối tượng nương dựa? Đó là tâm của bản giác. Thế nào là chủ thể nương dựa? Đó tức là chúng sinh. Nói chúng sinh là nói về

pháp nào? Đó là ý và ý thức. Vì sao ý và ý thức gọi là chúng sinh? Vì ý và ý thức là do tất cả các nhiệm tập hợp mà sinh, nên gọi là chúng sinh, nhưng không có tự thể riêng, chỉ dựa vào tâm làm thể, vì thế nói là dựa nơi tâm mà chuyển.

Đã nói về môn nêu tổng quát. Tiếp đến là nói về môn giải thích rộng. Trong ấy có hai phẩm. Trước là nói về Mạt-na chuyển, sau là nói về ý thức chuyển. Nội dung của văn có thể nhận thấy. Nghĩa này là thế nào? Là hỏi chung về hai chuyển.

Từ đây tiếp xuống là tạo giải thích nói rộng. Môn ý thức chuyển này dựa vào Khế kinh nào để kiến lập? Đó là Kinh Hiền Liễu. Trong Khế kinh ấy chính là giảng nói về điều gì? Nghĩa là trong Khế kinh Hiền Liễu nói như vậy: “Các loại tâm thức tuy có vô lượng, nhưng chỉ do Mạt-na chuyển không có pháp nào khác. Vì sao? Vì thức Mạt-na này có đủ mười một nghĩa và không có việc gì không làm được”. Trong Khế kinh ấy tên gọi của mười một nghĩa đã lược bỏ không nói riêng. Vì vậy Luận giả đã nêu đủ tên gọi riêng của mười một loại để chỉ rõ. Những gì là mười một loại tên gọi? Đó là: (1) Vô minh căn bản. (2) Tướng nghiệp. (3) Tướng chuyển. (4) Tướng hiện. (5) Tướng trí. (6) Tướng tương tục. (7) Thức nghiệp. (8) Thức chuyển. (9) Thức hiện. (10) Thức trí. (11) Thức tương tục. Đây gọi là mười một tên gọi. Như Bản luận viết: “Vì dựa vào thức A-lê-da nên nói có vô minh bất giác dấy khởi, có thể thấy biết, có thể hiện bày, có thể nhận lấy cảnh giới khởi niệm tương tục, nên nói là ý. Ý này lại có năm thứ tên gọi, nói rộng cho đến năm, gọi là thức tương tục, vì niệm tương ưng không dứt”. Trong Khế kinh Bản Địa nói như vậy: “Thức đại Mạt-na có đủ mười hai chuyển, tức dựa vào bản giác làm thành một”.

Hai chữ tướng và thức có sai biệt thế nào? Lại thêm nơi số kia để kiến lập riêng chẳng? Sai biệt là rất lớn. Sai biệt như thế nào? Nghĩa là tất cả các pháp nhiệm quyền thuộc, mỗi mỗi pháp

thấy đều có hai nghĩa. Những gì là hai nghĩa? Một là nghĩa thân giải. Hai là nghĩa ám độn. Nghĩa thân giải: Là căn cứ theo biên lưu chuyển của bản giác. Nghĩa ám độn: Là căn cứ theo biên lưu chuyển của vô minh. Dựa vào môn đầu nên kiến lập tên gọi thức. Dựa vào môn sau nên kiến lập tên gọi tướng. Hai môn có sai biệt nên nhận biết. Vì sao như vậy? Vì nói thức là nghĩa hiểu rõ nên thuận với bản giác. Nói tướng tức nghĩa từ bỏ gốc nên thuận theo vô minh. Vì vậy trong Khế kinh Thường Trụ Phật Tánh nói như vậy: “Vì sao có thể nhận biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh? Đáp: Vì tất cả chúng sinh đều có tâm thức, nên biết là có Phật tánh. Vì sao? Vì Phật gọi là bậc giác ngộ, có thể khéo soi chiếu thông suốt tất cả các pháp. Trong thân chúng sinh có vị giác ngộ này, thế nên tất cả chúng sinh có được thức liễu biệt”. Do nghĩa nào mà gọi là ý? Vì có hai nghĩa. Những gì là hai nghĩa? Một là nghĩa của căn. Hai là nghĩa của thân. Nói nghĩa của căn: Là nghĩa chủ thể sinh khởi. Nói nghĩa của thân: Là nghĩa nương. Do nghĩa nào mà vô minh căn bản và bản giác tùy nhiễm đều có đủ nhân duyên? Vì cùng hướng đến với nhau. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là nêu ra bản giác và vô minh cùng hướng về ba thức, thì bản giác làm nhân, vô minh làm duyên. Cùng nêu ra hai thứ kia hướng về ba tướng, thì vô minh làm nhân, bản giác làm duyên. Vì sao? Vì gần là nhân, vì xa là duyên. Vì sao ở trên nói phân biệt tướng trí và tướng tương tục là phần tế của ý thức. Nay trong văn này lại nói là thức Mạt-na gồm thân? Vì muốn thành lập Mạt-na, ý thức, chỉ là một thể không có hai thể riêng khác. Nếu vậy thì vì sao lược bỏ phần thô không dùng làm ý? Căn cứ nơi thật thì đều là ý, nhưng lý tận cùng nên lại lược bỏ. Do vậy kinh nói: “Không việc gì là không làm”. Nhưng kiến lập riêng ý thức chuyển: Là muốn kiến lập pháp môn của chủ thể nương dựa và đối tượng nương dựa, nên đưa ra ba tướng này để quyết trạch, thì Mạt-na tức nên thông suốt rộng. Lại nữa, vì muốn nêu rõ thức A-lê-da không phải cố định là A-lê-da, Mạt-na

không phải cố định là Mạt-na, ý thức không phải cố định là ý thức. Vì không nhất định nên tạng thức là Mạt-na, Mạt-na là tạng thức, ý thức là tạng thức, tạng thức là ý thức, cũng đều là tạng thức, đều là Mạt-na, đều là ý thức, lại cũng đều là không phải. Như vậy, vì không nhất định nên đều là vô thường. Vô thường nên chẳng phải là chân thật. Chẳng phải là chân thật nên đều là huyền hóa. Vì huyền hóa nên tự tánh là rỗng lặng, không có. Tự tánh rỗng lặng nên quyết định là tịch diệt. Vì tịch diệt nên tịch diệt cũng vắng bật. Trong Khế kinh Kim Cang Tam Muội giảng nói như vậy: “Bồ-tát Địa Tạng nói: Không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn. Tụ bảy và năm không sinh, tám và sáu vắng lặng, chín tướng là không vô. Có không, không có, không không cũng không có. Cho đến văn trên nói: “Đức Phật nói thấy là vọng”. Vì sao? Vì tất cả vạn hữu là không sinh, không tướng. vì gốc không từ nơi danh, thấy đều vắng lặng. Tướng của tất cả pháp cũng lại như vậy. Hết thấy thân chúng sinh cũng lại như vậy. Thân hấy còn không có làm sao có thấy.

Đã nói về môn theo văn nêu rộng để trừ bỏ nghi. Tiếp đến là nói về môn nghiệp dụng tương tục có sai biệt.

* *Bản luận viết*: Nghiệp thiện ác của vô lượng đời nơi quá khứ được trụ giữ khiến không mất. Lại có thể thành tựu quả báo khổ vui trong hiện tại và vị lai không sai trái. Có thể khiến các sự việc của hiện tại đã trải qua hốt nhiên nhớ lại, sự việc của vị lai không hiểu rõ nên suy xét vọng huyền.

* *Luận giải thích*: Thức tương tục này tức có ba nghĩa. Những gì là ba nghĩa? Một là nghĩa gồm thấu trước không mất. Hai là nghĩa chiêu cảm quả thành tựu. Ba là nghĩa suy xét vọng huyền duyên theo khắp nơi. Nghĩa thứ nhất là thế nào? Thức tương tục này có thể phát khởi phiền não làm thối nhuần nghiệp, trụ giữ vô minh của quá khứ đã khởi, tất cả các loại nghiệp thiện bất thiện có thể khiến tạo thành lực dụng của quả. Như Bản luận viết: “Nghiệp

thiện ác của vô lượng đời nơi quá khứ đã được trụ giữ khiến không mất”. Nghĩa thứ hai thì thế nào? Thức tương tục này lại có thể phát khởi phiền não sinh trưởng tươi tốt, có thể khiến cho nghiệp được hoàn thành, quyết định quả báo an lập thuộc nơi chốn thích hợp. Như Bản luận viết: “Lại có thể thành tựu quả báo khổ vui trong hiện tại và vị lai, không hề sai trái”. Nghĩa thứ ba là thế nào? Thức tương tục này duyên dựa chuyển rộng, phân biệt càng mạnh. Duyên nơi cảnh đã nhận biết đầy khởi tâm vui thích không vui thích, đối với cảnh hiện tiền tâm tăng thêm tham ái không tham ái. Duyên với cảnh chưa nhận biết thì không rõ nên vọng chấp. Như Bản luận viết: “Có thể khiến cho sự việc của hiện tại đã trải qua hốt nhiên nhớ lại. Sự việc của vị lai không hiểu rõ nên suy xét vọng huyễn”. Như vậy, thức này liên tục nơi sinh tử khiến không đoạn dứt. Vì thế gọi là thức tương tục.

Đã nói về môn nghiệp dụng tương tục có sai biệt. Tiếp đến là nói về môn các pháp chỉ do tâm xoay chuyển.

* *Bản luận viết*: Vì vậy ba cõi là hư giả chỉ do tâm tạo ra, lia tâm thì không có cảnh giới của sáu trần. Nghĩa này là thế nào? Vì tất cả các pháp đều từ nơi tâm khởi lên vọng niệm sinh ra. Tất cả phân biệt tức là phân biệt từ nơi tâm. Tâm không thấy tâm vì không có tướng có thể thủ đắc. Nên biết tất cả cảnh giới của thế gian đều dựa vào vọng tâm vô minh của chúng sinh mà được trụ giữ. Vì vậy tất cả các pháp, như hình tượng trong gương không có thể để có thể thủ đắc, chỉ do tâm hư vọng mà có. Vì tâm sinh thì vô số các pháp sinh. Tâm diệt thì vô số các pháp diệt.

* *Luận giải thích*: Văn này là nêu rõ về nghĩa gì? Vì muốn nêu rõ tất cả các pháp chỉ do tâm xoay chuyển, không có pháp nào khác. Vì sao? Vì tùy theo tâm có hay không có mà các pháp sai biệt có hay không có. Các pháp chỉ do tâm thì tâm này là có chẳng? Tâm pháp như vậy cũng không thể thủ đắc. Nếu như thế thì

chỉ là nghĩa của tâm, làm sao thành lập? Vì đây cũng là tâm. Do gì nhận biết được? Vì văn của kinh đã nêu rõ. Nói như vậy là thế nào? Nghĩa là trong Khế kinh Phần Lưu Lăng Già giảng nói như vậy: “Không có tâm lượng của tâm thì Ta nói là tâm lượng”. Lại nữa, do nơi câu “Tâm không thể thủ đắc” nên thành lập nghĩa của đại không. Do nơi câu “Tâm lượng của không tâm” nên thành lập nghĩa của huyền có sai biệt. Lại nữa, do nơi nghĩa của đại không, nên các pháp được thành. Do nơi nghĩa của huyền có sai biệt, nên lý của không được hiển bày. Lại nữa, vì cùng quán xét nên hai sự việc không xác định. Không có hai sự việc nên không thành một sự việc. Không có một sự việc nên không thành, cũng không thành. Như thứ lớp ấy tức nên quán xét kỹ.

Đã nói về môn tướng chuyển của Mạt-na rộng lớn. Tiếp đến là nói về môn tướng chuyển của thức phân biệt sự.

* *Bản luận viết*: Lại nữa, nói về ý thức: Tức là thức tương tục, dựa vào các phàm phu thì sự chấp giữ sâu dày, chấp ngã và ngã sở, vô số loại vọng chấp tùy theo sự duyên dựa, phân biệt sáu trần, gọi là ý thức, cũng gọi là thức phân ly. Lại gọi là thức phân biệt sự, thì thức này là dựa vào nghĩa tăng trưởng của phiền não kiến ái.

* *Luận giải thích*: Tức trong văn này tự có bốn môn. Những gì là bốn môn? Một là môn lựa chọn đồng phần của người giả. Hai là môn sinh khởi tướng chuyển thô trọng. Ba là môn kiến lập tên gọi có sai biệt. Bốn là môn nêu rõ đối tượng nương dựa được an lập.

Môn lựa chọn người giả: Là nêu lên ba loại phàm phu, chọn lấy hàng Thánh trên địa. Những gì là ba loại phàm phu? Một là phàm phu mù điếc, không căn. Hai là phàm phu mao đầu nan giác. Ba là phàm phu kim cương bất biến. Đấy gọi là ba loại phàm phu. Như Bản luận viết: “Dựa vào các phàm phu”.

Môn sinh khởi thô trọng: Nếu căn cứ vào các chúng sinh thuộc tụ tà định, thì thường đầy khởi thức hý luận phân biệt, chấp giữ tất cả các loại cảnh giới càng thêm sâu dày, không có giới hạn, không có đầu cuối, luôn luôn tăng trưởng không đoạn dứt. Như Bản luận viết: “Chấp giữ càng sâu dày”. Nếu căn cứ vào các chúng sinh thuộc tụ bất định, tuy giác ngộ tướng diệt nhất định là bất thiện khởi ý không tạo tác, nhưng vì trí người không hiện tiền, nên duyên với các cảnh giới và phần thân v.v..., chấp ngã và ngã sở, cố chấp không lìa bỏ. Như Bản luận viết: “Chấp ngã và ngã sở”. Nếu căn cứ nơi các chúng sinh ở vị ba Hiền, tuy đã thành tựu Bát nhã người không tinh hẩn giác mộng tướng dị, nhưng chân trí pháp không cũng chưa hiện tiền, vì thế đẩy lên các loại chấp trước kiên cố, chấp giữ pháp thật, tùy theo sự việc suy xét không thể thông đạt chánh lý bình đẳng. Như Bản luận viết: “Vô số vọng chấp tùy theo sự duyên dựa, phân biệt sáu trần”.

Môn kiến lập tên gọi tức có ba loại. Những gì là ba loại? Một là tên gọi của đối tượng nương dựa vi tế. Hai là tên gọi của đối tượng nương dựa thô hiện. Ba là tên gọi thuận theo cảnh giới. Đầy gọi là ba loại tên gọi. Tên gọi thứ nhất thì thế nào? Thức này dựa vào Mạt-na vi tế kia, dùng làm căn bản nương dựa để được an lập nên gọi là ý thức. Như Bản luận viết: “Gọi là ý thức”. Tên gọi thứ hai nói về những gì? Thức này dựa vào năm căn như mắt v.v... kia, dùng làm căn bản nương dựa để phân biệt năm trần, vì vậy cũng gọi là thức phân ly. Như Bản luận viết: “Cũng gọi là thức phân ly”. Tên gọi thứ ba là thế nào? Thức này hoàn toàn duyên vào cảnh giới của sự mà chuyển để phân biệt, chưa lấy như lý làm cảnh giới của mình, vì thế gọi là thức phân biệt sự. Như Bản luận viết: “Lại gọi là thức phân biệt sự”.

Môn nêu rõ đối tượng nương dựa: Là do hai Hoặc kiến tu đã huân tập nơi bản thức. Do nơi lực huân tập ấy đã kiến lập ý thức

thuộc phần thô, tăng trưởng tương tục và luôn chuyển nên được trụ giữ. Như Bản luận viết: “Thức này dựa nơi nghĩa tăng trưởng của phiền não kiến ái”.

Từ trước đến nay là phân quyết trách về nhân duyên sinh diệt. Từ đây tiếp xuống là nêu rõ về tướng không thể nghĩ bàn của nhân duyên thù thắng.

* *Bản luận viết*: Dựa vào vô minh huân tập đã đầy khởi thức, không phải hàng phàm phu có thể nhận biết, cũng không phải trí tuệ của hàng Nhị thừa hiểu được. Nghĩa là dựa vào hàng Bồ-tát từ mới chánh tín phát tâm quán xét, nếu như chứng pháp thân thì có thể nhận biết phần ít, cho đến Bồ-tát nơi địa cuối cùng cũng không thể nhận biết hết được. Chỉ có Đức Phật là hiểu rõ tận cùng. Vì sao? Vì tâm này từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, nhưng có vô minh, bị vô minh làm nhiễm nên có tâm nhiễm kia. Tuy có tâm nhiễm nhưng thường hằng bất biến, vì thế nghĩa này chỉ có Phật mới có thể nhận biết. Điều ấy có nghĩa là tánh của tâm luôn không có niệm, nên gọi là bất biến. Do không thông suốt một pháp giới nên tâm không tương ưng, bỗng nhiên niệm đầy khởi nên gọi là vô minh. Tâm nhiễm ấy có sáu loại. Những gì là sáu loại? Một là nhiễm chấp tương ưng, là dựa vào giải thoát của hàng Nhị thừa và địa tín tương ưng mà được xa lìa. Hai là nhiễm bất đoạn tương ưng, là dựa vào địa tín tương ưng, tu học các phương tiện, dần dần có thể xả bỏ, đạt được địa tâm tịnh, xa lìa rất ráo. Ba là nhiễm của trí phân biệt tương ưng, là dựa vào địa đủ giới, dần dần lìa bỏ, cho đến địa phương tiện vô tướng thì xa lìa hoàn toàn. Bốn là nhiễm của hiện sắc không tương ưng, là dựa vào địa sắc tự tại có thể lìa bỏ. Năm là nhiễm của chủ thể nhận thức tâm không tương ưng, là dựa vào địa tâm tự tại có thể xa lìa. Sáu là nhiễm của nghiệp căn bản không tương ưng, là dựa vào địa Bồ-tát sau cùng được vào địa Như Lai có thể xả bỏ. Nghĩa không hiểu rõ về một pháp giới: Là

từ địa tín tương ứng quán xét về tu học để đoạn trừ, nhập nơi địa tâm tịnh tùy theo từng phần mà được xa lìa. Cho đến địa Như Lai mới có thể lìa bỏ hoàn toàn.

Nói nghĩa tương ứng: Đó là tâm niệm pháp là khác nhau, dựa vào nhiệm tịnh có sai biệt mà nhận biết cùng duyên cùng đồng.

Nghĩa không tương ứng: Nghĩa là tức tâm không giác ngộ, luôn không sai khác, nên không đồng nhận biết tương duyên nơi tướng. Lại, nghĩa tâm nhiệm: Gọi là phiền não chướng, vì có thể làm chướng ngại trí căn bản của chân như. Nghĩa vô minh: Gọi là trí chướng, vì có thể làm chướng ngại trí nghiệp tự nhiên của thế gian. Nghĩa này là thế nào? Vì dựa vào tâm nhiệm nên có thể thấy biết có thể hiện bày, vọng giữ lấy cảnh giới trái với tánh bình đẳng. Do tất cả pháp luôn tĩnh lặng không có tướng dấy động. Vô minh bất giác là vọng cùng với pháp là trái nhau, nên không thể nhận biết được về vô số tất cả cảnh giới đã thuận theo thế giới.

* *Luận giải thích*: Tức trong văn này đã có năm môn. Những gì là năm môn? Một là môn nêu lên người để làm rõ sự thù thắng. Hai là môn hiển thị về duyên sâu để trừ bỏ nghi. Ba là môn nêu ra chướng ngại để chỉ rõ sự đối trị phối hợp thích đáng. Bốn là môn nêu rõ về ứng hợp không ứng hợp có sai biệt. Năm là môn lập hai thứ ngại phân biệt về dụng của chướng. Đây gọi là năm môn.

Trong môn thứ nhất tức có ba người. Những gì là ba người? Một là người phần mãn đều cùng dứt. Là phàm phu thuộc tà định và tất cả hàng Nhị thừa, vì ngu si sâu dày, trí tuệ yếu kém. Như Bản luận viết: “Dựa vào vô minh huân tập đã dấy khởi thức, không phải là hàng phàm phu có thể nhận biết, cũng không phải trí tuệ của hàng Nhị thừa hiểu được”. Hai là người có phần không mãn. Là người ở phần vị thứ năm mươi, Bát nhã của thủy giác chưa viên mãn. Như Bản luận viết: “Nghĩa là dựa vào hàng Bồ-tát từ mới chánh tín phát tâm quán xét nếu chứng pháp thân thì có thể

nhận biết phần ít. Cho đến Bồ-tát nơi địa sau cùng cũng không thể nhận biết hết”. Ba là người có mẫn không phân. Là đại viên cảnh trí trong quả vị Phật đã hiện tiền khắp. Như Bản luận viết: “Chỉ có Đức Phật mới hiểu rõ tận cùng”.

Đã nói về môn nêu lên người để làm rõ về sự thù thắng. Tiếp đến là nói về môn hiển thị về duyên sâu để trừ bỏ nghi. Trong môn này có hai ý. Những gì là hai ý? Một là môn thường, vô thường. Hai là môn vô thường, thường. Nói môn thường, vô thường: Là tự tướng nơi tâm của bản giác từ vô thủy đến nay, quyết định thường trụ nơi thể tánh bất biến, vì không lúc nào không phải là vô thường, không nơi nào không phải là biến hóa. Như Bản luận viết: “Vì sao? Vì tâm này từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, nhưng có vô minh, bị vô minh làm cho nên có tâm nhiễm kia”. Nói môn vô thường, thường: Là tâm của bản giác này từ vô thủy đến nay, luôn là vô thường, luôn là biến dị, không lúc nào không phải là thường trụ, không nơi nào không phải là bất biến. Như Bản luận viết: “Tuy có tâm nhiễm nhưng luôn là bất biến. Vì thế nghĩa này chỉ có Đức Phật mới có thể nhận biết”. Đây là tổng kết về sự thù thắng. Từ đây tiếp xuống là lại dùng hai câu để giải thích hai câu trên. Tướng của văn có thể thấy rõ.

Đã nói về môn hiển thị về duyên sâu để trừ bỏ nghi. Tiếp đến là nói về môn nêu ra chướng ngại để chỉ rõ sự đối trị đã phối hợp thích đáng.

Tức trong phần này tự có hai ý. Những gì là hai ý? Một là môn phần vị tùy chuyển đối trị. Hai là môn nêu phần vị căn bản đối trị. Môn tùy chuyển đối trị: Là sáu loại tùy tướng như thứ lớp ấy, phát tâm là đầu, diệu giác là sau theo đấy nên lia. Như Bản luận viết: “Tâm nhiễm ấy có sáu loại. Những gì là sáu loại? Một là nhiễm chấp tương ưng, là dựa vào giải thoát của hàng Nhị thừa và địa tín tương ưng mà được xa lia. Nói rộng cho đến sáu là nhiễm

của nghiệp căn bản không tương ưng: Là dựa vào Bồ-tát nơi địa sau cùng được vào địa Như Lai có thể lìa bỏ”. Môn căn bản đối trị: Là đại lực vô minh. Cực hỷ là đầu, Diệu giác là sau, theo đây nên lìa. Như Bản luận viết: “Không hiểu rõ về nghĩa của một pháp giới, là từ địa tín tương ưng quán xét tu học để đoạn trừ, nhập nơi địa tâm tịnh, tùy theo phần mà được xa lìa, cho đến địa Như Lai mới có thể lìa bỏ hoàn toàn”. Trong địa Cực hỷ, căn bản tùy tướng đối trị, thì hình tướng nên phân biệt như thế nào? Nghĩa là đối tượng đoạn trừ của trí hậu đặc gọi là vô minh, đối tượng đoạn trừ của trí chánh thể gọi là tùy tướng, nên nhận biết như thế. Như nói địa Cực hỷ, thì tất cả địa trên cũng lại như vậy.

Đã nói về môn nêu ra chương ngại để chỉ rõ sự đối trị đã phối hợp thích đáng. Tiếp đến là nói về môn nêu rõ về ứng hợp không ứng hợp có sai biệt. Thế nào gọi là nghĩa tương ưng? Nói nghĩa tương ưng: Đó là phẩm tâm và pháp niệm khác nhau. Thế nào là phẩm tâm? Đó là tâm của bản giác đã tùy theo nhiễm. Thế nào là pháp niệm? Đó là trực tiếp dựa vào vô minh sinh trưởng pháp vọng. Do nghĩa nào để gọi là tương ưng? Đó là tướng và lực. Hai pháp như vậy vì sao gọi là khác nhau? Vì gốc đều dị biệt. Như Bản luận viết: “Nói nghĩa tương ưng, đó là tâm và pháp niệm khác nhau”. Pháp niệm là dựa vào nhiễm, phẩm tâm là dựa nơi tịnh. Hai pháp như vậy thấy đều sai biệt, cũng như nước với lửa, vì sao nói là thành nghĩa tương ưng? Do nhận biết tướng duyên nơi tướng khế hợp như nhau. Thế nào gọi là nhận biết tướng khế hợp như nhau? Vì phẩm tâm và pháp niệm không lìa bỏ nhau, hòa hợp mà chuyển. Thế nào gọi là duyên nơi tướng khế hợp như nhau? Vì hai phẩm như vậy về đối tượng duyên là đồng. Như Bản luận viết: “Dựa vào nhiễm tịnh có sai biệt mà nhận biết tướng duyên nơi tướng là đồng”. Trong Khế kinh Đại Bản Kim Cang Tam Muội nêu giảng như vậy: “Ba loại tương đồng, dị nên thành đồng, vì nếu đồng thì không đồng”. Nếu như vậy thì vì sao trong Khế kinh Bộ

Tông lại nói như vậy: “Ba loại thô nhiễm có hai nghĩa nên chuyển. Những gì là hai chuyển? Một là trái nhau mà chuyển. Hai là tùy thuận mà chuyển”. Cho đến nói rộng. Vì ngược với trên, thuận với dưới nên nêu bày như vậy, ý nghĩa sâu xa không sai khác. Nghĩa không tương ưng và tương ưng là trái nhau, nên quán xét kỹ.

Đã nói về môn hiển thị ứng hợp không ứng hợp có sai biệt. Tiếp đến là nói về môn lập hai thứ ngại phân biệt về dụng của chướng. Phiền não chướng kia tánh có nhiều tán động. Trí chân như này thì tánh luôn vắng lặng. Trái nhau như vậy nên lập làm chướng. Như Bản luận viết: “Lại, nghĩa tâm nhiễm gọi là phiền não chướng, vì có thể làm chướng ngại trí căn bản của chân như. Trí tuệ chướng kia, tánh thì tối tăm mờ mịt. Trí tác nghiệp này tánh thì thông sáng. Trái nhau như vậy nên lập làm chướng. Như Bản luận viết: “Nghĩa vô minh gọi là trí chướng, vì có thể làm chướng ngại trí nghiệp tự nhiên của thế gian”. Nghĩa này là thế nào? Phần tiếp sau nêu rõ về nhân duyên kia, nên xét chọn kỹ. Hai chướng và hai ngại lại có gì khác nhau? Lập môn hai chướng là căn cứ vào sự đoạn trừ hoàn toàn. Lập môn hai ngại là căn cứ vào đoạn hay không đoạn. Nên nhận biết như vậy. Nên quán xét như vậy. Từ trước đến nay là phần quyết trạch về nhân duyên thù thắng xong.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 5

Từ đây trở xuống là nêu rõ về tướng của sinh diệt có sai biệt.

* *Bản luận viết*: Lại nữa, phân biệt về tướng sinh diệt có hai loại. Những gì là hai loại? Một là thô cùng với tâm tương ưng. Hai là tế cùng với tâm không tương ưng. Lại, thô ở trong thô là cảnh giới của phàm phu. Tế ở trong thô và thô ở trong tế là cảnh giới của Bồ-tát. Tế ở trong tế là cảnh giới của Phật. Hai loại sinh diệt này dựa nơi vô minh huân tập mà có. Đó gọi là dựa vào nhân dựa vào duyên. Dựa vào nhân: Là nghĩa bất giác. Dựa vào duyên: Là nghĩa vọng tạo cảnh giới. Nếu nhân diệt thì duyên diệt, nhân diệt nên tâm không tương ưng diệt. Duyên diệt nên tâm tương ưng diệt.

Hỏi: Nếu tâm diệt thì vì sao nói là tương tục. Nếu tương tục thì vì sao nói là diệt hoàn toàn?

Đáp: Nói là diệt chỉ có tướng của tâm diệt không phải là thể của tâm diệt. Như gió dựa vào nước mà có tướng động. Nếu nước kia diệt thì gió đoạn dứt không có nơi chốn nương dựa. Do nước không diệt nên tướng của gió tương tục. Chỉ khi gió diệt nên tướng động theo đấy diệt, không phải là nước diệt. Vô minh cũng như vậy. Dựa nơi thể của tâm mà động. Nếu thể của tâm diệt thì chúng sinh đoạn dứt không có nơi chốn nương dựa. Do thể không diệt nên tâm được tương tục. Chỉ khi si diệt thì tướng của tâm theo đấy diệt, không phải là trí của tâm diệt.

* *Luận giải thích*: Tức trong văn này tự có năm môn. Những gì là năm môn? Một là môn nêu lên giải thích cùng thành chỉ rõ về

tướng. Hai là môn theo tướng thuộc về người giả. Ba là môn nêu rõ về chỗ nương dựa thô tế. Bốn là môn bản giác đối trị theo thứ lớp. Năm là môn phát khởi hỏi đáp đã trừ bỏ nghi.

Nói về môn nêu lên giải thích cùng thành chỉ rõ về tướng: Là sinh diệt thô trọng cùng với tâm tương ưng. Sinh diệt vi tế cùng với tâm không tương ưng. Thế nào gọi là sinh diệt thô trọng nên cùng với thức nào tương ưng? Đó là thức Mạt-na, cùng với thức phân biệt sự cùng tương ưng. Thế nào gọi là sinh diệt vi tế nên cùng với thức nào không tương ưng? Đó là thức Mạt-na cùng với ba phần nơi bản thức nhưng không tương ưng.

Bồ-tát Mã Minh dựa vào bản kinh nào để giải thích như vậy? Đó là Kinh Lăng Già. Trong Khế kinh ấy đã nêu giảng như thế nào? Nghĩa là trong một bản Khế kinh Phân Lưu Lăng Già nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Ma ha tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Các thức có bao nhiêu thứ sinh trụ diệt? Đức Phật bảo Đại Tuệ: Các thức có hai thứ sinh trụ diệt, không phải là đối tượng nhận biết của suy lường. Các thức có hai thứ sinh, nghĩa là Lưu chú sinh và Tương sinh. Có hai thứ trụ, là Lưu chú trụ và Tương trụ. Có hai thứ diệt, là Lưu chú diệt và Tương diệt”.

Lại trong một bản Khế kinh Phân Lưu Lăng Già nói như vậy: “Này Đại Tuệ! Các thức có hai loại diệt. Những gì là hai loại? Một là Tương diệt. Hai là Tương tục diệt. Có hai loại sinh. Những gì là hai loại? Một là Tương sinh. Hai là Tương tục sinh. Có hai loại trụ. Những gì là hai loại? Một là Tương trụ. Hai là Tương tục trụ”. Trong Khế kinh Đại Bản Lăng Già giảng nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền bạch Phật: Thế Tôn! Các pháp của tâm thức có bao nhiêu tướng vô thường? Đức Phật bảo Văn-thù: Nếu thứ nhất có thức vi tế trói buộc, thì có thượng phẩm không lìa sinh diệt. Nếu phần giữa chuyển có thức vi tế trói buộc, thì có trung phẩm không lìa sinh diệt. Nếu phần xa chuyển có thức vi tế trói

buộc, thì có hạ phẩm không lia sinh diệt. Nếu phân biệt khắp về thức thô, thì có gương phân ly diện không lia sinh diệt”. Ba bản Khế kinh Lăng Già như vậy là nêu rõ về nghĩa gì? Vì muốn hiển bày chỉ rõ về hai loại tướng sinh diệt thô trọng và vi tế có sai biệt, nên ở trong Khế kinh chỉ đưa ra tên gọi mà không chỉ rõ về nghĩa của chúng. Do nghĩa này nên Bồ-tát Mã Minh đã phân biệt khế hợp hay không khế hợp để làm rõ hai loại sinh diệt thô tế. Như Bản luận viết: “Lại nữa, phân biệt về tướng sinh diệt thì có hai loại. Những gì là hai loại? Một là thô cùng với tâm tương ưng. Hai là tế cùng với tâm không tương ưng”.

Đã nói về môn nêu lên giải thích cùng thành chỉ rõ về tướng. Tiếp đến là nói về môn theo tướng thuộc về người giả.

Người giả trong đây tức có ba loại. Những gì là ba loại? Một là phạm phu không thoái chuyển. Hai là bậc thanh tịnh tùy phần. Ba là bậc thanh tịnh hoàn toàn. Đây gọi là ba người giả. Người thứ nhất dùng tương ưng gì để làm cảnh giới của mình? Đó là lấy tương ưng với nhiễm chấp để làm cảnh giới của mình. Như Bản luận viết: “Lại, thô ở trong thô là cảnh giới của phạm phu”.

Người thứ hai dùng những nhiễm nào để làm cảnh giới của mình? Đó là hai tương ưng sau và hai không tương ưng đầu, cùng với một phần của nghiệp thức để làm cảnh giới của mình. Như Bản luận viết: “Tế trong thô và thô trong tế là cảnh giới của Bồ-tát”.

Người thứ ba dùng không tương ưng với nhiễm nào để làm cảnh giới của mình? Đó là cùng hợp một phần của tướng động và toàn phần tướng độc lực nghiệp để làm cảnh giới của mình. Như Bản luận viết: “Tế trong tế là cảnh giới của Phật”.

Đã nói về môn theo tướng thuộc về người giả. Tiếp đến là nói về môn nêu rõ về chỗ dựa của thô tế. Chỗ dựa trong đây tức có hai loại. Những gì là hai loại? Một là chung. Hai là riêng. Chung là hai loại sinh diệt, đều lấy vô minh làm chỗ dựa. Riêng là hai loại sinh

diệt như thứ lớp ấy đều là nhân và duyên làm chỗ dựa. Như Bản luận viết: “Hai loại sinh diệt này dựa nơi vô minh huân tập mà có, đó gọi là dựa vào nhân và dựa vào duyên. Dựa vào nhân là nghĩa bất giác. Dựa vào duyên là nghĩa vọng tạo tác cảnh giới”. Nay văn của Luận này dựa vào kinh nào đấy khởi? Đó là Kinh Lăng Già. Trong Khế kinh ấy đã giảng nói như thế nào? Nghĩa là trong Khế kinh Phân Lưu Lăng Già giảng nói như vậy: “Này Đại Tuệ! Huân tập không thể nghĩ bàn và biến chuyển không thể nghĩ bàn là nhân của thức hiện. Giữ lấy các loại trần và huân tập vọng tưởng từ vô thủy là nhân của thức phân biệt sự”. Còn trong Khế kinh Đại Bản Lăng Già thì giảng nói như sau: “Lại nữa, nhân không lia nhiễm là huân tập có thể nghĩ bàn và huân tập không thể nghĩ bàn, cho đến biến chuyển có thể nghĩ bàn và biến chuyển không thể nghĩ bàn. Lại nữa, nhân phân ly nhiễm là vô số các loại gió mạnh, vọng tưởng thức hiện cảnh cho đến nói rộng”. Pháp nào gọi là huân tập không thể nghĩ bàn? Đó gọi là vô minh căn bản. Do nghĩa nào gọi là huân tập không thể nghĩ bàn? Nghĩa là vì rất sâu rộng. Thế nào là rất sâu rộng? Nghĩa là từ phần vị kim cang trở lại vì tất cả chúng sinh đều không hiểu rõ về xứ này, vì vậy gọi là huân tập không thể nghĩ bàn. Như huân tập, thì biến chuyển cũng như vậy. Nên trong Kinh Đại Bản nói: “Có thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn, là căn cứ theo người tự vị kim cang trở về trước”.

Đã nói về môn nêu rõ chỗ dựa của thô tế. Tiếp theo là nói về môn đối trị theo thứ lớp của bản giác. Nghĩa là trí của bản giác lấy vô minh căn bản là đầu, tướng diệt là sau cùng. Như thứ lớp ấy để dần dần đối trị. Nhưng trong đây đoạn là không xả bỏ vô minh để làm nghĩa đoạn, không phải lấy đoạn trừ làm nghĩa đoạn. Nếu như vậy thì vì sao nghĩa đoạn được thành tựu? Nghĩa là đoạn tâm phiền não, vì đoạn trừ nên không khởi. Đó gọi là đạo đối trị theo thứ lớp của bản giác. Như Bản luận viết: “Nếu nhân diệt thì duyên

diệt. Nhân diệt nên tâm không tương ưng diệt. Duyên diệt nên tâm tương ưng diệt”.

Đã nói về môn đối trị theo thứ lớp của bản giác. Tiếp đến là nói về môn phát khởi hỏi đáp để trừ bỏ nghi. Tức trong môn này tự nó có hai ý. Những gì là hai ý? Một là môn đóng cửa cả hai vấn nạn. Hai là môn khai thông để trừ bỏ nghi. Văn nghĩa tức có thể nhận thấy. Trí sáng của bản giác đoạn trừ vô minh căn bản, ba loại nhiễm vi tế vĩnh viễn diệt trừ không còn khởi. Ba loại tâm vi tế đã không còn thì sáu loại tâm thô trọng cũng không thể khởi. Ba loại tâm tế, sáu loại tâm thô vĩnh viễn diệt trừ, không còn khởi. Nhưng tánh trí của bản giác không thể tự hiện hữu. Vì sao như vậy? Vì ba loại tâm tế, sáu loại tâm thô không phải chỉ là vô minh mà bản giác cũng cùng có. Chân vọng hòa hợp gọi là ba tâm tế, sáu tâm thô. Nhưng nếu nói ba tâm tế, sáu tâm thô diệt, thì bản giác cùng diệt chẳng còn gì, há có thể nói được là tâm của bản giác cần phải tương tục đến nơi định chẳng? Nên có vấn nạn: Nếu tâm diệt thì làm sao tương tục? Đây tức là vấn đề thứ nhất. Nếu nói bản giác là pháp công đức chẳng phải là pháp đoạn dứt, luôn luôn tương tục không hề đoạn tuyệt, há có thể nói được ba tâm tế, sáu tâm thô vĩnh viễn diệt trừ không còn khởi? Nên nói: Nếu như tương tục thì làm sao nêu bày là cứu cánh diệt? Đây tức là vấn đề thứ hai. Từ đây tiếp xuống là nêu giải thích để trừ bỏ nghi. Văn nghĩa hiện rõ nên không cần phải giải thích lại.

Từ trước đến nay phân quyết trạch về tướng của sinh diệt đã xong. Từ đây về sau là nêu bày chỉ rõ về nghĩa nhiễm tịnh cùng huân tập cùng sinh khởi không đoạn dứt.

* *Bản luận viết*: “Lại nữa, có nghĩa huân tập của bốn loại pháp, vì vậy pháp nhiễm pháp tịnh dấy khởi liên tục. Những gì là bốn loại? Một là pháp tịnh, gọi là chân như. Hai là tất cả nhân nhiễm, gọi là vô minh. Ba là tâm vọng, gọi là nghiệp thức. Bốn là

cảnh giới vọng, đó là sáu trần. Nghĩa huân tập như y phục ở thế gian thật sự không có mùi thơm, nếu người dùng mùi thơm để huân tập thì có hơi thơm. Ở đây cũng như vậy. Pháp tịnh của chân như thật sự không có nơi nhiễm, chỉ vì vô minh huân tập nên có tướng nhiễm. Pháp nhiễm của vô minh thật sự không có nghiệp tịnh, chỉ do chân như huân tập nên có dụng tịnh.

Vì sao nói là huân tập đầy khởi pháp nhiễm không dứt? Đó là vì dựa nơi pháp chân như nên có nơi vô minh. Do có nhân của pháp nhiễm nơi vô minh nên tức huân tập chân như, vì huân tập nên tức có tâm vọng. Do có tâm vọng nên tức huân tập vô minh, không rõ về pháp chân như, nên niệm bất giác khởi hiện bày cảnh giới vọng. Vì có cảnh giới vọng duyên theo pháp nhiễm, nên tức huân tập tâm vọng, khiến niệm kia vướng mắc trong vô số nghiệp, nhận chịu khổ đau nơi tất cả thân tâm. Nghĩa huân tập của cảnh giới vọng này tức có hai loại. Những gì là hai loại? Một là huân tập tăng trưởng niệm. Hai là huân tập tăng trưởng thủ. Nghĩa huân tập của tâm vọng có hai loại. Những gì là hai loại? Một là huân tập thức nghiệp căn bản, vì có thể thọ nhận khổ sinh diệt của A-la-hán, Phật-bích-chi và tất cả Bồ-tát. Hai là huân tập tăng trưởng thức phân biệt sự, vì có thể thọ nhận khổ trói buộc của nghiệp phàm phu.

Nghĩa huân tập của vô minh có hai loại. Những gì là hai loại? Một là huân tập căn bản, do có thể thành tựu nghĩa thức nghiệp. Hai là huân tập kiến ái đã đầy khởi, do có thể thành tựu nghĩa thức phân biệt sự. Thế nào là huân tập đầy khởi pháp tịnh không dứt? Đó là do có pháp chân như, có thể huân tập vô minh. Do lực của nhân duyên huân tập, tức khiến tâm vọng chán lìa khổ của sinh tử vui cầu Niết-bàn. Vì tâm vọng này có nhân duyên chán cầu, nên tức huân tập chân như, tự tin nơi tánh của mình, nhận biết tâm vọng động, không có cảnh giới trước, tu pháp xa lìa. Do nhận biết

như thật là không có cảnh giới trước, nên có vô số phương tiện dấy khởi thuận theo hành không thủ, không niệm, cho đến do sức huân tập lâu dài thì vô minh tức diệt. Do vô minh diệt nên tâm không có dấy khởi. Vì tâm không dấy khởi nên cảnh giới theo đấy diệt. Do nhân duyên cùng diệt nên tâm tướng đều hết, gọi là đạt được Niết-bàn thành tựu nghiệp tự nhiên.

Nghĩa huân tập của tâm vọng có hai loại. Những gì là hai loại? Một là huân tập thức phân biệt sự, là dựa vào các phàm phu, người của hai thừa, chán lìa khổ của sinh tử, tùy theo sức của mình có thể đạt được, do đấy dần dần hướng tới đạo vô thượng. Hai là huân tập ý, tức là các Bồ-tát phát tâm dũng mãnh nhanh chóng hướng đến Niết-bàn.

Nghĩa huân tập của chân như có hai loại. Những gì là hai loại? Một là huân tập tự thể tướng. Hai là huân tập dụng. Huân tập tự thể tướng là từ đời kiếp vô thủy đến nay vốn có đủ pháp vô lậu. Huân tập dụng là tánh có đầy đủ nghiệp bất tư nghị tạo thành cảnh giới. Dựa nơi hai nghĩa này là thường xuyên huân tập, vì có lực huân tập nên có thể khiến cho chúng sinh chán lìa khổ của sinh tử vui thích cầu Niết-bàn, tự tin nơi bản thân mình có pháp chân như mà phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu là nghĩa như vậy thì tất cả chúng sinh đều có chân như v.v... đều đang huân tập, vì sao có người tin, có người không tin, trước sau có vô lượng sai biệt? Tất cả đều phải trong một lúc tự nhận biết mình có pháp chân như, siêng năng tu tập các phương tiện để cùng nhập Niết-bàn?

Đáp: Chân như vốn có một nhưng có vô lượng vô biên vô minh. Từ xưa đến nay tự tánh có sai biệt, dày mỏng không đồng. Các phiền não tăng lên vượt quá Hằng hà sa số dựa nơi vô minh dấy khởi sai biệt. Ngã kiến, ngã ái là phiền não nhiễm dựa vào vô minh dấy khởi sai biệt. Như vậy, tất cả phiền não là dựa nơi vô

minh đã khởi trước sau có vô lượng sai biệt, chỉ có Đức Như Lai là có năng lực nhận biết rõ. Lại, pháp của chư Phật đều có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ thì mới được thành tựu. Như tánh lửa trong gỗ là nhân chánh của lửa, nếu người không nhận biết không nhờ vào phương tiện mà có thể tự làm cháy gỗ thì không có điều ấy. Chúng sinh cũng như vậy. Tuy có sức huân tập của nhân chánh, nhưng nếu không gặp được chư Phật, Bồ-tát, các thiện tri thức, lấy đó làm duyên mà có thể tự mình đoạn trừ phiền não, chứng nhập Niết-bàn thì không có điều ấy. Nếu tuy có sức của ngoại duyên, nhưng pháp tịnh bên trong chưa có sức của huân tập, thì cũng không thể hoàn toàn chán lìa khổ của sinh tử vui cầu Niết-bàn. Nếu nhân duyên đầy đủ, thì đó là tự có sức mạnh của huân tập, lại được chư Phật, Bồ-tát từ bi gia hộ, nên có thể dứt khởi tâm chán lìa khổ, tin có Niết-bàn và tu tập căn thiện. Do tu tập căn thiện thành tựu, vì thế được gặp chư Phật, Bồ-tát chỉ dạy khiến vui mừng được lợi ích mới có thể tiến lên hướng đến đạo Niết-bàn. Huân tập dụng: Tức là lực nơi ngoại duyên của chúng sinh. Ngoại duyên như vậy có vô lượng nghĩa, lược nói có hai loại. Những gì là hai loại? Một là duyên sai biệt. Hai là duyên bình đẳng. Duyên sai biệt: Là người này nương nơi chư Phật, Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm cầu đạo cho đến khi được thành Phật, ở trong thời gian đó, hoặc thấy, hoặc nhớ nghĩ, hoặc làm các người thân như cha mẹ quyến thuộc, hoặc làm tôi tớ phục dịch, hoặc làm bạn bè quen biết, hoặc làm kẻ oán đối, hoặc khởi bốn nhiếp pháp, cho đến tất cả duyên đã tạo nên vô lượng hành, dùng lực huân tập khởi đại bi, có thể khiến cho chúng sinh tăng trưởng căn thiện, hoặc thấy hoặc nghe đều được lợi ích. Duyên này có hai thứ. Những gì là hai thứ? Một là duyên gần, vì nhanh chóng được hóa độ. Hai là duyên xa, vì về lâu xa mới được hóa độ. Hai duyên gần xa này phân biệt lại có hai thứ. Những gì là hai thứ? Một là duyên tăng trưởng hành. Hai là duyên thọ nhận đạo. Duyên bình đẳng: Là hết thấy chư Phật, Bồ-tát đều nguyện

độ thoát tất cả chúng sinh, tự nhiên huân tập luôn thường không xả bỏ, vì trí lực đồng một thể, theo chỗ nên thấy nghe mà hiện, đó gọi là chúng sinh dựa nơi tam muội mới được bình đẳng thấy chư Phật. Huân tập thể dụng này phân biệt lại có hai loại. Những gì là hai loại? Một là chưa tương ưng, nghĩa là phàm phu, Nhị thừa và Bồ-tát mới phát tâm, do huân tập ý và ý thức, dựa vào tín lực để tu hành, nhưng chưa được tâm không phân biệt cùng với thể tương ưng, chưa đạt được nghiệp tự tại tu hành cùng với dụng tương ưng. Hai là đã tương ưng, nghĩa là Bồ-tát pháp thân đạt được tâm không phân biệt, cùng với trí dụng của chư Phật tương ưng, chỉ dựa vào pháp lực tự nhiên tu hành, huân tập chân như diệt trừ vô minh.

Lại nữa, pháp nhiệm từ vô thủy đến nay huân tập không dứt, cho đến sau khi thành Phật tức có đoạn dứt. Huân tập pháp tịnh thì không có đoạn tận nơi vị lai. Nghĩa này là thế nào? Vì pháp chân như luôn huân tập, tâm vọng tức diệt trừ, pháp thân hiển hiện, khởi huân tập dụng nên không có đoạn dứt.

* *Luận giải thích*: Tức trong văn này tự có năm môn. Những gì là năm môn? Một là môn nêu tổng quát về cương yếu. Hai là môn lập tên gọi lược chỉ rõ. Ba là môn giải thích chung về huân tập. Bốn là môn phân tích nói chi tiết. Năm là môn phân biệt về tận và bất tận.

Trong môn thứ nhất tự có sáu ý. Những gì là sáu ý?

Một là ý cùng đối đãi cùng thành tự như có. Nghĩa là muốn hiển bày chỉ rõ các pháp nhiệm tịnh thấy đều cùng đối đãi mà được thành lập, vì không có pháp chỉ tự kiến lập.

Hai là ý vốn vô tánh, rỗng lặng chẳng phải là có. Nghĩa là muốn hiển bày chỉ rõ vô số loại tên gọi của các pháp nhiệm tịnh, từ trong gốc không có chỉ theo phương tiện giả kiến lập, vì tất cả đều không phải là tên gọi của chính nó.

Ba là ý cùng đối đãi cùng thành hiển bày về không. Tức là muốn nêu rõ các pháp nhiệm tịnh do cùng quán xét, nên từ xưa đến nay không có tự thể và tự tánh là không.

Bốn là ý tự nhiên như hư không vô ngại. Tức là muốn hiển bày chỉ rõ tất cả các pháp chẳng phải là có, chẳng phải là có nên tự nhiên tạo tác như hư không, chẳng phải là ngại, chẳng phải là ngại nên luôn tạo thành nghĩa không chướng ngại.

Năm là ý tự nhiên chẳng phải làm chẳng phải tạo. Nghĩa là muốn hiển bày chỉ rõ tất cả các pháp có Phật hay không có Phật vẫn cùng huân tập cùng sinh khởi không đoạn dứt, vì tánh của đạo lý pháp nhĩ là như thế.

Sáu là ý không giữ lấy tự tánh và vô trụ. Tức là muốn hiển rõ tất cả các pháp, tạo nghĩa duyên khởi Đà-la-ni. Nêu chung về vô lượng nghĩa như vậy, nên gọi là môn nêu tổng quát về cương yếu. Như Bản luận viết: “Lại nữa, có nghĩa huân tập của bốn loại pháp, nên pháp nhiệm pháp tịnh đầy khởi không đoạn dứt”.

Đã nói về môn nêu tổng quát về cương yếu. Tiếp đến là nói về môn lập tên gọi lược chỉ rõ. Ở trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn pháp tướng tịnh chân. Hai là môn pháp tướng nhiệm vọng. Nói là chân: Là tự tánh thanh tịnh nơi trí của tạng bản giác. Nói là vọng: Là vô minh trên gốc lia khởi thể tướng. Trong môn nhiệm vọng tức có ba loại. Những gì là ba loại? Một là vô minh. Hai là nghiệp thức. Ba là cảnh giới. Bốn pháp như vậy là gồm một chân và ba vọng, có thể tạo sự huân tập số tên gọi gốc. Nay trong văn này nêu lên một, về sau có cùng gồm phần giữa có nên quán xét kỹ. Vì sao? Vì tất cả pháp nhiệm thay đều có sự huân tập. Như Bản luận viết: “Những gì là bốn loại? Một là pháp tịnh, gọi là chân như. Hai là tất cả nhân nhiễm, gọi là vô minh. Ba là tâm vọng, gọi là nghiệp thức. Bốn là cảnh giới vọng, đó là sáu trần”.

Đã nói về môn lập tên gọi lược chi rõ. Tiếp theo là nói về môn giải thích chung về huân tập. Ở trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn tỷ lượng thí dụ thiện xảo. Hai là môn pháp dụ hợp thuyết an lập. Môn tỷ lượng thí dụ thiện xảo là ví như y phục từ trước đến nay, cũng không có mùi thơm, cũng không có mùi hôi, hoàn toàn không có mùi gì, nhưng nhiều người lúc đi vào rừng Ban đa già da sa xoa đề ô, vì Hội mặt da đề huân tập nên có mùi hôi, lúc đi vào rừng Phạm đàn chi đa na, vì Đà ma kiện đa huân tập, do đó có mùi thơm. Như Bản luận viết: “Nhu y phục của thế gian thật sự không có mùi thơm, nếu người ta dùng mùi thơm để huân tập thì có mùi thơm”.

Môn pháp dụ hợp thuyết an lập là đạo lý thắng nghĩa cũng lại như vậy. Tụ tánh thanh tịnh và tánh đức vô lậu, từ vô thủy đến nay là hoàn toàn sáng sạch, cũng không có cấu uế, cũng không có nhiễm ô, nhưng vì vô minh huân tập nên tức có cấu uế. Biển chứa vô minh từ vô thủy đến nay hoàn toàn là đen tối, cũng không có trí sáng, cũng không có phẩm sạch, nhưng do bản giác huân tập nên có dụng tịnh. Nhiễm tịnh như vậy chỉ là giả lập. Nhiễm không phải là nhiễm thật. Tịnh không phải là tịnh thật, đều là huyễn hóa, không có tụ tánh thật. Như Bản luận viết: “Ở đây cũng như vậy, pháp tịnh của chân như thật sự không ở nơi nhiễm, chỉ do vô minh huân tập nên tức có tướng nhiễm. Pháp nhiễm của vô minh thật sự không có nơi nghiệp tịnh, chỉ do chân như huân tập nên tức có dụng tịnh”.

Đã nói về môn giải thích chung về huân tập. Tiếp đến là nói về môn phân tích nói chi tiết. Ở trong môn này tức có bốn môn. Những gì là bốn môn? Một là môn phẩm hắc có lực cùng huân tập. Hai là môn phẩm bạch có lực cùng huân tập. Ba là môn phát khởi hỏi đáp để trừ bỏ nghi. Bốn là môn nêu duyên nói rộng để thông hợp.

Trong môn thứ nhất tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn hỏi chung đáp chung để hiển bày tông chỉ. Hai là môn quy về chung tạo tác riêng để nói chi tiết. Trong môn thứ hai cũng gồm đủ hai môn này, nên quán xét kỹ. Trong môn thứ tư tự có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu tổng quát về phép tắc quyết định. Hai là môn nhân duyên đều chỉ rõ để phát sinh hiểu biết. Như thứ lớp ấy đã nói về tướng có thể nhận thấy.

Thế nào là huân tập đầy khởi pháp nhiệm không dứt? Tức là hỏi chung. Nghĩa là nêu hỏi chung về nghĩa của hết thầy phẩm hắc cùng huân tập cùng sinh khởi không đoạn dứt.

Từ đây tiếp xuống tức là phần đáp chung. Căn cứ ở trong phần đáp này tức nêu rõ từ tạng tịnh diệu cho đến thô trọng, từ bỏ gốc hướng về ngọn, dần dần chuyển sang hơn hẳn để nói về thứ lớp kia. Nói thứ lớp của tướng nên quán xét kỹ. Vô minh căn bản không thể tự có, phải dựa vào chân như mới được dùng trụ. Vì sao? Vì tánh của chân như thì như cảnh giới hư không, cho đến bộ phận thật chủ, ở trong chướng ngại và không chướng ngại đã tạo nơi quay về nương dựa không chón trở ngại. Như Bản luận viết: “Đó là vì dựa vào pháp chân như nên có nơi vô minh”. Như vậy, vô minh có được nơi chón của chính nó rồi thì khí lực hơn hẳn, công năng tự tại, có thể huân tập chân như khiến tạo ra pháp vọng, tăng trưởng tướng không hiểu rõ thêm nhiều dụng ám độn. Ví như cha ái dục sinh ra các nam nữ. Như Bản luận viết: “Do có vô minh là nhân của pháp nhiệm nên tức huân tập chân như. Vì huân tập nên tức có tâm vọng”. Tâm vọng của nghiệp thức vi tế như thế nhập nơi vô minh nên tự thể sinh rồi trở lại huân tập vô minh có thể khiến tăng trưởng. Ví như sinh con nuôi lớn có thể sinh ra cha. Lực huân tập như vậy lại tăng trưởng, không thể thông đạt được nhất tâm viên mãn bình đẳng như lý, vì thế đầy khởi niệm hoặc của chuyển thức, sinh ra cảnh vọng của hiện tướng, khiến biến

sinh tử càng sâu, bờ Niết-bàn càng cao. Như Bản luận viết: “Do có tâm vọng tức huân tập vô minh, không rõ về pháp chân như nên niệm bất giác khởi hiện bày cảnh giới vọng”. Như vậy, gió của cảnh giới trở lại huân tập biến của hiện thức, xuất sinh sóng nước của bảy thức. Các thức này vui thích tham đắm nơi các trần của cảnh giới. Cảnh kia đối diện trước nhãn thức, tạo khắp các nghiệp ác, thọ nhận đủ hết thủy khổ báo nơi vòng tuần hoàn của ba cõi, sóng của giặc bốn độc phát sinh. Như Bản luận viết: “Do có cảnh giới duyên theo pháp nhiễm, tức huân tập tâm vọng, khiến niệm kia tham vương tạo ra vô số thứ nghiệp, thọ nhận tất cả khổ nơi thân tâm”.

Đã nói về môn hỏi chung đáp chung để hiển bày tông chỉ. Tiếp đến là nói về môn quy về chung tạo tác riêng để nói chi tiết. Theo trong môn này tức có ba lớp. Những gì là ba lớp? Một là cảnh giới. Hai là tâm vọng. Ba là vô minh. Đây gọi là ba lớp. Ba loại như vậy, mỗi loại đều có hai, nên thành sáu số. Như thứ lớp ấy, đầu dùng làm sau, sau dùng làm đầu, lần lượt hiện bày rõ.

Lớp thứ nhất là thế nào? Vì cảnh giới vọng này có lực huân tập như thật nên tăng thêm niệm chấp pháp, hiện có như có lực huân tập, nên tăng trưởng chấp trước nhân. Hai chấp về nhân pháp đầy khởi đầy đủ, thì các loại phiền não đứng đầu nhiều hơn số hằng sa thủy đều phát khởi, vì thế gọi là huân tập cảnh giới. Như Bản luận viết: “Nghĩa huân tập cảnh giới vọng này tức có hai loại. Những gì là hai loại? Một là tăng trưởng huân tập niệm. Hai là tăng trưởng huân tập thủ”.

Lớp thứ hai là thế nào? Tâm vọng của nghiệp thức có lực huân tập của biên trên, đã lìa khỏi hàng Thánh nhân của ba thừa, tức có thể khiến thọ nhận khổ vi tế của sinh tử biến dịch. Có lực huân tập của biên dưới, chưa được ra khỏi phần vị của tất cả phàm phu, nên có thể khiến thọ nhận khổ thô trọng của sinh tử phần đoạn, vì vậy

gọi là huân tập tâm vọng. Như Bản luận viết: “Nghĩa huân tập tâm vọng có hai loại. Những gì là hai loại? Một là huân tập nghiệp thức căn bản, có thể thọ nhận khổ sinh diệt của A-la-hán, Phật-bích-chi và tất cả Bồ-tát. Hai là huân tập làm tăng trưởng thức phân biệt sự có thể thọ nhận khổ do nghiệp trói buộc của phàm phu”.

Lớp thứ ba là thế nào? Do vô minh trụ địa là gốc của tự thể, có thể huân tập nơi đầu cuối khiến được thành tựu, tức thông đạt khắp. Có thể huân tập sự thức khiến được thành tựu. Vì sao chỉ nêu lên phần đầu cuối còn phần trung gian thì không hiện bày? Vì có hai ý. Những gì là hai ý? Một là ý về hữu thành tựu. Hai là ý về không thành tựu. Thế nào gọi là ý về hữu thành tựu? Vì nêu lên biên được có, tức hiển bày trung gian cũng có. Thế nào gọi là ý về không thành tựu? Tức nêu lên trung gian là hoàn toàn không để hiển bày biên không. Nghĩa sau là thế nào? Ở trong Khế kinh đã giảng nói như vậy. Đích thực là Khế kinh nào? Đó là Kinh Huân Tập. Trong Khế kinh ấy đã nêu giảng như thế nào? Nghĩa là trong Khế kinh Huân Tập đã thuyết giảng như vậy: “Thức chuyển, thức hiện và thức Mạt-na, ba thức ấy không phải theo vô minh mà được thành tựu. Vì sao? Vì vô minh căn bản chỉ thành tựu ở nơi biên, không phải thành tựu ở phần giữa”. Nghĩa sau của văn này giải thích trực tiếp về kinh ấy, vì thế nhận biết rõ là nghĩa này được thành. Như Bản luận viết: “Nghĩa huân tập của vô minh có hai loại. Những gì là hai loại? Một là huân tập căn bản, do nghĩa có thể thành tựu thức nghiệp. Hai là huân tập kiến ái đã khởi, do nghĩa có thể thành tựu thức phân biệt sự”.

Đã nói về môn phẩm hắc có lực cùng huân tập. Tiếp đến là nói về môn phẩm bạch có lực cùng huân tập. Thế nào là huân tập đầy khởi pháp tịnh không đoạn dứt? Tức là câu hỏi chung. Nghĩa là nêu hỏi tổng quát về nghĩa của hết thấy phẩm bạch cùng huân tập, cùng sinh khởi không đoạn dứt.

Từ đây tiếp xuống tức là phần đáp chung. theo trong phần đáp này, tức nêu tự có hai loại huân tập. Những gì là hai loại? Một là huân tập tự nhiên từ vô thủy. Hai là huân tập từ lúc mới có kiến lập. Huân tập từ vô thủy: Là từ vô thủy đến nay có hai phần vị của nhân quả. Huân tập từ lúc mới có: Là nhân nơi lực tu hành nên có hai phần vị nhân quả. Nhân quả vốn có ấy, tướng của chúng là thế nào? Nghĩa là từ vô thủy đến nay có phần vị của ba Hiền mười Thánh, nên có quả của ba Thân bốn Đức. Nhân quả mới bắt đầu ấy, tướng của chúng là thế nào? Nay vào lúc tu hành mới có được mười Địa của vô thủy, hiển bày nhân quả vốn có. Nhân quả gốc ấy theo thứ lớp như thế nào? Từ vô thủy đến nay do có mười loại chân trí của bản giác và mười loại pháp giới như thật, nên có thể huân tập mười loại vô minh chi mật, vì có một loại tâm pháp giới nên có thể huân tập vô minh căn bản. Đây gọi là bản địa. Như Bản luận viết: “Đó gọi là vì có pháp chân như nên có thể huân tập vô minh”.

Nhân quả mới bắt đầu thứ lớp như thế nào? Nghĩa là tuy chưa được phần vị mười Tín, nhưng do lực huân tập gốc, tức trong tự tâm chán lìa khổ của sinh tử và cầu đạt vui của Niết-bàn. Vì lực này tức huân tập tánh chân như, tự tin có Phật tánh đi vào vị mười Tín. Nhận biết tâm hư vọng đi vào vị mười Giải. Nhận biết cảnh giới không đi vào vị mười Hạnh. Tu tập pháp xuất ly, hướng nhập vị mười Hương. Dùng Bát nhã như thật nhận biết cảnh giới không, phát khởi vô lượng phương tiện, hành thuận theo tánh pháp giới, không giữ lấy Niết-bàn, không phân biệt sinh tử, đi vào địa Cực hỷ cho đến Kim cang. Vì huân tập từ lâu xa, nên phát khởi đạo giải thoát, vô minh tức thì đoạn trừ, gốc rễ dứt hết, nên cảnh ngọn đều không. Gốc, ngọn nơi phẩm hắc đã không có, nên đạt được Niết-bàn của pháp thân, thành tựu nghiệp dụng của ứng hóa. Đây gọi là Thủy địa. Như Bản luận viết: “Do lực nhân duyên huân tập, tức khiến tâm vọng chán lìa khổ của sinh tử vui cầu đạt Niết-bàn. Vì tâm vọng này có nhân duyên chán lìa cùng mong cầu, nên tức

huân tập chân như, tự tin vào tánh của chính mình, nhận biết tâm vọng động, không có cảnh giới, trước tu pháp xa lìa. Do nhận biết như thật là không có cảnh giới trước, nên vô số phương tiện sinh khởi thuận theo hành không giữ lấy, không suy niệm, cho đến do sức huân tập từ lâu xa, nên vô minh tức diệt. Vì vô minh diệt nên tâm không có dấy khởi, vì không dấy khởi nên cảnh giới theo đó diệt. Do nhân duyên đều cùng diệt nên tâm tướng đều hết, gọi là đạt được Niết-bàn, thành tựu nghiệp tự nhiên”.

Đã nói về môn hỏi chung đáp chung để hiển bày tông chỉ. Tiếp đến là nói môn quy về chung tạo tác riêng để nói chi tiết. Căn cứ trong này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn huân tập vọng nhiễm. Hai là môn huân tập pháp tịnh. Trong môn pháp nhiễm lại có hai loại. Những gì là hai loại? Một là loại thô. Hai là loại tế. Nói về thô tức là ý thức. Nói về tế là mười một Mạt-na. Huân tập ý thức thì tướng ấy là thế nào? Đó là bốn mươi tâm phàm phu và các hàng Nhị thừa dùng phần trí của bản giác trong ý thức, huân tập phần si của vô minh trong ý thức, chán bỏ khổ của sinh tử, vui với an lạc của Niết-bàn, dần dần chuyển thành thù thắng hướng đến Phật đạo. Như Bản luận viết: “Nghĩa huân tập tâm vọng có hai loại. Những gì là hai loại? Một là huân tập thức phân biệt sự là dựa vào các hạng phàm phu, người của hai thừa, chán lìa khổ của sinh tử, tùy theo sức của mình có thể đạt được, theo đó dần dần hướng về đạo vô thượng”. Nghĩa huân tập mười một Mạt-na, tướng ấy là thế nào? Là từ địa của hàng Thánh thứ nhất cho đến địa Kim cang, như thứ lớp ấy, dùng phần thanh tịnh huân tập phần nhiễm ô, để chứng nhập đạo Bồ-đề vô thượng. Do các Bồ-tát v.v... đã đoạn trừ vô minh. Như Bản luận viết: “Hai là huân tập ý, nghĩa là các Bồ-tát phát tâm dũng mãnh nhanh chóng hướng tới Niết-bàn”.

Đã nói về môn huân tập vọng nhiễm. Tiếp đến là nói về môn huân tập pháp tịnh. Căn cứ trong môn này tự có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu tổng quát. Hai là môn giải thích. Môn nêu tổng quát là nêu chung về tên gọi. Như Bản luận viết: “Nghĩa của huân tập chân như có hai loại. Những gì là hai loại? Một là huân tập tự thể tướng. Hai là huân tập dụng”. Trong môn giải thích tự có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn huân tập pháp thân tự nhiên. Hai là môn huân tập ứng hóa thường hằng. Nói môn huân tập pháp thân: Là tánh trí của bản giác từ vô thủy đến nay có công đức viên mãn và trí tuệ đầy đủ, từ tự mình tạo tác, từ không có tha lực. Như Bản luận viết: “Huân tập tự thể tướng, là từ đời kiếp vô thủy đến nay luôn có đủ pháp vô lậu”. Nói môn huân tập ứng hóa: Là bản giác như vậy đã phát khởi vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn vượt quá hằng hà sa số các loại nghiệp dụng, trong các tâm tướng của tất cả chúng sinh, theo đây nên giáo hóa, đoạn trừ hết thảy ác tu hết thảy thiện, có đủ nhân của trăm hành, tròn đầy quả của vạn đức. Như Bản luận viết: “Huân tập dụng là có đầy đủ nghiệp bất tư nghị tạo tác tánh của cảnh giới”. Hai môn như vậy không cùng lìa bỏ, ở trong tất cả thời, tất cả xứ, thường xuyên huân tập khởi tín, sinh giải, kiến lập sự tu hành, tạo tác không chuyển đổi, đến đúng hai địa, sau cùng đạt được cảnh giới chân tục khiến không còn chướng ngại. Như Bản luận viết: “Dựa vào hai nghĩa này luôn luôn huân tập, vì có lực huân tập nên có thể khiến cho sinh chán lìa khổ của sinh tử, vui cầu đạt Niết-bàn, tự tin vào bản thân mình có pháp chân như nên phát tâm tu hành”. Do nghĩa ấy nên lý của ba thân vốn có đã hiển bày.

Đã nói về môn phẩm bạch có lực cùng huân tập. Tiếp đến là nói về môn phát khởi hỏi đáp trừ bỏ nghi. Môn trừ bỏ nghi này, nghĩa lý khó giải thích, văn giáo lại khép kín. Nếu giải thích nhưng không nói chi tiết, vì không có người quyết định thông suốt mà không thể hiểu rõ. Vì vậy nay lại tạo ra nhiều loại giải thích. Tức

là khai thị đầy đủ, làm rõ về tâm của hành giả, như thứ lớp ấy theo tướng hỏi đáp, nên quán xét kỹ. Tất cả chúng sinh đều có bản giác, có số chúng sinh nhưng không có bản giác, là đều có lý. Vì sao? Vì bậc Đại Giác Thế Tôn đã giảng nói như vậy. Nghĩa này là thế nào? Vì tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay có đầy đủ bản giác, từ vô thủy đến nay không có bản giác. Nếu dựa vào môn đầu là tất cả chúng sinh đều có bản giác. Bản giác như vậy chỉ là một thể hiện bày khắp nơi các chúng sinh, mỗi mỗi chúng sinh đều có tánh giác riêng, nhưng tất cả chúng sinh chỉ có một tánh giác không có tánh giác riêng khác. Nếu như vậy thì chúng sinh chỉ nên là một, bản giác sở hữu là một. Bản giác tức nên không phải là một, vì có thể có nhiều chúng sinh. Sự việc này là không đúng. Vì sao? Vì ý nghĩa sâu xa riêng khác. Nghĩa là tâm của bản giác là tánh bình đẳng nên không thể khác nhau về chủng loại. Tất cả chúng sinh có tánh sai biệt nên không thể như nhau về chủng loại. Không thể khác nhau về chủng loại nên là một. Không thể như nhau về chủng loại nên là nhiều. Nếu như vậy thì văn này làm sao thông suốt? Nghĩa là trong Luận Đại Tông Địa Huyền Văn Bản, Tôn giả Mã Minh nêu giảng như vậy:

*Ví như trong hư không
 Vàng trắng tròn thanh tịnh
 Chỉ một không hai thể
 Hiện khắp ngàn vật chứa.
 Bản giác cũng như vậy
 Chỉ một không hai thể
 Hiện khắp các chúng sinh
 Trong vô số tâm tướng.
 Ví như một áng mây
 Che vàng trắng tròn kia
 Ngàn vật chứa vàng trắng*

*Đều ẩn mát không hiện.
 Vô minh cũng như thế
 Chỉ một thể, không hai
 Đến khắp các chúng sinh
 Có thể tạo huân tập.*

Có hai nghĩa nên không có lỗi cùng trái nhau. Những gì là hai nghĩa? Một là tự tông chỉ quyết định. Hai là dẫn ra để gồm thấu quyết định. Nói tự tông chỉ quyết định: Là hiển bày chỉ rõ về nghĩa tương tục đồng nhất. Nói dẫn ra để gồm thấu quyết định: Là hiển bày chỉ rõ về nghĩa tương tục sai biệt. Luận Huyền Văn kia là hiển bày về nghĩa thứ nhất. Luận Khởi Tín này là hiển bày về nghĩa thứ hai. Do nghĩa này nên không có lỗi trái nhau. Do vậy trong Luận Hư Không Địa Địa, Tôn giả Mã Minh đã giảng nói như vậy:

*Ví như dùng lá sen
 Che vật chứa vàng trắng
 Vật chứa vàng trắng khác
 Trọn không ẩn, hiện trước.
 Vô minh cũng như vậy
 Che người mê lúc giác
 Người đã giác bản giác
 Trọn không thể che lấp.*

Văn này là nêu rõ về gì? Là muốn hiển bày về nghĩa tương tục sai biệt. Lại nữa, trong Khế kinh Văn Thù Sư Lợi Luận Nghị Độ Nhất Thần Lực Thù Thắng Từ Bi Viên Mãn Hư Không Công Đức đã nêu giảng như sau:

*Có vô lượng vô biên
 Vô minh phiền não chướng
 Đến khắp thân chúng sinh
 Hay tạo sự chướng ngại.*

Vấn này là nêu rõ về nghĩa gì? Tức là muốn hiển thị về nghĩa tu hành tinh tấn. Thế nào là hiển thị? Nghĩa là có chúng sinh đầy khắp nơi tất cả các chúng sinh, thì vô minh chỉ là một còn chúng sinh rất nhiều, tức dễ có thể đoạn trừ đâu cần phải dũng mãnh vượt gian khó để có thể tu hành? Như thấy sự tướng ở thế gian, nhiều người làm một việc, không đủ để cho là khó nên không siêng năng tu hành. Vì nhằm đối trị hàng chúng sinh biếng trễ si ám như vậy, nên Đức Như Lai đã giảng nói có vô lượng vô biên vô minh có thể che phủ Phật tánh. Do nghĩa này nên nghĩa về một vô minh được thành lập. Nếu như vậy thì trong lúc phiền não của một chúng sinh dứt hết, thì tất cả chúng sinh còn lại thấy đều cũng có thể dứt hết. Vì sao? Vì chỉ có một vô minh. Nếu một người lúc đoạn trừ mà những người khác không thể đoạn trừ, thì không thể nói là đồng một vô minh. Lại nữa, có cõi chúng sinh nào đoạn dứt lỗi lầm? Sự việc này là không đúng. Vô minh tuy là một nhưng tương tục thì có sai khác. Tướng ấy là thế nào?

* *Tụng nêu:*

*Vi như đêm tối một
Đến khắp trong mười nhà
Lúc diệt tối một nhà
Diệt còn lại không nói.*

* *Luận giải thích:* Đêm tối tuy là một, nhưng có thể đến khắp trong mười căn nhà. Cũng không thể nói bóng tối là một, căn nhà là một. Cũng không thể nói bóng tối là mười căn nhà là mười. Ở trong một căn nhà người ta dùng ngọn đèn sáng soi chiếu bên trong căn nhà, bóng tối hết sạch hoàn toàn. Ánh sáng đầy đủ soi chiếu khắp trong một căn nhà, bóng tối hết sạch không còn gì, nhưng cũng không thể nói là trong chín căn nhà kia không còn bóng tối. Bóng tối trong chín căn nhà kia vẫn còn đủ không mất,

mà đèn soi chiếu trong một căn nhà và bóng tối không mất ấy cũng không thể nêu bày. Vô minh phiền não cũng lại như vậy. Nói đêm tối: Là dụ cho vô minh. Nói mười căn nhà: Là dụ cho thân của chúng sinh. Nói đèn sáng: Là dụ cho trí tuệ. Vì vậy nên biết: Vô minh tuy là một nhưng tương tục thì riêng khác. Do đó đoạn trừ và không đoạn trừ mỗi mỗi đều không đồng. Nếu lúc một chúng sinh trừ hết phiền não, mà các chúng sinh khác không thể đoạn trừ, là vì phiền não trong thân chúng sinh chưa dứt hết, nên Phật tánh của bản giác bị vô minh che phủ. Phiền não trong thân chúng sinh đã diệt hết thì Phật tánh của bản giác vốn bị vô minh che phủ đã hoàn toàn xuất ly. Phật tánh lìa chướng ngại và Phật tánh bị chướng ngại là hết sức khác nhau, vì sao nay nói là đồng một Phật tánh? Do thể của Phật tánh ấy là không phân biệt, đã hiện hữu khắp các chúng sinh. Phật tánh của bản giác là ngang bằng cõi hư không, không nơi nào là không hiện bày khắp, không chốn nào là không đi đến, không xứ nào là không thông suốt, không phương nào là không ứng hợp, bình đẳng và bình đẳng, chỉ một vị, một tướng, không có sai biệt. Nhưng trong tạng vô minh thì Phật tánh của bản giác bị pháp nhiệm che ngăn. Phật tánh của bản giác nơi bên ngoài pháp giới thì lìa pháp nhiệm che phủ, đây là tâm cùng duyên dựa xét biết về cảnh giới của hiện lượng, không phải là tâm của thật lý trong tự tánh. Vì vậy nên biết lý của Phật tánh chỉ là một loại như nhau không có sai biệt. Do đó, trong Luận Đại Tông Địa Huyền Văn Tôn giả Mã Minh đã nêu giảng như vậy:

Trăng hiện ngàn vật chứa

Vật chứa có nước đục

Hiện ra nhưng chẳng rõ

Vật chứa có nước trong.

Hiện tròn mà sáng rõ

Tối sáng tuy không đồng

Chỉ một vầng trăng tròn

Bản giác cũng như vậy.

Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay đều có bản giác không lúc nào lia bỏ. Vì sao chúng sinh có người thành Phật trước, có người thành Phật sau, có người nay sẽ thành Phật? Cũng có người siêng năng hành trì, cũng có người không hành trì? Cũng có người thông minh, cũng có người ám độn, tức có vô lượng sai biệt? Đồng có một tánh giác thấy đều trong một lúc phát tâm tu hành đạt đến đạo vô thượng. Vì Phật tánh của bản giác mạnh yếu có riêng khác, nên có sai biệt như vậy. Do vô minh phiền não dày mỏng riêng khác, nên có sai biệt như thế. Nếu nói như nghĩa đầu thì sự việc này là không đúng. Vì sao? Vì Phật tánh của bản giác vốn viên mãn, các công đức nhiều hơn số hằng sa không tăng, không giảm. Nếu nói như nghĩa sau thì sự việc ấy cũng không đúng. Vì sao? Vì nghĩa đoạn trừ của một địa không thành lập. Các loại như vậy là có vô lượng sai biệt, đều dựa vào vô minh mà được trụ giữ, ở trong lý cùng tột không có liên quan gì. Nếu như thế thì tất cả hành giả đoạn trừ hết thấy ác, tu hết thấy thiện, vượt quá mười Địa đến địa Vô thượng, viên mãn ba thân đầy đủ bốn đức. Hành giả như vậy là minh hay là vô minh? Hành giả như thế là ở phần vị vô minh, không phải là phần vị minh. Nếu vậy thì bản giác thanh tịnh từ vô thủy đến nay, không quán xét tu hành, không phải nhờ vào tha lực, tánh đức viên mãn, trí gốc đầy đủ, cũng ra khỏi bốn câu, cũng lia bỏ năm biên, lời nói tự nhiên không thể tự nhiên, tâm thanh tịnh không thể thanh tịnh, tuyệt đối xa lia, hoàn toàn xa lia. Bản xứ như vậy là minh hay là vô minh? Bản xứ như vậy là biên vực của vô minh, không phải là phần vị của minh. Nếu như thế thì một tâm pháp giới, không phải là *trăm phi*, trái với *ngàn thị*. Không phải là ở giữa, không phải là ở giữa trái bỏ tự nhiên, trái bỏ tự nhiên, luận diễn về nước, đủ để quyết đoán mà dừng trụ. Lường xét kỹ để buông tay mà đứng vững. Một tâm như vậy là minh hay là vô

minh? Một tâm như vậy là biên vực của vô minh, không phải là phần vị của minh. Cả ba loại từ một tâm phát sinh. Pháp Ma-ha-diễn chỉ là một, không thể là một giả có thể đi vào một tâm, không thể là tâm giả có thể đi vào tâm. Thật sự không phải là tên gọi của ngã mà nêu nói về ngã. Cũng không phải tự mình xưng lên mà khế hợp với tự mình. Như ngã lập danh mà không phải là ngã thật. Như tự mình được xưng lên mà không phải thật sự là tự mình. Huyền diệu huyền diệu lại huyền diệu. Xa vời xa vời lại xa vời. Thăng xú như vậy là minh hay là vô minh? Thăng xú như vậy là biên vực của cái vô minh, không phải là phần vị của minh. Pháp Ma-ha-diễn bất nhị, chỉ là pháp Ma-ha-diễn bất nhị. Pháp Ma-ha-diễn bất nhị như vậy là minh hay là vô minh? *(Cả một đoạn này không hiểu là nói về gì!)*

Đã nói về môn hữu giác. Tiếp đến là nói về môn vô giác. Vì sao tất cả chúng sinh không có bản giác? Vì không có bản giác. Vì sao không có bản giác? Vì không có chúng sinh. Vì sao không có chúng sinh? Vì không dựa vào bản giác. Dựa theo hai môn này nên thông suốt rộng. Như Bản luận viết: “Hỏi: Nếu là nghĩa như vậy thì tất cả chúng sinh đều có chân như như nhau và đều huân tập. Vì sao có người tin, có người không tin và trước sau có vô lượng sai biệt? Tất cả đều nên trong một lúc tự nhận biết mình có pháp chân như, siêng năng tu các phương tiện để hội nhập Niết-bàn? Đáp: Chân như vốn có một mà có vô lượng vô biên vô minh. Từ xưa đến nay tự tánh sai biệt, dày mỏng chẳng đồng. Các thứ phiền não tăng lên vượt quá hằng sa số dựa nơi vô minh dấy khởi có sai biệt. Ngã kiến, ngã ái đủ thứ phiền não nhiễm dựa nơi vô minh dấy khởi có sai biệt. Như vậy, tất cả phiền não dựa vào vô minh đã dấy khởi, trước sau có vô lượng sai biệt, chỉ có Đức Như Lai là có thể nhận biết”.

Đã nói về môn phát khởi hỏi đáp để trừ bỏ nghi. Tiếp đến là nói về môn nêu lên duyên nói rộng để thông suốt. Căn cứ theo trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu chung về phép tắc quyết định. Hai là môn duyên theo tướng chỉ rõ rộng khắp sinh kiến giải. Đối với môn thứ nhất tức có ba loại. Những gì là ba loại? Một là nói về thể của pháp. Hai là nói về thí dụ. Ba là nói về khế hợp. Lại, pháp của chư Phật thì có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Đây tức là nói về pháp. Nghĩa là các pháp của Phật phải chờ đợi nhân duyên, không có pháp tự lập. Vì sao? Vì pháp là như thế. Nói là nhân là chủng tánh của bản giác. Nói là duyên tức quyền thật theo dụng riêng khác. Do hai sự việc này nên các pháp được thành lập, phải nên quán xét kỹ.

Đã nêu dẫn về loại nói về pháp. Tiếp theo là nêu dẫn về loại nói về thí dụ. Như tánh lửa trong gỗ là nhân chánh của lửa, nếu người không hiểu biết, không nhờ vào phương tiện mà có thể tự làm cháy gỗ thì không có điều ấy. Đây tức là nói dụ. Thí dụ trong đây tức có bốn loại. Những gì là bốn loại? Một là dụ về gỗ. Hai là dụ về lửa. Ba là dụ về người. Bốn là dụ về lửa cháy. Nói về gỗ là dụ cho pháp nhiệm. Nói về lửa là dụ cho trí tuệ. Nói về người là dụ cho chúng sinh. Nói về lửa cháy là dụ cho đối trị.

Thí dụ thứ nhất ý ấy là thế nào? Đó là A lê la đa yêm thi. Gỗ tức có đủ năm sự việc. Những gì là năm? Một là gốc rễ sâu chắc không gì có thể vượt qua. Hai là thân cành hoa lá, cho đến quả hạt sinh ra sắc nhọn vô cùng. Ba là mùi hương hết sức xú ối. Bốn là côn trùng độc hại ưa thích bám vào. Năm là quyền thuộc không cùng tận. Đó gọi là năm sự việc. Pháp nhiệm của vô minh cũng lại như vậy. Vô minh căn bản sâu dày rộng lớn không gì có thể vượt qua. Tất cả các loại cảnh ngọn là bất giác, mê hoặc, lỗi lầm, là không thể lường tính.

Thí dụ thứ hai ý ấy là thế nào? Đó là ngọn lửa ẩn tàng tức có bảy sự việc. Những gì là bảy? Một là nghĩa khô chết, vì có thể khiến cây khô cho đến chết. Hai là nghĩa sinh trưởng, vì có thể ngăn chặn khí lạnh khiến được sinh. Ba là nghĩa không thể đo lường được, vì không nhận biết nơi chốn. Bốn là nghĩa ẩn giấu, vì không thể trông thấy. Năm là nghĩa xuất hiện, vì phát ra ngọn lửa cháy sáng. Sáu là nghĩa tùy có, tức tùy theo gỗ mà có. Bảy là nghĩa tùy không, tức là tùy theo gỗ mà không. Đây gọi là bảy sự việc. Bát nhã của bản giác cũng lại như vậy. Huân tập pháp nhiệm cho đến lúc diệt hết chúng. Nhận lấy sự huân tập mà lưu chuyển. Nơi chốn cư trú là không nghĩ bàn. Bí mật ẩn mắt trong tạng vô minh, xuất hiện đầy đủ không còn sót. Tùy theo pháp nhiệm có không mà bản giác có không.

Thí dụ thứ ba thì ý ấy là thế nào? Nghĩa là người giả có hai loại. Những gì là hai loại? Một là người giả Bà la lợi đa đề. Hai là người giả Na thi a đa la. Người thứ nhất kia tức nhận biết năm sự việc. Những gì là năm? Một là nhận biết gỗ sinh ra lửa. Hai là nhận biết cọ xát gỗ chuyên. Ba là nhận biết thời gian chậm nhanh. Bốn là nhận biết nơi chốn dừng lại. Năm là nhận biết thứ lớp thành tựu. Đó gọi là năm sự việc. Nếu người thứ hai không nhận biết những sự việc này thì rốt cuộc không có được lửa. Những người tu hành cũng lại như vậy, vì cũng có phương tiện và không có phương tiện.

Thí dụ thứ tư thì ý ấy là thế nào? Nghĩa là lửa đốt cháy gỗ tức có ba sự việc. Những gì là ba sự việc? Một là sự việc bỏ sắc bén tạo chậm lụt. Nghĩa là lửa đốt cháy thì các thứ cây củi bén nhọn không thể làm hại. Hai là sự việc bỏ khác nhau tạo giống nhau. Nghĩa là bỏ hết sắc bén tức cùng hợp với tro. Ba là sự việc từ bỏ ngọn trở lại gốc. Nghĩa là tướng đồng tức cùng với đất là như nhau. Đó gọi là ba sự việc. Đạo đối trị theo thứ lớp cũng lại như vậy. Nghĩa là đoạn trừ chương ngại, chứng được lý, quy về một tâm.

Đã nêu dẫn về loại nói về thí dụ. Tiếp theo là nêu dẫn về loại nói về khế hợp.

Trong loại nói về khế hợp có hai môn. Những gì là hai môn? Một là nói chung. Hai là nói riêng. Gọi là nói chung: Là nêu chung về đối tượng thực hiện. Như Bản luận viết: “Chúng sinh cũng như vậy”. Gọi là nói riêng: Là nói riêng về đối tượng hành tác. Trong phần nói riêng này tức có ba môn. Những gì là ba môn? Một là môn duyên thiếu chỉ có nhân thì không có sức. Hai là môn nhân thiếu chỉ có duyên thì không có sức. Ba là môn nhân duyên đầy đủ thì thành tựu trọn vẹn.

Môn duyên thiếu chỉ có nhân thì không có sức: Là ví như tuy tánh lửa trong gỗ, từ xưa đến nay có lửa tiềm ẩn, nếu không nhờ nơi phương tiện thì không lấy được lửa. Như vậy, tuy tánh của Như Lai trong tạng vô minh, từ xưa đến nay có tâm của tự tánh thanh tịnh, nhưng không cần dụng công của sự tu hành thì không do đâu đạt được Phật. Như Bản luận viết: “Tuy có sức huân tập của chánh nhân nhưng nếu không gặp được chư Phật, Bồ-tát, các vị thiện tri thức, lấy đó làm duyên để có thể tự mình đoạn trừ phiền não, hội nhập Niết-bàn, thì không có điều ấy”.

Môn nhân thiếu chỉ có duyên thì không có sức: Là ví như có người tuy gồm đủ các phương tiện, nhưng trong cây gỗ kia nếu không có tánh lửa thì rốt cuộc không có được lửa. Như vậy, tất cả hành giả tuy tu hành gồm đủ vô số phương tiện, nhưng trong tâm chúng sinh nếu không có Phật tánh của bản giác, thì rốt cuộc không đạt được Phật. Như Bản luận viết: “Nếu như tuy có sức của ngoại duyên, nhưng pháp tịnh bên trong chưa có sức huân tập, thì cũng không thể chán lìa hoàn toàn khổ của sinh tử, vui cầu đạt Niết-bàn”.

Môn nhân duyên đầy đủ thì thành tựu trọn vẹn: Là ví như trong cây gỗ có tánh lửa cũng gồm đủ phương tiện làm ra lửa, tức

ngọn lửa xuất hiện, đốt cháy cây gỗ hết sạch. Nhân duyên đầy đủ cũng lại như vậy, Phật tánh của bản giác có ở bên trong, hợp với bên ngoài là công năng tu hành gồm đủ. Nhân của trăm hành viên mãn, quả của vạn đức tròn đầy, ba trí đều hành, bốn đức cùng mở. Như Bản luận viết: “Nếu nhân duyên đầy đủ, thì đó gọi là tự mình có sức của huân tập, lại được chư Phật, Bồ-tát v.v... từ bi gia hộ, nên có thể dấy khởi tâm chán lìa khổ, tin có Niết-bàn và tu tập căn thiện. Do tu tập căn thiện thành tựu, nên được gặp chư Phật, Bồ-tát, chỉ dạy khiến vui mừng được lợi ích, mới có thể tiến tới hướng đến đạo Niết-bàn”.

Đã nói về môn nêu chung về phép tắc quyết định. Tiếp theo là nói về môn duyên theo tướng chỉ rõ rộng khắp sinh kiến giải. Theo trong môn này tức có hai cách nói. Những gì là hai cách? Một là nói chung. Hai là nói riêng. Ở trong cách nói chung thì có hai ý. Những gì là hai ý? Một là chủ thể duyên. Hai là đối tượng duyên. Nói chủ thể duyên: Tức là ứng hóa thân, có thể vì chúng sinh tạo tác thành cảnh giới của bản giác. Như Bản luận viết: “Huân tập dụng”. Nói đối tượng duyên: Tức là chúng sinh giới, là hết thảy chúng sinh thuộc đối tượng hóa độ của chư Phật. Như Bản luận viết: “Tức là lực ngoại duyên của chúng sinh”.

Ở trong cách nói riêng tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là duyên có phân biệt chọn lựa. Hai là duyên không phân biệt chọn lựa. Như Bản luận viết: “Ngoại duyên như thế có vô lượng nghĩa”. Lược nêu có hai loại: Một là duyên sai biệt. Hai là duyên bình đẳng. Nói là duyên có phân biệt chọn lựa tức có hai ý. Những gì là hai ý? Một là người của chủ thể duyên. Hai là cảnh của đối tượng duyên. Người của chủ thể duyên thì phần vị có sai biệt như thế nào? Đó gọi là phát tâm dùng làm phần vị ban đầu. Địa Như Lai dùng làm phần vị sau cùng. Tức có thể tạo được duyên này. Cảnh của đối tượng duyên thì phần vị có sai biệt như thế nào? Đó

là chung nơi hai loại chúng sinh thuộc tụ tà định và tụ bất định. Lại nữa, là chung nơi tụ chánh định. Như Bản luận viết: “Duyên sai biệt là người này dựa nơi chư Phật, Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm bắt đầu cầu đạo, cho đến khi được thành Phật, ở trong thời gian ấy hoặc thấy biết, hoặc nhớ nghĩ, hoặc làm các người thân, cha mẹ, bà con, hoặc làm tôi tớ phục dịch, hoặc làm bạn bè quen biết, hoặc làm kẻ oán đối nhau, hoặc dấy khởi bốn nhiếp pháp, cho đến tất cả vô lượng hành duyên đã tạo tác, do sức huân tập để khởi đại bi, có thể khiến cho chúng sinh tăng trưởng căn thiện, hoặc thấy hoặc nghe đều có được lợi ích”.

Từ đây tiếp xuống dưới là nêu rõ về căn thiện đã thành thực và chưa thành thực có sai biệt. Nghĩa là có chúng sinh căn thiện đã thành thực, thì thân ứng hóa liền ứng hợp thời nhanh chóng khiến được độ thoát. Cũng có chúng sinh căn thiện chưa thành thực, thì thân ứng hóa thuận theo thời gian lâu xa mới khiến được độ thoát. Như Bản luận viết: “Duyên này có hai loại. Những gì là hai loại? Một là duyên gần, nhanh chóng được độ thoát. Hai là duyên xa, về lâu xa mới được độ thoát”.

Từ đây tiếp xuống là đối với duyên gần xa đều phân ra làm hai duyên, hiển bày về tướng sai biệt của nhân quả. Những gì là hai duyên? Một là duyên tăng về nhân. Hai là duyên tăng về quả. Duyên tăng về nhân: Là hai loại duyên kia mỗi mỗi loại đều có tăng trưởng về vạn hạnh của mười địa. Duyên tăng về quả: Là nơi hai loại duyên kia mỗi mỗi loại đều tăng trưởng về quả viên mãn ở địa Như Lai. Như Bản luận viết: “Hai duyên gần xa này phân biệt lại có hai loại. Những gì là hai loại? Một là duyên tăng trưởng hành. Hai là duyên thọ nhận đạo”.

Đã nói về duyên có phân biệt chọn lựa. Tiếp đến là nói về duyên không phân biệt chọn lựa. Ở trong văn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là chung. Hai là riêng. Trong môn

chung là nói về duyên bình đẳng. Tức hết thấy chư Phật, Bồ-tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sinh, tự nhiên huân tập thường xuyên không xả bỏ, đó là duyên của nguyện lực từ bi. Nghĩa là hết thấy chư Phật, Bồ-tát, đối với tất cả thời, nơi tất cả xứ, luôn luôn huân tập thích ứng với vô lượng các chúng sinh để có thể tạo thành cảnh giới, phát khởi khí lực của căn thiện còn tiềm ẩn luôn không lìa bỏ. Do trí lực đồng một thể, thuận theo chỗ nên thấy nghe hiện bày tác nghiệp, tức là hành thật. Đó là ứng hóa Phật nêu trên, do lực tùy chuyên tự tại vô ngại, nên tùy, tùy xứ, tùy nghi, tùy sự, tùy ý lạc, thuận thuận như như, hiển thị tám loại nghiệp dụng tạo lợi ích, giáo hóa trọn vẹn các chúng sinh. Đây là chúng sinh dựa nơi tam muội mới được bình đẳng thấy chư Phật, tức là hiển bày chỉ rõ về sự việc quán xét chánh pháp của Phật. Nghĩa là hết thấy chư Phật xuất hiện trong các cõi chúng sinh, ví như sợi lông ở trong cái sừng, lớp lớp vô số không thể nói về đời kiếp. Như vậy, tuy có vô lượng vô biên, nhưng nếu không tu tập Xa-ma-tha (Pháp chỉ) thì rốt cuộc là không thấy Phật. Vì vậy tất cả chư vị Bồ-tát phát tâm rồi thì dùng lực tam muội quán thấy thân pháp tánh của chư Phật, bình đẳng bình đẳng không có sai biệt, đồng một chân như, đồng một pháp thân, khác nhau chỉ là thấy về chính mình, vì ngã tự không sai khác. Vì vậy nói là bình đẳng thấy Phật.

Đã nói về môn nói chung. Tiếp đến là nói về môn nói riêng. Ở trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là chưa đi vào chánh vị. Hai là đã đi vào chánh vị.

Thế nào gọi là chưa đi vào chánh vị? Nghĩa là hàng phàm phu mười tín, tất cả Nhị thừa, Bồ-tát ba Hiền chưa đạt trí chánh thể, chưa chứng trí hậu đắc, chưa chứng nhập như lý. Như Bản luận viết: “Huân tập thể dụng này phân biệt lại có hai loại. Những gì là hai loại? Một là chưa tương ứng. Nghĩa là hàng phàm phu, Nhị thừa và các Bồ-tát mới phát tâm, do huân tập ý và ý thức, dựa

vào tín lực, nhưng tu hành chưa đạt được tâm không phân biệt, cùng với thể tương ứng, chưa đạt được nghiệp tự tại để tu hành cùng với dụng tương ứng”.

Thế nào gọi là đã đi vào chánh vị? Nghĩa là hàng Bồ-tát mười địa, bên trong đạt được chánh trí, bên ngoài đạt được hậu trí, một phần trí dụng là ngang bằng với Như Lai, chỉ dựa vào lực huân tập gốc tự nhiên tu hành, tăng trưởng chân như có thể diệt trừ vô minh. Như Bản luận viết: “Hai là đã được tương ứng. Nghĩa là Bồ-tát pháp thân được tâm không phân biệt, cùng với tự thể của chư Phật tương ứng đạt được nghiệp tự tại để tu hành cùng với trí dụng tương ứng, chỉ dựa vào pháp lực tự nhiên tu hành, huân tập chân như diệt trừ vô minh”.

Đã nói về môn phân tích nói chi tiết. Tiếp đến là nói về môn tận và bất tận có sai biệt. Môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị về tất cả pháp vọng tức trái với đạo lý nên không có bắt đầu mà có kết thúc. Tất cả pháp tịnh thì khế hợp đạo lý nên có bắt đầu mà không có kết thúc. Lại nữa, vì muốn hiển bày làm rõ về hai pháp chân vọng là hoàn toàn trái nhau nên không cùng hành. Lại nữa, vì muốn hiển thị hai pháp chân vọng không có hơn kém, thể tướng ấy là như nhau không có rộng hẹp, nên nghiệp dụng tạo tác là đồng. Như Bản luận viết: “Lại nữa, pháp nhiễm từ vô thủy đến nay huân tập không dứt, cho đến sau khi thành Phật tức có đoạn dứt. Pháp tịnh huân tập thì không có đoạn dứt cho đến tận cùng nơi đời vị lai. Nghĩa này là thế nào? Vì pháp chân như luôn huân tập, nên tâm vọng tức diệt, pháp thân hiển hiện, khởi huân tập dụng nên không có đoạn dứt”.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 6

Từ trước đến đây là nói về phần quyết trách nghĩa các pháp nhiệm tịnh cùng huân tập cùng sinh khởi không đoạn dứt xong. Từ đây tiếp xuống là hiển thị phân minh về ba loại nghĩa của đại trong môn sinh diệt.

* *Bản luận viết*: Lại nữa, tự thể tướng của chân như là hết thảy phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật không hề có tăng giảm, không phải là đời trước sinh ra, không phải là đời sau diệt mất, hoàn toàn thường hằng, từ xưa đến nay chỉ là tánh tự đầy đủ tất cả công đức. Đó gọi là nghĩa của tự thể có đại trí tuệ quang minh, là nghĩa soi chiếu khắp pháp giới, là nghĩa nhận biết rõ chân thật, là nghĩa tâm thanh tịnh của tự tánh thường lạc ngã tịnh, là nghĩa trong lành mát mẻ tự tại bất biến, có đầy đủ pháp Phật không lìa không đoạn, vượt quá Hằng hà sa số như vậy. Cho đến nghĩa đầy đủ không có thiếu, nên gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là pháp thân Như Lai.

Hỏi: Ở trên nói về chân như, thể ấy là bình đẳng lìa tất cả các tướng. Vì sao lại nói thể có vô số công đức như vậy?

Đáp: Tuy thật sự có nghĩa các công đức ấy, nhưng không có tướng sai biệt, cùng đồng một vị chỉ là một chân như. Nghĩa này là thể nào? Vì không phân biệt và lìa tướng phân biệt, vì thế nên không hai.

Lại do nghĩa nào để có thể nói là sai biệt? Do dựa vào tướng sinh diệt của nghiệp thức để chỉ rõ. Ở đây đã chỉ rõ như thế nào?

Do tất cả các pháp xưa nay chỉ do tâm thật sự không có niệm, nhưng có tâm vọng bất giác dậy khởi niệm thấy các cảnh giới, nên nói là vô minh. Tánh của tâm không khởi động, tức là nghĩa của đại trí tuệ quang minh. Nếu tâm khởi kiến thì có tướng bất kiến. Tánh của tâm là kiến, tức là nghĩa soi chiếu khắp pháp giới. Nếu tâm có động thì không phải là nhận biết rõ chân thật, không có tự tánh, không phải là thường, không phải là lạc, không phải là ngã, không phải là tịnh, nhiệt nã, suy biến hoại thì không tự tại. Cho đến có đủ các nghĩa của nhiễm vọng vượt quá Hằng sa số. Đồi lại nghĩa này nên tánh của tâm không động, tức có nghĩa của các tướng công đức tịnh nhiều hơn số Hằng hà sa được hiện rõ. Nếu tâm có khởi thì lại thấy pháp trước khiến có thể suy niệm tức có chỗ thiếu sót. Pháp tịnh như vậy có vô lượng công đức, tức là một tâm lại không có đối tượng suy niệm, vì thế đầy đủ, gọi là pháp thân, Như Lai tạng.

Lại nữa, dụng của chân như đó là chư Phật Như Lai gốc ở nơi nhân địa, phát tâm đại từ bi tu các pháp Ba-la-mật, thâm nhận giáo hóa chúng sinh, lập đại thệ nguyện, nhằm độ thoát hết thảy muôn loài, cũng không hạn định số kiếp, tận cùng nơi đời vị lai. Do nhận lấy tất cả chúng sinh như chính thân mình, nhưng cũng không giữ lấy tướng của chúng sinh. Ở đây là do nghĩa gì? Nghĩa là nhận biết như thật về tất cả chúng sinh cùng với bản thân mình đều có chân như bình đẳng, không sai khác. Vì có trí đại phương tiện như thế, nên trừ diệt vô minh thấy rõ pháp thân vốn có, tự nhiên mà có vô số các loại nghiệp dụng không thể nghĩ bàn, tức cùng với chân như bình đẳng hiện bày khắp tất cả nơi chốn, lại cũng không có tướng của dụng có thể thủ đắc. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai chỉ là pháp thân, là thân của tướng trí, là đệ nhất nghĩa đế, không có cảnh giới của thế tục để lìa nơi tạo tác hiện bày, chỉ tùy theo chúng sinh thấy nghe có được lợi ích nên nói là dụng. Dụng này lại có hai loại. Những gì là hai loại? Một là dựa vào thức phân biệt sự. Nghĩa là

đối tượng thấy biết của tâm phàm phu, Nhị thừa, gọi là ứng thân, do không nhận biết về thức chuyên hiện, thấy từ bên ngoài đến, giữ lấy hình sắc có sai biệt, nên không thể nhận biết hoàn toàn. Hai là dựa vào thức nghiệp. Nghĩa là đối tượng thấy biết của tâm nơi các vị Bồ-tát từ mới phát tâm, cho đến Bồ-tát ở địa sau cùng, gọi là báo thân. Thân có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, dựa vào quả đã an trụ cũng có vô lượng các thứ trang nghiêm, tùy theo nơi chốn thị hiện, tức không có biên vực nào là không thể cùng tận, lia tướng giới hạn có sai biệt, tùy theo nơi chốn ứng hợp luôn có thể trụ giữ, không hoại, không mất. Công đức như vậy đều nhân nơi các Ba-la-mật cùng hành vô lậu huân tập, và là đối tượng thành tựu của sự huân tập không thể nghĩ bàn, đầy đủ vô lượng tướng an lạc nên nói là báo.

Lại nữa, đối tượng thấy biết của hàng phàm phu là sắc thô kia, tùy theo sáu đường của chúng sinh đều thấy không đồng, vô số dị loại, không phải thọ nhận tướng an lạc nên nói là ứng.

Lại nữa, đối tượng thấy biết của hàng Bồ-tát mới phát tâm là do tin sâu vào pháp chân như, nên nhìn thấy phần ít, nhận biết các sự việc như sắc tướng trang nghiêm kia v.v..., là không đi không đến, lia bỏ giới hạn có sai biệt, chỉ dựa nơi tâm hiện không rời chân như. Nhưng hàng Bồ-tát này cũng còn tự phân biệt, vì chưa đi vào phần vị pháp thân. Nếu đạt được tâm tịnh thấy rõ phần vi diệu thì dụng ấy đã chuyển thắng, cho đến địa Bồ-tát sau cùng tức thấy được hoàn toàn. Nếu lia thức nghiệp thì không có tướng thấy, vì pháp thân của chư Phật không có sắc tướng đây kia lần lượt cùng trông thấy.

Hỏi: Nếu pháp thân của chư Phật lia nơi sắc tướng, thì vì sao có thể hiện bày sắc tướng?

Đáp: Tức pháp thân này là thể của sắc nên có thể hiện nơi sắc. Đó gọi là từ xưa đến nay sắc tâm là bất nhị, vì tánh của sắc tức

là trí, thể của sắc vô hình nên nói là trí thân. Vì tánh của trí tức là sắc, nên nói là pháp thân. Sắc đã hiện bày khắp tất cả xứ không có giới hạn sai biệt, tùy theo tâm có thể thị hiện nơi mười phương thế giới, vô lượng Bồ-tát, vô lượng báo thân, vô lượng trang nghiêm, mỗi mỗi đều sai biệt, đều không có giới hạn, nhưng không cùng ngăn ngại. Đây không phải là tâm thức phân biệt có thể nhận biết, do nghĩa chân như có dụng tự tại.

* *Luận giải thích*: Tức trong văn này tự có ba môn. Những gì là ba môn? Một là môn hiển thị về nghĩa đại của tự thể. Hai là môn hiển thị về nghĩa đại của tự tướng. Ba là môn hiển thị về nghĩa đại của tự dụng. Trong nghĩa đại thứ nhất tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn năm người bình đẳng. Hai là môn thời không chuyển. Đó gọi là hai môn. Trong nghĩa đại thứ hai tức có ba môn. Những gì là ba môn? Một là môn công đức viên mãn. Hai là môn hỏi đáp để trừ bỏ nghi. Ba là môn giải thích riêng để nói rộng. Đó gọi là ba môn. Trong nghĩa đại thứ ba tự có sáu môn. Những gì là sáu môn? Một là môn bản nguyện vô tận. Hai là môn lìa tướng không chấp. Ba là môn chủ thể, đối tượng bình đẳng. Bốn là môn vô tướng hiện ứng. Năm là môn tùy thấy thô tế. Sáu là môn nêu hỏi đáp để trừ bỏ nghi. Đó gọi là sáu môn. Nay sẽ giải thích, như thứ lớp ấy để nói rộng phân minh về đại. Người thông sáng nên xét chọn kỹ. Lại nữa, tự thể tướng của chân như tức là nêu chung về hai nghĩa thể tướng. Từ đây tiếp xuống là giải thích riêng để nói rộng. Thứ nhất là nói về đại của thể. Thế nào gọi là môn năm người bình đẳng? Nghĩa là tự thể của chân như là chung nơi năm người, bình đẳng bình đẳng không có sai biệt. Thế nào gọi là năm loại người giả định? Một là phàm phu. Hai là Thanh văn. Ba là Duyên giác. Bốn là Bồ-tát. Năm là Như Lai. Đó gọi là năm người giả định. Năm tên gọi như vậy, người tự là năm mà chân như tự chỉ là một. Vì sao? Vì tự thể của chân như không có tăng giảm, cũng không có lớn nhỏ, cũng không có biên có biên không, cũng

không có biên giữa hai bên, cũng không có đi đến, từ xưa đến nay một tự thành một, đồng tự tạo đồng, chán khác bỏ riêng chỉ một chân như. Vì vậy trong Khế kinh Chư Pháp Chân Như Nhất Tướng Tam Muội đã giảng nói như vậy: “Ví như kim cương tạo ra hình tượng của năm nẻo, năm người bình đẳng cũng lại như vậy. Vì ở trong các người không có tăng giảm”. Như Bản luận viết: “Hết thầy phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật không có tăng giảm”. Thế nào gọi là môn thời không chuyển? Nghĩa là tự thể của chân như, tự nhiên thường trụ quyết định bất biến, ba đời không động, bốn tướng không dời, tịch diệt lại tịch diệt, chân thật lại chân thật. Như Bản luận viết: “Không phải là đời trước sinh, không phải là đời sau diệt, hoàn toàn thường hằng”.

Đã nói về môn hiển thị về nghĩa đại của tự thể. Tiếp theo là nói về môn hiển thị về nghĩa đại của tự tướng. Môn công đức viên mãn, tướng ấy là thế nào? Nghĩa là trong thể của chân như tất cả công đức đều viên mãn không có thiếu sót. Những gì là công đức? Đó gọi là công đức của sáu loại nghĩa tánh. Những gì là sáu loại?

Một là nghĩa đại trí tuệ quang minh, vì Bát nhã của bản giác có năng lực trừ diệt đêm tối của vô minh. Ở trong Khế kinh gọi là nghĩa của tánh Bát nhã thật trí quang minh quảng đại viên mãn thù thắng.

Hai là nghĩa soi chiếu khắp pháp giới, vì Bát nhã của bản giác soi chiếu đến cội nguồn của một pháp giới. Ở trong Khế kinh gọi là nghĩa của tánh tự nhiên thông đạt trọn khắp một pháp giới tạng.

Ba là nghĩa nhận biết rõ chân thật, vì Bát nhã của bản giác xa lìa sự hiểu biết suy lường hư giả. Ở trong Khế kinh gọi là nghĩa của tánh lìa vọng tưởng lãnh hội, quyết định nhận biết rõ về thật tánh của thật tế.

Bốn là nghĩa tâm thanh tịnh của tự tánh, vì Bát nhã của bản giác tự nhiên vốn có vô lượng tánh công đức không phải đạt được

nhờ tha lực, xa lìa trần lụy hợp với trung thật. Ở trong Khế kinh gọi là nghĩa của trung tánh vốn có sáng sạch lìa các biên.

Năm là nghĩa thường lạc ngã tịnh, vì hai thứ bản giác và thủy giác từ vô thủy đến nay đều xa lìa bốn chướng, viên mãn bốn loại đức tự nhiên. Ở trong Khế kinh gọi là nghĩa thuộc tánh đức tự nhiên của Như lai chánh giác tánh xa lìa huyễn hóa không tu tập.

Sáu là nghĩa trong mát tự tại bất biến, vì hai loại bản giác ví như hai phương Nam Bắc của tám gương sáng cùng gồm đủ tùy thuận và trái ngược. Ở trong Khế kinh gọi là nghĩa của tánh Đà la ni toàn biến gồm đủ tùy thuận trái nghịch vô ngại.

Đó gọi là sáu nghĩa.

Như Bản luận viết: “Từ xưa đến nay chỉ là tánh tự có đầy đủ tất cả công đức. Đó gọi là nghĩa của tự thể có đại trí tuệ quang minh. Nghĩa soi chiếu khắp pháp giới. Nghĩa nhận biết rõ chân thật. Nghĩa tâm thanh tịnh của tự tánh. Nghĩa thường lạc ngã tịnh. Nghĩa trong mát tu tập bất biến”. Trong Khế kinh Quảng Đại Viên Mãn Tự Tánh Bản Đức đã thuyết giảng như vậy: “Tự tánh công đức, tên gọi của số gốc có mười bảy loại. Ở trong hai loại đầu mỗi loại đều phân ra hai. Trong hai loại tiếp theo, mỗi loại đều phân ra ba. Trong hai loại sau, như thứ lớp ấy phân ra bốn và ba”.

Lại nữa, trong Khế kinh Thanh Tịnh Tâm Địa Vô Cấu Đà La Ni giảng nói như vậy: “Tự tánh công đức, tên gọi của số gốc có hai mươi lăm loại. Trong một loại sau cùng phân ra mười một loại”. Như vậy, tướng riêng của ba số đã nêu là thế nào? Tên gọi của số gốc trong Luận Ma Ha Diễn của Bồ-tát Mã Minh, vì muốn hiển thị về tướng tổng trì danh lực nghĩa rộng, thế nên gồm thâu chi tiết lập chung làm sáu loại. Lại nữa, đã dựa vào biệt bản để nói về tổng trì. Lại nữa, số tên gọi phân nhiều là mê lầm nơi chân thật. Do nghĩa này nên lập chung làm sáu loại. Nói mười bảy loại thì tên gọi là những gì? Đó là: (1) Nghĩa đại trí tuệ. (2) Nghĩa đại quang

minh. (3) Nghĩa hiện khắp một pháp giới. (4) Nghĩa soi chiếu một pháp giới. (5) Nghĩa chân thật. (6) Nghĩa nhận thức. (7) Nghĩa biết rõ. (8) Nghĩa tự tánh. (9) Nghĩa thanh tịnh. (10) Nghĩa tâm. (11) Nghĩa thường. (12) Nghĩa lạc. (13) Nghĩa ngã. (14) Nghĩa tịnh. (15) Nghĩa bất. (16) Nghĩa biến. (17) Nghĩa tự tại. Đó gọi là mười bảy loại. Nói hai mươi lăm loại thì tên gọi là những gì? Đó là trong công đức *Bất* của số trước (Nghĩa 15) phân ra tám loại. Trong công đức *Biến* (Nghĩa 16) phân ra hai loại. Nói hai Biến thì một là thượng lưu chuyển biến. Hai là hạ lưu chuyển biến. Nói tám Bất thì như trong Luận Trung Quán đã nêu bày phân minh.

Đã nói về phần số lượng công đức có tên gọi. Tiếp theo là nói về phần công đức vượt quá số lượng, không tên gọi. Tự tánh công đức trong thể của bản giác là vô lượng vô biên, lia nơi ngôn từ số lượng, vượt quá nẻo tâm hành. Do nghĩa nào mà dừng nơi số lượng để tạo các phần như vậy? Do công đức vốn có tuy không có số lượng nhưng không ra ngoài ba số, vì thế nêu lên số căn bản. Như Bản luận viết: “Đầy đủ như vậy là vượt quá Hằng hà sa số”. Vô lượng vô biên công đức như thế, mỗi mỗi thứ đều có thể tương riêng khác chăng? Chỉ là một tâm lượng không có Thể của pháp riêng khác. Chỉ là một tâm lượng trọn không lia tâm. Vì sao? Vì tâm pháp tuy là một nhưng có hai loại dụng tự tại của Đà-la-ni. Những gì là hai loại? Một là tự mình không lia tự tại của Đà-la-ni kia. Hai là nơi kia không lia tự tại của Đà-la-ni. Như Bản luận viết: “Không lia”. Tánh đức như vậy từ vô thủy đến nay hoàn toàn là diệu hữu không phải là pháp bị loại trừ. Vì sao? Vì tự tánh là tự tánh không phải là cùng với tánh khác. Như Bản luận viết: “Không đoạn”. Như vậy, tất cả công đức chỉ có một tự làm thành một, chung cuộc là khác với tự không thể làm thành một. Vì sao? Vì đồng một pháp giới. Như Bản luận viết: “Không khác”. Lý sâu xa như vậy thì tất cả Bồ-tát, tất cả hàng Nhị thừa, tất cả hàng phàm phu tâm không tư duy, ngôn từ không luận bàn số lượng. Dứt tuyệt

lại dứt tuyệt, xa lìa lại xa lìa. Như Bản luận viết: “Không thể nghĩ bàn”. Ba người không phải là cảnh, tức nên người nào là cảnh giới của ngôn thuyết tư duy? Chỉ có bậc Đại giác mới tự mình làm phép tắc mẫu mực. Như Bản luận viết: “Là pháp Phật”. Vô lượng tánh công đức như vậy, từ địa phàm phu (Cụ phược) cho đến địa trí Đại giác vô thượng là gồm đủ, viên mãn, không có thiếu sót. Vì sao? Vì các công đức như thế, từ vô thủy đến nay là tự nhiên vốn có, không phải là nhờ sức của duyên để kiến lập. Như Bản luận viết: “Cho đến nghĩa đầy đủ không có thiếu sót, vì thế gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là pháp thân Như Lai”.

Đã nói về môn công đức viên mãn. Tiếp đến là nói về môn nêu hỏi đáp để trừ bỏ nghi. Theo trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn phát khởi lược hỏi để vấn nạn. Hai là môn phát khởi rộng đáp để giải thích. Ý vấn nạn của người hỏi, tương ấy là thế nào Nghĩa là xét kỹ về lý thì vấn nêu bày trái nhau, trước sau tức lẫn lộn. Vấn trước sau trái nhau như thế nào? Đó là trong phần quyết trạch chân như đã giảng nói như vậy: “Tâm chân như tức là thể nơi pháp môn tổng tướng đại của một pháp giới. Đó gọi là tâm tánh bất sinh bất diệt. Tất cả các pháp chỉ dựa vào niệm vọng mà có sai biệt. Nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới.

Vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay đều lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, hoàn toàn bình đẳng không có biến dị, không thể hủy hoại, chỉ là một tâm, nên gọi là chân như. Còn trong phần quyết trạch về nghĩa của tự tướng đại thì giải thích: “Từ xưa đến nay tánh tự đầy đủ tất cả các công đức. Đó gọi là tự thể có nghĩa đại trí tuệ quang minh. Là nghĩa soi chiếu khắp pháp giới. Là nghĩa nhận biết rõ chân thật. Là nghĩa tâm thanh tịnh của tự tánh. Là nghĩa thường lạc ngã tịnh. Là nghĩa trong mát tự tại bất biến. Có đầy đủ pháp Phật không lìa, không

đoạn, không khác, không thể nghĩ bàn, vượt quá Hằng hà sa số như vậy. Cho đến nghĩa đầy đủ không có thiếu sót, vì thế gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là pháp thân Như Lai”. Trái nhau như vậy nên lấy đó làm vấn nạn. Như Bản luận viết: “Hỏi: Ở trên đã nói về chân như, thể ấy là bình đẳng lia tất cả tướng, vì sao lại nói thể có vô số các công đức như vậy?”.

Đã nói về môn phát khởi lược hỏi để vấn nạn. Tiếp theo là nói về môn phát khởi rộng đáp để giải thích. Theo trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là chung. Hai là riêng. Trong môn nêu chung tức có hai loại. Những gì là hai loại? Một là chung của chân như. Hai là chung của sinh diệt. Như thứ lớp ấy đã nói về tướng có thể thấy rõ. Đáp: Tuy thật có nghĩa của các công đức ấy, nhưng không có tướng sai biệt, cùng đồng một vị chỉ là một chân như. Đây tức là môn chung của chân như. Nghĩa là tuy trong môn nghĩa về tự tướng đại đã giải thích như thế. Gồm đủ các loại công đức vượt quá Hằng hà sa số, nhưng là số lượng nơi cảnh giới của môn sinh diệt, không phải là môn chân như. Trong môn chân như không có tướng sai biệt, là bình đẳng và bình đẳng, một tướng một vị, còn chân như là cảnh giới của pháp tịnh. Do nghĩa này nên không có lỗi trái nhau.

Từ đây tiếp xuống dưới là nêu ra nguyên do để dứt trừ nghi hoặc. Vì không phân biệt và lia tướng phân biệt thế nên là không hai. Tức trong môn chân như chỉ có đồng đồng không có dị dị. Từ đây trở xuống là giải thích về loại chung của sinh diệt. Ở trong văn này tức có hai loại. Những gì là hai loại? Một là hỏi. Hai là đáp. Vì có rộng lược, tức hai lớp hỏi đáp là không đồng, nên nhận biết như vậy.

Nơi lớp hỏi đáp thứ nhất, tướng ấy là thế nào? Lại do nghĩa nào để có thể nói là sai biệt? Tức là câu hỏi mở ra. Nghĩa là nếu các pháp từ xưa đến nay là bình đẳng, bình đẳng, một vị một tướng,

riêng còn chân lý không có hai thể. Vậy lại có pháp nào không phải là bình đẳng, dùng đây làm chỗ dựa để kiến lập sai biệt? Tức là nêu ra môn khác để nghi về môn khác. Từ đây tiếp xuống là phát khởi nêu đáp để dứt trừ nghi này. Văn hiện bày có thể thấy rõ. Do dựa vào thức nghiệp nên tướng sinh diệt hiện ra, tức là lời đáp chung. Nghĩa là trong môn chân như không có tất cả pháp nhiệm vượt quá Hằng hà sa số dùng làm đối tượng được đối trị. Không có tất cả pháp tịnh vượt quá hằng hà sa số của chủ thể đối trị để đối nhau về lượng. Thế nên trong môn chân như được nói như vậy. Tất cả các pháp là bình đẳng, bình đẳng, một vị một tướng, không có hai thể v.v... Nhưng trong môn sinh diệt này, các pháp nhiệm của đối tượng được đối trị là vô lượng vô biên. Còn các pháp tịnh của chủ thể đối trị cũng là vô lượng vô biên. Vì thế trong môn sinh diệt đã nêu bày như vậy: “Nơi thể của bản giác gồm đủ vô số loại công đức, vô lượng vô biên vượt quá Hằng hà sa số v.v...” Đây tức là ý chính. Tiếp theo sẽ tạo giải thích riêng để nói chi tiết. Nói là nương dựa: Tức là trụ địa của vô minh căn bản, là đối tượng nương dựa của tất cả pháp nhiệm. Nói là nghiệp: Tức là tướng nghiệp. Nói là thức: Tức là các thức như chuyển v.v... Tướng sinh diệt: Là tên gọi chung của môn. Nói là hiện ra: Là hiển thị sự tương phản. Trong đây chữ dĩ có nghĩa từ xa lưu chuyển nên đến nơi chữ ba. Ba pháp như vậy là đã khởi lên công đức, đó chính là nguyên do.

Đã nói về phần nói lược. Tiếp theo là nói về phần nói rộng.

Theo trong phần này tức có hai loại. Những gì là hai loại? Một là hỏi. Hai là đáp. Ở đây nên biết là hỏi lược mà đáp rộng. Hiện ra này là thế nào? Tức là lời cật vấn. Nghĩa là cật vấn về những lý do của sự việc kia. Từ đây trở xuống là đáp thẳng về câu hỏi này. Trong phần giải thích để đáp này có ba loại. Những gì là ba loại? Một là chánh lý của tự tông. Hai là tà hạnh phi đạo. Ba là nêu đủ về lượng đối nhau. Đó gọi là ba loại. Như thứ lớp ấy nói

về quán tương ưng. Do tất cả các pháp xưa nay chỉ là tâm thật sự không có niệm. Đây tức là loại thứ nhất là chánh lý của tự tông. Đó gọi là pháp tánh từ vô thủy đến nay chỉ là một tâm, không có một pháp nào không phải là tâm. Nhưng có tâm vọng bắt giác dấy lên niệm thấy các cảnh giới nên nói là vô minh. Đây tức là loại thứ hai tà hạnh phi đạo. Đó gọi là nêu chung về các trụ địa vô minh trên phần gốc. Từ đây tiếp xuống dưới là trực tiếp hiển bày nêu ra đủ sự đối chiếu về lượng có sai biệt. Như trên đã nói về sáu tướng công đức trong thể của bản giác, mỗi mỗi đều đợi quán xét những gì là lỗi lầm tai hại, lấy đó làm sự đối chiếu để kiến lập hiển thị. Đó gọi là vô minh căn bản đã huân tập của một tâm, phát khởi vô số các thức như nghiệp v.v...., che lấp ánh sáng của thật trí Bát nhã, tăng trưởng bóng tối của ngu si mê loạn. Tức là cảnh giới số lượng của vô minh bắt giác. Minh thì dùng dấy làm đối trị. Tánh tịch diệt của một tâm không khởi, tức là sự an lập công đức của trí tuệ thuộc bản giác đã kiến lập để nêu rõ. Như Bản luận viết: “Tánh của tâm không khởi, tức là nghĩa đại trí tuệ quang minh”.

Từ đây tiếp xuống là hiển bày về công đức thứ hai, văn diễn đạt có thể thấy rõ. Như vậy, tâm vọng dấy khởi thấy đạt đến cảnh, hoàn toàn chỉ chuyển đổi trong cảnh hư vọng, không thể thông đạt cảnh giới chân thật. Vì sao? Vì thật giả thì trái nhau không thể thích hợp. Như Bản luận viết: “Nếu tâm dấy khởi thấy biết thì có tướng không thấy biết”. Từ đây trở xuống dưới là nêu rõ về nghĩa quán xét khắp. Nhưng tâm chân thật thì lia các thứ thấy biết chuyển đổi, thông tỏ các pháp không đâu là không đến, không nơi nào là không thích hợp, không chốn nào là không tận cùng. Vì sao? Vì trí kiến chân thật luôn xa lia biên kiến chủ thể nhận biết và đối tượng được nhận biết. Như Bản luận viết: “Tánh của tâm lia kiến, tức là nghĩa soi chiếu khắp pháp giới”.

Từ đây tiếp xuống là nêu rõ về công đức thứ ba. Đó là nêu tâm có tướng động chuyển, tức là khí lực huân tập của vô minh. Hư vọng chuyển thành minh lấy đó để làm đối địch. Tánh của tâm tịch tĩnh không có náo động, chính trực không có kiến giải điên đảo, tức là sự soi chiếu của trí thật, tùy thuận đạo lý không trái ngược để kiến lập hiện bày rõ. Như Bản luận viết: “Nếu tâm có động thì không phải là trí của thức chân thật”.

Từ đây tiếp xuống dưới là nêu rõ về công đức thứ tư. Đó gọi là pháp vọng từ vô thủy đến nay, không có tự thể sáng tỏ lấy đó làm đối ứng. Công đức vốn có của tự tánh thanh tịnh được kiến lập hiển thị. Như Bản luận viết: “Không có tự tánh”.

Từ đây trở xuống là làm rõ về công đức thứ năm. Đó gọi là bốn tướng của pháp vọng đã đời đời nên chẳng phải là thường. Ba loại khổ cùng chuyển biến nên chẳng phải là lạc. Hai loại tự tại không có nên chẳng phải là ngã. Một đạo thanh tịnh không có nên chẳng phải là tịnh. Bốn loại lỗi lầm này dùng làm số lượng đối chiếu, nên bốn loại công đức trong thể của bản giác đã được kiến lập hiển thị. Như Bản luận viết: “Không phải thường, không phải lạc, không phải ngã, không phải tịnh”.

Từ đây tiếp xuống là nêu rõ về công đức thứ sáu. Đó gọi là pháp vọng thiêu đốt chân tâm, nên gọi là nhiệt. Lại là thứ làm náo loạn các chúng sinh, vì thế gọi là náo. Phá diệt làm thay đổi đức khiến không tạo tác, do đó tức suy biến. Do sự việc này nên tất cả chúng sinh không được tự tại, vì thế cũng gọi là không tự tại. Quán xét sự việc này để làm đối xứng. Tức công đức trong mát tự tại bất biến được kiến lập hiển thị. Như Bản luận viết: “Nhiệt náo suy biến thì không tự tại”.

Từ đây tiếp xuống là làm rõ về nghĩa của tướng công đức vô biên. Đó gọi là nói nếu pháp nhiệm của đối tượng đối trị có vô lượng vô số, thì pháp tịnh của chủ thể đối trị cũng có vô lượng vô

biên. Như Bản luận viết: “Cho đến có đủ nghĩa của nhiệm vọng là không kể xiết. Đối lại nghĩa này nên tánh của tâm không động, thì nghĩa của tướng các công đức tịnh vượt quá Hằng sa số đã hiện rõ”.

Từ đây tiếp xuống là tóm kết về công đức viên mãn. Đó gọi là nếu một tâm pháp có tướng động chuyển, lại thấy cảnh giới ở trước có thể tạo duyên, thì tâm của chủ thể thấy và cảnh của đối tượng được thấy là hai thứ sai biệt, tức công đức của bản giác là không viên mãn. Nhưng tánh đức vốn có tuy vượt quá Hằng sa số, mà chỉ là một tâm lượng trọn không có hai thể. Vì sao? Vì các đức như thế, mỗi mỗi đức thấy đều không phân biệt thể. Đối với một pháp giới thì lượng ấy là như nhau, thế nên công đức của tự tánh viên mãn. Trong hai phần vị trói buộc và giải thoát, thường hằng đầy đủ gọi là pháp thân, gọi là Như Lai tạng. Như Bản luận viết: “Nếu tâm có dấy khởi lại thấy pháp trước có thể suy niệm, thì có chỗ thiếu sót. Như vậy pháp tịnh có vô lượng công đức, tức là một tâm, lại không có đối tượng suy niệm”, vì thế đầy đủ gọi là pháp thân, Như Lai tạng”. Số lượng nhiệm tịnh bình đẳng quyết trạch là dựa vào Khế kinh nào để giải thích? Đó là Kinh Văn Thù Sư Lợi Thiện Xảo Phương Tiện Tương tự Thí Dụ Đại Đà La Ni. Trong Khế kinh ấy đã nêu giảng như thế nào? Tức nơi kinh ấy đã nêu rõ: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vâng theo thần lực của Phật, tức thì nói tụng:

*Ví như A-chi-đa
Cây Già-na-thi-đế
Quả kia nhiều vô số
Biểu thật có mười loại.
Số lượng pháp nhiệm tịnh
Cũng nên biết như vậy
Hành giả dựa dụ này*

Hiểu rõ lý chân vọng.

Nay văn của kinh này là nêu rõ về nghĩa gì? Vì muốn hiển thị về giả chính là đối đãi thật, chân quyết định nhờ vào vọng, vì không có pháp nào riêng lẻ tự lập. Nói *biểu* là dụ cho pháp nào? Nghĩa là dụ cho pháp vọng, vì vọng giả là không thật như bên ngoài của quả. Nói *thật* là dụ cho pháp nào? Đó là dụ cho pháp chân, vì chân thật không giả như bên trong của quả. Những gì gọi là mười loại như nhau? Đó là: (1) Số như nhau biểu thật, là khế hợp với số như nhau kia. (2) Trần như nhau biểu thật, là ngọn ngành nhỏ phối hợp với số lượng như nhau kia không có sai biệt. (3) Lượng như nhau biểu thật, là xét lường trọn không có sai biệt vì nặng nhẹ là như nhau. (4) Sắc như nhau biểu thật, là so sánh đồng một sắc trắng. (5) Hương như nhau biểu thật, là huân tập hương như nhau kia. (6) Vị như nhau biểu thật, là ăn uống không có sai biệt. (7) Xúc như nhau biểu thật, là thân xúc chạm như nhau không có sai biệt. (8) Bản như nhau biểu thật, là đồng dựa vào cây cối xuất sinh. (9) Câu như nhau biểu thật, là nơi một thời không có trước sau. (10) Đồng như nhau biểu thật, là cùng chung một vị. Đó gọi là mười loại như nhau. Phần nêu dụ hợp với pháp đã nêu bày rõ ràng nên không cần giải thích lại. Lại nữa, nếu hàng độn căn không thông tỏ sự việc này, thì dựa vào thí dụ về công đức, đen tối nên nhận biết về ý như nhau.

Đã nói về môn hiển thị về nghĩa của tự tướng đại. Tiếp theo là nói về môn hiển thị về nghĩa của tự dụng đại. Trong đây có sáu môn, như thứ lớp ấy nên quán xét kỹ.

Nói về môn bản nguyên vô tận, là A thể da (ý lạc) của Tăng na thanh tịnh, quảng đại, viên mãn không biên vực. Nghĩa là các Đức Như Lai trong vô lượng vô biên số kiếp nhiều như vi trần không thể nghĩ bàn, không thể lường xét đã dấy lên số lượng biên tâm đại từ bi nhiều như vi trần của mười phương thế giới, tu tập số

lượng biển nhân đại viên mãn nhiều như vi trần của mười phương thế giới, gồm thâu số lượng biển của tất cả chúng sinh nhiều như vi trần của mười phương thế giới, tạo lập số lượng biển thế nguyện quảng đại nhiều như vi trần của mười phương thế giới, thành tựu số lượng biển quả đại tự tại nhiều như vi trần của mười phương thế giới. Vì sao? Vì nhận biết như thật về nghĩa tương tục đồng nhất không khác. Như Bản luận viết: “Lại nữa, dụng của chân như, đó là chư Phật Như Lai gốc ở tại nhân địa, phát tâm đại từ bi, tu tập các pháp Ba-la-mật, thâu nhận giáo hóa chúng sinh, lập đại thế nguyện, mong muốn độ thoát hết các cõi chúng sinh kia, cũng không hạn định số lượng kiếp tận cùng nơi đời vị lai, vì nhận lấy tất cả chúng sinh như bản thân mình”.

Đã nói về môn bản nguyện vô tận. Tiếp theo là nói về môn lia tướng không chấp. Nói môn lia tướng không chấp là ở trong đối tượng hành hóa, luôn xa lia những thứ đã tạo, không sinh chấp trước. Nghĩa là các Đức Như Lai tuy phát tâm vô lượng vô biên đại bi gồm thâu hóa độ hết thảy Hằng hà sa chúng sinh, nhưng các Đức Như Lai không có mỗi mỗi vị Phật nào thâu giữ chúng sinh đã được hóa độ. Vì sao? Vì đã nhận biết rõ như thật về tất cả chúng sinh cùng với tự thân, chỉ là một chân như, chỉ là một pháp thân, không có tăng giảm, không có sai biệt. Như Bản luận viết: “Nhưng cũng không giữ lấy tướng chúng sinh. Ở đây là do nghĩa nào? Nghĩa là nhận biết như thật về tất cả chúng sinh cùng với tự thân là một chân như bình đẳng”.

Đã nói về môn lia tướng không chấp. Tiếp theo là nói về môn chủ thể, đối tượng bình đẳng. Nói về môn chủ thể, đối tượng bình đẳng, là nói thể dụng lý trí của người pháp là bình đẳng không có sai biệt. Nghĩa là ba thân là pháp, ứng và hóa thân, cùng với hai lý của thật thật, giả giả, là bình đẳng một thể không sai biệt. Tự tánh nơi thân vốn có và thân thị hiện, là bình đẳng một thể không

sai biệt. Chánh trí của chủ thể chứng đắc và như lý của đối tượng được chứng đắc là bình đẳng một thể không sai biệt. Do một thể nên không có hai thể, không có hai thể nên cũng không có một thể. Không hai, không một tức cũng không luôn cả không. Do nghĩa này nên bản tánh tự nhiên có đầy đủ công đức không nhờ vào tha lực. Trong Khế kinh Thâm Thâm Cực Diệu nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền thưa với Đức Phật: Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng dị dị dị? Thế nào gọi là tướng đồng đồng đồng? Đức Phật nói: Gọi là tướng dị dị dị, tức là vô minh. Gọi là tướng đồng đồng đồng, tức là pháp minh. Hai pháp như vậy như hai sừng của con bò. Tướng đối trị không phải là tiêu tan mà dung hợp thể như hai thứ không tuyệt. Vì vậy hai pháp này gọi là chẳng phải quán pháp hư giả. Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tức vâng theo thần lực của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật: Thế Tôn! Thế nào gọi là chẳng phải pháp quán hư giả? Tướng ấy là có thể nói hay không thể nói, lấy gì làm môn tương ưng để nhận biết? Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền bảo Văn-thù-sư-lợi: Trong biển lớn của tất cả các Khế kinh Ta đã giảng nói như vậy: Dị là vô minh, đồng là minh. Vì nhằm độ thoát cho hạng phàm phu ngu tối, nên theo phương tiện nêu bày như thế. Nhưng hôm nay vì ông Ta giảng nói chân thật về pháp ấy. Nay Văn-thù-sư-lợi! Nói chẳng phải là pháp quán hư giả, là đồng dị quy về đồng, đồng đồng quy về không, không không quy về tuyệt, cho đến nói rộng”. Như Bản luận viết: “Do có trí đại phương tiện như vậy, trừ diệt vô minh thấy rõ pháp thân vốn có, tự nhiên mà có vô số thứ dụng của hành nghiệp không thể nghĩ bàn, tức cùng với chân như bình đẳng hiện hữu khắp tất cả xứ”.

Đã nói về môn chủ thể, đối tượng bình đẳng. Tiếp theo là nói về môn vô tướng hiện ứng. Nói môn vô tướng hiện ứng: Là thể của thân tự tánh thì không tịch, không có hình tượng, có năng lực hiện các hình tượng. Ví như sừng thỏ thì thể của nó là hoàn

toàn không có, khéo có thể sinh ra tất cả loại sùng. Nghĩa là pháp thân Phật chỉ là một một, chỉ là tịch tĩnh, cũng không phải là một một, cũng không phải là tịch tĩnh, là xứ tâm hành diệt, đạo ngôn ngữ đoạn, mà diệt diệt đoạn đoạn chỉ là không làm thành không. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai chỉ từ nơi tự thân không có tha thân. Nhưng các chúng sinh thấy nghe đạt được lợi ích, là từ trong tâm lượng thu được lợi ích, vì trong thể của pháp thân không có quan hệ. Như Bản luận viết: “Lại cũng không có tướng dụng để có thể thủ đắc. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai chỉ là pháp thân, là thân của trí tướng, là đệ nhất nghĩa đế, không có cảnh giới của thế đế, lia nơi hành tác, chỉ tùy theo chúng sinh thấy nghe có được lợi ích nên nói là dụng”.

Đã nói về môn vô tướng hiện ứng. Tiếp theo là nói về môn tùy thấy thô tế. Theo trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn ứng thân dụng tướng sai biệt. Hai là môn báo thân dụng tướng sai biệt. Môn đầu là thế nào? Đó gọi là hết thấy phạm phu, hàng Nhị thừa, vì không thể thông tỏ về tất cả các pháp chỉ là dụng lượng của một tâm nơi tông chỉ thâm diệu. Dựa nơi sự thức vọng tướng phân biệt khắp thấy ứng hóa thân tạo sự hiểu biết của ngoại lượng, không thể thông đạt, không có phân giới, chuyển đổi phân biệt. Như Bản luận viết: “Dụng này có hai loại. Những gì là hai loại? Một là dựa vào sự thức phân biệt là đối tượng thấy biết của tâm phạm phu, Nhị thừa, gọi là ứng thân, vì không nhận biết là từ chuyển thức hiện, nên thấy từ bên ngoài, đến giữ lấy hình sắc nơi giới hạn có sai biệt, tức không thể nhận biết hết”. Môn tiếp theo nói về gì? Đó gọi là tất cả Bồ-tát từ vị tín giải thứ nhất cho đến địa kim cương, thông đạt sáng rõ về tất cả các pháp, chỉ là dụng lượng của một tâm tông chỉ thâm diệu. Dựa vào thức nghiệp ấy thấy rõ báo thân Phật, tạo sự hiểu biết chỉ do thức, thông tỏ y chánh không có giới hạn sai biệt. Như Bản luận viết: “Hai là dựa vào thức nghiệp, nghĩa là đối tượng thấy biết của tâm các vị Bồ-tát

từ mới phát tâm, cho đến Bồ-tát ở địa sau cùng, gọi là báo thân. Thân có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Dựa vào quả vị đã an trụ cũng có vô lượng các thứ trang nghiêm, tùy theo nơi chốn thị hiện, tức không có biên vực nào là không thể cùng tận, lìa tướng giới hạn có sai biệt, tùy theo chỗ ứng hợp, luôn có thể trụ giữ, không hoại, không mất”.

Từ đây tiếp xuống là nêu rõ về tướng sai biệt của báo thân và ứng thân. Nói là báo: Là có đủ nhân thắng diệu thọ nhận quả cực vui, tự nhiên tự tại quyết định an lạc, xa lìa tướng khổ nên gọi là báo. Như Bản luận viết: “Công đức như vậy đều nhân nơi các Ba-la-mật, cùng hành vô lậu huân tập và thành tựu sự huân tập không thể nghĩ bàn, đầy đủ vô lượng tướng lạc nên gọi là báo. Nói là ứng: Là tùy thuận căn cơ nhưng không trái nhau, tùy thời, tùy xứ, tùy nẻo mà xuất hiện, không phải tướng an lạc nên gọi là ứng. Như Bản luận viết: “Lại, đối tượng thấy biết của hàng phàm là sắc thô kia, tùy theo sáu đường đều thấy không đồng, vô số chủng loại khác nhau, không phải là thọ nhận tướng lạc nên nói là ứng”.

Từ đây tiếp xuống là lại tạo giải thích lần nữa, làm rõ về những điều đã nói ở trước. Đó gọi là nơi vị vị đều thấy Phật có tăng giảm sai khác. Nghĩa này là thế nào? Nếu các Bồ-tát của vị ba Hiền, vì tin chân như, thấy được phần báo thân, quán biết sắc tướng không có lượng giới hạn sai biệt. Nhưng các Bồ-tát này không thể lìa khỏi tâm phân biệt. Vì sao? Vì chưa thể hội nhập phần vị chân như. Như Bản luận viết: “Lại nữa, đối tượng thấy biết của hàng Bồ-tát mới phát tâm là do vui tin sâu vào pháp chân như, nên thấy được phần ít, nhận biết các sự việc như trang nghiêm v.v... của sắc tướng kia, không đến không đi, lìa nơi giới hạn sai biệt, chỉ dựa vào tâm hiện không lìa chân như. Nhưng các Bồ-tát này cũng còn tự phân biệt, vì chưa hội nhập phần vị pháp thân”. Nếu các vị Bồ-tát đạt đến mười địa, thì như thứ lớp ấy chuyển thành cứu cánh

thù thắng. Như Bản luận viết: “Nếu đạt được tâm tịnh tức đã thấy sắc thân vi diệu thì dụng kia chuyển thắng, cho đến Bồ-tát nơi địa sau cùng thì thấy hoàn toàn”. Nếu trong quả Phật, thức nghiệp được gieo trồng từ trước không thực có, thì chủ thể nhận biết và đối tượng được nhận biết cũng lại hoàn toàn không có. Vì sao? Vì hết thảy chư Phật là chân như chân như, bình đẳng bình đẳng. Pháp thân pháp thân là bình đẳng bình đẳng, không đây không kia, không ngã không tha, không lớn không nhỏ, không cao không thấp, không không không có, hý luận đều hết, suy nghĩ nhận biết cũng không, chỉ một đại không là bản trí của chân như. Mặc áo Già già lợi sa na đề, ở nơi cung Kiện thì đa đà ma, thân tự tánh an tọa chỉ riêng còn không hai. Như Bản luận viết: “Nếu lià thức nghiệp thì không thấy tướng, vì pháp thân của chư Phật không có sắc tướng đây kia, lần lượt cùng thấy”. Vì sao trong chương Ứng Thân giảng nói như vậy: “Dựa nơi thức phân biệt sự mà thấy Phật kia”. Trong chương Báo Thân thì nói như vậy: “Dựa nơi thức nghiệp mà thấy Phật kia”. Đó là vì muốn nêu rõ tùy theo thức thô tế mà thân Phật được thấy cũng theo đây có thô tế.

Đã nói về môn tùy thấy thô tế. Tiếp theo là nói về môn nêu hỏi đáp để trừ bỏ nghi. Ở nơi môn này có hai. Những gì là hai? Một là hỏi. Hai là đáp. Trong môn nêu đáp tức có năm môn. Những gì là năm? Một là môn pháp thân xuất hiện sắc tướng. Hai là môn hiển thị hình tướng trí thân. Ba là môn hiển thị hình tướng pháp thân. Bốn là môn quang đại viên mãn không biên giới. Năm là môn thù thắng không thể nghĩ bàn. Đây gọi là năm môn. Như thứ lớp ấy đã nói về tướng có thể quán xét.

Ý lạc của người hỏi tướng ấy là thế nào? Đó là người hỏi nêu nghi vấn như vậy: Tự thể chân thật của pháp thân kia tất là thăm thăm dứt bật suy lường, tịch tĩnh danh đoạn. Vậy thì sắc tướng tạo nghiệp do gì mà có? Trong phần quyết trạch về vô tướng hiện

ứng đã giảng nói như vậy: Pháp thân vô tướng có thể hiện bày sắc tướng. Nếu có thể xuất hiện vô số sắc tướng, thì không thể nói cho pháp thân là không tịch lia hẳn lãnh vực sắc tượng. Nghi hoặc như vậy nên phát khởi câu hỏi này. Như Bản luận viết: “Hỏi: Nếu pháp thân của chư Phật lia nơi sắc tướng, thì vì sao có thể hiện bày sắc tướng?”. Từ đây trở xuống chính là trừ bỏ nghi này. Nói về môn pháp thân xuất hiện sắc tướng, là tự tánh nơi pháp thân có thể vì sắc tướng làm nơi chốn nương dựa nên khéo xuất hiện sắc tướng không có chướng ngại. Vì sao? Vì sắc pháp của chủ thể nương dựa và tâm pháp của đối tượng được nương dựa, từ vô thủy đến nay là bình đẳng bình đẳng, không có hai thể, chỉ là một tâm lượng. Như Bản luận viết: “Đáp: Tức pháp thân này là thể của sắc nên có thể hiện nơi sắc. Đó gọi là từ xưa đến nay sắc tâm là không hai”. Nói về môn hiển thị hình tướng trí thân: Là dùng trí gồm thấu sắc, không có mỗi một sắc nào mà không phải là trí, nên gọi là trí thân. Như Bản luận viết: “Vì tánh của sắc tức là trí, thể của sắc là vô hình nói là trí thân”. Nói về môn hiển thị hình tướng pháp thân: Là dùng sắc gồm thấu trí, không có mỗi một trí nào mà không phải là sắc, nên gọi là pháp thân. Như Bản luận viết: “Do tánh của trí tức là sắc, nên nói là pháp thân”. Nói về môn quảng đại viên mãn không biên giới, thì hai thân như vậy là đã hiện sắc tướng, bình đẳng khắp nơi trong cảnh giới của tất cả chúng sinh, cảnh giới của tất cả hàng phi tình, cảnh giới của tất cả hư không, cảnh giới của tất cả Niết-bàn, cảnh giới của tất cả Như Lai, không nơi nào là không thông suốt, không chốn nào là không đi đến, không phương nào là không thích hợp, không chỗ nào là không tụ hội, không hướng nào là không tạo tác, cũng không có phần hạn, cũng không có chướng ngại, thuần thuần nhất nhất không cùng lẫn lộn. Như Bản luận viết: “Sắc đã hiện rõ khắp tất cả xứ không có giới hạn, tùy theo tâm có thể hiện bày khắp mười phương thể giới, vô lượng

Bồ-tát, vô lượng báo thân, vô lượng trang nghiêm, mỗi mỗi đều sai biệt, đều không có phân hạn, nhưng không ngăn ngại nhau”.

Nói về môn thù thắng không thể nghĩ bàn: Tức nghiệp dụng như vậy là rất sâu xa, hết sức vi diệu độc tôn thù thắng, không phải là nơi chốn có thể nhận biết của hàng phàm phu, Nhị thừa. Như Bản luận viết: “Điều này không phải là tâm thức phân biệt có thể nhận biết, do chính nơi dụng tự tại của chân như”. Như vậy, ba loại nghĩa của đại thâm diệu, trong hai thứ môn làm thế nào để an lập? Nghĩa là trong môn chân như thì ba loại nghĩa của đại, chỉ đều lập một, không cùng lập hai. Nếu trong môn sinh diệt thì ba loại nghĩa của đại tức cả ba loại nghĩa ấy đều song lập đầy đủ, vì không có trước sau để lấy đó làm sai khác. Vì thế trong Khế kinh Đại Ấn Đà La Võng Thí Dụ đã giảng nói như vậy: “Có nghĩa của thể đại thì không có tướng và dụng. Có nghĩa của tướng đại thì không có Thể và dụng. Có nghĩa của dụng đại thì không có Thể và tướng. Như vậy, ba đại có một thứ nhất không có một thứ hai. Lại nữa, có nghĩa của thể đại tức nên có tướng dụng. Có nghĩa của tướng đại tức nên có Thể dụng. Có nghĩa của dụng đại tức nên có Thể tướng. Như vậy, ba đại tùy thuận có một thứ nhất, có một thứ hai, không cùng lìa nhau”. Các thứ tướng còn lại, trong phần quyết trạch kết nối tổng trì tự sẽ nêu rõ về lý.

Đã nói về môn hiển thị ba loại nghĩa đại. Tiếp theo là nói về môn tự nhập môn phá dị môn.

* *Bản luận viết*: Lại nữa, hiện bày rõ là từ môn sinh diệt tức nhập nơi môn chân như. Đó gọi là suy tìm sắc của năm ấm cùng với tâm và cảnh giới của sáu trần rốt ráo là không niệm. Vì tâm không có hình tướng, cầu tìm khắp mười phương rốt cuộc là không thể đạt được. Như người mê lầm nên cho phương Đông phương Tây thật sự phương hướng không chuyển đổi. Chúng sinh cũng như vậy, vì vô minh làm cho mê hoặc nên nói tâm là niệm, thật

sự thì tâm không động. Nếu có thể quán xét nhận biết tâm không khởi, tức được tùy thuận nhập nơi môn chân như.

* *Luận giải thích*: Nay văn của Luận này là nêu rõ về nghĩa gì? Vì nhằm đối trị các thứ dị chấp về rộng hẹp lớn nhỏ. Thế nào là dị chấp? Nghĩa là có chúng sinh khởi chấp như vậy: Tâm của một pháp giới là pháp gốc ấy thì cũng rộng cũng lớn. Hai môn chân vọng là pháp ngọn kia tức cũng hẹp cũng nhỏ. Do nhằm đối trị chấp trước này nên nêu bày như vậy: Môn cũng là đối tượng hội nhập, cùng với lượng căn bản là như nhau. Lại nữa, vì muốn hiển thị trong môn chân như không có tướng sai biệt của pháp hữu vi. Lại nữa, vì muốn hiển thị trí của năm ấm là không, như ấm của đối tượng không thì tự thể là hoàn toàn không. Do chủ thể không và đối tượng không này đều là không, tức nhập nơi môn chân như bình đẳng. Lại nữa, vì nhằm hiển bày chỉ rõ về môn sinh diệt là giả, môn chân như là thật. Như Bản luận viết: “Lại nữa, nêu rõ từ môn sinh diệt tức nhập nơi môn chân như. Đó là suy cầu sắc của năm ấm cùng với tâm và cảnh giới của sáu trần, rốt ráo là không có niệm, vì tâm không có hình tướng, nên cầu tìm khắp mười phương rốt cuộc là không thể đạt được”. Do nghĩa nào mà trong môn thí dụ, đông phương dụ cho giác, tây phương dụ cho niệm? Vì muốn nêu rõ về Bát nhã của bản giác, xuất hiện ánh sáng của trí tuệ thanh tịnh, chiếu sáng nơi đêm tối của sinh tử u minh. Ví như vàng mặt trời xuất hiện rồi, thì tỏa ra ánh sáng tịnh xua tan màn đêm của thế gian. Vô minh trụ địa xuất sinh các loại quuyến thuộc của pháp nhiễm, che lấp vô lượng ánh sáng của trí tuệ thanh tịnh nơi tánh vô lậu. Ví như vàng mặt trời đã lặn rồi, thì đêm tối bao trùm tất cả ngăn che mắt thanh tịnh phân biệt nhận biết rõ. Như Bản luận viết: “Như người mê lầm nên cho phương đông là phương tây, thật sự thì phương hướng không chuyển đổi. Chúng sinh cũng như vậy, vì vô minh làm cho mê hoặc nên cho tâm là niệm, thật sự thì tâm không động”. Từ đây tiếp xuống là nêu rõ về tướng đạt

được lợi ích. Nghĩa là có chúng sinh nhận biết rõ tâm pháp không có chủ thể dấy khởi và đối tượng dấy khởi là tướng sai khác, tức được thành tựu chân như tùy thuận, tức được thành tựu chân như đắc nhập. Vì không có tùy thuận thì không có đắc nhập. Như Bản luận viết: “Nếu có thể quán xét nhận biết tâm không dấy khởi, thì được tùy thuận nhập nơi môn chân như”.

Đã nói về môn tự nhập môn phá dị môn. Tiếp theo là nói về môn chánh giải đối trị tà chấp.

* *Bản luận viết*: Đối trị tà chấp: Là tất cả tà chấp đều dựa vào ngã kiến. Nếu lìa nơi ngã thì không có tà chấp. Ngã kiến này có hai loại. Những gì là hai loại? Một là ngã kiến của người. Hai là ngã kiến của pháp. Ngã kiến của người là dựa nơi các phàm phu, nói có năm loại. Những gì là năm loại?

Một là nghe kinh giáo nói về pháp thân của Như Lai hoàn toàn vắng lặng cũng như hư không. Do không nhận biết điều ấy là để phá trừ chấp trước, liền cho hư không là tánh của Như Lai. Đối trị như thế nào? Là nêu rõ về tướng hư không là pháp vọng, thể không có, không thật, vì đối với sắc nên có là tướng có thể thấy khiến tâm sinh diệt. Do tất cả sắc pháp xưa nay là tâm, thật sự không có sắc ngoài. Nếu không có sắc thì không có tướng của hư không. Đó gọi là tất cả cảnh giới chỉ do tâm vọng khởi nên có. Nếu tâm lìa nơi vọng động thì tất cả cảnh giới diệt, chỉ một chân tâm không nơi chốn nào là không hiện khắp. Đây gọi là nghĩa thuộc tánh trí quảng đại cứu cánh của Như Lai, không phải như tướng của hư không.

Hai là nghe kinh giáo nói các pháp của thế gian thể rốt ráo là không. Cho đến pháp chân như Niết-bàn cũng rốt ráo là không. Từ xưa đến nay tự là không lìa tất cả tướng. Vì không nhận biết đây là để phá trừ chấp trước, liền cho tánh của chân như Niết-bàn chỉ

là không. Đối trị như thế nào? Là nêu rõ tự thể của pháp thân chân như là chẳng không, vì có đầy đủ vô lượng tánh công đức.

Ba là nghe kinh giáo nói Như Lai tạng không có tăng giảm, thể gồm đủ pháp của tất cả công đức. Vì không hiểu nên tức cho: Như Lai tạng có pháp sắc tâm và tự tướng sai biệt. Đối trị như thế nào? Do chỉ dựa vào nghĩa chân như để nói nên nhân nơi nghĩa của pháp nhiệm sinh diệt hiện rõ để nói về sai biệt.

Bốn là nghe kinh giáo nói tất cả pháp như nhiệm của thế gian như sinh tử đều dựa vào Như Lai tạng mà có, vì tất cả các pháp không lìa nơi chân như. Do không hiểu rõ nên cho tự thể của Như Lai tạng có đủ tất cả các pháp như sinh tử v.v... của thế gian. Đối trị như thế nào? Vì Như Lai tạng từ xưa đến nay chỉ có các nghĩa của chân như không lìa không không khác và các công đức tịnh vượt quá Hằng sa số. Do các pháp nhiệm như phiền não vượt quá Hằng sa số, chỉ là vọng có, tánh tự vốn không, nên từ vô thủy đời kiếp đến nay chưa từng cùng với Như Lai tạng tương ưng. Nếu thể của Như Lai tạng có pháp vọng mà khiến chứng đắc hội nhập, vĩnh viễn dứt trừ pháp vọng, thì không có điều ấy.

Năm là nghe kinh giáo nói dựa vào Như Lai tạng nên có sinh tử, dựa vào Như Lai tạng nên được Niết-bàn. Do không hiểu rõ nên cho chúng sinh là có bắt đầu. Vì thấy có bắt đầu, nên lại cho Niết-bàn do Như Lai đạt được là có chung cuộc chấm dứt, tức trở lại làm chúng sinh. Đối trị như thế nào? Vì Như Lai tạng không có đời trước, nên tướng của vô minh cũng không có bắt đầu. Nếu nói ngoài ba cõi lại có chúng sinh mới sinh khởi, tức là kinh sách của ngoại đạo nói. Lại, Như Lai tạng không có đời sau, vì Niết-bàn của chư Phật đạt được là cùng với đầy tương ưng, nên Niết-bàn ấy không có đời sau.

Ngã kiến của pháp là dựa vào hàng độn căn của Nhị thừa. Như Lai chỉ vì họ giảng nói về người vô ngã, vì thuyết giảng

không rớt ráo, nên họ thấy có pháp sinh diệt của năm âm, sợ hãi sinh tử, nên vọng giữ lấy Niết-bàn. Đối trị như thế nào? Vì pháp của năm âm, tự tánh là không sinh, thì không có Niết-bàn xưa nay diệt. Lại nữa, hoàn toàn lia vọng chấp, nên biết pháp nhiễm pháp tịnh thấy đều là cùng đối đãi, không có tự tướng để có thể nêu bày. Vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay chẳng phải là sắc, chẳng phải là tâm, chẳng phải là trí, chẳng phải là thức, chẳng phải là có, chẳng phải là không, hoàn toàn không thể nói về tướng. Nhưng có ngôn thuyết, nên biết là Đức Như Lai đã dùng phương tiện thiện xảo, mượn ngôn ngữ diễn tả để dẫn dắt chúng sinh. Tông chỉ sâu xa kia đều là nhằm lia niệm quy về chân như, do niệm về tất cả các pháp thì khiến tâm sinh diệt không hội nhập với thật trí.

** Luận giải thích:* Tức trong văn này tự có bốn môn. Những gì là bốn môn? Một là môn nêu rõ về tông tướng căn bản. Hai là môn nêu rõ về đối trị nhân kiến. Ba là môn nêu rõ về đối trị pháp kiến. Bốn là môn nêu rõ câu phi tuyệt ly. Đó gọi là bốn môn.

Nói về môn nêu rõ về tông tướng căn bản: Là vô lượng vô biên tất cả tà đạo vượt quá Hằng sa số, vô lượng vô biên tất cả định chấp vượt quá Hằng sa số, đều lấy ngã kiến làm nơi chôn nương dựa của mình, sinh ra và tăng trưởng lại không có trọn vẹn, vì những thứ tà chấp này làm căn bản. Do vậy trong Khế kinh Vô Minh Trụ Địa Vô Biên Tế giảng nói như sau: “Tất cả vô lượng các loại biển tà luận hư vọng đã lấy núi lớn ngã kiến làm nơi nương dựa để chuyển biến. Ví như tất cả vô lượng vô biên các loại cây rừng, các loại cỏ cây, thấy đều lấy núi làm nơi nương dựa để chuyển biến”. Như Bản luận viết: “Đối trị tà chấp là tất cả tà chấp đều dựa nơi ngã kiến. Nếu lia nơi ngã thì không có tà chấp. Ngã kiến này có hai loại. Những gì là hai loại? Một là ngã kiến của người. Hai là ngã kiến của pháp”.

Đã nói về môn nêu rõ về tông tướng căn bản. Tiếp theo là nói về môn nêu rõ về sự đối trị nhân kiến. Nói về môn nêu rõ về sự đối trị nhân kiến: Chính là đối trị tà định tụ và bất định tụ, là những lỗi lầm của tất cả hàng phàm phu đã chấp sai lạc, để sinh khởi kiến giải thắng diệu. Tướng riêng để đối trị chướng ngại của năm loại nhân kiến phần văn đã nêu rõ nên không cần giải thích lại. Lại nữa, không có gì là chính yếu. Như Bản luận viết: “Ngã kiến của người là dựa vào các phàm phu để nói có năm loại... cho đến nói rộng. Lại nữa, Như Lai tạng không có đời sau, Niết-bàn của chư Phật đã chứng đắc cùng với Như Lai tạng kia tương ưng tức Niết-bàn không có đời sau”.

Đã nói về môn nêu rõ về sự đối trị nhân kiến. Tiếp theo là nói về môn nêu rõ về sự đối trị pháp kiến. Nói về môn nêu rõ về sự đối trị pháp kiến: Là trực tiếp đối trị lỗi lầm của hàng Nhị thừa choc so sánh là thật có, khiến thành tựu được lý lớn của pháp không. Tướng riêng để đối trị chướng ngại của hai loại pháp kiến, trong văn đã nêu rõ nên không cần giải thích lại. Như Bản luận viết: “Ngã kiến của pháp là dựa vào hàng độn căn của Nhị thừa. Như Lai chỉ vì giảng nói về nhân vô ngã... cho đến nói rộng. Tức không có Niết-bàn xưa nay diệt”.

Đã nói về môn nêu rõ về sự đối trị pháp kiến. Tiếp theo là nói về môn nêu rõ về câu phi tuyệt ly. Nói về môn nêu rõ về câu phi tuyệt ly (cùng dứt lìa cả hai): Là nếu như có chúng sinh trừ bỏ được hai chấp, chứng đắc hai không, thông đạt các pháp là đạo ngôn ngữ đoạn, xứ tâm hành diệt, đoạn trừ lại đoạn trừ, soi chiếu vắng lặng, diệt hết lại diệt hết, suy lường chấm dứt, không có đối tượng thông đạt. Như Bản luận viết: “Lại nữa, rốt ráo lìa vọng chấp, nên biết pháp nhiễm pháp tịnh thấy đều là cùng đối đãi, không có tự tướng để có thể nêu bày. Vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay chẳng phải là sắc, chẳng phải là tâm, chẳng phải là

trí, chẳng phải là thức, chẳng phải là có, chẳng phải là không, hoàn toàn là không thể nói về tướng... cho đến nói rộng, khiến tâm sinh diệt không hội nhập với thật trí”.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 7

Đã nói về môn chánh giải đối trị tà chấp. Tiếp theo là nói về môn phân biệt phát khởi tướng hướng đến đạo.

* *Bản luận viết*: Phân biệt phát khởi tướng hướng đến đạo: Là nói về đạo đã chứng đắc của tất cả chư Phật, là nghĩa hướng đến của tất cả Bồ-tát phát tâm tu hành. Lược nói về phát tâm có ba loại. Những gì là ba loại? Một là phát tâm tín thành tựu. Hai là phát tâm giải hành. Ba là phát tâm chứng đắc. Phát tâm tín thành tựu: Là dựa vào những hạng người nào, tu tập những hành gì, đạt được tín thành tựu để có thể phát tâm? Đó là dựa nơi các chúng sinh thuộc tụ bất định, có sức mạnh của căn thiện đã được huân tập, tin nơi quả báo của nghiệp có thể khởi mười thiện, chán khổ của sinh tử, mong cầu Bồ-đề vô thượng, được gặp chư Phật, thân cận thừa sự cúng dường, tín tâm tu hành, trải qua một vạn kiếp tín tâm thành tựu, chư Phật, Bồ-tát chỉ dạy khiến phát tâm. Hoặc do đại bi nên có thể tự phát tâm. Hoặc nhân nơi chánh pháp sắp bị hủy diệt, vì nhân duyên hộ pháp nên có thể tự phát tâm. Như vậy, người tín tâm thành tựu được phát tâm, nhập nơi tụ chánh định, hoàn toàn không thoái chuyển, gọi là trụ trong chủng tánh của chẳng, tương ưng với chánh nhân. Nếu có chúng sinh căn thiện yếu kém, từ lâu xa đến nay luôn có phiền não sâu dày, tuy được gặp Phật, cũng được cúng dường, nhưng khởi lên chủng tử của hàng trời người, hoặc khởi lên chủng tử của hàng Nhị thừa. Nếu như có người cầu Đại thừa, nhưng căn thì bất định, hoặc tiến hoặc thoái, hoặc có cúng dường chư Phật, nhưng chưa trải qua một vạn

kiếp, ở trong thời gian ấy gặp được duyên cũng có thể phát tâm. Đó gọi là thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm. Hoặc nhân nơi sự việc cúng dường chúng Tăng mà phát tâm. Hoặc nhân nơi người của hàng Nhị thừa chỉ dạy khiến phát tâm. Hoặc học theo người khác mà phát tâm. Những hạng phát tâm như vậy thấy đều là bất định, gặp phải nhân duyên xấu ác tức liền thoái mất rơi vào hàng Nhị thừa.

Lại nữa, phát tâm tín thành tựu thì phát những tâm nào? Lược nói có ba loại. Những gì là ba loại? Một là trực tâm, là chánh niệm về pháp chân như. Hai là thâm tâm, là vui thích tập hợp tất cả các hành thiện. Ba là đại bi tâm, là mong muốn trừ diệt hết khổ của tất cả chúng sinh.

Hỏi: Trên đây nói về pháp giới là một tướng, thể của Phật là không hai, vì sao không chỉ niệm chân như lại còn cầu học các hành thiện?

Đáp: Ví như thể tánh của ngọc báu Đại Ma-ni là sáng sạch nhưng có những cấu bẩn của quặng lẫn vào. Nếu người tuy nhớ nghĩ đến tánh ngọc báu, nhưng không dùng các loại phương tiện để mài giũa tinh luyện thì rốt cuộc không được sáng sạch. Như vậy, pháp chân như của chúng sinh thể tánh là rỗng lặng thanh tịnh, nhưng có vô lượng phiền não cấu nhiễm. Nếu người tuy nhớ nghĩ đến chân như nhưng không dùng các loại phương tiện để tu tập thì cũng không được thanh tịnh. Vì cấu bẩn vô lượng vô biên phủ khắp tất cả các pháp, nên tu tập tất cả hành thiện để làm đối trị. Nếu người tu hành tất cả các pháp thiện, thì tự nhiên quy thuận nơi pháp chân như.

Lược nói về phương tiện thì có bốn loại. Những gì là bốn loại? Một là phương tiện của hành căn bản. Nghĩa là quán tất cả các pháp, tự tánh là không sinh, lìa nơi vọng kiến, không trụ vào sinh tử. Quán tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp, nghiệp quả

không mất, khởi tâm đại bi, tu tập những phước đức, giáo hóa chúng sinh, không trụ vào Niết-bàn, do tùy thuận pháp tánh là không trụ.

Hai là phương tiện có thể làm cho dừng lại. Nghĩa là hổ thẹn, hối hận về những lỗi lầm của mình, có thể ngăn dừng tất cả pháp ác không khiến tăng trưởng, do tùy thuận pháp tánh là lia các lỗi lầm.

Ba là phương tiện phát khởi căn thiện tăng trưởng. Đó là ân cần cúng dường, lễ bái Tam bảo, tán thán tùy hỷ khuyến thỉnh chư Phật, do tâm thuần hậu ái kính Tam bảo, tín lực được tăng trưởng mới có thể lập chí cầu đạt đạo vô thượng. Lại nhân nơi lực của Phật Pháp Tăng gia hộ, có thể tiêu trừ nghiệp chướng, căn thiện không thoái mất, vì tùy thuận pháp tánh thì lia si chướng.

Bốn là phương tiện của đại nguyện bình đẳng. Đó gọi là phát nguyện tận cùng nơi đời vị lai, hóa độ đầy đủ tất cả chúng sinh, đều khiến hoàn toàn đạt đến Niết-bàn vô dư, vì tùy thuận pháp tánh là không có đoạn tuyệt. Pháp tánh rộng lớn hiện bày khắp tất cả chúng sinh bình đẳng không hai, không suy niệm đây kia, hoàn toàn vắng lặng. Bồ-tát phát khởi tâm này thì được thấy một phần pháp thân, do thấy được pháp thân nên thuận theo nguyện lực ấy có thể hiện rõ tám loại lợi ích cho chúng sinh. Đó là từ cung trời Đâu Suất hạ sinh, vào thai, ở trong thai, ra đời, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn. Nhưng Bồ-tát này chưa gọi là pháp thân. Do từ vô lượng đời kiếp quá khứ đến nay, nghiệp hữu lậu chưa thể đoạn trừ hoàn toàn, tùy theo nơi sinh ra ấy cùng với những thứ khổ vi tế tương ưng. Cũng không phải là nghiệp trôi buộc, vì có lực tự tại của đại nguyện. Như trong Khế kinh hoặc nói có người thoái đọa vào nẻo ác, không phải là thoái đọa thật sự, chỉ vì hàng Bồ-tát mới tu học chưa nhập nơi chính vị, mà lại biếng trễ nên làm cho sợ hãi khiến sinh dừng mãi. Lại, Bồ-tát này sau

một lần phát tâm là đã xa lìa tâm ý khiếp nhược, hoàn toàn không sợ rơi vào địa Nhị thừa. Nếu như nghe nói phải trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, siêng năng chịu khổ hành trì những việc khó làm mới đạt được Niết-bàn, thì cũng không khiếp nhược, vì tin biết tất cả pháp từ xưa đến nay là tự Niết-bàn.

Phát tâm giải hành, nên biết là chuyên thắng, vì Bồ-tát này từ bắt đầu chánh tín đến nay, ở nơi A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất sắp sửa đầy đủ, đối trong pháp chân như đã hiểu biết sâu, hiện tiền tu tập pháp lìa tướng, do nhận biết thể của pháp tánh là không tham lam keo kiệt, nên tùy thuận tu hành bố thí Ba-la-mật. Do nhận biết pháp tánh là không nhiễm và lìa lỗi lầm của năm dục, nên tùy thuận tu hành trì giới Ba-la-mật. Do nhận biết pháp tánh là không khổ và lìa sân nã, nên tùy thuận tu hành nhẫn nhục Ba-la-mật. Do nhận biết pháp tánh không có tướng thân tâm và lìa dứt lười nhác, nên tùy thuận tu hành tinh tấn Ba-la-mật. Do nhận biết pháp tánh luôn ổn định và thể không tạp loạn, nên tùy thuận tu hành thiền định Ba-la-mật. Do nhận biết pháp tánh thể là sáng tỏ xa lìa vô minh, nên tùy thuận tu hành trí tuệ Ba-la-mật.

Phát tâm chứng đắc: Là từ địa tâm tịnh cho đến địa sau cùng của Bồ-tát đã chứng đắc cảnh giới nào? Đó gọi là chân như, vì dựa vào thức chuyển nên nói là cảnh giới, nhưng sự chứng đắc này không có cảnh giới, chỉ có trí của chân như gọi là pháp thân. Bồ-tát này ở trong khoảnh khắc một niệm có thể đi đến đủ khắp mười phương thế giới, cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, chỉ vì mở bày dẫn dắt tạo lợi ích cho chúng sinh, không dựa vào văn tự. Hoặc thị hiện vượt các địa, nhanh chóng thành tựu chánh giác, chỉ vì hạng chúng sinh khiếp nhược. Hoặc nói là Ta ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp sẽ thành tựu Phật đạo, chỉ vì hạng chúng sinh khinh mạn lười nhác. Có thể thị hiện vô số phương tiện không thể nghĩ bàn như vậy, nhưng thật sự thì căn trí chủng tánh của Bồ-

tát là bình đẳng, phát tâm tức bình đẳng thì đối tượng chứng đắc cũng bình đẳng, không có pháp nào là vượt hơn. Vì tất cả Bồ-tát đều trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, nhưng tùy theo thế giới của chúng sinh không đồng, chỗ thấy nghe cùng căn tánh, sự mong muốn đều khác, nên thị hiện nẻo hành hóa cũng có sai biệt.

Lại, Bồ-tát này về tướng phát tâm có ba loại tâm với tướng vi tế. Những gì là ba loại? Một là tâm chân, không có phân biệt. Hai là tâm phương tiện, tự nhiên hành hóa khắp nơi tạo lợi ích cho chúng sinh. Ba là tâm nghiệp thức, là khởi diệt rất vi tế.

Lại, công đức của Bồ-tát này thành tựu đầy đủ, ở nơi xứ sắc cứu cánh, thị hiện thân cao lớn nhất trong tất cả thế gian. Nghĩa là do một niệm tương ưng với tuệ thì vô minh lập tức diệt hết, gọi là nhất thiết chủng trí, tự nhiên mà có hành nghiệp không thể nghĩ bàn, có thể hiện khắp mười phương tạo lợi ích cho chúng sinh.

Hỏi: Hư không vô biên nên thế giới vô biên. Thế giới vô biên nên chúng sinh vô biên. Chúng sinh vô biên nên tâm hành sai biệt cũng lại vô biên. Cảnh giới như vậy là không thể nói về giới hạn sai biệt, khó nhận biết, khó lãnh hội. Nếu vô minh đoạn dứt không có tâm tướng, vì sao có thể hiểu rõ gọi là nhất thiết chủng trí?

Đáp: Tất cả cảnh giới xưa nay là một tâm lìa nơi tướng niệm. Do chúng sinh vọng thấy cảnh giới nên tâm có giới hạn sai biệt. Do vọng khởi tướng niệm không xứng hợp với pháp tánh, nên không thể nhận biết rõ. Chư Phật Như Lai lìa nơi kiến tướng, không nơi nào là không hiện bày khắp, vì tâm chân thật tức là tánh của các pháp, tự thể hiển hiện soi chiếu tất cả các pháp vọng, có diệu dụng của đại trí, tạo vô lượng phương tiện, tùy theo các chúng sinh nên được hiểu biết, đều có thể khai thị vô số pháp nghĩa, vì vậy được gọi là nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Nếu chư Phật có nghiệp tự nhiên, có thể hiện ở tất cả xứ làm lợi ích cho chúng sinh, thì tất cả chúng sinh hoặc trông thấy

thân ấy, hoặc nhìn thấy các sự thần biến, hoặc nghe được những giáo thuyết kia, tức không có chúng sinh nào không được lợi ích. Vì sao ở thế gian nhiều người không thể nhìn thấy?

Đáp: Pháp thân của chư Phật Như Lai là bình đẳng hiện hữu khắp tất cả xứ không có tác ý, nên nói là tự nhiên, chỉ dựa vào tâm chúng sinh hiện bày. Tâm chúng sinh cũng như chiếc gương, nếu gương có cấu bần thì sắc tượng không hiện. Như vậy, tâm chúng sinh nếu có cấu nhiễm thì pháp thân không hiện bày.

* *Luận giải thích*: Ở trong văn này tự có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu chung giải thích chung. Hai là môn giải thích riêng, nói chi tiết. Đó gọi là hai môn. Trong môn thứ hai tự có ba môn. Những gì là ba môn? Một là môn phân tích về ba loại phát tâm. Hai là môn phát khởi hỏi đáp để trừ bỏ nghi. Ba là môn hỏi đáp nhân luận sinh luận. Đó gọi là ba môn. Nội dung nêu bày có thể thấy rõ.

Nói về môn nêu chung, giải thích chung: Là muốn hiển thị tức trong môn phân biệt phát khởi tướng hướng đến đạo này, có vô lượng vô biên chư Phật trong ba đời đã phát biển thệ nguyện, đã thực hành biển nhân, đã chứng đạt biển quả, đã giáo hóa biển đồ chúng. Vô lượng vô biên hết thảy các chúng Bồ-tát nơi ba đời như vậy, như vậy như như, theo bước chân trước, thuận hành nên chuyển. Như thứ lớp ấy không vượt số lượng, không quá vị địa là nghĩa hướng nhập. Lại nữa, vì nhằm nêu bày rõ như hết thảy chư Phật không có quy tắc hướng đến, tất cả Bồ-tát ở trong chỗ không có quy tắc hướng đến kia là như như hành hóa. Như Bản luận viết: “Phân biệt phát khởi tướng hướng đến đạo là nói về đạo đã chứng đắc của hết thảy chư Phật, là nghĩa của tất cả Bồ-tát phát tâm tu hành hướng tới”.

Đã nói về môn nêu chung, giải thích chung. Tiếp theo là nói về môn giải thích riêng, nói chi tiết. Trong môn này có ba môn,

như thứ lớp ấy nên xét chọn kỹ. Ở trong môn thứ nhất đã phân tích về ba loại phát tâm tức có ba loại, nên tự có ba thứ môn. Những gì là ba thứ môn? Một là môn phát tâm tín thành tựu. Hai là môn phát tâm giải hành. Ba là môn phát tâm chứng đắc. Đó là ba thứ môn. Như Bản luận viết: “Lược nói về phát tâm có ba loại: (1) Phát tâm tín thành tựu. (2) Phát tâm giải hành. (3) Phát tâm chứng đắc”. Căn cứ theo môn thứ nhất tức có ba môn. Những gì là ba môn? Một là môn phát khởi mở ra câu hỏi để nêu chung. Hai là môn hiển thị câu trả lời giải thích để nói rộng. Ba là môn phát khởi hỏi đáp để trừ bỏ nghi. Đó gọi là ba môn. Nơi môn thứ nhất và thứ hai có hai thứ lặp lại, nên quán xét kỹ. Căn cứ trong môn thứ nhất phát khởi mở ra câu hỏi để nêu chung có bốn ý. Những gì là bốn ý? Một là ý giả định, hỏi về người của chủ thể tu tập. Hai là ý hành tướng, hỏi về hành của đối tượng tu tập. Ba là ý tự phân biệt, hỏi về những thứ được thành tựu. Bốn là ý hướng thượng, hỏi về tướng thắng tấn. Như Bản luận viết: “Phát tâm tín thành tựu, là dựa nơi những người nào, tu tập những hành gì, đạt được tín thành tựu để có thể phát tâm?”.

Đã nói về môn phát khởi mở ra câu hỏi để nêu chung. Tiếp theo là nói về môn hiển thị câu trả lời giải thích để nói rộng. Theo trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn tùy theo câu hỏi lần lượt trả lời giải thích. Hai là môn nêu ra chỗ kém làm rõ chỗ hơn để sinh kiến giải. Trong môn đầu tức có sáu môn. Những gì là sáu môn? Một là môn hiển thị giả định tu hành. Hai là môn tự nhiên vốn có huân tập. Ba là môn hiển thị công năng tu hành. Bốn là môn thời lượng tín tâm thành tựu. Năm là môn hiển thị nhân duyên phát tâm. Sáu là môn hiển thị về vị đạt được lợi ích thù thắng. Đó gọi là sáu môn.

Nói về môn hiển thị giả định tu hành: Nghĩa là tuy chúng sinh được giáo hóa là vô lượng vô biên, nhưng hiện nay trong xứ này

lại chọn lấy các chúng sinh thuộc về tụ bất định gồm thâu mười tín . Vì sao? Vì muốn khiến giáo hóa ba phẩm chúng sinh thuộc tụ bất định, thành tựu đầy đủ mười loại tín tâm, quyết định an lập trụ mới phát tâm của Bồ-tát mười trụ trong phần vị kim cang bất biến. Như Bản luận viết: “Đó gọi là dựa nơi chúng sinh thuộc tụ bất định”.

Nói về môn tự nhiên vốn có huân tập: Nghĩa là trong sự tương tục của chúng sinh như vậy, từ vô thủy đời kiếp đến nay, luôn có Phật tiềm ẩn trong bản giác, thường xuyên huân tập căn thiện của chúng sinh khiến tăng trưởng. Như Bản luận viết: “Vì có sức mạnh huân tập căn thiện”.

Nói về môn hiển thị công năng tu hành: Nghĩa là vô số các chúng sinh thuộc tụ bất định, tin nơi quả báo của nghiệp nhân tợ như có, chẳng không, là đạo lý của nhân duyên hòa hợp. Nhận biết lỗi lầm của mười ác, dấy khởi tác ý không ứng hợp. Quán xét công đức của mười thiện, khởi tác ý nên ứng hợp, chán lìa phần vị trói buộc cầu đến thành giải thoát, dần dần xuất ly hương về Bồ-đề. Như Bản luận viết: “Tin vào quả báo của nghiệp nên có thể dấy khởi mười thiện, chán bỏ khổ của sinh tử, mong cầu Bồ-đề vô thượng, được gặp chư Phật, tự mình thừa sự cúng dường tu hành tín tâm”.

Nói về môn thời lượng tín tâm thành tựu: Nghĩa là hiện bày chỉ rõ tín tâm kia đã thành tựu tướng sai biệt của thời gian xa gần. Tức trong môn này có mười lăm Khế kinh đề cập đến nhưng mỗi mỗi đều giảng nói khác nhau. Những gì gọi là mười lăm Khế kinh đã giảng nói khác nhau? Đó là:

(1) Trong Khế kinh Nhất Thiết Chư Pháp Nhân Duyên Vô Chủ giảng nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền thừa với Đức Phật: Tôn giả! Từ địa phàm phu bị trói buộc đủ đi vào tụ bất định, tất cả hành giả phải trải qua bao nhiêu thời gian để mười loại tín tâm thành tựu đầy đủ, dần dần chuyển đến phần vị thù

thắng nhất định không thoái mất? Đức Thế Tôn bảo BỒ-tát Văn-thù-su-lợi: Này thiện nam! Nên lắng nghe và khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ vì ông giảng nói về giới hạn có sai biệt của thời gian thành tựu tín tâm. Này thiện nam! Tất cả hành giả từ địa phàm phu bị trói buộc đi vào tụ bất định phải trải qua một vạn ba ngàn kiếp xong, tức liền thành tựu mười loại tín tâm, quyết định là BỒ-tát thuộc trụ mới phát tâm”.

(2) Trong Khế kinh Nhiếp Vô Lượng Đại Thừa giảng nói như vậy: “Lại nữa, này Phật tử! BỒ-tát giả danh của tín địa, trải qua số lượng sáu vạn bốn ngàn kiếp đã đầy đủ, tức liền thành tựu mười tâm ái lạc quyết định ở địa kim cương”.

(3) Trong Khế kinh Tuệ Minh Đà La Ni giảng nói như sau: “Chúng sinh nơi tụ bất định phần nhiều phải trải qua tám vạn một ngàn năm mươi kiếp hoàn tất thì tín tâm thành tựu, quyết định không thoái chuyển”.

(4) Trong Khế kinh Pháp Môn Danh Tự giảng nói như vậy: “Lại nữa, phần vị địa tín lạc là hàng phàm phu mao đầu phải trải qua hai vạn sáu ngàn kiếp xong, thì tín thành tựu không có thiếu mất”.

(5) Trong Khế kinh Thanh Tịnh Tam Muội giảng nói như vậy: “Nếu có chúng sinh nhập nội địa Nan giác tu hành tín tâm, tức nên trải qua chín vạn kiếp đầy đủ rồi thì tín phẩm được thành tựu”.

(6) Trong Khế kinh Kim Cang Đà La Ni giảng nói như sau: “Tín thành tựu theo thời gian là bốn vạn tám ngàn sáu mươi kiếp”.

(7) Trong Khế kinh Đại Trí Tuệ Quang Minh giảng nói như vậy: “Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh vì muốn thành tựu công đức căn thiện cho cha mẹ trời đất, tức phải trải qua số lượng mười sát-na xong đủ tức thì địa tín bằng phẳng không có cỏ”.

(8) Trong Khế kinh Thật Tướng Bản Tế Quyết Định Bất Động giảng nói như sau: “Vị tín thành tựu khi tín tâm phát khởi trong sát-na thứ nhất, thì mười loại tín tâm đầy đủ viên mãn”.

(9) Trong Khế kinh Văn Thù Sư Lợi Viên mãn Nhân Hải Đại Tổng Trì giảng nói như vậy: “Ba A-tăng-kỳ đại vô lượng kiếp trải qua đã xong đủ tức thì vị tín thành lập đầy đủ”.

(10) Trong Khế kinh Thập Thâm Bồ Đề Nhân Duyên giảng nói như vậy: “Kiến lập địa tín chỉ trong ba vạn kiếp”.

(11) Trong Khế kinh Đại Phương Tiện Trí Thiện Xảo giảng nói như vậy: “Bồ-tát hành tín trong thời gian chín ngàn kiếp, quyết định thành tựu tín tâm thanh tịnh tư duy về Cực Lạc”.

(12) Trong Khế kinh Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu giảng nói như vậy: “Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ liên bạch Phật: Thế Tôn! Địa thuộc chủng tử thứ nhất của Bồ-đề vô thượng, trải qua bao nhiêu thời gian thì quyết định thuận thực để mầm Bồ-đề sinh ra, tăng trưởng? Đức Phật nói: Nếu để thành tựu địa thuộc chủng tử đầu tức phải trải qua bảy vạn năm ngàn sáu mươi kiếp, thì địa thuộc chủng tử đầu được kiến lập đầy đủ”.

(13) Trong Khế kinh Thọ Ký Bình Đẳng giảng nói như vậy: “Tín tâm thành tựu chẳng phải xa, chẳng phải gần, chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải gốc, chẳng phải ngọn, chẳng phải đi, chẳng phải đến, chẳng phải lớn, chẳng phải nhỏ, chẳng phải ba đời, chẳng phải không ba đời, chẳng phải vị, chẳng phải địa, chẳng phải thiện, chẳng phải ác, chẳng phải sai, chẳng phải đúng, đạo ngôn ngữ đoạn, xứ tâm hành diệt. Vì vậy gọi là tín tâm chân thật”.

(14) Trong Khế kinh Như Lai Tạng Bản Thức giảng nói như vậy: “Bấy giờ, Đại Bồ-tát Địa Tạng liên bạch Phật: Thế Tôn! Vì sao gọi là phẩm tín địa là cha mẹ có công đức rộng lớn viên mãn?”

Đức Phật nói: Thập Tín của thập tín, thập tín của thập giải, thập tín của thập hạnh, thập tín của thập hướng, thập tín của thập địa, thập tín của Phật địa, cho đến địa chủng tử ác của phàm phu trói buộc đủ và hết thầy hàng Nhị thừa thầy đều là thập tín. Vô lượng vô biên tất cả các pháp, không một pháp nào không phải là thập tín. Do nghĩa này nên gọi là địa tín rộng lớn viên mãn”.

(15) Trong Khế kinh Bồ Tát Anh Lạc Đại Bản Nghiệp giảng nói như vậy: “Bồ-tát tín tướng, ở trong mười ngàn kiếp hành trì mười pháp thiện, quyết định an lập xứ tín thành tựu”.

Đó gọi là mười lăm Khế kinh đã giảng nói khác nhau. Các kinh như vậy vì nghĩa gì nên có sai biệt như thế? Đó là vì tâm của chúng sinh có vô lượng vô biên đều sai biệt, tùy theo phẩm tâm ấy mà giảng nói về hành tướng của tín không đồng như thế. Nên xét chọn kỹ. Nay trong văn này lại dựa vào Kinh Bản Nghiệp để giải thích. Như Bản luận viết: “Trải qua một vạn kiếp thì tín tâm thành tựu”.

Nói về môn hiển thị nhân duyên phát tâm: Nghĩa là hành giả đã thành tựu tín tâm, vì muốn phát khởi tâm của trụ thứ nhất, nên cần đợi lực của duyên mới phát khởi. Ở trong văn này tự có ba loại. Những gì là ba loại? Một là nhân duyên khuyến thỉnh. Hai là nhân duyên cứu độ. Ba là nhân duyên hộ pháp. Đó gọi là

Nói nhân duyên khuyến thỉnh: Đó gọi là vô lượng vô biên hết thầy chư Phật và chúng Đại Bồ-tát, xuất hiện vô số các loại giáo pháp thẳng diệu là biển Khế kinh, hành giả của vị tín đã khuyến thỉnh giáo hóa, vượt qua địa bất định, quyết định an lập lãnh vực bất động. Như Bản luận viết: “Chư Phật, Bồ-tát chỉ dạy khiến phát tâm”.

Nói nhân duyên cứu độ: Đó gọi là duyên nơi tất cả biển khổ của vô lượng vô biên các loại chúng sinh, lấy đó làm nhân để phát

khởi tâm đại từ bi thanh tịnh rộng lớn không thoái chuyển như kim cang. Như Bản luận viết: “Hoặc do đại từ nên có thể tự phát tâm”.

Nói nhân duyên hộ pháp: Đó gọi là vào thời kỳ giáo pháp của chư Phật sắp bị hủy diệt, dùng vô số các phương tiện tùy nghi tùy ứng tùy hợp tùy thời tùy xứ, không hề tiếc thân mạng để tạo sức của nhân duyên lớn, cứu hộ pháp Phật, tự mình có thể phát khởi tâm chí kim cang không thoái chuyển, thanh tịnh rộng lớn, tồn tại lâu dài. Như Bản luận viết: “Hoặc nhân nơi chánh pháp sắp hoại diệt, vì nhân duyên hộ pháp nên có thể tự mình phát tâm”.

Nói về môn hiển thị về vị đạt được lợi ích thù thắng: Đó gọi là hành giả thành tựu tín đạt được hiểu biết, gồm đủ mười tên gọi không thoái mất. Những gì là mười tên gọi? Đó là: (1) Gọi là người không có ưu não, vì xa lìa tâm sợ hãi phải trở lại rơi vào địa phàm phu bị phiền não trói buộc. (2) Gọi là người đại phú quý, vì đã trừ bỏ vùng đất hoang của phiền não, thâm giữ quả của Niết-bàn. (3) Gọi là người của chủng tánh cao đẹp, vì xa lìa chủng loại thấp kém của phàm phu, đã nhập trong chủng tánh tôn quý của Như Lai. (4) Gọi là người có đầy đủ tay chân, vì đã cầm đuốc Bát nhã du hành khắp chốn pháp giới rộng lớn. (5) Gọi là người tạo nên nước sông lớn, vì không gì ngăn ngại nên chảy thẳng vào trong đại dương của nhất thiết trí. (6) Gọi là người kiến lập cung điện, vì đã vượt qua địa bất định, quyết định an trụ trong nhà của Như Lai. (7) Gọi là người Phật tử chân thật, vì xa lìa thai phàm đã nhập nơi thai Thánh. (8) Gọi là người có ruộng phước lớn, vì đã xuất ly phiền não riêng được thanh tịnh. (9) Gọi là người có vô lượng đồ chúng, vì pháp giới chúng sinh thấy đều dùng làm quyến thuộc của mình. (10) Gọi là người không có chướng ngại, vì tùy theo tâm chuyển. Đó gọi là mười tên gọi. Như Bản luận viết: “Như vậy, người tín tâm thành tựu có thể phát tâm, đi vào tự chánh định,

hoàn toàn không thoái chuyển, gọi là trụ nơi chánh nhân tương ưng trong chủng tánh của Như Lai”.

Đã nói về môn tùy theo câu hỏi lần lượt trả lời giải thích. Tiếp theo là nói về môn nêu ra chỗ kém làm rõ chỗ hơn để sinh kiến giải. Ở trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu ra chỗ kém để làm rõ hình tướng xấu kém. Hai là môn nêu ra chỗ hơn để làm rõ hình tướng tốt hơn. Đó gọi là hai môn. Nói về môn nêu ra chỗ kém để làm rõ hình tướng xấu kém: Nghĩa là nói về hàng phàm phu phiền não sâu dày, căn thiện mỏng yếu, tuy gặp được nhân duyên của Đại thừa, nhưng lại đẩy khởi chủng tử của căn thiện nhỏ. Như Bản luận viết: “Nếu có chúng sinh căn thiện thiếu kém, từ lâu xa đến nay luôn có phiền não sâu dày, tuy được gặp Phật, cũng được cúng dường, nhưng khởi lên chủng tử của hàng trời người, hoặc khởi lên chủng tử của hàng Nhị thừa”.

Nói về môn nêu ra chỗ hơn để làm rõ hình tướng tốt hơn: Đó là nói nếu có chúng sinh cầu đạt pháp môn sâu xa vi diệu của Đại thừa, tâm của họ tức liền không thể quyết định, gặp được nhân duyên thuận thì mơ hồ như tiến lên. Gặp phải nhân duyên trái nghịch thì tự nhiên như thoái mất, vì tâm không ổn định. Như Bản luận viết: “Nếu như có người cầu pháp Đại thừa, nhưng căn tánh thì bất định, hoặc tiến hoặc thoái”. Nếu như không thể ổn định, thì vì sao gọi là người cao hơn? Do tuy không thể ổn định nhưng chỗ hướng về pháp là rất cao vượt hơn hẳn. Lại nữa, đây là so sánh với việc đẩy khởi chủng tử của hàng trời người và Nhị thừa.

Từ đây tiếp xuống dưới là hiển thị về thời gian tín tâm thành tựu không nhất định, là giải thích ý chính của kinh thứ mười bốn trong mười lăm kinh đã nêu trên. Đó gọi là nếu có chúng sinh cúng dường chư Phật, thì tín tâm thành tựu nhưng thời gian ấy là không nhất định. Hoặc rất lâu xa, hoặc rất gần kề, hoặc ở giữa. Vì sao? Vì tùy theo duyên có hay không có tín tâm thành thực sinh. Như Bản

luận viết: “Hoặc có cúng dường chư Phật, chưa trải qua một vạn kiếp, nhưng ở trong thời gian ấy gặp được duyên tức cũng có thể phát tâm”.

Từ đây trở xuống là tạo ra giải thích riêng, nêu rõ về tướng của nhân duyên phát tâm. Ở trong văn này tức có bốn loại nhân duyên phát tâm. Những gì là bốn loại?

Một là nhân duyên thấy Phật: Là nhân thấy được thân diệu sắc của Như Lai, nên có thể phát khởi tâm rộng lớn. Như Bản luận viết: “Đó gọi là thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm”.

Hai là nhân duyên cúng dường chúng Tăng: Là dùng các loại vật dụng cúng dường chúng Tăng, nhân nơi nhân duyên ấy nên có thể phát khởi tâm rộng lớn. Như Bản luận viết: “Hoặc nhân nơi sự cúng dường chúng Tăng mà phát tâm”.

Ba là nhân duyên hổ thẹn: Là thấy nghe người của hàng Nhị thừa chỉ dạy giáo pháp thì sinh hổ thẹn về sự thấp kém của mình. Nhân nơi nhân duyên này nên có thể phát khởi tâm rộng lớn. Như Bản luận viết: “Hoặc nhân nơi người của hàng Nhị thừa chỉ dạy khiến phát tâm”.

Bốn là tùy gồm nhân duyên, tùy theo người khác gồm luôn tâm. Nhân nơi nhân duyên này nên có thể phát khởi tâm rộng lớn. Như Bản luận viết: “Hoặc học nơi người khác mà phát tâm”.

Từ đây tiếp xuống là tạo ra nhân duyên kia, nêu rõ hình tướng của mười loại tín tâm thuộc tụ bất định, cùng tổng kết phần giải thích, quyết nghị về thập tín đã nói ở trước. Do nghĩa gì mà mười loại phẩm tín lập xứng là bất định? Đó gọi là nếu gặp nhân duyên thuận hợp thì tùy theo đây hướng đến nẻo thiện. Nếu gặp nhân duyên trái nghịch tức nên hướng tới đường ác, ví như sợi lông tùy theo gió thổi chuyển khắp đông tây. Như Bản luận viết: “Những

loại phát tâm như vậy đều là bất định, gặp phải nhân duyên xấu ác hoặc liền thoái mất rơi vào địa Nhị thừa”.

Đã nói về môn hai loại của lớp thứ nhất. Tiếp theo là nói về môn hai loại của lớp thứ hai. Nói: Lại nữa, phát tâm tín thành tựu là phát những tâm như thế nào? Tức là môn phát khởi mở ra câu hỏi để nêu chung. Nghĩa là phát khởi mở ra câu hỏi để hỏi chung về đối tượng thực hiện. Lược nói có hai loại. Tức là nêu chung, đáp chung như vậy. Những gì là hai loại? Tức là nêu ra chung và nêu câu hỏi tổng quát. Từ đây trở xuống là trực tiếp nêu rõ về môn hiển thị câu trả lời giải thích để nói rộng. Theo trong môn này tức có ba loại. Những gì là ba loại? Một là môn phương tiện chánh trí. Hai là môn phước đức đầy đủ. Ba là môn an lạc thành tựu. Ở trong ba môn này, môn một chung cả hai lợi, môn hai chỉ là tự lợi, môn ba chỉ là lợi tha. Lại nữa, môn một và hai chỉ là phần tự lợi, một môn ba chỉ là lợi tha. Lại nữa, cả ba môn đều chung nơi hai lợi, mỗi mỗi môn thấy đều nêu lên và giải thích. Nên xét chọn kỹ.

Nói về môn phương tiện chánh trí: Là trực tâm, là trí của thể chánh có phương tiện tạo tác. Như Bản luận viết: “Một là trực tâm, là chánh niệm về pháp chân như”.

Nói về môn phước đức đầy đủ: Là thâm tâm, là tất cả công đức có phương tiện an trụ. Như Bản luận viết: “Hai là thâm tâm, là vui thích tập hợp tất cả các hành thiện”.

Nói về môn an lạc thành tựu: Là tâm bi, có thể khéo cứu độ vô lượng khổ não của tất cả chúng sinh, khiến được an ổn nơi an lạc rộng lớn. Như Bản luận viết: “Ba là tâm đại bi, là nhằm diệt trừ hết khổ của tất cả chúng sinh”.

Đã nói về môn hai loại của lớp thứ hai. Tiếp theo là nói về môn phát khởi hỏi đáp để trừ bỏ nghi. Theo trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu vấn nạn về trước sau trái nhau. Hai là môn khai thông hợp thích để loại trừ vấn nạn.

Nói về môn nêu vấn nạn về trước sau trái nhau: Nghĩa là nêu ra hai vấn trên dưới là trái nhau để vấn nạn về tướng sai biệt. Thế nào là trái nhau? Đó là trong vấn trên nói như vậy: “Nói về nghĩa giác là thể của tâm lia tướng niệm. Lia tướng niệm là đồng với cõi hư không, không nơi chốn nào là không hiện bày khắp, pháp giới cùng một tướng tức là pháp thân bình đẳng của Như Lai, dựa nơi pháp thân này nên nói là bản giác”. Ở trong vấn sau thì nói như vậy: “Hai là thâm tâm, là vui thích tập hợp tất cả các hành thiện”. Hai vấn trên dưới trái nhau như vậy, vì thế phát sinh vấn nạn về tướng khác kia. Nên xét chọn kỹ. Như Bản luận viết: “Hỏi: Ở trên nói về tướng của pháp giới chỉ một, thể của Phật không hai, vì sao không chỉ niệm chân như, lại dựa nhờ cầu học các hành thiện?”.

Đã nói về môn nêu vấn nạn về trước sau trái nhau. Tiếp theo là nói về môn khai thông hợp để loại trừ vấn nạn. Theo trong môn này tức có bảy môn. Những gì là bảy môn? Đó là: (1) Môn chính thức trả lời để quyết đoán về vấn nạn kia. (2) Môn tu tập hành thiện đạt được lợi ích. (3) Môn tu hành phương tiện thiện xảo. (4) Môn nêu rõ công đức phát tâm. (5) Môn lựa chọn trên dưới để hiển bày chỗ sai khác. (6) Môn thông hợp với văn của Khế kinh để trừ bỏ nghi. (7) Môn tán thán công đức phát tâm.

Ở trong môn một tức có ba môn. Những gì là ba môn? Một là môn đưa ra thí dụ thiện xảo. Hai là môn hợp nêu chỗ tương xứng để an lập. Ba là môn hiển thị về pháp thuyết giảng sinh kiến giải. Đó gọi là ba môn.

Ở trong môn đưa ra thí dụ tức có bốn loại. Những gì là bốn loại? Một là dụ về vật báu. Hai là dụ về tánh tịnh. Ba là dụ về cầu nhiệm. Bốn là dụ về nhiều người.

Nói dụ về vật báu: Đó tức là ngọc báu đại ma-ni. Ngọc báu như vậy nên có ở xứ nào? Ngọc báu như vậy tức có trong đá vàng. Ngọc báu như vậy màu sắc ấy là thể nào? Nghĩa là màu sắc vàng

sậm. Hình tướng của thân ngọc báu kia như thế nào? Nghĩa là như một khối vuông vức, không có dài ngắn. Tướng lớn nhỏ về lượng ấy thì thế nào? Đó là một trượng. Ngọc báu như vậy trong các loại đá vàng thủy đều đầy đủ, không một loại đá vàng nào không có Ma-ni. Tướng dùng trụ ấy theo thứ lớp như thế nào? Tức thứ nhất là ngọc báu. Thứ hai là vàng ròng. Thứ ba là thể của đá. Ngọc Ma-ni này, lượng là một trượng, tức nơi các loại đá vàng kia hoặc có rất nhỏ, hoặc có rất lớn, mỗi mỗi đều sai biệt, há có thể nói là đều hiện có khắp tất cả. Ngọc Ma-ni này có lực dụng thù thắng, tuy lượng là một trượng, nhưng hiện có khắp ở trong thân lớn, vừa, nhỏ, không sót nơi nào và không bị chướng ngại. Tức cũng có thể nói là hiện có khắp nơi tất cả xứ, vì trong đá kia có vật báu này. Sắc vàng của đá ấy phải nên quán xét kỹ. Đó gọi là dụ về vật báu. Như Bản luận viết: “Đáp: Ví như ngọc báu đại Ma-ni”.

Nói dụ về tánh tịnh: Là ngọc báu như vậy thì thể tánh của nó là hết sức trong sáng, xa lìa bụi bặm cấu bẩn. Đó gọi là dụ về tánh tịnh. Như Bản luận viết: “Thể tánh trong suốt”.

Nói dụ về cấu nhiễm: Là ngọc báu như vậy có thể bị các loại vàng đá che lấp, không thể hiện bày rõ tướng trong sáng kia. Đó gọi là dụ về cấu nhiễm. Như Bản luận viết: “Nhưng lại có chất cấu bẩn của quặng lẫn vào”.

Nói dụ về nhiều người: Là những người hết sức nghèo cùng, hết sức lười nhác, không cầu tìm vật báu, và người siêng năng thích tìm kiếm vật báu. Đó gọi là dụ về nhiều người. Như Bản luận viết: “Nếu người tuy nhớ nghĩ đến tánh của ngọc báu, nhưng không dùng các loại phương tiện để mài giũa tinh luyện thì rốt cuộc không được trong suốt”.

Đã nói về môn đưa ra thí dụ thiện xảo. Tiếp đến là nói về môn hợp nêu chỗ tương xứng để an lập. Trong dụ về vật báu đã nói đến ngọc đại Ma-ni, đích thực là dụ cho pháp nào? Là dụ cho Phật

tánh của bản giác. Vì sao? Vì Phật tánh của bản giác ẩn tàng trong thân tương tục của chúng sinh, tựa như ngọc báu kia.

Nói đá vàng đích thực là dụ cho pháp nào? Là dụ cho tất cả chúng sinh tương tục. Vì sao? Vì Phật tánh ẩn tàng trong thân của các chúng sinh tựa như đá kia vậy.

Nói sắc vàng của đá chính là dụ cho pháp nào? Là dụ cho nghĩa bất biến của Phật tánh ấy. Vì sao? Vì Phật tánh của chân như là kiên cố không thay đổi, giống như vàng ròng.

Nói như một khối vuông vức không dài ngắn chính thức là dụ cho pháp nào? Là dụ cho pháp chân như bình đẳng không tăng giảm. Vì sao? Vì pháp chân như này là một vị bình đẳng, không có sai biệt, tựa như khối ngọc kia.

Nói một trượng chính là dụ cho pháp nào? Là dụ cho pháp chân như đầy đủ viên mãn không có thiếu mất. Vì sao? Vì pháp thân của chân như đầy đủ vạn đức không có thiếu mất, tựa như một trượng kia.

Nói ngọc báu như vậy trong loại đá vàng thấy đều đầy đủ, không có loại đá vàng nào mà không có Ma-ni, chính thức là dụ cho pháp nào? Là dụ cho tánh chân như hiện có khắp trong vô số loại thân của các chúng sinh, không có chúng sinh nào mà không có tánh bản giác của chân như. Vì sao? Vì tánh chân như này thì lìa lỗi lầm không hiện bày khắp, tựa như ngọc kia.

Nói thứ nhất là ngọc báu, thứ hai là vàng ròng, thứ ba là thể của đá, chính thức là dụ cho pháp nào? Là dụ cho pháp có thứ lớp dần dần hiện rõ. Vì sao? Vì theo trí của bản giác lưu chuyển, lúc kiến lập đại dương của bốn tướng, như thứ lớp ấy dần dần hiện bày lớn rõ như ba thứ kia.

Nói ngọc Ma-ni này có lực dụng thù thắng tuy lượng là một trượng, nhưng hiện có khắp ở trong thân lớn, vừa, nhỏ không sót

nơi nào, đích thực là dụ cho pháp nào? Là dụ cho bản giác của chân như có nghiệp dụng không thể nghĩ bàn, hiện có khắp trong thân lớn nhỏ như loài muỗi, loài rồng, không bị chướng ngại. Vì sao? Do pháp chân như này là tánh bình đẳng, hiện có khắp trong phàm, Thánh tợ như ngọc báu kia.

Nói: Ở trong đá kia có vật báu này, nên sắc của đá có màu vàng, chính là dụ cho pháp nào? Là dụ cho các chúng sinh đều có bản giác và có tướng tâm. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh có tâm giác ngộ nên có thức phân biệt nhận biết rõ tợ như đá kia.

Đã nói về môn dụ về vật báu hợp nêu tương xứng. Tiếp đến là nói về môn tánh tịnh hợp nêu tương xứng. Nói: Ngọc báu như vậy thì thể tánh của nó rất trong sáng, xa lìa các thứ bụi bặm cấu bần, chính là dụ cho pháp nào? Là dụ cho tánh tịnh nơi bản giác thanh tịnh trong sáng lìa cấu uế.

Đã nói về môn dụ về tánh tịnh hợp nêu tương xứng. Tiếp đến là nói môn dụ về cấu nhiễm hợp nêu tương xứng. Nói: Ngọc báu như vậy có thể bị các loại vàng đá v.v... che lấp, không thể hiện bày rõ tướng trong sáng, chính là dụ cho pháp nào? Là dụ cho tâm của tự tánh thanh tịnh, bị vô minh che phủ kín, không thể xuất hiện tánh đức vô lậu.

Đã nói về môn dụ về cấu nhiễm hợp nêu tương xứng. Tiếp đến là nói về môn dụ về người hợp nêu tương xứng. Nói hai loại người chính là dụ cho pháp nào? Là dụ cho người rất siêng năng và người rất lười nhác trong việc tìm cầu vật báu của pháp Phật. Như Bản luận viết: “Chúng sinh như vậy”.

Đã nói về môn hợp nêu tương xứng để an lập. Tiếp theo là nói về môn hiển thị pháp thuyết giảng sinh kiến giải. Ở trong môn này, như thứ lớp ấy, pháp nên hợp dụ sinh hiểu biết, hành giả nên xét chọn kỹ. Nội dung trong văn đã nêu rõ nên không cần giải thích riêng. Như Bản luận viết: “Thể tánh của pháp chân như thì

rỗng lặng thanh tịnh, nhưng có vô lượng phiền não cấu nhiễm. Nếu người tuy suy nghĩ đến chân như, không dùng các loại phương tiện để tu tập thì cũng không được thanh tịnh. Vì cấu uế là vô lượng vô biên phủ khắp tất cả pháp, nên tu tập tất cả hành thiện để làm đối trị”.

Đã nói về môn chính thức trả lời để quyết đoán vấn nạn kia. Tiếp đến là nói về môn hành thiện đạt được lợi ích. Nghĩa là nếu có chúng sinh đoạn trừ tất cả ác, tu tập tất cả thiện, tự nhiên tự tại đạt được tam muội chân như, soi chiếu nơi đêm tối vô minh, không có nghi ngờ sợ hãi. Như Bản luận viết: “Nếu có người tu hành tất cả pháp thiện, thì tự nhiên quy thuận nơi pháp chân như”.

Đã nói về môn tu hành thiện đạt được lợi ích. Tiếp đến là nói về môn tu hành phương tiện thiện xảo. Theo trong môn này tức có bốn môn. Những gì là bốn môn? Một là môn nêu phần căn bản của tất cả sự tu hành. Hai là môn chế ngự nghiệp ác khiến không sinh. Ba là môn sinh ra căn thiện tăng trưởng. Bốn là môn thệ nguyện vô biên bình đẳng. Như Bản luận viết: “Lược nói về phương tiện thì có bốn loại”. Ở trong môn thứ nhất tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn Bát nhã vô trụ thành tựu. Hai là môn đại bi vô trụ thành tựu.

Nói về môn Bát nhã vô trụ thành tựu: Đó gọi là quán xét tất cả các pháp từ xưa đến nay là bất sinh bất diệt, hoàn toàn vắng lặng đều không có gì, không trụ trong sinh tử. Như Bản luận viết: “Những gì là bốn loại? Một là hành phương tiện căn bản. Nghĩa là quán tất cả pháp tự tánh là không sinh lìa nơi vọng kiến, không trụ vào sinh tử”.

Nói về môn đại bi vô trụ thành tựu: Đó gọi là quán xét tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp, nhân quả chẳng không, nghiệp báo cũng có. Duyên nơi vô lượng vô biên biến của cõi chúng sinh, làm nơi thâm nhận rất ráo, không trụ vào Niết-bàn. Như Bản luận

viết: “Quán tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp, nghiệp quả không mất, khởi tâm đại bi, tu tập các phước đức, giáo hóa chúng sinh không trụ vào Niết-bàn, vì tùy thuận pháp tánh là vô trụ”. Đây tức là nêu ra duyên và tóm kết về hai loại không trụ nơi đạo hành. Pháp môn tu hành tuy không có số lượng, nhưng không trụ nơi đạo căn bản nhất đó, vì vậy nói là hành phương tiện căn bản.

Đã nói về môn nêu phân căn bản của tất cả sự tu hành. Tiếp đến là nói về môn chế ngự nghiệp ác khiến không sinh. Môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển bày hành giả nên phát khởi phẩm tâm thanh tịnh như hổ thẹn v.v... để ngăn dứt tất cả các thứ ác dấy lên, dần dần diệt trừ không khiến tăng trưởng. Như Bản luận viết: “Hai là phương tiện có thể ngăn dứt. Đó là hổ thẹn hối hận về lỗi lầm của mình, có thể ngăn dừng tất cả pháp ác không khiến tăng trưởng. Do tùy thuận pháp tánh là lia các lỗi lầm”. Là tổng kết về duyên kia.

Đã nói về môn chế ngự nghiệp ác khiến không sinh. Tiếp đến là nói về môn sinh ra căn thiện tăng trưởng. Môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm nêu rõ hành giả nên cung kính cúng dường tất cả Tam bảo, thường xuyên lễ bái, tán thán, tùy hỷ, khuyến thỉnh tăng trưởng tín tâm, tiêu trừ nghiệp chướng, chí cầu đạt đại Bồ-đề vô thượng. Như Bản luận viết: “Ba là phương tiện phát khởi căn thiện tăng trưởng. Nghĩa là siêng năng cúng dường lễ bái Tam bảo, tán thán, tùy hỷ, khuyến thỉnh chư Phật, dùng tâm thuần hậu ái kính Tam bảo, nên tín lực được tăng trưởng, có thể chí cầu đạo vô thượng. Lại nhân nơi lực của Phật Pháp Tăng gia hộ, nên có thể tiêu trừ nghiệp chướng, căn thiện không thoái mất. Do tùy thuận pháp tánh thì lia bỏ si chướng”. Là tổng kết về duyên kia.

Đã nói về môn sinh ra căn thiện tăng trưởng. Tiếp đến là nói về môn thế nguyện vô biên bình đẳng. Môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm hiển thị hành giả nên phát khởi biển thế nguyện rộng

lớn nhiều như số vi trần nơi mười phương thế giới, tu tập biển hành nhân nhiều như số vi trần nơi mười phương thế giới, thâm giữ biển chúng sinh nhiều như số vi trần nơi mười phương thế giới, thành tựu biển quả mãn nhiều như số vi trần nơi mười phương thế giới, tất cả đều đầy đủ không có thiếu sót. Như Bản luận viết: “Bốn là phương tiện khởi đại nguyện bình đẳng. Đó gọi là phát nguyện tận cùng nơi đời vị lai, hóa độ tất cả chúng sinh không bỏ sót chúng sinh nào, tất cả đều khiến đạt đến Niết-bàn vô dư. Do tùy thuận pháp tánh thì không có đoạn dứt”. Là tổng kết về duyên kia.

Từ đây tiếp xuống là làm rõ về chỗ tùy thuận tướng thù thắng. Vì nghĩa gì trong phần tóm kết của bốn môn thầy đều gọi chung là tùy thuận pháp tánh? Vì muốn làm rõ pháp tánh như hư không, thể tánh ấy rộng lớn tròn đầy không có biên vực, tướng dụng ấy vô ngại tự tại không có đầu cuối. Tất cả hành giả bốn kia cũng lại như vậy, thuận thuận như như, vì A thể da (ý lạc) ấy rộng lớn viên mãn không có giới hạn. Như Bản luận viết: “Pháp tánh rộng lớn hiện có khắp tất cả chúng sinh bình đẳng không hai, không phân biệt đây kia, vì hoàn toàn vắng lặng”.

Đã nói về môn tu hành phương tiện thiện xảo. Tiếp đến là nói về môn hiển thị công đức phát tâm. Văn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển bày về Bồ-tát của trụ phát tâm, khởi tâm rộng lớn viên mãn tùy thuận trong tánh pháp giới, tương trợ trí quán thấy thân pháp tánh. Do thấy thân pháp tánh nên nguyện lực tự tại. Vì nguyện lực nên duyên với vô lượng vô biên chúng sinh của pháp giới tâm đại bi. Do tâm đại bi là vô cùng sâu rộng, nên xuất hiện tám loại hóa tướng an lạc. Tùy thời, tùy xứ, tùy nghi, tùy ứng, thuận thuận như như tạo lợi ích an lạc. Như Bản luận viết: “Bồ-tát phát khởi tâm này thì được thấy phần ít pháp thân. Do thấy pháp thân nên thuận theo nguyện lực ấy có thể hiện rõ tám thứ lợi ích cho chúng sinh. Đó gọi là từ nơi cung trời Đâu Suất hạ sinh, vào

thai, ở trong thai, ra đời, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn”.

Đã nói về môn hiển thị công đức phát tâm. Tiếp đến là nói về môn lựa chọn trên dưới để hiển bày về chỗ sai khác. Theo trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn lựa chọn khác với trên địa. Hai là môn lựa chọn khác với phạm phu.

Nói về môn lựa chọn khác với trên địa: Nghĩa là Bồ-tát của trụ phát tâm, chỉ gọi là thân ảnh tượng huyễn hóa, không được gọi là Bồ-tát của pháp thân chân như. Vì sao? Vì Bồ-tát này từ vô thủy nghiệp còn sót lại cũng chưa ra khỏi, tùy theo xứ thọ sinh cùng với khổ vi tế tương ưng không lìa. Bồ-tát trên địa thì trái với vị này. Như Bản luận viết: “Nhưng Bồ-tát này chưa gọi là pháp thân, vì từ vô lượng đời kiếp quá khứ đến nay, nghiệp hữu lậu chưa thể đoạn trừ hoàn toàn, tùy theo nơi đã sinh ra cùng với những khổ vi tế tương ưng”.

Nói về môn lựa chọn khác với phạm phu: Đó gọi là Bồ-tát của trụ mới phát tâm, không còn bị trói buộc cùng chuyển theo tướng nhân của nghiệp. Không còn bị trói buộc theo quả báo thọ sinh. Vì sao? Vì phương tiện của đại nguyện chuyển đổi đầy đủ. Như Bản luận viết: “Cũng không phải bị nghiệp trói buộc do có lực tự tại của đại nguyện”.

Đã nói về môn lựa chọn trên dưới để hiển bày chỗ sai khác. Tiếp đến là nói về môn thông hợp với văn của Khế kinh để trừ bỏ nghi. Ở trong môn này tự có năm loại, đều là Khế kinh nói. Những gì là năm loại? Đó là:

(1) Trong Khế kinh Văn Thù Sư Lợi Hoan Hỷ Đà La Ni giảng nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền bạch Phật: Đức Thế Tôn thường ở trong đại chúng nói rõ lời như thế này: Năm mươi chủng tử tâm trang nghiêm nơi biên quả là gốc của nhân hành, tất cả hành giả phải trải qua đạo này để thành tựu Đẳng

chánh giác. Như vậy, trong năm mươi chủng tử tâm, có bao nhiêu là phần thoái, bao nhiêu là phần định? Nguyên xin Đức Thế Tôn vì con mà giải nói. Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Hãy lắng nghe kỹ và khéo nhớ nghĩ, Ta nay vì ông mà phân biệt giải nói. Nay thiện nam! Mười loại chân địa gọi là địa của trụ kim cang Bát nhã. Bốn mươi tâm trước gọi là địa hồi hướng của ngọc pha lê tùy duyên. Ông nay nên nhận biết như vậy, nên quán xét như vậy”. Nay văn của kinh này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm hiển thị hàng Đại sĩ mười địa, đã đạt được thành chân chứng gọi là phần bất thoái. Từ đây trở về trước có bốn mươi loại tâm, chưa đạt được trí chứng gọi là phần thoái chuyển.

(2) Trong Khế kinh Bản Giác Đại Bi Tự Nhiên Huân Tập giảng nói như sau: “Lại nữa, này Phật tử! Ông trước đã hỏi thế nào gọi là tướng tiết thoái, sự việc này là không thể nghĩ bàn trong chỗ thù thắng không thể nghĩ bàn. Hàng phàm phu ngu si và các Bồ-tát mới phát tâm thì không thể nhận biết. Bây giờ, Bồ-tát Đại Minh chí tâm khuyến thỉnh, Đức Phật liền bảo Bồ-tát Đại Minh: Nay thiện nam! Nói tướng tiết thoái nghĩa là tín tâm, trụ phát tâm, địa tịnh tâm, kim cang tâm, bốn xứ này đều gọi là phần thoái, tất cả phần trung gian kia đều gọi là phần bất thoái. Vì vậy nói là tướng tiết thoái”. Nay văn của kinh này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm hiển thị đại dương của pháp Phật là rộng lớn tròn đầy không có biên vực.

(3) Trong Khế kinh Đại Chứng Đắc Đà La Ni nêu giảng như vậy: “Mười loại an tâm quyết định không thoái vì không có lý thoái mất”. Nay văn của kinh này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển bày về hàng Bồ-tát của mười trụ, phát khởi căn thiện rộng lớn tùy thuận trong tánh pháp giới, quyết định an trụ nơi vị kim cang.

(4) Trong Khế kinh Ngũ Minh thì giảng nói: “Mười loại tâm định chẳng thoái, chẳng tiến, chẳng đến, chẳng đi, chẳng xuất,

chẳng nhập, vạn đức viên mãn không thiếu mất, vì vậy nói là tâm tự nhiên trụ”. Nay văn của kinh này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị quả đức trong vị mười trụ đã đầy đủ, lại không tiền cũng không thoái, là sự tự nhiên thường trụ không thiếu sót.

(5) Trong Khế kinh Bồ Tát Anh Lạc Đại Bản Nghiệp đã giảng nói: “Này các thiện nam! Nếu trong một kiếp, hai kiếp cho đến mười kiếp, tu hành mười tín được nhập nơi mười trụ, người này vào lúc ấy từ nơi trụ thứ nhất cho đến trong trụ thứ sáu, nếu như tu Bát nhã Ba-la-mật thứ sáu, chánh quán hiện tiền, lại gặp chư Phật, Bồ-tát và hàng thiện tri thức gia hộ, ra đến trụ thứ bảy là thường trụ không thoái. Từ bảy trụ này về trước gọi là phần thoái”. Nay văn của kinh này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển bày sự việc khuyến khích thúc đẩy hàng chúng sinh lười kém, khiến tăng trưởng tâm dũng mãnh. Nay trong Luận này lại căn cứ nơi kinh bản nghiệp đã tạo sự thông hợp, nên quán xét kỹ. Như Bản luận viết: “Như trong Khế kinh hoặc nói có người thoái đọa vào nẻo ác, nhưng không phải là thoái đọa thật sự, chỉ vì hàng Bồ-tát mới học chưa nhập chính vị, lại lười nhác nên khiến họ sợ hãi sinh dũng mãnh hơn”.

Đã nói về môn thông hợp với văn của Khế kinh để trừ bỏ nghi. Tiếp đến là nói về môn tán thán công đức phát tâm. Môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị khi Bồ-tát phát tâm thì xa lìa hai điều sợ hãi, tức tâm ấy quyết định không động. Thế nào gọi là hai điều sợ hãi? Một là sợ hãi sinh xuống nẻo dưới, sinh nơi đạo thấp kém, là rất sợ hãi. Hai là sợ hãi sinh nơi nẻo trên, vì nghe đến cảnh giới thù thắng thì tâm khiếp nhược hết sức sợ hãi. Xa lìa hai thứ sợ hãi này, vì thế gọi là công đức phát tâm. Như Bản luận viết: “Lại, Bồ-tát này sau khi mới phát tâm đã xa lìa sự khiếp nhược, hoàn toàn không sợ rơi vào địa Nhị thừa. Nếu như nghe phải trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, siêng năng khổ nhọc hành

trì hạnh khổ mới đạt được Niết-bàn, cũng không khiếm nhược, vì tin và nhận biết tất cả các pháp từ xưa đến nay là Niết-bàn tự nhiên”. Tức là tổng kết về nhân duyên của hai thứ công đức.

Từ phần trên đến đây, là nói phần quyết trạch về phát tâm tín thành tựu xong. Từ đây trở xuống là vô số các môn, nội dung trong văn nêu rõ nên không cần giải thích lại.

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 8

Đã nói về phần giải thích. Tiếp theo là nói về phần tín tâm tu hành.

Theo trong phần này tức có bảy môn. Những gì là bảy môn? Đó là: (1) Môn nêu chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị khế hợp. (2) Môn phân tích phẩm loại tín tâm. (3) Môn tu hành phương tiện thiện xảo. (4) Môn giải thích rộng về cách đối trị ma sự. (5) Môn tán thán công đức của tam muội. (6) Môn nêu hai luân đủ thiếu tăng giảm. (7) Môn khuyến khích hạng kém hướng đến hạng thắng không thoái chuyển. Đó gọi là bảy môn.

Môn nêu chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị khế hợp, tướng ấy là thể nào?

* *Bản luận viết*: Trong này là dựa theo hạng chúng sinh chưa nhập nơi tụ chánh định nên nói về phần tín tâm tu hành.

* *Luận giải thích*: Nói “Trong này là dựa theo hạng chúng sinh chưa nhập nơi tụ chánh định”, tức là đối tượng được đối trị. Đó gọi là cảnh giới của đối tượng được giáo hóa. “Nên nói về phần tín tâm tu hành”, tức là chủ thể đối trị. Đó gọi là giáo pháp của chủ thể giáo hóa. Cảnh giới của đối tượng được giáo hóa lượng ấy là thể nào? Nghĩa là gồm thân chúng sinh của hai tụ. Những gì là hai tụ? Một là tụ định tà. Hai là tụ bất định. Vì sao? Vì hai loại chúng sinh này thấy đều chưa nhập nơi tụ chánh định. Nói khế hợp thì tướng ấy là thể nào? Đó là trong hai loại chúng sinh đều có giáo thuyết khế hợp. Tướng khế hợp ấy như thế nào? Nghĩa là muốn

bao gồm các chúng sinh thuộc định tà nên nói về môn tín tâm. Muốn bao gồm các chúng sinh thuộc tụ bất định nên nói về môn tu hành. Vì sao? Vì theo thứ lớp tiếp nhận thì pháp vốn như vậy. Nghĩa là với người chưa tin thì trước là khởi tâm tin. Người đã tin thì trực tiếp tu hành. Lại nữa, vì chung nơi lợi ích.

Đã nói về môn nêu chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị khế hợp. Tiếp đến là nói về môn phân tích phẩm loại tín tâm.

* *Bản luận viết*: Những gì là tín tâm? Thế nào là tu hành? Lược nói về tín tâm tức có bốn loại. Những gì là bốn loại? Một là tín căn bản. Đó gọi là vui thích suy niệm về pháp chân như. Hai là tín Đức Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ nhớ, thân cận cung kính cúng dường việc phát khởi căn thiện, nguyện cầu đạt nhất thiết trí. Ba là tín Pháp có lợi ích lớn, luôn nghĩ về việc tu hành các Ba-la-mật. Bốn là tín Tăng có khả năng tu hành chân chính để tự lợi và lợi tha, thường vui thích thân cận các chúng Bồ-tát, cầu học, hành như thật.

* *Luận giải thích*: Theo trong văn này tức có ba môn. Những gì là ba môn? Một là môn hỏi trực tiếp về phẩm loại của tín tâm. Hai là phần hỏi trực tiếp về phẩm loại của tu hành. Ba là môn lược đáp để làm rõ về tín tâm.

Nói về môn hỏi trực tiếp về phẩm loại của tín tâm: Đó gọi là hỏi tổng quát về lượng của tín tâm. Như Bản luận viết: “Những gì là tín tâm?”.

Nói về môn hỏi trực tiếp về phẩm loại của tu hành: Đó gọi là hỏi tổng quát về lượng của sự tu hành. Như Bản luận viết: “Thế nào là tu hành?”.

Căn cứ trong môn thứ ba tức có ba môn. Những gì là ba môn? Một là môn đáp tổng quát. Hai là môn hỏi tổng quát. Ba là môn đáp rộng. Nói về môn đáp tổng quát: Đó gọi là đáp tổng quát về

những điều đã nói. Như Bản luận viết: “Lược nói về tín tâm có bốn loại”. Nói về môn hỏi tổng quát: Đó gọi là hỏi tổng quát về những điều đã nói. Như Bản luận viết: “Những gì là bốn loại?”. Theo trong môn thứ ba có bốn loại môn. Những gì là bốn môn? Một là môn nêu tín căn bản khiến tâm bình đẳng. Hai là môn tín Phật vui có công đức. Ba là môn tín Pháp để tinh tấn tu hành. Bốn là môn tín Tăng khiến tâm không tranh chấp.

Nói về môn nêu tín căn bản khiến tâm bình đẳng: Đó gọi là vui tin, vì pháp từ căn bản là lý chân như, do lực của vô minh có vô số sai biệt. Tất cả các tâm thấy đều hợp nhất khiến bình đẳng. Như Bản luận viết: “Một là tín căn bản. Đó gọi là vui thích suy niệm về pháp chân như”.

Nói về môn tín Phật vui có công đức: Đó gọi là vui tin Đức Như Lai Thế Tôn bậc Đại Giác vô thượng, vui cầu vô lượng vô biên tất cả công đức. Như Bản luận viết: “Hai là tín Đức Phật có vô lượng công đức, thường nhớ nghĩ thân cận cung kính cúng dường phát khởi căn thiện, nguyện cầu đạt được nhất thiết trí”.

Nói về môn tín Pháp tinh tấn tu hành: Đó gọi là vui tin nơi chư Phật ba đời, là ân cha của chính mình, là ân mẹ của chính mình, là ân thầy của chính mình, không thể thay đổi, không thể sinh diệt, là phép tắc bất động như hư không, kim cương, có lợi ích thù thắng không thể nghĩ bàn trong pháp không thể nghĩ bàn, thường hằng chuyển tiếp nơi tất cả thời, đối với tất cả xứ để tu hành tất cả các phẩm trợ đạo. Như Bản Luận viết: “Ba là tín Pháp có lợi ích lớn, luôn nghĩ nhớ về việc tu hành các Ba-la-mật”.

Nói về môn tín Tăng khiến tâm không tranh chấp: Đó gọi là vui tin nơi tất cả vô lượng Tăng chúng Bồ-tát lấy hai hạnh thù thắng làm phẩm đức bên trong của mình, hoặc xa, hoặc gần, tùy lúc tự nghe, tùy lúc tự thấy, tùy lúc tự nghĩ, đi đến trụ xứ của Tăng, chí tâm lắng nghe, thọ nhận các loại giáo pháp sâu xa, các loại Khế

kinh điển thâm diệu, các loại luận thuyết rộng lớn, các loại lý lẽ, các loại sự việc mâu nhiệm, không đoan dứt. Như Bản luận viết: “Bốn là tín Tăng có khả năng tu hành chân chính để tự lợi mình lợi tha, thường vui thích thân cận các chúng Bồ-tát, cầu học, hành như thật”.

Đã nói về môn phân tích phẩm loại của tín tâm. Tiếp theo là nói về môn tu hành phương tiện thiện xảo.

* *Bản luận viết*: Tu hành có năm môn, có thể thành tựu tín này. Những gì là năm môn? Một là môn thí. Hai là môn giới. Ba là môn nhẫn. Bốn là môn tấn. Năm là môn chỉ quán.

Thế nào là tu hành môn thí? Nếu thấy tất cả những người đến cầu xin, thì của cải vật dụng hiện có tùy theo sức mà thí cho để tự xả bỏ tâm xan tham khiến những người kia hoan hỷ. Nếu gặp người đang bị ách nạn nguy hiểm bức bách khiến rất sợ hãi, thì tùy theo khả năng của bản thân thí cho họ sự vô úy. Nếu có chúng sinh đi đến cầu pháp, thì tùy nơi bản thân mình có thể hiểu biết mà tạo phương tiện giảng nói cho họ, không nên tham cầu danh lợi và sự cung kính, chỉ có ý niệm tự lợi lợi tha để hồi hướng về Bồ-đề.

Thế nào là tu hành môn giới? Đó là không giết hại, không trộm cắp, không dâm loạn, không nói hai lưỡi, không nói thô ác, không nói dối, không nói thêu dệt, xa lìa các thứ tham lam, ganh ghét, dối gạt, đua nịnh, sân hận, tà kiến. Nếu là người xuất gia thì vì diệt trừ phiền não cũng nên xa lìa những nơi náo nhiệt thường ở chốn vắng lặng, tu tập các hạnh như thiếu dục, tri túc, đầu đà v.v..., cho đến một lỗi nhỏ thì tâm cũng sinh sợ hãi, hổ thẹn, cải hối, không được xem thường đối với những giới cấm do Đức Như Lai đã chế định, nên tránh mọi thứ tỵ hiềm, không khiến chúng sinh vọng khởi tội lỗi.

Thế nào là tu hành môn nhẫn? Nghĩa là phải nhẫn chịu những sự náo hại của người khác, tâm không ôm giữ báo thù, cũng nên

nhẫn chịu đối với các pháp như lợi, suy, chê khen, xung tán, trách cứ, khổ vui.

Thế nào là tu hành môn tấn? Đó gọi là đối với những sự việc thiện, tâm không lười nhác thoái chuyển, lập chí kiên cường xa lìa khiếp nhược. Nên nhớ nghĩ về từ quá khứ lâu xa đến nay, thân tâm giả nhận tất cả thứ khổ lớn không có lợi ích. Vì vậy nên siêng năng tu các công đức để tự lợi lợi tha xa lìa các nỗi.

Lại nữa, nếu người tuy tu hành tín tâm, nhưng do từ đời trước đến nay có nhiều tội nặng và nghiệp chướng xấu ác, vì bị các loại tà ma quỷ quái loạn động, hoặc vì các sự việc của thế gian lôi kéo trói buộc, hoặc vì bệnh khổ não hại. Có rất nhiều thứ chướng ngại như vậy, vì thế cần phải dùng mãnh tinh tấn, ngày đêm sáu thời lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng nơi quả vị Bồ-đề luôn không dừng bỏ để tránh được các chướng nạn và căn thiện tăng trưởng.

Thế nào là tu hành môn chỉ quán? Nói chỉ là ngăn chặn tướng của tất cả cảnh giới, tùy thuận nơi nghĩa quán của Xa-ma-tha. Nói quán là phân biệt tướng của nhân duyên sinh diệt, tùy thuận nơi nghĩa quán của Tỳ-bát-xá-na. Thế nào là tùy thuận? Do hai nghĩa này dần dần tu tập, không lìa bỏ nhau, đều cùng hiện ở trước. Nếu tu chỉ thì trụ nơi xứ tĩnh lặng, ngồi ngay ý thẳng, không dựa vào hơi thở, không dựa vào hình sắc, không dựa vào không, không dựa vào đất nước lửa gió, cho đến không dựa vào thấy nghe hiểu biết, tất cả các tướng tùy theo niệm đều trừ bỏ, cũng loại trừ ý tướng trừ bỏ, vì tất cả các pháp xưa nay là vô tướng, niệm niệm không sinh, niệm niệm không diệt, cũng không được theo tâm nghĩ đến cảnh giới bên ngoài, sau thì dùng tâm loại trừ tâm. Nếu như tâm dong ruổi thì nên thủ giữ khiến trụ nơi chánh niệm. Chánh niệm này nên biết chỉ là tâm không có cảnh giới bên ngoài. Tức lại tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thể thủ đắc. Hoặc

từ chỗ ngồi đứng dậy, hành tác, đi lại tiến dừng, nơi tất cả thời thường nghĩ đến phương tiện tùy thuận quán xét, luyện tập lâu dài trở nên thuần thục thì tâm kia được trụ. Vì tâm dừng trụ nên dần dần mạnh mẽ, nhanh nhạy, tùy thuận được nhập nơi tam muội chân chur, chế phục hết các thứ phiền não, tín tâm tăng trưởng nhanh chóng thành tựu bất thoái. Chỉ trừ những hạng nghi hoặc không tin và hủy báng, tội lỗi, nghiệp chướng nặng, ngã mạn, lừa nhác, những loại người như vậy tức không thể nhập. Lại nữa, dựa vào tam muội này thì nhận biết pháp giới là một tướng. Nghĩa là pháp thân của hết thảy chư Phật, cùng với thân chúng sinh là bình đẳng không hai, tức gọi là tam muội nhất hành. Nên biết chân như là căn bản của tam muội. Nếu người tu hành thì dần dần có thể sinh vô lượng tam muội.

* *Luận giải thích*: Theo trong văn này tức có năm môn. Những gì là năm môn? Một là môn nêu tổng quát để đáp lại những câu hỏi ở trước. Hai là môn thông đạt về câu hỏi tổng quát đã nêu. Ba là môn lược đáp để kiến lập môn số. Bốn là môn lược hỏi đáp rộng để nói chi tiết. Năm là môn tán thán tam muội thù thắng.

Nói về môn nêu tổng quát để đáp lại những câu hỏi ở trước: Đó là đáp tổng quát đối với các câu hỏi trước kia. Như Bản luận viết: “Tu hành có năm môn, có thể thành tựu tín này”.

Nói về môn thông đạt về câu hỏi tổng quát đã nêu: Nghĩa là hỏi tổng quát về những gì đã nêu kia. Như Bản luận viết: Những gì là năm môn?

Nói về môn lược đáp để kiến lập về môn số: Đó gọi là kiến lập môn số chính. Như Bản luận viết: “Một là môn thí. Hai là môn giới. Ba là môn nhẫn. Bốn là môn tấn. Năm là môn chỉ quán”. Do đâu đã theo thứ lớp như vậy? Đó là vì tu hành sáu độ theo pháp thứ lớp như thế.

Tiếp theo trong môn lược hỏi đáp rộng để nói chi tiết, tức có năm môn. Do có năm môn nên quán xét kỹ. Trong năm loại môn này, mỗi mỗi loại đều có đủ hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn lược hỏi. Hai là môn đáp rộng. Như thứ lớp ấy không lẫn lộn về số lượng, nên xét chọn kỹ.

Trong môn thứ nhất tu hành môn thí: Nói: Thế nào là tu hành môn thí? Tức là môn lược hỏi. Nghĩa là nêu ra câu hỏi thì các môn về sau nên nhận biết như vậy. Theo trong môn đáp rộng thì có ba loại thí. Những gì là ba loại? Một là tài vật thí. Hai là tùy ứng thí. Ba là giáo pháp thí.

Nói về tài vật thí: Nghĩa là nếu có chúng sinh đến nơi cư trú của mình xin những vật mình hiện có, thì không nghi ngờ, tùy thời tùy xứ, tùy duyên thí cho không luyến tiếc. Những thứ vật nào gọi là tài vật? Có bao nhiêu thứ vật? Đó là có hai thứ tài vật. Những gì là hai thứ? Một là vật bên trong. Hai là vật bên ngoài. Đối với vật bên trong cũng có hai thứ. Những gì là hai thứ? Một là không sắc. Hai là có sắc. Nói không sắc: Đó là tâm thức. Nói có sắc: Đó là các căn. Nếu có chúng sinh đến nơi chốn mình cư trú cầu xin tâm thức của mình thì không tiếc rẻ, tùy thời thí cho khiến người kia hoan hỷ. Nếu có chúng sinh đến nơi chốn mình cư trú, tùy theo chỗ dùng cầu xin mình mỗi mỗi các căn tốt đẹp có hình sắc, tức liền không tiếc rẻ tùy thời thí cho khiến người ấy hoan hỷ. Đây gọi là hai thứ tài vật bên trong. Đối với vật bên ngoài cũng có hai thứ. Những gì là hai thứ? Một là có thức. Hai là không thức. Nói có thức: Tức là những loại như vợ con, nô tỳ v.v... Nói không thức: Tức là những loại như cung điện, nhà cửa, y phục, vật dụng trang nghiêm. Nếu có chúng sinh đến nơi mình cư trú cầu xin những thứ vật này, tức liền tùy thời giúp cho không luyến tiếc khiến người ấy hoan hỷ. Đây gọi là hai thứ tài vật bên ngoài. Như Bản luận viết: “Nếu thấy tất cả những người đến cầu xin những thứ tài vật hiện

có, thì tùy theo sức mà thí cho, để tự xả bỏ tâm xan tham khiến những người kia hoan hỷ”.

Đã nói về tài vật thí. Tiếp đến là nói về tùy ứng thí. Thế nào gọi là tùy ứng thí? Nghĩa là hoặc có chúng sinh năm căn bị hoại mất không thể đầy đủ. Hoặc có chúng sinh gặp nhiều bệnh khổ không được an ổn. Hoặc có chúng sinh tâm ý ngu tối không thể hiểu rõ, hành giả lúc này do là hiền sĩ, tức tùy theo những yêu cầu, tùy theo những ứng hợp, tùy theo những thích nghi, tùy theo những sử dụng, có thể khéo chọn lựa, có thể khéo phân biệt, để trừ bỏ những khổ não kia khiến được hoan hỷ. Vì thế nói là tùy ứng thí. Như Bản luận viết: “Nếu gặp người đang bị ách nạn nguy hiểm bức bách khiến rất sợ hãi, tùy bản thân mình có thể đảm nhận thì thí cho sự vô úy”.

Đã nói về tùy ứng thí. Tiếp đến là nói về giáo pháp thí. Thế nào gọi là giáo pháp thí? Đó là có chúng sinh, hoặc đúng lúc và không đúng lúc, hoặc thân và không thân, hoặc tôn quý và không tôn quý, hoặc ngu tối và không ngu tối, hoặc người nam và không phải người nam, hoặc người nữ và không phải người nữ, hoặc xấu ác và không xấu ác, hoặc là người và không phải là người v.v... Những loại như vậy đến nơi mình cư trú, lúc muốn cầu pháp tức thì không tiếc, phát khởi tâm đại từ bi rộng lớn tròn đầy vô lượng vô biên, quyết định đoạn trừ nghi kia, phân biệt để loại trừ phiền não, từ từ tăng thêm trí tuệ, thâm giữ người ấy không rơi vào đường ác, khiến đạt đến Đại Bồ-đề vô thượng. Vì vậy nói là giáo pháp thí. Như Bản luận viết: “Nếu có chúng sinh đến cầu pháp thì tùy nơi bản thân mình có thể hiểu biết mà tạo phương tiện giảng nói cho họ, không nên tham cầu danh lợi và sự cung kính, chỉ có ý niệm về tự lợi lợi tha để hồi hướng Bồ-đề”.

Đã nói về sự tu hành môn thí. Tiếp đến là nói về sự tu hành môn giới. Theo trong môn này tức có bốn môn. Những gì là bốn

môn? Một là môn kiến lập giới tướng nêu rõ tông chỉ. Hai là môn thành tựu thắng xứ của giới phẩm. Ba là môn đầy đủ giới hành không xem thường. Bốn là môn gìn giữ không khiến bị hủy báng.

Nói về môn kiến lập giới tướng nêu rõ tông chỉ: Nghĩa là kiến lập mười loại giới thanh tịnh để phòng chuyên. Như Bản luận viết: “Thế nào là tu hành môn giới? Đó là không giết hại, không trộm cắp, không dâm loạn, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, không nói dối, không nói thêu dệt, xa lìa tham lam, ganh ghét, dối trá, dua nịnh, sân hận, tà kiến”.

Nói về môn thành tựu thắng xứ của giới phẩm: Nghĩa là nếu nhằm đạt đầy đủ giới phẩm, tức thường nên xa lìa xứ tạp loạn, phân tán, gần gũi nơi thắng xứ tịch tĩnh. an trụ trong ấy không lìa bỏ. Như Bản luận viết: “Nếu là người xuất gia vì để diệt trừ phiền não, cũng nên xa lìa những chốn náo nhiệt thường ở nơi vắng lặng”.

Nói về môn đầy đủ giới hành không xem thường: Nghĩa là tu hành các thứ hành diệu đầy khởi tâm tin tưởng sâu xa, không được xem thường giới luật là thầy mẹ do Đức Như Lai đã chế định. Như Bản luận viết: “Tu tập các hạnh như thiếu dục, tri túc, đầu đà v.v... cho đến một tội lỗi nhỏ thì tâm cũng sinh sợ hãi, hổ thẹn, hối cải, không được xem thường đối với các giới cấm của Đức Như Lai đã chế định”.

Nói về môn gìn giữ không khiến bị hủy báng: Nghĩa là hộ trì giới là con người của mắt Phật trọn không bị phá mất. Đầy đủ tự lợi tức vô số các chúng sinh phóng dật tỵ hiềm, không khiến phát khởi vọng tưởng tội lỗi. Đầy đủ lợi tha tức trang nghiêm viên mãn nơi biển đại giác. Như Bản luận viết: “Nên tránh các thứ tỵ hiềm, không khiến chúng sinh vọng khởi tội lỗi”.

Đã nói về việc tu hành môn giới. Tiếp đến là nói về việc tu hành môn nhẫn. Theo trong môn này tức có hai môn. Những gì là

hai môn? Một là môn hiển thị nhẫn lược là điều phục ngã. Hai là môn hiển thị nhẫn rộng là vô ngã.

Nói về môn hiển thị nhẫn lược là điều phục ngã: Nghĩa là nếu có chúng sinh tạo ra cảnh giới của A thế da (ý lạc) xấu ác khiến não loạn tâm mình, hành giả lúc ấy tâm có thể nhẫn chịu không biến động, bức não. Như Bản luận viết: “Thế nào là tu hành môn nhẫn? Đó là nên nhẫn chịu những sự ão hại của người khác, tâm không ôm giữ trả thù”.

Nói về môn hiển thị nhẫn rộng là vô ngã: Nghĩa là hoặc có chúng sinh, ðem các thứ tài vật như thức ăn uống, y phục v.v... thí cho mình khiến có ðược lợi ích an vui. Hoặc có chúng sinh dùng các thứ tướng gây sợ hãi như dao gậy v.v... ðến nơi mình cư trú, tổn diệt các thứ y chánh của mình khiến không ðược tự tại. Hoặc có chúng sinh dùng vô số ngôn ngữ uế tạp như nói thô ác phỉ báng, hoặc gần hoặc xa ðể chê bai mình. Hoặc có chúng sinh dùng vô số phẩm ðức như chánh trụ v.v... ðể ca ngợi bản thân mình. Ở trong các loại sự việc như vậy, tâm của hành giả luôn bình ðẳng kiên cố, bất ðộng như núi Tu Di. Như Bản luận viết: “Cũng nên nhẫn chịu ðối với các pháp như lợi suy, chê khen, xưng tán, trách cứ, khổ vui”.

Đã nói về việc tu hành môn nhẫn. Tiếp ðến là nói về sự tu hành môn tấn. Theo trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu chung về tu hành tinh tấn. Hai là môn giải thích riêng về tu hành tinh tấn. Nói về môn nêu chung về tu hành tinh tấn: Nghĩa là ðối với các loại sự việc tốt ðẹp, tâm kia chuyển thành hơn hẳn, siêng năng mong muốn tinh tấn, trọn không ngừng ðứt. Như Bản luận viết: “Thế nào là tu hành môn tấn? Đó là ðối với những sự việc thiện thì tâm không lười nhác thoái mất, lập chí kiên cường xa lìa khiếp nhược”. Căn cứ trong môn giải thích riêng về tu hành tinh tấn thì có hai môn. Những gì là hai môn? Một

là môn tu hành tinh tấn không chướng ngại. Hai là môn tu hành tinh tấn có chướng ngại.

Nói về môn tu hành tinh tấn không chướng ngại: Đó là hành giả khởi lên ý niệm như vậy: Ta từ nơi thời vô thủy quá khứ đến nay, chỉ thọ nhận thân tâm hư vọng không thật. Hoàn toàn không thể nhận lấy thân tâm kim cương bất hoại, không có nhân duyên nào khác, chỉ vì trong hành diệu không siêng năng hành trì. Ta nếu lười nhác không hành trì như trước, thì hướng về đời vị lai, cũng lại thọ nhận thân tâm hư vọng hoàn toàn không có lợi ích, không có kỳ hạn xuất ly. Tự thân của ta hãy còn không được xuất ly đều mất phần tự lợi, huống hồ là cứu giúp các loại chúng sinh còn lại có nhiều khổ não để gồm đủ lợi tha? Khởi niệm này rồi, tức liền phát khởi tâm đại tinh tấn, tu tập biến nhân hành, trang nghiêm quả vị đức mãn, kiến lập hai lợi không thiếu sót thiên lệch. Như Bản luận viết: “Nên nhớ nghĩ về quá khứ lâu xa đến nay, giả nhận khổ lớn của tất cả thân tâm không có lợi ích. Vì vậy nên siêng năng tu các công đức để tự lợi lợi tha, nhanh chóng xa lìa các khổ”.

Nói về môn tu hành tinh tấn có chướng ngại: Đó là nếu có chúng sinh, có nghiệp chướng từ vô thủy quá khứ còn lại, bị quân ma, ngoại đạo và quỷ thần xấu ác nhiễu loạn tức không thể tu hành. Hoặc có chúng sinh, bị vô số các sự việc của đời hiện tại lôi kéo trói buộc nên không thể tu hành. Hoặc có chúng sinh luôn bị tất cả các loại bệnh khổ bức não nên không thể tu hành. Những chúng sinh thuộc loại như vậy, tuy tai nghe được phép tắc mẫu mực, ngôn từ tôn quý, trong mắt nhìn thấy tướng văn giáo thuyết giảng, nhưng không thể siêng năng tu hành để sinh tâm chán bỏ, mong cầu. Nhưng nếu tâm của các chúng sinh đó dũng mãnh tinh tấn, phát khởi vô số phương tiện thắng diệu, giữ tâm có thể lãnh nhận, thì biến nghiệp chướng dần dần dứt sóng, núi lớn công đức càng ngày càng hiện rõ đỉnh cao, tám thứ gió không thổi động, chín thứ

kiết không trời buộc được. Như Bản luận viết: “Lại nữa, nếu người tuy tu hành tín tâm, nhưng vì từ đời trước đến nay có nhiều tội nặng và nghiệp chướng xấu ác, đã bị các loại tà ma quỷ quái nhiễu loạn. Hoặc bị các loại công việc của thế gian lôi kéo trời buộc. Hoặc bị các thứ bệnh khổ não hại. Có rất nhiều các thứ chướng ngại như vậy, vì thế phải nên dừng mãnh tinh tấn, ngày đêm sáu thời lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng về quả vị Bồ-đề, luôn không dừng bỏ, để tránh được các chướng nạn và căn thiện tăng trưởng”.

Đã nói về việc tu hành môn tấn. Tiếp đến là nói về việc tu hành môn chỉ quán. Theo trong môn này tức có bốn môn. Những gì là bốn môn? Một là môn nêu chung, giải thích chung về luân chỉ. Hai là môn nêu chung, giải thích chung về luân quán. Ba là môn giải thích tóm lược, quyết trạch về tùy thuận. Bốn là môn giải thích rộng, quyết trạch về luân chỉ.

Nói về môn nêu chung giải thích chung về luân chỉ: Nghĩa là dừng dứt tâm suy nghĩ nhận biết, ngăn chặn tư duy tán loạn, an trụ vào trong một tánh tịch tĩnh, không ra ngoài nơi tướng của tất cả cảnh giới, tùy thuận định, nêu lên nghĩa của quán Đà-a-la. Như Bản luận viết: “Thế nào là tu hành môn chỉ quán? Nói là chỉ, tức là dừng dứt tướng của tất cả cảnh giới, tùy thuận nơi nghĩa quán của Xa-ma-tha”.

Nói về môn nêu chung, giải thích chung về luân quán: Nghĩa là nói rõ sự lựa chọn về đạo lý của nhân duyên, phân biệt kỹ về hình tướng của vô thường, có thể khéo thông đạt, có thể khéo nhận biết khắp, tùy thuận với quán, nêu lên nghĩa của quán Đà-a-la. Như Bản luận viết: “Nói là quán, là phân biệt về tướng sinh diệt của nhân duyên, tùy thuận nơi nghĩa của quán Tỳ-bát-xá-na”.

Nói về môn giải thích tóm lược, quyết trạch về tùy thuận: Đó là định tùy thời thì quán kia tức thuận. Quán tùy thời thì định kia

tức thuận. Nên đầy đủ và đầy đủ, không lia không chuyển. Như Bản luận viết: “Thế nào là tùy thuận? Do hai nghĩa này nên dần dần tu tập không lia bỏ nhau, đều cùng hiện tiền”.

Căn cứ trong môn giải thích rộng, quyết trách về luân chỉ tức có bốn môn. Những gì là bốn môn? Một là môn nhân duyên thành tựu của luân chỉ. Hai là môn trực tiếp chỉ ra cách tu hành luân chỉ. Ba là môn tu hành luân chỉ được lợi ích. Bốn là môn lựa chọn giới hạn hội nhập không hội nhập. Theo trong môn thứ nhất thành tựu nhân duyên của luân chỉ tức có mười lăm loại. Những gì là mười lăm loại? Đó là: (1) Nhân duyên của trụ xứ tịch tĩnh. (2) Nhân duyên riêng một mình không chung. (3) Nhân duyên của nơi chốn cư ngụ tốt đẹp. (4) Nhân duyên của y phục đầy đủ. (5) Nhân duyên của thức ăn uống đầy đủ. (6) Nhân duyên của kiết giới hộ tịnh. (7) Nhân duyên của nhà cửa được tạo lập. (8) Nhân duyên của ngôn ngữ không xuất sinh. (9) Nhân duyên tạo lập tọa tượng. (10) Nhân duyên an tọa nơi tòa kia. (11) Nhân duyên của thời gian xuất nhập. (12) Nhân duyên của thiện hữu tri thức. (13) Nhân duyên ấn định nhận biết tà chánh. (14) Nhân duyên trồng rừng cây thiện. (15) Nhân duyên khâm phục vòng chữ. Đó gọi là mười lăm loại nhân duyên lớn.

Nói về nhân duyên của trụ xứ tịch tĩnh: Nghĩa là nếu tu tập môn luân chỉ kia thì nên ở những nơi chốn vắng lặng, như núi rừng, xa lìa các chốn xóm làng náo loạn. Vì sao? Vì trong các chốn tán loạn thì môn luân chỉ ấy khó thành tựu.

Nói về nhân duyên riêng một mình không chung: Nghĩa là nếu như tu tập môn luân chỉ ấy, thì trong một giới nội có hai người cùng trụ là không hợp lý. Vì sao? Vì khởi động phiền não.

Nói về nhân duyên của nơi chốn cư ngụ tốt đẹp: Nghĩa là nếu tu tập môn luân chỉ, thì nơi chốn cư trú là ở trong hai phương đông

tây, còn nơi phương nam bắc tức không nên ở. Vì sao? Vì có luân giác.

Nói về nhân duyên của y phục đầy đủ: Đó là nếu tu tập môn luân chỉ, tất nên dùng ba loại áo. Những gì là ba loại? Một là loại màu vàng. Hai là loại màu đỏ. Ba là loại màu trắng. Ba loại áo như thế đồng dùng trong một lúc. Vì sao? Vì loài sâu Tỳ-xoa-la không thể vào được.

Nói về nhân duyên của thức ăn uống đầy đủ: Đó là nếu tu tập môn luân chỉ, tất phải dùng loại lúa Già-ma-y-đà-da phơi khô, vì những loại hạt lúa khác thì không thể dùng. Vì sao? Vì hạt Già-ma-y-đà-da ấy có tánh tiên. Lại nữa, nếu không dùng các loại Bà ni la, thì thời gian thọ dụng chỉ dùng từ giữa, vì không định rõ.

Nói về nhân duyên kiết giới hộ tịnh: Tức là nếu tu tập môn luân chỉ, thì cách nhà mình ở trong khoảng một câu-lô-xá, tụng một trăm mười biến đại thần chú. Tướng ấy là thế nào? Đó tức là tụng chú: Đát điệt tha na la đế, bà xoa ni, a ma da ca đà đế bà bà a a bà bà di đà, xà khư na, ô ha y đà đế, yễm yễm yễm yễm đế, đa bạt đà đà da, ma na thi chỉ đế, xa đà ni phiệt, xoa la ni cư ha a ha cư đa thi yễm a đà đà đế, ma ha già da đế, ma ha a già da đế, kiện đa ni, a la a la a la a la a la a la a đế sa bà ha. Nếu tụng chú này xong, tức liền kiết giới hộ tịnh. Vì sao? Vì vô số các loại độc hại không thể vào được.

Nói về nhân duyên của nhà cửa được tạo lập: Nghĩa là nếu xây dựng nhà cửa dành cho sự việc tu tập pháp định, phải có đủ mười sự việc. Những gì là mười sự việc? Đó là: (1) Sự việc về cửa ngõ: Chỉ hướng về phương đông không phải là phương khác. (2) Sự việc về cao thấp: Phía đông cao dần lên, còn phía tây thì thấp dần. (3) Sự việc về góc vuông: Ở trong một phương đều cách nhau một trượng. (4) Sự việc về phẩm trùg: Là chồng lên mười lớp. (5) Sự việc về vật dụng để làm: Là chỉ dùng năm loại không phải

các loại khác. Những gì là năm loại? Một là vàng. Hai là bạc. Ba là đồng. Bốn là sắt. Năm là gỗ tùng. (6) Sự việc về bậc cửa: Là ngang bằng với khoảng đất nơi đó không sai khác. (7) Sự việc của lớp cửa: Là có mười lớp cửa. (8) Sự việc của chốt cửa: Là không có tiếng kêu phát ra. (9) Sự việc của tường vách: Độ cao một trượng và chông mười lớp. (10) Sự việc ra vào: Trong các cửa ấy đều tụng thần chú. Tướng ấy là thế nào? Nghĩa là nếu như mở ra thì tụng chú: Nam ma dạ đế, ma ha cru tỳ na ha, a la bà đề, đà đà a già độ, bát chỉ a chỉ thi, già bà ni nặc đế, bà chỉ ma tỳ ma, bà chỉ ma a na, a na thi chỉ ni thi chỉ sa bà ha. Nếu tụng thần chú này một ngàn biến, tức liền thuận theo thời gian, thấy đều khai thông. Nếu là lúc vào thì tụng chú: Nam mô nam chỉ na, nam mô phiệt thi đà, nam mô nam a đế, nam mô nam a lê na, nam mô kiện đà ni sa bà ha. Nếu tụng thần chú này một ngàn năm trăm biến xong, tức liền thuận theo thời gian, thấy đều mở đóng.

Nói về nhân duyên của ngôn ngữ không xuất sinh: Nghĩa là nếu vì tu tập môn luân chỉ thì đối với tất cả thời, đối với tất cả xứ đều không phát ra lời nói. Vì sao? Vì thuận theo lời nói kia thì tâm thức xuất hiện.

Nói về nhân duyên tạo lập tọa tượng: Nghĩa là nếu vì tạo hình tượng ngồi để tu định, phải có đủ năm sự việc. Những gì là năm? Đó là: (1) Sự việc của vật dụng để làm: Là dùng gỗ cây tùng. (2) Sự việc về độ cao: Là như phân nửa thân mình không thêm bớt. (3) Sự việc về góc vuông: Là trong một phương thì đều cách nhau bốn thước. (4) Sự việc về phương hướng: Chỉ hướng về phương đông không phải là phương khác. (5) Sự việc về dụng cụ trên chỗ ngồi: Chỉ dùng Đà-la-đế màu vàng và các tọa cụ màu vàng.

Nói về nhân duyên an tọa nơi tòa ngồi kia: Nghĩa là nếu vì tu tập môn luân chỉ ấy, tức phải có đủ mười sự việc để an tọa nơi chỗ ngồi đó. Những gì là mười sự việc? Đó là: (1) Về chân ngang

nhau: Hai ngón tay cái đặt giữa cuối hai đầu gối đều cùng hợp với nhau khiến không sai khác. (2) Về đầu gối ngang nhau: Là hai đầu gối giữ cho cân bằng khiến không sai lệch. (3) Về lưng thẳng: Lưng phải thẳng đứng không nghiêng lệch và chùn xuống. (4) Về tay chông lên: Hai tay đối nhau. Tay phải đặt dưới tay trái đặt trên, tay trái đặt dưới thì tay phải đặt trên. Trái qua một ngày rồi thì thay đổi lẫn nhau không quên mất. Lại cũng hai tay đó đặt trên các căn. (5) Về cổ thẳng: Tánh chất của cổ là thẳng đứng không động thì định được kiến lập. (6) Về mặt nhìn thẳng: Tướng mạo của mặt không ngược lên không cúi xuống khiến luôn cân bằng. (7) Về tướng miệng: Tướng của miệng ấy không rộng không hẹp chỉ mở ra bình thường. (8) Về tướng mũi: Hơi thở ra vào khiến không sai trái. Không xuất sinh một thứ. (9) Về tướng mắt: Mắt ấy mở ra vừa phải thư thái, không hướng lên, không hướng xuống. (10) Về chỗ dừng mắt: Đặt ánh mắt đó vào trong vòng chữ đại hư không, ở yên như thế luôn không lìa nhau. Đó gọi là mười sự việc.

Nói về nhân duyên của thời gian xuất nhập: Nghĩa là nếu tu tập môn luân chỉ, tức chỉ dùng hai thời gian là vào giờ thìn và giờ ngọ, vì trong những thời gian khác với thời gian này thì không ra vào.

Nói về nhân duyên của thiện hữu tri thức: Nghĩa là nếu vì tu tập môn luân chỉ, thì làm bạn với những người có trí tuệ sâu xa.

Nói về nhân duyên ấn định nhận biết tà chánh: Nghĩa là nếu vì tu tập môn luân chỉ, thì tùy theo khoảng cách đến hình tượng đó, cần phải thủ ấn kim cương, tức liền nhận biết rõ đâu là tà, đâu là chánh. Tướng ấy là thế nào? Nghĩa là tức tụng chú: Đát diệt tha mạn na ô đà đế, bà la chỉ đà ni, già thi di đá da, yểm a thi đế na sa bà ha. Nếu như tụng thần chú này bốn ngàn sáu trăm năm mươi biến xong, thì trong hình tượng kia hiện ra hai vòng chữ. Tức nếu

là người tà vạy thì hiện ra vòng chữ tà. Nếu là người chánh trực thì hiện ra vòng chữ chánh. Theo đây để phân biệt.

Nói về nhân duyên trồng rừng cây thiện: Nghĩa là nếu như vì người tu tập môn luân chỉ, thì trong khoảng phía trước nhà mình ở nên trồng hai loại cây thuộc loại đại an lành. Những gì là hai loại? Một là cây tùng. Hai là cây thạch lựu.

Nói về nhân duyên khâm phục vòng chữ: Nghĩa là nếu như vì người tu tập môn luân chỉ, tất nên ghi tạc vòng chữ vương mà thôi. Ghi tạc nơi xứ nào? Đó là nơi tâm tư. Vì nghĩa gì tất hiện ra vòng chữ này? Nghĩa là vòng chữ này thì chư Phật nơi ba đời và vô lượng vô biên hết thấy Bồ-tát đều lấy đó làm đại ân đối với sư trưởng, đại ân đối với cha mẹ, đại ân đối với trời đất, đại ân đối với biển cả. Vì nhân duyên ấy nên là người tu tập môn chỉ phải làm hiện ra vòng chữ này. Như vậy, nhân duyên tuy có vô lượng, nhưng nay trong Luận Ma Ha Diễn này, chỉ nêu rõ nhân duyên thứ nhất, không nêu rõ các nhân duyên khác, là vì nêu lên phần đầu để gồm thâu phần sau. Như Bản luận viết: “Nếu tu môn chỉ thì trụ nơi xứ tịch tĩnh”.

Đã nói về môn nhân duyên thành tựu của luân chỉ. Tiếp đến là nói về môn trực tiếp chỉ ra cách tu hành luân chỉ. Theo trong môn này tức có bảy môn. Những gì là bảy môn? Đó là: (1) Môn giữ tâm quyết định. Tức tâm ấy quyết định trong lý chân không là bất sinh bất diệt. Như Bản luận viết: “Ngồi ngay ý thẳng”. (2) Môn không chấp nơi thể của thân. Có thể khéo thông tỏ thân này là rỗng lặng, là không, tự tánh vốn có ấy là không thể thủ đắc. Như Bản luận viết: “Không dựa vào hơi thở, không dựa vào hình sắc, không dựa vào hư không, không dựa vào đất nước lửa gió”. (3) Môn không chấp vướng nơi tâm thức. Có thể khéo thông đạt về tâm suy xét nhận biết, tự tánh thì rỗng lặng không thật có. Như Bản luận viết: “Cho đến không dựa nơi thấy nghe hiểu biết. Tất cả các tướng

theo niệm đều trừ bỏ, cũng loại trừ luôn tướng ấy”. Từ đây trở xuống là nêu rõ về nhân duyên tạo nên thân tâm kia rỗng lặng là hoàn toàn không. Như Bản luận viết: “Vì tất cả các pháp xưa nay là vô tướng, niệm niệm không sinh, niệm niệm không diệt. Cũng không thể theo tâm nghĩ về cảnh giới bên ngoài”. (4) Môn không chấp vướng nơi không chấp vướng: Tức tâm của chủ thể loại trừ cũng loại trừ luôn. Như Bản luận viết: “Sau thì dùng tâm loại trừ tâm”. (5) Môn tập hợp các thứ phân tán thành một: Là gồm thấu tâm tán động đặt vào trong một tâm. Như Bản luận viết: “Tâm nếu dong ruổi thì nên thấu giữ lại, khiến trụ nơi chánh niệm”. (6) Môn hiển thị về chánh niệm: Là làm rõ các pháp chỉ là một tâm. Như Bản luận viết: “Chánh niệm này nên biết chỉ là tâm không có cảnh giới bên ngoài. Tức lại tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thể thủ đắc”. (7) Môn luôn hành không lìa: Tâm định như vậy nơi tất cả thời, nơi tất cả xứ, luôn luôn tương tục không dừng. Như Bản luận viết: “Nếu từ chỗ ngồi, đứng dậy, đi lại tiến dừng, nơi tất cả thời hành tác đều luôn nghĩ đến phương tiện tùy thuận quán xét”.

Đã nói về môn trực tiếp chỉ ra cách tu hành luân chỉ. Tiếp đến là nói về môn tu hành luân chỉ đạt được lợi ích. Nghĩa là nếu có người có thể tu tập định này, dần dần chuyển biến thì làm khô cạn biển phiền não, làm vỡ tan núi lớn nghiệp chướng, hội nhập định chân như, thông hiểu tất cả các pháp, đến nơi không còn thoái chuyển. Như Bản luận viết: “Hành tập lâu dài tâm kia thuần thực thì được an trụ. Vì tâm an trụ nên dần dần mạnh mẽ, nhanh nhạy, tùy thuận được nhập nơi tam muội của chân chư, điều phục hết các thứ phiền não, tín tâm tăng trưởng nhanh chóng thành tựu bất thoái”.

Đã nói về môn tu hành luân chỉ đạt được lợi ích. Tiếp đến là nói về môn lựa chọn giới hạn hội nhập không hội nhập. Theo trong

môn này tức có hai ý. Những gì là hai ý? Một là ý hội nhập hướng đến. Hai là ý không hội nhập. Nói về ý hội nhập hướng đến: Nghĩa là hoặc có chúng sinh hướng nhập nơi pháp thâm diệu, tâm không có nghi. Hoặc có chúng sinh nghe được pháp thâm diệu, tâm họ quyết định không sinh không tin. Hoặc có chúng sinh nghe được pháp thâm diệu, tức liền tôn trọng không sinh hủy báng. Hoặc có chúng sinh không có nghiệp chướng nặng. Hoặc có chúng sinh không có tâm ngã mạn. Hoặc có chúng sinh không có tâm biếng nhác. Sáu loại người như vậy, hội nhập nơi chủng tánh Phật quyết định không nghi. Đó gọi là ý hội nhập hướng đến.

Nói về ý không hội nhập: Nghĩa là nếu có chúng sinh trái với sáu tướng nêu trên, thì vĩnh viễn đoạn dứt chủng tử của Tam bảo, quyết định không nghi. Đó gọi là ý không hội nhập. Như Bản luận viết: “Chỉ trừ những kẻ nghi hoặc, không tin, hủy báng, tội lỗi nghiệp chướng nặng, ngã mạn, lười nhác. Những loại người như vậy là không thể hội nhập”.

Đã nói về môn lược hỏi đáp rộng để nói chi tiết. Tiếp đến là nói về môn tán thán tam muội thù thắng. Theo trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu thể lớn vô biên thù thắng. Hai là môn nêu quyền thuộc vô tận thù thắng.

Nói về môn nêu thể lớn vô biên thù thắng: Là tu tập tam muội này thì thông đạt hết thấy vô lượng các pháp Phật, đồng một thể tướng không có sai biệt. Như Bản luận viết: “Lại nữa, dựa nơi tam muội này tức nhận biết pháp giới là một tướng. Nghĩa là pháp thân của hết thấy chư Phật, cùng với thân của chúng sinh là bình đẳng không hai, tức gọi là tam muội nhất hành”.

Nói về môn nêu quyền thuộc vô tận thù thắng: Đó tức là tam muội của chân chư, có thể vì tất cả vô lượng vô biên tam muội kim cang làm chỗ căn bản đích thực để có thể xuất sinh, tăng trưởng. Như Bản luận viết: “Nên biết chân như là căn bản của tam muội.

Nếu người tu hành thì dần dần có thể sinh khởi vô lượng tam muội”.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 9

Đã nói về môn tu hành phương tiện thiện xảo. Tiếp đến là nói về môn giải thích rộng về cách đối trị ma sự.

* *Bản luận viết*: Hoặc có chúng sinh không có sức mạnh của căn thiện, tức bị các ma, ngoại đạo, quỷ thần làm cho mê lầm tán loạn. Như ở trong chỗ ngồi hiện hình làm cho sợ hãi. Hoặc hiện ra các tướng như nam nữ đoan nghiêm. Nên nghĩ về cảnh giới chỉ là tâm, thì cảnh giới tức diệt, rốt cuộc thì không bị nhiễu loạn. Hoặc hiện ra hình tượng chư thiên, hình tượng Bồ-tát, cũng tạo ra hình tượng Như Lai đầy đủ tướng tốt vẻ đẹp, hoặc nói các Đà-la-ni, hoặc giảng nói về bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Hoặc thuyết giảng về bình đẳng, không, vô tướng, vô nguyện, không oán, không thân, không nhân, không quả, hoàn toàn vắng lặng là Niết-bàn chân thật. Hoặc khiến người nhận biết các sự việc của túc mạng quá khứ, cũng nhận biết về sự việc của vị lai, đạt được tha tâm trí và biện tài vô ngại, có thể khiến chúng sinh tham chấp nơi sự việc danh lợi của thế gian. Lại còn khiến con người luôn giận luôn vui, tánh không bình thường. Hoặc nhiều thương yêu, ngủ nhiều, bệnh nhiều, tâm ý trở nải biếng nhác. Hoặc chợt dậy khởi tinh tấn, sau liền dừng bỏ sinh bất tín, nhiều nghi hoặc, nhiều suy xét. Hoặc bỏ hành thù thắng vốn có lại tu theo những nghiệp xen tạp. Hoặc vương mắc vào sự việc thế gian bị vô số thứ lôi kéo trôi buộc. Cũng có thể khiến nhiều người đạt được các tam muội, tương tự phần ít đều là do ngoại đạo chứng đạt không phải là tam muội chân thật. Hoặc lại khiến nhiều người nơi một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, cho đến bảy ngày, trụ trong

định có được thức ăn uống thơm ngon tự nhiên, thân tâm vui vẻ thư thái, không đói không khát, càng khiến nhiều người yêu thích tham đắm. Hoặc cũng khiến nhiều người ăn uống không chừng mực, nhiều ít thất thường, sắc diện thay đổi. Do nghĩa này, hành giả thường nên khởi trí tuệ quán xét chớ khiến tâm ấy rơi vào lưới tà, phải siêng năng chánh niệm, không giữ lấy, không chấp vướng thì có thể xa lìa những nghiệp chướng ấy. Nên biết các tam muội của ngoại đạo hiện có đều không lìa khỏi tâm kiến ái, ngã mạn, vì tham đắm đối với danh lợi và sự cung kính của thế gian. Tam muội của chân như thì không trụ nơi tướng thấy, không trụ nơi tướng đạt được, cho đến ra khỏi định cũng không biếng trễ chậm chạp. Các thứ phiền não hiện có dần dần mỏng ít. Nếu các phàm phu không hành tập pháp tam muội này mà được nhập nơi chủng tánh của Như Lai, thì không có điều ấy. Vì tu theo các thiền tam muội của thế gian, phần nhiều đầy khởi chấp trước ý vị, đều dựa vào ngã kiến, là hệ thuộc ba cõi, cùng chung với ngoại đạo. Nếu như lìa các bậc thiện tri thức đã hộ trì thì đầy khởi kiến chấp của ngoại đạo.

* *Luận giải thích*: Tức trong môn này tự có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn lược nêu, lược chỉ rõ về tổng trì. Hai là môn phân tích nêu rộng, chỉ rõ rộng. Trong môn thứ nhất tức có năm môn. Những gì là năm môn? Đó là: (1) Môn nêu chúng sinh hơn kém không đồng. (2) Môn nêu người giả có thể gây ra chướng ngại. (3) Môn hiển thị nghiệp dụng đã tạo. (4) Môn làm rõ việc hành pháp đối trị. (5) Môn nêu nơi sức đối trị đạt được lợi ích.

Nói về môn nêu chúng sinh hơn kém không đồng: Là nói về hai loại chúng sinh đều không đồng. Những gì là hai loại? Một là chúng sinh có đầy đủ nhân duyên. Hai là chúng sinh thiếu mất nhân duyên. Chúng sinh đầy đủ là có đủ năm sự việc. Chúng sinh thiếu mất là thiếu bốn sự việc. Thế nào là có đủ năm sự việc? Đó là: (1) Tín đủ, là yêu thích sâu xa. (2) Người đủ, là có thể giữ gìn.

(3) Pháp đủ, là có thể khéo thông tỏ về lãnh vực chánh tà. (4) Thời đủ, là tùy thuận thích hợp. (5) Tánh đủ, là có chân tánh. Nếu có chúng sinh nào gồm đủ năm sự việc này thì hoàn toàn không bị chướng ngại. Thế nào là thiếu bốn sự việc? Đó là so với bốn loại trước là trái nhau. Nếu có chúng sinh tuy có chân tánh, nhưng thiếu bốn sự việc ấy thì rốt cuộc không lìa khỏi chướng ngại. Nay trong văn này đã chọn lấy phần thiếu, nên biết. Như Bản luận viết: “Hoặc có chúng sinh không có sức mạnh của căn thiện”.

Đã nói về môn nêu chúng sinh hơn kém không đồng. Tiếp theo là nói về môn người giả có thể gây chướng ngại. Người giả gây chướng ngại tuy có vô số nhưng không ra ngoài bốn loại. Những gì là bốn loại? Một là ma. Hai là ngoại đạo. Ba là quỷ. Bốn là thần.

Nói về ma: Là bốn loại đại ma và ba vạn hai ngàn chúng ma quyền thuộc.

Nói về ngoại đạo: Là chín mươi sáu loại các ngoại đạo lớn và chín vạn ba ngàn ngoại đạo quyền thuộc.

Nói về quỷ: Là mười loại quỷ lớn và năm vạn một ngàn ba trăm lẻ hai loại các quỷ quyền thuộc.

Nói về thần: Là mười lăm thần lớn và năm vạn một ngàn ba trăm ba mươi hai loại các thần quyền thuộc.

Các loại như vậy tất cả thấy đều ngăn trở làm tán loạn chánh giáo khiến hướng về phi đạo nên gọi là tà đạo. Danh nghĩa của ma và ngoại đạo có sai biệt, xuất hiện trong kinh đã nêu giảng phân minh nên lại lược bớt không giải thích. Sự việc của quỷ và thần, xuất hiện trong kinh không được rõ ràng, nên lại tạo sự giải thích tức lược nêu về phần chính.

Nói mười loại quỷ thì tên gọi như thế nào? Đó là: (1) Quỷ Già tỳ đa đề. (2) Quỷ Y già la thi. (3) Quỷ Y đề già đế. (4) Quỷ Bà

na kiện đa. (5) Quỷ Nhĩ la nhĩ lê đề. (6) Quỷ Ban ni đà. (7) Quỷ A a di. (8) Quỷ Xà khư bà ni. (9) Quỷ Đa a đa y đa. (10) Quỷ Đôi dịch. Đó gọi là mười loại quỷ lớn. Mười loại quỷ như vậy thì lực dụng của chúng như thế nào?

Nếu là loại quỷ thứ nhất thì hoặc tạo ra cảnh ban ngày, hoặc tạo ra cảnh ban đêm, hoặc tạo ra cảnh mặt trời, mặt trăng và tinh tú, hoặc tạo ra cảnh thời tiết, tùy theo chỗ thích ứng mà biến chuyển. Nếu là loại quỷ thứ hai thì tạo ra vô số các thứ hương vị, vô số các loại y phục vật dụng, vô số cảnh tượng cỏ cây, tùy theo chỗ thích ứng mà biến chuyển.

Nếu là loại quỷ thứ ba thì tạo ra những cảnh giới đất nước gió lửa, tùy theo chỗ thích ứng mà biến chuyển. Nếu là loại quỷ thứ tư thì tạo ra cảnh tượng bay vọt lên cao, tùy theo chỗ thích ứng không bị ngăn ngại.

Nếu là loại quỷ thứ năm thì tạo ra cảnh tượng có các căn thức đóng mở, tùy theo chỗ thích ứng không bị ngăn ngại. Nếu là loại quỷ thứ sáu thì tạo ra cảnh giới sáu thân quyền thuộc cũng có cũng không có, tùy theo chỗ thích ứng không bị ngăn ngại.

Nếu là loại quỷ thứ bảy thì tạo ra cảnh tượng già trẻ tùy theo chỗ thích ứng không bị ngăn ngại. Nếu là loại quỷ thứ tám thì tạo ra cảnh tượng có trí không có trí, tùy theo chỗ thích ứng không bị ngăn ngại.

Nếu là loại quỷ thứ chín thì tạo ra cảnh tượng không có trở thành có, tùy theo chỗ thích hợp không bị ngăn ngại. Nếu là loại quỷ thứ mười thì tạo ra cảnh giới có vô số âm thanh của các loại bò cạp, ruồi muỗi, sâu kiến, rồng cạp, sư tử, tùy theo chỗ thích ứng không bị ngăn ngại.

Đó gọi là lực dụng của mỗi loại. Các lực dụng như thế đều nhân nơi lực gì mà được thành tựu? Đều nhân nơi ba sự việc mà

được thành tựu. Những gì là ba sự việc? Một là thầy. Hai là giáo. Ba là tập. Thầy là người chỉ dạy. Giáo là những điều đã học. Tập là sự huân tập từ trước. Đó gọi là ba sự việc. Mười loại quỷ như vậy luôn nơi tất cả thời không cùng lìa bỏ, cùng hành cùng chuyển, tạo tác những sự chướng ngại. Tên gọi của lực dụng theo chỗ tăng trưởng mà kiến lập. Như tên gọi của loại quỷ thứ nhất.

Nói mười lăm loại thần thì tên gọi của chúng là thế nào? Đó là: (1) Thần Phiệt la la kiện đa đề. (2) Thần A chỉ đà di lê ni. (3) Thần Bồ đa đế đà ha ha bà. (4) Thần Xà tỳ ma chỉ ni. (5) Thần Na đa bà xa. (6) Thần Đa đa đa đa địa địa. (7) Thần A lý ma la. (8) Thần Thi xoa ni đế bà kiệt na. (9) Thần Ban di đà la ô đà đề. (10) Thần Án án ngâm ngâm. (11) Thần A a ha đế. (12) Thần Tu lê di ni. (13) Thần Đầu đầu ngư đầu. (14) Thần Bà cư. (15) Thần Tinh mị. Đó gọi là mười lăm thần lớn. Mười lăm loại thần lớn này thì lực dụng đều như thế nào? Loại thần thứ nhất thì tạo ra cảnh tượng thông sáng. Loại thần thứ hai thì tạo ra cảnh tượng ám độn. Loại thần thứ ba thì tạo ra cảnh giới vui thích có ánh sáng. Loại thần thứ tư thì tạo ra cảnh giới vui thích không có ánh sáng. Loại thần thứ năm thì tạo ra cảnh tượng trôi nổi phân tán. Loại thần thứ sáu tức tạo ra cảnh tượng chuyên chú. Loại thần thứ bảy tức tạo ra cảnh giới của ác không, thiện có. Loại thần thứ tám thì tạo ra cảnh giới của tất cả vị giác ngộ. Loại thần thứ chín thì tạo ra cảnh giới mình giác ngộ, người khác mê lầm. Loại thần thứ mười tức tạo ra cảnh giới cùng không tu hành. Loại thần thứ mười một thì tạo ra cảnh tượng không không. Loại thần thứ mười hai thì tạo ra cảnh giới tiên thoái nhanh chóng. Loại thần thứ mười ba thì tạo ra cảnh tượng di chuyển. Loại thần thứ mười bốn thì tạo ra cảnh tượng kiên cố. Loại thần thứ mười lăm thì tạo ra cảnh tượng hợp thời. Mười lăm loại đại thần vương như vậy luôn trong tất cả thời đều không lìa bỏ nhau, cùng hành cùng chuyển, để gây ra những sự việc chướng ngại làm náo loạn hành giả.

Ma và ngoại đạo có sai biệt như thế nào? Nói ma là khiến gây ra sự việc ác. Nói ngoại đạo là khiến từ bỏ sự việc thiện. Hai loại có sai biệt nên nhận biết như vậy. Quý cùng với thần có sai biệt như thế nào? Tạo chướng ngại nơi thân là quý. Tạo chướng ngại nơi tâm là thần. Hai loại có sai biệt nên nhận biết như vậy. Bốn loại chướng ngại như thế nên đối trị như thế nào? Ở đây đối trị tức có bốn loại. Những gì là bốn loại? Một là đối trị tùy thuận tùy chuyển. Hai là đối trị cùng nghịch cùng trái. Ba là đối trị cùng hành. Bốn là đối trị theo câu phi.

Nói đối trị tùy thuận tùy chuyển: Tức là đối trị theo tự tại vô ngại. Đó gọi là nếu ngoại đạo kia tạo sự việc như thế làm tán loạn tâm của hành giả, thì hành giả bị ngoại đạo làm loạn ấy tức khởi lên ý niệm: Từ vô thủy đến nay sự việc này là như thế và rốt cuộc là sự việc không thể phá bỏ. Vì sao? Vì những kiến giải như vậy vốn có nơi bản giác là đức thật của tự gia, không phải là lỗi làm tai hại. Nếu đây khởi sự hiểu biết này, thì các loại tà kiến tức phục tùng như đợc hóa độ. Vì sao? Vì tùy theo kiến giải tăng giảm mà tánh đức vô lậu cũng có lớn nhỏ. Đó gọi là đối trị tùy thuận tùy chuyển.

Nói đối trị cùng nghịch cùng trái: Tức là đối trị do phân biệt lựa chọn biệt tướng. Đó gọi là nếu người ngoài kia tạo tác sự việc như vậy để làm loạn tâm của hành giả thì hành giả ấy tức tìm phương tiện xoay ngược, chuyển trái tương phản trái nhau khiến phân biệt lựa chọn. Đó gọi là đối trị cùng nghịch cùng trái.

Nói đối trị cùng hành: Tức là đối trị cùng chuyển đầy đủ. Đó gọi là trong một lúc có đầy đủ hai cách đối trị nghịch thuận, không lìa chuyển. Đó gọi là tương đối trị cùng hành.

Nói đối trị do câu phi: Tức là đối trị không niệm không dựa. Đó gọi là đối với tất cả pháp không có suy niệm, không có lường

xét, không có chấp trước, không có mong cầu, tâm ấy tịch tĩnh trụ nơi vô trụ. Đây gọi là tướng đối trị do câu phi.

Tướng đối trị như vậy, ở trong văn sau sẽ nói rõ về tướng. Nơi phần quyết trạch này đã lược bớt. Như Bản luận viết: “Tức bị các ma, ngoại đạo, quỷ, thần làm cho mê hoặc tán loạn”.

Đã nói về môn người giả có thể gây tạo chướng ngại. Tiếp theo là nói về môn hiển thị về nghiệp dụng đã tạo ra. Theo trong môn này tức có hai loại. Những gì là hai loại? Một là chung. Hai là riêng. Trong môn nêu tướng chung tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nghiệp dụng của tướng chung đã tạo. Hai là môn thông đạt pháp hành đối trị. Nơi môn thứ nhất thì tướng đó là thể nào? Nghĩa là như trên đã nói về tất cả các loại tà, hiện ra hình tượng của sáu đường để làm loạn tâm của hành giả. Nay nên nêu giải thích phân minh nói chi tiết. Nếu là quỷ và thần thì phần nhiều là tạo ra cảnh tượng của bốn đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la để làm loạn tâm của hành giả. Như Bản luận viết: “Hoặc ở trong chỗ ngồi hiện ra hình tượng khiến sợ hãi”. Nếu là ma thì phần nhiều tạo tác hình tượng thuộc thiên đạo để làm loạn tâm của hành giả. Như Bản luận viết: “Hoặc hiện ra các tướng như nam nữ đoan nghiêm”. Nếu là chúng ngoại đạo thì phần nhiều tạo ra hình tượng thuộc nẻo người để làm loạn tâm của hành giả. Như Bản luận viết: “Các tướng như nam nữ”. Nói các tướng tức là đồng tướng. Nghĩa là tạo ra y báo chánh báo đồng phẩm để làm loạn tâm của hành giả.

Đã nói về môn nghiệp dụng của tướng chung đã tạo. Tiếp đến là nói về môn thông đạt pháp hành đối trị. Nghĩa là có chúng sinh hành quán như vậy: Tất cả các pháp chỉ là một tâm lượng không có pháp nào ngoài tâm. Đã không có pháp ngoài tâm, há pháp của một tâm cùng với pháp của một tâm tạo sự chướng ngại? Cũng là pháp của một tâm cùng với pháp của một tâm tạo ra sự giải thoát?

Không có chướng ngại, không có giải thoát. Pháp của một tâm thì một tức là tâm, tâm tức là một, không có một khác tâm, không có tâm khác một. Một gồm thân pháp giới, tâm gồm thân pháp giới. Vô lượng vô biên cảnh giới vọng tưởng, tịch tĩnh không dấy khởi mà hợp với trung đạo lìa tướng. Tất cả các pháp là bình đẳng, một vị, một tướng, là vô tướng, tạo nên một loại ánh sáng. Gió sóng nơi biển của tâm địa thì gió ấy đã vĩnh viễn dừng, sóng ấy đã hoàn toàn trụ. Đây gọi là thông đạt tướng của sự đối trị. Vì sao? Vì tất cả hành giả nếu không quy về môn đối trị này, thì không lấy gì để phá vỡ tà đạo chế phục chấp trước sai lầm. Như Bản luận viết: “Nên nghĩ đến cảnh giới chỉ là tâm thì cảnh giới tức diệt và rốt cuộc là không bị não loạn”.

Đã nói về môn thông đạt pháp hành đối trị. Tiếp theo là nói về môn nghiệp dụng của tướng riêng đã tạo. Theo trong môn này tức có tám. Những gì là tám môn? Đó là: (1) Môn xuất hiện tướng người khiến tin. (2) Môn xuất hiện ngôn thuyết làm loạn tâm thức. (3) Môn đạt được trí của ba đời làm mê hoặc người. (4) Môn không lìa các thứ trói buộc của thế gian. (5) Môn nêu tâm tánh vô thường sinh tán loạn. (6) Môn khiến đạt được tà định không phải là thật. (7) Môn khuyến thỉnh hành giả lìa bỏ tà. (8) Môn phân biệt chọn lựa thật giả khiến hiểu rõ. Như thứ lớp ấy nói về tướng nên quán xét kỹ. Theo trong môn thứ nhất tức có ba loại người. Những gì là ba loại? Một là người thuộc nẻo trời. Hai là người thuộc Bồ-tát. Ba là người thuộc Như Lai. Nếu có người của ngoại đạo tạo ra ba hình tượng này, thì đều dùng bao nhiêu môn? Đều có sáu môn. Những gì là sáu môn? Đó là: (1) Môn tạo hình tượng. (2) Môn cúng tế cầu xin. (3) Môn thần chú. (4) Môn tụng kinh. (5) Môn A hô. (6) Môn khuyến thỉnh.

Nói về môn tạo hình tượng: Là thuận theo xứ sở dùng hình tượng người nào để tạo ra hình tượng loại người đó.

Nói về môn cúng tế cầu xin: Là dùng vô số các loại thức ăn uống, vô số thân mạng chúng sinh để làm việc cúng tế.

Nói về môn thần chú: Là thuận theo xứ sở ấy mà đọc tụng Đà-la-ni.

Nói về môn tụng kinh: Là đọc tụng các kinh như Bát Đà Đa...

Nói về môn A hô: Là tùy theo việc đã làm, không cần phải nói gì khác, chỉ nói lời này: A hô a.

Nói về môn khuyến thỉnh: Là hướng về Đức Thế Tôn của mình để khuyến thỉnh thần lực.

Nói về việc tạo hình tượng thì tướng ấy là thế nào? Lại trong lúc tạo hình tượng thuộc trời thì phải như thế nào? Nghĩa là ở nơi đầu mặt mắt tai mũi lưỡi thân và tay chân, trong chín xứ này mỗi mỗi xứ đều tụng một vạn tám ngàn biến Đà-la-ni để chú nguyện thành lập xứ ấy. Đó là nếu trong lúc tạo hình tượng phần mắt thì tụng chú: Già a na thi đế, phiệt ô đa a xác bà a xác xoa bà đế bạt đào đế đa đà đà na, thi bà thi xoa na ô tra ô vận thi, la la la la la la la la la (chín chữ la), nặc nặc nặc nặc nặc nặc nặc nặc nặc (chín chữ nặc), bạt đa bạt đa đế khư chỉ la ca kết na la la khư chỉ na già thi ha ha đế, gia gia gia gia già bạt thi, tỳ kiện tỳ kiện thi, na xoa sa sa sa, kiện bạt đế a đa na thi, a đa na thi, bạt đa na thi, bạt đa na thi, ha sa ha y đa lợi lợi sa lê đế, già già già già già, y y y y y, , đa đa đa đa đa, thi thi thi thi, ni ni ni ni ni, lam lam lam lam, đế đế đế đế, na thi na a y a y bạt đà đế bạt đa đề đa đa bạt đa đề sa bà a kha ha. Nếu tụng thần chú này một vạn tám ngàn biến xong rồi, thì hình tượng của phần mắt thanh tịnh thanh tịnh đủ, nhãn căn tịnh động chuyển lại chuyển sang rõ lạnh lợi.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần tai thì tụng chú: Úm ma sa chỉ y na, úm ma sa chỉ y đa, bạt đà đà đề ô a ô a na yết la, yết na na na la la na na la, a a a a a a a a a (mười chữ a), ha ha

ha ha ha ha ha ha ha ha (mười chữ ha), già già già già già già già già già già già (mười chữ già), đà đà đà đà đà đà đà đà đà đà (chín chữ đà), chỉ chỉ chỉ chỉ chỉ chỉ chỉ chỉ (tám chữ chỉ), đế đế đế đế đế đế đế đế đế (tám chữ đế), ná ná ná ná ná ná ná ná (bảy chữ ná), lê lê lê lê lê lê lê lê (bảy chữ lê), đà dạ đà tha dạ đà đà dạ ô đá đề ô đá đề, bạt đà ô đa đề, tỳ lê sa ma a an đà, bà yết na, na na thi sa bà ha a kha. Nếu tụng thần chú này đủ một vạn tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần tai thanh tịnh thành tựu đủ, lý bắt đầu chuyển động, lại chuyển sang sáng rõ sắc bén.

Nếu là trong thời gian tạo tác hình tượng của phần mũi thì tụng chú: Bà chỉ la la đế, a ma di đà ni lam bà a thi đề chỉ ô yết na thi, hô hô hô hô ha ha tỳ già kiện na thi đề lâu ma, ma thi ma la ô già na, tát bà đề lê đế, ô đà ni, kiện thân đá đà tỳ thi na, già ha di đế a ha a hô, na la na la thi chỉ a di lợi bà, xoa xoa xoa xoa xoa xoa xoa xoa xoa xoa (mười chữ xoa), bà xoa a đà đá y na, tư tư tư tư tư tư tư tư tư tư tư tư (mười hai chữ tư), kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện (mười hai chữ kiện), a ha bà bà, bà bà a ha, ha chỉ dạ, ma chỉ dạ đà chỉ dạ a thi đế, kiện bà lê xà xà xà xà, di di di di, bà bạt thi, thổ thổ sa bà ha a ha. Nếu tụng thần chú này đủ một vạn tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần mũi thanh tịnh thành tựu đủ, tùy theo động tác dẫn dắt chuyển càng chuyển sang sáng rõ nhanh nhẹn.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần lưỡi thì tụng chú: A ma a y dạ, khư na thi, đế đề bạt đa đề, a chỉ bà đá đá ma đà đá, a la đế ná ô bà ná ô ná ô thi ô ô, chỉ bạt y thân đề, a chỉ a bối ni tỳ xa ô chỉ na, kết kết kết kết ná thư đế ô thư đế a đá chỉ, bàn đá chỉ, thi ha dạ, ma xà a đá đế kiệt na ha, bà na ha, ô thi đế thi đế, ca tỳ đề na a chỉ đà, ma na thi ma na thi, xà chỉ xà chỉ, tỳ xà chỉ, sa bà ha a ha. Nếu tụng thần chú này đủ một vạn tám ngàn biến rồi, thì

hình tượng của phần lưỡi thanh tịnh thành tựu đủ, hiểu rõ nghiệp động chuyển lại chuyển sáng sáng rõ nhanh nhẹn.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần thân thì tụng chú: Khư a y đế ca y a ca y, bà bà tỳ bà bà bà bà bà đề thư ô ma thư ô, bạt đá a bạt đà bà kiết na, ha y ha y ha ha ha ha y, tất ô đế ma na thi, phẫu đế đá khư chỉ di ô đế da da bà da da, a man ni, bà bà a man ni, xà ha ma xà ha bà đế, kiết na thi kiết na thi kiết na thi, a di đế a di la sa bà, a ha a kha a ha kha. Nếu tụng thần chú này đủ một vạn tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần thân thanh tịnh thành tựu đủ, mới làm cho nét mặt thay đổi.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần tay thì tụng chú: Yêm ma ô dạ đế, a dạ a man đá, ô ná bà đế tỳ ná thi, thư chuyển bà, ca la di ô, ha đà độ thi, ma di thi di thi, di thi di thi, chỉ tất đế, bà tỳ ma, a tỳ ma, ha kiện bạt đế, ô đa na, bà đà na sa bà a ha a kha. Nếu tụng thần chú này đủ một vạn tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần tay thanh tịnh thành tựu đủ, ngón tay tròn có đủ móng.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần chân thì tụng chú: Kha y dạ, ma y dạ, kiết la đế, bà la đế, kiện na kiện na cuu ma cuu đế, cuu ma bạt đế, a chỉ sa a chỉ bà, ha na ha na sa bà ha, a ha a kha. Nếu tụng thần chú này đủ một vạn tám ngàn biến rồi thì hình tượng của phần chân thanh tịnh thành tựu đủ, ngón chân tròn có đủ móng.

Nếu là trong lúc tạo tác phần đầu và mặt, như thứ lớp ấy thì hai thần chú đầu tức đầu lấy làm sau, sau lấy làm đầu, thứ tự ngược lại tụng đủ một vạn tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần đầu và mặt thanh tịnh thành tựu đủ, các tướng tốt đẹp vi diệu đều hiện rõ. Nếu các thứ căn đã tạo tác xong, thì cần phải lần lượt chú nguyện khiến in sâu nơi tâm thức. Nghĩa là nêu lên vòng chữ *Kiết Na La* để khắc ghi nơi tâm hình tượng kia, liền tụng lời chú: Mười tám chữ Phạm đọc là Ô. Mười tám chữ Phạm đọc là Nám. Mười tám

chữ Phạn đọc là Ân. Mười tám chữ Phạn đọc là Tập. Nếu tụng thần chú này đủ một vạn tám ngàn bốn trăm năm mươi biến, thì tâm lượng đầy đủ, không gì là không hiểu rõ.

Đã nói về môn tạo hình tượng. Tiếp đến là nói về môn cúng tế cầu xin.

Vì để thành tựu hình tượng chư thiên, do môn thần chú đã tròn đủ không thiếu, vậy có gì không đủ lại dùng môn cúng tế? Vì môn thần chú về lý tuy là đủ, nhưng lượng thời gian không được trụ lâu, chỉ trong vòng bảy ngày không quá số này. Nếu dùng môn cúng tế thì hình tượng kia dùng trụ, hoặc là mười bảy ngày, hoặc là một trăm lẻ bảy ngày, cho đến ngàn ngày. Vì nghĩa này nên dùng môn cúng tế cầu xin. Môn cúng tế cầu xin tướng ấy là thế nào? Nghĩa là tạo hình tượng xong rồi, tức trong khoảng phía trước hình tượng kia dùng các loại vật phẩm cúng dường để tiến hành việc cúng tế. Việc cúng tế hoàn tất, thì nơi nét mặt hình tượng ấy hiện rõ sự vui thích thọ dụng. Thọ dụng xong tức nói cho những người cầu xin kia biết: Trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày cùng một trăm ngày, cho đến trong ngàn vạn ức ngày, trụ nơi thân tâm của ta tùy theo chỗ vui thích của các người, tùy theo chỗ mong cầu của các người, luôn tùy thuận không trái ngược. Nay lấy sự việc này làm điểm chính của môn.

Đã nói về môn cúng tế cầu xin. Tiếp theo là nói về môn thần chú. Do hai môn trước về lý là viên mãn không có thiếu sót. Vậy do nghĩa gì lại cần đến thần chú? Đó là có hai thứ sự việc còn thiếu sót, là sự trang nghiêm và sự qua lại. Do nghĩa này nên lập môn thần chú. Nếu để thành lập các thứ vật dụng trang nghiêm vi diệu thuộc trên trời thì cần đến những thần chú gì? Nghĩa là nếu để tạo ra các vật dụng trang nghiêm thuộc cõi trời thì tụng lời chú: Ân ma đề đế man đá, xà tỳ na, a ha thi, kiện ô ma ca thi đế, di khư thi đà xoa la a ma y ma ma ma dạ ô ha na, ô ha ha ô ha ha, ô ha na...

(Mười một chữ Phạn đọc là Trập). Bạt a bạt a a a a a, bạt ma thi. (Ba mươi chữ Phạn đọc là Ngân). Sa bà ha a ha a ha. Nếu tụng thần chú này đủ hai vạn ba ngàn biến rồi, tức liền từ thời gian ấy, vô số các vật dụng trang nghiêm thắng diệu của cõi trời thầy đều xuất hiện ngay trước mặt không thiếu thứ gì. Xuất hiện xong xuôi tức thuận theo nơi chốn thích hợp đi đến trong phần thân để trang nghiêm đủ khắp.

Nếu để cho việc qua lại lui tới không có chướng ngại, nên cần đến những thần chú nào? Nghĩa là nếu vì muốn đi lại tự tại, thì tụng lời chú: A bà bà bà bà lê, na la a la để cru na thi, ma ha đà, nam a lê y dạ, a nam a lê y da, a a nam a nam a a A-lê-da, bà bà a nam a a da, thi na thi na, ma thi na ma thi na đá đà để, kiệt la kiệt la bà kiệt na, đá đá để, đa đa đề, thần thần na, sa bà ha a a ha ha. Nếu tụng thần chú này đủ hai vạn một ngàn biến rồi, thì hình tượng đã tạo hoặc đi hoặc đến, hoặc bay hoặc nhảy, tùy thời, tùy xứ, tùy mong cầu, tùy ưa thích, đi lại lui tới tự tại không có chướng ngại. Nay lấy sự việc này làm điểm chính của môn.

Đã nói về môn thần chú. Tiếp theo là nói về môn tụng kinh. Do nghĩa gì mà kiến lập môn này? Đó là vì khiến tăng thêm sinh mạng của uy đức. Sự việc này là thế nào? Nghĩa là các đệ tử của Đức Phật, trong lúc dùng các thứ môn để đối trị, nếu không cần đến môn tụng kinh này, thì uy lực khó đối trị. Nếu như vậy thì nên tụng những kinh gì? Đó là kinh Bát Đà Đa, kinh Ma Đầu Đà, kinh Bà Ô Xá v.v... Tụng những kinh này để làm môn đối trị. Do nghĩa ấy nên lập môn tụng kinh.

Đã nói về môn tụng kinh. Tiếp theo là nói về môn A hô. Vì nghĩa gì mà kiến lập môn này? Nghĩa là có thể thành tựu sự việc là nêu bày tóm tắt. Nghĩa này là thế nào? Nếu để thành tựu sự việc mà cần đến ngôn ngữ khác thì không thành tựu. Nếu lúc thành tựu

sự việc thì nói như vậy: A Hô A Hô tức liền thành tựu. Vì sao? Vì nêu bày không chung. Vì nghĩa này nên lập môn A Hô.

Đã nói về môn A Hô. Tiếp theo là nói về môn khuyến thỉnh. Do nghĩa gì mà kiến lập môn này? Vì để hành lễ. Nghĩa này là thế nào? Vì có những việc làm kính ngưỡng bậc thượng nhân của mình nên lại khuyến thỉnh. Vì nghĩa này nên lập môn khuyến thỉnh.

Đã nói về môn tạo tác hình tượng chư thiên có sai biệt. Tiếp theo là nói về môn tạo tác hình tượng Bồ-tát. Nêu rõ trong môn này cũng có đủ sáu môn, chỉ nơi môn chung và riêng thì có sai biệt. Chung là môn cúng tế cầu xin, môn thần chú, môn A Hô, môn khuyến thỉnh. Riêng là môn tạo hình tượng và môn tụng kinh. Trong hai tướng riêng thì môn đầu tạo hình tượng, tướng ấy là thế nào? Nghĩa là như trước đã nói. Trong chín loại xứ đều tụng Đà la ni thần chú. Tất cả tướng ấy là thế nào?

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần đầu, thì tụng lời chú: Đá đá đá đá ha đá đá đá đế bà bà bà bà y bà bà bà bà đế xoa bà xoa bà đi la đế... (Tám chữ Hán). A ma ha đế sa bà ha a a ha ha. Nếu tụng thần chú này đủ tám ngàn bốn trăm năm mươi biến rồi, thì hình tượng của phần đầu được thành lập đầy đủ.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần mặt thì tụng lời chú: Thi ná ô bà đế ha ha ha ha y y y y, ma khư dạ, cuu đà thi đà đế, ma ha a ma ha tất ô đế, sa bà ha a a ha ha. Nếu tụng thần chú này đủ ba ngàn bảy trăm biến rồi, thì hình tượng của phần mặt được thành lập đầy đủ.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần mắt thì tụng lời chú: Đà bạt thi ná ma ni khư sa thản di đế già xà đá tỳ tọa lê a ma thi đà ma thi đà ni ca da ca da tăng khư da ha sa ni sa bà ha a a ha ha. Nếu tụng thần chú này đủ tám ngàn bốn trăm năm mươi biến rồi, thì hình tượng của phần mắt được thành lập đầy đủ.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần tai thì tụng lời chú: A ma ma y ma ma bà ma ma đá ma ma kiện cư đề ca cư đề. Tỳ na thi ca ca ca ca ca sa bà ha a a ha ha. Nếu tụng thần chú này đủ sáu vạn một ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần tai được thành tựu đầy đủ.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần mũi thì tụng lời chú: Bà bà bà bà tỳ bà bà bà đề kiện na thi sa bà ha a a ha ha. Nếu tụng thần chú này đủ mười vạn tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần mũi được thành lập đầy đủ.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần lưỡi thì tụng lời chú: (Chữ Phạn) đế (chữ Phạn) đế (chữ Phạn) đế (chữ Phạn) đế na đà na đà ô đề sa bà ha a a ha ha.

Nếu tụng thần chú này đủ năm vạn bảy ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần lưỡi được thành lập đầy đủ. Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần thân thì tụng lời chú: Thân tỳ đề thân tỳ đề đá đá thân tỳ đề, na la thi đế sa bà ha a a ha ha. Nếu tụng thần chú này đủ mười vạn bốn ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần thân được thành lập đầy đủ.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần tay thì tụng lời chú: Trá đề trá đề, năm đế năm đế, thi đà thi đà, na di na di, sa bà ha a a ha ha. Nếu tụng thần chú này đủ tám vạn một ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần tay được thành lập đầy đủ.

Nếu là trong lúc tạo tác hình tượng của phần chân thì tụng lời chú: Đa chi đà, đa chi đà, khư chỉ la ma ha ni trá nam thi la la la la sa bà ha a a ha ha. Nếu tụng thần chú này đủ ba vạn hai ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần chân được thành lập đầy đủ.

Tạo tác các căn xong thì cần phải lần lượt chú nguyện khiến in sâu vào tâm thức. Nghĩa là nêu lên vòng chữ *Kiệt Na La* để khắc ghi nơi tâm hình tượng kia, liền tụng lời chú: Mười lăm chữ Phạn

đọc là Yên. Mười lăm chữ Phạn đọc là Á. Mười lăm chữ Phạn đọc là Phát đã. Mười lăm chữ Phạn đọc là Khôn. Sa bà ha a a ha ha. Nếu tụng thần chú này đủ hai vạn ba ngàn biến rồi, thì tâm thức gồm đủ không gì là không hiểu rõ.

Đã nói về môn tạo tác hình tượng. Tiếp theo là nói về môn tụng kinh. Tướng ấy là thế nào? Đó là tụng các kinh như kinh Tỳ Xá Xà Ni, kinh A Khư Đa Đà, kinh Ưu Bà La Nhất Thi, kinh Đề Xoa Khư La v.v...

Đã nói về môn tạo tác hình tượng Bồ-tát. Tiếp đến là nói về môn tạo tác hình tượng Như Lai. Theo trong môn này cũng có đủ sáu môn, nhưng chung và riêng thì không đồng. Riêng nghĩa là môn tạo hình tượng. Chung là năm môn còn lại. Môn tạo hình tượng: Tướng ấy là thế nào? Nghĩa là như trước đã nói, trong chín xứ chú nguyện, như thứ lớp đó đều thêm vào một câu. Nếu chú nguyện gói gắm vào tâm thì đều riêng khác. Câu chú đã thêm thì tướng ấy là thế nào? Câu chú nói: Na na a na la bà bà di đá đế cru xa đà ni ma ha thi trá già sa xà ni chi đà đế mạn đá đế tất ô đề đà đà đế xoa bà ni.

Chú nguyện để ghi khắc vào tâm thì tướng ấy là thế nào? Chú nói: Mười lăm chữ Phạn đọc là Ấp. Mười lăm chữ Phạn đọc là Am. Mười lăm chữ Phạn đọc là Chân. Mười lăm chữ Phạn đọc là Uẩn. Nếu tụng thần chú này đủ một vạn tám ngàn biến rồi, thì tâm thức gồm đủ không gì là không hiểu rõ.

Đã nói về đối tượng được đối trị. Tiếp theo là nói về chủ thể đối trị. Nếu như vào những lúc hình tượng thiên tử thiên nữ thanh diệu đi đến nơi ở của hành giả thì tà chánh có sai biệt làm sao nhận biết được? Điều nghi ngờ này là do đâu? Do tâm niệm tạp loạn. Nghĩa này là thế nào? Đó là trong Khế kinh Vô Lượng Quang Minh đã nêu giảng như vậy: “Nếu người tu hành tâm thanh tịnh, thì vô lượng vô biên các thiên tử, vô lượng vô biên các thiên nữ,

tung rải vô số các loại hoa thượng diệu, đốt các loại danh hương hiện có, hiện ra vô số các loại âm nhạc vi diệu bậc nhất, bày biện đủ các loại vật dụng trang nghiêm đẹp đẽ hơn hết, diện mạo rất đáng yêu thích, đi đến nơi ở của hành giả để cúng dường”. Vì sao? Vì kính trọng pháp tu. Người thuộc ngoại đạo kia cũng hiện ra hình tượng chư thiên, đi đến trụ xứ của hành giả như trước không khác. Về hình tượng tà chánh kia có sai biệt là khó có thể nhận biết rõ. Giải thích nghi này tức có sáu môn. Những gì là sáu môn? Đó là: (1) Môn dùng chú để biết căn hoại, không hoại. (2) Môn dùng vật dụng trang nghiêm là viên ngọc tròn có hay không có. (3) Môn theo ánh sáng nơi thân, mắt nhìn được nhập vào hay không. (4) Môn nơi cuối đầu tóc có kết lại hay không kết lại. (5) Môn cùng từ bỏ cả hai không chấp giữ. (6) Môn cùng giữ lấy gồm thân không loại trừ. Đó gọi là sáu môn.

Nói về môn dùng chú để biết căn hoại hay không hoại: Nghĩa là tụng chú Đà-la-ni để đối trị, nếu thật sự là chư thiên thì các căn kia không hoại. Nếu là chư thiên giả thì các căn kia tức hoại mất không có gì. Lấy điều ấy để phân biệt. Tụng chú thì hình tướng ấy có tướng thế nào? Nghĩa là có hai ý. Những gì là hai ý? Một là tụng ngoại chú. Hai là tụng nội chú. Lúc tụng ngoại chú, nếu là chư thiên thật thì không có tăng giảm sai khác. Nếu là chư thiên giả thì các căn ấy cùng dần dần tăng trưởng. Tướng tụng thần chú như thứ lớp ấy là không vượt quá số lượng, là tụng như như. Lấy điều ấy để phân biệt. Nói về nội chú thì tướng ấy là thế nào? Nghĩa là chú nguyện vào mắt, tức tụng lời chú: Thân diệt đá ma ha cuu thi đế ca na tỳ chỉ đế di đá ni, tư ô bà, tất đà ni, bà thân xa tỳ, a na đế a chỉ ni ma chỉ ni, đà đà đế sa bà ha đế, ma ha sa bà ha đế sa bà ha. Nếu tụng thần chú này đủ ba bảy biến thì nhãn căn hoại mất đều không thật có. Các xứ còn lại đều có thần chú, nhưng không cần thiết nên lược bỏ không giải thích.

Đã nói về môn dùng chú để biết căn hoại hay không hoại. Tiếp đến là nói về môn dùng vật dụng trang nghiêm là viên ngọc tròn có hay không có. Tướng ấy là thế nào? Đó là nếu là chư thiên thật thì trong vật dụng trang nghiêm có mười viên ngọc tròn. Nếu là chư thiên giả thì nơi vật dụng trang nghiêm không có những viên ngọc kia. Lấy điều đó để phân biệt.

Đã nói về môn dùng vật dụng trang nghiêm là viên ngọc tròn có hay không có. Tiếp theo là nói về môn theo ánh sáng nơi thân mắt nhìn được nhập vào hay không. Tướng ấy là thế nào? Nghĩa là nơi hành giả kia trong lúc khép mắt, nếu là chư thiên thật thì ánh sáng nơi thân của họ nhập vào bên trong mắt kia. Nếu là chư thiên giả thì không nhập vào bên trong mắt kia. Lấy điều này để phân biệt.

Đã nói về môn theo ánh sáng nơi thân mắt nhìn được nhập vào hay không. Tiếp theo là nói về môn cuối đầu tóc có kết lại hay không kết lại. Tướng ấy là thế nào? Nghĩa là xem tướng nơi đầu tóc, nếu là chư thiên thật thì phần cuối của hai búi tóc kết lại với nhau. Nếu là chư thiên giả thì phần cuối của hai búi tóc tách rời nhau. Lấy điều ấy để phân biệt.

Đã nói về môn nơi cuối đầu tóc có kết lại hay không kết lại. Tiếp theo là nói về môn cùng từ bỏ cả hai không chấp giữ. Tướng ấy là thế nào? Nghĩa là quan sát nếu là chư thiên thật hay là chư thiên giả, chỉ là từ nơi cảnh giới hiện lượng của tâm vọng, không có gì là thật, nên không chấp trước vào đâu. Lấy điều này để đối trị.

Đã nói về môn cùng từ bỏ cả hai không chấp giữ. Tiếp theo là nói về môn cùng giữ lấy gồm thân không loại trừ. Tướng ấy là thế nào? Nghĩa là quán xét nếu là chư thiên thật hay là giả thì đều là một chân như, đều là một pháp thân không có dị biệt, nên không đoạn trừ. Lấy điều ấy làm sự đối trị.

Đã nói về môn đối trị loại trừ hình tượng chư thiên. Tiếp theo là nói về môn đối trị hình tượng Bồ-tát. Theo trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn tụng chú để nhận biết rõ tà chánh. Hai là môn dùng trí tuệ quán xét không chấp trước. Nói về môn tụng chú thì tướng ấy là thế nào? Nghĩa là lại chú nguyện nơi tâm tức thì tụng lời chú: Thân a đá na tỳ đề, ma cru đế bà ni bà bà ni, tư tất đế, xà na na thi ô ma a chỉ đà a chỉ đà sa bà ha. Nếu tụng thân chú này đủ tám trăm mười biến rồi, thì Bồ-tát kia trở nên bất động, ví như gỗ đá. Dùng điều này để đối trị. Trong tất cả các căn và vật dụng trang nghiêm đều có thân chú cùng nhiều thứ môn nhưng không cần thiết, vì thế lược bớt không nói.

Đã nói về môn tụng chú để nhận biết rõ tà chánh. Tiếp theo là nói về môn dùng trí tuệ quán xét không chấp trước. Tướng ấy là thế nào? Nghĩa là dùng trí tuệ quán xét về lý không, vô tướng của các pháp, nên không chấp trước.

Đã nói về môn đối trị hình tượng Bồ-tát. Tiếp theo là nói về môn đối trị hình tượng Như Lai. Tướng ấy là thế nào? Theo trong môn này cũng gồm đủ hai môn, tên gọi như trước đã nói.

Nói về môn thân chú thì tướng ấy là thế nào? Nghĩa là lại chú nguyện nơi ánh sáng, liền tụng lời chú: Đá diệt thân án na la đế, sâm chỉ la, thi đà ni xà kiện ni bà kiện ni ma na da, ô bà đế, xà ma la sa bà ha. Nếu tụng thân chú này đủ bốn trăm biến, nếu thật là Như Lai thì ánh sáng nơi thân tướng kia tức không tổn giảm. Nếu là hình tượng Như Lai giả thì ánh sáng nơi thân tướng kia tức liền tổn giảm tạo thành màu u ám. Lấy điều ấy để phân biệt.

Môn thứ hai là quán xét như đã nói ở trước, nên tư duy kỹ. Nghĩa là có ngoại đạo tạo tác tất cả vô số loại khác nhau, đi đến trụ xứ của hành giả làm tán loạn tâm thức của hành giả. Bấy giờ nên trì tụng những thứ chú gì? Nghĩa là có thân chú là chung không phải là riêng. Đó là thân chú Đại Đà-la-ni đã thuyết trong Khế

kinh Như Lai Tổng Trì Pháp Tạng Nhân Duyên. Trong Khế kinh ấy đã nêu giảng như thế nào? Nghĩa là trong Khế kinh ấy đã nói như vậy: “Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền thưa với Đức Phật: Thế Tôn! Tất cả vô số các loại tà đạo lúc đi đến trụ xứ của hành giả, làm cho tâm hành giả tán loạn, tức nên dùng những môn gì để trừ bỏ? Đức Như Lai liền bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Có pháp môn sâu xa, có thể khéo đối trị chung tất cả tà đạo. Đó gọi là pháp môn Chư Phật Vô Tận Tạng Vô Ngại Tự Tại Ấn Đà La Vĩng Tùy Thuận Tùy Chuyển Tổng Trì Đại Đà La Ni. Nay Văn-thù-sư-lợi! Hãy lắng nghe kỹ và khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói. Nay Văn-thù-sư-lợi! Nói là pháp môn Thông Đạt Vô Ngại Tự Tại Tổng Trì Đại Đà La Ni là kho báu đã được hết thầy chư Phật nơi ba đời trong mười phương luôn hộ niệm, là phép tắc lớn của tất cả Bồ-tát nơi ba đời trong mười phương thường trì tụng, là ruộng phước rộng lớn của tất cả Thần Vương cùng tất cả hàng trời người nơi ba đời trong mười phương thầy đều lễ bái cúng dường. Khi ấy Đức Thế Tôn tức tụng thần chú: Đát điệt tha, na la thi, già nặc ô để già mạn đá, sa tỳ đề a ha di đà ni, bà già bà thi đế đà đà ô ma lê xà na phiệt ni đế, già đát ni sa da đá, cru trí na bà đề bà ha ma, y bà đá ni, tỳ thư ha, ô khu đá đà ni thì tập đề, xoa a da, kiện na thi sa bà ha. Nếu tụng thần chú này đủ tám ngàn bảy trăm năm mươi một biến rồi, tùy theo chỗ ứng hợp thì hết thầy chủng loại tà vạy đều thoái mất, không thể nào loạn. Như Bản luận viết: “Hoặc hiện ra hình tượng chư thiên, hình tượng Bồ-tát, cũng tạo ra hình tượng Như Lai đầy đủ các tướng tốt vẻ đẹp”.

Đã nói về môn xuất hiện tướng người khiến tin. Tiếp đến là nói về môn xuất hiện ngôn thuyết làm loạn tâm thức. Theo trong môn này tức có ba môn. Những gì là ba môn? Một là môn nói các Đà-la-ni. Hai là môn nói về tu hành nhân. Ba là môn nói về quả mãn đức. Ba môn nói như vậy đều do người nào nêu bày? Đó là nếu hình tượng chư thiên thì phần nhiều nói Đà-la-ni. Nếu là

hình tượng Bồ-tát thì phần nhiều nói về tu hành nhân. Nếu là hình tượng Như Lai thì phần nhiều nói về quả đức. Vì sao? Vì đều nói về những sự chứng đắc của mình khiến hành giả tin tưởng. Nói các Đà-la-ni thì tướng ấy là thế nào? Đó là có thể nói Đà-la-ni ánh sáng liên tục. Vì thế nếu tụng thần chú này thì có lợi ích gì? Nghĩa là nếu tụng thần chú này thì ánh sáng từ thân mình tức nối tiếp với thân người khác. Vì vậy hình tượng chư thiên đi đến trong trụ xứ của người tu hành, nói ra môn Đà-la-ni này xong rồi thì hành giả ấy từ xưa không có ánh sáng hiện tại mà có ánh sáng, nên hết sức hoan hỷ, dấy khởi suy niệm như vậy: Tôi nay nhờ nơi diệu lực của sự tu hành, nên hiện tại có ánh sáng thù thắng như vậy. Do đó, làm tán loạn từ chánh hạnh đi vào lưới tà của ngoại đạo. Do nghĩa này nên hình tượng chư thiên kia nói ra môn Đà-la-ni, tức tụng lời chú: A cú đá ma ma a bà thi, na khur da, ô bà sa ni đế khur da, a ha di già đế đất đá bà thi ha, phiệt na curu phiệt đế ca ma lê, di xoa di đất ni đà da đá đà ni, sa bà ha, di bà bà bà bà ha di a đá ni sa bà a ha. Nếu tụng thần chú này đủ năm ngàn ba trăm biến rồi, tức thì ánh sáng tương tục làm thành một. Lúc ấy hành giả tức tụng lời chú: Thần diệt đá già mạn ni, a bà di đà đế, xoa bạt na ni da ma ô đề, bà khur na la đế tỳ ha ô đế bạt bạt na đề, đa phiệt đà a ma la sa bà ha. Nếu tụng thần chú này đủ một trăm biến, thì ánh sáng nơi thân kia đoạn dứt không còn hiện rõ, cuối cùng không còn bị nhiễu loạn. Như Bản luận viết: “Hoặc nói các Đà-la-ni”.

Đã nói về môn nói các Đà-la-ni. Tiếp theo là nói về môn nói về tu hành nhân. Môn tu hành nhân tuy có vô lượng, nhưng không ra ngoài sáu loại Ba-la-mật. Vì vậy hình tượng kia vì người tu hành nói về sáu tư lương, làm tán loạn hành giả ấy khiến đi vào vùng lưới tà. Người ngoại đạo kia sẽ có lợi ích gì khi tạo ra những nêu bày như vậy để làm rối loạn hành giả? Vì hành giả tu tập, lúc ấy khởi ý lạc: Đoạn trừ tất cả ác, tu trì tất cả thiện, nhân hành viên mãn không có thiếu sót. Người ngoại đạo kia thị hiện sự đồng tâm

để khiến lia bỏ chánh đạo, hướng đến tà đạo. Như Bản luận viết: “Hoặc nói về bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ”.

Đã nói về môn nói về tu hành nhân. Tiếp theo là nói về môn nói về quả mãn đức. Môn nói về quả viên mãn tuy có vô lượng, nhưng không ra ngoài cảnh giới Niết-bàn tịch tĩnh. Vì thế hình tượng kia vì người tu hành nói về đức của Niết-bàn làm tán loạn hành giả ấy, khiến đi vào vùng lưới tà. Người ngoại đạo kia sẽ có ích lợi gì khi tạo ra những giảng nói như vậy để làm rối loạn hành giả? Vì hành giả ấy đang tu nhân với ý hướng là sẽ chứng đắc quả. Do đó, ngoại đạo xuất hiện nêu bày về quả đức thù thắng là điều mà hành giả đã mong cầu, có thể khiến tâm của hành giả ấy yêu thích tham chấp hướng về tà đạo. Như Bản luận viết: “Hoặc nói về bình đẳng, không, vô tướng, vô nguyện, không oán, không thân, không nhân, không quả, hoàn toàn không tịch, là Niết-bàn chân thật”.

Đã nói về môn xuất hiện ngôn thuyết làm loạn tâm thức. Tiếp đến là nói về môn đạt được trí của ba đời làm mê hoặc người. Ba đạt trí như thế thì tướng của chúng là thế nào? Đó gọi là nếu hai đạt trí của quá khứ vị lai đều thông đạt về tự cảnh, thì giới hạn xa nhất của hai trí kia là tám vạn kiếp, giới hạn gần nhất là có thể khéo thông đạt sự việc trải qua một đời. Như Bản luận viết: “Hoặc khiến người nhận biết về sự việc của túc mạng quá khứ, cũng nhận biết về sự việc của vị lai”. Nói về đạt trí của hiện tại tức là tha tâm trí. Đó gọi là có thể thông đạt vô số tâm tư của người hiện tại. Như Bản luận viết: “Đạt được tha tâm trí”.

Đã nói về môn đạt được trí của ba đời làm mê hoặc người. Tiếp đến là nói về môn không lia những trói buộc của thế gian. Nghĩa là người ngoại đạo khiến thành tựu một ức bốn vạn sáu ngàn loại biện giải của các luận thế gian và mười vạn tám ngàn

loại tài năng của các hý luận, trói buộc chúng sinh dừng trụ nơi thế gian không thể xuất ly. Như Bản luận viết: “Biện tài vô ngại có thể khiến chúng sinh tham chấp nơi các sự việc danh lợi của thế gian”.

Đã nói về môn không lìa những trói buộc của thế gian. Tiếp đến là nói về môn tâm tánh không bình thường sinh rối loạn. Đó gọi là phá hủy tâm tín kiên cố, có thể khiến phát khởi tâm không bình thường, đoạn bước chân của sự tu hành, dứt con đường của sự hướng nhập, dẫn vào vùng lưới tà và không có tánh. Như Bản luận viết: “Lại còn khiến con người luôn giận luôn vui, tánh không bình thường. Hoặc nhiều thương yêu, ngủ nhiều, bệnh nhiều, tâm ý trở nải biếng nhác. Hoặc chợt dậy khởi tinh tấn, sau liền dừng bỏ, sinh ra bất tín, nhiều nghi hoặc, nhiều suy xét. Hoặc bỏ hành thù thắng vốn có lại tu theo những nghiệp xen tạp. Hoặc vương mắc vào sự việc thế gian bị vô số thứ lôi kéo trói buộc”.

Đã nói về môn tâm tánh không bình thường sinh rối loạn. Tiếp đến là nói về môn khiến đạt được tà định không phải là thật. Nghĩa là người ngoại đạo đạt được hai mươi một loại tam muội tà, làm rối loạn người tu hành khiến đi vào vùng lưới tà. Như Bản luận viết: “Cũng có thể khiến người đạt được các tam muội, tương tự phần ít đều là do ngoại đạo chứng đạt không phải là tam muội chân thật. Hoặc lại khiến nhiều người nơi một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, cho đến bảy ngày, trụ trong định có được thức ăn uống thơm ngon tự nhiên, thân tâm vui vẻ, thư thái, không đói không khát, càng khiến nhiều người yêu thích tham đắm. Hoặc cùng khiến nhiều người ăn uống không chừng mực, nhiều ít thất thường, sắc diện thay đổi”.

Đã nói về môn khiến đạt được tà định không phải là thật. Tiếp đến là nói về môn khuyến thỉnh hành giả lìa bỏ tà. Nói về môn khuyến thỉnh hành giả lìa bỏ tà: Là khuyến tu trí tuệ, khéo phân biệt để trừ diệt các bệnh của ngu si, xua sạch những thứ sai

lầm của tà luận. Như Bản luận viết: “Vì nghĩa này nên hành giả thường xuyên thuận theo trí tuệ quán xét chớ khiến tâm ấy rơi vào vùng lưới tà, phải siêng năng hành chánh niệm, không giữ lấy, không chấp trước, tức có thể xa lìa những nghiệp chướng này”.

Đã nói về môn khuyến thỉnh hành giả lìa bỏ tà. Tiếp đến là nói về môn phân biệt lựa chọn thật giả khiến hiểu rõ. Đó gọi là tùy thuận ở trong thế gian gọi là tam muội giả. Nếu tùy thuận ở trong xuất thế gian thì gọi là tam muội thật. Hai loại tam muội nên nhận biết như vậy. Như Bản luận viết: “Nên biết các tam muội của ngoại đạo hiện có đều không lìa khỏi tâm kiến ái, ngã mạn, vì tham đắm đối với danh lợi và sự cung kính của thế gian. Tam muội của chân sư thì không trụ nơi tướng thấy, không trụ nơi tướng đạt được, cho đến ra khỏi định cũng không biếng trễ chậm chạp. Các thứ phiền não hiện có dần dần mỏng ít. Nếu các phàm phu không hành tập pháp tam muội này mà được nhập nơi chủng tánh của Như Lai, thì không có điều ấy. Vì tu theo các thiền tam muội của thế gian, phần nhiều dấy khởi chấp trước ý vị, đều dựa vào ngã kiến, là hệ thuộc ba cõi, cùng chung với ngoại đạo. Nếu như lìa các bậc thiện tri thức đã hộ trì, thì dấy khởi kiến chấp của ngoại đạo”.

Đã nói về môn giải thích rộng để đối trị ma sự. Tiếp theo là nói về môn tán thán công đức của tam muội.

* *Bản luận viết*: Lại nữa, người siêng năng tinh tấn chuyên tâm tu học tam muội này, thì đời hiện tại đạt được mười thứ lợi ích. Những gì là mười? Đó là: (1) Xứng đáng được chư Phật, Bồ-tát trong khắp mười phương luôn hộ niệm. (2) Không bị các loại ma quỷ xấu ác có thể làm cho sợ hãi. (3) Không bị chín mươi lăm thứ ngoại đạo, quỷ thần khiến mê hoặc rối loạn. (4) Xa lìa trọng tội phi báng giáo pháp thâm diệu, nghiệp chướng dần dần mỏng nhẹ. (5) Diệt sạch tất cả nghi, các loại giác quán xấu ác. (6) Đối với cảnh giới của Như Lai tín tâm được tăng trưởng. (7) Xa lìa các thứ ưu

não, ở trong sinh tử luôn dũng mãnh không khiếp nhược. (8) Tâm ý nhu hòa xả bỏ kiêu mạn, không bị kẻ khác nào hại. (9) Tuy chưa đạt được định, nhưng ở nơi tất cả thời, tất cả xứ của cảnh giới, tức có thể làm tổn giảm phiền não không vui thích nơi thế gian. (10) Nếu đạt được tam muội thì không bị tất cả âm thanh của ngoại duyên làm cho kinh động.

* *Luận giải thích*: Theo trong văn này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn nêu tổng quát. Hai là môn nêu bày chi tiết.

Nói về môn nêu tổng quát: Là nêu tổng quát về những điều đã nói. Như Bản luận viết: “Lại nữa, người siêng năng tinh tấn chuyên tâm tu học tam muội này thì đời hiện tại đạt được mười thứ lợi ích?”. Trong môn nêu bày chi tiết tự có hai môn: Một là môn nêu hỏi chung. Hai là môn nói riêng. Nói về môn nêu hỏi chung: Là nêu hỏi chung về những điều đã nói. Như Bản luận viết: “Những gì là mười?”. Theo trong môn nói riêng thì có mười thứ công đức thắng diệu do một định chân thật mà được thành tựu. Những gì là mười thứ? Đó là: (1) Công đức bảo vệ che chở. Vì luôn được tất cả vô lượng vô biên chư Phật, Bồ-tát hộ niệm. Như Bản luận viết: “Một là xứng đáng được chư Phật, Bồ-tát trong khắp mười phương luôn hộ niệm”. (2) Công đức khiến ma sợ hãi. Vì có thể khéo hàng phục tất cả ma. Như Bản luận viết: “Hai là không bị các loại ma quỷ xấu ác có thể làm cho sợ hãi”. (3) Công đức xuất sinh đạo. Vì có thể khéo xuất ly các tà đạo của hết thảy ngoại đạo. Như Bản luận viết: “Ba là không bị chín mươi lăm thứ ngoại đạo quỷ thần khiến mê hoặc rối loạn”. (4) Công đức lìa bỏ phỉ báng. Vì có thể xa lìa các tội như phỉ báng Đại thừa v.v... Như Bản luận viết: “Bốn là xa lìa trọng tội phỉ báng giáo pháp thâm diệu, nghiệp chướng dần dần mỏng nhẹ”. (5) Công đức trừ bỏ nghi. Vì có thể khéo quyết định đoạn trừ những nghi hoặc. Như Bản luận viết: “Năm là diệt

sạch tất cả nghi, các loại giác quán xấu ác”. (6) Công đức tin tưởng sâu rộng. Tức đối với cảnh giới thắng diệu khởi tâm vui thích tin tưởng càng thêm sâu rộng. Như Bản luận viết: “Sáu là đối với cảnh giới của Như Lai tín tâm được tăng trưởng”. (7) Công đức dũng mãnh. Do duyên nơi cảnh giới của chúng sinh khởi tâm đại bi tập thành vạn hạnh không biếng trễ. Như Bản luận viết: “Bảy là xa lìa ưu não, ở trong sinh tử luôn dũng mãnh không khiếp nhược”. (8) Công đức vô ngã. Vì có thể khéo đoạn trừ tất cả tác ý ngã mạn, đều là ý niệm thanh tịnh của Phật. Như Bản luận viết: “Tám là tâm nhu hòa xả bỏ kiêu mạn, không bị kẻ khác nào hại”. (9) Công đức chán lìa. Tức trong những cảnh giới như nơi tất cả thời nơi tất cả xứ, đều có thể khéo chê ngự trừ bỏ vô số phiền não. Không vui thích ở trong biển sinh tử của thế gian. Như Bản luận viết: “Chín là tuy chưa đạt được định, nhưng nơi tất cả thời, tất cả xứ của cảnh giới, tức có thể làm tổn giảm phiền não, không vui thích nơi thế gian”. (10) Công đức tịch tĩnh. Đối với tất cả các cảnh giới tán động, tâm ấy luôn an định không có động. Như Bản luận viết: “Mười là nếu đạt được tam muội thì không bị tất cả âm thanh của ngoại duyên làm cho kinh động”. Như thứ lớp ấy về số lượng là không tạp loạn, làm cho mặt sóng của tâm dừng lại. Nên xét chọn kỹ.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 10

Đã nói về môn tán thán công đức của tam muội. Tiếp theo là nói về môn hai luân đủ thiếu, tăng giảm.

* *Bản luận viết*: Lại nữa, nếu người chỉ tu tập pháp chỉ, thì tâm trầm lặng, hoặc sinh khởi lười nhác không vui thích các thứ thiện, xa lìa đại bi. Vì vậy cần tu quán. Tu tập pháp quán là nên quán xét tất cả pháp hữu vi của thế gian, không thể dừng trụ lâu mà phút chốc biến hoại, tất cả tâm hành niệm niệm sinh diệt, do đấy nên khổ. Nên quán xét các pháp đã nhớ nghĩ của quá khứ thì lờ mờ không rõ như mộng huyễn. Nên quán xét các pháp đang nhớ nghĩ của hiện tại giống như ánh chớp. Nên quán xét các pháp sẽ nhớ nghĩ của vị lai cũng như là mây nổi hốt nhiên khởi lên. Nên quán xét tất cả hữu thân ở thế gian thấy đều bất tịnh, đủ loại cấu uế, không một thứ gì đáng yêu thích. Như vậy tức nên suy niệm: Tất cả chúng sinh từ đời kiếp vô thủy đến nay đều nhân nơi vô minh đã huân tập, khiến tâm sinh diệt, đã thọ nhận khổ lớn của hết thân tâm, hiện tại tức có vô lượng bức bách, đời vị lai thọ khổ cũng không có giới hạn sai biệt, khó bỏ, khó lìa, lại không hiểu biết. Chúng sinh như vậy rất là đáng thương xót. Khởi lên tư duy ấy, tức nên dũng mãnh lập thế nguyện lớn, nguyện khiến tâm ta lìa các thứ phân biệt, ở khắp mười phương tu hành tất cả các công đức thiện. Tận cùng nơi đời vị lai dùng vô lượng phương tiện, cứu độ tất cả chúng sinh khổ não, khiến đạt được Niết-bàn đệ nhất nghĩa an lạc. Do khởi nguyện như thế, nên đối với tất cả thời, tất cả xứ hiện có các thiện đều tùy theo khả năng của mình luôn tu học

không lìa bỏ, tâm không biếng trễ, chỉ trừ lúc an tọa chuyên niệm nơi pháp chỉ, tất cả thời gian còn lại đều nên quán xét về điều nên làm và không nên làm. Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc dậy, đều thuận theo chỉ quán cùng hành. Đó là tuy suy niệm tự tánh của các pháp là không sinh, nhưng lại liên nghĩ về nhân duyên hòa hợp, các báo như khổ vui v.v... của nghiệp thiện ác là không mất không hoại. Tuy nghĩ về nhân duyên nơi nghiệp báo thiện ác, nhưng cũng tức nhớ nghĩ về tánh chẳng thể thủ đắc. Nếu tu pháp chỉ thì đối trị hành trụ chấp nơi thế gian của hạng phàm phu, có thể xả bỏ kiến giải khiếp nhược của hàng Nhị thừa. Nếu tu pháp quán thì đối trị lỗi lầm của tâm ý hẹp kém không phát khởi đại bi của hàng Nhị thừa, xa lìa hàng phàm phu không tu tập căn thiện. Do nghĩa ấy nên hai môn chỉ quán luôn cùng tương trợ để thành tựu, không lìa bỏ nhau. Nếu chỉ quán không gồm đủ thì không thể hội nhập nơi đạo Bồ-đề.

* *Luận giải thích*: Theo trong văn này tức có sáu môn. Những gì là sáu môn? Đó là: (1) Môn nêu ra lỗi lầm của luận chỉ do thiếu quán. (2) Môn hiển thị về tu hành luân quán. (3) Môn duyên nơi cảnh giới chúng sinh để lập nguyện. (4) Môn nêu hai luân cùng chuyển không lìa. (5) Môn hiển thị hai luân đã đối trị. (6) Môn tổng kết hai luân cùng chuyển.

Theo trong môn thứ nhất tức có bốn lỗi lầm. Những gì là bốn lỗi lầm? Một là lỗi lầm do chìm đắm. Vì tâm có nhiều mê muội nên không thể nhận biết rõ. Như đi vào trong căn nhà tối tăm của Ma-kiền-ha thi. Như Bản luận viết: “Lại nữa, nếu người chỉ tu tập pháp chỉ thì tâm trầm lặng”. Hai là lỗi lầm do không siêng năng. Vì tâm ấy biếng trễ nên không thể tinh tấn, như người A na tỳ đề. Như Bản luận viết: “Hoặc sinh khởi lười nhác”. Ba là lỗi lầm do bỏ điều thiện. Vì tâm chuyên nhất không thể phân biệt được điều gì nên làm và không nên làm, như người Bà đa ha di thi. Như Bản

luận viết: “Không vui thích các pháp thiện”. Bốn là lỗi lầm do lia tâm bi. Vì tâm ấy an tịch không thể phát khởi tâm đại từ bi. Như người căn bị hoại thì những mong muốn nơi tự thân lại không tăng trưởng. Như Bản luận viết: “Xa lia tâm đại bi”. Vì vậy cần tu pháp quán, tức là khuyên cùng chuyên.

Đã nói về môn nêu ra lỗi lầm của luân chỉ do thiếu quán. Tiếp theo là nói về môn hiển thị về tu hành luân quán. Ở đây tức có ba môn. Những gì là ba môn? Một là môn quán về tướng khổ. Hai là môn quán về vô thường. Ba là môn quán về bất tịnh.

Trong môn thứ nhất quán về tướng khổ có hai loại. Những gì là hai loại? Một là hoại khổ. Hai là hành khổ.

Nói về hoại khổ: Là tất cả pháp hữu vi thanh tịnh, có thể hoại tất cả pháp không thanh tịnh. Cũng như tất cả các pháp không thanh tịnh có thể hủy hoại tất cả các pháp thanh tịnh. Lại nữa, hai loại thế gian cũng hỗ tương hủy hoại. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Thế gian gồm đủ tất cả. (2) Thế gian hữu vi vọng tưởng.

Như vậy, pháp của hai loại thế gian là cùng hủy hoại lẫn nhau, vì thế nói là hoại khổ. Nếu tu pháp quán này thì đạt được lợi ích gì? Đó nghĩa là thành tựu một pháp thâm diệu do một mình tự làm. Như Bản luận viết: “Tu tập pháp quán là nên quán xét tất cả các pháp hữu vi của thế gian, không thể dùng trụ lâu mà chỉ phút chốc thì biến hoại”.

Nói về hành khổ: Là tất cả tâm hành ở trong niệm niệm luôn luôn dời chuyển, chóng sinh chóng diệt, không thể từ xứ này đến nơi xứ kia. Như Bản luận viết: “Tất cả tâm hành thì niệm niệm sinh diệt, vì thế nên khổ”.

Đã nói về môn quán tướng khổ. Tiếp theo là nói về môn quán vô thường. Theo trong môn này tức có ba loại. Những gì là ba loại? Đó là: (1) Vô thường đã qua: Là các pháp quá khứ trước

có sau không. Ví như giấc mộng lúc ngủ say thì có nhưng khi tỉnh giấc thì không có gì. Như Bản luận viết: “Nên quán xét các pháp đã nhớ nghĩ của quá khứ thì mờ mờ không rõ giống như mộng huyễn”. (2) Vô thường nay đang có: Là các pháp hiện tại, xưa không nay có, ví như ánh chớp tức thì liền diệt không thể dừng trụ lâu. Như Bản luận viết: “Nên quán xét các pháp đã nhớ nghĩ của hiện tại cũng như ánh chớp”. (3) Vô thường sẽ có: Là các pháp vị lai không có tự tánh hốt nhiên hiện đến, ví như mây nổi không biết từ đâu có, bỗng nhiên nổi lên khắp các phương. Như Bản luận viết: “Nên quán xét các pháp sẽ nhớ nghĩ của vị lai giống như mây nổi hốt nhiên khởi lên”.

Đã nói về môn quán vô thường. Tiếp theo là nói về môn quán bất tịnh. Nói quán bất tịnh: Là duyên với vô số thân khởi lên kiến giải về bất tịnh, xa lìa tham. Như Bản luận viết: “Nên quán xét tất cả hữu thân của thế gian thấy đều bất tịnh, có đủ loại cấu uế, không một thứ gì đáng yêu thích”.

Đã nói về môn hiển thị tu hành luân quán. Tiếp theo là nói về môn duyên với chúng sinh giới để lập nguyện. Theo trong môn này tức có hai loại. Những gì là hai loại? Một là môn duyên với chúng sinh để khởi tư duy. Hai là môn kiến lập thế nguyện khắp chốn.

Nói về môn duyên với chúng sinh để khởi tư duy: Nghĩa là duyên với vô lượng vô biên hết thấy chúng sinh trong ba cõi, khởi suy niệm như vậy: Từ vô thủy đến nay, vì bị vô minh căn bản che lấp, nên đã từ bỏ Phật tánh thanh tịnh của bản giác tự có, không biết ngày trở về nguồn cội, thời gian ra khỏi chốn che lấp của vô minh thì lại càng xa vời. Nếu ta không phát khởi tâm bi, không thấu giữ các chúng sinh, thì con đường đi đến quả vị chánh giác chỉ vượt quá vô số kiếp, thật sự là không có kỳ hạn. Vì thế nên phát khởi tâm đại bi không giới hạn. Như Bản luận viết: “Như thế

là nên suy niệm: Tất cả chúng sinh từ đời kiếp vô thủy đến nay, đều nhân nơi vô minh đã huân tập, nên khiến tâm sinh diệt, đã nhận lấy khổ lớn của hết thảy thân tâm, hiện tại tức có vô lượng thứ bức bách, đời vị lai thọ nhận khổ cũng không có giới hạn, khó bỏ khó lìa lại không hiểu biết. Chúng sinh như vậy thật là đáng thương xót”.

Nói về môn kiến lập thế nguyện khắp chốn: Nghĩa là khởi tư duy như vậy rồi, tức lập thế nguyện lớn, phát ra ánh sáng trí tuệ soi chiếu vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương, thông hiểu các loại tướng tâm trong vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương ấy, đối trị tất cả các phiền não nghiệp chướng trong vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương ấy, làm viên mãn biển hành nhân trong vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương ấy, chứng đắc quả đức trong vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương ấy, tất cả đều khiến trọn vẹn. Như Bản luận viết: “Khởi tư duy này, tức nên dũng mãnh lập thế nguyện lớn, khiến tâm ta lìa các thứ phân biệt, ở khắp mười phương tu hành tất cả các công đức thiện, tận cùng đời vị lai dùng vô lượng phương tiện, cứu độ hết thảy chúng sinh khổ, khiến đạt được Niết-bàn đệ nhất nghĩa an lạc”.

Đã nói về môn duyên với chúng sinh giới để lập nguyện. Tiếp theo là nói về môn hai luân cùng chuyển không lìa. Đó là khởi lập thế nguyện như vậy rồi, thì không ngừng tu tập hành trì biển nhân. Nếu như dấy khởi biển nguyện mà không siêng năng tu hành, thì không thể trang nghiêm làm viên mãn quả. Nếu là tu hành thì nên hành trì như thế nào? Nghĩa là gồm đủ hai luân khiến không thiên lệch. Có đủ tướng của hai luân thì trong Khế kinh nào đã nêu rõ về điều ấy? Đó là trong Khế kinh Văn Thù Sư Lợi Phát Khởi Thập Vạn Nhất Thiên Chung Thâm Tâm Quảng Đại Viên mãn Đà La Ni Khai Vấn Vấn Đại Giác Tôn Ích Đại Chúng Hải. Trong Khế kinh ấy đã giảng nói như thế nào? Đó là ở trong Khế kinh ấy giảng

nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền bạch Phật: Thế Tôn! Thế nào gọi là môn chỉ quán cùng hành không lìa nhau? Con cùng với tất cả vô lượng vô biên biển đại chúng thầy đều đi vào biển lớn của vô minh không hiểu không biết, không thể thông đạt, không thể xuất ly. Như chỗ thích hợp, nguyện xin Đức Thế Tôn vì chúng con và các hàng nam nữ mê muội cần được hiển thị phân minh. Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Hãy lắng nghe và khéo ghi nhớ. Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói. Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Ví như chim thiếu cánh
 Và chỉ một bánh xe
 Người đồng phần một chân
 Ngựa thiếu mắt thật nguy.
 Không thể bay cao xa
 Không chuyển được hàng hóa
 Đi qua các nẻo đường
 Không rơi hầm nẻo ác.
 Nếu đầy đủ một luân
 Hành giả thiếu một luân
 Cũng lại biết như vậy
 Do thật kia không có.
 Trong hư không pháp tánh
 Nương như lượng trí bay
 Vào nơi biển pháp tạng
 Chuyên chở báu nghĩa lý.
 Nơi đường phẳng chân như
 Đi lại thông suốt khắp
 Hết thấy ma, ngoại đạo
 Trong hầm sâu tà kiến.*

Không lại rơi xuống hố
 Thế nên các hành giả
 Hai luân gồm đủ chuyển
 Trọn không thể lìa bỏ.
 Nếu có người tu hành
 Không đủ hai luân này
 Chung không thể thông đạt
 Địa Đại giác vô thượng.

Nay nơi văn kinh này là nêu rõ về nghĩa gì? Đó là hiển bày chỉ rõ tu tập tam muội đạt được cảnh giới tịch tĩnh, tu tập trí tuệ soi chiếu cảnh giới tán động. Ở trong tịch tĩnh luôn không bỏ động. Ở trong tán loạn thường không lìa tịch. Nhưng không cùng lìa bỏ vì cùng hành cùng chuyển.

Lại nữa, vì nhằm hiển thị về tu tập tam muội đạt được cảnh giới rỗng lặng, tu tập trí tuệ soi chiếu cảnh giới đang có. Ở trong không vướng mắc vào có. Ở nơi có không nhiễm chấp vào không. Có không cùng soi chiếu, không có biện riêng. Nhưng không cùng lìa bỏ vì cùng hành cùng chuyển.

Lại nữa, vì muốn nêu bày chỉ rõ tu tập tam muội đạt được lý bình đẳng, tu tập trí tuệ soi chiếu sự sai biệt. Lý sự cùng đạt không có lệch về bên nào. Nhưng không lìa bỏ nhau vì cùng hành cùng chuyển.

Lại nữa, vì muốn làm rõ chỉ cần phải đợi quán mới được kiến lập, vì không phải là chỉ của tự tánh. Quán cần phải đợi chỉ mới được kiến lập, vì không phải là quán của tự tánh, vì cũng không có chỉ cũng không có quán.

Lại nữa, vì nhằm làm rõ chỉ tức là quán, quán tức là chỉ. Chỉ quán cùng một thể không có sai biệt. Như thứ lớp ấy nên xét chọn kỹ.

Như Bản luận viết: “Vì phát khởi nguyện như vậy, nên nơi tất cả thời, nơi tất cả xứ hiện có chúng thiện, tùy theo khả năng của mình không bỏ việc tu học, tâm không biếng trễ. Chỉ trừ lúc an tọa chuyên niệm đối với chỉ, tất cả thời gian còn lại đều nên quán xét điều gì nên làm và không nên làm. Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc dậy, đều thuận theo chỉ quán cùng hành. Đó gọi là tuy suy niệm tự tánh của các pháp là không sinh, nhưng lại tức suy niệm về nhân duyên hòa hợp thì các báo như khổ vui v.v... của nghiệp thiện ác đều không mất không hoại. Tuy suy niệm về nhân duyên nơi nghiệp báo thiện ác, nhưng cũng tức suy niệm về tánh chẳng thể thủ đắc”.

Đã nói về môn hai luân cùng chuyên không lìa. Tiếp đến là nói về môn hiển thị hai luân đã đối trị. Nếu có hành giả tu tập luân chỉ thì sẽ đối trị những lỗi lầm nào? Nghĩa là đối trị lỗi lầm của chúng sinh phạm phu chấp trước nơi có, cùng lỗi lầm của chúng sinh Nhị thừa vui thích nơi không. Cả hai lỗi lầm này đều dứt lìa hẳn. Như Bản luận viết: “Nếu tu pháp chỉ thì đối trị hàng phạm phu trụ chấp nơi thế gian, có thể xả bỏ kiến giải khiếm nhược của hàng Nhị thừa”.

Nếu có hành giả tu tập luân quán thì sẽ đối trị những lỗi lầm nào? Nghĩa là đối trị lỗi lầm của chúng sinh Nhị thừa đã xa lìa đại bi, không cứu độ chúng sinh khổ não, thấp kém. Đối trị lỗi lầm của chúng sinh phạm phu thường xuyên biếng trễ không thể tinh tấn, không tu phẩm thiện, ưa thích điều ác. Cả hai lỗi lầm cùng nên xuất ly. Như Bản luận viết: “Nếu tu pháp quán thì đối trị lỗi lầm của tâm ý hẹp kém không phát khởi đại bi của hàng Nhị thừa, xa lìa hàng phạm phu không tu căn thiện”.

Đã nói về môn hiển thị về hai luân đã đối trị. Tiếp theo là nói về môn tổng kết hai luân cùng chuyên. Nghĩa là tổng kết như trên đã nói về lỗi lầm lớn của hành giả khi tu tập không đồng bộ về

hai luân chỉ quán. Như Bản luận viết: “Do nghĩa này nên môn chỉ quán là cùng tương trợ để thành tựu, không cùng lia bỏ. Nếu chỉ quán không gồm đủ thì không thể hội nhập nơi đạo Bồ-đề”.

Đã nói về môn hai luân đủ thiếu tăng giảm. Tiếp theo là nói về môn khuyến khích hạng kém hướng về hạng hơn không thoái chuyển.

* *Bản luận viết*: “Lại nữa, chúng sinh mới học pháp này, mong cầu chánh tín nhưng tâm họ khiếp nhược, vì ở nơi thế giới Ta-bà này, tự sợ mình không thể thường được gặp chư Phật, gần gũi thừa sự cúng dường, sợ hãi cho là tín tâm khó có thể thành tựu, ý muốn thoái bỏ. Nên biết Đức Như Lai có phương tiện thù thắng để gồm thu hộ trì tín tâm. Nghĩa là do nhân duyên chuyên ý niệm Phật, tùy nguyện được sinh đến cõi Phật ở phương khác, thường được thấy Phật và vĩnh viễn xa lìa đường ác. Như trong kinh nói: “Nếu người chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc Tây Phương, đem căn thiện đã tu tập hồi hướng nguyện cầu sinh đến thế giới ấy, tức được vãng sinh, luôn được thấy Phật, nên rốt cuộc không có thoái chuyển. Nếu quán tưởng về pháp thân chân như của Đức Phật kia để thường siêng năng tu tập, thì cuối cùng được sinh trụ trong chánh định”.

* *Luận giải thích*: Theo trong văn này tức có bảy môn. Những gì là bảy môn? Đó là: (1) Môn hiển thị về người giả định hướng đến. (2) Môn quy y nơi giáo pháp đã học. (3) Môn nêu chán bỏ nơi chốn xấu ác khiến tín tâm thoái chuyển. (4) Môn nêu phương tiện thù thắng của Như Lai. (5) Môn nương theo uy lực đạt được xứ thắng diệu. (6) Môn nêu đạt được xứ thiện quyết định không thoái. (7) Môn nêu dẫn kinh để chứng minh điều mình đã nói. Đó gọi là bảy môn.

Nói về môn hiển thị về người giả định hướng đến: Đó là nêu rõ về bốn loại tâm trước khi đạt được vị mười tín. Lại là chúng

sinh thuộc phạm hạ không thắng tấn. Như Bản luận viết: “Lại nữa, chúng sinh v.v...”.

Nói về môn quy y nơi giáo pháp đã học: Là chúng sinh thuộc phạm hạ của vị mười tín kia đã quy y làm người mới tu học nơi giáo pháp Đại thừa thâm diệu không gì hơn. Đó gọi là bậc thầy của hết thầy chư Phật, ba đời không động, bốn tướng không dời, tự nhiên thường trụ nơi đạo lộ lớn của vị trước địa, trên địa. Như Bản luận viết: “Mới học pháp này”.

Nói về môn nêu chán bỏ nơi chôn xấu ác khiến tín tâm thoái chuyển: Là chúng sinh thuộc phạm hạ của vị mười tín kia, tuy đích thân nghe nhận pháp môn thâm diệu, nhưng tâm ý căn trí của họ thì rất thấp kém, sợ hãi hai sự việc lớn không thể thắng tấn, nên muốn thoái bỏ. Những gì là hai sự việc lớn? Một là cõi nước. Hai là thắng duyên. Nói cõi nước: Tức là thế giới Ta Bà này là xứ sở thô ác, chúng sinh ô trược tạp loạn. Phát khởi tâm tịnh để siêng năng tu hành là điều hết sức khó khăn. Vì sao? Vì ở trong tâm kia là cảnh giới trái ngược, nên nơi tất cả thời, nơi tất cả xứ, thường xuyên hiện tiền. Nhưng trong phương diện của tâm thắng tấn thì không lia bỏ. Nói thắng duyên: Là ở nơi thế giới này thì y báo chánh báo là ô trược tạp loạn, hết thầy chư Phật xuất thế là rất ít, vô lượng Bồ-tát theo cảm ứng hiện đến thì thời gian rất xa. Chư Phật, Bồ-tát xuất hiện ở thế gian là tùy thuận vào gương của tâm tình thanh tịnh hay không thanh tịnh. Do nghĩa này nên người tu hành kia không gặp được thắng duyên, hết sức sợ hãi, nên phát sinh ý thoái bỏ. Như Bản luận viết: “Mong cầu chánh tín nhưng tâm họ khiếp nhược, vì ở nơi thế giới Ta Bà này, tự sợ mình không thể thường được gặp chư Phật, gần gũi thừa sự cúng dường, sợ hãi cho là tín tâm khó có thể thành tựu, ý muốn thoái bỏ”.

Nói về môn nêu phương tiện thù thắng của Như Lai: Nghĩa là chư Phật Như Lai có phương tiện lớn rất sâu xa kỳ diệu không thể

nghĩ bàn, có thể khéo thâm tóm hộ trì tín tâm của người kia chuyển thành thắng tấn.

Thế nào gọi là phương tiện thắng diệu? Đó là chuyên niệm về phương tiện của Như Lai. Thế nào là chuyên niệm? Nghĩa là tâm ý chuyên chú nghĩ đến vô số thứ y báo, chánh báo của tịnh độ nơi phương khác. Niệm ấy nối tiếp nhau khiến không đoạn dứt. Như Bản luận viết: “Nên biết Như Lai có phương tiện thù thắng luôn thâm tóm hộ trì tín tâm. Nghĩa là do nhân duyên chuyên ý niệm Phật”.

Nói về môn nương nơi uy lực đạt được xứ thắng diệu: Là nhờ vào diệu lực nơi phương tiện không thể nghĩ bàn của các Đức Như Lai, tùy theo sở nguyện của chính mình tức được vãng sinh đến cõi diệu lạc. Như Bản luận viết: “Tùy nguyện được sinh đến cõi Phật ở phương khác”.

Nói về môn nêu đạt được xứ thiện quyết định không thoái: Là sinh đến cõi kia rồi, mắt được thấy hình tướng Như Lai có đủ tướng tốt. Tai được nghe bậc Thánh phát ra Phạm âm thâm diệu, vĩnh viễn lìa bỏ tên gọi đường ác. Từ trong định bất động nên biển tâm lắng trong, thân thể sáng tỏ, y diệu, chánh thanh. Như Bản luận viết: “Thường được thấy Phật, vĩnh viễn lìa bỏ đường ác”.

Nói về môn nêu dẫn kinh để chứng minh điều mình đã nói: Nghĩa là gồm thâm toàn bộ, nêu bày về hình tướng là thuộc về từ ngữ của bản kinh. Thay thế cho điều mình đã giảng nói là văn giải thích. Kinh văn đã dẫn chứng nói về hình tướng là rất rõ, nên không cần giải thích lần nữa. Như Bản luận viết: “Như nơi kinh nói: Nếu người chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc Tây Phương, đem căn thiện đã tu tập hồi hướng nguyện cầu sinh đến thế giới ấy, tức được vãng sinh, luôn được thấy Phật, nên rốt cuộc không có thoái chuyển. Nếu quán tưởng về

pháp thân chân như của Đức Phật kia để thường siêng năng tu tập, thì cuối cùng được sinh trụ trong chánh định”.

Đã nói về môn tín tâm tu hành. Tiếp theo là nói về môn khuyến tu đạt lợi ích.

* *Bản luận viết*: Như vậy, Ma-ha-diễn là kho tàng bí mật của chư Phật, tôi đã nêu bày tổng quát. Nếu có chúng sinh mong muốn ở nơi cảnh giới rất sâu xa của Như Lai có thể sinh khởi chánh tín, xa lìa những thứ phỉ báng, hội nhập đạo Đại thừa, tức nên giữ lấy luận này lường xét để tu tập, cuối cùng có thể đạt đến đạo quả vô thượng. Nếu người được nghe pháp này rồi không sinh khiếp nhược, nên biết người này nhất định kế thừa chủng tánh của Phật, tất được chư Phật thọ ký. Giả sử có người có thể hóa độ chúng sinh đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới, khiến tất cả đều hành mười nghiệp thiện, không bằng có người ở trong khoảnh khắc một bữa ăn chánh tư duy về pháp này, tức công đức hơn hẳn người trước, vì công đức này là không thể ví dụ.

Lại nữa, nếu có người thọ trì luận này, quán xét tu hành, như trong một ngày một đêm thì công đức có được là vô lượng vô biên không thể nêu bày. Giả như khiến hết thảy chư Phật trong mười phương, ở nơi vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp tán thán công đức của người kia, cũng không thể hết. Vì sao? Vì công đức của pháp tánh thì không có cùng tận, nên công đức của người ấy cũng lại như vậy, tức không có biên vực. Nếu có chúng sinh đối với luận này dấy khởi hủy báng không tin, thì tội báo phải nhận lấy là trải qua vô lượng kiếp thọ nhận khổ não lớn. Vì vậy chúng sinh chỉ nên kính ngưỡng tin tưởng không nên phỉ báng. Vì rất có hại cho mình mà cũng làm hại người khác, đoạn dứt tất cả chủng tử của Tam bảo. Do tất cả chư Như Lai đều dựa vào pháp này để đạt đến Niết-bàn, tất cả Bồ-tát nhân nơi pháp này để hội nhập tu hành Phật trí. Nên biết chư vị Bồ-tát trong quá khứ đã dựa vào pháp này mà

thành tựu được tịnh tín. Các vị Bồ-tát nơi hiện tại đang dựa vào pháp này mà thành tựu được tịnh tín. Các vị Bồ-tát nơi vị lai sẽ dựa vào pháp này mà thành tựu được tịnh tín. Do vậy các chúng sinh nên siêng năng tu học.

* *Luận giải thích*: Theo trong văn này tức có tám môn. Những gì là tám môn? Đó là: (1) Môn nêu lên tổng kết những gì đã nói ở trước. (2) Môn nêu lên lợi ích khuyên người khiến tu. (3) Môn hiển bày công đức tin tưởng lìa bỏ nghi. (4) Môn so sánh về chỗ đối nhau để chỉ ra chỗ hơn hẳn. (5) Môn nêu lên công đức thọ trì để tán dương. (6) Môn nêu ra tội lỗi do phỉ báng để khiến sợ hãi. (7) Môn nói rộng về sự thù thắng để lìa hủy báng. (8) Môn tổng kết để khuyên người tu hành. Đó gọi là tám môn.

Nói về môn nêu lên tổng kết những gì đã nói ở trước: Nghĩa là dùng một chữ *Tổng* để tổng kết về tám loại Ma-ha-diễn. Vì sao pháp còn lại đã lược bỏ không tóm kết. Đó gọi là nêu lên phần gốc để gồm thâu phần ngọn. Như Bản luận viết: “Như vậy, Ma-ha-diễn là kho tàng bí mật của chư Phật, tôi đã nêu bày tổng quát”.

Nói về môn nêu lên lợi ích khuyên người khiến tu: Đó là tập thành biển lớn của hành nhân, dùng để trang nghiêm cho quả của pháp thân. Thọ trì luận này, tư duy về nghĩa lý, thường xuyên nối tiếp không đoạn dứt. Như Bản luận viết: “Nếu có chúng sinh mong muốn ở nơi cảnh giới rất sâu xa của Như Lai có thể sinh khởi chánh tín, xa lìa những thứ phỉ báng, hội nhập đạo Đại thừa, tức nên giữ lấy luận này lờng xét để tu tập, cuối cùng có thể đạt đến đạo quả vô thượng”.

Nói về môn hiển bày về công đức tin tưởng lìa bỏ nghi: Nghĩa là có chúng sinh nghe được pháp môn Ma-ha-diễn này là rộng lớn hết sức sâu xa vi diệu tột cùng rồi, tức trong tâm của chúng sinh kia cũng không nghi sợ, cũng không khiếp nhược, cũng chẳng xem thường, cũng chẳng phỉ báng, mà phát tâm quyết định, phát tâm

kiên cố, phát tâm tôn trọng, phát tâm ái tín, nên biết người này là Phật tử chân thật, không đoạn dứt chủng tử của Pháp, không đoạn dứt chủng tử của Tăng, không đoạn dứt chủng tử của Phật, thường hằng tương tục chuyển chuyển tăng trưởng tận cùng nơi đời vị lai, cũng được chư Phật đích thân thọ ký, cũng được hết thảy vô lượng Bồ-tát luôn hộ niệm. Như Bản luận viết: “Nếu người nghe được pháp này rồi, không sinh khiếm nhược, nên biết người này nhất định kế thừa chủng tánh của Phật, tất được chư Phật thọ ký”.

Nói về môn so sánh chổ đối nhau để chỉ ra chổ hơn hẳn: Nghĩa là nếu có người có thể khéo gồm thâm giáo hóa chúng sinh đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới, thấy đều trọn vẹn khiến hành mười nghiệp thiện, hoặc có chúng sinh nơi khoảnh khắc một bữa ăn, đối với giáo pháp thâm diệu này đã quán xét suy nghĩ để hành trì. Nếu đối chiếu về lượng công đức của hai người ấy, thì người thứ nhất kia đạt được công đức rất là nhỏ ít, ví như hạt cải nghiền nát thành một trăm phần thì lượng công đức kia chỉ bằng một phần. Còn công đức của người thứ hai này đã đạt được là hết sức rộng lớn, ví như số lượng vi trần trong mười phương thế giới được nghiền nát. Như Bản luận viết: “Giả sử có người có thể hóa độ chúng sinh trong khắp tam thiên đại thiên thế giới, khiến hành mười nghiệp thiện, không bằng có người ở trong khoảng thời gian một bữa ăn, chánh tư duy về pháp này, thì công đức hơn hẳn người trước, vì công đức này là không thể ví dụ”.

Nói về môn nêu lên công đức thọ trì để tán dương: Nghĩa là nếu có người thọ trì luận này, quán xét về nghĩa lý, hoặc một ngày hoặc một đêm, thì công đức đạt được trong thời gian ấy là vô lượng vô biên, không thể ngôn thuyết, không thể lường xét. Hoặc giả sử hết thảy chư Phật nơi ba đời trong mười phương, hoặc là tất cả các vị Bồ-tát trong ba đời khắp mười phương, dùng số lượng lười nhiều như số vi trần trong mười phương thế giới, mỗi mỗi thấy đều

ở nơi số lượng kiếp nhiều như số vi trần trong mười phương thế giới không thể nói hết, tán dương công đức hiện có của người kia cũng không thể hết. Vì sao? Vì công đức của pháp thân chân như là bằng với hư không giới không có biên vực. Huống hồ là người của hàng phàm phu, Nhị thừa có thể xưng tán được sao? Người thọ trì luận này trong thời gian một ngày một đêm là không nhiều, công đức đạt được hãy còn không thể nghĩ bàn, huống hồ là thọ trì trong hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, cho đến trăm ngày, cùng đọc tụng, tư duy, quán xét, thì công đức có được là không thể nghĩ bàn trong số lượng không thể nghĩ bàn, không thể nêu bày trong số lượng không thể nêu bày. Như Bản luận viết: “Lại nữa, nếu người thọ trì luận này quán xét đề tu hành, như trong một ngày một đêm thì công đức có được là vô lượng vô biên không thể nêu bày hết. Giả như khiến tất cả chư Phật khắp mười phương đều ở nơi vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp tán thán về công đức của người kia, thì cũng không thể hết được. Vì sao? Vì công đức của pháp tánh là không có cùng tận, tức công đức của người ấy cũng lại như vậy, không có biên vực”.

Nói về môn nêu lên tội lỗi do phỉ báng để khiến sợ hãi: Nghĩa là có chúng sinh đối với giáo pháp trong luận này sinh khởi tâm không tin, phá bỏ hủy báng không hành trì, chúng sinh như vậy thì tội báo phải nhận lấy, ở trong các kiếp là không thể nêu bày, không thể nói hết, nhận lấy khổ lớn nặng trong các khổ. Như Bản luận viết: “Nếu có chúng sinh đối với luận này khởi tâm hủy báng không tin, thì tội báo phải nhận chịu là trải qua vô lượng kiếp thọ nhận khổ não lớn. Vì vậy chúng sinh chỉ nên kính ngưỡng tin tưởng không nên phỉ báng”. Đây tức là tổng kết về phần quyết trách và khuyến thỉnh hành giả đã nói ở trên.

Từ đây tiếp xuống dưới là nêu ra nhân duyên, chỉ rõ những lỗi lầm nghiêm trọng. Nghĩa là trong pháp này, nếu hủy báng không

tin, thì mất đi căn thiện của chính mình, làm tổn hại đến công đức của người khác, đoạn dứt tất cả chủng tử của Tam bảo, không có kỳ hạn nối tiếp. Như Bản luận viết: “Do rất có hại cho mình cũng hại đến người khác, đoạn dứt tất cả chủng tử của Tam bảo”.

Nói về môn nói rộng về sự thù thắng để lia hủy báng: Nghĩa là các Đức Như Lai nơi ba đời trong mười phương, tất cả thầy đều lấy Ma-ha-diễn làm căn bản để thành tựu quả vị Chánh giác. Vô lượng Bồ-tát nơi ba đời trong mười phương, tất cả thầy đều lấy Ma-ha-diễn làm nền tảng để có đủ biển nhân. Như vậy pháp Ma-ha-diễn là hết sức quan trọng. Nếu có chúng sinh sinh khởi tâm không tin, lại tranh luận phi báng, thì chúng sinh như vậy cũng gọi là đoạn dứt hết thầy chư Phật, cũng gọi là đoạn dứt hết thầy Bồ-tát, cũng gọi là đoạn dứt Phật tánh của bản giác, Như Lai tạng nơi chính mình. Như Bản luận viết: “Do tất cả chư Như Lai đều dựa vào pháp này để đạt đến Niết-bàn, tất cả Bồ-tát nhân nơi pháp này để tu hành hội nhập Phật trí. Nên biết các vị Bồ-tát trong quá khứ đã dựa vào pháp này mà được thành tựu tịnh tín. Các vị Bồ-tát nơi hiện tại đang dựa vào pháp này mà được thành tựu tịnh tín. Các vị Bồ-tát nơi vị lai sẽ dựa vào pháp này mà được thành tựu tịnh tín. Vì vậy các chúng sinh tức nên siêng năng tu học”. Đây tức là môn tổng kết khuyên người tu hành. Nên xét chọn kỹ.

Đã nói về môn khuyên tu đạt được lợi ích. Tiếp theo là nói về môn hồi hướng khắp chốn.

** Bản luận viết:*

*Chư Phật, nghĩa thâm diệu rộng lớn
Con nay tùy phân nói tổng trì
Chuyển công đức này như pháp tánh
Lợi khắp tất cả cõi chúng sinh.*

** Luận giải thích:* Theo trong một tụng này tức có ba loại môn. Những gì gọi là ba loại môn? Đó là: (1) Môn nêu tổng kết

gồm thâu những điều đã nói ở trước. (2) Môn mở ra công đức khiến được rộng. (3) Môn thí lợi ích khắp cho chúng sinh. Đó gọi là ba loại môn.

Theo trong môn thứ nhất tức có hai loại. Những gì là hai loại? Một là môn gồm thâu chung tất cả những điều đã nói ở trước. Hai là môn hiển thị về tướng của chữ năng thuyết (Chủ thể giảng nói). Như thứ lớp ấy nên quán xét kỹ.

“Chư Phật, nghĩa thâm diệu rộng lớn”: Tức là môn gồm thâu chung tất cả những điều đã nói ở trước. Đó gọi là gồm thâu chung ba mươi ba loại số pháp căn bản. Nghĩa này là thế nào? Đó là: Nói *chư Phật*: Tức là pháp Ma-ha-diễn bất nhị. Vì sao? Vì pháp bất nhị này hiện bày rõ nơi công đức thù thắng của chư Phật. Trong Khế kinh Đại Bản Hoa Nghiêm đã giảng nói như vậy: “Biển đức tròn đầy mênh mông là sự thắng diệu chư Phật, vì tất cả chư Phật không thể thành tựu biển đức tròn đầy mênh mông mà thấp kém”. Nếu như vậy thì vì sao trong Khế kinh Phân Lưu Hoa Nghiêm lại nói như thế này: “Phật Lô Xá Na dùng ba thứ thế gian làm thân tâm của mình”. Ba thứ thế gian gồm thâu pháp là trọn vẹn. Thân tâm của Phật kia cũng lại không có gì là không gồm thâu. Phật Lô Xá Na tuy gồm thâu ba thế gian, nhưng gồm thâu là không gồm thâu, vì vậy tức không có lỗi.

Nói *thâm diệu*: Tức là hai lớp nơi tám loại pháp căn bản của Ma-ha-diễn. Do nghĩa gì mà gọi là thâm diệu? Hai lớp pháp Ma-ha-diễn như vậy, có thể nhập môn đối chiếu vô cùng sâu xa. Do nghĩa này nên gọi là thâm diệu. Nên xét chọn kỹ.

Nói *nghĩa rộng lớn*: Tức là hai lớp pháp có thể nhập môn. Vì nghĩa gì nên gọi là nghĩa rộng lớn? Hai lớp pháp như vậy có thể nhập môn, mỗi mỗi thấy đều có thể mở rộng pháp của mình, có thể làm lớn pháp của mình, có thể vì pháp của mình tạo ra danh nghĩa. Do nghĩa ấy nên kiến lập tên gọi là *nghĩa rộng lớn*.

Đã nói về môn gồm thâu chung tất cả những điều đã nói ở trước. Tiếp đến là nói về môn hiển thị về tướng của chữ *năng thuyết*. Nói “*Con nay tùy phần nói tổng trì*”: Tức là môn hiển thị về tướng của chữ *năng thuyết*. Nghĩa là dùng chữ *Tổng* để trì (nắm giữ) toàn bộ tất cả các thứ đã nói. Nên trong phần lập nghĩa thì Ma-ha-diễn là *Tổng*, tức là điều này. Vì sao chỉ một chữ mà nắm giữ (Trì) chung các thuyết? Vì muốn làm rõ Luận Ma Ha Diễn là Luận Như Ý.

Đã nói về môn nêu tổng kết gồm thâu những điều đã nói ở trước. Tiếp theo là nói về môn mở ra công đức khiến được rộng. Nói “*Chuyển công đức này như pháp tánh*”: Tức là môn mở ra công đức khiến được rộng. Đó là công đức của mình đã tạo được đem hồi hướng về ba xứ. Những gì là ba xứ? Một là chân như. Hai là pháp nhất tâm. Ba là Phật tánh của bản giác. Do nghĩa gì mà hồi hướng về ba xứ? Nghĩa là vì muốn công đức do mình đã tạo ra khiến được bình đẳng, nên hồi hướng về chân như. Hoặc vì muốn công đức do mình đã tạo ra khiến được rộng lớn nên hồi hướng về nhất tâm. Hoặc vì muốn công đức do mình đã tạo ra khiến được sáng rõ nên hồi hướng về bản giác. Nên nhận biết như vậy. Nên quán xét như vậy. Hồi hướng như thế có lợi ích gì? Tức có rất nhiều lợi ích. Nghĩa này là thế nào? Ví như dùng một vi trần đặt trong đại địa. Vi trần được đặt vào cùng với đại địa kia là như nhau không sai biệt. Pháp môn hồi hướng cũng như vậy.

Lại, ví như dùng một giọt nước nhỏ vào trong biển lớn, giọt nước đã nhỏ vào cùng với biển lớn kia là bình đẳng, không có sai biệt. Pháp môn hồi hướng cũng như vậy.

Lại, ví như đập vỡ một vật nhỏ bé, tức thì cùng với đại hư không là như nhau không có sai biệt. Pháp môn hồi hướng cũng như vậy.

Đã nói về môn mở ra công đức khiến được rộng. Tiếp theo là nói về môn thí lợi ích khắp cho chúng sinh. Nói “*Lợi khắp tất cả cõi chúng sinh*”: Tức là môn thí lợi ích khắp cho chúng sinh. Đó là nêu lên công đức viên mãn rộng lớn để đem lại lợi ích trọn khắp cho cõi chúng sinh.

*Đại sĩ hoan hỷ chí tâm khuyên
 Trong chúng biển vô lượng Phật tử
 Con vượt khỏi Mao đầu ba góc
 Vượt quá bốn căn của sinh tử.
 Vô số thứ nhất thô đã mãn
 Tăng kỳ thứ hai mới vào không
 Như hợp các ông: Những Phật tử
 Dùng hai tay bên trái bên phải.
 Nâng gương sáng nơi bản giải thích
 Theo diện mạo bày thức xét rộng
 Thấy rõ cấu: Cảnh giới sáu trần
 Trừ sạch lỗi pháp chấp nhân ngã.
 Phật tử các ông nếu như vậy
 Thì ba thân Pháp thân Ứng Hóa
 Như chữ Thư Y tròn hiện tiền
 Bốn đức của thường lạc ngã tịnh.
 Như vào Ao Đạt xuất sinh đủ
 Con từ Tứ Vương xir tự tại
 Xuống vào biển lớn cung điện rộng
 Tùy phân nhìn biển các Khế kinh.
 Gồm có một trăm số Lạc-xoa
 Các kinh như vậy pháp chân thật
 Vô lượng vô biên nghĩa sai biệt*

Trong Luận Ma-ha-diễn lập nghĩa.
 Thâu trọn an lập nói đầy đủ
 Có người thiện nam, người thiện nữ
 Nếu tự tay nâng quyển Luận này
 Gọi người nâng trăm Lạc-xoa kinh.
 Nếu tự miệng tụng kinh phân gốc
 Gọi người tụng trăm Lạc-xoa kinh
 Công đức của người này đạt được
 Số vi trần mười phương thế giới.
 Chư Phật cùng chúng Đại Bồ-tát
 Đều hiện tướng lưỡi số vi trần
 Trong vi trần số kiếp như vậy
 Không ngừng xưng nêu không thể hết.
 Hướng chi quán xét nghĩa lý kia
 Tư duy đã giảng giải nơi văn
 Có người thiện nam người thiện nữ
 Sinh tâm không tin bác Luận này.
 Nghiệp tội người ấy phải nhận lấy
 Số vi trần thế giới mười phương
 Chư Phật cùng chúng Đại Bồ-tát
 Đều hiện tướng lưỡi số vi trần.
 Trong vi trần số kiếp như vậy
 Không ngừng nói tội không thể hết
 Người này nhận tội không chón diệt
 Hết thấy chư Phật không thể cứu.
 Vì vậy hành giả quy nguồn gốc
 Nên dựa Luận này thuận tu hành
 Thật không thể sinh tâm không tin

*Phỉ báng giáo Đại thừa thâm diệu.
Tức nguyện khuyên này lưu truyền xa
Khắp trùng trùng cõi không thể nói.*

HẾT - QUYỂN 10

SỐ 1669/20
LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

Tác giả: Bồ tát Mã Minh.

Hán dịch: Đồi Trần, Đại sư Chân Đế.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).

QUYỂN 1

* *Thứ 1: Phần Đại Quyết Trạch quy y đức xứ vô biên.*

* *Kệ viết:*

*Đánh lễ tất cả Minh trọn vẹn
Các “Tắc địa” phi nhất phi nhất
Chẳng đếm, chẳng suy vô lượng một
Cùng các sinh loại vô số nẻo.
Và vô lượng số phẩm đoạn mạng
Cùng với rất nhiều pháp không có
Gồm không thể nói không thật có
Cùng chung các pháp như phải trái v.v...*

* *Luận nói:* Theo trong hai bài kệ này tức có tám môn. Những gì là tám môn? Đó là: (1) Môn hiển thị về vị chủ trong trung đạo. (2) Môn hiển thị về phép tắc của đường đạo. (3) Môn hiển thị về lìa tạp loạn hợp làm một. (4) Môn hiển thị về vô biên mao sinh. (5) Môn hiển thị về các loại lìa thức. (6) Môn hiển thị về giả có không thật. (7) Môn hiển thị về sự việc không có thật. (8) Môn hiển thị về vô ngại gồm đủ. Đấy gọi là tám môn.

Căn cứ trong Môn hiển thị về vị chủ trong trung đạo tức có năm loại. Những gì là năm loại? Một là vị chủ của Ứng thân tùy thuận tùy chuyển. Hai là vị chủ của Biến thân có không vô ngại. Ba là vị chủ của Pháp thân bản thể, bản tánh. Bốn là vị chủ của đạo viên mãn gốc ngọn cùng dứt. Năm là vị chủ tùy ứng tự nhiên vô ngại. Đây gọi là năm loại.

Trong Khế kinh Tu Tập Hành Nhân Đại Đà La Ni giảng nói như vậy: “Bấy giờ, Thiên tử Hoa Luân Bảo Quang Minh liền bạch Phật: Thế Tôn! Bậc Đạo sư thứ nhất có bao nhiêu số lượng có thể nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn? Duy nguyện Đức Thế Tôn vì các chúng như chúng con khai thị, nêu rõ. Đại chúng chúng con nghe nhận tên gọi ấy thì thường tụng thường niệm, tức ra khỏi kho chứa vô minh, đến được thành trì Niết-bàn. Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Thiên tử: Ta nếu dùng sức thần thông, trong vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nói về tên gọi ấy thì rốt cuộc không thể hết. Nay Ta sẽ lược nêu, vì đại chúng các ông tuyên thuyết về phần chính yếu. Nay thiện nam! Bậc giác ngộ ấy, về số lượng là rộng lớn viên mãn vượt quá Hằng sa, nói tóm lược thì có năm loại. Những gì là năm loại? Đó là: (1) Phật tùy thể. (2) Phật biến thể. (3) Phật pháp thể. (4) Phật mặc trác. (5) Phật ứng chuyển. Cho đến nói rộng. Như kệ viết: “*Đảnh lễ tất cả minh trọn vẹn*”. Do nghĩa gì mà tất cả bậc Đạo sư đều gọi là vị chủ? Do ba nghĩa. Những gì là ba nghĩa? Một là nghĩa Tự tại, vì là vua của các pháp. Hai là nghĩa Đảnh thượng, vì là bậc nhất trong ba cõi. Ba là nghĩa Châu biến, vì không nơi chốn nào là không đến. Đây gọi là ba nghĩa.

Như vậy là đã nói về Môn hiển thị về vị chủ trong trung đạo. Tiếp theo là nói về Môn hiển thị về phép tắc của đường đạo. Theo trong môn này tức có sáu loại. Những gì là sáu loại? Đó là: (1) Phép tắc của âm thanh, ngôn thuyết dẫn dắt tự tại vô ngại. (2) Phép tắc của chỗ dựa nơi bản địa bình đẳng một loại lia các hư

vọng. (3) Phép tắc của hữu lực sinh trưởng các thứ trang nghiêm. (4) Phép tắc của cứu cánh viên mãn gồm thấu đủ hết thảy. (5) Phép tắc của không tạo không tác, chẳng phải danh chẳng phải tướng, chẳng phải thể chẳng phải dụng. (6) Phép tắc của cứu cánh tịnh mãn không giảng giải làm rõ mà tự nhiên hiện tiền thường trụ bất biến. Đây gọi là sáu loại.

Trong Khế kinh Kim Cang Tam Muội Vô Ngại Giải Thoát Bản Trí Thật Tánh giảng nói như vậy: “Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu Ta nói rộng, thì gồm có mười ức bảy vạn ba ngàn năm mươi pháp môn. Hành giả thực hiện xem đây là mẫu mực của chúng đạo. Nếu Ta nói tóm lược, thì gồm có sáu loại là mẫu mực của hành giả trụ trì. Sáu quy tắc như vậy là thấu tóm chung hết thảy vô lượng vô biên kho tàng phép tắc. Những gì là sáu loại? Đó là: (1) Quy tắc thuyết giảng. (2) Quy tắc bình đẳng. (3) Quy tắc chung loại. (4) Quy tắc hướng thượng. (5) Quy tắc về trái. (6) Quy tắc về thường. Cho đến nói rộng. Như kệ viết: “*Các Tắc địa phi nhất phi nhất*”. Do nghĩa gì tất cả pháp tạng đều gọi là phép tắc? Do ba nghĩa. Những gì là ba nghĩa? Một là nghĩa kim âu: Người đương thời dễ dàng chuyển đổi dấu ấn của pháp môn, nhưng pháp môn thì thường hằng bất biến, như cái âu kia. Hai là nghĩa dẫn dắt: Là thấu dẫn hành giả khiến hướng về con đường yên ổn, như sự dẫn dắt kia. Ba là nghĩa có thể nắm giữ: Là khéo giữ lấy tự tướng, không bị hoại mất, như sự nắm giữ kia. Đây gọi là ba nghĩa.

Như vậy là đã nói về Môn hiển thị về phép tắc của đường đạo. Tiếp theo là nói về Môn hiển thị về lìa tạp loạn hợp làm một. Theo trong môn này tức có ba loại. Những gì là ba loại? Đó là: (1) Trói buộc hợp làm một: Là tất cả vô lượng vô biên chúng loại của phiền não vô minh tiếp tục phát sinh. Tuy bên trong không có hợp làm một nhưng bên ngoài thì có hợp làm một. Do số lượng như

nhau thành lập khế hợp với nghĩa một. (2) Giải thoát hợp làm một: Là tất cả vô lượng vô biên các Thánh nhân của ba thừa, bên trong có nghĩa hợp nhất của đạo lý, bên ngoài có nghĩa hợp nhất của đồng trần. (3) Câu phi đầy đủ hợp làm một: Là tất cả vô lượng vô biên chúng Đại Thánh của trung gian kim cang gồm đủ hai nghĩa của chủ thể khế hợp và đối tượng được khế hợp. Đây gọi là ba loại.

Bồ-tát Văn-thù-sur-lợi trong Khế kinh Luận Nghị Đề Nhất Vô Cực Vô Tận giảng nói như vậy: “Biển cả của Tăng chúng tuy không có số lượng, nhưng về bản thể ấy thì chỉ có ba loại. Những gì là ba loại? Một là địa Vô căn vô tránh. Hai là địa Câu căn vô tránh. Ba là địa Hữu căn vô tránh”. Cho đến nói rộng. Như kệ viết: “*Chẳng đếm, chẳng suy vô lượng, một*”. Do nghĩa gì mà tất cả các Tăng đều gọi là hợp làm một? Do có hai nghĩa. Những gì là hai nghĩa? Một là nghĩa tích tập: Là tập hợp vô lượng vô biên tất cả các trần tán loạn. Hai là nghĩa một loại: Là làm cho dừng lại vô lượng vô biên tất cả sóng nước nơi thức. Đây gọi là hai nghĩa.

Như vậy là đã nói về Môn hiển thị về lia tạp loạn hợp làm một. Tiếp theo là nói về Môn hiển thị về vô biên mao sinh. Theo trong môn này tức có ba môn. Những gì là ba môn? Đó là: (1) Môn nêu vô biên hữu loại mao sinh. (2) Môn nêu vô biên không loại mao sinh. (3) Môn nêu vô biên tự loại mao sinh. Đây gọi là ba môn.

Theo trong môn thứ nhất tức có bốn loại. Những gì là bốn loại? Một là noãn sinh. Hai là thai sinh. Ba là thấp sinh. Bốn là hóa sinh. Đây gọi là bốn loại. Như vậy, bốn loài này có thể thu tóm tất cả vô lượng danh số căn bản của hữu loại.

Theo trong môn thứ hai tức có ba loại. Những gì là ba loại? Một là không loại quang minh trung tạng. Hai là không loại ám sắc trung tạng. Ba là không loại phong vân trung tạng. Đây gọi là ba loại. Ba loại như vậy là không chẳng phải là không có mà do ẩn

mất nên là không. Nên quán xét kỹ về quyền thuộc của không loại, số lượng là rất nhiều nhưng không nêu ra lượng ấy.

Theo trong môn thứ ba cũng có ba loại. Những gì là ba loại? Một là tự loại do chú thuật huyền hóa tướng tướng vô lý. Hai là tự loại do biến hiện dược phương ngăn cấm tướng tướng vô lý. Ba là tự loại của ảnh tượng theo gốc hiện tiền. Đây gọi là ba loại. Ba loại như vậy có thể thâm tóm hết thấy vô lượng vô biên các loại danh số căn bản của tự loại.

Trong Khế kinh Tập Loại Pháp Môn đã giảng nói như vậy: Chúng loại có thức nói rộng thì có mười loại, nói tóm lược thì có ba loại. Những gì là ba loại? Một là chúng sinh có tâm thức gần gũi đang có. Hai là chúng sinh có xứ sở ẩn giấu không thấy. Ba là chúng sinh có thức xa tợ như có chuyển động. Đây gọi là ba loại. Cho đến nói rộng. Như kệ viết: “*Cùng các sinh loại vô số nẻo*”. Do nghĩa gì mà tất cả chúng sinh đều gọi là Mao sinh? Do có hai nghĩa. Những gì là hai nghĩa? Một là nghĩa chuyển động không ổn định, vì tùy nơi nẻo thọ sinh không có pháp nhất định. Hai là nghĩa rất nhiều vô số, vì các phương chốn không có số lượng. Đây gọi là hai nghĩa. Nay trong môn này là muốn hiện bày chỉ rõ bậc Thánh ít như sừng còn hạng phàm thì nhiều như lông.

Như vậy là đã nói về Môn hiển thị về vô biên mao sinh. Tiếp theo là nói về Môn hiển thị về các loại lia thức. Theo trong môn này có hai loại. Những gì là hai loại? Đó là: (1) Phẩm đoạn mạng do công nghiệp kiến lập. (2) Phẩm đoạn mạng do biệt nghiệp kiến lập. Đây gọi là hai loại. Theo trong môn thứ nhất tức có bốn loại. Những gì là bốn loại? Một là phẩm đoạn mạng của phong luân nơi đại địa. Hai là phẩm đoạn mạng của thủy luân nơi đại địa. Ba là phẩm đoạn mạng của kim luân nơi đại địa. Bốn là phẩm đoạn mạng của hỏa luân nơi đại địa. Đây gọi là bốn loại. Bốn luân như vậy có thể thâm tóm tất cả danh số căn bản của vô lượng vô biên

phẩm loại đoạn mạng do công nghiệp kiến lập. Nói phẩm đoạn mạng do biệt nghiệp kiến lập: Nghĩa là thân chúng sinh không chấp thọ, gồm thân các loại tóc lông v.v... Trong Khế kinh Nghiệp Hành Bản Nhân giảng nói như vậy: “Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Nói về chúng sinh cư trú nơi thế gian tức có hai loại. Những gì là hai loại? Một là tổng luân thế gian. Hai là biệt trì thế gian. Đây gọi là hai loại. Hai loại thế gian này khéo có thể thân giữ vô lượng vô biên tất cả chúng sinh cư trú nương dựa nơi thế gian”. Cho đến nói rộng. Như kệ viết: “*Và vô lượng số phẩm đoạn mạng*”. Do nghĩa gì mà tất cả các loại lia thức đều gọi là đoạn mạng? Đó gọi là phẩm loại không có trí phân biệt nhận biết rõ.

Như vậy là đã nói về Môn hiển thị về các loại lia thức. Tiếp theo là nói về Môn hiển thị về giả có không thật. Theo trong môn này tức có năm loại. Những gì là năm loại? Đó là: (1) Giả có như ánh trăng trong nước. (2) Giả có như thành Càn-thát-bà. (3) Giả có như nước của dợn nắng. (4) Giả có như hóa tác huyền ảo. (5) Giả có như âm thanh vọng lại trong hang động. Đây gọi là năm loại giả có. Trong Khế kinh Đại Bảo Vô Tận Liên Hoa Địa Địa giảng nói như sau: “Năm loại thí dụ nói về hư giả như trăng trong nước v.v... đã thân tóm toàn bộ năm vạn năm ngàn năm trăm năm mươi danh tự căn bản của thí dụ giảng nói về hư giả”. Cho đến nói rộng. Như kệ viết: “*Cùng với rất nhiều pháp không có*”. Do nghĩa gì mà tất cả vô lượng thí dụ nói về hư giả đều gọi là không có? Đó gọi là không có tự tánh thật nên gọi là không. Không có thật ấy, không phải là hoàn toàn không có nên gọi là có.

Như vậy là đã nói về Môn hiển thị về giả có không thật. Tiếp theo là nói về Môn hiển thị về sự việc không có thật. Theo trong môn này tức có bốn loại. Những gì là bốn loại? Đó là: (1) Sự việc không có thật như con của thạch nữ. (2) Sự việc không có thật như sừng của thỏ, ngựa. (3) Sự việc không có thật như lông của loài

rùa. (4) Sự việc không có thật như A-la-hán có cầu nhiễm. Đây gọi là bốn loại không thật có. Trong Khế kinh Bản Địa nói như vậy: “Lại nữa, này Phật tử! Ông trước đã hỏi những pháp nào gọi là phẩm loại không có thật? Đó là bốn loại như con của thạch nữ v.v... đã nói. Ta nếu nói rộng thì số ấy là vô lượng”. Cho đến nói rộng. Như kệ viết: “*Gồm không thể nói không thật có*”. Do nghĩa gì mà tất cả pháp không thấy đều gọi là sự việc không có thật? Do có hai loại. Những gì là hai loại? Một là thể tánh của pháp không kia là không không như bốn thí dụ đã nói ở đây. Hai là không ấy nếu không giảng giải thì pháp không kia là không. Đây gọi là hai loại.

Như vậy là đã nói về Môn hiển thị về sự việc không có thật. Tiếp theo là nói về Môn hiển thị về vô ngại gồm đủ. Theo trong môn này tức có mười loại. Những gì là mười loại? Đó là: (1) Pháp tâm chủ. (2) Pháp tâm niệm. (3) Pháp sắc chủ. (4) Pháp sắc tử. (5) Pháp không khế hợp. (6) Pháp vô vi. (7) Pháp chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi. (8) Pháp cũng là hữu vi cũng là vô vi. (9) Pháp câu câu. (10) Pháp câu phi. Đây gọi là mười loại. Nói pháp tâm chủ: Là pháp căn bản của các tâm thức có thể là một thức, tám thức v.v... Nói pháp tâm niệm: Là tất cả các pháp số cùng với tâm này tương ưng. Nói pháp sắc chủ: Là pháp của đại chúng thích hợp với một chủ thể tạo tác. Nói pháp sắc tử: Là pháp của vô số sắc thích hợp với một đối tượng được tạo tác. Nói pháp không khế hợp: Là vô số các pháp thích hợp với một pháp chẳng phải sắc chẳng phải tâm. Nói pháp vô vi: Là bốn loại pháp vô vi như hư không v.v... Nói pháp chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi: Là pháp của các bản tánh như nhất tâm v.v... Nói pháp cũng là hữu vi cũng là vô vi: Là pháp của các bản tánh như nhất tâm v.v... đã tạo tác tương nghiệp dụng. Nói pháp câu câu: Là phần thứ nhất của pháp đại bản. Nói pháp câu phi: Là phần sau cùng của pháp đại bản. Mười pháp như vậy, nay trong môn này là một có một không, một sinh một diệt,

một nghịch một thuận, một phẩm một loại, không lia bỏ nhau. Vì vậy nói là Môn hiển thị về vô ngại gồm đủ. Trong Khế kinh Tội Thắng Đức Vương Quảng Đại Hư Không giảng nói như vậy: “Vô lượng vô biên lớn pháp môn nhiều như số vi trần trong mười phương thế giới không thể nói, không thể nêu, không thể nói hết. Một ở một khởi một trụ một dừng, hoàn toàn không phân tích, cũng không lia bỏ. Do nghĩa này nên kiến lập gọi là môn biên cả pháp giới của hư không địa địa rộng lớn viên mãn vô tận vô cực.”. Cho đến nói rộng. Như kệ viết: “*Cùng chung các pháp như phải trái v.v...*”.

* *Thứ 2: Phần Đại Quyết Trạch quy y đức xứ nhân duyên.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch quy y đức xứ vô biên. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch quy y đức xứ nhân duyên. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Do có mười loại nhân duyên lớn
Tạo thành Biển quy y đức xứ
Đó là lễ, ân và gia lực
Rộng lớn thù thắng cùng vô ngã.
Biển cả quyết định và giúp hóa
Gồm chung thị hiện tự bản thân
Mười loại nhân duyên lớn như thế
Đại sĩ viên mãn mới có đủ.
Phàm không cảnh Thánh cũng phi lượng
Bồ-tát tùy phần cũng không thể.*

* *Luận nói:* Do nhân duyên gì mà quy y đức xứ? Do có mười loại nhân duyên lớn nên tạo thành sự việc quy y. Như kệ viết:

“Do có mười loại nhân duyên lớn, Tạo thành Biển quy y đức xứ”.
 Những gì gọi là mười loại nhân duyên? Đó là:

(1) Nhân duyên lễ kính tôn trọng sâu xa, có thể tạo sự lễ kính quy y xứ sở công đức, phá trừ kiêu mạn làm tăng trưởng căn thiện. Như kệ viết: “*Lễ*”.

(2) Nhân duyên nhớ nghĩ đến ân đức đã thấm nhuần nhằm báo đáp. Tức có thể tạo tác những luận giáo thắng diệu, mở ra cho tất cả chúng sinh cuồng loạn hiểu biết về tất cả nơi chốn công đức để thấy đều hoan hỷ. Như kệ viết: “*Án*”.

(3) Nhân duyên ngưỡng thỉnh diệu lực gia hộ để thành tựu việc làm. Nếu để tạo tác pháp môn đại luận vì những đức xứ kia không nhờ lực gia hộ, thì không thể phân biệt về biển cả pháp môn. Như kệ viết: “*Và gia lực*”.

(4) Nhân duyên mở bày rộng khắp khiến được biết rõ. Dùng ngôn từ hay đúng để nêu ra các giảng giải thông sáng, hiện rõ về biển lớn văn nghĩa bí mật, vi diệu, sâu xa trong các kinh ấy, khiến rộng lớn hơn nữa. Như kệ viết: “*Rộng lớn*”.

(5) Nhân duyên khuyến khích muôn vật khiến sinh thù thắng, vì tạo tác luận giáo là nhằm mở bày làm rõ văn nghĩa. Nếu không quy y thì các chúng sinh kia hoàn toàn không thể tin nhận phụng hành. Như kệ viết: “*Thù thắng*”.

(6) Nhân duyên tu tập hạnh nhẫn nhục, vô ngã, phát khởi tâm rộng lớn để hoan hỷ tôn trọng quy hướng. Như kệ viết: “*Cùng vô ngã*”.

(7) Nhân duyên quyết định xuất sinh công đức, quy y đức xứ tạo tác luận giáo. Hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc thấy người thấy, hoặc nghe người nghe, hoặc cùng trụ nơi một nước, tất cả thấy đều tùy thời không dời đổi, sinh ra, tăng trưởng vô lượng vô biên hết

thầy phạm loại của công đức căn thiện, quyết định và quyết định không sai trái. Như kệ viết: “*Quyết định*”.

(8) Nhân duyên của kho báu vô tận nơi biển lớn, tích tập vô lượng vô biên tất cả các loại diệu lực, tạo thành đại dương thù thắng viên mãn, có đủ kho tàng kim cang đức bảo luân như ý, vì nhằm cứu độ vô lượng vô biên các loại chúng sinh bản cùng khổ não. Như kệ viết: “*Biển cả*”.

(9) Nhân duyên của phương tiện thiện xảo để giáo hóa, trong sự đầy đủ tuy không quy y riêng nhưng giúp giáo hóa làm lợi ích cho chúng sinh. Như kệ viết: “*Và giúp hóa*”.

(10) Nhân duyên hiện bày chỉ rõ về bản thân của quá khứ, là đức xứ đã quy y tất cả thầy đều là sự thấu giữ hoàn toàn của tự thân. Như kệ viết: “*Gồm chung thị hiện tự bản thân*”.

Đây gọi là tướng của mười loại nhân duyên lớn. Nhân duyên rộng lớn thù thắng như vậy người nào đã thực hiện được? Phật hay Bồ-tát thực hiện? Bồ-tát và Bồ-tát đương lai là không thể thực hiện, huống chi là hàng phàm phu, Nhị thừa? Như kệ viết: “*Mười loại nhân duyên lớn như thế, Đại sĩ viên mãn mới có đủ, Phàm không cảnh Thánh cũng phi lượng, Bồ-tát tùy phần cũng không thể*”.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 2

* *Thứ 3: Phần Đại Quyết Trạch một loại đạo lộ kim cang.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch quy y đức xú nhân duyên. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch một loại đạo lộ kim cang. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Một loại địa kim cang
Gồm có năm thứ vị
Là lần lượt cứu cánh
Và viên mãn đẳng phi.
Cùng với vị đẳng thị
Năm thứ vị như vậy
Ở trong các Khế kinh
Nói đầy đủ trọn vẹn.*

* *Luận nói:* Trong địa Bản địa của một loại đạo lộ kim cang vô ngại, gồm có bao nhiêu vị? Nói rộng tuy có vô lượng, nhưng nói tóm lược thì có năm loại. Như vậy, năm phần vị này là quy tắc chung của tất cả, là căn bản của tất cả, là kho tàng trong tất cả, là xuất sinh của tất cả. Như kệ viết: “*Một loại địa kim cang, Gồm có năm thứ vị*”. Những gì gọi là năm loại phần vị căn bản? Đó là: (1) Phần vị không vượt quá theo thứ lớp lần lượt chuyển. (2) Phần vị nắm giữ chung rốt ráo trọn vẹn. (3) Phần vị rộng lớn viên mãn trọn khắp. (4) Phần vị câu phi của tất cả các pháp. (5) Phần vị câu thị của tất cả các pháp. Đây gọi là năm loại phần vị căn bản. Như

kệ viết: “*Là lần lượt cứu cánh, Và viên mãn đẳng phi, Cùng với vị đẳng thị*”. Năm phần vị như vậy là tự các nhà tạo luận tuyên thuyết theo quy tắc mới nêu bày. Năm phần vị như thế là trực tiếp mới nêu giảng, không phải tuyên thuyết lường xét. Như kệ viết: “*Năm thứ vị như vậy, Ở trong các Khế kinh, Nói đầy đủ trọn vẹn*”. Danh tự của số lượng gốc mà phần vị đã nương dựa, tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Số gốc đã nương dựa
Gồm có năm một loại
Là ánh sáng hư giả
Bốn mươi loại danh tự.
Chân kim cương bất động
Mười thứ danh tự gốc
Cùng với địa Đại cực
Là số lượng nương dựa.*

* *Luận nói:* Danh tự đã nương dựa của năm loại phần vị căn bản có sai biệt, số lượng ấy là có bao nhiêu? Nói rộng tuy có vô lượng, nhưng nói tóm lược thì có năm mươi một loại danh tự. Như vậy, năm mươi một loại danh tự căn bản là tất cả trời đất, tất cả cha mẹ, tất cả thể tánh, tất cả chỗ nương dựa. Như kệ viết: “*Số gốc đã nương dựa, Gồm có năm một loại*”. Những gì gọi là năm mươi một số? Đó là trong phần ánh sáng hư giả có bốn mươi loại. Trong phần chân kim cương có mười loại. Trong năm mươi loại này thêm vào địa Đại Cực Tự Nhiên Đà-la-ni, vì vậy thành lập số năm mươi một. Trong phần danh tự, số lượng bốn mươi loại ấy có những tướng như thế nào? Đó là mười loại Tâm ái lạc, mười loại Tâm thức tri, mười loại Tâm tu đạo, mười loại Tâm bất thoái, tất cả đều sai biệt.

Những gì gọi là mười Tâm ái lạc? Đó là: (1) Tất xoa đa. (2) A ma ha thi. (3) Đế độ tỳ lê da. (4) Hòa la chỉ độ. (5) Xa ma đà đề

thi. (6) Ma ha a tỳ bạt trí đa. (7) A la bà ha ni. (8) Bà di đa a lê la ha đế. (9) Thi la câu thi a thi la. (10) Ma ha tỳ ha a tăng na. Đây gọi là mười Tâm ái lạc.

Những gì gọi là mười Tâm thức tri? Đó là: (1) Lưu già độ. (2) Lưu đế ca độ. (3) Lưu la già. (4) Lưu ma ha. (5) An bà sa. (6) Tỳ bạt trí. (7) A tỳ bạt trí. (8) Tất xoa già. (9) Tất a la. (10) Lưu sơn ca. Đây gọi là mười Tâm thức tri.

Những gì gọi là mười Tâm tu đạo? Đó là: (1) Độ già ha. (2) Độ an nhĩ. (3) Độ chỉ la. (4) Độ hòa sai. (5) Độ lợi tha. (6) Độ sinh bà đế. (7) Độ sa tất. (8) Độ a ha. (9) Độ Phật a. (10) Độ xoa nhất bà. Đây gọi là mười Tâm tu đạo.

Những gì gọi là mười Tâm bất thoái? Đó là: (1) La đế lưu sa. (2) La đàm sa. (3) Tất tự già. (4) Pháp tất tha. (5) Phật độ đà. (6) La xoa tất. (7) Sư la văn già. (8) Bà ha đế. (9) Bà la đề phát đà. (10) Đạt ma biên già. Đây gọi là mười Tâm bất thoái. Như kệ viết: “*Là ánh sáng hư giả, Bốn mươi loại danh tự*”.

Những gì là mười Tâm chân kim cương? Đó là: (1) Cưu ma la già. (2) Tu hà già nhất bà. (3) Tu na ca. (4) Tu đà hoàn. (5) Tư đà hàm. (6) A na hàm. (7) A la hán. (8) A ni la hán. (9) A na ha ha. (10) A ha la phát. Đây gọi là mười Tâm chân kim cương. Như kệ viết: “*Chân kim cương bất động, Mười thứ danh tự gốc*”. Trong năm mươi danh tự này, lại thêm vào danh tự Bà Già Bà Phật Đà, nên quán xét kỹ. Đây gọi là năm mươi một loại danh tự. Như kệ viết: “*Cùng với địa Đại cực, Là số lượng nương dựa*”.

Trong năm mươi một loại tâm như vậy, phần vị kia không vượt quá thứ lớp dần dần chuyển, an lập thuộc về tướng ấy là thế nào?

* Kệ viết:

Trong năm mươi một vị

*Thứ lớp chuyển không vượt
Trong một đủ tất cả
Gọi là vị dần chuyển.*

* *Luận nói*: Chỉ một hành giả trong phần vị tướng riêng của năm mươi một loại, hồi hướng hướng nhập, như thứ lớp ấy không vượt quá pháp nào. Vì sao? Vì phần vị của môn này có lượng pháp như thế. Như kệ viết: “*Trong năm mươi một vị, Thứ lớp chuyển không vượt*”. Như vậy thì hành giả dùng những hành tướng nào dần dần chuyển? Nghĩa là chuyển đủ đủ. Thế nào gọi là tướng chuyển đủ đủ? Nghĩa là trong phần vị của một tín tâm có đủ năm mươi tâm còn lại chuyển đổi, cho đến trong phần vị của một địa Đại cực có đủ năm mươi tâm còn lại chuyển đổi. Nếu như vậy thì là nhất vật hay là dị vật? Thực sự là dị vật nhưng là nhất vật. Vì sao? Vì trong một tín tâm có đủ tất cả phần vị, không phải phần vị khác. Nhưng trong một tín có đủ tất cả các phần vị, trong phần vị khác cùng khác có đủ tất cả phần vị. Do nghĩa gì nên trong một tín tâm có đủ các phần vị khác lại cần phải dần dần chuyển? Do đầy đủ trong một có đủ nhưng không thể đầy đủ trong nhiều có đủ, do đó cần phải chuyển đổi. Nay trong năm mươi một phần vị nơi môn này, tất cả đầy đủ có đủ thấy đều đầy đủ mới gọi là phần vị dần dần chuyển. Như kệ viết: “*Trong một đủ tất cả, Gọi là vị dần chuyển*”.

Trong Khế kinh Ma Ha Diễn Kim Cang Chúng Tử giảng nói như vậy: “Hành giả hành đủ nơi đạo lộ kim cang, dùng hai sự việc lớn để quyết định chuyển. Những gì gọi là hai quyết định chuyển? Một là Biến độ thông đạt chuyển. Hai là Cụ cụ tăng trưởng chuyển. Đây gọi là hai quyết định chuyển. Nói Biến độ thông đạt chuyển: Là đạo lộ lớn thông suốt khắp nơi trải qua năm mươi một loại. Nói Cụ cụ tăng trưởng chuyển: Là trong mỗi mỗi phần vị đều thâm tóm các phần vị”. Cho đến nói rộng.

Như vậy là đã nói về Môn không vượt quá thứ lớp dần dần chuyển. Tiếp theo là nói về Môn nắm giữ chung rốt ráo trọn vẹn. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong năm mươi một vị
Tùy theo trước được vào
Thâu tất cả tất cả
Gọi rốt ráo trọn vẹn.*

* *Luận nói:* Trong phần vị có năm mươi một tướng riêng, hoặc có hành giả dùng tín để tiến vào. Hoặc có hành giả lấy địa chân kim để tiến vào. Hoặc có hành giả lấy địa đại cực để tiến vào. Những thứ hành giả như vậy đều tùy theo số lượng phần vị trước đã được đi vào, thâu tóm hết tất cả tất cả vị địa rốt ráo trọn vẹn, cũng không dời chuyển, cũng không ra vào, mỗi mỗi đều sáng rõ, vì vậy nói là phần vị của môn nắm giữ chung. Như kệ viết: “*Trong năm mươi một vị, Tùy theo trước được vào, Thâu tất cả tất cả, Gọi rốt ráo trọn vẹn*”. Trong Khê kinh Nan Nhập Vi Tăng Hữu Hội giảng nói như vậy:

*Hồi hướng là tâm tín
Tâm tín tức Phật địa
Phật địa là Thập địa
Rốt ráo thứ lớp gì?*

Cho đến nói rộng. Như vậy là đã nói về Môn nắm giữ chung rốt ráo trọn vẹn. Tiếp theo là nói về Môn rộng lớn viên mãn trọn khắp. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Năm mươi một loại vị
Một thời không trước sau
Vì cùng chuyển, cùng hành*

Gọi viên mãn trọn khắp.

* *Luận nói:* Năm mươi một phần vị không có trước sau chỉ nơi một thời cùng chuyển, tức một thời cùng hành không có sai khác. Cũng trong phần vị của năm mươi một tướng riêng, hiện có vô lượng vô biên các phần vị, không có trước sau chỉ nơi một thời cùng chuyển. Nơi một thời cùng hành không có sai khác, vì vậy nói là phần vị viên mãn. Như kệ viết: “*Năm mươi một loại vị, Một thời không trước sau, Vì cùng chuyển, cùng hành, Gọi viên mãn trọn khắp*”.

Trong Khế kinh Pháp Giới Pháp Luân Vô Tận Trung Tạng giảng nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nghe Đức Thế Tôn giảng nói, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay đánh lễ đến trước bạch Phật: Thế Tôn! Thế nào gọi là người chuyển vượt ngang không hướng về tu đạo? Nếu như thích hợp thỉnh cầu Đức Thế Tôn vì các đại chúng, tuyên thuyết khai thị đại sự như vậy. Đức Thế Tôn liền bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Một con đường, một khu vực, một loại không hai, hành giả đại địa, tất cả hành đạo, không trước không sau, một thời phát khởi, một thời đồng chuyển, một thời trụ giữ, một thời chứng nhập, một thời an lập, gọi là người chuyển vượt ngang không hướng về tu đạo”. Cho đến nói rộng.

Như vậy là đã nói về Môn rộng lớn viên mãn trọn khắp. Tiếp theo là nói về Môn câu phi của tất cả các pháp. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Các vô lượng vô biên
Tất cả các loại vị
Thảy đều phi kiến lập
Gọi địa vị câu phi.*

* *Luận nói*: Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm hiển thị về môn câu phi này chẳng phải là nhân, chẳng phải là quả, chẳng phải là vị, chẳng phải là địa, chẳng phải là có, chẳng phải là không, chẳng phải là danh, chẳng phải là nghĩa, chẳng phải là sự, chẳng phải là lý, chẳng phải là hoại, chẳng phải là thường, chẳng phải là sinh, chẳng phải là diệt. Tất cả nơi tất cả thấy đều là chẳng phải (phi). Như kệ viết: “*Các vô lượng vô biên, Tất cả các loại vị, Thấy đều phi kiến lập, Gọi địa vị câu phi*”.

Nếu như vậy thì do nghĩa gì để kiến lập danh xưng của phần vị? Do nghĩa chẳng phải (Phi) ấy để lập làm phần vị. Trong Khế kinh Đại Minh giảng nói như sau: “Vị của không vị là vị thứ nhất”. Cho đến nói rộng. Như vậy là đã nói về Môn câu phi của tất cả các pháp. Tiếp theo là nói về Môn câu thị của tất cả các pháp. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết*:

*Tất cả vô số pháp
Đều là thân kim cang
Do nghĩa của một thân
Gọi là môn câu thị.*

* *Luận nói*: Vô lượng vô biên tất cả vị nơi pháp, tất cả thấy đều là thân kim cang, bình đẳng không sai biệt, chỉ dựa nơi một thân, vì vậy nói là môn *câu thị*. Vì sao? Vì nay trong môn này, không có mỗi mỗi pháp nào không phải là thân kim cang chân thật. Như kệ viết: “*Tất cả vô số pháp, Đều là thân kim cang, Do nghĩa của một thân, Gọi là môn câu thị*”. Trong Khế kinh Chủng Kim Đại Địa giảng nói như sau: “Đạo nhân không bệnh chỉ thấy hình bóng tích tụ không thấy thân phân tán”.

* *Thứ 4: Phần Đại Quyết Trạch kim cang bảo luân sơn vương.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch một loại đạo lộ kim cương. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch kim cương bảo luân sơn vương. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Tiệm thị tận mãn phi
Một thời và trước sau
Cùng câu thị câu phi
Một khác, thời xứ chuyển.*

* *Luận nói:* Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm hiển thị về một thân trong thể của Kim Cương Đại Lực Bảo Luân Sơn Vương. Tức theo thứ lớp dần chuyển. Các pháp bình đẳng. Là rốt ráo trọn vẹn, viên mãn trọn khắp, câu phi dứt lia. Năm loại phần vị này là một thời chuyển, trước sau chuyển, câu hữu chuyển, câu phi chuyển. Cũng một thời chuyển, cũng khác thời chuyển, cũng một xứ chuyển, cũng khác xứ chuyển, đầy đủ đầy đủ, tự tại tự tại, không có chướng ngại.

Trong Khế kinh Đại Nghiêm Tận Địa Hư Không Pháp Giới giảng nói như vậy: “Lại nữa, này Long Minh! Điều ông trước đã hỏi: Thế nào gọi là bản thân kim cương nơi địa địa rộng lớn không chướng không ngại có Hằng sa phẩm công đức? Đó là năm loại đạo lộ kim cương địa địa hành đủ thù thắng cực diệu, không thể nghĩ bàn không thể nghĩ bàn được. Là tự tánh căn bản của kho tàng trong vô tận, xuất sinh làm tăng trưởng kho tàng đã nương dựa”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 3

* *Thứ 5: Phần Đại Quyết Trạch kim luân sơn vương đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch kim cương bảo luân sơn vương. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch kim luân sơn vương đạo lộ. Tương ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

Trong đạo lộ Sơn Vương

Gồm có mười lăm vị

Trong thể năm loại vị

Đều có ba tác dụng.

* *Luận nói:* Trong đạo lộ của Kim Luân Sơn Vương này thì kiến lập bao nhiêu phần vị làm số lượng của đạo lộ? Nói rộng tuy là vô lượng, nhưng nói tóm lược thì có mười lăm loại phần vị, dùng phần vị như vậy làm phần vị của đạo lộ. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ Sơn Vương, Gồm có mười lăm vị*”. Vì nhân duyên gì để nhận biết rõ ràng là trong đạo lộ này có mười lăm loại phần vị căn bản? Nghĩa là trong năm loại phần vị nơi thể của Kim Cang Đại Lực Bảo Luân Sơn Vương kia, mỗi mỗi thấy đều có ba thứ tác dụng tự tại. Do nghĩa này nên thành lập danh số mười lăm loại có sai biệt. Như kệ viết: “*Trong thể năm loại vị, Đều có ba tác dụng*”. Trong Khế kinh Cổ Phương nói như vậy: “Trong một khu vực, dân chúng của vua hành nơi địa địa, chỉ có mười lăm loại phần vị nơi số nghiệp của phần thể, không có phần vị khác”. Cho đến nói rộng. Nhưng trong Khế kinh Minh Thần Diệu Lý thì nói như vậy: “Có

hai mươi lăm loại phân vị sai biệt, chọn lấy vương gia để chuyên, không phải chọn lấy sự tạo tác chuyên”. Tạo tác chuyên thâm tóm mười lăm loại phân vị, danh tự hình tướng tức như thế nào?

* *Kệ viết:*

*Hiểu rõ và xa số
 Tương tục cùng ba hợp
 Động khắp chẳng động khắp
 Chữ bằng gồm rộng lớn.
 Đến khắp đến không khắp
 Tiêu trừ, lập cùng là
 Đấy gọi mười lăm danh
 Như thứ lớp nên quán.*

* *Luận nói:* Theo trong thể của thứ lớp dần chuyên tức có ba loại tác dụng. Những gì là ba loại? Một là tác dụng thông đạt rõ ràng xét kỹ về địa, kiến lập vị địa theo thứ lớp không tạp loạn, vì hành đạo phân minh danh nghĩa cùng hiểu rõ. Như kệ viết: “*Hiểu rõ*”. Hai là tác dụng của vô số hành xa tu xa, trải qua vô lượng kiếp, vượt qua các phân vị này, tu tập công đức không cùng tận. Như kệ viết: “*Và xa số*”. Ba là tác dụng luôn luôn chuyên không đoạn không tận, trong từng sát na trong từng thời gian thường hằng tự nhiên chuyên không dứt. Như kệ viết: “*Twong tục*”. Đấy gọi là ba loại tác dụng.

Theo trong thể của các pháp bình đẳng như vậy, cũng có ba loại tác dụng. Những gì là ba loại? Một là tác dụng của chủ thể giảng giải, chủ thể hiểu rõ hợp nhất. Ngôn thuyết khéo léo, tuệ giác vô ngại, số ấy là vô lượng nơi một kim cang. Hai là tác dụng của đối tượng giảng giải, đối tượng chứng đắc hợp nhất. Nghĩa cực sâu xa, lý huyền thắng diệu, chỉ là một khu vực, chỉ là một thân tướng, không có hai nẻo. Ba là tác dụng thuận theo hữu danh hợp nhất. Tùy theo đối tượng thích ứng ấy mà tất cả có danh xưng, tất

cả thầy đều là một thân kim cang. Đây gọi là ba loại tác dụng. Như kệ viết: “*Cùng ba hợp*”.

Theo trong thể rớt ráo trọn vẹn cũng có ba loại tác dụng. Những gì là ba loại? Một là tác dụng chuyển động viên mãn cùng khắp. Nơi thời thứ nhất dựa trong một phần vị, thân tóm thông suốt hết thầy, nên chuyển biến rớt ráo. Như kệ viết: “*Động khắp*”. Hai là tác dụng không động viên mãn cùng khắp. Chuyển biến như vậy là trong hết thầy vô lượng phần vị, còn lại thì không dời không chuyển mà luôn quyết định. Như kệ viết: “*Chẳng động khắp*”. Ba là tác dụng của danh cú văn tự không phân biệt, là thuận theo ở trước đã xướng lên cùng với số còn lại là một. Như kệ viết: “*Chữ bằng*”. Đây gọi là ba tác dụng.

Theo trong thể viên mãn cùng khắp cũng có ba loại tác dụng. Những gì là ba loại? Một là tác dụng rộng lớn vô lượng vô biên, là tự thể của pháp ấy xuất hiện nghiệp tướng, rộng lớn tận cùng không có phần hạn. Như kệ viết: “*Gồm rộng lớn*”. Hai là tác dụng thông đạt đến khắp vô ngại, là một thời kiến lập hết thầy phần vị. Như kệ viết: “*Đến khắp*”. Ba là tác dụng tột cùng vô số không hiện khắp, là trải qua chung khắp nhưng chỉ có một biên. Như kệ viết: “*Đến không khắp*”. Đây gọi là ba loại tác dụng.

Theo trong thể của câu phi dứt lia cũng có ba loại tác dụng. Những gì là ba loại? Một là tác dụng làm tiêu tan không có kiến lập, là tất cả các pháp thầy đều trừ bỏ không có thừa nhận. Như kệ viết: “*Tiêu trừ*”. Hai là tác dụng kiến lập các pháp đều duy trì, là hết thầy các pháp do nghĩa “*Câu phi*” để thành tựu lý này. Như kệ viết: “*Lập*”. Ba là tác dụng tiêu tan, kiến lập cùng dứt bật, là hoàn toàn tuyệt đạo kiến lập rộng. Như kệ viết: “*Cùng lia*”. Đây gọi là ba loại tác dụng.

Đó là danh tự của mười lăm loại phần vị. Phần vị của đạo lộ này thì bậc đại lợi căn mới có thể thông đạt, hạng chúng sinh độn

căn quyết định là khó hiểu rõ. Như kệ viết: “*Đấy gọi mười lăm danh tự, Như thứ lớp nên quán*”.

Các phần vị như vậy cũng một thời xuất hưng, cũng khác thời xuất hưng, cũng cùng thời xuất hưng. Cũng một xứ chuyển, cũng khác xứ chuyển, cũng cùng xứ chuyển. Cũng không xuất hưng, cũng không dời chuyển. Cũng chỉ một loại, cũng là nhiều loại. Đối với pháp căn bản kia có tạo công dụng, có tạo phương tiện, tự nhiên tự tại, kiến lập tạo tác. Nên quán xét kỹ.

* *Thứ 6: Phần Đại Quyết Trạch độc nhất sơn vương ma ha sơn vương.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch kim luân sơn vương đạo lộ. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch độc nhất sơn vương ma ha sơn vương. Tướng ấy là thể nào?

* *Kệ viết:*

*Trong Ma Ha Sơn Vương
Gồm có ngàn hai trăm
Bảy mươi lăm loại vị
Là năm mươi một loại.
Trong vị đại căn bản
Đều mỗi mỗi đều đều
Năm vị như đàn chuyển
Nên an lập đầy đủ.*

* *Luận nói:* Trong thể của Độc Nhất Sơn Vương Ma Ha Sơn Vương này, kiến lập bao nhiêu phần vị để làm phần của thể? Nói rộng tuy là vô lượng, nhưng nói tóm lược về phần chính tức chỉ có một ngàn hai trăm bảy mươi lăm loại phần vị quyết định. Như kệ viết: “*Trong Ma Ha Sơn Vương, Gồm có ngàn hai trăm, Bảy mươi lăm loại vị*”. Do nhân duyên gì mà trong thể của Sơn Vương

có một ngàn hai trăm bảy mươi lăm phần vị hiện nhận biết rõ? Đó gọi là trong năm mươi một loại phần vị căn bản thường hằng mỗi mỗi loại đều có năm loại phần vị chuyển biến đầy đủ, là các pháp bình đẳng dần chuyển theo thứ lớp, là rốt ráo trọn vẹn, viên mãn cùng khắp, câu phi lia dứt. Cũng trong năm loại phần vị như dần chuyển v.v... mỗi mỗi đều mở ra năm loại phần vị riêng biệt như dần chuyển v.v..., vì vậy đã thành lập một ngàn hai trăm bảy mươi lăm phần vị. Như kệ viết: “*Là năm mươi một loại, Trong vị đại căn bản, Điều mỗi mỗi đều đều, Năm vị như dần chuyển, Nên an lập đầy đủ*”. Vì thế trong thể của Độc Nhất Sơn Vương Ma Ha Sơn Vương này, một ngàn hai trăm bảy mươi lăm phần vị như vậy, cũng một một thời chuyển, cũng khác một thời chuyển, cũng cùng một thời chuyển, cũng đều chẳng phải là chuyển, cũng một thời một xứ chuyển, cũng một thời khác xứ chuyển, cũng khác thời khác xứ chuyển, cũng đều chẳng phải là chuyển, tự tại tự nhiên không chướng không ngại. Thế nên nói là Pháp giới bản tạng vô tận hư không đại đà đà phiệt la nơi Địa địa xuất sinh Tạng pháp môn đại hải quảng đức vô cùng tận.

Trong Khế kinh Đại Trí Trang Nghiêm Pháp Giới Tánh Thân Thâm Thâm giảng nói như vậy: “Không phải so sánh, không phải thí dụ, vì khó có thể suy nghĩ nêu bày, một thể của biển lớn ẩn tàng trong biển lớn, chủng loại của ba phẩm đức trong địa địa căn bản, đầy đủ viên mãn không thiếu mất. Những gì là ba phẩm? Một là đức thuộc loại phẩm thượng, vì danh tự của phần vị ấy là rất nhiều, vô số, số lượng ấy so với số vi trần trong mười phương thế giới là như nhau. Hai là đức thuộc loại phẩm trung, vì danh tự của phần vị đó, số lượng ấy so với số vi trần của trăm trăm trăm ức tam thiên đại thiên thế giới là như nhau. Ba là đức thuộc loại phẩm hạ, vì danh tự của phần vị đó có một ngàn hai trăm bảy mươi lăm phần vị. Đấy gọi là ba phẩm. Như vậy, các phần vị từ một một một một

một một, cho đến vô lượng vô lượng vô lượng vô lượng vô lượng vô lượng”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 4

* *Thư 7: Phần Đại Quyết Trạch đại hải bộ tạng đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch độc nhất sơn vương ma ha sơn vương. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch đại hải bộ tạng đạo lộ. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong Đại Hải Bộ Tạng
Gồm có mười loại pháp
Là năm loại phi không
Và năm loại vô thường.*

* *Luận nói:* Trong phần đạo lộ của Đại Hải Bộ Tạng này kiến lập bao nhiêu pháp để làm lượng của bộ tạng? Đó gọi là kiến lập thể của mười loại pháp, dùng làm phần lượng Đại Hải Bộ Tạng. Trong Khế kinh Ma Ha Diễn Địa giảng nói như vậy: “Trong phần hành đạo của Tạng Câu Câu Hải, chỉ có mười pháp không có pháp khác”. Cho đến nói rộng. Như kệ viết: “*Trong Đại Hải Bộ Tạng, Gồm có mười loại pháp*”. Vì nghĩa nào nên có mười? Nên biết là có năm loại phi không và năm loại vô thường đều sai biệt. Như kệ viết: “*Là năm loại phi không, Và năm loại vô thường*”. Mười loại pháp ấy về danh tự hình tướng của chúng là như thế nào?

* *Kệ viết:*

*Lìa ngại và có thật
Tánh lửa, ánh sáng nay*

Gồm lý sâu xuất hưng
 Đại Long Vương Địa Tạng.
 Năm loại danh như thế
 Xưng phi không, bất cộng
 Khởi, trì, biến hoại phẩm
 Cùng đại lực vô minh.
 Như vậy năm loại danh
 Gọi vô thường bất cộng
 Đều có một thứ nhất
 Do thỉnh cầu khí lực.
 Lập môn thật vốn thấu
 Như pháp nên quán xét.

* *Luận nói*: Thế nào gọi là năm loại phi không quyết định trụ pháp? Đó là: (1) Phi không quyết định trụ pháp lia chướng ngại. (2) Phi không quyết định trụ pháp có thật. (3) Phi không quyết định trụ pháp tánh lửa. (4) Phi không quyết định trụ pháp của ánh sáng hiện tại. (5) Phi không quyết định trụ pháp của lý sâu xuất hưng. Đây gọi là năm loại phi không. Như kệ viết: “*Lìa ngại và có thật, Tánh lửa ánh sáng nay, Gồm lý sâu xuất hưng, Đại Long Vương Địa Tạng*”. Năm tên gọi như vậy là năm loại phi không quyết định trụ pháp, danh tự sai biệt không cùng chuyển đổi khác. Như kệ viết: “*Năm loại danh như thế, Xưng phi không bất cộng*”.

Thế nào gọi là năm loại vô thường hư giả chuyển pháp? Đó là: (1) Vô thường hư giả chuyển pháp động khởi. (2) Vô thường hư giả chuyển pháp chỉ trì. (3) Vô thường hư giả chuyển pháp dịch biến. (4) Vô thường hư giả chuyển pháp tán hoại. (5) Vô thường hư giả chuyển pháp đại lực. Đây gọi là năm loại vô thường. Như kệ viết: “*Khởi trì biến hoại phẩm, Cùng đại lực vô minh*”. Năm tên gọi như vậy là năm loại vô thường hư giả chuyển pháp, danh tự sai biệt không cùng chuyển đổi khác. Như kệ viết: “*Như vậy năm loại*

danh, Gọi vô thường bất cộng”. Lý sâu và đại lực, hai pháp như vậy là theo khí lực để lập môn, không phải là nhận lấy thật thể. Nên quán xét kỹ. Như kệ viết: “*Đều có một thứ nhất, Do thỉnh cầu khí lực, Lập môn thật vốn thâu, Như pháp nên quán xét*”.

Như vậy là đã nói về Môn kiến lập danh tự không đồng. Tiếp theo là nói về Môn nghĩa lý đã giảng giải có sai biệt. Như thế, năm loại phi không quyết định trụ pháp, mỗi loại đều có bao nhiêu số? Đó gọi là mỗi mỗi đều có hai loại.

Những gì gọi là hai loại lìa chướng ngại? Một là giữ thân lìa chướng ngại. Hai là biến chuyển lìa chướng ngại. Nói giữ thân lìa chướng ngại: Là thân không có chướng ngại nên luôn luôn quyết định, không để hoại mất. Nói biến chuyển lìa chướng ngại: Là kiến lập vạn hữu khiến được tự tại. Đây gọi là hai loại lìa chướng ngại.

Những gì gọi là hai loại có thật? Một là giữ thân có thật. Hai là biến chuyển có thật. Nói giữ thân có thật: Là thân thường bình đẳng, luôn luôn quyết định không để hoại mất. Nói biến chuyển có thật: Là kiến lập sai biệt khiến được an trụ. Đây gọi là hai loại có thật.

Những gì gọi là hai loại tánh lửa? Một là giữ thân nơi tánh lửa. Hai là biến chuyển nơi tánh lửa. Nói giữ thân nơi tánh lửa: Là thân đức tạng luôn luôn quyết định không để hoại mất. Nói biến chuyển nơi tánh lửa: Là trần lụy cùng chuyển tùy thuận thành tự. Đây gọi là hai loại tánh lửa.

Những gì gọi là hai loại ánh sáng hiện tại? Một là giữ thân nơi ánh sáng hiện tại. Hai là biến chuyển nơi ánh sáng hiện tại. Nói giữ thân nơi ánh sáng hiện tại: Là mở đầu với thân rực sáng luôn luôn quyết định không để hoại mất. Nói biến chuyển nơi ánh sáng hiện tại: Là tùy thuận lưu chuyển không bị ngăn ngại. Đây gọi là hai loại ánh sáng hiện tại.

Những gì gọi là hai loại lý sâu? Một là giữ thân nơi lý sâu. Hai là biến chuyển nơi lý sâu. Nói giữ thân nơi lý sâu: Là trong sự lia dứt, thân luôn luôn quyết định không để hoại mất. Nói biến chuyển nơi lý sâu: Là trong các pháp vô vi có được tự tại. Đây gọi là hai loại lý sâu.

Như trước đã nói, nghiệp dụng của năm loại vô thường có sai biệt, mỗi mỗi đều như thế nào? Đó gọi là như thứ lớp xuất sinh tất cả vô lượng vô biên biến lỗi lầm lớn, đều trọn đủ. Trụ giữ tất cả vô lượng vô biên biến lỗi lầm lớn, đều trọn đủ. Biến đổi hết thảy vô lượng vô biên công đức lớn, đều trọn đủ. Hoại diệt hết thảy vô lượng vô biên công đức lớn, đều trọn đủ. Thân tự tại trong sự ngăn che, chẳng phải công đức, chẳng phải lỗi lầm. Đều trọn đủ. Năm pháp như vậy, tự thể và phẩm loại mỗi mỗi đều sai biệt. Nên quán xét kỹ.

Như vậy là đã nói về Môn nghĩa lý đã giảng giải có sai biệt. Tiếp theo là nói về Môn dựa vào phần vị quyết định an lập. Như trước đã nói về năm mươi một loại phần vị chân kim cương, hiện bày khắp nơi bao nhiêu xứ?

* *Kệ viết:*

*Như vậy năm mươi một
Khắp nơi năm loại xứ
Hành giả đại thông sáng
Hay khéo quyết trạch biết.*

* *Luận nói:* Như trước đã nói, năm mươi một phần vị trong năm loại xứ như biến ly ngại v.v..., không nơi nào là không đến, không chốn nào là không thông. Do nghĩa này mà phần vị của đại kim cương có năm loại, nên biết. Như kệ viết: “*Như vậy năm mươi một, Khắp nơi năm loại xứ*”. Vị địa như vậy hàng lợi căn có thể nhận biết, không phải là cảnh giới của hàng độn căn. Vì sao? Vì

đây là rất sâu xa, là hết sức nhanh nhạy, là vô cùng bí mật. Như kệ viết: “*Hành giả đại thông sáng, Hay khéo quyết trạch biết*”.

Lại, xứ cũng là hai tức phần vị cũng là hai. Nên nhận biết. Vì thế tập hợp đủ có mười mà thôi. Nhưng nay đã nói là biến chuyển chẳng phải là thân, kiến lập phần vị riêng gồm có bao nhiêu số? Thân chữ có sai biệt tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Kiến lập riêng số vị
Gồm có mười loại vị
Dần dần cùng tận khác
Không động và cùng diệt.
Vị một không một có
Trí, trí đoạn, trí địa
Cùng gặp gồm bỏ lập
Biên biên chuyển một hợp.
Đây đủ mười vị này
Môn giới lượng viên mãn.*

* *Luận nói:* Kiến lập riêng về phần vị gồm có mười loại. Những gì là mười loại? Đó là: (1) Phần vị dần dần hoàn toàn không vượt quá. (2) Phần vị rất ráo khắp nơi hết không hết. (3) Phần vị không động trong tất cả đời. (4) Phần vị cả hai cùng lập các pháp cùng diệt. (5) Phần vị nếu một *không* tức nên một *có*. (6) Phần vị chủ thể đoạn, đối tượng đoạn đều là trí. (7) Phần vị lực huân tập cùng đối cùng gặp. (8) Phần vị thuận theo xứ trừ chương ngại để lập vị. (9) Phần vị chân vọng đạt được biên có không. (10) Phần vị các pháp một loại một hợp. Đây gọi là mười loại phần vị. Như kệ viết: “*Kiến lập riêng số vị, Gồm có mười loại vị, Dần dần cùng tận khác, Không động và cùng diệt, Vị một không một có, Trí trí đoạn trí địa, Cùng gặp gồm bỏ lập, Biên biên chuyển một*

hợp”. Tùy có một phần vị riêng để kiến lập phần vị chung, tất phải đầy đủ tất cả phần vị riêng mới có thể kiến lập phần vị chung lớn chẳng? Tất phải đầy đủ riêng chung thì mới được thành tựu. Như kệ viết: “*Đầy đủ mười vị này, Môn giới lượng viên mãn*”. Như vậy, mười loại phần vị của tướng riêng hiện có khắp bao nhiêu xứ? Hiện có khắp năm xứ. Đó là chuyển thân trong năm loại xứ, đều gồm đủ năm mươi một phần vị kim cương, trải qua các phần vị cũng có mười loại phần vị của tướng riêng. Phần vị của tướng chung lớn gồm có bao nhiêu số? Hiện có khắp bao nhiêu xứ?

* *Kệ viết:*

*Vị chung có ba loại
Đó là thượng trung hạ
Chỉ khắp năm loại xứ
Nên biết chẳng vị khác.*

* *Luận nói:* Phần vị của thể nơi đại tánh tổng địa căn bản gồm có ba loại. Những gì là ba loại? Một là phần vị hướng lên cao chuyển biến lên cao hơn nữa. Hai là phần vị tự nhiên an trụ trong khoảng giữa. Ba là phần vị luôn hướng chuyển biến xuống dưới thấp. Đây gọi là ba loại. Như kệ viết: “*Vị chung có ba loại, Đó là thượng trung hạ*”. Như vậy, ba loại vị chung tùy theo vị riêng có mà có, chỉ chuyển khắp trong năm xứ không phải là những phần vị khác. Nên quán xét kỹ. Như kệ viết: “*Chỉ khắp năm loại xứ, Nên biết chẳng vị khác*”.

Như vậy là đã nói về Môn dựa vào phần vị quyết định an lập. Tiếp theo là nói về Môn dựa vào phần vị để biết số pháp đủ thiếu. Như trước đã nói về hai loại giữ thân và biến chuyển của mười loại pháp căn bản, thì thể phần vị kim cương là tận hay bất tận? Nghĩa là nếu ở trong phần vị giữ thân, thì chỉ có năm loại đủ đức, năm loại không có gì khác. Nếu ở trong phần vị biến chuyển, thì mười pháp

đầy đủ không thiếu mất. Do nghĩa này nên hai môn riêng chung có không cũng rõ.

Như vậy là đã nói về Môn dựa vào phần vị để biết số pháp đủ thiếu. Tiếp theo là nói về Môn đối xét công đức và lỗi lầm để hiện bày tông chỉ. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Khởi tánh chỉ và nay
Biến không hoại cùng thật
Lực long như thứ đối
Có giống chọn lấy nhiều.*

* *Luận nói:* Hình tướng đối xét để đối trị chướng ngại soi chiếu nơi chôn bị che lấp, như thứ lớp ấy là động khởi vô thường. Tánh lửa trụ pháp nơi chỉ trì vô thường. Ánh sáng hiện tại trụ pháp nơi biến dịch vô thường. Lìa chướng ngại trụ pháp nơi tán hoại vô thường. Có thật trụ pháp nơi đại lực vô thường. Xuất hưng long vương, lấy đó để xét. Như kệ viết: “*Khởi tánh chỉ và nay, Biến không hoại cùng thật, Lực long như thứ đối*”. Đối xét như vậy hoàn toàn là chuyển chẳng? Cùng lượng chuyển chẳng? Cùng lượng nên biết. Như kệ viết: “*Có giống chọn lấy nhiều*”.

Như vậy là đã nói về Môn đối xét công đức và lỗi lầm để hiện bày tông chỉ. Tiếp theo là nói về Môn thuận theo thứ lớp giải thích riêng để nói rộng. Lại môn lìa chướng ngại, an bày hình tướng hiển thị như thế nào? Chủ bạn đối trị chướng ngại nên như thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong thể thân lìa ngại
Có năm mươi một vị
Trong năm mươi một vị
Có ba loại tướng chung.*

*Trong ba loại tướng chung
 Có mười loại tướng riêng
 Trong năm mươi một đầu
 Mỗi mỗi đều có đều.
 Đây đủ mười số gốc
 Đầu tiên chủ sau bạn
 Tiếp đầu chủ sau bạn
 Thứ lớp nên quán xét.*

* *Luận nói:* Theo trong vị lìa chướng ngại, có năm mươi một loại phần vị kim cang. Căn cứ trong phần vị này, có ba loại phần vị của tướng chung căn bản. Theo trong tướng chung ấy, có mười loại phần vị tướng riêng. Như kệ viết: “*Trong thể thân lìa ngại, Có năm mươi một vị, Trong năm mươi một vị, Có ba loại tướng chung, Trong ba loại tướng chung, Có mười loại tướng riêng*”. Trong các vị kim cang thì mỗi mỗi phần vị đều có đủ số căn bản. Như kệ viết: “*Trong năm mươi một đầu, Mỗi mỗi đều có đều, Đây đủ mười số gốc*”. Chủ bạn đều có hai. Những gì là hai chủ? Một là chủ của chủ. Hai là chủ của bạn. Những gì là hai bạn? Một là bạn của bạn. Hai là bạn của chủ. Nói chủ của chủ: Là lìa chướng ngại. Nói chủ của bạn: Là chuyển biến thứ hai. Nói bạn của bạn: Là trừ năm pháp căn bản còn lại là quyền thuộc. Nói bạn của chủ: Là trừ pháp lìa chướng ngại kia, còn lại là bốn pháp. Như kệ viết: “*Đầu tiên chủ sau bạn, Tiếp đầu chủ sau bạn, Thứ lớp nên quán xét*”.

Trong vị kim cang của ba loại tướng chung, thế nào là an lập? Nghĩa là tín tâm ban đầu dùng làm khởi đầu, địa Uất đà về sau lấy đó làm sau cùng, theo thứ lớp dần chuyển. Vì thế kiến lập phần vị hướng lên cao, từ trên cao chuyển đi. Địa Uất đà về sau lấy đó làm khởi đầu, tín tâm thứ nhất dùng làm sau cùng, theo thứ lớp dần chuyển. Do đó kiến lập phần vị hướng xuống dưới, từ dưới chuyển đi. Hai môn trên dưới từng phần vị mỗi mỗi đều lìa hai biên, theo

trung đạo để quyết định an lập. Vì thế kiến lập phần vị an trụ tự nhiên trong khoảng giữa. Do nghĩa này nên mười loại tướng riêng chỉ có nơi môn trên dưới không có ở giữa. Lại, dựa vào môn trên để kiến lập mười phần vị. Hình tướng như thế nào?

* *Kệ viết:*

*Tín năm sự đã qua
Đến phần vị sau sau
Là một sự cuối cùng
Chuyển biến trong một vị.
Trị chướng là một diệt
Trị chướng tức chẳng cùng
Dùng trí đoạn trừ trí
Trên dưới cùng soi chiếu.
Xưa không mà nay có
Trị chướng tự biện biệt
Nên một chuyển không khác
Thứ lớp nên quán xét.*

* *Luận nói:* Dựa nơi môn hướng lên cao, từ trên cao chuyên đi, thấy có mười phần vị sai biệt. Hình tướng ấy như thế nào? Nghĩa là dùng năm loại phi không trụ pháp, đối trị năm loại hư giả chuyển pháp. Như thứ lớp ấy không có vượt quá mà dần dần chuyển, nên kiến lập phần vị là hoàn toàn không vượt quá thứ lớp. Như kệ viết: “*Tín năm sự đã qua, Đến phần vị sau sau*”. Nên dùng năm sự đối trị năm sự, tùy theo đối tượng ứng hợp ấy là một thứ cuối cùng. Tức kiến lập phần vị cứu cánh hiện có khắp nơi là hết không hết. Như kệ viết: “*Là một sự cuối cùng*”. Nên dùng năm sự đối trị năm sự, là không thêm không bớt, không lớn không nhỏ, một vị bình đẳng là trung đạo thật tướng. Thế nên kiến lập phần vị bất động trong tất cả đời. Như kệ viết: “*Chuyển biến trong một vị*”. Vì dùng năm sự đối trị năm sự, tùy theo lúc chướng ngại diệt

thì thể của trí tuệ ấy cũng tức liền diệt. Nên kiến lập phần vị cả hai được lập các pháp cùng diệt. Như kệ viết: “*Trị chướng là một diệt*”. Tức dùng năm sự đối trị năm sự, đối trị khởi thì không có chướng ngại. Chướng ngại dấy lên thì không có đối trị. Do đó không thể thân cận, không thể cùng hành, không thể đạt đến. Nếu kiến lập phần vị một không tức nên một có. Như kệ viết: “*Trị chướng tức chẳng cùng*”. Nên dùng năm sự đối trị năm sự. Đối trị do khí lực hơn hẳn, là biến đổi tất cả chướng ngại để đối trị quyền thuộc. Cũng dùng lực hơn hẳn để đoạn trừ quyền thuộc. Kiến lập phần vị chủ thể đoạn, đối tượng đoạn đều là trí. Như kệ viết: “*Dùng trí đoạn trừ trí*”. Vì thế dùng năm sự đối trị năm sự, tùy theo đối tượng ứng hợp để phần vị trên phần vị dưới hỗ tương soi chiếu thông tỏ. Tùy theo đối tượng ứng hợp để đoạn trừ chướng ngại, nên kiến lập phần vị cùng đối cùng gặp của lực huân tập. Như kệ viết: “*Trên dưới cùng soi chiếu*”. Tức dùng năm sự đối trị năm sự, tùy theo chỗ đoạn trừ chướng ngại là hư vọng không có gốc, nên an lập vị địa cũng không có gốc. Kiến lập phần vị là tùy theo xứ đoạn trừ chướng ngại để lập phần vị. Như kệ viết: “*Xưa không mà nay có*”. Nên dùng năm sự đối trị năm sự. Đối trị đều là sáng sạch còn chướng ngại đều là tối tăm. Sự việc đối trị đoạn trừ kia đều đã hoàn thành, thì dụng của chướng ngại che lấp ấy đều đã dứt bỏ đầy đủ. Kiến lập phần vị chân vọng là đạt được biên có không. Như kệ viết: “*Trị chướng tự biện biệt*”. Nên dùng năm sự đối trị năm sự. Hai pháp đối trị và chướng ngại là không hai, không khác, chỉ là một vị bình đẳng, một thể một tánh, một nghiệp một dụng. Kiến lập phần vị các pháp là một loại một hội. Như kệ viết: “*Nên một chuyển không khác*”. Cho nên các phần vị như thế như kệ đã giải thích, chuyên tâm quán xét thì lý ấy sáng rõ gốc ngọn hiện đủ. Như kệ viết: “*Thứ lớp nên quán xét*”. Đây gọi là dựa nơi môn lìa chướng ngại an lập các phần vị chung riêng để hiển thị phần trên

có sai biệt. Tiếp theo là dựa nơi môn dưới để kiến lập mười môn. Hình tướng như thế nào?

* *Kệ viết:*

*Như trước nói mười nghĩa
Tùy hợp với như như
Hoại được thể quy không
Dần dần thứ lớp chuyển.*

* *Luận nói:* Dựa vào môn hướng xuống dưới, từ dưới chuyển đi, thấy có mười phần vị riêng khác, hình tướng như thế nào? Nghĩa là như trước đã nói trong mười loại nghĩa, tùy đối tượng ứng hợp là thuận như như. Hủy hoại chúng để đạt được thể quy về không vốn tồn tại. Như kệ viết: “*Như trước nói mười nghĩa, Tùy hợp với như như, Hoại được thể quy không*”. Như vậy, các phần vị là một thời chuyển hay là trước sau chuyển? Vì trước sau chuyển không phải là một thời, như kệ viết: “*Dần dần thứ lớp chuyển*”. Vì thế đối với các pháp còn lại, đều như vậy như vậy, tùy tùy như như, nêu bày chỉ rõ về sự tạo tác. Nên quán xét kỹ về tướng chuyển biến riêng kia. Là gốc tồn tại nên là gốc chủ. Mỗi mỗi thấy đều có hai chuyển như thế. Một thời chuyển và trước sau chuyển có hai nghĩa. Những gì là hai? Một là kiến lập chuyển, là định rõ trước sau. Hai là bản tánh chuyển, là không có trước sau. Đây gọi là hai chuyển. Như trước đã nói về vô số các môn, đồng danh khác vật. Trụ nơi tư duy nên quán xét.

* *Thứ 8: Phần Đại Quyết Trạch thâm lý xuất hưng Địa Tạng Đại Long Vương.*

Như thế là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch đại hải bộ tạng đạo lộ. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch thâm lý xuất hưng Địa Tạng Đại Long Vương. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong Long Vương Địa Tạng
Gồm có hai loại nghĩa
Đó là nghĩa Tạng đức
Cùng với nghĩa Tạng lỗi.*

* *Luận nói:* Theo trong thể của Đại Long Vương Địa Tạng thâm lý xuất hưng tức có hai nghĩa. Những gì là hai? Một là nghĩa kho tàng công đức căn bản. Hai là nghĩa kho tàng lỗi lầm căn bản. Nói nghĩa kho tàng công đức căn bản: Vì Đại Long Vương này làm kho tàng căn bản của bốn loại phi không. Nói nghĩa kho tàng lỗi lầm căn bản: Vì Đại Long Vương này làm kho tàng căn bản của bốn loại vô thường. Như kệ viết: “*Trong Long Vương Địa Tạng, Gồm có hai loại nghĩa, Đó là nghĩa Tạng đức, Cùng với nghĩa Tạng lỗi*”. Có đủ nghĩa của hai tạng thì Long Vương Địa Tạng cư trú nơi xứ nào? Lý (nơi ở) ấy có bao nhiêu lượng, các hình tướng như dài ngắn lớn nhỏ... là như thế nào?

* *Kệ viết:*

*Ở Ân-bà-thi-ni
Lý: Năm mươi một lượng
Dài một ngàn do tuần
Đầu có Bà-đa-đề.
Tức xuất bốn loại nước
Đuôi có Xá-già-tát
Tức xuất bốn loại gió
Sắc như ngọc pha lê.*

* *Luận nói:* Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị nêu lên sự để hiện bày lý, khai diễn đại dương của pháp gốc. Đại Long Vương này cư trú nơi xứ nào? Nghĩa là cư trú trong Ân-bà-thi-ni. Như kệ viết: “*Ở Ân-bà-thi-ni*”. Ra khỏi nước đi vào

đất thì cách nhau là bao nhiêu lượng? Nghĩa là từ đáy nước hướng đi vào phần đất thấp, khoảng cách là năm mươi một do tuần. Như kệ viết: “*Lý: Năm mươi một lượng*”. Thân của Đại Long Vương kia, dài là bao nhiêu lượng? Một ngàn do tuần không tăng giảm. Như kệ viết: “*Dài một ngàn do tuần*”. Đại Long Vương ấy ở trên đầu của mình, có lông nhỏ màu trắng trong gọi là Bà-đa-đề. Từ đầu lông này xuất sinh bốn loại nước. Những gì là bốn loại? Đó là: (1) Nước Trung không. Nước này xuất thủy trần, không dùng làm bên trong, có dùng làm bên ngoài, theo đáy mà sinh ra. (2) Nước Phương đẳng. Nước này xuất thủy trần, bốn hướng lượng như nhau không sai trái. (3) Nước Thường thực. Nước này xuất thủy trần, nơi tất cả xứ, nơi tất cả thời luôn luôn ẩm áp. (4) Nước Diệu minh. Nước này xuất thủy trần, ánh sáng trắng trong luôn luôn hiện tiền. Đây gọi là bốn loại nước. Như kệ viết: “*Đầu có Bà-đa-đề, Tức xuất bốn loại nước*”. Cũng từ nơi cuối đuôi của Long vương ấy, có một sợi lông mềm gọi là Xá-già-tát. Cũng từ cuối sợi lông này, phát ra bốn loại gió. Những gì là bốn loại? Đó là: (1) Gió Phát trần. Lúc gió này dấy lên đi qua nhiều trung gian, phát khởi vô lượng vô biên trần (cảnh). (2) Gió Trì trần. Lúc gió này phát ra thì các trần dừng trụ khiến an trụ. (3) Gió Biến trần. Lúc gió này xuất hiện, đi qua nhiều trung gian, thì biến đổi các loại vàng ngọc thành sỏi đá. (4) Gió Hoại trần. Lúc gió này xuất hiện, đi qua nhiều trung gian, hủy hoại hết các thứ vàng ngọc trở thành không có. Đây gọi là bốn loại gió. Như kệ viết: “*Đuôi có Xá-già-tát, Tức xuất bốn loại gió*”. Màu sắc nơi thân Long vương kia, ví như pha lê không có sắc nhất định. Như kệ viết: “*Sắc như ngọc pha lê*”.

Ở Án-bà-thi-ni: Là dụ cho bản tánh nơi vương không trú trong bản xứ. Lý: Năm mươi một lượng: Là dụ cho số lượng phẩm nhất định của vị chân kim. Dài một ngàn do tuần: Là dụ cho bản tánh nơi vương có đủ ngàn loại đức. Đầu có Bà-đa-đề: Là dụ cho bản tánh nơi vương, đối với những phẩm tịnh có tạo tác phương

tiện. Tức xuất bốn loại nước: Là dụ cho bốn loại phi không trụ pháp. Đuôi có Xá-già-tát: Là dụ cho bản tánh nơi vương, đối với những phẩm nhiễm có tạo tác nghiệp dụng. Tức xuất bốn loại gió: Là dụ cho bốn vô thường. Sắc như ngọc pha lê: Là dụ cho bản tánh nơi vương không thâm tóm nhiễm, tịnh. Như thứ lớp ấy nên xét chọn kỹ. Lại nữa, trung gian cùng cách từ đáy nước của biển lớn và trụ xứ: Là dụ cho năm mươi một loại phần vị kim cang đã đầy đủ. Lúc xuất hiện đến biển lớn: Là dụ cho các loại nẻo tạp loạn. Lúc sóng biển ngừng lặng: Là dụ cho lúc khởi tâm thiện. Lúc sóng thường khởi: Là dụ cho lúc tâm ác hưng khởi. Cũng lại trụ tâm, nên quán xét kỹ. Trong Khế kinh Bản Hạnh Thượng Địa Nhất Vị Bình Đẳng Diệu Pháp Vô Biên Nghiệp Dụng Cụ Túc Đại Hải Bảo Luân Diệu Nghiêm Vương Tử đã giảng nói như vậy: “Sinh ra pháp bốn đạo, không gồm thâm bốn đạo, lia dứt trong tâm. Sinh ra pháp bốn luân, không gồm thâm bốn luân, lia dứt trong tâm, nhưng lập danh tự. Nói đại lực vô minh: Là tùy theo pháp đã sinh để kiến lập danh tự”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 5

** Thứ 9: Phần Đại Quyết Trạch thâm lý xuất hưng Địa Tạng Đại Long Vương đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch thâm lý xuất hưng Đại Long Vương Địa Tạng. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của Đại Long Vương Địa Tạng thâm lý xuất hưng. Tướng ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong đạo lộ Long Vương
Gồm có hai mươi pháp
Là trong hai tạng gốc
Đều có mười loại pháp.*

** Luận nói:* Căn cứ ở trong đạo lộ của Đại Long Vương Địa Tạng từ thâm lý xuất hưng thì gồm có pháp tự tại trong hai mươi loại. Vì sao? Vì trong hai loại tạng công đức và lỗi lầm mỗi loại đều có mười pháp. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ Long Vương, Gồm có hai mươi pháp, Là trong hai tạng gốc, Đều có mười loại pháp*”. Vì thế hai mươi loại pháp ấy, danh tự, hình tướng là như thế nào?

** Kệ viết:*

*Mười tạng gốc công đức
Thường hoại câu và phi
Tự tha câu và phi
Vô ngại gồm một toàn.*

*Mười tạng gốc lỗi lầm
 Như nhất trái không có
 Đối lợi dung trên dưới
 Như thứ nên quán xét.
 Như vậy hai mươi pháp
 Mỗi mỗi đều đều đều
 Rộng lớn và viên mãn
 Lượng cùng với gốc còn.*

* *Luận nói:* Theo trong thể của tạng gốc công đức tức có mười pháp, có thể gồm thâu tất cả vô lượng công đức. Những gì là mười loại? Đó là: (1) Phẩm loại công đức của bản thể tự tánh, quyết định thường trụ, bất sinh bất diệt, xa lìa lưu chuyển. (2) Phẩm loại công đức của bản thể tự tánh, thường hằng di chuyển, là sinh là diệt, lưu chuyển cùng hành. (3) Phẩm loại công đức quyết định thường trụ, thường hằng, vô thường, một thời cùng chuyển, không có trước sau sai trái. (4) Phẩm loại công đức xuất sinh hai sự thường vô thường, không gồm thâu, bản tánh tự thể là lìa thoát không hành. (5) Phẩm loại công đức của mười loại tự tự gồm thâu tất cả pháp, không có pháp còn lại, riêng một không hai, chỉ một loại một hành. (6) Phẩm loại công đức vô thể vô tánh, từ nhân duyên khởi, cũng có cũng không, tùy thuận ứng hợp biến chuyển. (7) Phẩm loại công đức cứu cánh trọn vẹn, cũng chuyển cùng hành, không cùng lìa bỏ. (8) Phẩm loại công đức chẳng chẳng tự chẳng phải tha, lìa dứt tên gọi, trụ vào phi phi, tự tánh quyết định. (9) Phẩm loại công đức đối với tất cả các pháp tùy thuận vô ngại, tự thể tự tánh pháp vốn như vậy, đạo lý tánh tạo như thị. (10) Phẩm loại công đức năm căn nơi mỗi mỗi căn, năm trần nơi mỗi mỗi trần, tất cả các pháp cũng lại như vậy. Đây gọi là mười loại. Như kệ viết: “*Mười tạng gốc công đức, Thường hoại câu và phi, Tự tha câu và phi, Vô ngại gồm một toàn*”.

Theo trong thể của tạng gốc lỗi lầm cũng có mười pháp, có thể gồm thấu tất cả vô lượng lỗi lầm. Những gì là mười loại? Đó là: (1) Phàm loại lỗi lầm vì đối với tất cả các pháp tùy thuận như như, như tạo tác sự việc trái ngược. (2) Phàm loại lỗi lầm vì tạo tác các pháp đồng một nghiệp dụng, một hành tác sự việc trái ngược. (3) Phàm loại lỗi lầm vì lúc đối trị đạo đầy khởi không có Thể ổn định, nên tạo tác sự việc trái ngược. (4) Phàm loại lỗi lầm vì các pháp nhiệm tịnh đều không thật có, không hành tác sự việc trái ngược. (5) Phàm loại lỗi lầm vì tất cả các pháp đều gồm có thì có, tức có tạo tác sự việc trái ngược. (6) Phàm loại lỗi lầm vì thuận theo đối trị đồng lượng như như hiện tiền, đối tạo sự việc trái ngược. (7) Phàm loại lỗi lầm do nơi lực của đạo đối trị theo tự loại tăng ích lợi tạo sự việc trái ngược. (8) Phàm loại lỗi lầm do đạo đối trị dứt bỏ sự phát khởi tự dụng dụng hợp tạo sự việc trái ngược. (9) Phàm loại lỗi lầm vì chờ đợi phần trên chuyển biến mới có thể khởi dụng tiến lên tạo sự việc trái ngược. (10) Phàm loại lỗi lầm vì lúc ẩn giấu mới có thể khởi dụng hướng xuống để tạo tác sự việc trái ngược. Đây gọi là mười loại. Như thứ lớp ấy, trụ nơi tâm tư duy dừng lại, chuyên tâm quán xét thì lý ấy sáng tỏ. Như kệ viết: *“Mười tạng gốc lỗi lầm, Như một trái không có, Đối lợi dung trên dưới, Như thứ nên quán xét”*.

Như vậy, hai mươi pháp cùng với phần căn bản kia mới bằng nhau không có sai biệt. Vì thế có hai mươi loại tạng gốc, không có lỗi trái nhau. Vì sao? Vì trong tạng gốc ấy đạo lý như thị tự nhiên thường có, không phải là từ tạng gốc tăng trưởng kiến lập. Vì sao nơi xứ xứ đều giữ lại chữ Phàm? Do như trước đã nói về hai mươi loại pháp, tất cả đều có cả trăm loại quyền thuộc, do đó nói Phàm, là theo như trước nói nên hiểu rõ. Như kệ viết: *“Như vậy hai mươi pháp, Mỗi mỗi đều đều đều, Rộng lớn và viên mãn, Lượng cùng với gốc còn”*.

Như vậy là đã nói về môn kiến lập danh tự. Tiếp theo là nói về môn nghĩa lý đã giảng giải. Lại, đối trị và chương ngại đối xét có sai biệt như thế nào?

* *Kệ viết:*

*Hai mươi pháp như vậy
 Mỗi mỗi đều có đủ
 Một đức trị nhiều lỗi
 Nhiều lỗi ngăn một đức.
 Không có thứ lớp định
 Mà số phẩm loại bằng
 Không mất đối xét lỗi
 Như lý nên quán xét.
 Như nói pháp gốc còn
 Nói phẩm loại cũng vậy.*

* *Luận nói:* Như trước đã nói về hai mươi loại pháp, mỗi mỗi loại đều có đủ, một đức đối trị tất cả chương ngại, tất cả chương ngại ngăn chặn một đức, không có đối xét riêng khác. Như kệ viết: “*Hai mươi pháp như vậy, Mỗi mỗi đều có đủ, Một đức trị nhiều lỗi, Nhiều lỗi ngăn một đức, Không có thứ lớp định*”. Nếu nói như vậy, nay trong môn này thì phép tắc đối xét hợp thành tạp loạn? Tuy không có đối xét riêng nhưng có đối xét chung, vì vậy không có lỗi. Như kệ viết: “*Mà số phẩm loại bằng, Không mất đối xét lỗi, Như lý nên quán xét*”. Như phẩm loại căn bản này theo như trước đã nói nên hiểu rõ. Như kệ viết: “*Như nói pháp gốc còn, Nói phẩm loại cũng vậy*”.

Như vậy là đã nói về môn đối trị và chương ngại đối xét có sai biệt. Tiếp theo là nói về môn an lập vị địa kim cương. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong môn pháp gốc này
 Cũng có vị kim cương
 Dựa vị có ba môn
 Là môn thượng trung hạ.*

* *Luận nói:* Theo trong môn pháp căn bản này cũng có năm mươi một phần vị kim cương, như trên đã nói về hai mươi loại pháp, dựa vào phần vị để an lập. Thế nào là an lập? Nghĩa là trong các phần vị đều có đủ hai mươi loại, không có trước sau mà một thời chuyển. Vậy thì trong đây có ba loại môn. Những gì là ba loại? Một là môn hoàn toàn chuyển theo trên. Hai là môn hoàn toàn chuyển theo dưới. Ba là môn hoàn toàn chuyển theo giữa. Đấy gọi là ba môn. Ba môn như vậy, mỗi mỗi môn, trong mỗi mỗi phần vị đều gồm đủ cùng chuyển, không đợi thời gian trước sau. Như nói về pháp căn bản thì phẩm loại cũng vậy. Do môn nhỏ này đã xoay chuyển nắm giữ phần rộng lớn nên thông tỏ rộng khắp. Như kệ viết: “*Trong môn pháp gốc này, Cũng có vị kim cương, Dựa vị có ba môn, Là môn thượng trung hạ*”.

* *Thứ 10: Phần Đại Quyết Trạch Đại Long Vương trùng trùng quảng hải vô tận đại tạng.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch thâm lý xuất hưng Địa Tạng Đại Long Vương đạo lộ. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đại tạng vô tận thuộc lớp lớp biên rộng của Đại Long Vương. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong Đại Tạng biên rộng
 Gồm có ba loại lớn
 Là lớp đầu giữa sau
 Lớp đầu có hai mươi.*

Hai ức mười phương cõi
Lượng biển lớn pháp môn
Hai mươi loại tạng gốc
Đều sinh một vạn lượng.
Đều riêng trăm quyển thuộc
Đều sinh ra một ngàn
Vì vậy số viên mãn
Trụ tâm nên quán xét.
Lớp giữa sau gấp này
Nên thông suốt rộng khắp.

* *Luận nói:* Theo trong đại tạng vô tận thuộc lớp lớp biển rộng của tự gia Đại Long Vương, gồm có ba lớp, có thể gồm thấu các phần vị. Những gì là ba lớp? Một là lớp đầu đệ nhất hữu. Hai là lớp giữa an trụ cư. Ba là lớp sau kiến lập chuyển. Đây gọi là ba lớp. Ở trong lớp thứ nhất tức có số lượng biển lớn của hai mươi hai ức mười phương thế giới gồm vô số pháp môn thắng diệu. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là trong hai mươi loại pháp của tạng gốc, mỗi mỗi đều đều sinh ra một vạn biển lớn pháp môn, trong ấy đều đều riêng riêng có một trăm loại quyển thuộc. Mỗi mỗi đều đều sinh ra một ngàn biển pháp môn. Do nghĩa này nên danh tự viên mãn, nghĩa lý đầy đủ. Như thứ lớp ấy an trụ nơi tâm định kia làm cho tư duy dừng lắng, thông minh quán xét về lý của số lượng cùng ý nghĩa đã giảng hiện bày rõ ràng. Như kệ viết: “*Trong Đại Tạng biển rộng, Gồm có ba loại lớn, Là lớp đầu giữa sau, Lớp đầu có hai mươi, Hai ức mười phương cõi, Lượng biển lớn pháp môn, Hai mươi loại tạng gốc, Đều sinh một vạn lượng, Đều riêng trăm quyển thuộc, Đều sinh ra một ngàn, Vì vậy số viên mãn, Trụ tâm nên quán xét*”.

Tiếp đến hai loại lớp giữa và sau, như thứ lớp ấy đều gấp bội lớp trước, phân bố khắp nơi nên thông suốt rộng khắp. Như kệ

viết: “*Lớp giữa sau gáp này, Nên thông suốt rộng khắp*”. Do đó, trong Khế kinh Đại Ma Ni Bảo Tạng Đà La Ni Tu Tập giảng nói như vậy: “Trong tạng biển cả vô tận của Long Long địa địa, có nhiều số lượng pháp môn phép tắc và phẩm loại của mười phương. Đầu tiên gọi là pháp môn chuyển đại pháp, luận bàn đầy đủ về một biển cả vô cực vô tận, dẫn dắt ánh sáng hiện chiếu soi địa địa nơi bản nghiệp bản dụng, xuất sinh làm tăng trưởng biển lớn phép tắc. Sau cùng gọi là pháp môn của lý về hữu tánh, vô tánh, vô ngã, không tạo lợi ích rộng lớn cùng ánh sáng, cũng lìa thoát, cũng hợp chuyển, đầy đủ và đầy đủ vô biên hành chủng địa vĩ đại nơi môn pháp vũ tung vọt của tạng gốc, xuất hưng phẩm loại thường vị. Chỉ chọn lấy một cảnh giới để làm thí dụ, không chọn lấy các trần”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 6

* *Thứ 11: Phần Đại Quyết Trạch vô tận vô cùng tràn tràn số lượng đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đại tạng vô tận thuộc lớp lớp biển rộng của Đại Long Vương. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về số lượng đạo lộ là vô tận vô cùng không kể xiết. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong vô số đạo lộ
 Lượng như trước đã nói
 Cũng có năm mươi một
 Quyết định vị kim cương.
 Dựa vị ấy lập tướng
 Tức có mười loại lớp
 Dùng làm lượng đạo lộ
 Như hai nhân một quả...*

* *Luận nói:* Theo trong môn này thì có bao nhiêu số lượng phần vị? Có năm mươi một loại phần vị chân kim cương, đầy đủ viên mãn không thiếu mất. Như kệ viết: “*Trong vô số đạo lộ, Lượng như trước đã nói, Cũng có năm mươi một, Quyết định vị kim cương*”. Ở trong phần vị này tức có mười loại pháp môn biến đổi, có thể gồm thâu vô lượng môn. Những gì là mười loại? Đó là: (1) Môn hai nhân một quả. (2) Môn một nhân một quả. (3) Môn ít nhân nhiều quả. (4) Môn nhân quả một vị. (5) Môn không nhân

không quả. (6) Môn tự nhiên an trụ. (7) Môn nhân quả. (8) Môn quả nhân. (9) Môn ngôn thuyết. (10) Môn ngôn nhân. Đây gọi là mười môn. Mười môn như vậy dùng làm số lượng môn. Như kệ viết: “*Dựa vị ấy lập tướng, Tức có mười loại lớp, Dùng làm lượng đạo lộ, Như hai nhân một quả...*”. Môn thứ nhất kia hình tướng như thế nào?

* Kệ viết:

*Dùng tín tâm làm đầu
Như thứ theo tự loại
Lấy vị còn lại đầu
Đến nơi vị tâm định.
Tức chọn địa Như Lai
Cũng như thứ lớp ấy
Tâm bất thoái làm đầu
Theo đồng phẩm tự loại.
Lấy vị khác thứ hai
Đến nơi vị tâm nguyện
Cũng chọn địa Như Lai
Vị tu hành làm đầu.
Như thứ theo tự loại
Lấy vị khác thứ ba
Đến nơi vị tâm chánh
Cũng chọn địa Như Lai.
Vị bất thoái làm đầu
Như thứ theo tự loại
Lấy vị khác thứ tư
Đến vị trụ quán đánh.
Cũng chọn địa Như Lai
Hạnh là si làm đầu*

Như thứ theo tự loại
 Chọn vị khác thứ năm.
 Đến nơi hạnh vô trước
 Cũng chọn địa Như Lai
 Hạnh tôn trọng làm đầu
 Như thứ theo tự loại.
 Lấy vị khác thứ sáu
 Đến nơi hạnh chân thật
 Cũng chọn địa Như Lai
 Tùy thuận quán chúng sinh.
 Hồi hướng dùng làm đầu
 Như thứ theo tự loại
 Lấy bốn vị còn lại
 Điều số lượng khế hợp.
 Khác có địa Như Lai
 Dùng đồng địa làm bạn
 Trang nghiêm một biển giác
 Điều gọi nhân và quả.
 Hợp thích quán xét rộng
 Lý ấy nên sáng rõ.

* *Luận nói:* Nay trong môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Vì muốn hiển thị năm mươi một phần vị đều là đồng lượng, dùng hai loại nhân chiêu cảm được một quả, mở rộng biển Tam bảo đến vô cùng vô tận. Nghĩa này là thế nào? Đó gọi là hai loại nhân của tín tâm và địa phát tâm, là đồng một hành tướng không lìa bỏ nhau, cùng hành hợp chuyển trụ nơi một đối tượng tạo tác khởi vô lượng vật dụng sinh vô biên đức, trang nghiêm đầy đủ một biển đại giác, có thể sinh trưởng nhân, gọi là nhân tối thượng bậc nhất, đã xuất sinh làm tăng trưởng quyết định bản tạng chân thật, là mẹ của gốc

lớn, xa lìa trời buộc trang nghiêm nơi chủng tử của địa Vô thắng, theo hải hội đã trang nghiêm. Quả gọi là đầy đủ chân kim cang, viên mãn đại từ bi nơi pháp thân hư không bình đẳng không sai biệt. Là địa địa vô thượng đầu tiên nơi biển vô cực, một tận Đại giác không hai Sơn vương.

Tiếp theo là niệm về hai loại pháp của địa hành hoan hỷ nơi địa tâm, có thể nuôi lớn nhân trang nghiêm đầy đủ nơi một biển Đại giác. Nhân gọi là an lạc, thường sáng quyết định tăng trưởng, hải hội chủng tử của không khổ không vọng, tự nhiên chiếu đạt tất cả pháp tánh, không có chướng ngại. Quả gọi là thường an lạc, thông sáng như hư không thể giới thâm diệu luôn luôn biết rõ, không hai sơn vương.

Tiếp theo là hai loại pháp của địa hồi hương thuộc địa của tâm tinh tấn cứu hộ tất cả chúng sinh. Có thể nuôi lớn nhân trang nghiêm đầy đủ nơi một biển Đại giác. Nhân gọi là nhân phát khởi nước ánh sáng của đại bi thù thắng xa lìa mọi biếng trễ, thường độ, thường hành nơi bản địa, tự tánh đầy đủ thông đạt hải hội chủng tử. Quả gọi là ánh sáng của từ bi, luôn luôn đạt được trí tuệ, không hai sơn vương.

Tiếp theo là hai loại pháp của địa hoan hỷ nghịch lưu, thuộc địa tuệ tâm, có thể nuôi lớn nhân trang nghiêm đầy đủ nơi một biển Đại giác. Nhân gọi là hải hội chủng tử của đại chân kim cang là ánh sáng của mặt trời mặt trăng, theo tự tánh lìa khổ đoạn trừ biển phẩm loại tối tăm. Quả gọi là địa cực trọng nơi một thể tánh vô thượng tự nhiên cùng tận hiểu rõ không hai sơn vương.

Tiếp theo là hai loại pháp của địa địa đại cực thuộc địa tâm định, có thể nuôi lớn nhân trang nghiêm đầy đủ nơi một biển đại giác. Nhân gọi là hải hội chủng tử quyết định an tịch xa lìa tán loạn, chiếu sáng vô cùng nơi nước nước lửa lửa. Quả gọi là địa

tịch tĩnh viên mãn, nơi địa minh tròn đủ gồm đủ tạng đức không hai sơn vương.

Như vậy, chư Phật thấy đều mỗi mỗi đều tạo ba sự việc lớn. Những gì là ba sự việc? Một là Hưng hóa. Hai là Thuyết pháp. Ba là Thăng tấn. Nói hưng hóa: Là xuất hưng một thân biến hóa, số lượng nhiều như số vi trần trong mười phương thế giới. Nói thuyết pháp: Là tuyên thuyết về một biến pháp môn của địa phát tâm tin tưởng số lượng nhiều như số vi trần trong mười phương thế giới. Nói thăng tấn: Là hướng về phần vị thượng thượng như thứ lớp để đi vào. Đây gọi là ba sự việc lớn. Theo trong thân biến hóa thì nơi mỗi mỗi thân cũng đều có ba sự việc này, nên thông đạt rộng. Như thế như thế, tùy tùy như như. Các phần vị càng về sau so sánh với trước nên biết. Như kệ viết: “*Dùng tín tâm làm đầu, Như thứ theo tự loại, Lấy vị còn lại đầu, Đến nơi vị tâm định, Tức chọn địa Như Lai*”.

Như vậy là đã nói về môn hai nhân một quả. Tiếp theo là nói về môn một nhân một quả. Tướng ấy là thế nào?

* Kệ viết:

*Năm mươi một loại vị
Đều không đợi lực khác
Riêng trụ trong tự gia
Chiêu cảm được một quả.
Danh tự nhân và quả
Như thứ lớp kia thêm
Là chúng tử đại giác
Hợp thích nên biết rõ.
Thứ lớp đồng trước nói
Tăng giảm thì không đồng.*

* *Luận nói*: Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị hai pháp nhân quả có số lượng khế hợp, trang nghiêm giác đạo, khiến biển của Tam bảo chuyển thành rộng lớn. Như kệ viết: “*Năm mươi một loại vị, Đều không đọi lực khác, Riêng trụ trong tự gia, Chiêu cảm được một quả*”. Nên nhân và quả xứng với danh tự vốn có, thêm vào tên gọi của chúng tử đại giác. Như kệ viết: “*Danh tự nhân và quả, Như thứ lớp kia thêm, Là chúng tử đại giác, Hợp thích nên biết rõ*”. Tướng chuyển theo thứ lớp cùng với trước đã nói là như nhau không sai biệt, chỉ tăng số lượng hay giảm số lượng thì sai biệt đều không đồng. Như kệ viết: “*Thứ lớp đồng trước nói, Tăng giảm thì không đồng*”. Như vậy, chư Phật mỗi mỗi thấy đều tạo ba sự việc lớn, tên gọi đồng như trước đã nói, nghĩa thì có điều không đồng. Nói hưng hóa: Là xuất hưng mười thân biến hóa số lượng nhiều như số vi trần trong mười phương thế giới. Nói thuyết pháp: Là tuyên thuyết về mười biến pháp môn mỗi mỗi đều là vị nhân có số lượng nhiều như số vi trần của mười phương thế giới. Nói thắng tấn: Là hướng về phần vị thượng thượng như thứ lớp để hội nhập. Theo trong thân biến hóa cũng có ba sự việc này, nên thông đạt rộng.

Như vậy là đã nói về môn một nhân một quả. Tiếp theo là nói về môn ít nhân nhiều quả. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết*:

*Trong năm mươi một vị
Mỗi mỗi đều có đủ
Cảm vị năm mươi quả
Gọi ít nhân nhiều quả.*

* *Luận nói*: Nay trong môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị chỉ có một loại nhân nhưng chiêu cảm năm mươi quả, tự tại vô ngại không có thiếu mất. Biển của Tam bảo chuyển thành rộng lớn hơn. Như kệ viết: “*Trong năm mươi một vị, Mỗi*

mỗi đều có đủ, Cảm vị năm mươi quả, Gọi ít nhân nhiều quả”. Như vậy, chư Phật mỗi mỗi thầy đều tạo ba sự việc lớn, tên gọi như trước đã nói nghĩa thì có điểm không đồng. Nói hưng hóa: Là xuất hưng một trăm thân biến hóa, số lượng nhiều như số vi trần của một trăm thế giới trong mười phương. Nói thuyết pháp: Là tuyên thuyết về một trăm biến pháp môn mỗi mỗi đều là phần vị nhân, số lượng nhiều như số vi trần của một trăm thế giới trong mười phương. Nói thăng tấn: Là hướng về phần vị thượng thượng như thứ lớp để hội nhập. Theo trong thân biến hóa có ba sự việc này, nên thông đạt rộng.

Như vậy là đã nói về môn ít nhân nhiều quả. Tiếp theo là nói về môn nhân quả một vị. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong năm mươi một vị
Mỗi mỗi đều có đủ
Có năm trăm biến quả
Trong năm trăm biến quả.
Mỗi mỗi đều có đủ
Có năm trăm biến nhân
Do bình đẳng như vậy
Gọi nhân quả một vị.*

* *Luận nói:* Nay trong môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị số lượng của hai pháp nhân quả là khế hợp không có tăng giảm, nên biến của Tam bảo chuyển thành rộng lớn. Như kệ viết: “*Trong năm mươi một vị, Mỗi mỗi đều có đủ, Có năm trăm biến quả, Trong năm trăm biến quả, Mỗi mỗi đều có đủ, Có năm trăm biến nhân, Do bình đẳng như vậy, Gọi nhân quả một vị*”. Như vậy, chư Phật đã hành tác ba sự việc, cũng lại đồng như trước, chỉ nghĩa thì có khác. Đó gọi là số ngàn thân tướng biến hóa cũng lại như vậy.

Như thế là đã nói về môn nhân quả một vị. Tiếp theo là nói về môn không nhân không quả. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Năm mươi một vị pháp
Không phải là nhân quả
Pháp sinh ngàn nhân quả
Gọi không nhân không quả.*

* *Luận nói:* Nay trong môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị về nhân của năm mươi một vị nhưng không có quả. Nhân sinh ra biển lớn của ngàn nhân quả mà không có nhân. Quả sinh ra biển lớn của ngàn quả. Nên biển của Tam bảo chuyển thành rộng lớn. Như kệ viết: “*Năm mươi một vị pháp, Không phải là nhân quả, Pháp sinh ngàn nhân quả, Gọi không nhân không quả*”. Như vậy, chư Phật đã hành tác ba sự việc, cũng lại đồng như trước, chỉ có nghĩa thì khác. Đó gọi là số vạn.

Như vậy là đã nói về môn không nhân không quả. Tiếp theo là nói về môn tự nhiên an trụ. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong năm mươi một vị
Mỗi mỗi đều có đủ
Trái vô lượng kiếp chuyển
Không ra ngoài tự gia.*

* *Luận nói:* Nay trong môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị về từng phần vị đều trải qua vô lượng kiếp để tu hành thành đạo, những sự việc ấy chuyển biến không có phần hạn. Nên biển của Tam bảo càng trở nên rộng lớn. Như kệ viết: “*Trong năm mươi một vị, Mỗi mỗi đều có đủ, Trái vô lượng kiếp chuyển, Không ra ngoài tự gia*”. Như vậy, chư Phật đã hành tác ba sự việc, cũng lại đồng với trước, chỉ có nghĩa là khác. Đó gọi là số ức.

Như vậy là đã nói về môn tự nhiên an trụ. Tiếp theo là nói về môn quả của nhân. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Sinh năm mươi một vị
Sinh năm mươi một vị
Đối tượng sinh vô tận
Gọi môn quả của nhân.*

* *Luận nói:* Nay trong môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị về chủ thể sinh của chủ thể sinh không có cùng tận. Đối tượng sinh của đối tượng sinh không có cùng tận. Do đó biên của Tam bảo càng trở thành rộng lớn. Như kệ viết: “*Sinh năm mươi một vị, Sinh năm mươi một vị, Đối tượng sinh vô tận, Gọi môn quả của nhân*”. Như vậy, chư Phật đã hành tác ba sự việc, cũng lại đồng với trước, chỉ có nghĩa là khác. Nghĩa là số mười ức.

Như vậy là đã nói về môn quả của nhân. Tiếp theo là nói về môn nhân của quả. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Nghĩa này đối trước rõ
Ý thú không riêng khác
Chỉ có số lượng tăng
Trụ tâm nên quán xét.*

* *Luận nói:* Nay trong môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị năm mươi một vị ấy cũng là nhân cũng là quả, đều phát sinh vô tận vô tận nhân quả nơi biên lớn pháp môn, vì vậy biên của Tam bảo càng trở thành rộng lớn. Như kệ viết: “*Chỉ có số lượng tăng*”. Như vậy, chư Phật đã hành tác ba sự việc, cũng lại đồng với trước, chỉ có nghĩa là khác. Nghĩa là số một trăm ức.

Như vậy là đã nói về môn nhân của quả. Tiếp theo là nói về môn ngôn thuyết. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Hết thấy biển Tam bảo
Thấy đều thuyết khởi tin
Vì không có cùng tận
Gọi là môn ngôn thuyết.*

* *Luận nói:* Nay trong môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị tất cả Tam bảo mỗi mỗi thấy đều tuyên thuyết về vô tận biển tạng, vô tận biển pháp, vô tận biển giác. Do đó biển của Tam bảo càng trở thành rộng lớn. Như kệ viết: “*Hết thấy biển Tam bảo, Thấy đều thuyết khởi tin, Vì không có cùng tận, Gọi là môn ngôn thuyết*”. Như vậy, các Tam bảo đã tạo tác ba sự việc, lại cũng đồng như trước, chỉ có nghĩa là khác. Nghĩa là số một ngàn ức.

Như vậy là đã nói về môn ngôn thuyết. Tiếp theo là nói về môn ngôn nhân. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Tất cả Tam bảo thuyết
Như thuyết lượng người tạo
Vì không có cùng tận
Gọi là môn ngôn nhân.*

* *Luận nói:* Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị như trước đã nói về các Tam bảo thuyết giảng như số lượng đã giảng nói. Vì hành giả tạo tác không có cùng tận, do đó biển của Tam bảo chuyển thành rộng lớn. Như kệ viết: “*Tất cả Tam bảo thuyết, Như thuyết lượng người tạo, Vì không có cùng tận, Gọi là môn ngôn nhân*”. Như vậy, các bậc đã thành đạo rồi tức đã hành tác ba sự việc, cũng lại đồng như trước, chỉ có nghĩa là khác. Nghĩa là số vạn ức. Trong Khế kinh Đại Minh Tổng Trì Cụ Túc Tâm Địa giảng nói như vậy: “*Ví như trong pháp tạng của đạo hành nơi mười phương vô tế vô bản vô thủy vô chung, hành*

đủ khắp các địa, có mười loại hải hội pháp môn thù thắng chuyên chuyên tăng trưởng bội bội đầy đủ rộng lớn viên mãn”. Cho đến nói rộng.

* *Thứ 12: Phần Đại Quyết Trạch bất khả tư nghị bất khả xưng lượng câu câu vi trần Bản Đại Sơn Vương.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về số lượng đạo lộ là vô tận vô cùng không kể xiết. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về Bản Đại Sơn Vương số lượng là cùng cùng với vi trần không thể nghĩ bàn không thể nêu xưng. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong biển không nghĩ bàn
Tức có ba loại pháp
Là ba lớp gấp bội
Hợp thích nên biết rõ.*

* *Luận nói:* Theo trong thể tánh của Bản Đại Sơn Vương không thể nghĩ bàn tức có ba loại. Những gì là ba loại? Một là số lượng của Pháp bảo gấp bội. Hai là số lượng của Tăng bảo gấp bội. Ba là số lượng của Phật bảo gấp bội. Đây gọi là ba loại gấp bội. Tăng lên số lượng là bao nhiêu để thành nghĩa gấp bội? Nghĩa là biển Tam bảo tăng lên số lượng nhiều như số vi trần của ức ức thế giới trong mười phương. Như thứ lớp ấy, dựa nơi đạo lộ thì một loại tăng gấp bội lên mười lần. Nên quán xét tường tận. Như kệ viết: “*Trong biển không nghĩ bàn, Tức có ba loại pháp, Là ba lớp gấp bội, Hợp thích nên biết rõ*”. Cuối cuối nơi ba lần gấp bội là dựa nơi bản gia để nói, nên thông suốt rộng khắp. Trong Khế kinh Tâm Địa giảng nói như vậy: “Trong phần biển tánh căn bản có câu trần vô thượng không thể nghĩ bàn, đầy đủ viên mãn ức ức biển

lớn đại phương ba đức. Lấy phần của đại phương để kiến lập đại phương”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 7

** Thứ 13: Phần Đại Quyết Trạch bất khả tư nghị câu câu vi trần nhất thiết Sơn Vương đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về Bản Đại Sơn Vương số lượng là cùng cùng với vi trần không thể nghĩ bàn không thể nêu xưng. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của tất cả Sơn Vương số lượng là cùng cùng với vi trần không thể nghĩ bàn. Tương ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong vô số đạo lộ
 Có mười phương cõi lượng
 Năm mươi một vị gốc
 Danh cùng trước nói đồng.
 Trong năm mươi một một
 Mỗi mỗi đều có đủ
 Có mười phương cõi lượng
 Biển Tam bảo trị chướng.
 Như một khác cũng vậy
 Hợp đây nên biết rõ.*

** Luận nói:* Theo trong cùng cùng vi trần đạo lộ, tức có năm mươi một vị căn bản, số lượng là một thế giới trong mười phương. Số lượng danh tự ấy cùng với phần đã nói ở trước là như nhau không có sai biệt. Như kệ viết: “*Trong vô số đạo lộ, Có mười phương cõi lượng, Năm mươi một vị gốc, Danh cùng trước nói*

đồng”. Theo trong năm mươi một vị của một loại thì mỗi mỗi đều có số lượng của mười phương thế giới. Biển lớn Phật bảo, biển lớn pháp bảo, biển lớn Tăng bảo, biển lớn đối trị biển lớn phiền não, đã chuyển biến đầy đủ. Như kệ viết: “*Trong năm mươi một một, Mỗi mỗi đều có đủ, Có mười phương cõi lượng, Biển Tam bảo trị chướng*”. Như nói năm mươi một vị của một loại, thì hết thầy vị khác cũng lại như vậy. Như kệ viết: “*Như một khác cũng vậy, Hợp đây nên biết rõ*”.

Như vậy là đã nói về môn hiển thị bản thể an lập. Tiếp theo là nói về môn hiển thị thượng mật chuyển tướng. Tướng ấy là thể nào?

* Kệ viết:

*Nay đạo lộ Phật này
 Xuất hưng tiểu vô lượng
 Biển lớn pháp và hóa
 Chuyển thứ hai bậc giác.
 Xuất hưng trung vô lượng
 Biển lớn pháp và hóa
 Chuyển thứ ba bậc giác
 Xuất hưng đại vô lượng.
 Biển lớn pháp và hóa
 Trong các chuyển sau sau
 Như thứ lớp không vượt
 Dần dần tăng số lượng.*

* Luận nói: Dựa nơi một tín gốc, xuất hưng bậc giác ngộ, gồm có số lượng là một thế giới trong mười phương, ở đây có một Đức Phật đã thành đạo rồi, tức liền xuất hưng tiểu vô lượng có số lượng nhiều như số vi trần của một thế giới trong mười phương là biển lớn của hóa thân tự tại vô ngại, là số lượng biển lớn của tín

tâm như thế. Như kệ viết: “*Nay đạo lộ Phật này, Xuất hưng tiểu vô lượng, Biển lớn pháp và hóa*”. Dựa nơi thân Phật này xuất hưng hóa thân gồm có tiểu vô lượng, số lượng nhiều như số vi trần của thế giới trong mười phương, ở đây có một Đức Phật đã xuất hưng rồi, tức liền xuất hưng trung vô lượng số lượng nhiều như số vi trần của thế giới trong mười phương, là biển lớn của hóa thân tự tại vô ngại, là số lượng biển lớn của tín địa như thế. Như kệ viết: “*Chuyển thứ hai bậc giác, Xuất hưng trung vô lượng, Biển lớn pháp và hóa*”. Dựa nơi hóa thân này xuất hưng hóa thân, gồm có trung vô lượng số lượng nhiều như số vi trần của thế giới trong mười phương, ở đây có một Đức Phật đã xuất hưng rồi, tức liền xuất hưng đại vô lượng số lượng nhiều như số vi trần của thế giới trong mười phương, là biển lớn của hóa thân tự tại vô ngại, là số lượng biển lớn của tín địa như vậy. Như kệ viết: “*Chuyển thứ ba bậc giác, Xuất hưng đại vô lượng, Biển lớn pháp và hóa*”. Như vậy như vậy tùy tùy như như. Trong các lần chuyển về sau như thứ lớp không vượt chỉ dần dần tăng số lượng. Như kệ viết: “*Trong các chuyển sau sau, Như thứ lớp không vượt, Dần dần tăng số lượng*”. Nêu ra một lãnh vực này tức nên thông suốt rộng. Trong Khế kinh Bản Phẩm Túc Địa Trí giảng nói như vậy: “Thí dụ về đại địa vi trần là dụ cho biển lớn pháp môn hành hóa vô trụ. Trong lần chuyển thứ nhất là tiểu vô lượng có số phẩm nhiều như vi trần nơi đại phương. Trong lần chuyển thứ hai là trung vô lượng phẩm. Trong lần chuyển thứ ba là đại vô lượng phẩm. Trong lần chuyển thứ tư là vô biên vô lượng phẩm. Trong lần chuyển thứ năm là vô số vô lượng phẩm. Trong lần chuyển thứ sáu là vô lượng vô lượng phẩm. Trong lần chuyển thứ bảy là không thể tính về lượng vô lượng phẩm. Trong lần chuyển thứ tám là đầy đủ vô lượng phẩm. Trong lần chuyển thứ chín là không thể nói vô lượng phẩm. Trong lần chuyển thứ mười là không thể nghĩ bàn vô lượng phẩm. Cho đến nói rộng”.

** Thứ 14: Phần Đại Quyết Trạch nhất thiết hư không nhất thiết vi trần số lượng Cao Vương.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của tất cả Sơn Vương, số lượng là cùng cùng với vi trần không thể nghĩ bàn. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về tất cả Cao Vương, số lượng nhiều như số vi trần của hết thầy hư không. Tướng ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong vi trần hư không
Tức có mười phương lượng
Mười phương trần không lượng
Năm mươi một vị gốc.
Trong năm mươi một, một
Mỗi mỗi đều có đủ
Lượng như trước đã nói
Biển Tam bảo trị chướng.*

** Luận nói:* Theo trong phần tất cả Cao Vương, số lượng nhiều như vi trần của hết thầy hư không, tức có năm mươi một loại vị căn bản thuộc trần lượng của thế giới trong mười phương theo trần lượng của thế giới trong mười phương. Có năm mươi một vị căn bản thuộc trần lượng của mười phương hư không theo trần lượng của thế giới trong mười phương. Như kệ viết: “*Trong vi trần hư không, Tức có mười phương lượng, Mười phương trần không lượng, Năm mươi một vị gốc*”. Theo trong năm mươi một vị căn bản của một loại, mỗi mỗi đều có trần lượng của mười phương thế giới theo trần lượng của mười phương thế giới. Có trần lượng của mười phương thế giới theo trần lượng của mười phương hư không, thuộc biển lớn của Phật bảo, biển lớn của Pháp

bảo, biên lớn của Tăng bảo, biên lớn đối trị, biên lớn của phiền não, đã chuyên biến đầy đủ. Như kệ viết: “*Trong năm mươi một một, Mỗi mỗi đều có đủ, Lượng như trước đã nói, Biên Tam bảo trị chướng*”.

Như vậy là đã nói về môn hiển thị bản thể an lập. Tiếp theo là nói về môn hiển thị thượng mật chuyên tướng. Tướng ấy là thể nào?

* *Kệ viết:*

*Bạc vương giác góc này
Số trước gấp mười lớp
Hưng hóa tuyên thuyết pháp
Đại thông sáng mới hiểu.
Trong các chuyển sau sau
Như thứ lớp không vượt
Số lượng dần dần tăng
Chuyển thẳng chuyển rộng lớn.*

* *Luận nói:* Nay trong môn này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị, dựa nơi một tín lực căn bản xuất hưng bậc giác ngộ, trong đó thí dụ về một vị Phật, là dụ cho số lượng tăng lên mười lần, xuất hưng biến hóa tuyên thuyết về tín địa. Trong những lần chuyển càng về sau thì số lượng dần dần tăng theo các số trăm ngàn vạn ức cho đến vô lượng vô cùng tận. Như kệ viết: “*Bạc vương giác góc này, Số trước gấp mười lớp, Hưng hóa tuyên thuyết pháp, Đại thông sáng mới hiểu, Trong các chuyển sau sau, Như thứ lớp không vượt, Số lượng dần dần tăng, Chuyển thẳng chuyển rộng lớn*”. Trong Khế kinh Địa Trí nêu giảng như vậy: “Tự thể của Vương hợp với một Tổng trì hiện bày rộng lớn khắp, tướng chuyển là vô lượng vô biên. Thí dụ về lượng là nói trong lúc chuyển hóa, số lượng dần tăng đầy đủ số lượng huyền bí. Cho đến nói rộng”.

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 8

* *Thứ 15: Phần Đại Quyết Trạch độc địa phi loạn nhất định nhất định đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về tất cả Cao Vương, số lượng nhiều như số vi trần của hết thủy hư không. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ nhất định nhất định riêng địa không loạn. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong đạo lộ không loạn
Cũng có vị kim cương
Mỗi mỗi vị đều đủ
Có giữ lại một góc.
Một trăm hai số thành
Dựa vị lập tướng chuyển
Tức có năm loại lớp
Là một trên một góc.
Cùng chuyển và không tạp
Viên mãn đầy đủ vị.*

* *Luận nói:* Theo trong phần đạo lộ nhất định nhất định riêng địa không loạn, cũng có năm mươi một loại vị chân kim cương, mỗi mỗi vị vị thủy đều có giữ lại một phần vị căn bản. Do nghĩa này nên thành lập số lượng là một trăm lẻ hai. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ không loạn, Cũng có vị kim cương, Mỗi mỗi vị đều đủ, Có giữ lại một góc, Một trăm hai số thành*”. Dựa vào phần vị như vậy, kiến

lập tướng chuyển tức có năm loại. Những gì là năm loại? Một là môn tướng chuyển mỗi mỗi theo trên. Hai là môn tướng chuyển mỗi mỗi theo gốc. Ba là môn tướng chuyển cùng hành không lia. Bốn là môn tướng chuyển phần phần không xen tạp. Năm là môn tướng chuyển viên mãn đầy đủ. Đây gọi là năm loại. Như kệ viết: “*Dựa vị lập tướng chuyển, Tức có năm loại lớp, Là một trên một gốc, Cùng chuyển và không tạp, Viên mãn đầy đủ vị*”. Nơi tướng chuyển thứ nhất thì hình tướng như thế nào?

* Kệ viết:

*Năm mươi một loại vị
 Một đều thâm năm mươi
 Một thời một xứ chuyển
 Nhưng không thể hợp một.*

* *Luận nói*: Thế nào gọi là môn mỗi mỗi trên? Đó gọi là năm mươi một loại phần vị, mỗi mỗi phần vị đều gồm thâm năm mươi một thời xứ chuyển. Nếu như vậy thì tập hợp lại nên tạo thành một thể. Do đều riêng một chuyển nên không thể hợp thành một. Như kệ viết: “*Năm mươi một loại vị, Một đều thâm năm mươi, Một thời một xứ chuyển, Nhưng không thể hợp một*”.

Như vậy là đã nói về môn tướng chuyển mỗi mỗi theo trên. Tiếp theo là nói về môn tướng chuyển mỗi mỗi theo gốc. Tướng ấy thế nào?

* Kệ viết:

*Năm mươi một một gốc
 Một đều thâm năm mươi
 Một thời một xứ chuyển
 Nhưng không thể hợp một.*

* *Luận nói*: Thế nào gọi là môn mỗi mỗi gốc? Đó gọi là năm mươi một loại gốc, mỗi mỗi loại một gốc đều gồm thâm năm mươi

một thời xứ chuyển. Nếu như vậy thì tập hợp nên tạo thành một thể. Vì đều một chuyển riêng khác nên không thể hợp thành một. Như kệ viết: “*Năm mươi một một gốc, Một đều thâu năm mươi, Một thời một xứ chuyển, Nhưng không thể hợp một*”.

Như vậy là đã nói về môn tướng chuyển mỗi mỗi theo gốc. Tiếp theo là nói về môn tướng chuyển cùng hành không lia. Tướng ấy là thể nào?

* Kệ viết:

*Một gốc và một trên
Cùng đều thâu các vị
Cùng chuyển không lia bỏ
Nhưng không thể hợp một.*

* Luận nói: Thế nào gọi là môn cùng hành chuyển? Đó gọi là năm mươi một pháp của một gốc, mỗi mỗi đều gồm thâu năm mươi một pháp của một trên. Năm mươi một pháp của một trên cũng có thể gồm thâu gốc kia, cùng hành cùng chuyển không lia nhau, nhưng đều riêng khác một thời xứ chuyển, không thể hợp làm một. Như kệ viết: “*Một gốc và một trên, Cùng đều thâu các vị, Cùng chuyển không lia bỏ, Nhưng không thể hợp một*”.

Như vậy là đã nói về môn tướng chuyển cùng thành không lia. Tiếp theo là nói về môn tướng chuyển phần phần không xen tạp. Tướng ấy là thể nào?

* Kệ viết:

*Tất cả vị trên gốc
Mỗi mỗi đều đều đủ
An trụ trong tự gia
Không gồm thâu pháp khác.*

* Luận nói: Thế nào gọi là môn phần phần không xen tạp? Đó gọi là tất cả các loại, các phần vị trên gốc hiện có mỗi mỗi đều đều

chỉ an trụ trong tự gia, cũng không di chuyển cũng không ra vào, cũng không gồm thấu thứ khác, cũng không định thường, nhưng luôn luôn hiện bày đầy đủ rộng lớn khắp nơi. Như kệ viết: “*Tất cả vị trên gốc, Mỗi mỗi đều đều đủ, An trụ trong tự gia, Không gồm thấu pháp khác*”.

Như vậy là đã nói về môn tướng chuyển phần phần không xen tạp. Tiếp theo là nói về môn tướng chuyển đầy đủ viên mãn. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trước đã nói bốn môn
Tất cả thời xứ đồng
Chuyển tự tại vô ngại
Gọi đầy đủ viên mãn.*

* *Luận nói:* Thế nào gọi là môn chuyển đầy đủ? Đó gọi là như trước đã nói về bốn môn, một thời chuyển, một xứ chuyển, khác thời chuyển, khác xứ chuyển, một chuyển, lia chuyển, chung chuyển, riêng chuyển, tự tại vô ngại. Như kệ viết: “*Trước đã nói bốn môn, Tất cả thời xứ đồng, Chuyển tự tại vô ngại, Gọi đầy đủ viên mãn*”. Trong Khế kinh Ma Ha Diễn Đại Đà La Ni Kim Cang Thần Chú giảng nói như vậy: “Trong biển môn của pháp tạng thì mỗi mỗi nơi tất cả tất cả là một xung một lượng đều lia xen tạp có không, gồm có hai pháp. Những gì là hai pháp? Một là chung. Hai là riêng. Nói về riêng: Là bốn loại địa câu luân. Nói về chung: Là bốn loại câu luân tự tại chuyển”. Cho đến nói rộng.

* *Thứ 16: Phần Đại Quyết Trạch độc địa độc thiên nhất chủng quảng đại vô nhị Sơn Vương.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ nhất định nhất định riêng địa không loạn. Tiếp theo là nói về Phần Đại

Quyết Trạch về một loại Sơn Vương riêng đất riêng trời rộng lớn không hai. Tướng ấy là thế nào?

* Kệ viết:

*Trong thể Sơn Vương này
Tức có hai loại môn
Là tự tánh bản bản
Như thứ nên quán xét.*

* Luận nói: Theo trong thể của một loại Sơn Vương riêng đất riêng trời rộng lớn không hai này tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn vị địa thuộc tự tánh của một gốc. Hai là môn vị địa thuộc gốc của một gốc. Đây gọi là hai môn. Như thứ lớp ấy nên quán xét tường tận. Như kệ viết: “*Trong thể Sơn Vương này, tức có hai loại môn, Là tự tánh bản bản, Như thứ nên quán xét*”. Vị địa của tự tánh có hình tướng như thế nào?

* Kệ viết:

*Trong một pháp gốc kia
Tự nhiên không đợi khác
Có năm mươi một vị
Đấy gọi vị tự tánh.
Như vậy, năm mươi một
Mỗi mỗi đều đều đủ
Có năm trăm pháp môn
Chuyển khắp chốn rộng lớn.*

* Luận nói: Thế nào gọi là vị địa của tự tánh? Đó là như trước đã nói về năm mươi một loại trong một pháp căn bản, mỗi mỗi đều đều không chờ đợi lực khác mà tự tánh tự nhiên có năm mươi một phần vị chân kim cương, vì thế nói là vị địa của tự tánh. Như kệ viết: “*Trong một pháp gốc kia, Tự nhiên không đợi khác, Có năm mươi một vị, Đấy gọi vị tự tánh*”. Như vậy, nơi năm mươi

một vị mỗi mỗi đều đều có biên lớn của năm trăm pháp môn, cũng chuyển biến khắp nơi, cũng chuyển biến rộng lớn. Như kệ viết: “*Như vậy năm mươi một, Mỗi mỗi đều đều đủ, Có năm trăm pháp môn, Chuyển khắp chốn rộng lớn*”. Ở trong phần vị này, cũng như trước đã nói về năm loại môn lớn, đầy đủ đầy đủ, viên mãn viên mãn. Nên xét chọn kỹ.

Như vậy là đã nói về môn vị địa thuộc tự tánh của một gốc. Tiếp theo là nói về môn vị địa thuộc gốc của một gốc. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Năm mươi một pháp gốc
Cũng đều có pháp gốc
Gọi không không không một
Trong ấy cũng có vị.*

* *Luận nói:* Trong một gốc đã dựa nơi không không không một, cũng có các phần vị, mỗi mỗi phần vị thủy đều có đủ mười vạn pháp môn, đầy đủ viên mãn, chuyển không thiếu mất. Ở trong phần vị này cũng có năm loại môn lớn như trước đã nói, đầy đủ đầy đủ, viên mãn viên mãn. Nên xét chọn kỹ. Trong Khế kinh Phẩm Luận giảng nói như vậy: “Trong thể của thiền định thuộc Ma-ha-diễn tức có ba môn lớn. Những gì là ba? Một là môn thượng địa an lập hải hội quảng đại. Hai là môn tông bản hữu hữu hữu nhất. Ba là môn căn bản không không không nhất. Ba môn như vậy đều có các phần vị, đầy đủ viên mãn cùng chuyển, khác chuyển”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 9

** Thứ 17: Phần Đại Quyết Trạch độc nhất vô nhị Sơn Vương tự tại đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về một loại Sơn Vương riêng đất riêng trời rộng lớn không hai. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ tự tại của Sơn Vương độc nhất không hai. Tướng ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong đạo lộ tự tại
Gồm có ngàn lớp chuyển
Là trong một bản thượng
Đều đều có năm trăm.*

** Luận nói:* Theo trong phần đạo lộ tự tại của Sơn Vương không hai này, gồm có ngàn lớp tướng chuyển có sai biệt. Đó gọi là trong bản thượng mỗi mỗi đều có năm trăm. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ tự tại, Gồm có ngàn lớp chuyển, Là trong một bản thượng, Đều đều có năm trăm*”. Nên bản chuyển có hình tướng như thế nào?

** Kệ viết:*

*Hướng dưới bản nhất chuyển
Một không một có chuyển
Cho đến thứ năm trăm
Vị khác cũng như vậy.*

* *Luận nói*: Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị dựa vào môn một gốc hướng dần xuống dưới chuyển, có một kim cang và không một kim cang. Như thứ lớp ấy mỗi mỗi hiện tiền, dần dần chuyển nhập, cho đến thứ năm trăm. Trong các phần vị khác clnv, dần dần chuyển nhập cho đến thứ năm trăm. Không cùng tận, không có giới hạn, không có đầu cuối, đầy đủ đầy đủ, viên mãn rộng lớn, luôn luôn chuyển tiếp. Như kệ viết: “*Hướng dưới bản nhất chuyển, Một không một có chuyển, Cho đến thứ năm trăm, Vị khác cũng như vậy*”. Hướng lên trên chuyển hình tướng ấy so sánh với đây nên biết. Trong Khế kinh Nhân Minh Tánh Đức giảng nói như vậy: “Tạng pháp phụ tử một trời không hai, hướng trên trên chuyển đi tức có đầu cuối nhưng không có cùng tận. Hướng dưới dưới chuyển nhập thì có đầu cuối nhưng không có cùng tận. Có đầu cuối: Là khởi từ phần vị như tín v.v... cho đến số lượng năm trăm. Không cùng tận: Là biển cả của pháp tạng là vô cùng rộng lớn”. Cho đến nói rộng.

* *Thứ 18: Phần Đại Quyết Trạch ma ha vô nhị Sơn Vương tối thắng cao đánh nhất địa.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ tự tại của Sơn Vương độc nhất không hai. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về một địa đỉnh cao tối thắng của đại Sơn Vương không hai. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết*:

Bản thượng không cùng tận

Kiến lập tên như thế

Tất cả vị còn lại

Cũng như vậy nên biết.

* *Luận nói*: Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị bản bản vô cùng, thượng thượng vô cùng, bản thượng vô cùng, thượng bản vô cùng. Một một vô cùng, nhiều nhiều vô cùng. Đồng đồng vô cùng, dị dị vô cùng. Như nhau vô cùng, riêng khác vô cùng. Có cùng vô cùng, không cùng vô cùng, rộng lớn hiện khắp, đầy đủ viên mãn. Như kệ viết: “*Bản thượng không cùng tận, Kiến lập tên như thế, Tất cả vị còn lại, Cũng như vậy nên biết*”. Trong Khế kinh Ma Ha Diễn Hải giảng nói như vậy: “Trong biên thiên định thuộc Ma-ha-diễn, có một ngàn hai trăm phẩm vô cùng tận, cùng chuyển đầy đủ”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 10

* *Thứ 19: Phần Đại Quyết Trạch San Diện đà thi phạm ca nặc đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về một địa đỉnh cao tối thắng của đại Sơn Vương không hai. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của San Diện đà thi phạm ca nặc đạo lộ. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong đạo lộ San Diện
Bảy biến đổi tu hành
Dùng làm lượng đạo lộ
Không có hành tướng khác.*

* *Luận nói:* Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị trong đạo lộ của San Diện, chỉ dùng bảy biến đổi để làm số lượng nơi cảnh giới của nó, không có tướng nào khác. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ San Diện, Bảy biến đổi tu hành, Dùng làm lượng đạo lộ, Không có hành tướng khác*”. Thế nào gọi là bảy biến tu hành, hình tướng ấy như thế nào?

* *Kệ viết:*

*Bảy biến có ba loại
Như công đức lỗi lầm v.v...
Trong năm mươi một vị
Trên dưới bảy biến chuyển*

*Tặng trưởng phẩm công đức
Cùng các biến phiên nào.*

* *Luận nói:* Bảy biến tu hành gồm có bao nhiêu số? Có ba loại. Những gì là ba loại? Một là bảy biến công đức. Hai là bảy biến lỗi lầm. Ba là bảy biến đồng lượng. Đây gọi là ba loại. Như kệ viết: “*Bảy biến có ba loại, Như công đức lỗi lầm v.v...*”. Nói tướng biến: Là trong năm mươi một loại phần vị kim cang, hướng lên trên trên chuyển và hướng xuống dưới dưới chuyển có đầy đủ bảy biến, tặng trưởng công đức tặng trưởng lỗi lầm chuyển rộng lớn. Như kệ viết: “*Trong năm mươi một vị, Trên dưới bảy biến chuyển, Tặng trưởng phẩm công đức, Cùng các biến phiên nào*”. Bảy biến lỗi lầm hình tướng ấy như thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong biến đầu thứ nhất
Trên đều tăng số trăm
Dưới đều tăng số ngàn
Ngăn ngại một hai đức
Sáu biến sau như thứ
Tặng bội bội số chuyển.*

* *Luận nói:* Trong biến thứ nhất, tăng bao nhiêu số chuyển, chướng ngại bao nhiêu pháp tịnh? Nghĩa là trong lúc chuyển lên trên, mỗi mỗi vị vị đều tăng lên số trăm về phẩm loại phiên nào, chướng ngại một pháp tịnh. Nếu trong lúc chuyển xuống dưới, thì mỗi mỗi vị vị đều tăng lên số ngàn về phẩm loại phiên nào, chướng ngại hai pháp tịnh. Như kệ viết: “*Trong biến đầu thứ nhất, Trên đều tăng số trăm, Dưới đều tăng số ngàn, Ngăn ngại một hai đức*”. Trong sáu biến sau thì công đức lỗi lầm, như thứ lớp ấy đều tăng gấp bội số lượng. Như kệ viết: “*Sáu biến sau như thứ, Tặng bội bội số chuyển*”.

Như vậy là đã nói về môn hiển thị bảy biến lỗi lầm. Tiếp theo là nói về môn hiển thị bảy biến công đức. Tướng ấy là thế nào?

* Kệ viết:

*Trong biến đầu thứ nhất
Trên đều tăng một ức
Dưới đều tăng hai ức
Dần dần thứ lớp chuyển.
Sáu biến sau như thứ
Tăng bội bội số chuyển
Không hoại số lượng lỗi
Làm công đức biến tạo.*

* Luận nói: Trong biến thứ nhất tăng lên bao nhiêu số chuyển? Nghĩa là trong lúc chuyển lên trên, nơi mỗi mỗi vị đều tăng lên số một ức về phẩm loại công đức, dần dần mà chuyển. Nếu trong lúc chuyển xuống dưới, thì mỗi mỗi vị vị đều tăng lên số hai ức về phẩm loại công đức, dần dần mà chuyển. Như kệ viết: “*Trong biến đầu thứ nhất, Trên đều tăng một ức, Dưới đều tăng hai ức, Dần dần thứ lớp chuyển*”. Trong sáu biến sau, như thứ lớp ấy tăng lên gấp bội số lượng. Như kệ viết: “*Sáu biến sau như thứ, Tăng bội bội số chuyển*”. Như vậy, phẩm loại công đức đối với phiền não là đoạn trừ hay không đoạn trừ? Chỉ biến tạo sự chuyển đổi, không tác động hủy hoại. Như kệ viết: “*Không hoại số lượng lỗi, Làm công đức biến tạo*”.

Như vậy là đã nói về môn hiển thị bảy biến công đức. Tiếp theo là nói về môn hiển thị bảy biến đồng lượng. Tướng ấy là thế nào?

* Kệ viết:

*Trong biến đầu thứ nhất
Đều trên tăng một ngàn*

*Đều dưới tăng hai vạn
 Đồng số lượng dần dần.
 Sáu biến sau như thứ
 Tăng bội bội số chuyển
 Không đoạ chương sai biệt
 Chỉ đối lượng kiến lập.*

* *Luận nói*: Trong biến thứ nhất tăng lên bao nhiêu số chuyển? Nghĩa là trong lúc chuyển lên trên, mỗi mỗi vị vị đều tăng một ngàn, như thứ lớp chuyển. Nếu trong lúc chuyển xuống dưới, thì mỗi mỗi vị vị đều tăng hai vạn, như thứ lớp chuyển. Như kệ viết: “*Trong biến đầu thứ nhất, Đều trên tăng một ngàn, Đều dưới tăng hai vạn*”. Số lượng phẩm ấy có tăng giảm không? Chỉ có số lượng bình đẳng không phải số lượng sai biệt. Như kệ viết: “*Đồng số lượng dần dần*”. Trong sáu biến sau như thứ lớp ấy tăng lên gấp bội số chuyển, nghĩa là một gấp bội. Như kệ viết: “*Sáu biến sau như thứ, Tăng bội bội số chuyển*”. Bảy biến như vậy cũng không có tướng chiếu sáng, cũng không có tướng che lấp, chỉ có lượng bình đẳng phần phần kiến lập. Như kệ viết: “*Không đoạ chương sai biệt, Chỉ đối lượng kiến lập*”. Trong đây theo thứ lớp nơi bảy biến công đức dùng làm chuyển sau cùng. Nên quán xét kỹ. Trong Khế kinh Thập Thâm Chúng Tử giảng nói như vậy: “Thấu đạt rõ trong lý tạng chỉ có ba biến, lấy bảy làm lượng không tăng không giảm. Ví như rắn bò bảy bước, cây sinh bảy lá, đều là đạo lý của pháp vốn như vậy. Đầu chỉ là phẩm nhiễm, giữa thì nhiễm tịnh cùng có, sau chỉ là phẩm tịnh”. Cho đến nói rộng.

* *Thứ 20: Phần Đại Quyết Trạch San Diện đà thi phạm ca nặc Bản Vương bản địa.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của San Diện đà thi phạm ca nặc. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch

về bản vương bản địa của San Diện đà thi phạm ca nặc. Tướng ấy là thế nào?

* Kệ viết:

*Trong thể bản vương này
Có ba loại trăm biến
Tên thứ lớp như trước
Cùng không có sai biệt.*

* Luận nói: Theo trong thể của bản vương này tức có ba loại trăm biến tu hành, tên gọi cùng thứ lớp như trước đã nói. Như kệ viết: “*Trong thể bản vương này, Có ba loại trăm biến, Tên thứ lớp như trước, Cùng không có sai biệt*”. Như vậy, hình tướng của ba biến như thế nào?

* Kệ viết:

*Trong ba biến như vậy
Đầu đều như thứ lớp
Số mười ngàn trăm ức
Chín mươi chín biến sau
Như thứ tăng bội số
Dần dần thứ lớp chuyển.*

* Luận nói: Theo trong môn trăm biến lỗi lầm thì nơi trên và dưới, trong biến thứ nhất tăng lên số mười ức, theo thứ lớp dần chuyển. Căn cứ nơi môn trăm biến công đức, ở trên và dưới, trong biến thứ nhất tức tăng lên số ngàn ức, theo thứ lớp dần chuyển. Theo trong môn trăm biến đồng lượng hàng trăm, thì ở trên và dưới, trong biến thứ nhất đã tăng lên số trăm ức, theo thứ lớp dần chuyển. Như kệ viết: “*Trong ba biến như vậy, Đầu đều như thứ lớp, Số mười ngàn trăm ức*”. Trong chín mươi chín biến sau, tất cả thủy đều y theo thứ lớp ấy tăng lên gấp bội số chuyển. Như kệ viết: “*Chín mươi chín biến sau, Như thứ tăng bội số, Dần dần thứ lớp*

chuyển”. Trong Khế kinh Đại Hải Sơn Vương Địa Địa Phẩm Loại nêu giảng như vậy: “Trong thể của Như Lai Tạng có ba phẩm lưu chuyển, lấy số trăm làm lượng, không vượt quá thứ lớp dần dần chuyển đi. Như vậy, trong ba phẩm lưu chuyển, đầu thì công đức ít, lỗi lầm nhiều, giữa thì số lượng như nhau, sau tức chỉ có công đức”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 10

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 11

* *Thứ 21: Phần Đại Quyết Trạch cạnh thi phạm nặc Bản Vương đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về bản địa bản vương của San Diện đà thi phạm ca nặc. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của Bản Vương cạnh thi phạm nặc. Tương ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong đạo lộ Bản Vương
Có ba loại ngàn biến
Tên lượng như trước nói
Đều đầu biến như thứ.
Tăng trăm ngàn vạn ức
Đều tất cả biến sau
Như thứ bội số chuyển
Trụ tâm nên quán xét.*

* *Luận nói:* Theo trong phần đạo lộ của Bản Vương cạnh thi phạm nặc, tức có ba loại ngàn biến tu hành, tên gọi và thứ lớp ấy đồng như trước đã nói. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ Bản Vương, Có ba loại ngàn biến, Tên lượng như trước nói*”. Ba loại như vậy, trong biến thứ nhất theo như thứ lớp ấy đã tăng lên số trăm ức, ngàn ức, vạn ức, trên dưới một lượng dần dần chuyển. Như kệ viết: “*Đều đầu biến như thứ, Tăng trăm ngàn vạn ức*”. Các biến sau đều theo thứ lớp ấy tăng gấp bội số chuyển. Nên xét chọn kỹ.

Như kệ viết: “*Đều tất cả biến sau, Như thứ bội số chuyển, Trụ tâm nên quán xét*”. Tức trong Khế kinh nêu bày như vậy: “Trong môn trên dưới nơi Như Lai Tạng Phật, có ba loại tu hành, số dùng ngàn làm lượng. Ba phẩm như vậy do nhiều ức chuyển nên xuất sinh làm tăng trưởng hải tạng pháp môn hiện tiền rộng lớn khắp”. Cho đến nói rộng.

* *Thứ 22: Phần Đại Quyết Trạch Ma Ha cạnh thi phạm nặc mẫu nguyên chủ thiên vương.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của Bản Vương cạnh thi phạm nặc. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về nguyên chủ thiên vương là mẹ của Ma Ha. Tướng ấy là thể nào?

* *Kệ viết:*

*Trong Ma ha Thiên vương
 Có ba loại ức biến
 Tên thứ lớp như trước
 Đều đầu biến như thứ.
 Một hai ba mươi phương
 Thế giới số lượng chuyển
 Hết thấy biến còn lại
 Như thứ bội số chuyển.*

* *Luận nói:* Theo trong thể của Ma Ha chủ Thiên vương, tức có ba loại ức biến tu hành, tên gọi và thứ lớp đồng như trước đã nói. Như kệ viết: “*Trong Ma Ha Thiên vương, Có ba loại ức biến, Tên thứ lớp như trước*”. Ba loại như vậy, trong biến thứ nhất theo như thứ lớp ấy, tăng lên số chuyển là một mười phương, hai mươi phương, ba mươi phương. Như kệ viết: “*Đều đầu biến như thứ, Một hai ba mươi phương, Thế giới số lượng chuyển*”. Tất cả biến

còn lại, theo như thứ lớp ấy, gấp bội số chuyển. Như kệ viết: “*Hết thấy biến còn lại, Như thứ bội số chuyển*”. Trong Khế kinh Tổng Tự Pháp Chuyển Đại Luận nêu giảng như vậy: “Trong địa địa nơi Ma Ha Bản Tạng Vương của Phật Đà, tức có ba hành. Những gì là ba? Một là hành chuyển số ức bậc hạ. Hai là hành chuyển số ức bậc trung. Ba là hành chuyển số ức bậc thượng. Hành đầu xuất sinh biên quyển thuộc của một đại phương giới lượng bậc hạ. Hành giữa xuất sinh biên quyển thuộc của hai đại phương giới lượng như nhau cùng chuyển. Hành sau xuất sinh biên quyển thuộc của ba đại phương giới bậc thượng”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 11

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 12

** Thứ 23: Phần Đại Quyết Trạch nhất chủng công đức thuần
thuần vô tạp đại viên mãn địa đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về nguyên chủ Thiên vương là mẹ của Ma Ha cạnh thi phạm nặc. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của một loại địa đại viên mãn với công đức thuần nhất không xen tạp. Tướng ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong đạo lộ công đức
Có hai ngàn năm trăm
Năm mươi biến pháp môn
Nơi năm mươi một vị.
Mỗi mỗi đều đều gồm
Đủ năm mươi phần vị
Cũng trong mỗi mỗi vị
Có tánh tướng gốc ngọn.
Một vạn hai trăm số
Trong Khế kinh giảng nói:
Gồm một vạn hai ngàn
Bảy trăm năm mươi số.
Lấy số gốc chung kia
Như pháp nên quán xét
Dùng số lượng như vậy*

Làm phần giới đạo lộ.

* *Luận nói*: Theo trong phần đạo lộ của một loại địa đại viên mãn với công đức thuần nhất không xen tạp, gồm có hai ngàn năm trăm năm mươi biến lớn pháp môn sâu xa cùng cực, rộng lớn minh mông. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ công đức, Có hai ngàn năm trăm, Năm mươi biến pháp môn*”. Do nghĩa gì mà có số lượng như vậy đã thành, nên có thể nhận biết rõ. Nghĩa là trong năm mươi một loại phần vị, mỗi mỗi đều đều có đủ năm mươi. Nghĩa này là thế nào? Đó gọi là năm mươi tâm tín, năm mươi tâm niệm, cho đến năm mươi tâm Như Lai đều sai biệt. Như kệ viết: “*Nơi năm mươi một vị, Mỗi mỗi đều đều gồm, Đủ năm mươi phần vị*”. Cũng nơi mỗi mỗi phần vị, đều đều có đủ bốn pháp của tánh tướng gốc ngọn, cho nên số lượng được thành lập là một vạn hai trăm. Như vậy, bốn sự việc ấy sai biệt như thế nào? Nghĩa là như thứ lớp ấy nói về pháp không thể nghĩ bàn, nói về pháp hiện giác ngộ sáng rõ, nói về nhân của chủ thể sinh trưởng, nói về quả của đối tượng sinh trưởng. Như kệ viết: “*Cũng trong mỗi mỗi vị, Có tánh tướng gốc ngọn, Một vạn hai trăm số*”. Nếu như vậy thì như văn ở đây nói làm sao thông hợp? Nghĩa là trong Khế kinh Kim Cang Đẳng Địa Nhất Hành Tam Muội nêu giảng như vậy: “Trong môn phép tắc của địa cát tường không tạp không loạn mỗi mỗi đồng đồng không xấu ác không lỗi lầm, gồm có một vạn hai ngàn bảy trăm năm mươi pháp môn”. Trong Khế kinh ấy đã nói như vậy là vì gồm chung cả tổng và biệt. Như kệ viết: “*Trong Khế kinh giảng nói, Gồm một vạn hai ngàn, Bảy trăm năm mươi số, Lấy số gốc chung kia, Như pháp nên quán xét*”. Nay nơi đạo lộ này lấy đó làm lượng, có pháp môn riêng khác. Như kệ viết: “*Dùng số lượng như vậy, Làm phần giới đạo lộ*”.

** Thứ 24: Phần Đại Quyết Trạch nhất chủng công đức ma ha bản địa minh bạch ly ác phẩm tạng.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của một loại địa đại viên mãn với công đức thuần nhất không xen tạp. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về tạng phẩm của một loại Ma Ha bản địa với công đức sáng rõ, lìa ác. Tướng ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong tạng phẩm Bản Địa
Có một ức ba vạn
Bảy ngàn năm trăm số
Biển pháp môn rộng lớn.
Trước nói trong các vị
Mỗi mỗi đều đều có
Thâu năm mươi vị riêng
Pháp môn rộng như thế.
Bốn tánh tướng gốc ngọn
So đây thông đạt rộng.*

** Luận nói:* Theo trong tạng phẩm của một loại Ma Ha bản địa với công đức sáng rõ lìa ác gồm có một ức ba vạn bảy ngàn năm trăm số biển pháp môn rộng lớn sâu xa cùng cực hiện bày khắp chốn. Như kệ viết: “*Trong tạng phẩm Bản Địa, Có một ức ba vạn, Bảy ngàn năm trăm số, Biển pháp môn rộng lớn*”. Do nghĩa gì mà số lượng thành như vậy? Như trước đã nói trong tất cả phần vị, mỗi mỗi phần vị đều gồm thâu năm mươi phần vị chuyển có sai biệt, biển pháp môn rộng lớn như vậy. Như kệ viết: “*Trước nói trong các vị, Mỗi mỗi đều đều có, Thâu năm mươi vị riêng, Pháp môn rộng như thế*”. Trong bốn loại sự việc tánh tướng gốc ngọn, do so sánh phối hợp tương xứng, lại tiếp tục tăng số lượng, chuyển

thành rộng lớn hơn nữa. Nên xét chọn kỹ. Như kệ viết: “*Bốn tánh
tướng gốc ngọn, So đây thông đạt rộng*”.

HẾT - QUYỂN 12

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 13

** Thứ 25: Phần Đại Quyết Trạch Ma Ha bản địa cụ túc phẩm tạng phi hoạn đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về tạng phẩm của một loại Ma Ha bản địa với công đức sáng rõ lia ác. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của Ma Ha bản địa đầy đủ phẩm tạng không phải lỗi lầm. Tướng ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong đạo lộ Bản Địa
Tức có hai loại môn
Là chuyển ngang chuyển dọc
Dùng đậy làm lượng môn.*

** Luận nói:* Theo trong phần đạo lộ của Ma Ha bản địa đầy đủ phẩm tạng không phải lỗi lầm tức có hai môn. Những gì là hai môn? Một là môn chuyển theo chiều ngang cùng hành đến khắp nơi. Hai là môn chuyển theo chiều dọc cùng một đường không xen tạp. Đấy gọi là hai môn. Hai môn như vậy dùng làm lượng của môn. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ Bản Địa, Tức có hai loại môn, Là chuyển ngang chuyển dọc, Dùng đậy làm lượng môn*”. Lại, môn chuyển theo chiều ngang có hình tướng như thế nào?

** Kệ viết:*

*Bốn loại sự trong vị
Gồm có chung và riêng*

*Đều tăng mười lớp chuyển
 Một thời không trước sau
 Số lượng pháp môn ấy
 So trước nên biết rõ.*

* *Luận nói:* Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị trong bốn loại sự việc là tánh tướng gốc ngọn, mỗi mỗi đều có phần chung riêng trong vị. Mỗi mỗi phần vị thấy đều đầy đủ số lượng tăng lên mười lần, không trước không sau một thời cùng chuyển. Đây tức là hình tướng của môn chuyển theo chiều ngang cùng hành đến khắp nơi. Như kệ viết: “*Bốn loại sự trong vị, Gồm có chung và riêng, Đều tăng mười lớp chuyển, Một thời không trước sau*”. Số lượng trong ấy cũng lại chuyển hơn hẳn vượt quá số lượng trước, phối hợp so sánh nên hiểu rõ. Như kệ viết: “*Số lượng pháp môn ấy, So trước nên biết rõ*”.

Như vậy là đã nói về môn chuyển theo chiều ngang cùng hành đến khắp nơi. Tiếp theo là nói về môn chuyển theo chiều dọc cùng một đoạn không xen tạp. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong các vị nói trước
 Như thứ không vượt quá
 Đều tăng mười lớp chuyển
 Một sáng rõ rớt ráo.*

* *Luận nói:* Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là muốn hiển thị trong phần vị chung riêng như trước đã nói, theo như thứ lớp ấy không có vượt quá. Mỗi mỗi đều đều tăng mười lần chuyển, một sự sáng rõ, một sự rớt ráo, cũng không tạp loạn, cũng không tạp hợp, hoàn toàn chuyển rõ. Đây là hình tướng của môn chuyển theo chiều dọc cùng một đường không xen tạp. Như kệ viết: “*Trong các vị nói trước, Như thứ không vượt quá, Đều tăng mười lớp chuyển,*

Một sáng rõ rớt ráo”. Trong Khế kinh Đại Kim Cang Bảo Vương Pháp Giới Ấn Tạng nêu giảng như vậy: “Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Bảo vương đạo phẩm là do hai sự chuyển. Những gì là hai? Một là chuyển trong một khu vực. Hai là chuyển đủ khắp phương diện. Nói trong một khu vực: Là đạo tuy rộng nhiều, nhưng trước một đạo lượng là vĩnh viễn cứu cánh. Nói đủ khắp phương diện: Là các đạo hiện có cùng hành trong một thời”. Cho đến nói rộng.

* *Thứ 26: Phần Đại Quyết Trạch Ma Ha Bảo Luân Vương quảng đại viên mãn vô thượng địa địa.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của Ma Ha bản địa đầy đủ phẩm tạng không phải lỗi lầm. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về địa địa vô thượng rộng lớn viên mãn của Ma Ha Bảo Luân Vương. Tương ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Vì chung riêng vô tận
Kiến lập thể bản pháp.*

* *Luận nói:* Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm hiển thị trong thể của bản pháp đã dùng chung thâm tóm riêng, dùng riêng thâm tóm chung, dùng chung thâm tóm chung, dùng riêng thâm tóm riêng. Chủ thể thâm tóm, đối tượng được thâm tóm là không có cùng tận. Biên cả pháp môn là sâu thăm rộng lớn, nghĩa lý giảng giải hướng đến khắp chốn viên mãn, hoàn toàn tự tại. Như kệ viết: “*Vì chung riêng vô tận, Kiến lập thể bản pháp*”.

Trong Khế kinh Ma Ha Diễn Địa Tạng Vô Thượng Cực Thuyết Bất Khả Tư Nghị Tâm Địa Phẩm Luận đã nói như vậy: “Núi báu trong biển lớn, đồng loại là vô tận, khác loại là vô tận, đầy đủ viên mãn, không có cùng tận, không có trước sau, không

có biên vực, không có phần giới, cũng là tướng rộng lớn, cũng là tướng nhỏ hẹp”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 13

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 14

** Thứ 27: Phần Đại Quyết Trạch hệ phược địa địa phẩm loại bất cát tường đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về địa địa vô thượng rộng lớn viên mãn của Ma Ha Bảo Luân Vương. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của địa địa bị trói buộc với phẩm loại không an lành. Tướng ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong đạo lộ trói buộc
Cũng có vị kim cang
Dựa vị lập tướng chuyển
Tức có bốn loại pháp.
Là năng, sở, chướng quả
Bốn loại pháp như vậy
Thấy đều lượng hữu vi
Như pháp nên quán xét.*

** Luận nói:* Theo trong phần đạo lộ của địa địa bị trói buộc với phẩm loại không an lành cũng có năm mươi một phần vị kim cang. Dựa vào các phần vị này để kiến lập tướng chuyển tức có bốn loại pháp. Những gì là bốn loại? Một là pháp của trí là chủ thể chứng đắc. Hai là pháp của lý là đối tượng được chứng đắc. Ba là pháp của sự bị chướng ngại. Bốn là pháp của quả đã chứng đắc. Đây gọi là bốn loại. Bốn pháp như vậy đều là lượng hữu vi. Nên quán xét kỹ. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ trói buộc, Cũng có vị kim*

cang, Dựa vị lập tướng chuyển, Tức có bốn loại pháp, Là năng sở chướng quả, Bốn loại pháp như vậy, Thấy đều lượng hữu vi, Như pháp nên quán xét”.

Bốn pháp như vậy đều có bao nhiêu số lượng? Hình tướng chuyển của chúng như thế nào?

* Kệ viết:

*Đều có hai loại pháp
Là bản thủy thể tướng
Sinh diệt cùng tăng giảm
Tướng chuyển chỉ trên trên.*

* Luận nói: Trong bốn loại pháp mỗi loại đều có hai thứ. Những gì là hai trí? Một là trí của tánh đức gốc xưa. Hai là trí của khởi đức mới nay. Đó gọi là hai trí.

Những gì là hai lý? Một là lý của thể có thật. Hai là lý của tướng có thật. Đó gọi là hai lý.

Những gì là hai chướng? Một là chướng của bản sinh bản sinh. Hai là chướng của bản diệt bản diệt. Đó gọi là hai chướng.

Những gì là hai quả? Một là quả của công đức tăng trưởng. Hai là quả của lỗi lầm tổn giảm. Đó gọi là hai quả.

Như kệ viết: “*Đều có hai loại pháp, Là bản thủy thể tướng, Sinh diệt cùng tăng giảm*”. Nên tướng chuyển tu hành chỉ có hướng lên trên. Như kệ viết: “*Tướng chuyển chỉ trên trên*”. Đối trị chướng và chứng đắc quả đối xét có sai biệt, hình tướng như thế nào?

* Kệ viết:

*Thể bản sinh đối tăng
Tướng thủy diệt đối giảm
Từ nhiều cũng thông rõ*

Như pháp nên quán xét.

* *Luận nói:* Trí của tánh đức gốc xưa, đoạn trừ chướng của bản sinh bản sinh, chứng đắc lý của thể có thật, thành tựu quả của công đức tăng trưởng. Như kệ viết: “*Thể bản sinh đối tăng*”. Trí của khởi đức mới nay, đoạn trừ chướng của bản diệt bản diệt, chứng đắc lý của tướng có thật, thành tựu quả của lỗi lầm tổn giảm. Như kệ viết: “*Tướng thủy diệt đối giảm*”. Bốn pháp như vậy trong năm mươi một loại phần vị chân kim cương thấy đều đầy đủ. Nên xét chọn kỹ. Chỉ hoàn toàn chuyển hay là cùng loại chuyển? Là cùng loại chuyển. Như kệ viết: “*Từ nhiều cũng thông rõ, Như pháp nên quán xét*”. Hai chướng sinh diệt có nghiệp dụng sai biệt, hình tướng ấy như thế nào?

* *Kệ viết:*

Bản chủ lúc sinh diệt

Là thắng sinh thắng diệt.

* *Luận nói:* Công đức căn thiện xuất hưng thì đối trị chuyển thắng xuất hưng. Chuyển thắng đối diệt tạo sự việc trái ngược. Như kệ viết: “*Bản chủ lúc sinh diệt, Là thắng sinh thắng diệt*”. Trong Khế kinh Đại Kim Cang Sơn Bảo Hải Hội Chúng giảng nói như vậy: “Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Ông trước đã hỏi: Thế nào gọi là các pháp vô thường cùng một đạo một loại? Nơi môn chuyển thứ nhất là do bốn vô thường? Ta đã nêu rõ như vậy. Những gì là bốn loại? Một là trí vô thường. Hai là lý vô thường. Ba là vô thường nơi vô thường. Bốn là thượng quả vô thường. Đây gọi là bốn loại. Này Văn-thù-sư-lợi! Nói trí vô thường: Là đoạn phiền não. Nói lý vô thường: Là trí đã chứng đắc. Nói vô thường nơi vô thường: Là bao gồm sự đoạn trừ. Nói thượng quả vô thường: Là chờ đợi lực của nhân”. Cho đến nói rộng.

* *Thứ 28: Phần Đại Quyết Trạch hệ phược địa địa tự nhiên Bản Vương Ma Ha ẩn phạm.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của địa địa bị trói buộc với phạm loại không an lành. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về phạm của Bản Vương Ma Ha ẩn tự nhiên nơi địa địa bị trói buộc. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong Bản Vương tự nhiên
Pháp hữu vi, vô vi
Đầy đủ viên mãn chuyển
Trong ấy đủ thượng hạ.*

* *Luận nói:* Theo trong Phần của phạm Bản Vương Ma Ha ẩn tự nhiên tức có hai chuyển. Những gì là hai chuyển? Một là hữu vi chuyển. Hai là vô vi chuyển. Đó gọi là hai chuyển. Như kệ viết: “*Trong Bản Vương tự nhiên, Pháp hữu vi vô vi, Đầy đủ viên mãn chuyển*”. Cũng có hai chuyển. Những gì là hai chuyển? Một là thượng chuyển. Hai là hạ chuyển. Đây gọi là hai chuyển. Như kệ viết: “*Trong ấy đủ thượng hạ*”. Hữu vi vô vi đều có bao nhiêu số lượng? Tướng của thượng chuyển hạ chuyển như thế nào?

* *Kệ viết:*

*Vô vi chỉ có một
Hữu vi có hai loại
Như thứ thật bản thủy
Thượng hạ vô vi chủ
Xuất sinh hai hữu vi
Chuyển thắng chuyển rộng lớn.*

* *Luận nói:* Vô vi có một, hữu vi có hai. Một nghĩa là có thật. Hai nghĩa là bản thủy. Như kệ viết: “*Vô vi chỉ có một, Hữu vi có hai loại, Như thứ thật bản thủy*”. Như vậy, ba pháp này trong

năm mươi một loại phân vị kim cang cũng có tướng chuyển của công đức tăng trưởng ở phần trên và phần dưới. Tướng chuyển ở phần trên là thế nào? Nghĩa là trong thời gian hướng lên trên, nơi mỗi mỗi vị vị thì pháp vô vi là chủ, mỗi mỗi thủy đều xuất sinh tăng trưởng một vạn bản thủy tuệ giác thanh diệu. Còn trong thời gian hướng xuống dưới, thì mỗi mỗi vị vị thủy đều xuất sinh tăng trưởng đầy đủ viên mãn hai ức bản thủy tuệ giác thanh diệu. Như thế như thế đều là như như từ thượng hạ đến vô lượng nhỏ bé. Như nói về quyền thuộc vốn được giữ lại cũng như vậy. Như kệ viết: “*Thượng hạ vô vi chủ, Xuất sinh hai hữu vi, Chuyển thắng chuyển rộng lớn*”. Như thứ lớp ấy, số lượng tăng lên nên biết. Trong Khế kinh Phẩm Địa Kinh Luận nói như vậy: “Trong biển của Bản Vương nơi địa thế gian, tạng công đức vô thường là rất nhiều, vô số công đức thường trụ thì số lượng rất ít, vì vậy nên nói là địa thế gian tạng”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 14

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 15

* *Thứ 29: Phần Đại Quyết Trạch tự nhiên Bản Vương quảng đại chuyển địa vô chương vô ngại câu hành đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về phẩm của Bản Vương Ma Ha ẩn tự nhiên nơi địa địa bị trói buộc. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ cùng hành không chương không ngại nơi địa chuyển rộng lớn của Bản Vương tự nhiên. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong đạo lộ Bản Vương
Dựa vị dần dần chuyển
Một chủ sinh hai bạn
Đến giữa nơi vô lượng
Số biến thấy đều thông
Như pháp nên quán xét.*

* *Luận nói:* Theo trong phần đạo lộ cùng hành không chương không ngại nơi địa chuyển rộng lớn của Bản Vương tự nhiên, dựa vào năm mươi một phần vị, như thứ lớp ấy cũng hướng lên trên cũng hướng xuống dưới dần dần chuyển hành. Pháp vô vi là chủ, sinh hai hữu vi, hoặc trên hoặc dưới tăng thêm ở giữa là vô lượng, số đến giữa là vô lượng biến. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ Bản Vương, Dựa vị dần dần chuyển, Một chủ sinh hai bạn, Đến giữa nơi vô lượng, Số biến thấy đều thông, Như pháp nên quán xét*”. Trong Khế kinh Bộ Tông Hoa Phẩm giảng nói như vậy: “Trong

biển hành tạng có một đức thường số ấy là vô lượng. Trong biển hành tạng có hai phẩm loại công đức vô thường số ấy là vô lượng. Cũng đưa lên cũng hạ xuống, số ấy cũng vô lượng”. Cho đến nói rộng.

** Thứ 30: Phần Đại Quyết Trạch tối cực quảng đại câu hành Sơn Vương vô tận hải hải.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ cùng hành không chướng không ngại nơi địa chuyển rộng lớn của Bản Vương tự nhiên. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về biển vô tận của Sơn Vương cùng hành rộng lớn cùng tốt. Tương ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong biển biển vô tận
Dựa vị dần dần chuyển
Một chủ sinh hai bạn
Đến nơi đại vô lượng
Số cùng biến so trước
Nên thông đạt rộng khắp.*

** Luận nói:* Theo trong tạng biển biển vô tận, dựa nơi năm mươi một phần vị, như thứ lớp ấy cũng hướng lên trên cũng hướng xuống dưới, pháp vô vi là chủ, sinh ra làm tăng trưởng hai pháp hữu vi, tăng đến số đại vô lượng, đến biến đại vô lượng. Như kệ viết: “*Trong biển biển vô tận, Dựa vị dần dần chuyển, Một chủ sinh hai bạn, Đến nơi đại vô lượng, Số cùng biến so trước, Nên thông đạt rộng khắp*”. Trong Khế kinh Bộ Tông Hoa Phẩm nói như vậy: “Trong biển của Sơn Vương hành thường có ba loại đại vô lượng. Những gì là ba loại? Một là đại vô lượng của thường.

Hai là đại vô lượng của vô thường. Ba là đại vô lượng của chuyển biến”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 15

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 16

** Thứ 31: Phần Đại Quyết Trạch xuất ly hệ phược địa thanh bạch giải thoát đạo lộ..*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về biển biển vô tận của Sơn Vương cùng hành rộng lớn cùng tột. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ giải thoát thanh bạch xuất ly địa trói buộc. Tướng ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong đạo lộ giải thoát
Có hai mươi vô vi
Là mười không mười hữu
Các vô vi như thế.
Trong năm mươi một vị
Thầy đều có đầy đủ
Dựa pháp vị lập chuyển
Có hai lớp lớp vượt.*

** Luận nói:* Theo trong phần đạo lộ giải thoát thanh bạch xuất ly địa trói buộc, tức có hai mươi pháp vô vi thường, đó gọi là mười không vô vi và mười hữu vô vi, đều sai biệt.

Thế nào gọi là mười không vô vi? Đó là: (1) Không vô vi của hư không rộng lớn tự nhiên thường trụ lìa tạo tác. (2) Không vô vi của đại hư không ảnh. (3) Không vô vi của hư không ảnh ảnh. (4) Không vô vi của pháp ảnh vô sở hữu. (5) Không vô vi của không không câu phi. (6) Không vô vi của lìa ngôn dứt thuyết. (7)

Không vô vi của tuyệt ly vị tất. (8) Không vô vi của dứt lia tâm giải. (9) Không vô vi của dứt lia cùng cùng. (10) Không vô vi của đại không đại không không chướng không ngại. Đây gọi là mười không vô vi.

Thế nào gọi là mười hữu vô vi? Đó là: (1) Phi không vô vi (Hữu vô vi) của thuyết quyết định thường trụ không phá bỏ. (2) Phi không vô vi của tất cả tâm thức quyết định thường trụ không phá bỏ. (3) Phi không vô vi của tất cả đại chúng quyết định thường trụ không phá bỏ. (4) Phi không vô vi của tất cả câu phi quyết định thường trụ không phá bỏ. (5) Phi không vô vi của tất cả có thật quyết định thường trụ không phá bỏ. (6) Phi không vô vi của tất cả tánh đại quyết định thường trụ không phá bỏ. (7) Phi không vô vi của tất cả kim quang quyết định thường trụ không phá bỏ. (8) Phi không vô vi của tất cả hữu danh quyết định thường trụ không phá bỏ. (9) Phi không vô vi của tất cả quyết định thường trụ không phá bỏ. (10) Phi không vô vi của tự tánh rộng lớn viên mãn vốn có tất cả chúng loại hiện hữu quyết định thường trụ không phá bỏ. Đây gọi là mười hữu vô vi.

Như kệ viết: *“Trong đạo lộ giải thoát, Có hai mươi vô vi, Là mười không mười hữu”*. Hai mươi loại pháp vô vi như thế, trong năm mươi một loại phần vị kim cang, chuyển biến đầy đủ viên mãn không thiếu mất. Như kệ viết: *“Các vô vi như thế, Trong năm mươi một vị, Thấy đều có đầy đủ”*.

Dựa nơi hai mươi pháp vô vi như vậy để kiến lập tướng chuyển của năm mươi một phần vị, thì có hai loại. Những gì là hai loại? Một là môn thâm tóm gồm đủ lớp lớp không chướng ngại. Hai là môn thứ lớp loạn chuyển vượt quá. Đây gọi là hai môn. Như kệ viết: *“Dựa pháp vị lập chuyển, Có hai lớp lớp vượt”*.

Lại, môn thâm tóm gồm đủ lớp lớp không chướng ngại, hình tướng như thế nào?

* *Kệ viết:*

*Mỗi mỗi hai mươi pháp
 Đều thâu hai mươi sau
 Năm mươi một loại vị
 Mỗi mỗi đều đều đủ.
 Thâu năm mươi một vị
 Cũng thâu trái với đây
 Do nơi nhân duyên này
 Kiến lập môn lớp lớp.*

* *Luận nói:* Thế nào gọi là tướng của môn lớp lớp? Nghĩa là gồm thâu trọn đủ. Thế nào là gồm thâu trọn đủ? Nghĩa là hai mươi loại pháp vô vi thường trụ có đầy đủ tín tâm, mỗi mỗi đều đều thâu tóm các phần vị sau, đều có hai mươi loại pháp vô vi. Như nói về tín tâm, thì các phần vị khác cũng như vậy. Như kệ viết: “*Mỗi mỗi hai mươi pháp, Đều thâu hai mươi sau*”. Năm mươi một loại phần vị đều gồm thâu năm mươi một loại, cũng không chướng ngại. Như kệ viết: “*Năm mươi một loại vị, Mỗi mỗi đều đều đủ, Thâu năm mươi một vị*”. Cũng nơi mỗi mỗi pháp gồm thâu tất cả vị, mỗi mỗi vị gồm thâu tất cả pháp, cũng không chướng ngại. Như kệ viết: “*Cũng thâu trái với đây*”. Dùng hai loại môn gồm thâu trọn đủ như vậy, nên lập tên gọi là lớp lớp. Như kệ viết: “*Do nơi nhân duyên này, Kiến lập môn lớp lớp*”.

Như vậy là đã nói về môn gồm thâu trọn đủ lớp lớp không chướng ngại. Tiếp theo là nói về môn thứ lớp loạn chuyển vượt quá. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong năm mươi một vị
 Tùy một trái năm mươi
 Dần dần tăng số pháp*

Chuyển rộng lớn khắp chốn.

* *Luận nói:* Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm hiển thị trong năm mươi một loại phần vị kim cương, dùng tín làm đầu, trải qua năm mươi phần vị. Dùng trụ phát tâm làm đầu trải qua năm mươi phần vị. Cho đến dùng địa tốt cùng làm đầu trải qua năm mươi phần vị. Nếu nơi chuyển thứ nhất, tăng lên bốn mươi phần vị chuyển thì số pháp là một trăm. Hoặc nơi chuyển thứ hai, tăng lên tám mươi phần vị chuyển thì số pháp là hai trăm, cho đến địa sau cùng. Như kệ viết: “*Trong năm mươi một vị, Tùy một trải năm mươi, Dần dần tăng số pháp, Chuyển rộng lớn khắp chốn*”. Trong Khế kinh Uẩn Cao Sơn Vương Phạm Loại đã giảng nói như vậy: “Trong môn địa địa vô phá, số lượng vật báu hữu tịch tĩnh là rất nhiều, số lượng vật báu không tịch tĩnh cũng rất nhiều. Nếu có hành giả hội nhập trong môn này tức thông đạt các pháp nơi đại đạo vô vi không có chướng ngại, không có nghi sợ, thì tâm ấy tự tại, quyết định thường trụ nơi đại an lạc, dần dần tăng trưởng biển công đức thường hằng”. Cho đến nói rộng.

* *Thứ 32: Phần Đại Quyết Trạch giải thoát Sơn Vương căn bản địa địa vô ngại tự tại.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ giải thoát thanh bạch xuất ly địa trời buộc. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về địa địa căn bản của Sơn Vương giải thoát tự tại vô ngại. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong Sơn Vương căn bản
Không hữu hổ tương sinh
Các vị đều cùng sinh
Chuyển thắng chuyển rộng lớn.*

* *Luận nói*: Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm hiển thị về mười không vô vi, mỗi mỗi đều đều xuất sinh mười pháp hữu vô vi thường trụ. Mười hữu vô vi, mỗi mỗi đều đều xuất sinh mười pháp không vô vi thường trụ. Năm mươi một phần vị, mỗi mỗi đều xuất sinh năm mươi phần vị dựa vào môn như lớp lớp v.v... chuyển viên mãn, rộng lớn. Như kệ viết: “*Trong Sơn Vương căn bản, Không hữu hỗ tương sinh, Các vị đều cùng sinh, Chuyển thắng chuyển rộng lớn*”. Trong Khế kinh Ma Ha Diễn nêu bày như vậy: “Trong biển giải thoát cũng có không hữu cũng có hữu không, số lượng ấy là rất nhiều. Như vậy không hữu chỉ là thường diệt không phải là lượng vô thường, chỉ là phẩm công đức không phải là phẩm lỗi lầm. Vì thế nên nói là biển tạng giải thoát”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 16

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 17

* *Thứ 33: Phần Đại Quyết Trạch giải thoát Sơn Vương đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về địa địa căn bản của Sơn Vương giải thoát tự tại vô ngại. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ lớn của Sơn Vương giải thoát. Tướng ấy là thế nào?

* *Kệ viết:*

*Trong đạo lộ Sơn Vương
Trước đã nói trong lượng
Tăng không không hữu hữu
Vị vị chuyển thắng sinh.*

* *Luận nói:* Theo trong phần đạo lộ lớn của Sơn Vương giải thoát tức có ba chuyển. Những gì là ba chuyển? Một là không không chuyển, là mười không vô vi, mỗi mỗi đều đều sinh ra mười không. Hai là hữu hữu chuyển, là mười hữu vô vi, mỗi mỗi đều đều sinh ra mười hữu. Ba là vị vị chuyển, là năm mươi một phần vị, mỗi mỗi đều đều sinh ra năm mươi phần vị. Đây gọi là ba chuyển. Do chọn lấy tự tướng sinh không phải là tha tướng. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ Sơn Vương, Trước đã nói trong lượng, Tăng không không hữu hữu, Vị vị chuyển thắng sinh*”. Các loại môn còn lại chuyển chuyển tăng số lượng, nên thông đạt rộng.

** Thứ 34: Phần Đại Quyết Trạch quảng đại vô tận giải thoát hải hải Ma Ha Sơn Vương.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ lớn của Sơn Vương giải thoát. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về Ma Ha Sơn Vương nơi biên biển giải thoát rộng lớn vô tận. Tướng ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

Các chuyển trước đã nói

Là không có cùng tận.

** Luận nói:* Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm hiển thị không sinh ra từ không, là không có cùng tận. Không sinh ra không khác, là không có cùng tận. Không sinh ra các hữu, là không có cùng tận. Hữu cũng như vậy, là không có cùng tận. Phân vị cũng như vậy, là không có cùng tận. Lốp lốp vô cùng, loạn chuyển vô cùng, không có biên vực, không có trước sau, thăm thăm sâu xa, hiện bày cùng khắp, chuyển hành rộng lớn. Đây tức là thể tướng dụng tự tại vô ngại của Sơn Vương nơi biên biển giải thoát. Như kệ viết: “*Các chuyển trước đã nói, Là không có cùng tận*”.

HẾT - QUYỂN 17

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 18

** Thứ 35: Phần Đại Quyết Trạch Ma Ha Không Trần Hải Tạng Vương đạo lộ.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về Ma Ha Sơn Vương nơi biển biển giải thoát rộng lớn vô tận. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của Ma Ha Không Trần Hải Tạng Vương. Tướng ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong đạo lộ Hải Vương
Đầy đủ trăm tự tại
Do nơi nhân duyên này
Kiến lập tên Hải Vương.*

** Luận nói:* Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm hiển thị trong Hải Vương tạng không có pháp riêng khác chỉ có tự tại. Có bao nhiêu tự tại? Tức là một trăm loại. Những gì là một trăm loại? Đó là: (1) Thời tự tại. Tức nơi ba mươi hai pháp, cũng một thời chuyển, cũng khác thời chuyển, cũng không chuyển trong lúc chuyển, cũng chuyển trong lúc không chuyển, cũng xa thời chuyển, cũng gần thời chuyển. Cho đến vô lượng. (2) Xứ tự tại, là xứ chuyển như một khác v.v... Cho đến vô lượng. (3) Vật tự tại, là hiện dụng như đồng, dị v.v... Cho đến vô lượng. (4) Châu biến tự tại, là không nơi chốn nào là không thông hợp. Cho đến vô lượng. (5) Đại tiểu tự tại, là rất nặng rất nhỏ v.v... Cho đến vô lượng. (6) Hữu vô tự tại, là cũng hiện bày cũng ẩn giấu. Cho đến vô

lượng. (7) Tịch động tự tại, là cũng định cũng tán v.v... Cho đến vô lượng. (8) Thâm thâm tự tại, là những sự việc như không thể nghĩ bàn v.v... Cho đến vô lượng. (9) Bất tự tại tự tại, là do những sự việc như trái ngược v.v... Cho đến vô lượng. (10) Vô ngại tự tại, là do những sự việc như thuận nghịch. Cho đến vô lượng.

Cho đến tự tại tự tại thứ một trăm, là như vô tận tự tại v.v... thấy đều tự tại, cho đến vô lượng. Như ba mươi hai pháp đã nói ở trước, tự tại như vậy là đầy đủ viên mãn, chuyển biến không có thiếu mất. Vì nghĩa này nên lập danh xưng Hải Vương. Nên xét chọn kỹ. Như kệ viết: “*Trong đạo lộ Hải Vương, Đầy đủ trăm tự tại, Do nơi nhân duyên này, Kiến lập tên Hải Vương*”. Trong Khế kinh Giác Hoa giảng nói như vậy: “Trong môn thứ nhất quảng phân đại hải, nếu nói rộng thì có số lượng tự tại nhiều như số vi trần của một thế giới trong mười phương. Nếu nói tóm lược thì có một trăm pháp tự tại”. Cho đến nói rộng.

** Thứ 36: Phần Đại Quyết Trạch đại bất khả tư nghị trùng trùng bất khả xưng lượng A Thuyết Bản Vương.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về đạo lộ của Ma Ha Không Trần Hải Tạng Vương. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về Bản Vương A Thuyết với lớp lớp lớn lao không thể nghĩ bàn không thể nêu xưng. Tương ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Trong Bản Vương A Thuyết
Có mười phương trần lượng
Mười phương không trần lượng
Ba mươi ba biển pháp.*

** Luận nói:* Nay trong kệ này là nêu rõ về nghĩa gì? Là nhằm hiển thị trong biển A Thuyết có đầy đủ viên mãn số lượng

nhiều như vi trần của mười phương thế giới, số lượng vi trần của mười phương thế giới nơi ba mươi ba biển pháp. Số lượng vi trần của mười phương thế giới, số lượng vi trần của mười phương hư không, nơi ba mươi ba biển pháp. Như kệ viết: “*Trong Bản Vương A Thuyết, Có mười phương trần lượng, Mười phương không trần lượng, Ba mươi ba biển pháp*”.

Trong Khế kinh Bản Vương nói như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với đại chúng: Ta dùng ba đạt trí, thông suốt tất cả pháp, không có chướng ngại, không có thiếu mất. Nhưng có một biển không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn, không thể hiểu rõ cùng tận, đó là biển tạng của Bản Vương Không Trần với tánh đức viên mãn tự tại tự tại vô tận”. Cho đến nói rộng.

HẾT - QUYỂN 18

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 19

** Thứ 37: Phần Đại Quyết Trạch giáo lượng công đức tán thán tín hành hiện thị lợi ích.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về Bản Vương A Thuyết với lớp lớp lớn lao không thể nghĩ bàn không thể nêu xung. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về so sánh công đức tán thán tín hành hiện thị lợi ích. Tương ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Ví như đồng lửa cháy
Tuy có xứ rất xa
Do thế mạnh ánh sáng
Hay phá tối phương xa.
Luận Huyền Văn Bản này
Cũng lại như như thế
Nếu có loại chúng sinh
Cùng trụ đồng thế giới.
Tuy chưa được kiến học
Ánh sáng lửa Luận này
Hay phá chúng sinh xa
Tâm tướng tối không giác.
Khiến được hiểu biết sáng
Tùy phần hàng phục nhiễm
Ví như đồng lửa cháy*

Chuyển thẳng gần xừ kia.
Ánh sáng dần dần rõ
Phá trừ tối lại tăng
Luận Huyền Văn Bản này
Cũng lại như như vậy.
Nếu có loại chúng sinh
Cùng trụ đồng một nước
Tuy chưa được kiến học
Ánh sáng lửa Luận này.
Trừ chúng sinh vô tri
Chuyển chuyển khiến rõ ràng
Ví như đồng lửa cháy
Chuyển chuyển gần xừ kia.
Ánh sáng chiếu càng tăng
Luận Huyền Văn Bản này
Cũng lại như như vậy
Như có loại chúng sinh.
Cùng trụ đồng một thành
Tuy chưa được kiến học
Ánh sáng lửa Luận này
Trừ chúng sinh vô tri.
Chuyển chuyển lại sáng rõ
Ví như đồng lửa cháy
Lại chuyển gần xừ kia
Ánh sáng lớp lớp tăng.
Hơi nóng ấm thân ấy
Luận Huyền Văn Bản này
Cũng lại như như vậy
Nếu có loại chúng sinh.

Cùng trụ đồng một nhà
Tuy chưa được kiến học
Ánh sáng lửa Luận này
Trừ tâm Hoặc hộ thân.
Chuyển chuyển nên tăng trưởng
Ví như có một người
Được đồng lửa lớn kia
Người này tức liền được.
Sáu thứ lợi ích lớn
Là ngăn chặn khí lạnh
Hay thành thực vật dụng
Trùng độc không xâm phạm.
Trừ tối luôn sáng rõ
Tùy người xin cho khắp
Thieu đốt hết cầu uế
Luận Huyền Văn Bản này.
Cũng lại như như vậy
Nếu có loại chúng sinh
Được Luận Huyền Văn này
Người ấy tức liền được.
Sáu thứ lợi ích lớn
Là ngăn chặn phiền não
Thành tựu phẩm công đức
Không vào chúng tà ma.
Phá phẩm loại vô minh
Tuệ Bát nhã hiện tiền
Bản cùng của pháp Phật
Chúng sinh đến cầu xin.
Tùy thuận thí cho khắp

Đốt sạch uế phiền não
So như có hoa diêu
Trong ao sâu nước đầy.
Gọi là hoa sen xanh
Có người trong sát-na
Thấy tướng hoa sen này
Nơi một trăm bảy ngày.
Đôi mắt ấy trong sáng
Hoàn toàn không mờ tối
Luận Huyền Văn Bản này
Cũng lại như như vậy.
Nếu có loại chúng sinh
Tuy không biết Luận này
Biển lớn của văn nghĩa
Nhưng mắt thấy Luận này.
Đôi mắt ấy thanh tịnh
Thấy chư Phật ba đời
Có mắt tạo phương diện
Sánh như có trống trời.
Treo ngọn cây Viên Sinh
Gọi là diêu thanh giác
Vô lượng thiên nữ tử
Nghe tiếng trống này rồi.
Trong hai ngàn bảy ngày
Đôi tai kia nhanh trong
Không sự gì ngăn cách
Luận Huyền Văn Bản này.
Cũng lại như như vậy
Nếu có loại chúng sinh

Tuy không biết văn nghĩa
 Mà tai nghe Luận này.
 Đôi tai ấy thanh tịnh
 Nghe Phạm âm chư Phật
 Có tai tạo phương diện
 So như có diệu dược.
 Sinh nơi đỉnh núi Tuyết
 Gọi là thượng vị thường
 Có người hái thuốc ấy
 Chạm vào đầu lưỡi mình.
 Thân hương thơm tỏa khắp
 Không dùng thức ăn uống
 Mạng ấy rất lâu dài
 Cũng bay vút hư không.
 Luận Huyền Văn Bản này
 Cũng lại như như vậy
 Nếu có loại chúng sinh
 Một chữ trong Luận này.
 Một câu hoặc một hàng
 Hoặc một phần quyết trạch
 Hoặc lượng của một quyển
 Dùng lưỡi đọc tụng qua.
 Tuy không biết nghĩa lý
 Mà đạt được tất cả
 Biển các Tu-đa-la
 Công đức đọc tụng trải.
 Ví như có Bồ-tát
 Danh xưng Bất Tư Nghị
 Đại lực vị giải thoát

Bồ-tát Đại sĩ ấy.
Thần thông luôn tự tại
Đối tất cả việc làm
Đều không có chướng ngại
Tùy ứng thấy hiện tiền.
Luận Huyền Văn Bản này
Cũng lại như như vậy
Nếu có những chúng sinh
Quán đạt nghĩa lý kia.
Giác ngộ văn giảng giải
Thông suốt hết thấy pháp
Đều không có chướng ngại
Mỗi mỗi giác sáng rõ.
Ví như có Thần Vương
Gọi là Đại An Lạc
Có người cần dụng nhỏ
Cúng tế Thần Vương ấy .
Xuất hưng kho báu báu
Khiến được an lạc lớn
Luận Huyền Văn Bản này
Cũng lại như như vậy.
Nếu có một nam nữ
Siêng năng trì đọc tụng
Luận Huyền Văn Bản này
Có người cần dụng nhỏ.
Chuyên tâm cúng người kia
Tức được vô cùng tận
Báu phước đức trí tuệ
Tâm không có nghi sợ.

Sánh như có hương diêu
Gọi là Phân Mãn Bồ
Có người giữ hương này
Du hành nơi phương xa.
Trải qua khắp xứ xứ
Trong khoảng bốn chín ngày
Có mùi thơm không hết
Luận Huyền Văn Bản này.
Cũng lại như như vậy
Như có một nam nữ
Mang theo bộ luận ấy
Đi đến khắp phương xa.
Hoặc vượt qua biển lớn
Các chúng sinh hiện có
Đều được lợi ích lớn
Hoặc đi qua núi đồng.
Các chúng sinh hiện có
Cũng được lợi ích lớn
Ví như có ngọc quý
Tên là báu Như Ý.
Tùy trụ xứ ngọc này
Vô lượng ngọc quyến thuộc
Khắp nơi tụ vây quanh
Luận Huyền Văn Bản này.
Cũng lại như như vậy
Tùy nơi luận dừng trụ
Có mười phương thế giới
Trần lượng Đại Thần Vương.
Mỗi mỗi Đại Thần Vương

Đều dẫn mười phương cõi
 Trần lượng thần quyền thuộc
 Bảo vệ luận quý này.
 Nếu lúc chánh pháp diệt
 Tạo vi trần tan hoại
 Các Thần Vương hiện có
 Phát khởi tiếng khóc lớn.
 Tùy chón trần đã trụ
 Đi đến luôn bảo vệ
 Người thọ trì Luận này
 Số lượng thần như vậy.
 Hoặc sinh hoặc sau chết
 Thường không lìa hộ vệ
 Công đức tuy vô lượng
 Nhưng lược nêu như vậy.

* Thứ 38: Phần Đại Quyết Trạch giáo lượng quá hoạn ha trách phỉ báng hiển thị tội nghiệp.

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về so sánh công đức, tán thán tín hành hiển thị lợi ích. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về so sánh lỗi lầm chê trách phỉ báng hiển thị tội nghiệp. Tương ấy là thế nào?

* Kệ viết:

Ví như có một núi
 Tên là Bảo Luân Thượng
 Núi này đủ bảy báu
 Lại không có cùng tận.
 Bàn cùng cầu loại báu
 Số vô lượng vô biên

Có ngọc hay giữ báu
Tên gọi Đảnh pha lê.
Nếu người có ngọc này
Thì lấy được bảy báu
Xa lìa khổ nghèo cùng
Đạt được an lạc lớn.
Nếu người không ngọc ấy
Không thể giữ được báu
Trong ngày không thể được
Hỏi vì sao như vậy?
Nếu người không ngọc đến
Chỉ thấy cạp beo gấu
Và rắn đỏ rắn độc
Vô số trùng độc khác.
Rốt cuộc không thấy báu
Do thấy các loại độc
Tâm ấy rất nghi sợ
Cuồng loạn nên bỏ chạy.
Cho đến khi chết mất
Châu báu tự nhiên có
Mà người cầu báu kia
Vì phước mỏng tội nặng.
Trọn không thể thấy được
Chúng sinh cũng như vậy
Người căn thiện sâu xa
Nâng ngọc tín kiên cố.
Vào biển sâu Đại thừa
Nhận lấy báu công đức
Thoát vòng sinh tử khổ

Người căn thiện mỏng kém.
Được thấy luận thâm diệu
Do tín tâm không thật
Dựa chánh tạo giải tà
Thọ vòng khổ không hạn.
Ví như người mù sinh
Được vật trang nghiêm đẹp
Không có sự vui mừng
Người si cũng như vậy.
Tuy được luận thâm diệu
Vì hết sức ngu si
Không biết báu xuất thế
Không có tâm học tập.
Ví như rồng ở giếng
Theo nước chảy đến biển
Do quá mê hỗn loạn
Chê biển mà mạng chung.
Người si cũng như vậy
Tự mình quen cố chấp
Nhất định không dời chuyển
Nghe pháp chưa từng có.
Vì quá mê tán loạn
Phỉ báng pháp rộng lớn
Đọa lạc trong đường ác
Không kỳ hạn ra khỏi.
Nếu có loại chúng sinh
Thấy nghe luận giáo này
Tâm không tin, phỉ báng
Người này tức phỉ báng.

Hết thầy Phật ba đời
 Các Pháp tạng ba đời
 Biển chừ Tăng ba đời
 Người này chuốc lấy tội.
 Số vô lượng vô lượng
 Không thể biết biên vực
 Trần lượng mùi phương cõi
 Chư Phật, Đại Bồ-tát.
 Một thời đều xuất hiện
 Tuyên thuyết lượng như thế
 Biển lớn các pháp môn
 Chuyên giáo hóa người này.
 Trái qua vô lượng kiếp
 Trọn không thể giáo hóa
 Hỏi vì sao như vậy
 Chỉ tuyên thuyết pháp này?
 Không còn đạo nào khác
 Loại chúng sinh như thế
 Trần lượng mùi phương cõi
 Chư Phật, Đại Bồ-tát.
 Dùng lực thần thông lớn
 Hướng kiếp vị lai xa
 Quán xét giới hạn ấy
 Không kỳ hạn giác đạo.
 Hỏi vì sao như vậy?
 Không học ba mươi tư
 Phép tắc Đại Kim Cang
 Đến bờ Đại Niết-bàn.
 Thật không có điều ấy

*Vì thế các hành giả
Dùng phương tiện siêng tu
Nên quán biến pháp kia.
Không thể thông nguồn ấy
Vọng sinh tâm phỉ báng
Rơi vào trong đường ác
Không có hạn xuất ly.
Quyết định không nên tạo
Quyết định không nên tạo
Tội nghiệp tuy vô lượng
Mà lược nói như vậy.*

HẾT - QUYỂN 19

LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN

QUYỂN 20

** Thứ 39: Phần Đại Quyết Trạch hiện thị bản nhân quyết định chứng thành trừ nghi sinh tín.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về so sánh lỗi lầm chê trách phỉ báng hiện thị nghiệp tội. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về việc hiện thị nhân gốc quyết định chứng thành trừ nghi sinh tín. Tương ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Tôi ở vô lượng kiếp xa xưa
Theo Thế Tôn tu hạnh Bồ-tát
Một thời Thế Tôn vương gia nô
Nước tên Kim Thủy, vua ấy tên.
Bảo Kim Luân Tạng, đại vương này
Có ba mươi ức loại nô tỳ
Có sáu mươi ức ngựa trắng lớn
Báu như vàng bạc v.v... cũng vô tận.
Có nô thấp nhất tên Thường Tín
Một hôm Đại vương bảo Thường Tín:
Ngươi nhận sáu mươi ức ngựa này
Bảo vệ không lìa khiến không tổn.
Bấy giờ nô kia nhận các ngựa
Thường xuyên không lìa, giữ không mất
Sáu mươi ức ngựa trắng như vậy*

Qua một ngày ăn trăm lượng vàng.
Lúc ấy Thường Tín niệm như vậy:
Thân ta chỉ một ngựa rất nhiều
Khó thay! Khó thay! Chúng không tồn
Nhưng ngựa này dữ chạy khó ngăn.
Nay phương tiện gì bảo vệ tốt?
Thường Tín khởi niệm như thế rồi
Liên đến nương thầy học phương thuật
Lực thuật biến tạo vạn ngựa trắng
Trong trong sáu mươi ức ngựa trắng
Tính toán xoay xử lập ngựa hóa
Phát ra âm thanh nói lớn rõ:
Ngựa ngựa thầy đều tạo lễ bái.
Lúc ấy có ngựa hóa ở giữa
Đều tiến lên trước cùng lễ bái
Nhưng ngựa trong đàn đều lễ theo
Sau khi hành lễ như vậy xong.
Ngựa hóa trách nhỏ lỗi đáng giết
Các ngựa lại đều phục tùng hóa
Điều nguyện Thường Tín đều thành tựu
Tâm hoàn toàn không có lo ngại.
Thường Tín lại khởi ý niệm này
Nhưng ngựa này đều từ ta hóa
Trừ bớt số vàng bạc tiền hao tổn
Tạo tác nghiệp thiện thay báo xấu.
Xương nói với các ngựa như vậy:
Lắng nghe! Lắng nghe! Các súc sinh
Thân ta cùng thân như các người
Nơi đời quá khứ tâm không hối.

Tạo đủ tất cả nghiệp chướng ác
Cũng nô cũng ngựa sinh xứ này
Luôn tất cả thời không tự tại
Bệnh khổ bức bách, đói lạnh loạn.
Không được một chút an vui kia
Nếu trong đời này không hành thiện
Đời sau cũng nhận báo như vậy
Tiếp tục không có hạn xuất ly.
Những súc sinh các ngươi như nên
Trừ xứ cung đức nuôi sống mình
Đói khát chốc lát cảm vui dài
Ta người có tâm xét muốn tu.
Không để thời gian luống trôi qua
Huống các người là thân súc sinh
Hình xấu tâm đục lúc nào tu?
Như nên theo ta hóa không nghịch.
Trong nước ấy có chim thù thắng
Tên gọi Nhã Âm Thanh Giác Ngộ
Tiếng chim này không thể nghĩ bàn
Người nghe tiếng kia cảm đại bi.
Bấy giờ, sáu mươi ức ngựa kia
Nghe những lời Thường Tín nói xong
Đồng thời phát tiếng buồn khóc lớn
Đến suốt mười ngày không dừng dứt.
Âm vang của đàn ngựa như vậy
Cùng chim Nhã Âm Thanh Giác Ngộ
Bình đẳng bình đẳng không sai biệt
Lúc này, Thường Tín, ngựa đều vui.
Trăm lạng vàng phân làm hai phần

Một phần dùng làm vật sinh trưởng
 Một phần dùng làm phần phước điền
 Phần phước điền năm mươi lạng vàng.
 Tạo một tượng Phật bằng kim cương
 Gồm có sáu mươi ức tượng Phật
 Thứ nhất trên hết: Đại Bạch Mã
 Danh xưng Trường Nghiêm Tạp Sắc Kiến.
 Thường Tín cùng các ngựa đều chết
 Trong đời thứ hai thấy làm người
 Đồng một quyển thuộc không lìa nhau
 Xuất gia học đạo dốc tu hành.
 Sáu mươi ức người xuất gia kia
 Đều gọi Mã Minh không tên khác
 Thuận theo quá khứ lập tên gọi
 Thường Tín quá khứ nay Thích Ca.
 Sáu mươi ức ngựa trắng thời kia
 Nay là sáu mươi ức Mã Minh
 Ngựa đầu thứ nhất Tạp Sắc Kiến
 Trong thời nay chính là thân tôi.
 Trong đời thứ ba cũng thân người
 Theo Thế Tôn hành hạnh Bồ-tát
 Trong đời thứ tư cũng được người
 Theo Thế Tôn tu hạnh nhẫn nhục.
 Lần chuyển trải qua năm trăm đời
 Trong đời tiếp do nhân duyên sân
 Làm thân rắn nặng chịu khổ lớn
 Nơi đời tiếp làm thân cá lớn.
 Trong đời tiếp cũng thọ thân rắn
 Dùng thân rắn đến nơi Thế Tôn

Gieo mình sám hối khởi hồ then
 Dùng kệ tỏ ý phát tâm lớn.
 Trong đời tiếp được đồng phân người
 Theo Thế Tôn phát nguyện hệ thuộc
 Tức Thế Tôn phát nguyện như vậy:
 Ta nếu thành giác đạo viên mãn.
 Tuyên thuyết trăm ức Tu-đa-la
 Lợi ích rộng lược khắp chúng sinh
 Tôi thì tạo thế nguyện như vậy:
 Tạo trăm Bộ Luận giải thích rõ.
 Phân lợi ích rộng lược chúng sinh
 Như tiếp sau trải qua nhiều đời
 Thế Tôn đầy đủ hành biển nhân
 An trụ vị Sơn Vương pháp giới.
 Tôi cũng dần dần tu hành nhân
 Chứng nhập địa Bất động thứ tám
 Tôi tức đi đến chỗ Thế Tôn
 Cúi đầu đánh lễ đứng một bên.
 Bây giờ, Đức Thế Tôn liền bảo:
 Ta nhớ vô lượng kiếp xa xưa
 Ông Ta cùng trụ trong một xứ
 Phát nguyện tạo nhân duyên hệ thuộc.
 Như hợp ông tạo tác luận giáo
 Sau Ta diệt độ hưng chánh pháp
 Tôi tức lại đánh lễ vâng mạng
 Hường Thế Tôn thừa rõ như vậy:
 Con nay không biết pháp tạo luận
 Nhã tối đều không có thông hiểu
 Duy nguyện Thế Tôn vì kẻ mê

Mở rõ pháp tạo tác luận giáo.
 Bây giờ, Đức Thế Tôn bảo tôi:
 Lành thay! Lành thay! Người thiện nam
 Lắng nghe! Lắng nghe! Khéo suy niệm
 Ta sẽ vì ông phân biệt nói.
 Nay thiện nam! Pháp tạng chư Phật
 Vô lượng vô biên kiếp không nói
 Vô cùng tận cũng không phân hạn
 Biến pháp tạng vô lượng như vậy.
 Nếu luận giảng rộng hoặc nói lược
 Điều thâm hợp đủ trì trọn vẹn
 Đấy gọi pháp tạo tác luận giáo
 Tôi cũng còn nghi lại thưa thỉnh:
 Biến pháp môn vô lượng vô biên
 Con nay chưa đủ biến phước trí
 Ở trong vị học chưa cứu cánh
 Điều thâm trọn vẹn trì sao được?
 Bây giờ Thế Tôn nói với tôi:
 Biến lớn pháp môn tuy vô lượng
 Có Tông Bản pháp thâm vô lượng
 Nếu thâm đủ Tông Bản pháp này.
 Gọi là gồm thâm các pháp tạng
 Tôi cũng lại tác bạch như vậy:
 Thế nào gọi là Tông Bản pháp?
 Số lượng ấy có thể nhận biết?
 Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói:
 Nói là thể của Tông Bản pháp
 Là biến lớn ba mươi bốn pháp
 Nếu có luận giả đủ pháp này.

*Gọi là viên mãn đại hải luân
 Nếu có luận giả không gồm đủ
 Gọi là một phần tiểu Trí Luận
 Do nhân duyên chính yếu như thế.
 Tôi nay dựa ba mươi bốn pháp
 Thâu đủ an lập nêu trọn vẹn
 Phạm loại nhân duyên tuy vô lượng
 Nói chung lược nêu là như vậy.*

** Thứ 40: Phần Đại Quyết Trạch khuyến trì lưu thông phát đại nguyện hải.*

Như vậy là đã nói về Phần Đại Quyết Trạch về việc hiển thị nhân gốc quyết định chứng thành trừ nghi sinh tín. Tiếp theo là nói về Phần Đại Quyết Trạch về việc khuyến hành trì lưu thông phát khởi biển đại nguyện. Tương ấy là thế nào?

** Kệ viết:*

*Nguyện Luận này biển lớn viên mãn
 Khắp trong trần cõi không nghĩ bàn
 Sinh vô lượng mặt trời Bát nhã
 Tiêu trừ vô biên vô minh ám.
 Chuyển tạo thành biển cả Tam bảo
 Không pháp nào không tạc công đức
 Chẳng thỉnh cầu cảm ứng khắp nơi
 Chẳng khuyến khích tự nhiên thành tựu.*

HẾT - QUYỂN 20

SỐ 1670/2 (Bản A: 2 quyển)
KINH NA TIÊN TỶ KHEO

Hán dịch: Mất tên người dịch. Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

QUYỂN THƯỢNG

Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ Đà – Cấp Cô Độc thuộc nước Xá Vệ. Bấy giờ các Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chư thiên, các quan lớn, các trưởng giả, dân chúng cũng những kẻ thờ chín mươi sáu thứ đạo, gồm hơn vạn người, ban ngày đã ở trước Đức Phật lắng nghe kinh, Đức Phật tự nghĩ: Chúng nhân đã nhiều ngày nghe thuyết giảng kinh, nhưng hiện Ta cảm thấy thân không được an. Ý của Phật là muốn tạm lìa lánh đại chúng ở đây để đến một chốn vắng vẻ, an tọa, suy niệm về đạo. Đức Phật liền rời khỏi đại chúng này, đi vào núi, đến khoảng giữa đám cây rậm. Những cây ấy đều lớn, có thần ngạ. Đức Phật an tọa bên cội cây, suy niệm về đạo. Cách vùng cây này không xa có bầy voi chừng năm sáu trăm con, giữa có Tượng vương hiền thiện, nhận biết sự việc thiện ác, ví như con người. Bầy voi rất nhiều vây quanh bên Tượng vương. Những con voi nhỏ chạy chiếm chỗ trước trong vũng nước, chạy đùa chọn nơi ngâm mình trong nước khiến nước đục ngầu. Những con voi nhỏ lại chạy chiếm chỗ trước để ăn cỏ tươi, chạy đùa giẫm đạp trên cỏ. Tượng vương thấy sự việc như thế thì đâm lo. Những con voi này cùng đám voi nhỏ kia đã tranh chọn chỗ lặn hụp trong nước khiến nước quá đục, khiến cỏ không còn sạch. Nhưng lại thường đối phải uống nước quá đục,

ăn cỏ đã bị giẫm đạp. Tượng vương tự nghĩ: Ta muốn bỏ đám các voi này đi đến một nơi chốn để lánh xa chúng há chẳng là vui thích sao? Tượng vương tức thì bỏ đàn voi mà đi, chuyển đi vào núi, tới đầu khoảng cây rậm rạp. Tượng vương trông thấy Đức Phật an tọa bên gốc cây, tâm rất hoan hỷ, liền đến trước chỗ Phật, cúi đầu quỳ gối, vì Phật làm lễ, rồi lui lại đứng qua một bên. Đức Phật tự nghĩ: Ta bỏ chúng nhân đến ở nơi khoảng cây này. Tượng vương cũng bỏ chúng voi đi đến vùng cây này, nghĩa ấy là cùng hợp. Đức Phật vì Tượng vương nói kinh, bảo: Phật ở trong loài người là tối tôn. Tượng vương ở trong loài voi là tối tôn. Đức Phật nói: Tâm Ta cùng với tâm của Tượng vương là cùng thích hợp. Nay Ta cùng Tượng vương đều an vui nơi khoảng cây rậm này. Tượng vương nghe kinh, tâm ý tức mở, hiểu, nhận biết ý Phật. Tượng vương liền xem qua chỗ Phật, giả cho như là xứ kinh hành, dùng vòi lấy nước rưới lên đất, dùng vòi quặp lấy cỏ quét đất, dùng chân giậm lên đất khiến bằng phẳng. Tượng vương thưa: Sớm tối xin thừa sự Phật như thế.

Về lâu sau, Đức Phật nhập Niết-bàn, Tượng vương không biết Đức Phật hiện ở đâu, vì đi vòng khắp tìm kiếm Phật không được, nên kêu khóc rơi lệ, ưu sầu không vui, không thể ăn uống. Thời ấy trong nước có tự xá Phật dựng ở trên núi tên là chùa Già-la-hoàn, có khoảng năm trăm Sa-môn thường ở trong chùa ấy, đều đã đắc đạo quả A-la-hán, luôn lấy các ngày mùng tám, mười bốn, rằm, hai mươi ba, hai mươi chín, ba mươi trong tháng để tụng kinh đến sáng. Lúc ấy, Tượng vương cũng tìm đến dừng lại ở trong ngôi chùa trên núi kia. Tượng vương nhận biết trong tháng có sáu ngày tụng kinh, nên tới ngày ấy sẽ đi vào trong chùa nghe kinh. Các vị Sa-môn biết ý của Tượng vương muốn nghe kinh, nên khi sắp tụng kinh đều cùng nhau chờ Tượng vương đến mới tụng. Tượng vương nghe kinh đến sáng không ngủ, không nằm, không lay động. Tượng vương thường được nghe kinh trong thời gian

thừa sự Đức Phật. Về sau, Tượng vương do thọ mạng hết nên qua đời, liền hóa làm người, làm con trai sinh vào gia đình Bà-la-môn. Do về sau, tuổi đã lớn nhưng không được nghe kinh Phật, cũng không thấy Sa-môn, bèn bỏ nhà đi vào núi sâu cầu học Dị đạo, dừng ở trên núi. Gần đấy cũng có một Đạo nhân Bà-la-môn, cùng ở tại núi ấy. Hai người đều qua lại, cùng xem là hiểu biết nhau. Một người kia tự suy niệm: Ta không thể ở nơi thế gian treo theo sầu khổ già bệnh, sau khi chết sẽ đi vào trong địa ngục, súc sinh, ngã quỷ, bần cùng. Do đấy nên Ta muốn cạo bỏ râu tóc mặc cà sa nhằm cầu đạo A-la-hán – Nê hoàn. Một người còn lại thì tự suy nghĩ, nói: Ta nguyện muốn cầu làm Quốc vương được tự tại, khiến dân chúng trong thiên hạ đều theo giáo lệnh của Ta như vậy.

Về lâu sau, hai người đều mạng tận, cùng sinh làm người ở thế gian. Một người kia trước cầu làm Quốc vương, sinh nơi vùng bên biển, làm Thái tử của Quốc vương, tự là Di Lan. Một người kia, đời trước muốn cạo tóc làm Sa-môn cầu đạo A-la-hán – Nê hoàn, thì sinh nơi Thiên Trúc, tự là Đà Lạp, cùng có cà sa gắn với thịt xương kia cùng sinh vào nhà ấy. Có một con voi lớn đồng sinh cùng ngày. Người Thiên Trúc gọi voi là Na, nên cha mẹ bèn đặt tên cho con trai vừa sinh là Na Tiên. Năm mươi lăm mươi sáu tuổi, Na Tiên có người cậu ruột tên là Lâu Hán, học đạo làm Sa-môn, tài cao hiểu biết rộng, thế gian không người sánh. Đã được đạo A-la-hán. Có thể ra khỏi nơi không có kẽ hở, vào nơi không có lỗ trống, biến hóa tự tại, không gì là không làm được. Dân chúng trong khắp trời đất cùng cả loài vật thân mềm cử động, tâm đã khởi niệm tức đều dự biết: Sinh thì từ đâu đến, chết thì hướng tới đường nào. Na Tiên đi đến chỗ người cậu ruột, tự nói như vậy: Con vui thích đạo Phật, muốn làm Sa-môn, xin được làm đệ tử của cậu. Lâu Hán thương xót bảo: Há có thể theo Ta làm Sa-môn chẳng! Liên đồng ý cho làm Sa-di thọ mười giới, ngày ngày tụng kinh, tư duy

về kinh giới bèn được bốn thiên, đều nhận biết về chỗ chính yếu của các kinh.

Thời ấy, trong nước có Tự xá Phật tên là chùa Hòa Đan, trong chùa có năm trăm Sa-môn, đều đắc đạo quả A-la-hán. Nơi số này có vị A-la-hán đệ nhất, tên là Át-ba-viết, có thể nhận biết về sự việc của quá khứ, hiện tại, vị lai trong khắp thiên hạ. Na Tiên năm được hai mươi tuổi, liền thọ Kinh Giới Đại Sa-môn, bèn đi đến chùa Hòa Đan, tới chỗ A-la-hán Át-ba-viết. Lúc này, năm trăm vị A-la-hán vừa dùng ngày mười lăm để nói về Giới Kinh của Đại Sa-môn. Tại Thượng tọa của giảng đường, các Đại Sa-môn đều đi vào, Na Tiên cũng ở trong số ấy. Các Sa-môn đều an tọa. Át-ba-viết tất xem qua các Sa-môn trong tòa ngồi đều là A-la-hán, riêng Na Tiên thì chưa đắc A-la-hán. Át-ba-viết nói: Ví như hạt gạo được nêu lên thì hạt gạo đúng là đều trắng nhưng trong đây có hạt gạo đen, tức việc nêu lên chưa tốt. Nay nơi tòa ngồi của chúng ta đều là trắng, thanh tịnh, riêng Na Tiên thì đen vì chưa đắc A-la-hán. Na Tiên nghe Át-ba-viết nói như thế thì rất ưu sầu, liền đứng dậy, vì năm trăm Sa-môn làm lễ rồi đi ra. Tự nghĩ: Ta không nên an tọa trong tòa ngồi ở đây. Ví như trong chúng sư tử mà có chồn, chó. Từ nay trở về sau, Ta nếu không đắc đạo thì không vào ngồi trong tòa này. A-la-hán Át-ba-viết nhận biết ý của Na Tiên, nên đưa tay xoa nơi đầu của Na Tiên, nói: Ông không lâu sẽ đắc đạo A-la-hán, chớ nên sầu buồn. Rồi để Na Tiên ra đi. Na Tiên lại có một vị thầy tuổi đã chín mươi tám, tên là Ca-duy-viết. Trong số đệ tử của Ca-duy-viết có một Ưu-bà-tắc thuộc loại rất hiền thiện, hàng ngày dâng cơm cho Ca-duy. Na Tiên lại được thầy sai mang bát đi đến nhà Ưu-bà-tắc kia để nhận cơm cùng thức ăn. Vị thầy khiến Na Tiên một ngậm nước rồi đi làm công việc nhận cơm cùng thức ăn. Ông Ưu-bà-tắc ấy thấy Na Tiên còn trẻ nhưng đoạn nghiêm, so với nhiều người thì rất khác. Có tên tuổi, trí tuệ rộng xa, có chí, có thể thuyết giảng kinh đạo. Ưu-bà-tắc thấy Na Tiên

thì đi tới trước, chấp tay làm lễ rồi nói: Hàng ngày dâng cúng cơm cho các Sa-môn đã lâu, nhưng chưa từng có vị nào vì tôi thuyết giảng kinh. Tôi nay theo Na Tiên cầu xin, vì tôi thuyết giảng kinh, cởi mở tâm ý tôi. Na Tiên tự suy nghĩ: Ta nhận lời khuyên dạy của thầy khiến miệng mình ngậm nước không được nói. Ta nay nếu nhổ nước ra là phạm điều dạy chính của thầy. Như vậy thì phải làm thế nào? Na Tiên nhận biết Ưu-bà-tắc này cũng là người có tài có chí, nếu Ta vì ông ấy giảng nói kinh, tin tưởng tức sẽ đắc đạo. Na Tiên bèn nhổ nước ra, trở lại an tọa, vì gia chủ thuyết giảng kinh, nói: Người nên bố thí tạo phước thiện, phụng hành kinh giới Phật, sau khi qua đời, sinh nơi thế gian tức được phú quý. Người không phạm kinh giới thì về sau không còn vào trong các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, không còn vào trong cảnh bần cùng khổ cực, mà được sinh lên xứ trời. Ưu-bà-tắc nghe Na Tiên giảng nói kinh, tâm vô cùng vui mừng. Na Tiên nhận biết Ưu-bà-tắc tâm rất hoan hỷ, liền lại vì ông nói kinh. Vạn vật nơi thế gian đều phải đi qua, không có gì là thường hằng. Những hành tác đều là khổ nhọc. Muôn vật đều không được tự tại. Còn đạo Nê hoàn thì không sinh không già, không bệnh không chết, không sầu không não. Các hành khổ ác đều được diệt trừ...

Na Tiên giảng nói kinh xong thì vị Ưu-bà-tắc liền đắc quả thứ nhất là Tu-đà-hoàn. Na Tiên cũng đắc quả Tu-đà-hoàn. Vị Ưu-bà-tắc hết sức vui mừng nên cúng dường cơm và thức ăn cho Na Tiên rất thịnh soạn. Na Tiên nói với gia chủ: Trước hết là lấy cơm cùng thức ăn đặt vào bát dành cho thầy mình. Na Tiên thọ thực xong bữa thì rửa ráy, súc miệng, đầu đầy xong xuôi rồi mang cơm cùng thức ăn trở về trao cho thầy. Thầy nhìn Na Tiên, nói: Hôm nay ông mang cơm cùng thức ăn ngon về, nhưng do phạm phải điều chính yếu của chúng nhân, nên phải trục xuất ông ra khỏi đây. Na Tiên rất buồn lo, không vui. Vị thầy bảo: Nên họp các Tỳ-kheo Tăng. Chư vị Tỳ-kheo Tăng cùng đến họp, đều an tọa. Vị thầy nói: Na

Tiên đã phạm vào điều chính yếu của chúng nhân là chúng ta ở đây, tức phải trục xuất, không khiến còn ở trong chúng. A-la-hán Át-ba-viết thì nói nên dừng sự việc này lại. Vì kinh nói ví như người dùng một mũi tên bắn trúng hai mục tiêu. Na Tiên tự đắc đạo, cũng lại khiến ông Ưu-bà-tắc kia đắc đạo. Vậy không nên trục xuất. Sư Ca-duy-viết thì cho: Giả sử một mũi tên bắn trúng đến trăm đích thì cũng vậy thôi. Chúng hội cho là đã phạm điều chính yếu của chúng nhân, không được dừng. Những người khác trì giới không thể đắc đạo như Na Tiên, nếu bắt chước theo Na Tiên thì sẽ dứt tuyệt sự việc về sau. Trong chúng tọa đều im lặng. Vị thầy chỉ dạy liền cho trục xuất Na Tiên. Na Tiên cung kính, đầu mặt sát đất, đánh lễ nơi chân thầy Ca-duy-viết rồi đứng dậy, vì khắp các Tỳ-kheo Tăng làm lễ xong xuôi, sau đấy thì ra khỏi chùa, đi vào núi sâu, an tọa bên dưới một tàng cây. Ngày đêm tinh tấn tư duy về đạo không chút biếng trễ, tự thành tựu đắc đạo quả A-la-hán, có thể bay đi, có thể thấy nghe thấu suốt, nhận biết tâm của người khác đầy khởi niệm thiện ác. Lại tự nhận biết các sự việc đã trải qua của đời trước, từ đâu sinh đến.

Đắc quả A-la-hán rồi, Na Tiên bèn trở lại chùa Hòa Đan, đến chỗ các Tỳ-kheo, đầu mặt đánh lễ sám hối về lỗi ngày trước, cầu xin hòa giải. Các Tỳ-kheo Tăng đều đồng ý. Na Tiên làm lễ xong xuôi, liền ra khỏi chùa, lần lượt đi tới các phố thị, các xóm làng nơi các quận huyện xa gần, vì người thuyết giảng kinh giới, chỉ dạy mọi người làm thiện. Trong số ấy, có người thọ năm giới, đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, đắc quả A-na-hàm. Có người xuất gia làm Sa-môn, đắc quả A-la-hán. Chư vị Thiên vương như Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương đều đi đến trụ xứ của Na Tiên cung kính tác lễ. Na Tiên liền vì chư thiên thuyết giảng kinh. Danh tiếng truyền khắp các nơi chốn. Những xứ Na Tiên đến hành hóa thì dân chúng, chư thiên, long, quỷ thần v.v... thấy Na Tiên thấy đều hoan hỷ, đều được phước thiện. Na Tiên bèn

chuyển đến nước Xá Kiệt thuộc Thiên Trúc, dừng trụ trong chùa Tiết-đề-ca. Có một người là bạn cũ hiểu biết nhau ở đời trước, sinh nơi vùng ven biển, làm con của Quốc vương, tên là Di Lan. Di Lan từ nhỏ đã ưa thích đọc kinh, học theo dị đạo, đều nhận biết kinh pháp của dị đạo, luận bàn nêu vấn nạn thì người của dị đạo đều không thể thắng. Phụ vương của Di Lan thọ mạng hết, Di Lan được lập làm vua nối ngôi cha. Vua hỏi các quan phò tá túc trực bên vua: Trong nước này, các đạo nhân, dân chúng, người nào có thể cùng với Ta đối đáp biện giải các vấn nạn về kinh đạo chăng? Quan phò tá tâu: Có người học Phật đạo, người đời gọi là Sa-môn. Vị ấy trí tuệ diệu đạt, có thể cùng với vua đối đáp, biện giải các vấn nạn về kinh đạo. Ở phương Bắc nước Đại Tần, nước tên là Sa Kiệt, là cung điện của vua xưa. Nước ấy, trong ngoài an ổn, dân chúng đều thiện.

Vương thành của nước đó, bốn phương đều có đường đi lại thông hợp, các cửa thành đều có văn khắc chạm. Nước ấy cùng với các tiểu quốc khác đều có nhiều bậc cao minh. Y phục của dân chúng thường dùng là vải lụa năm sắc Côn Hoàng (Đôn Hoàng?). Đất đai nước ấy cao ráo, châu báu rất nhiều. Khách buôn tứ xứ đến đây mua bán đều dùng tiền vàng. Ngũ cốc trong nước dồi dào. Những gia đình thấp kém cũng có lúa thóc cất chứa, luôn được an vui. Còn vua Di Lan thì dùng chánh pháp trị nước. Vua là hạng tài cao nhiều trí, luôn hiện rõ mưu kế sáng nơi việc quan, binh thuật chiến đấu không gì là không thông đạt. Có thể nhận biết về chín mươi sáu thứ đạo. Điều nêu hỏi là không cùng tận, người vừa mở lời liền dự biết về nơi chốn đi đến. Vua nói với các quan tả hữu: Ở vùng này nên có Sa-môn thông hiểu kinh, có thể cùng với ta biện giải về kinh, thuyết giảng đạo chăng? Hai quan hầu cận bên vua tên Triêm Di Lợi (Devamantiya) và Vọng Quần (Mankura) cùng tâu: Có Sa-môn tên là Dã Hòa La thông hiểu kinh đạo, có thể cùng với đại vương biện luận về kinh nghĩa. Vua tức thì sai hai ông này

đi đến mời Dã Hòa La, nói: Đại vương muốn gặp Đại sư. Dã Hòa La thưa: Vua muốn cùng gặp, là điều rất tốt, nhưng xin nhà vua nên tự đi đến đây, còn tôi thì khỏi vào hoàng cung. Triêm Di Lợi và Vọng Quần trở về tâu lại vua sự việc như thế. Vua bèn lệnh cho xa giá và năm trăm quân kỵ cùng đi vào chùa để gặp Sa-môn Dã Hòa La. Trước là hai bên cùng vãn an rồi an tọa. Năm trăm quân kỵ tùy tùng cũng đều an tọa. Vua hỏi Dã Hòa La: Sư do những gì mà từ bỏ nhà cửa vợ con, cạo tóc mặc cà sa làm Sa-môn? Chỗ mong cầu của Sư là những đạo nào? Dã Hòa La đáp: Chúng tôi theo học Phật đạo, hành trung chánh, ở nơi đời nay được phước thiện, nơi đời sau cũng được như vậy. Thế nên tôi đã cạo tóc, mặc cà sa làm Sa-môn. Vua hỏi: Nếu có hạng bạch y ở tại nhà, có vợ con, hành trung chánh, thì ở nơi đời nay có được phước thiện kia, nơi đời sau cũng được phước thiện kia chăng? Dã Hòa La thưa: Hàng bạch y ở tại nhà, có vợ con, hành trung chánh, thì ở nơi đời nay được phước, nơi đời sau cũng được phước kia. Vua nói: Vậy Sư không nên từ bỏ nhà cửa vợ con cạo tóc mặc cà sa làm Sa-môn làm gì! Dã Hòa La im lặng vì không thể đáp lại lời vua. Quan hầu cận vua tâu: Vị Sa-môn này là bậc hữu trí, thông hiểu rộng, chỉ vì thời gian quá cấp bách nên ngôn từ không kịp hiện bày. Các quan hầu cận vua đều đưa tay lên nói: Đại vương được thắng. Dã Hòa La im lặng nhận lấy phần thua. Các quan tả hữu của vua quay lại xem qua, thấy các Ưu-bà-tắc vẻ mặt đều không hiện sự hổ thẹn. Vua tự nghĩ: Các Ưu-bà-tắc này, vẻ mặt không hổ thẹn gì cả, vậy là còn có Sa-môn thông sáng vững chắc, có thể cùng với Ta biện luận nêu vấn nạn. Vua nói với cận thần Triêm Di Lợi: Chắc là còn có Sa-môn trí sáng có thể cùng với Ta biện giải về kinh đạo, chứ không phải là không có.

Về Tỳ-kheo Na Tiên, thì ông là thầy của các Sa-môn, nhận biết về chỗ chính yếu của các kinh, khéo thuyết giảng về mười hai Phẩm Kinh, giải thích về vô số dị biệt nơi chương đoạn câu, biết

rõ đạo Nê hoàn, không có người nào có thể cứu xét, không ai có thể hơn. Trí tuệ như sông biển, có thể hàng phục chín mươi sáu thứ đạo, được các đệ tử Phật luôn kính ái, dùng kinh đạo để giảng dạy trao truyền. Na Tiên đi đến nước Xá Kiệt, số đệ tử cùng đi theo lại đều là hàng cao sáng. Na Tiên như sư tử dũng mãnh. Quan hầu cận Triêm Di Lợi tâu vua: Có Sa-môn tên là Na Tiên, trí tuệ vi diệu thông tỏ phần chính yếu của các kinh đạo, có thể giải biện những chỗ nghi ngờ của nhiều người, không gì là không thông suốt. Vị ấy tất có thể cùng với đại vương luận kinh nói đạo. Vua hỏi Triêm Di Lợi: Xét kỹ là có thể cùng với Ta cùng luận bàn về kinh đạo chăng? Triêm Di Lợi tâu: Vị ấy thường cùng với Phạm thiên là chủ của tầng trời thứ bảy luận về kinh nói đạo, hướng chi là đối với vua nơi nhân gian. Vua Di Lan bèn sai Triêm Di Lợi đi thỉnh Na Tiên đến. Triêm Di Lợi phụng mạng đi đến trụ xứ của Sa-môn Na Tiên, thưa: Đại vương của tôi muốn cùng với Sa-môn tương kiến. Na Tiên nói: Như vậy là rất tốt! Liên cùng với đệ tử tùy tùng đi đến vương sở. Vua tuy chưa từng thấy Sa-môn Na Tiên ở giữa đám đông, mặc pháp phục, bước đi, so với người thường thì rất khác biệt, nhưng từ xa, vua nhìn thấy như đã lờ mờ nhận biết Na Tiên. Vua tự nhủ: Ta, trước sau nơi sự việc đã trải qua, rất nhiều lần nhìn thấy đám đông, cũng rất nhiều lần đi vào chốn có nhiều tòa ngai lớn, chưa từng tự biết lo sợ như hôm nay trông thấy Na Tiên. Hôm nay Na Tiên nhất định thắng Ta. Tâm Ta cứ như lo lo không an. Triêm Di Lợi đến trước vua tâu: Na Tiên đã mở lời là sớm đến. Vua liền hỏi Triêm Di Lợi: Người nào đang đi tới kia là Na Tiên? Triêm Di Lợi nhân đấy đã chỉ rõ cho vua. Vua tức thì rất hoan hỷ, cho rằng chính Ta đã ngầm có ý ấy. Na Tiên liền đến chỗ vua. Vua Di Lan nhân đấy tiến ra phía trước, cả hai vị đều cùng nói lời thăm hỏi nhau. Vua càng thêm vui vẻ, theo đấy cùng an tọa đối nhau.

Sa-môn Na Tiên nói với vua: Kinh Phật nói: Người an ổn là lợi lớn bậc nhất. Người biết đủ là giàu có lớn bậc nhất. Người có

tin tưởng là dày tốt lớn bậc nhất. Đạo Nê hoàn là an lạc lớn bậc nhất.

Vua Di Lan bèn hỏi Na Tiên: Thầy có quý danh là gì? Na Tiên thưa: Cha mẹ đặt tên tôi là Na Tiên. Mọi người gọi tôi là Na Tiên. Có khi cha mẹ gọi tôi là Thủ La Tiên. Có khi cha mẹ gọi tôi là Duy Ca Tiên. Do đấy nên nhiều người khác đã nhận biết về tôi. Người thế gian đều có sự việc như vậy.

Vua hỏi Na Tiên: Thế thì cái gì là Na Tiên? Đầu là Na Tiên chăng? Thưa: Không phải. Mắt tai mũi miệng là Na Tiên chăng? Thưa không phải. Má, cổ, vai, cánh tay, tay chân là Na Tiên chăng? Thưa không phải. Đùi vế, cẳng chân là Na Tiên chăng? Thưa không phải. Nhan sắc là Na Tiên chăng? Thưa không phải. Khổ vui là Na Tiên chăng? Thưa không phải. Thiện ác là Na Tiên chăng? Thưa không phải. Thân là Na Tiên chăng? Thưa không phải. Gan, phổi, tim, lá lách, ruột, dạ dày là Na Tiên chăng? Thưa không phải. Nhan sắc, khổ vui, thiện ác, thân tâm hợp, sự việc ấy nên là Na Tiên chăng? Thưa không phải. Không có nhan sắc, không có khổ vui, không có thiện ác, không có thân tâm hợp, không có sự việc ấy nên là Na Tiên chăng? Thưa không phải. Âm thanh, tiếng vang, hơi thở nên là Na Tiên chăng? Thưa không phải.

Vua lại hỏi: Vậy những gì gọi là Na Tiên? Tỳ-kheo Na Tiên hỏi vua: Thưa đại vương! Cái gì gọi là chiếc xe? Trục xe là xe chăng? Không phải là xe. Bầu trục giữa bánh xe là xe chăng? Không phải là xe. Các tấm xe là xe chăng? Không phải là xe. Vành bánh xe là xe chăng? không phải là xe. Cái tay xe là xe chăng? Không phải là xe. Cái ách xe là xe chăng? Không phải là xe. Kiểu xe là xe chăng? Không phải là xe. Lọng xe là xe chăng? Không phải là xe. Tụ hợp các thứ cây gỗ, tạo tác theo một khuôn mẫu, nên là xe chăng? Không phải là xe. Âm thanh là xe chăng? Không phải là xe.

Na Tiên lại hỏi: Vậy những gì gọi là xe? Vua Di Lan im lặng không đáp. Sa-môn Na Tiên nói: Thừa đại vương! Kinh Phật nói: Tụ hợp các thứ cây gỗ v.v... dùng để làm ra xe, nhân đấy được mang tên là xe. Con người cũng như vậy: Tụ hợp đầu mắt mắt tai mũi miệng, cổ trước cổ sau, vai, cánh tay, xương thịt, tay chân, phổi gan tim, lá lách, thận, ruột, dạ dày, nhan sắc, âm thanh, tiếng vang, hơi thở, khổ vui, thiện ác, hợp làm một con người. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

Vua Di Lan lại hỏi: Thầy có thể cùng với tôi nêu vấn nạn về kinh thuyết giảng về đạo chăng?

Na Tiên đáp: Như khiến đại vương làm người trí để hỏi thì tôi có thể cùng đáp với đại vương. Nếu đại vương làm bậc vương giả để hỏi, hoặc làm kẻ ngu để hỏi, thì tôi không thể cùng đáp.

Vua hỏi: Làm người trí để hỏi, làm bậc vương giả để hỏi, làm kẻ ngu để hỏi, là những loại gì?

Na Tiên đáp: Lời nói của người trí là cùng đối nhau, cùng cất vấn, cùng nói về các phần trên dưới cao thấp. Lời nói có hơn thua tức tự nhận biết. Đó là lời nói của người trí. Lời nói của bậc vương giả thì tự ý phóng túng, nếu người đối đáp dám có kiến giải trái ngược không như ngôn thuyết của vương giả, tức thì dùng sức mạnh của quyền lực để trách phạt. Đó là lời nói của bậc vương giả. Còn lời nói của kẻ ngu, tức nói dài thì không thể tự nhận biết, nói ngắn cũng không thể tự nhận biết, chỉ bướng bỉnh tự cho là đắc thắng. Đó là lời nói của kẻ ngu.

Vua bảo: Xin dùng ngôn thuyết của người trí, không dùng ngôn thuyết của bậc vương giả và ngôn thuyết của kẻ ngu. Chớ nên mang ý tưởng của bậc vương giả cùng với ta luận bàn. Nên như cùng với các Sa-môn luận bàn. Nên như cùng với các đệ tử luận bàn. Nên như cùng với các Ưu-bà-tắc luận bàn. Nên như cùng với

vị Cấp sử luận bàn. Nên dùng tướng để khai ngộ. Sa-môn Na Tiên nói: Rất tốt!

Vua nói: Tôi muốn có điều thưa hỏi. Na Tiên thưa: Đại vương cứ hỏi.

Vua nói: Tôi đã hỏi rồi. Na Tiên thưa: Tôi cũng đã đáp rồi.

Vua nói: Thầy đáp những lời gì cho tôi? Na Tiên thưa: Đại vương hỏi về tôi những lời gì?

Vua nói: Tôi không hỏi gì cả. Na Tiên thưa: Tôi cũng không đáp gì cả.

Vua tức nhận biết Na Tiên là hạng đại minh tuệ. Vua nói: Tôi, vào lúc đầu định nêu ra nhiều câu hỏi. Nhưng ngày lại sắp hết, xin hẹn vào sáng mai sẽ thỉnh thầy vào trong Hoàng cung (* Như vậy lần gặp gỡ đầu tiên này đã diễn ra bên ngoài Hoàng cung. *Vương sở* ở đây có thể là một trạm dừng chân của vua ở ngoại thành), sẽ cùng nhau luận bàn biện giải về kinh đạo.

Quan hầu cận Triêm Di Lợi, Vọng Quần cùng thưa với Sa-môn Na Tiên: Trời tối rồi, Đại vương phải trở về cung. Sáng mai, Đại vương của chúng tôi sẽ xin thỉnh Đại đức vào Hoàng cung. Na Tiên nói: Như thế là rất tốt.

Vua Di Lan liền vì Sa-môn Na Tiên làm lễ rồi lên ngựa trở về cung. Trên lưng ngựa, nhà vua vẫn tiếp tục nghĩ về Sa-môn Na Tiên. Đến sáng hôm sau, Triêm Di Lợi, Vọng Quần cùng với các quan tả hữu tâu vua: Nên thỉnh Sa-môn Na Tiên chăng? Vua bảo: Nên thỉnh.

Triêm Di Lợi, Vọng Quần tâu: Người thỉnh, nên khiến cùng với bao nhiêu Sa-môn cùng đi theo vị ấy? Vua bảo: Tùy ý Sa-môn Na Tiên cùng với bao nhiêu Sa-môn đi theo cũng được.

Quan chủ kho tên là Xan liền tâu vua: Bệ hạ nên khiến Sa-môn Na Tiên cùng với mười vị Sa-môn cùng đi theo là đủ. Đến ba lần, quan chủ kho đều tâu như thế.

Vua nổi giận bảo: Vì sao lại giới hạn số vị Sa-môn cùng đi với Sa-môn Na Tiên như thế? Vua nói: Người tên là Xan, thật không trái với việc quá tham tiếc vật dụng của vua như là vật dụng của chính mình. Nên biết vì sao người dám nghịch với ý ta, là sẽ có tội đáng trách phạt. Nhưng vì có thể nói là đáng thương, ta tha tội cho người đấy. Ta nay làm Quốc vương mà không kham nổi việc cúng dường cơm cho các Sa-môn sao? Quan chủ kho Xan vô cùng sợ hãi không dám tâu gì nữa.

Triêm Di Lợi và Vọng Quân đi đến trụ xứ của Sa-môn Na Tiên, làm lễ rồi thưa: Đại vương của chúng tôi xin thỉnh Đại đức. Na Tiên nói: Đại vương của các ông nên khiến tôi cùng với bao nhiêu Sa-môn cùng đi?

Hai vị cận thần của vua Di Lan thưa: Tùy ý Đại đức cùng với bao nhiêu vị Sa-môn cùng đi cũng được. Na Tiên bèn cùng với tám mươi Sa-môn có cả Đại sư Dã Hòa La cùng đi.

Hai vị cận thần của vua Di Lan kia cho là còn sớm, nên trong thời gian sắp vào thành, nơi giữa đường đi đều thưa hỏi Sa-môn Na Tiên: Hôm qua, đổi nơi vua, Đại đức nói là không có Na Tiên. Vì sao thế?

Na Tiên hỏi Triêm Di Lợi, Vọng Quân: Theo ý ông thì cái gì là Na Tiên? Triêm Di Lợi, Vọng Quân thưa: Tôi thì cho hơi thở ra vào nơi mạng căn ấy là Na Tiên.

Na Tiên hỏi: Hơi thở của con người một lần đi ra không còn trở vào thì người ấy đâu thể còn sống?

Triêm Di Lợi, Vọng Quân nói: Hơi thở ra không còn trở vào thì người đó nhất định là chết.

Na Tiên bảo: Như người thổi kèn lá, hơi thổi đi ra không còn trở vào. Như người mang kim loại đã được giũa sạch, dùng ống trúc thổi lửa, hơi thổi đi ra một lúc, đâu được còn trở vào chẳng?

Triêm Di Lợi – Vọng Quần thưa: Không còn trở vào.

Na Tiên bảo: Hơi thổi cùng đi ra không còn trở vào, riêng người vì sao không chết?

Triêm Di Lợi, Vọng Quần thưa: Khoảng giữa của hơi thổi thì chúng tôi không biết. Xin Đại đức vì chúng tôi giải thích.

Na Tiên nói: Luồng hơi của hơi thổi đều là sự việc ở trong thân. Như người tâm có điều suy niệm, lưỡi vì đấy nói ra thì đó là sự việc của lưỡi. Ý có chỗ nghĩ, tâm nghĩ về điều ấy, đó là sự việc của tâm. Tức các sự việc đều có chủ. Phân tích thì thấy là hoàn toàn không có Na Tiên (*Câu này là dựa theo Bản B để dịch*). Triêm Di Lợi – Vọng Quần nghe nói như thế, tâm tức thì mở, hiểu, bèn xin làm Ưu-bà-tắc, thọ năm giới.

Na Tiên liền đi trước vào cung, đến chỗ của vua Di Lan trên điện. Vua tức bước ra trước, vì Na Tiên làm lễ rồi trở lui. Na Tiên an tọa. Tám mươi vị Sa-môn đều cùng an tọa. Vua tự tay mang cơm cùng thức ăn đặt nơi bàn trước Na Tiên. Các bàn ăn dành cho chư vị Sa-môn kia cũng được bày biện đầy đủ. Thọ trai xong thì rửa tay súc miệng đâu đấy xong xuôi, vua Di Lan liền ban tặng cho các Sa-môn mỗi vị một bộ cà sa may sẵn bằng vải lông mịn, một đôi giày da. Ban tặng cho Na Tiên và Đại sư Dã Hòa La mỗi người ba bộ cà sa và một đôi giày da.

Vua nói với Na Tiên cùng Dã Hòa La: Chỉ để lại mười vị Sa-môn, số còn lại thì xin cho trở về bản tự. Sự việc đi ở ổn định rồi, vua lệnh cho các quý nhân, kỹ nữ ở hậu cung đều hiện diện ở trên điện, ngồi bên trong màn lắng nghe vua cùng Sa-môn Na Tiên luận bàn về kinh đạo. Các quý nhân kỹ nữ thấy đều tuân lệnh vua. Lúc

ấy, vua Di Lan cho người chuyển tòa ngồi của mình để vua an tọa phía trước Na Tiên.

Vua hỏi Na Tiên: Nên nói về những gì? Na Tiên thưa: Đại vương muốn nghe những lời chính yếu. Vậy nên nói về những điều quan trọng. Vua nói: Các thầy cho điều gì là thiện hơn hết? Do gì nên làm Sa-môn? Na Tiên thưa: Chúng tôi muốn dứt trừ những khổ não của thế gian, để đời sau không còn nhận lấy khổ não nữa, vì vậy nên làm Sa-môn. Vua hỏi: Các Sa-môn đều như thế chẳng? Na Tiên đáp: Không hẳn đều do như thế nên làm Sa-môn. Vì trong ấy có người vì nợ nần nên làm Sa-môn. Có người vì sợ phép nước nên làm Sa-môn. Có người vì bần cùng nên làm Sa-môn. Na Tiên nói: Ở đây, tôi chỉ nói về những người muốn thoát khỏi mọi khổ não của ái dục, diệt trừ khổ sở của đời này, chí tâm vì đạo mà làm Sa-môn thôi. Vua nói: Nay thầy do đấy nên làm Sa-môn chẳng? Na Tiên đáp: Tôi ngay từ lúc tuổi nhỏ đã làm Sa-môn vì có kinh Phật giảng nói rõ. Vì thế, muốn dứt trừ khổ não của đời này và đời sau nên làm Sa-môn. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

Vua hỏi: Như có người chết rồi, sau đấy *lại sinh* (Phục sinh: Paṭisandahati) nữa chẳng? Na Tiên thưa: Nếu người có ân ái, tham dục thì đời sau tức *lại sinh* làm người. Nếu người không còn tham dục ân ái thì đời sau tức không *lại sinh* nữa. Vua hỏi: Con người do nhất tâm nhớ nghĩ về chánh pháp, thì đời sau không còn *lại sinh* nữa chẳng? Na Tiên thưa: Con người nhất tâm niệm chánh pháp, trí tuệ cùng sự việc thiện khác, thì nơi đời sau không còn *lại sinh* nữa. Vua hỏi: Người do tâm thiện nhớ nghĩ về chánh pháp cùng với người tuệ sáng, hai sự việc này về nghĩa là đồng chẳng? Na Tiên thưa: Hai sự việc ấy về nghĩa đều khác, không đồng. Vua nói: Sáu loài súc sinh như bò, ngựa v.v... đều tự có trí mưu, nhưng tâm kia không đồng chẳng? Na Tiên thưa: Đại vương từng thấy người gặt lúa mạch chẳng? Tay trái nắm lấy cây lúa, tay phải dùng liềm

cắt đứt. Người trí tuệ đoạn dứt ái dục, ví như người gặt lúa mạch vậy. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

Vua lại hỏi Na Tiên: Những gì là các sự việc thiện khác? Na Tiên thưa: Thành tín, hiếu thuận, tinh tấn, niệm thiện, nhất tâm, trí tuệ, đó là các sự việc thiện. Vua nói: những gì là thành tín? Na Tiên đáp: Thành tín cởi mở chỗ nghi của con người. Tức tin có Phật. Tin có kinh pháp. Tin có Tỳ-kheo Tăng. Tin có đạo quả A-la-hán. Tin có đời này, tin có đời sau. Tin có cha mẹ. Tin làm thiện thì được thiện. Tin tạo ác thì bị ác. Tin có, là do trừ lìa năm ác nên về sau tâm liền thanh tịnh. Những gì là năm ác? Đó là: (1) Dâm dật. (2) Giận dữ. (3) Ham thích nằm ngủ. (4) Ca nhạc. (5) Nghi ngờ. Người không trừ bỏ năm thứ ác ấy thì tâm ý chẳng tịnh. Trừ bỏ năm thứ ác ấy thì tâm liền thanh tịnh. Na Tiên nói: Ví như vua Già Ca Việt, cả đoàn xe ngựa người tùy tùng đều để nguyên như vậy băng qua sông khiến nước đục ngầu, do cùng băng qua để đi. Vua bị khát muốn được nước uống. Vua có viên ngọc Thanh thủy, để trong nước thì nước liền trong suốt, vua tức có được nước trong để uống. Na Tiên lại nói: Tâm của người có năm thứ ác như nước đục. Đạo vượt thoát sinh tử của các đệ tử Phật, khiến tâm người thanh tịnh như là ngọc Thanh thủy. Người thành tín trừ bỏ các ác, được thanh tịnh như ngọc Minh nguyệt. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

Vua lại hỏi Na Tiên: Người thành tín tinh tấn là thế nào? Na Tiên thưa: Các đệ tử của Phật tự cùng thấy trong Tăng chúng đồ chúng của mình, nói về các thứ thanh tịnh, trong ấy có người đắc đạo Tu-đà-hoàn, có người đắc đạo Tư-đà-hàm, có người đắc đạo A-na-hàm, có người đắc đạo A-la-hán. Nhân nơi mong muốn cùng đạt hiệu quả nên hành theo thành tín tức được đạo vượt khỏi thế gian. Na Tiên nói: Ví như trên núi có mưa lớn, nước mưa ấy tuôn xuống vùng hạ lưu rộng lớn, người ở hai bên bờ cùng không nhận biết về mực nước sâu cạn, nên sợ không dám băng lên phía trước.

Nếu có người từ phương xa đến, trông thấy nước, ngầm biết về chỗ rộng hẹp sâu cạn của nước, tự nhận biết về sức của mình có thể đi vào nước, tức băng qua được để đi. Đám người ở hai bên bờ liền theo sau để lội qua. Các đệ tử của Phật cũng như thế. Tâm người thanh tịnh, liền vì đạo Tu-đà-hoàn đắc đạo Tu-đà-hàm, đắc đạo A-na-hàm, đắc đạo A-la-hán. Tâm thiện tinh tấn đắc đạo như vậy, kinh Phật nói rõ: Người có tâm thành tín, có thể tự đắc độ. Người thế gian có thể tự chế ngự, loại trừ năm dục. Người tự nhận biết về những khổ não của thân, là có thể tự độ thoát. Người đều dùng trí tuệ để thành tựu đạo đức kia. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

Vua lại hỏi Na Tiên: Những gì là hiếu thuận? Na Tiên thưa: Những người thiện đều là hiếu thuận. Na Tiên nói: Có bốn sự thiện, là chỗ dừng trụ của tâm ý. Những gì nói là bốn chỗ dừng trụ của tâm ý? Đó là: (1) Tự quán xét về ngoại nội trong thân. (2) Nhận biết về ý khổ vui. (3) Nhận biết về tâm thiện ác. (4) Nhận biết về chánh pháp. Na Tiên nói tiếp: Lại có bốn sự việc. Những gì là bốn? Đó là: (1) Chế ngự ý kia. (2) Có các sự việc ác thì không cho vào trong tâm. (3) Trong tâm có sự ác tức loại bỏ ra để cầu tìm các thiện. (4) Trong tâm ấy có sự thiện thì nên ngăn giữ khiến không buông mất. Na Tiên nói: Lại có bốn sự, tự tại mong muốn hành tác. Đó là: (1) Trừ bỏ dục. (2) Tinh tấn. (3) Chế ngự tâm. (4) Tư duy. Na Tiên nói: Lại có năm sự đạt công hiệu. Đó là: (1) Thành tín. (2) Hiếu thuận. (3) Tinh tấn. (4) Tận tâm niệm thiện. (5) Trí tuệ. Na Tiên nói: Lại có bảy sự để trừ bỏ các ác, gọi là bảy thiện, cũng gọi là bảy giác ý. Lại có tám thứ đạo hành, cũng gọi là A câu chi. Phạm là ba mươi bảy phẩm kinh đều lấy hiếu thuận làm gốc. Na Tiên nói: Phạm người mang đội vật nặng đi đến phương xa sờ dĩ đi đứng vững vàng đều nhờ nơi mặt đất. Năm thứ lúa thóc của thế gian, cây cối mọc ra, hướng lên trời, đều do đất sinh. Na Tiên nói: Ví như người thợ giỏi muốn tạo dựng một thành lớn, trước tiên phải ước lượng về phần cơ bản xong, rồi mới tạo dựng thành.

Na Tiên nói: Ví như muốn tạo một nền đất để thi tài, thì trước phải dọn sạch chỗ đất ấy rồi mới làm. Đệ tử của Phật cầu đạo, trước là hành trì kinh giới, tạo nhân thiện, nhận biết về khổ nhọc để trừ bỏ các ái dục, liền suy niệm về tám thứ đạo hành. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

Vua lại hỏi Na Tiên: Những gì là tinh tấn? Na Tiên đáp: Trợ giúp cho thiện, đó là tinh tấn. Na Tiên nói: Ví như những bờ tường cao thấp sắp bị ngã thì theo hai bên để chống đỡ. Nhà cửa sắp bị nghiêng đổ cũng lại phải chống đỡ. Na Tiên nói: Ví như Quốc vương điều khiển quân binh, có nơi vây đánh, nếu quân binh thiếu, yếu thì mong muốn không như ý. Vua lại sai quân binh đi đến trợ lực, liền được thắng. Người có các thứ ác như là quân binh yếu kém. Người giữ vững tâm thiện tiêu trừ tâm ác, ví như Quốc vương tăng thêm quân binh được thắng trận. Người giữ năm giới ví như chiến đấu được thắng. Đó là tinh tấn trợ lực cho thiện như vậy. Na Tiên lại nói: Kinh nêu rõ tinh tấn đã trợ lực, đưa người đến đạo thiện. Người thiện đã đi đến thì không có kỳ hạn trở lại. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

Vua lại hỏi Na Tiên: Những gì là các sự việc thiện nên nhớ nghĩ của ý? Na Tiên thưa: Ví như giữ lấy hương hoa thì dùng sợi dây tơ kết hợp buộc lại khiến gió không thể thổi tan. Na Tiên lại nói: Ví như người giữ kho của nhà vua nhận biết về số vàng bạc, châu ngọc, lưu ly v.v... trong kho có bao nhiêu, để ở những chỗ nào v.v... Na Tiên nói: Đạo nhân lúc muốn đắc đạo thì niệm về ba mươi bảy phẩm kinh, ý nhớ nghĩ về Phật đạo nên theo đúng như thế. Đó gọi là người tu đạo cầu giải thoát có ý nhớ nghĩ. Nhân nhận biết thiện ác, nhận biết về chỗ nên làm, tư duy để nhận biết riêng về đen trắng, sau đây liền bỏ ác theo thiện. Na Tiên nói: Ví như vua có người canh giữ cửa, nhận biết có những người được vua tôn kính, tạo lợi ích cho vua, nhận biết có những kẻ không được

vua tôn kính, không tạo lợi ích cho vua. Về những người được vua tôn kính, tạo lợi ích cho vua thì cho vào bên trong. Đối với những kẻ không tôn kính, không tạo lợi ích thì không cho vào. Người giữ vững ý cũng như thế. Các thứ thiện thì nên thâm nhận. Các thứ bất thiện thì không thâm nhận. Người có ý niệm chế ngự thiện ác là như vậy. Na Tiên nói: Kinh nêu rõ người nên tự giữ vững ý của mình, cùng đối với sáu thứ ái dục của thân phải giữ lấy ý hết sức vững chắc, tự sẽ có lúc đạt được đạo giải thoát. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

Vua lại hỏi Na Tiên: Những gì gọi là nhất niệm? Na Tiên đáp: Các thiện riêng có nhất tâm là bậc nhất, hơn hết. Người có nhất tâm thì các thiện đều tùy thuận. Na Tiên nói: Ví như thêm bậc của lầu gác phải có chỗ vịn dựa. Các thứ đạo thiện đều gắn liền với nhất tâm. Ví như nhà vua đem bốn thứ quân binh đi chiến đấu. Khi vua xuất hành thì các thứ quân binh như tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh đều trước sau theo đây. Kinh Phật nói sự việc thiện đều tùy theo nhất tâm như thế. Na Tiên lại nói: Kinh nêu rõ: Nơi các thiện thì nhất tâm là chủ. Người học đạo tuy có rất nhiều thứ nhưng đều nên quy về nhất tâm. Thân người sống chết đi qua cũng như dòng nước chảy trước sau cùng theo nhau. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

Vua lại hỏi Na Tiên: Những gì là trí? Na Tiên đáp: Trước đã đối nơi vua nói rõ, là người trí đoạn trừ các nghi, làm sáng tỏ về các thiện. Ví như đem đèn cháy sáng đi vào trong căn nhà tối tăm thì tối tăm liền mất, tức sự tối tăm ấy đã tự sáng rõ. Người trí cũng như thế. Ví như người dùng đao bén chặt cây. Người dùng trí cắt đứt các thứ ác cũng như vậy. Na Tiên nói: Người ở nơi thế gian thì trí là bậc nhất, là hơn hết, vì người có trí tức có thể giải thoát khỏi các khổ của sinh tử. Vua nói: Lành thay! Lành thay! Trước sau đã nêu bày về kinh với nhiều thứ loại trí, thiện.

Vua lại hỏi Na Tiên: Kinh Phật chỉ nhằm hướng đến việc trừ bỏ các thứ ác chẳng? Na Tiên đáp: Đúng là kinh Phật đã nói về vô số các thiện, là chỉ muốn trừ bỏ tất cả các thứ ác. Ví như nhà vua phát khởi bốn thứ quân binh Tượng Mã Xa Bộ để đi chiến đấu. Lúc mới phát khởi, lên đường, thì ý chỉ muốn tấn công quân địch. Kinh Phật nói về vô số các thứ thiện như thế, là chỉ nhằm cùng công phá, loại trừ các thứ ác. Vua nói: Lành thay! Lành thay! Nói về kinh như thế là rất thích.

Vua lại hỏi Na Tiên: Tâm người hướng tới đường thiện ác, nối tiếp giữ lấy thân nên *thần* (Thần thức) hành sinh chẳng? Lại đổi lấy thần khác để hành sinh chẳng? Na Tiên thưa: Cũng không phải là thần của thân cũ, cũng không lìa bỏ thần của thân cũ. Na Tiên hỏi vua: Đại vương vào thời còn nhỏ, thời bú sữa, thân ấy đến thời trưởng thành là nối tiếp thân cũ hay là không phải? Vua đáp: Thời còn nhỏ thân khác. Na Tiên nói: Người ở trong bụng mẹ, đầu tiên là thời tùy tinh (Thụ tinh), đến thời tinh đục (Bào thai) thì tinh cũ đâu có khác. Cứng chắc là thời thịt xương thì tinh cũ đâu có khác. Thời mới sinh ra, đến thời được mấy tuổi thì tinh cũ đâu có khác. Như người học viết chữ thì người bên cạnh đâu có thể thay cho công sức của người kia chẳng? Vua đáp: Không thể thay cho công sức ấy (*). Na Tiên nói: Như người đối với pháp luật có tội nói với vua, vua không thể giải thích, nhận biết. Vua bảo: Như người đem hỏi thầy thì thầy giải thích như thế nào? Na Tiên thưa: Tôi thì về thời còn nhỏ từ một đứa bé con đến khi lớn khôn là nối tiếp, là thân cũ. Thời lớn cùng thời nhỏ hợp làm một thân, mạng căn ấy đã nuôi dưỡng. Na Tiên hỏi vua: Như người thắp đèn cháy sáng thì đèn ấy có cháy đến khi trời sáng không? Vua đáp: Người thắp đèn cháy sáng, nếu có tim đèn, dầu đầy đủ thì đèn cháy đến lúc trời sáng. Na Tiên nói: Tim đèn trong đèn từ lúc đầu đêm nối tiếp là tim đèn cũ luôn cháy sáng chẳng? Đến lúc giữa đêm, đến lúc sáng thì đèn cháy sáng kia là ánh sáng của ngọn lửa cũ chẳng?

Vua đáp: Không phải là ánh sáng của ngọn lửa cũ. Na Tiên nói: Thắp đèn cháy sáng, từ đâu đêm đến nửa đêm, thì lại thắp cháy sáng lần nữa chẳng? Lúc trời vừa sáng thì lại thắp cháy sáng lần nữa chẳng? Vua đáp: Không phải thế. Nửa đêm lại thắp sáng là nối tiếp sự cháy sáng cũ tức một tim đèn đã cháy đến khi trời sáng. Na Tiên nói: Tinh thần của con người lần lượt cùng nối tiếp như thế. Một là đi, hai là trở lại. Từ tinh thần đến già chết. Tinh thần sau hướng đến nơi chốn sinh. Lần lượt cùng nối tiếp là không phải tinh thần cũ, cũng không phải lìa tinh thần cũ. Người chết do tinh thần sau mới có hướng đến nơi chốn sinh. Na Tiên nói: Ví như sữa pha nước để làm lạc, làm tô, lấy phần béo ở trên làm đề hồ. Đề hồ so với phần béo ở trên tô, lạc trở lại còn gọi là làm ra sữa nước chẳng? Người kia nói như vậy đâu có thể dùng được? Vua đáp: Người kia nói như vậy là không thể dùng. Na Tiên nói tiếp: Thân của con người như sữa nước. Từ sữa nước thành lạc. Từ lạc thành chất béo. Từ chất béo thành đề hồ. Con người như thế, từ bọt nổi của tinh đến sinh đến trung niên. Từ trung niên đến già đến chết. Sau khi chết thì tinh thần lại thọ thân sinh. Thân người chết rồi nên lại còn sinh thọ một thân. Ví như hai tim đèn lại cùng đốt cháy. Vua nói: Lành thay! Lành thay! (*) (Một đoạn dài từ câu này cho đến (*), văn Hán dịch thiếu chữ, thiếu nghĩa, rất khó đọc, nên Việt dịch không rõ không đạt. Xin tham khảo phần tương đương nơi Bản B ở sau).

Vua lại hỏi Na Tiên: Người không còn sinh nơi đời sau, người ấy đâu có thể tự nhận biết là không còn sinh? Na Tiên thưa: Thật sự là có người có thể tự nhận biết không còn sinh nơi đời sau. Vua hỏi: Do đâu nhận biết? Na Tiên đáp: Người ấy tự nhận biết không còn có ái ân (Tham ái), không còn có tham dục, không có các thứ ác. Do đấy tự nhận biết không còn sinh nơi đời sau. Na Tiên hỏi vua: Ví như người làm ruộng gieo trồng lúa thóc, được mùa nên thu gặt lại cất chứa đầy bồ, đầy lẫm. Đến nơi năm sau không còn

cày cấy gieo trồng nữa, nhưng lại trông mong có được lúa thóc chẳng? Vua đáp: Không còn trông mong có được lúa thóc nữa. Na Tiên nói: Người tu đạo cũng như thế. Đã trừ bỏ ân ái khổ vui, không còn tham dục, thế nên tự nhận biết là nơi đời sau không còn sinh. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

Vua lại hỏi Na Tiên: Người kia, nơi đời sau không còn sinh, thì đối với hiện tại tức có trí khác với người thường chẳng? Na Tiên đáp: Đúng là khác đối với những người thường. Vua nói: Minh cùng với trí là đồng chẳng? Na Tiên thưa: Minh cùng với trí là như nhau. Vua nói: Người có minh, trí đâu có thể đều nhận biết về nhiều sự việc, tạo một sự việc thành năm sự việc chẳng? Na Tiên đáp: Tạo nhiều sự việc đã thành không phải là một. Ví như nơi một mảnh đất gieo trồng lúa thóc, vào lúc lúa thóc kia sinh khởi thì mỗi mỗi đều tự sinh chủng loại. Năm sự nơi thân người đều do nhiều sự việc, đều có chỗ thành. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

Vua lại hỏi Na Tiên: Người ở thế gian, đầu mặt mắt tai, thân thể, bốn chi đều gồm đủ, vì sao có người thì trường mạng, có kẻ thì đoản mạng? Có người thì nhiều bệnh, có kẻ thì ít bệnh? Có người thì nghèo, có kẻ thì giàu? Có người là trưởng giả, có kẻ là thấp kém? Có người thì xinh đẹp, có kẻ thì xấu xí? Có người được người tin tưởng, có kẻ bị người nghi ngờ? Có người thì thông sáng, có kẻ thì tối tăm? Vì sao không đồng? Na Tiên thưa: Ví như các thứ cây cối sinh quả, có thứ thì chua, có thứ thì đắng, có thứ thì cay, có thứ thì ngọt. Na Tiên hỏi vua: Những thứ cây cối này, vì sao không đồng? Vua đáp: Không đồng là vì các thứ cây trồng đều khác. Na Tiên nói: Con người tạo tác, hành nghiệp mỗi mỗi đều khác không giống nhau, thế nên có thọ mạng dài ngắn, có nhiều bệnh ít bệnh, có giàu có nghèo, có sang có hèn, có xinh đẹp có xấu xí, có lời nói tin dùng, có lời nói không tin dùng, có thông sáng có

tôi tằm. Na Tiên nói tiếp: Kinh Phật nêu rõ: Giàu sang bản cùng, đẹp xấu, đều từ chỗ tạo tác thiện ác của túc mạng, tự theo đấy hành tác mà được. Vua nói: Lành thay! Lành thay!

HẾT – QUYỂN THƯỢNG

SỐ 1671/12
KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

Tác giả: Bồ tát Long Thọ soạn tập.

Hán dịch: Đồi Triệu Tống, Sa môn Nhật Xung.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

Quyển 1

*Cung kính lễ chư Phật
Cùng Bồ-tát, Thánh chúng
Hay dùng mắt trí tịnh
Dẫn dắt khắp quần sinh.
Đế Thích đủ ngàn mắt
Đại Tự Tại ba mắt
Và ánh sáng nhật nguyệt
Đều không thể chiếu khắp.
Na-la-diên hai mắt
Biến hiện các sắc tượng
Hàng phục A-tu-la
Cây kiêu mạn sân hận.
Chỉ Phật đủ trí sáng
Diệt ác, trừ ám chướng
Như dùng đuôi chim công
Xua bỏ các độc cấu.
Như Lai, đại trượng phu
Đánh bày tướng bạch hào*

*Bảy vòng hữu thành ốc
 Nhuận thấm rất khả ái.
 Trời, trăng đèn đời sáng
 Che ẩn đều không hiện
 Chư thiên và người đời
 Đều cúng dường xưng tán.*

Nghe những lời này rồi thì muốn làm những gì? Nên đối với lời Phật dạy tôn trọng yêu thích. Ánh sáng của trí kia như ánh đèn chiếu xa có thể phá trừ tăm tối ngăn che của ngu si, thế nên khai thị mắt trí của Phật. Cũng như đám mây lớn có thể tuôn mưa nước ngọt. Như ánh trăng tròn mùa thu có thể dứt trừ nóng bức. Rốt cùng là nhận giữ chánh pháp của chư Phật, tăng trưởng trí tuệ của hết thầy Phật, quyết định thành tựu căn, lực, giác chi. Dứt trừ hai thứ gió sóng nghiệp, hoặc. Không bị sông ái làm cho chìm đắm. Nương theo thuyền chánh pháp để đi đến bờ kia. Đối với các hành như thí v.v... nên khéo tu tập thực hiện. Dùng các thứ ngọc báu đem bố thí để phá trừ lỗi tham lam, thêm lớn nghĩa lợi. Vui giữ tịnh giới, đọc tụng kinh điển. Hành tác những việc như thế rồi, Tỳ-kheo các ông, ở nơi lộng phước kia, mau chóng được viên mãn.

Như lời Phật dạy, nơi mười nghiệp thiện, vì sao không tu tập? Tâm bị tham sai khiến, cũng như kẻ tội tở, thân chấp vương dục lạc, không tỏ ngộ về vô thường, luôn luôn tìm cầu không có ngừng nghỉ. Do ngu si nên sinh ngã mạn. Đối với tiền tài vật báu của mình thì keo kiệt thâm giữ. Thấy những người đến xin liền quay mặt bỏ đi. Chưa từng, trong chốc lát, ở nơi xứ tĩnh lặng, tu trì tịnh giới, hành tập các thiền định, các hành tạo lợi ích cho hữu tình, như Phật đã dạy. Các ông ở trong ấy là không đạt được gì cả.

Lại tiền tài, của cải này đã làm tăng trưởng kiêu mạn, trạo cử, tán loạn, khởi lên nhiều thứ ưu não, sinh ra các sự sợ hãi, ngăn che nẻo thiện. Đây là pháp tan hoại, là pháp đọa lạc, là pháp vô

thường, không có chủ tể, không có chỗ quy hướng nơi đời trước sau, đều không thể được. Hiện tại vui ít, sát-na không trụ giống như cảnh nơi mộng, dọn nắng, huyễn hóa, thành Càn-thát-bà và vòng lửa xoay tròn. Như thân cây chuối kia ở giữa không có thật. Như bọt nổi trên mặt nước, phút chót tan hoại. Người ngu không rõ, mọi thứ đều mong giữ lấy. Do duyên ấy nên khổ nhiều vui ít. Chứa nhóm hết thấy phiền não căn bản, thế nên cần phải khởi tướng không bền chắc, khởi tướng vô thường. Nếu đối trị như thế thì không bị các thứ giặc cướp, nước lửa, thân thuộc quan lại xâm chiếm, tổn hại. Cũng không bị Diêm-ma-la vương kia ăn nuốt, mà nơi đời sau quyết định thành tựu phước báo an lạc lớn. Do dùng tài thí gồm thâu các hữu tình, người này đồng với hoa Cô-mâu-na kia nở rộ tươi tốt trọn vẹn, được nhiều người vui thích nhìn ngắm. Hết thấy tội chướng tích tụ hiện có đều được tiêu diệt trong sát-na. Giống như ngọn lửa mạnh, đốt cháy đồng củi khô, không còn dư sót. Như trong sông Hằng đã rửa sạch các thứ cấu nhiễm khiến đều được thanh tịnh. Như ngọc báu ma-ni tùy ý thành tựu, những người đến xin đều khiến đầy đủ, đều cùng khen ngợi. Đây là nơi chốn nương dựa, tạo sự an lành thù thắng, công đức chân thật, tiếng tốt lưu hành lan xa. Lia các thứ lỗi lầm tai hại, thọ mạng được lâu dài. Rộng tu phạm hạnh thì có thể phá trừ các độc tham, sân, si, các lỗi như tà kiến v.v..., cõi xe công đức, vĩnh viễn không bị đọa lạc. Nếu tâm nhiễm ô đắm chấp nơi cảnh dục, tạo tác hắc nghiệp rồi, thì như thiên tử Nga-ma-na-sa-la, mau chóng chuyển đổi, tạ tội. Nên biết về người nữ, bày rõ điều xấu ác rất đáng nhàm chán. Hữu tình ngu si, tranh giành tham đắm. Kẻ tham đắm dục này ví như người khát nước kia, uống nước mặn, tâm không dùng đủ. Như chặt gốc cây, không lâu tức khô héo. Như dòng thác trên núi đổ xuống, không thể ngăn chặn. Như ở trong hang rắn tức bị nó cắn chích truyền nọc độc. Như viên sắt nóng, chạm vào liền sinh khổ não. Như ăn trái độc, sau tất bị tổn hại. Như sương móc

động trên cỏ lá, không thể dừng lâu. Như đám mây nổi trên trời, tức khắc tan mất. Như dùng cát làm thành thì mau chóng bị hủy hoại. Như lấy đất chưa nung làm đồ dùng, thể của nó chẳng bền chắc. Như cây cung của Đê Thích, không lâu sẽ ỉn mất. Như cối xe hư vỡ, khởi động tức nghiêng đổ. Giống như tấm lưới, chạm vào thì bị trói buộc. Hết thấy tai nạn, dùng làm bạn bè, vì thế bậc Chánh sĩ phải nên lià bỏ.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Nếu đối với năm dục không sinh tham đắm, thì hiện tiền đạt được vô lượng báo an vui. Vị kia tức có thể cắt đứt dòng thác phiền não, cõi thuyền chánh pháp, hay đến bờ kia. Ta ở trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tích tập hành phước, mới có thể đạt được sự biện giải về nghĩa vị phong phú, vì các chúng sinh bình đẳng khai thị. Các người phải đi đến nơi chốn vắng vẻ, tịch tĩnh, đối với những điều đã nêu giảng nên nghiên cứu, tư duy xét chọn. Như ở trong sữa, tìm cầu ô lạc, đề hồ. Đã nhận biết như thế rồi, nên tích tập pháp tài và những vật thanh tịnh để dùng bố thí.

Lại, các Đức Như Lai đã ra khỏi vũng bùn lầy phiền não trong ba cõi, thành tựu thắng đức vô lậu thanh tịnh, tạo phương tiện để chỉ bày pháp tri túc. Như nơi thắng viên lâm, người ở cảm thấy trong lành mát mẻ, lià các thứ nhiệt nã. Khéo tu hạnh này, được sinh lên xứ Phạm thiên. Ta ở chốn này, hết thấy phiền não không thể loạn động, hết thấy sợ hãi thấy đều đoạn trừ. Do duyên ấy nên phá bỏ vòng luân hồi, được thành Chánh giác.

Lại, các Đức Như Lai, đại bi cùng ứng hợp, khéo có thể hàng phục tất cả ngoại đạo. Dùng trí thanh tịnh, quán xét lựa chọn, dùng lời nói dịu dàng thâm nhận chỉ dạy, thí cho sự vô úy, vì thuyết giảng chánh pháp, khiến sinh tín hiểu, phá trừ lưới ma. Ở trong pháp Phật tâm được an trụ. Là bậc đại tượng phu, có thể gầm tiếng gầm của sư tử. Như đại Long tượng, uy đức tôn quý đặc biệt, nổi lên mây sấm lớn, tuôn xuống mưa cam lồ. Giới định vô lậu là hương

diệu huân tu, việc làm của các hữu đều không hư dối. Vì các chúng sinh, tuyên thuyết pháp yếu, lia các phiền não, khiến chúng an vui. Như cây Kiếp-ba, nở hoa mềm mại, pháp dược tối thượng, trừ sạch cấu bản của tâm.

Như Đức Thế Tôn nói, người trì tịnh giới tức có thiện pháp, lia những thứ lo sợ, có được vui thích an ổn. Có thể vượt qua biển khổ, sang đến bờ kia, khéo trừ diệt bốn ma. Đó là ma thiên, ma uẩn, ma tử và ma phiền não. Người này tức có thể thổi loa pháp lớn, đánh trống pháp lớn, đốt đuốc pháp lớn, tâm hoan hỷ thanh tịnh, làm lợi ích cho hết thầy, giáo hóa hàng trời, người, vì làm Phật sự.

Lại, các Đức Như Lai, trong vô lượng kiếp, chứa công tích đức, tu tập trí tuệ, nên có thể thành tựu biện tài vô ngại, bốn pháp vô sở úy, mười loại trí lực, phương tiện thông đạt pháp phần Bồ-đề. Có thể dùng tên trí tuệ trừ diệt các ma oán. Đã hiện chứng đắc các công đức như thế rồi, ở trong ba cõi là bậc nhất tối thượng. Vì chúng hữu tình làm bậc Đại từ phụ.

Lại, các Đức Như Lai, do đầy đủ mười loại trí lực thù thắng hóa độ các ngoại đạo, dùng làm đệ tử. Ở nơi trí tuệ, giới luật của Phật, sinh khởi vui thích mong muốn sâu xa. Chứng Thánh quả đầu tiên là Kiều-trần-như. Có khả năng khơi mở màng mắt ngu si, ám độn, ở trong chánh pháp là bậc thù đặc hơn hết, là Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp. Đối trong các Phạm chí là hàng thượng thủ, uống thuốc pháp Phật, chữa lành bệnh phiền não là Tôn giả Xá-lợi-tử. Có thể dùng móc câu trí tuệ, chế ngự tâm vọng như voi cuồng, có đại thần lực là Tôn giả Mục-kiền-liên. Tu tập đầy đủ thắng hạnh, bước lên thang pháp Phật, ở yên nơi lầu gác giải thoát thanh tịnh là Tôn giả A-nậu-lâu-đà, Tân-đầu-lô, Phả-la-đọa-xà, Ma-ha Câu-hy-la, A-nan-đà v.v... Lại có khả năng hóa độ vua Tần-bà-sa-la, ở trong pháp Phật sinh tin hiểu sâu xa tôn trọng

cung kính, làm đệ tử Phật. Các bậc Thánh giả này đều dùng búa trí tuệ đốn cây duyên sinh, lia các vọng niệm cầu đạt Nhất thiết trí, xả bỏ kiến chấp của ngoại đạo, hàng phục, diệt trừ ngã mạn, đều có thể thành tựu hết thảy công đức.

Nếu ở nơi bốn thứ rắn độc lớn, năm uẩn như xóm làng không người, vọng chấp cho là chủ tử thì không thể giải thoát. Phải dùng gươm tuệ cắt đứt vọng niệm ấy.

Lại mắt trí xem xét cảnh giới của sáu xứ cũng như giặc thù, mười hai xứ v.v... cũng như rừng gai. Người khéo hội nhập nơi hiểu biết, tức không bị lửa dữ của phiền não trong ngoài thiêu đốt, bức bách. Người này chính là khéo trì tịnh giới, trụ nơi địa nhãn nhục, được phần niệm xứ, đầy đủ ánh sáng trí, phá trừ bóng tối vô minh. Vị kia tức có thể uống nước tám Thánh đạo, lại hay khai mở hoa Bồ-đề phần. Đây là khả năng vượt lên lầu gác của ba đời, đoạn trừ các hữu kiết, vào biển trí tuệ, ở nơi đạo tràng Bồ-đề, kiết già an tọa, khéo trụ trong thẳng định vô lậu của bốn thiên, thọ dụng hết thảy pháp lạc vô thượng.

Lại, những kẻ ngu mê hủy hoại phần pháp thiện, vui đắm cảnh giới năm dục của thế gian, như gió chạm mạnh vào sương móc, không thể tồn tại lâu dài. Lênh đênh trong biển khổ không được giải thoát. Thấy cầu đường chánh pháp lại bỏ mà đi xa.

Như trong kinh nói: Xưa có một trưởng giả dòng Bà-la-môn muốn dùng gươm báu sát hại người con gái kia. Cô này chợt trông thấy Đức Như Lai liền lớn tiếng kêu xin Phật cứu giúp, tức được thoát nạn. Lại như Ương-quật-ma-la, muốn sát hại mẹ v.v... Lại có thể hàng phục Phạm chí Trường Trảo, khởi đại ngã mạn, khiến nhập pháp Phật, ngạc nhiên nơi hương vị chánh pháp. Cũng khiến hết thảy những kẻ ngu si, nghe những lời này rồi, xả bỏ kiêu mạn. Cũng như rồng ác, trong lòng chứa các thứ nhiệt não, phun ra khí độc mạnh dữ làm tổn hại lúa mạ. Lại như quỷ Dạ-xoa dùng

mắt hung tợn nhìn khắp trăm ngàn chúng sinh khiến đều bị tổn hại. Như đám thương nhân chìm đắm trong biển lớn, bị loài cá dưới đáy sâu muốn ăn nuốt liền. Các tai nạn hiểm ác đáng sợ như thế, chỉ Đức Như Lai là có thể cứu độ.

Lại như mặt trời, mặt trăng sợ A-tu-la. Thiên chủ Đê Thích sợ đọa vào đường ác. Phạm vương dị chấp, chấp ngã là thường. Những kiến chấp như thế là những nhận thức không chân thật, luân hồi qua lại, thọ nhận những khổ bức bách, khiến nghe chánh pháp, thấy đều được hiểu biết tỏ ngộ, uống vị giải thoát, phá vỡ vô minh, ánh sáng trí tuệ kia như ánh trăng thanh tịnh. Thế nên phải đối với những lời dạy của Đức Như Lai sinh tâm tôn trọng sâu xa, gần gũi Pháp sư, vui nghe chánh pháp, suy xét nghĩa lý chân thật, như lời dạy phụng hành. Giáo pháp của ngoại đạo kia là pháp luân hồi, những bậc có trí nên khéo suy xét.

Lại Đức Thích Tôn Mâu Ni giảng nói pháp cam lồ, là ánh sáng của trí tuệ, phá tan bóng tối của những si mê. Như ở trên ngọn núi cao nhìn xuống muôn vật. Chứa nhóm phi pháp như đắp đồng phân, phải dùng cái xuống trí tuệ mà xúc bỏ đi. Trừ dẹp các thứ ma oán, phá bỏ những dị luận, khiến nhập nơi sự hiểu biết rồi, phát sinh tâm sáng suốt, thấy đều trừ bỏ được những phiền não nóng bức của thân tâm, hết thấy tội ác đều được tiêu trừ hết. Đức Mâu Ni kia nói: Như cái bóng rộng lớn của chiếc lọng, ngăn che mặt trời phiền não mà đạt được mát mẻ. Nếu có thể họa vẽ tạo tác tượng Phật, dùng hương hoa, vòng hoa tùy phần cúng dường, chính là thêm bậc dần dần để được sinh thiên. Vì nương theo lời Phật dạy thì những nghiệp chướng hiện có, chỉ trong sát-na là được thanh tịnh. Thiên định giải thoát đều được hiện tiền. Chẳng phải như ngoại đạo, một đời bỏ không, chẳng có tu đạo gì, khởi nhận thức tà vọng, dựa theo nước sông Hằng, tẩy rửa mong cầu giải thoát. Đã nhận biết như thế rồi, phải nên mạnh mẽ vượt qua

cảnh giới của ma, nắm giữ gương tuệ, phá trừ giấc phiền não, hủy hoại bánh xe sinh tử, xé bỏ lưới triền cái. Đầy đủ mắt trí thanh tịnh, diệt trừ các thứ bóng tối ngu si, dứt tâm tham ái, hàng phục rắn độc sân hận. Đoạn trừ các tà kiến, xô dẹp núi ngã mạn. Ở nơi xứ Phật sinh yêu thích tôn trọng, rải hoa Sa-la cúng dường. Những điều cầu như ý đều được thành tựu. Xa lìa những sự hủy báng, giải thoát khỏi các thứ sợ hãi, an trụ vào chánh lý chân thật của chư Phật lìa tướng sinh diệt, được an lạc tịch tĩnh. Phải nên nhất tâm vui thích mong muốn nghe pháp.

Tôi nghe như vậy: Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ Đà – Cấp Cô Độc thuộc thành Xá Vệ. Bấy giờ, trong chúng hội có hai ngoại đạo, là đại tiên Ca Ty La và đại tiên Ô Lô Ca. Hai vị này xả bỏ tà kiến cũ, tin hiểu Phật trí, khéo trừ diệt si ám, có thể vượt qua biển khổ, đã khởi suy nghĩ thế này: Vì sao Đức Như Lai đã thành tựu được lọng phước công đức rộng lớn thanh tịnh như vậy? Sắc tướng thù diệu như màu vàng ròng, uy nghi đỉnh đặc vọi vọi như núi Tu Di. Ba mươi hai thứ tướng của bậc đại trượng phu và tám mươi thứ vẻ đẹp tùy hình hiện bày rõ ràng. Đoan nghiêm không gì sánh, hết thảy các thứ trần cấu đều không thể nhiễm. Hiện thân một trượng sáu, quang minh chiếu diện. Tận cùng cõi hư không, hoặc ẩn hoặc hiện, không nơi chốn nào là không nhìn thấy khắp. Mắt như cánh hoa sen xanh rộng lớn. Tướng bạch hào ở giữa hai chân mày như trăng tròn mùa thu. Mặt sáng tươi nhuần thấm, vi diệu khả ái. Tóc màu xanh biếc như đuôi chim công. Tướng Đánh đầy phẳng như lọng của vua trời Đế Thích. Tướng nhục kế thanh tịnh như ngọc báu Ma-ni. Toàn thân sắc vàng sáng rực cùng chiếu, tất cả chúng sinh đều vui thích ngắm nhìn, Ví như bày ong hút lấy hương hoa vi diệu. Mỗi mỗi tướng tốt chiêm ngưỡng không chán đủ. Như mùa xuân nở rộ hoa Câu-tô-ma.

Bấy giờ, Đức Như Lai như những tâm niệm của hai vị ngoại đạo kia, dùng mắt trí thanh tịnh, quán xét về tất cả chúng sinh trong vô lượng vô biên thế giới kia, sinh tâm đại từ bi, rồi nói: Thiện nam các ông! Ta ở trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tu tập vô lượng chánh hạnh thanh tịnh, tích tập vô biên phước trí rộng lớn, chẳng phải do một ít nhân mà có thể đạt được. An trụ trong Tạng báu của công đức vô tận, dùng tâm đại bi, quyết định cứu độ vô lượng trăm ngàn chúng sinh nơi địa ngục. Là tướng oán thân, đều khiến dứt trừ khổ não.

HẾT – QUYỂN 1

KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

Quyển 2

Bấy giờ, Thiên chủ Đê Thích, đầu đội mũ báu thù diệu bằng ngọc Ma-ni, từ trời Đao Lợi đi đến chỗ Đức Phật, thấy thân tướng Phật, chung đức trang nghiêm, tâm vô cùng hoan hỷ, được điều chưa từng có, đầu mặt kính lễ nơi chân Phật, Thế Tôn, dùng âm thanh đại thù diệu xưng tán công đức Phật. Nếu các chúng sinh nhìn thấy tướng tốt của Phật, phát khởi tâm hy hữu, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen thì có thể phá trừ được bốn loại nghiệp ma, thành tựu nghĩa lợi, đạt được sự an lành lớn. Các người: Hàng trời, người và các Ma, Phạm đều nên đến đây kính hầu bậc Vô Thượng Tôn. Lúc ấy, có các vị Đại Tiên giữ ánh sáng, Nhật, Nguyệt Thiên tử, các Tinh tú, Thủy thiên, Hỏa thiên, Đa văn thiên. Diệm ma thiên, Đại Phạm thiên, Lực kiên thiên, Na la diên thiên, Bát la nữ ma na thiên v.v... cùng các Long thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Tất-lợi-đa, Tỳ-xá-già, Tắc-kiện-đa v.v... Chúng loại như thế đều cùng nhất tâm, cúng dường, lễ bái, tán thán công đức của Phật: Là bậc xuất thế gian, trí tuệ đệ nhất, danh xưng rộng lớn, không ai là không nghe biết. Các vị Đại Thanh văn như Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... đều không thể hiểu rõ về cảnh giới trí tuệ của Ngài. Từ đỉnh núi Tô-di-lô đến trời Sắc cứu cánh, hết thấy chúng hữu tình đều cùng nhìn kỹ Đức Như Lai, là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Pháp do Ngài tuyên thuyết, ngôn từ không hư vọng, đầu, giữa, sau đều thiện, lời lẽ xảo diệu, nghĩa lý sâu rộng, có thể

phá trừ mọi thứ ngu si ám độn của những chúng sinh vô trí ít hiểu biết, khiến những kẻ kia nghe rồi, sinh khởi giác ngộ lớn, vui thích tu tập chánh hạnh, tăng trưởng tuệ mạng, nhất định thoát khỏi những sợ hãi về đường ác, có khả năng mở được cổng thành Niết-bàn rộng lớn, hội nhập cảnh giới giải thoát không thể nghĩ bàn.

Trong kinh này nói về nhân đầu tiên của lọng phước. Làm sao nhận biết rõ? Đã nghe những lời nêu giảng này rồi, rộng hành bố thí thanh tịnh, kiên trì giới cấm, đối với những dục lạc của thế gian, không sinh tâm yêu thích. Các hữu thiện lợi đều sinh tín thuận. Tu tập như thế thì chóng được thành tựu. Ví như có người, ở trong đêm tối, cầm ngọn đuốc lớn đi vào ngôi nhà rộng, tức ở nơi phương xứ kia đều được thấy rõ. Trong ấy kho tàng châu báu hiện có cùng vô số các loại vật dụng, hoặc tinh hoặc thô, mỗi mỗi đều hiện rõ, đều có thể thọ dụng, đạt được vui thích an ổn. Nếu lại có người, ở trong kinh này, thọ trì đọc tụng, vui nghe nghĩa sâu, gần gũi pháp sư, tư duy như lý, tâm sinh giác ngộ. Nên biết người này có thể ở trong đêm dài sinh tử, cầm đuốc trí lớn, vào thành Niết-bàn. Ở nơi pháp thâm diệu, hoặc lý hoặc sự, tức có thể hiểu rõ, cùng được thông đạt, lia các nghi hoặc, phá trừ si ám, xuất ly luân hồi tâm được giải thoát, có khả năng thọ dụng pháp lạc vô tận.

Như Đức Thế Tôn nói: Thế gian hữu lậu không sinh thắng tuệ, chỉ có đèn chánh trí mới có thể xua trừ si ám. Cho nên bậc trí phải cầu chánh pháp vô lậu xuất thế. Đối với giáo pháp tương ưng với Khế kinh, Luận nghi do Đức Phật thuyết giảng phải khéo quán xét. Như chúng hữu tình tạo phước, phi phước đều nhận báo kia, nhất định không sai lầm. Nên biết thế gian đều do nhân duyên sinh. Nếu không có chúng sinh thì không có phiền não. Nếu không có phiền não thì không có địa ngục. Do đây Ta nay giảng nói pháp nhân duyên, chẳng phải như những dị kiến tà chấp của ngoại đạo: Không nhân, không duyên, sinh tất cả pháp. Những ngoại đạo ấy

chấp rằng gai góc bén nhọn là do ai vót? Các loại lông mao lông vũ của cầm thú thì được ai tô vẽ? Sự việc này là hiển nhiên sao phải nhờ nơi nghiệp nhân? Do đấy nên biết rõ mọi vật hiện có trên thế gian vốn sinh ra từ tự nhiên chẳng cần phải tu tập. Đức Như Lai nhận biết rồi, khởi tâm đại bi, thương xót giáo hóa. Dùng ánh sáng trí tuệ diệt trừ các thứ si ám kia, dần khiến ngộ nhập vào trí nhất thiết trí, xả bỏ tà kiến cũ, ở trong Phật pháp tâm được giải thoát.

Trong kinh này nói, Đức Phật đã chỉ dạy, giảng nói các pháp như bố thí v.v..., có thể xuất ly khỏi luân hồi, được các sự an lạc. Hiện thấy các loại hữu tình ở thế gian, tạo phước, phi phước, thọ báo khổ vui. Như trưởng giả Cấp Cô Độc, phát tâm tịnh tín, dùng ba mươi câu-chi vàng bạc châu báu, dâng cúng Đức Như Lai và các đệ tử, các bậc Đại A-la-hán như Tôn giả A-nậu-lâu-đà để tạo lập tinh xá. Hưng khởi cúng dường lớn, hiện đời đạt được vô lượng phước báo, gồm đủ đại danh xưng, an vui thịnh vượng. Hết thầy kho lẫm thầy đều sung mãn, bạn bè thân thuộc, nô bộc, tùy tùng, đông đúc rộng nhiều đều được trọn vẹn thọ dụng những diệu lạc thù thắng không cùng. Đây là do bố thí nên chiêu cảm quả báo như thế.

Lại, các Đức Như Lai với tâm đại bi thương xót hết thầy chúng sinh, như bậc y vương ở thế gian hay dùng lương dược khéo chữa trị vô số các loại bệnh tật nơi thế gian như phong đàm, hoàng đản v.v... khiến được lành khỏi. Đức Như Lai cũng như vậy, khéo giảng nói thuốc pháp, có thể trừ diệt các thứ phiền não căn tùy của chúng sinh, khiến được giải thoát. Nhưng chúng hữu tình kia không có chủng tử thiện, không có tư lương, không phát khởi chí dũng mãnh, không cầu giải thoát, bị chứng bệnh thâm căn ba độc trói buộc. Người như thế khó có thể hóa độ. Vì vậy Đức Như Lai, tâm đại bi bình đẳng, không có tướng thân oán, trao cho thuốc

pháp khiến chúng hữu tình kia hành trì. Vì chúng nên giảng nói các hành như bố thí, trì giới v.v..., thường phải thọ trì kinh điển thâm diệu.

Lại, thân người kia thật là khó được. Ví như loài rùa mù gặp được bông cây nổi. Siêng tu mười thiện, cầu lìa biên vực khổ. Ví như được thân người, không sinh ra nơi vùng giữa nước, các căn không đủ. Hoặc đối với pháp Phật tâm không yêu thích. Hoặc lại sinh vào thế giới không Phật. Hoặc do nghiệp ác phải chịu quả báo cam ngọng, miệng không thể tuyên đọc chánh pháp của chư Phật. Đối với công đức của Phật không thể nhận biết rõ. Lại, các chúng sinh bị ngu si che lấp, tà kiến mê hoặc tâm, từ bỏ các thiện tri thức, hủy hoại truyền chánh pháp, xô dẹp núi báu chánh pháp, đốn cây trong rừng trí, trốn khỏi thành giải thoát, mở lối ba đường ác. Không thể đi vào chốn hiểu biết tìm cầu tín tâm thanh tịnh. Không thể kiến lập cò pháp chân thật. Đấy tức là thiêu đốt cung điện trong xứ trời. Tích tụ của cải vật báu rộng lớn ở thế gian, tự ý mình giàu có, khởi đại ngã mạn, vô trí ngu si, không khéo quán xét, không tu tuệ thí, cũng không thọ dụng. Bị thứ ánh sáng keo kiệt kia cầm giữ, không tỏ ngộ thân này là nơi chốn khổ của già, bệnh, chết thường theo đuổi. Tạo tác những nghiệp ác, không thể phát lộ. Kể kia trong lúc tuổi trẻ, sắc lực sung mãn, thân hình tươi nhuận, rửa sạch các thứ cấu uế, thường sinh tâm yêu thích. Kịp đến lúc già suy, tay chân run rẩy, da dẻ nhăn nheo, sinh nhiều chấm đen, môi miệng khô cháy, hơi thở gấp gáp, tóc bạc thưa thớt, răng cỏ thưa rụng, mình sinh ghê chốc, da thịt teo gàn, các căn u ám, bết tắc, gân mạch vội co rút lại, đầu chân gàn nhau, bước đi chậm chạp trì trệ, hết thấy phần thân giống như bị buộc giữ. Nơi chốn ý muốn đi đến phải nhờ người dìu đỡ. Ca múa vui chơi không còn nhớ nghĩ. Món ngon vật lạ không còn có thể thưởng thức. Nếu như muốn ăn uống thì yết hầu cũng không thể kham nổi. Mắt xem văn tự nhưng không thể biên biệt. Điều ý muốn dặn dò nhưng ngôn thuyết thì

không rõ ràng. Hơi thở ra vào suy kém, thường không liên tục. Nước miếng nước mắt tự động trào ra, tiểu tiện bản thân. Bụng trướng quặn đau, rên rỉ thê thảm, chỉ còn da bọc xương, nằm bẹp nơi giường, mặt hiện tướng xấu, sinh nhiều sợ hãi. Lúc ấy, có gió thổi chạm phần thân, cũng như kim châm, đau đớn không cùng. Tất cả thầy thuốc đều lắc đầu bó tay. Người này bị vô lượng ưu não thiêu đốt, ái lạc đều là thứ kẻ khác có, của cải châu báu thầy đều bỏ hết. Như lửa sấm sét hủy hoại không còn lại gì. Không cảm giác, không còn hiểu biết gì, hốt nhiên chết đi, trong sát-na đời khác, khiến nhiều người hoảng sợ. Cha mẹ vợ con thân thích nội ngoại, buồn thương rơi lệ, lòng đau như xé, nối nhau kêu gào than khóc: Bỏ tôi đi đâu! Ở nơi đời khác kia, một mình lê bước, giống như người lái buôn non trẻ, không có bạn đồng hành, vào trong đêm tối mịt mờ, đi đến chốn cực hiểm nạn, rớt xuống hầm sâu to lớn, chìm ngập trong biển khổ mênh mông. Không có lối về, không người cứu giúp, không chỗ nương dựa. Sứ giả của Diêm Ma, thần Hắc dạ mẩu trợn mắt, nhe răng, hình dạng xấu xí, rất đáng sợ, giận dữ quát mắng, bắt trời dẫn đi, mau như gió thổi, phút chốc về đến trụ xứ của vua Diêm Ma. Sống không biết quý trọng điều thiện. Chết trở về xứ khổ. Vô số mũi nhọn, từ nơi không trung rơi xuống đâm chém khắp thân, chặt cắt hủy hoại mọi chi phần, mổ tim, cắt lưỡi, máu thịt trộn lẫn tay chân, lóng tay lóng chân, cắt ra quăng bỏ, chỉ còn gân xương, giữ liền không rời, đau đớn vô cùng, tức khắc chết giắc. Gió nghiệp thổi lên, hốt nhiên sống lại. Thọ khổ lâu dài, nghiệp hết mới được thoát.

Nếu các chúng sinh, tín thuận lời Phật, vui tạo nghiệp phước, làm lợi ích an lạc cho hết chúng sinh, theo chỗ cần dùng mà có thể cấp cho. Nơi kẻ rét lạnh thì giúp cho ấm áp. Đối với kẻ buồn bực não hại thì khiến được mát mẻ. Đối với kẻ khát mệt thì lấy nước suối trong thí cho. Đối với kẻ đói khổ thì cho họ những thức ăn uống. Đối với người bị chìm nơi sông sâu thì giúp họ thuyên bè.

Nơi người không có chỗ ở thì giúp họ nhà cửa. Nơi những người nghèo cùng túng cho họ tiền bạc vãi lụa. Nơi những kẻ tranh tụng, kiện cãi, thì khuyên can khiến tạo hòa thuận, Đối với người độc hành thì vì họ cùng làm bạn lữ. Nơi những người bệnh tật thì chỉ cho họ những loại thuốc hay, uống vào tức được khinh an. Đối với kẻ bị rắn độc cắn thì chỉ dẫn họ gia trì mật chú, khiến tiêu trừ nọc độc. Nơi kẻ ỷ thế ngã mạn thì trao cho tuệ kiếm khiến tự điều phục. Nói chung là thấy đều khiến đạt được an ổn, vui vẻ. Nếu có thể thực hiện được như thế, đem lại lợi lạc cho chúng sinh, thì hiện tại liền được phước báo như ý. Ở trong đời khác, chỉ với phước nghiệp này cùng làm bạn lữ, làm nơi trở về, làm chỗ cứu giúp, làm chỗ nương dựa.

Nếu các chúng sinh tập quen nghiệp keo kiệt, đối với phước điền thù thắng không hay thí giúp. Giả như đệ tử của Đức Phật như Tôn giả Ưu-ba-ly tìm đến giáo hóa kẻ kia, thì kẻ ấy tâm cũng không vui, vì không tín phước thí hay chiêu cảm quả báo an lạc, còn chứa nhóm tội ác thì sau tất thọ luân hồi. Như được làm người thì sinh vào giòng họ hạ tiện, hoặc là nhà đồ tể, hoặc nhà hốt phân, chế tạo xe cộ, làm nệm lông, chài lưới, thợ đồ gốm, người làm nông, người dệt vải, thợ cạo tóc, thợ nhuộm, giặt áo, các xứ bất thiện, cơm áo thiếu thốn, rách rưới, làm đầy tớ giúp việc cho kẻ khác, tay chân nứt nẻ, khổ cực nhiều, mong cầu nhiều. Suốt ngày không chút thanh thoi, lại bị nhiều bệnh trói buộc như ghẻ hủi, ung nhọt, bệnh trĩ, ung thư, ho hen, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ, điên cuồng, nóng sốt... Các bệnh như thế, bức bách khiến thân thể đau đớn khó chịu, gầy ốm, tiêu tụy, tay chân co quắp, môi miệng méo lệch, đầu tóc rối bù, hai mắt rơi lệ, xuống sắc cầu xin người, mặc áo rách rưới, kéo lê mà đi. Hoặc lại rơi mắt, cũng không hay biết, khi bị gió thổi, thân thể lỏa lồ. Ngồi nằm trên phần đất, cũng như là tự vui. Tự nhổ tóc mình, không chút hổ thẹn. Nói với kẻ qua người lại: Vì sao nhìn ta? Hoặc cầm đồ đựng hư vỡ đi khắp trong làng,

được chút thức ăn thừa để tự nuôi sống. Vô số ruồi nhặng, tranh nhau bay đến bám hút, trong ngoài đều cấu ứ. Bị mọi người nhòm ghét khinh khi. Do nhân bất thiện đã chiêu tập. Tự mình làm việc ác, lại chỉ dạy người khác làm. Người này thật là cái kho chứa mọi thứ khổ não. Vì vậy Đức Thế Tôn thường dùng tâm đại bi, khởi niệm yêu thương đối với hết thảy, khiến chúng phát tâm, quyết định hối lỗi, chóng được giải thoát khỏi các lỗi lầm xấu ác.

Trong kinh này nói: Chỉ tự mình tự tạo nghiệp phước chánh hạnh thì có thể chiêu cảm quả báo thù thắng giàu vui nơi nẻo trời, người. Thế nên Tỳ-kheo thọ trì kinh này, vì người giảng nói, như thuyết tu hành tức khiến cho lọng phước của mình và người được thành tựu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại rừng trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa do ngu si hết mực đã đem tâm độc ác làm tổn hại pháp Phật, tạo ra trăm ngàn chướng ngại để cản trở nhưng rốt cuộc không thể làm động nơi đầu một sợi lông của Phật. Ông ta tức thì nói với vua A-xà-thế nên ban bố lệnh nghiêm cấm hết thảy người trong thành, không một ai được đi đến chỗ Đức Phật và không cho đem các thứ thức ăn uống cúng dường Đức Phật. Nên biết Sa-môn Cù Đàm kia tức không được gì, tất phải rời bỏ xứ này để đi đến nước khác ở xa. Vua nghe lời ấy, tin tưởng thuận theo. Lúc ấy, những vị Ưu-bà-tắc trong thành, sau khi biết sự việc kia rồi, đều than: Khổ thay! Nay thành Vương Xá này như là không có vua chủ quản! Đức Như Lai ra đời, khó được gặp như hoa Ưu-đàm-bát-la. Vì sao đại vương lại tin nhận theo tà sư, không cho chúng ta đi đến cúng dường? Không bằng lòng cho Đức Như Lai thâm nhận chúng ta? Tôn giả A-nan-đà nghe những lời này rồi, liền đi đến bạch Phật. Đức Phật bảo Tôn giả: Ta đã dự biết rồi. Hà tất phải lo lắng! Ở trong pháp của Ta chưa từng có một đệ tử Thanh văn nào phải chịu thiếu thốn, hưởng gì là thân

Ta? Khi đó, Đức Phật Thế Tôn phóng ra luồng ánh sáng lớn chiếu khắp thành Vương Xá khiến đều được thanh tịnh. Người chạm vào luồng ánh sáng này thân tâm đều được an vui. Lúc này, vua trời Đế Thích nhìn thấy ánh sáng của Phật, bèn dùng thiên nhãn xem xét, biết được nguyên nhân, tức thì phát tâm dũng mãnh, hiện uy đức lớn, làm vị đại Đàn-việt, hưng khởi sự cúng dường lớn.

HẾT – QUYỂN 2

KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

Quyển 3

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn! Kính xin Phật cứ an trụ trong thành Vương Xá này, con sẽ cung cấp các thức ăn uống, y phục, ngọc cụ, thuốc men v.v... không để thiếu thốn thứ gì.

Phật nói: Này Thiên chủ! Hãy dừng sự việc ấy lại. Có nhiều dân chúng dùng tâm thanh tịnh đều muốn đổi với Ta hưng khởi nghiệp phước.

Đế Thích lại bạch Phật: Chỉ mong ở nơi đây an cư năm hạ xin thọ nhận sự cúng dường của con. Nói lời này xong, Đức Phật lại bảo là nên dừng.

Đế Thích lại thưa: Con nay thỉnh Phật xin được cúng dường trong năm ngày. Rất mong Như Lai đại từ nhận lời thỉnh cầu chí thành của con.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thương xót Thiên chủ, vì phước lực hiện tại tức khiến ở đời vị lai, nhân thiện được tương tục, nên đã im lặng chấp thuận, Đế Thích biết Đức Phật đã nhận lời thỉnh cầu, tâm vô cùng hoan hỷ, liền trở về thiên cung, triệu tập các thiên tử là những thợ trời khéo léo nhanh nhẹn, rồi nói với họ: Các khanh nên biết! Ta nay muốn ở nơi vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương Xá, kiến lập đại Tinh xá, lo liệu, sắp đặt chu đáo tứ sự để cúng dường Đức Như Lai và các đệ tử. Các người nên chọn lấy các thứ vật báu như ngọc Ma-ni loại tốt nhất, vàng bạc, lưu ly, san hô, pha lê, để thanh v.v... đi đến vườn trúc kia, xây dựng cung điện

rộng lớn, thanh tịnh đặc biệt. Phải giống như trong cõi trời không có khác biệt. Lúc ấy, các thiên tử đều tận lực, hiển bày sự thiện xảo cùng xây dựng cung điện. Mái hiên, cột kèo, cửa ngõ, lan can, thềm bậc thảy đều dùng các báu trang nghiêm xen lẫn, như ánh sáng của ngàn mặt trời cùng soi chiếu lẫn nhau. Lại dùng các hình chim bằng ngọc báu lạ đẹp, các vòng hoa cài tóc bằng chân châu được chạm trổ công phu, bày biện đan xen khắp. Rồi đốt các thứ hương quý, rải các loại hoa thánbg diệu, hòa quyện xông tỏa ngào ngạt mọi nơi chốn. Lại tạo nên những lầu gác hai lớp cửa, cao sừng sững oai nghiêm, cũng dùng trăm thứ báu để trang trí, các ngọc Ma-ni dùng làm cửa. Các trụ báu, mỗi mỗi đều dùng các thứ báu như kim cương v.v... hợp thành. Vô số các gương báu, sáng sạch, không chút tì vết, được treo trong hư không như trăm ngàn mặt trăng. Lại dùng vàng nung chảy tạo thành giường ba chân. Y phục cõi trời thù diệu dùng để phủ lên trên. Lại chạm khắc thành những thiên nữ đẹp, dung mạo thanh nhã, như có thể đang tới lui qua lại, tay cầm hoa sen dùng để dâng cúng. Dùng báu pha lê lát khắp mặt đất. Lại có hồ ao xinh xắn liền nhau, hoa sen đủ loại nở rộ, vàng rờn lạnh cánh, báu lục làm thân. Vô số thiên nữ an trụ bên trong, biểu diễn các loại kỹ nhạc để cúng dường. Cây cột cờ hiện rõ trên cao, treo đủ các thứ cờ phướn thêu vẽ, như thể xoay quanh không trung, xa gần đều thấy. Lại có các lực sĩ trông giữ cửa ngõ, cầm gậy bằng châu báu xanh, đứng xếp hàng hai bên. Xứ xứ đều trồng nhiều loại hoa như hoa Mạn-đà-la, hoa Long tự tại v.v..., hương thơm tỏa ngát, rực rỡ khắp mặt đất, cánh hoa xanh biếc lấp lánh, luôn luôn hòa quyện với gió thơm. Có các vị thiên tử, hình thể tươi sáng, diện mạo vui vẻ thư thái dạo chơi nghỉ ngơi bên dưới. Lại có các thiên nữ đẹp để không gì sánh, bước đi thong thả, những vòng ngọc đeo nơi thân khuá vang, âm thanh hòa nhã. Các Dược-xoa nữ vui đùa dạo chơi trong rừng, mắt nhìn khắp bốn hướng. Có các voi quý bước chậm chạp trong rừng, giơ vòi cắn cành cây,

thay nhau vui đùa. Các loại chim bay, lông năm màu, vỗ cánh tự nhiên, miệng mở nhụy hoa. Lại dùng những lồng bằng vàng nhốt các chim Anh vũ xinh xắn, tiếng hót của chúng trong trẻo, vui tai. Lưỡi của chúng mỏng như lưỡi gà trong ống tiêu. Lại có nguồn sông trong mát đáng yêu thích. Suối chảy nước tung tóe khiến loài ếch nhái kinh sợ lánh xa. Lại có ao hồ trong sạch rộng lớn, bảy báu xen lẫn bên bờ dùng làm thêm bậc lên xuống. Nước trong hồ đầy tràn, trong lắng, không chút cáu bẩn. Hoa Ưu-bát-la, hoa Cô-mâu-na, trồng dọc hai bên bờ hồ đang hồi nở rộ, màu sắc chen lẫn. Các loài chim phi thủy, chim tứ uyên ương bay lượn rồi đậu trong hồ. Những chú cá đùa giỡn, qua lại tung tăng bơi lội, nhảy vọt lên, lật mình trên sóng. Những chú chim âu, cò trắng, hoảng sợ bay lên. Lại có chim bói cá, chim hạc, chim le, chim nhạn cất tiếng hót véo von, mọi người đều thích nghe. Bốn mặt bờ hồ đều có cây Kiếp-ba, cành mềm mại đung đưa trên mặt nước, tạo ra những luồng gió mát mẻ. Các hoa trồng thành từng đám rậm rạp. Những bụi dây hoa dài nhuần thấm trải khắp, cành lá um tùm, hương thơm lan xa. Có những bầy ong bay dạo, tranh nhau hút nhụy, phát ra những tiếng kêu nhỏ nhỏ giống như tiếng ca ngâm. Lại có sông vàng bao bọc vòng quanh, tuôn chảy vào khu vườn, quanh co, nối liền không dứt. Bảy giờ, dân chúng thay nhau kêu gọi người thân, bạn bè cùng đến xem. Có các tộc họ quyền quý, giàu có, ung dung cùng kẻ tùy tùng cầm lọng trướng, diễu bầy các thứ kỹ nhạc, đủ các món ngon vật lạ, dạo chơi, xem khắp, tâm không nhàm chán. Mặt đất mềm mại như bông Đậu-la. Lốp lốp nối nhau qua lại, chân không mỏi mệt. Vườn rừng rộng lớn thù thắng, hồ ao thanh tịnh như thế, chỉ trừ ở cõi trời, ngoài ra không đâu sánh bằng.

Lúc này các thiên tử là những thợ trời thiện xảo đã làm xong công việc, bèn đi đến thiên cung thừa cùng Đế Thích. Vua trời sau khi nghe bẩm tấu xong, tâm rất vui vẻ, được điều chưa từng có, liền dẫn vô lượng trăm ngàn thiên tử, trước sau vây quanh, tấu các

thứ kỹ nhạc, thổi tiêu, sáo, đánh đàn không hầu, đàn cầm, đàn sắt, cùng lúc hợp diễn, từ nơi không trung đi xuống. Khi ấy, vị Thiên chủ kia, thân phát ra ánh sáng, chiếu khắp các núi sông, thấy đều sáng rõ. Đầu đội mũ Ma-ni, các báu tô điểm lấp lánh, ánh sáng rực rỡ như mặt trời cực sáng. Diện mạo đoan nghiêm, trán rộng bằng thẳng, mắt tròn xanh biếc, mũi dài cao thẳng, hai má tươi mịn, hồng thắm không gì sánh bằng. Tai đeo vòng báu, cổ choàng chuỗi Anh lạc, nhẫn xuyên đều làm bằng ngọc báu lần lượt hiện sắc như ngọc kha, mặt trắng. Hình nghi đĩnh đạc, luôn như tuổi thanh niên. Dài ngắn sung mãn, mỗi mỗi xứng hợp. Dùng hương Công-cô-ma và hương Đa-ma-la-bạt-chiên-đàn xoa lên thân, uyển chuyển mượt mà. Ngón tay thon dài, tròn trịa. Móng tay như lá đồng. Phát ra ngôn từ xảo diệu, trong trẻo vang xa, như tiếng của chim Ca-lăng, người nghe không chán. Lại dùng loại chần da mịn bậc nhất, lấy vàng nghiền nhỏ tô điểm lên trên, dùng đậy làm y phục, lấy các loại ngọc khắc lạ làm dây thắt lưng, đủ thứ châu báu đan xen tạo thành một chốn hội tụ ánh sáng. Lại dùng các loại hoa tươi cõi trời để trang nghiêm thân, quần quanh rủ xuống. Bước đi bằng thẳng giống như tượng vương, tiến dừng ung dung, không cần người phụ trợ. Dân chúng đều cùng chiêm ngưỡng, cung kính. Kẻ ôm giữ sân hận liền sinh tâm hoan hỷ. Kẻ khởi tâm oán ghét liền phát sinh tâm từ bi. Người ưa thích ngủ nghỉ liền đạt được tỉnh táo. Lúc đó, Thiên chủ đi đến vườn trúc kia rồi, xem xét khắp công trình đã hoàn thành, thấy đều như ý, hết sức đẹp dạ, bèn đổi tên gọi cũ Ca-lan-đà thành tên vườn Hoan Hỷ. Kế đến, dùng những tấm thảm nhiều màu thuộc loại thượng diệu, phủ khắp mặt đất. Rồi lấy vàng bạc, chân châu, Ma-ni, đế thanh, lưu ly, báu Mạt-la-ca làm thành pháp tòa cao rộng, cung thỉnh Đức Phật, Thế Tôn an tọa trên ấy. Các loại châu báu làm ghế, để đỡ đôi chân. Dùng chỉ thêu và tơ lụa năm màu nối kết nơi các chỗ ngồi, rồi mời các vị Tỳ-kheo, cũng đều đến an tọa. Thiên chủ Đế Thích chấp tay cung kính tôn

trọng tán thán, đánh lễ nơi chân Phật, bày tiệc gồm đủ món ngon vật lạ nơi cõi trời. Đức Như Lai đưa cánh tay kim sắc như vôi của Tượng vương thọ nhận vật dụng cúng dường. Ăn xong, đặt bát, rửa ráy, súc miệng, an trụ theo uy nghi, tĩnh lặng thanh tịnh. Thiên chủ cùng các quyền thuộc sinh tâm hy hữu, vui muốn nghe pháp, tự ở nơi tòa thấp, chuyên chú chính tề.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng phương tiện lớn, vì đại chúng giảng nói pháp yếu, tán thán các hành như bố thí v.v..., chỉ dạy tạo lợi ích an vui, khiến sinh tâm tín giải.

Thiên chủ Đế Thích cúng dường như thế trải qua bốn ngày. Lúc ấy, vua A-xà-thế, nghe biết sự việc này bèn lên lầu cao nhất trong cung, nhìn xuống xem xét kỹ, trông thấy Đức Phật Thế Tôn và các đệ tử ở trong vườn Trúc Lâm, tịch tĩnh an ổn, trang nghiêm bày lễ cúng dường, hành Phật sự lớn. Quốc vương tức thì tâm sinh tỉnh ngộ, hối lỗi tự trách: Ta thật quá ngu si, vô trí, tạo tội cực nặng như núi Tu Di. Nay Đức Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời, đầy đủ công đức thanh tịnh rộng lớn mà ta không thể tín nhận được sự chỉ dạy. Do nghiệp duyên này, tất bị đọa vào xứ khổ. Các vị thiên tử kia, hãy còn xả bỏ dục lạc thượng diệu nơi cõi trời, đi đến chỗ Đức Phật. Còn ta v.v... vì sao không hưng khởi thiện lợi? Tự nhủ như thế rồi, liền sắp đặt xa giá, đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lễ nơi chân Phật, tâm ôm giữ ưu não rơi lệ khóc than, ăn năn lỗi trước. Khi đó, các cư sĩ nam nữ trong thành Vương Xá đều lớn tiếng xưng lên: Lành thay quốc vương! Ở trong pháp Phật đã đạt được giác ngộ lớn. Chúng tôi hôm nay cũng đồng đạt được lợi ích tốt đẹp. Bấy giờ, quốc vương bèn gióng chuông, ban lệnh, triệu tập hết thầy các đại thần, dân chúng và các quyền thuộc rồi nói với mọi người: Đức Phật xuất thế, chúng ta khó được gặp gỡ. Nay đã được trông thấy, phải nên phát tâm thanh tịnh, cung kính cúng dường, vui nghe chánh pháp. Liền dùng đèn sáng, hoa hương

thượng diệu, hương xoa, hương bột cùng các thứ tràng hoa, châu báu, y phục, các loại vật dụng trang nghiêm để cúng dường. Hành tác sự việc này rồi, tâm hoan hỷ hết mực. Bấy giờ, Đức Như Lai dùng Phạm âm, vì chúng hội lúc ấy, khai thị diễn nói pháp Tứ Thánh Đế gồm Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Vô số chúng người trời, nghe pháp lãnh hội, đạt được nhận thức chân thật. Lúc ấy, Đức Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-kheo: Các ông có thấy chư thiên, dân chúng, nay ở trước Ta, đã thiết lễ cúng dường rộng lớn chăng? Các vị Tỳ-kheo chấp tay đưa lên đánh đầu, tán thán điều chưa từng có: Vâng, chúng con đều đã thấy. Phật nói: Ở trong pháp của Ta, nếu người tâm tịnh, đối với phước nghiệp của kẻ khác, sinh lòng tùy hỷ, nên biết người này được niềm tin bất hoại, gồm đủ mắt trí thanh tịnh.

Này các Tỳ-kheo! Ta nhớ lại trong vô lượng đời ở quá khứ, có Đức Phật xuất thế tên là Bảo Sơn, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, trụ thế thuyết pháp, đem lại lợi lạc cho chúng sinh. Thời ấy có vị quốc vương thỉnh Đức Như Lai kia cùng các đệ tử, trải qua ba tháng Hạ ở trong vương cung, dùng các loại thức ăn uống, y phục, cung kính cúng dường. Từ đấy về sau, dân chúng của vương quốc kia đều đi đến chỗ Phật, thỉnh Phật trong năm năm, bày biện các sự cúng dường, hết thấy những vật cần thiết không gì là không đầy đủ. Này các thầy Tỳ-kheo! Ý các ông thế nào? Vị quốc vương cúng dường Đức Phật thuở xưa kia, nay chính là thân Ta. Do nhân trông từ trước, nay mới thành thực, nên được các chúng trời, người rộng khởi sự cúng dường. Nhân xưa, quả nay, không mấy may sai khác. Do nhân chiêu cảm quả, quả giống như nhân. Ở nơi đây có hiểu biết chân chánh trừ các lưới nghi, quả báo của nghiệp thiện ác nhất định không hư dối, cũng như dòng thác thể mạnh của nó không thể ngăn cản. Tức nghiệp lực kia đều chiêu cảm quả báo nọ. Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới

cùng các uẩn, xứ v.v... tự tạo nhân phước tất thọ quả vui. Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Trải qua trăm ngàn kiếp
 Nghiệp kia không thể hoại
 Lúc nhân duyên hòa hợp
 Quyết định thọ quả báo.*

Này các Tỳ-kheo! Đây gọi chánh hạnh của Lộng Phước, các ông phải thọ trì, siêng tu thí, giới và các thiện định. Thọ dụng Lộng Phước tức được xa lìa mọi thứ ưu não.

Ở đây, lược nêu rõ về nghĩa những điều Đức Phật đã nói ở trước: Phần đầu tiên của kinh, hành tướng duyên khởi kết tập các kinh là nêu lên câu: Như thị ngã văn. Do đâu mà gọi là *Như thị*? Là *như* Đức Phật đã giảng nói không có dị biệt. Vì nghĩa gì gọi là *Ngã*? Là chỉ rõ về thân hiện tại tức thuận theo thế tục. Nghĩa gì là *Văn*? Đó là từ tai phát khởi nhận thức, hiện tiền hiểu biết rõ hoặc văn hoặc nghĩa, lìa các lỗi đảo lộn thêm bớt. Kết tập trước hết là Kinh Phạm Võng. Lúc ấy, chúng tập họp, gồm các vị Đại A-la-hán, số lượng có bốn trăm chín mươi chín người, chỉ trừ Tôn giả A-nan riêng còn ở địa hữu học, và hết thấy chúng trời, rồng, quỷ thần khác, mới nghe xướng lời: *Tôi nghe như vậy*, đều cất tiếng buồn khóc, không thể tự kìm chế. Chúng ta nơi thuở trước, tự thân trông thấy Đức Như Lai đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, dùng Phạm âm vì đại chúng diễn thuyết. Vì sao hôm nay lại gọi là *Tôi nghe*. Nên biết là vô thường, sức mạnh ấy là không thể thoát. Lúc này chúng hội kia đều được giác ngộ, lìa cấu uế của ba độc, an trụ vào chánh niệm, nhận giữ không quên. Vì nghĩa gì gọi là *Một*? Đó là phần đầu của số. Là một đời Thánh, một pháp xuất ly, một xứ du hóa dừng trụ, một phạm hạnh thanh tịnh, một âm thanh giải thoát, thấy đều đồng nhau. Vì nghĩa gì gọi là *Thời*? Vì dựa nơi thế tục để lập. Việc giảng nói kinh đã xong, đại chúng hoan hỷ, gọi là *Một thời*.

Đức Như Lai thuyết pháp như mặt trời soi chiếu thế gian, xua tan bóng tối nơi ba cõi, khiến xuất ly khỏi các thứ ma, các ngoại đạo, hủy báng chánh pháp. Nay Đức Phật hiển hiện pháp thâm diệu huyền diệu, khó được, khiến chúng hàng phục. Vì nghĩa gì gọi là *Bạc Già Phạm*? Vì đầy đủ danh văn thù thắng, rộng lớn nơi thế gian, xuất thế gian, không ai sánh bằng, rốt ráo vượt khỏi vòng luân hồi nơi các cõi, nẻo, xứng đáng thọ nhận sự cúng dường tốt đẹp của hàng trời, người. Vì sao gọi là thành *Xá Vệ*? Vì xứ này vốn phong phú những sản vật tốt và những bậc trí có văn có hạnh, những nam nữ cư sĩ tịnh tín, những trưởng giả giàu có, thọ dụng thù thắng. Vì nghĩa gì gọi là *ở tại*? Vì du hóa, nương dựa, lìa các thứ lo nghĩ về tạo sùng, hoặc gần, hoặc xa, tùy ý đi đến.

HẾT – QUYỂN 3

KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

Quyển 4

Do nghĩa gì gọi là *rừng Kỳ Đà*? Trung Hoa gọi là rừng Chiến Thắng, vì thuận theo xưa nên không dịch. Thuở xưa, vua Thắng Quân (Ba Tư Nặc) cùng với nước láng giềng đánh nhau và thắng trận. Đang lúc ấy thì hạ sinh Thái tử, bèn lấy việc Chiến Thắng đặt tên cho con. Vì rừng thuộc về vị Thái tử ấy nên gọi là rừng Kỳ Đà. Phú quý, tự tại, có vô số sự trang nghiêm, hết thấy dân chúng trông thấy đều vui vẻ. Ở trong khu rừng ấy, rộng dùm của cải, sức người để sửa sang, giữ gìn, làm nơi chốn vui chơi. Rừng này rậm rạp, cành lá tươi tốt um tùm, bóng mát tỏa khắp, ngăn che ánh nắng nóng bức. Mùa hạ rất mát mẻ. Mùa đông không có giá rét. Mưa không lây lội. Hoa thơm cỏ lạ ngát hương, khắp nơi khoe sắc. Những cành cây si nằm nép mình, hình dáng như chiếc dù. Có nhiều người coi giữ, không nghe tiếng trộm cướp. Chốn này thanh tịnh, tốt đẹp như vườn Hoan Hỷ.

Do nghĩa gì gọi là *Cấp Cô Độc*? Vì đối với người không có thân thuộc, luôn đem thức ăn uống chu cấp. Như trong Tạng Tỳ-nại-da (Tạng Luật) đã nói rộng sự việc này. Vị trưởng giả ấy do lực dụng của căn thiện từ xưa, muốn thỉnh Đức Thế Tôn, cung kính cúng dường. Trước tiên tạo lập Tinh xá cho Đức Như Lai, tức dùng trăm ngàn câu-chi vàng ròng làm giá trị để mua đất của Thái tử Kỳ Đà. Đạt được ý nguyện, ông liền triệu tập hết thầy thợ giỏi khắp nơi, xây dựng lầu gác, cung điện tối thượng. Mái hiên cửa ngõ, sông suối, ao hồ, các thứ trang nghiêm, thầy đều đầy đủ. Tường thành cao vút bao bọc vòng quanh. Sau đó, vị trưởng giả này đi

đến thành Vương Xá, đánh lễ nơi chân Đức Phật rồi thưa: Con nay thỉnh Phật đến thành Xá Vệ. Kính mong Đức Như Lai từ bi chấp thuận. Nơi ấy có Già Lam rộng lớn thanh tịnh, xin Đức Thế Tôn nhận lời cùng các vị đệ tử đồng đến an cư. Lúc ấy, trưởng giả thưa thỉnh xong thì trở về. Cùng lúc đó, tại thành Vương Xá, có một vị trưởng giả tên là Thiện Tịch, bạch với Phật: Đức Thế Tôn không nên đi đến chỗ kia. Con sẽ tạo lập Tinh xá cho Phật. Đức Phật liền ngăn vị này lại, Sau đó, Ngài đi đến thành Xá Vệ. Đến xong, trưởng giả Cấp Cô Độc liền đem ngôi Già lam đã xây dựng dâng cúng Đức Như Lai. Vì thương xót trưởng giả, Phật liền thọ nhận. Lại vì ông, tán thán nơi chốn này là tốt đẹp an lành hơn hết, yên ổn bậc nhất. Chư Phật quá khứ cũng ở nơi đất này tạo lợi ích an lạc cho hết thảy chúng sinh. Ông ở nơi các Đức Phật trước đã trồng sâu cội đức. Do nguyện lực thuở xưa, nay cũng lại như thế. Lúc ấy, có ngoại đạo tên Ma-đa-tức-chí-na, ngụ trong một am cỏ, tu tập khổ hạnh. Đối với trí tuệ, ngôn luận của tất cả chúng sinh ở thế gian, thầy đều thông đạt. Vị này cho rừng Kỳ Đà là thù địch hơn hết, vì sao Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo lại được thọ dụng? Đức Phật nhận biết ý nghĩ này rồi, bèn dùng đại phương tiện thương xót vị kia nói với ông ấy: Vì các đệ tử của Ta đã dứt được hết biên vực khổ, khéo thông đạt các Tạng Kinh, Luật, Luận xuất thế gian, đã đoạn trừ các phiền não. Lúc ấy, Đức Thế Tôn vì ngoại đạo kia nói kệ:

*Ông tuy như rồng lớn
Còn bị tham cấu nhiễm
Nơi hai việc khen chê
Tâm hãy còn loạn động
Thân nếu có ung nhọt
Ruồi nhặng tất theo đuổi
Xoay vần trong ba cõi*

Như trùng trong đồng phân.

Ngoại đạo kia nghe Đức Phật nói rồi, tâm sinh giác ngộ, liền dùng kệ tán thán Phật:

*Như Lai bậc xuất thế
 Tuệ nhật xua tăm tối
 Huống con trí kém nhỏ
 Do đâu được hiểu biết?
 Nếu như trong nhiều kiếp
 Lại dùng trăm ngàn lời
 Xưng tán công đức Phật
 Không kể hết phần nhỏ.
 Phật là Thiên Trung Thiên
 Biết các hành chúng sinh
 Ở trong bốn uy nghi
 Chỉ lợi lạc muôn loài.*

Bấy giờ, trong thành Xá Vệ có nhiều ngoại đạo và các Bà-la-môn, những trí giả thông tuệ nghe Đức Phật đến đây đều tranh nhau tới cật vấn. Đức Như Lai theo phương tiện, tùy nghi vì họ mà giảng nói các pháp như sư tử gầm khiến muôn thú kinh sợ, đối với những vị kia thấy đều khiến hiểu rõ, lia các thứ si ám. Lúc ấy có một trí giả tên là La-hộ-la, nghe rồi bèn tán thán công đức Phật, nói kệ:

*Bậc đại bi vô thượng
 Chuyên tu hạnh lợi tha
 Không mong cầu danh tiếng
 Cùng lợi lộc thế gian.
 Trước Đản sinh vương cung
 Nhìn xem khắp bốn phương
 Hiện mỉm cười, tư duy*

Đều vì độ quần sinh.

Lại có đồng tử Diệu Tý cũng nói kệ tán thán Đức Phật:

*Đấng Mâu Ni, Đại Tiên
Khéo nói các pháp yếu
Lìa lỗi, không mong cầu
Người nghe đều được lợi.
Chư thiên và người đời
Đều cung kính cúng dường
Quy mạng bậc Thập lực
Cúi mong được thấu nhận.*

Rừng Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc này, do năm thứ nhân khiến đều sinh yêu thích: (1) Ở khoảng giữa của một thành rộng lớn đông dân cư. (2) Các vị Tỳ-kheo đi khát thực không xa. (3) Vắng lặng lìa , các sự ồn ào. (4) Sạch sẽ không có các loại ruồi, muỗi. (5) Bậc thiện nhân phần nhiều du hóa ở đây. Cho nên, Đức Thế Tôn rất vui thích ở nơi này trụ vào trí như thật, lìa các hành không hổ thẹn, hết thấy công đức đều nương dựa hiển hiện, đầy đủ mười lực, phước trí trang nghiêm. Là vị Đạo sư bậc nhất của thế gian, vì vậy có thể khiến căn thiện của chúng sinh được thành thực. Cũng như hoa sen vươn lên từ bùn nước, lợi mình, lợi người thấy đều viên mãn.

Lúc ấy, vua Thắng Quân cùng dân chúng và các ngoại đạo, Bà-la-môn v.v... thấy đều đi đến Tinh xá Kỳ Viên, chấp tay, chí tâm đánh lễ nơi chân Phật. Bảy giờ, Đức Phật, Thế Tôn vì thương xót nên thấu nhận các chúng hữu tình, phá trừ những thứ dị kiến, khiến sinh tín giải. Do nhân bất thiện nên dong ruồi, trôi nổi trong năm nẻo. Phải nương vào chánh pháp mà cầu xuất ly. Vì các chúng kia tuyên thuyết pháp sáu niệm. Đây các thiện nam! Ở trong pháp của Ta, tin nhận những điều chỉ dạy, đủ các chánh kiến. Đây gọi là niệm Phật. Nếu vui thích lắng nghe chánh pháp rộng lớn, như lý tư

duy. Đây gọi là niệm Pháp. Đối với các Tỳ-kheo thường sinh khởi ý tưởng tôn trọng là vị thiện tri thức. Đây gọi là niệm Tăng. Đối với các pháp thiện, vui thích thâm nhận, luôn đầy đủ uy nghi. Đây gọi là niệm Giới. Thường dùng các thức ăn uống cúng dường cho Phật và Tăng, trụ nơi nhân như thế. Đây gọi là niệm Thí. Thường vui thích lễ kính chư Đại Bồ-tát, thuận theo lời Phật dạy. Đây gọi là niệm Hiền Thánh. Nếu các chúng sinh nương theo lời Phật dạy, trụ nơi chánh tư duy tức trừ diệt được nghi hoặc. Nương dựa nơi chánh niệm thì không tán loạn. Đây là sáu niệm, sinh trưởng các điều thiện.

Vì nghĩa gì gọi là Tỳ-kheo? Đó là vì có thể dứt hẳn các phiền não, các khổ hiện có ở thế gian: Sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ưu bi khổ não, năm thủ uẩn khổ, cầu không được khổ, ái biệt ly khổ, oán ghét gặp nhau khổ. Vì các khổ như thế đều đã đoạn hết. Ở đây, nhằm làm rõ về khổ của năm thủ uẩn nơi thế gian nên nói như vậy.

Vì nghĩa gì gọi là *Sinh*? Như Đức Thế Tôn nói: Các hữu tình kia tạo tác các loại hành nghiệp chiêu cảm lấy mạng căn, uẩn, xứ, giới v.v... lần lượt nối nhau, năm căn phát sinh. Vì năm căn sinh nên chúng đồng phần sinh, do đầy tăng trưởng, hình sắc đầy đủ. Đây gọi là Sinh.

Vì nghĩa gì gọi là *Lão*? Như Đức Thế Tôn nói: Hành uẩn biến hoại, các căn suy yếu, thân hình lợm khòm, thịt xương khô héo, da dẻ nhăn nheo, sinh nhiều nốt đen, cử chỉ chậm chạp, đi đứng phải nương dựa, mệt mỏi không chịu nổi phải nhờ người trông coi, giúp đỡ. Tướng lão như thế ở đây có hai loại: (1) Phải nhờ người giúp đỡ. (2) Không chỗ nương cậy. Đây gọi là Lão.

Do nghĩa gì gọi là *Bệnh*? Như Đức Thế Tôn nói: Bốn đại tăng giảm, giới không bình đẳng, cũng như rắn độc, sinh các khổ não. Đây có hai loại: (1) Bệnh phát khởi ở bên trong. (2) Các duyên

ngoài làm tổn hại. Lại có ba loại: (1) Do nghiệp báo chiêu cảm. (2) Tai nạn bất ngờ làm tổn hại. (3) Bị kẻ khác chú ýếm. Phân biệt chi tiết thì có vô số loại. Đó là bệnh phong, vàng da, bệnh đàm, ghẻ lở, cùi hủi, ung thư, ho hen, dịch tả, nóng sốt, gầy ốm, đau đớn v.v... Đây gọi là Bệnh.

Vì nghĩa gì gọi là *Tử*? Như Đức Thế Tôn nói: Đó là hữu tình kia xả bỏ chúng đồng phần, các uẩn tán loạn, hơi ẩm dần dần nhỏ yếu, mạng căn đoạn dứt. Đây có hai loại (1) Tự tận. (2) Đi đến. Loại đầu lại có ba: (a) Là mạng căn tuy hết mà phước báo chưa hết. (b) Hoặc phước báo tuy hết nhưng mạng căn chưa hết. (c) Hoặc mạng căn và phước báo cùng lúc đều hết. Loại thứ hai: Đi đến cũng có ba thứ: (a) Tự đi đến (Bắt thú dữ v.v...). (b) Kẻ khác đi đến (Bị cướp v.v...). (c) Minh người cùng gặp nhau (Như đánh nhau v.v...). Lại có ba loại: (a) Phóng dật. (b) Hủy phạm giới. (c) Báo hết. Do phóng dật nên đoạn mất tuệ mạng. Do hủy phạm giới nên phá bỏ các uy nghi. Do báo hết nên quyền thuộc nội ngoại vây quanh buồn thương, luyến tiếc, không nỡ bỏ đi. Đây gọi là Chết.

Thế nào gọi là *Ưu*? Trong tâm sầu lo, như bị lửa bức bách, cũng như mặt trời nóng, đun nước như nước sôi. Đây gọi là Ưu.

Thế nào gọi là *Bi*? Khóc lóc rơi lệ, nghẹn ngào không nói được, như người con hiếu tử nhớ cha hiền và những người thân khác. Hết thấy đều như thế, ý không tĩnh lặng. Đây gọi là Bi.

Thế nào gọi là *Khổ*? Cay độc trộn lẫn cùng trái với vui, đồng với năm thức thân tương ưng lãnh nạp. Đây gọi là Khổ.

Thế nào gọi là *Não*? Ví như cây khô, bên trong dùng lửa đốt, khiến cho hữu tình kia phiền muộn, bức tức, rối loạn. Cùng với ý thức thân tương ưng lãnh nạp. Đây gọi là Não.

Thế nào gọi là *Cầu không được khổ*? Đó là đối với những sự việc tương ưng đã mong cầu, chưa được như ý, tâm sinh mệt mỏi. Như bánh xe quay của người thợ gốm, tâm này chuyển động theo.

Thế nào gọi là *Ái biệt ly khổ*? Là đối với cảnh vui vẻ, quyền thuộc xứng hợp, sắc tướng hiện có chỉ nơi sát-na thì đổi khác.

Thế nào gọi là *Oán ghét mà gặp nhau khổ*? Là đối với hết thấy người không xứng hợp, cùng sinh tâm chán ghét, không ưa thích nhau mà lại luôn gặp gỡ.

Những thứ đã được nêu bày trong đây theo thứ tự như sinh v.v..., vì lần lượt tìm cầu đều là nhiệt não. Như loài nai trong đồng vắng bị lửa bao quanh, không thể tự thoát ra, tất bị đốt cháy. Chỉ trừ Đức Như Lai, lúc mới đản sinh, tăng trưởng pháp thiện, tịch tĩnh an ổn, thể tánh tự nhiên, lìa các thứ nhiệt não, buồn lo, như kệ trong Khế kinh nói:

*Chư Phật ra đời, vui
Diễn nói chánh pháp, vui
Chúng Tăng hòa hợp, vui
Khiến tu các hành thiện.
Nếu Phật không hiện đời
Ba cõi sao có vui
Do Phật đã xuất hiện
Chúng ta được an lạc.*

Do các chúng hữu tình, lấy chủng tử bất thiện làm nhân, nên có thể sinh trưởng cảnh giới của cây khổ. Thường bị lửa khổ nơi ba độc thiêu đốt. Đối với những sự việc như giàu vui của thế gian kia v.v..., chỉ nghe người khác nói, do gì nhận biết, dong ruổi nơi chốn đồng hoang, đường xấu ác hiểm nạn, đá sỏi gai góc, thọ nhận nhiều gian khổ, để cầu tự cứu giúp, không chỗ quy hướng. Những hữu tình như thế đã thiếu hẳn gốc thiện từ xưa, chìm đắm trong

nẻo ác. luân hồi bất tận. Như kẻ phùng chèo, thay đổi hình sắc. Nếu như được làm người, thì sinh vào nhà bần cùng. Thời gian ở trong thai mẹ phải thọ nhận vô số thứ khổ.

Thế nào là hữu tình ở trong thai tạng đã thọ nhận nhiều khổ nào? Như Đức Thế Tôn nói, lúc mới kết sinh, nhận lấy cả hai vật bất tịnh đỏ, trắng của cha mẹ làm duyên, dần dần tăng trưởng, tạo thành hình chất, ở dưới sinh tạng, ở trên thực tạng. Nơi khoảng giữa ấy là rất nhơ nhớp tanh hôi. Người mẹ hoặc khi ăn no, hoặc khi đói khát, các phần thân chuyển động và lúc nhiễm dục đều nhận chịu khổ. Lại khi sắp sinh, ở trong thai mẹ, không muốn ở lại, khởi tưởng bất tịnh, xoay hướng đến sinh môn. Lúc hai tay của người mẹ vừa chạm đến phần thân của thai nhi, tức phải chịu khổ sở nhiều, bực bội khổ não cùng cực. Trẻ sơ sinh kia, do đói khát, cất tiếng kêu khóc, hướng về mẹ cầu tìm sữa. Lại, sữa của người mẹ vốn do máu huyết chuyển biến mà thành. Hoặc ăn không no, phải chịu nhiều nhiệt não. Dần dần thành đứa bé, nằm nơi tiện lợi. Hoặc lúc đùa giỡn, rơi xuống hầm rãnh. Đây gọi là những thứ nhiệt não phải nhận chịu lúc đã sinh. Những người thế gian khác cũng đều như thế.

Lại, hữu tình kia tuổi dần lớn lên, sắc lực đầy đủ, khỏe mạnh, kiêu căng phóng túng, niệm niệm chỉ tìm cầu trần cảnh của năm dục. Do tuệ nhiễm tham đắm, không buông bỏ, tự nhận lấy tình này, mau chóng đi đến tử vong.

Thế nào là các khổ hiện có của già suy? Là hình sắc gầy yếu, mặt cong má cốp, răng cở thưa rụng, lông tóc lơ thơ bạc trắng. Cổ, tay, ngực, hông thấy đều trơ xương, sức nóng ấm dần dần suy kém. Ăn uống thua ít, cũng như loài chim bay bị nhốt trong lồng, ngày càng hao gầy, chỉ còn một nhúm lông. Sáng có làm điều gì chiều liền quên mất. Lúc đầu muốn thí giúp, về sau lại biếng trễ thoái lui. Nói năng như trẻ con, không có mức độ. Hoặc có khi

suốt ngày miệng không muốn nói. Ngày đêm chỉ chăm chăm nơi việc ngủ nghỉ, nhưng ngủ không say, vì ho hen không dứt. Muốn nói về những thứ khổ hiện có mà lời lẽ không rõ ràng. Như người đi xa, không thích ở lâu. Việc làm của người khác khó có thể vừa ý. Chỉ một việc nhỏ không vừa lòng liền sinh buồn bực. Bạn bè an ủi, khuyên nhủ, nên tự an tâm. Mắt trông thấy cảnh giới nhưng không thể thọ dụng. Những việc vui chơi chỉ tai nghe nói. Ý muốn dạo chơi mà chân không thể cử động. chỉ nương nhờ ghé, gậy, lấy những vật này làm bạn. Bị các người nữ cười khinh. Nhân nghĩ lại ngày trước, các căn khỏe mạnh, thọ hưởng các thứ dục lạc mà nay trong tức khắc đã biến hoại, tự mình rất hối tiếc. Sống lâu chẳng để làm gì! Đây gọi là hành tướng nhiệt não của già suy.

Thế nào là những thứ nhiệt não hiện có của bệnh khổ? Đó là những kẻ ngu si, lúc tuổi thanh niên, sắc lực khỏe mạnh, phóng túng, tham đắm dục lạc. Dần dà trở nên yếu đuối, bệnh tật triền miên, chúng khổ hiện tiền. Người thiện trông thấy, sinh tâm thương xót sâu xa, dùng lời hay lẽ phải khuyên dụ, khiến kẻ kia phát lồ. Nghe rồi sinh lo sợ, sợ phải đọa vào đường ác. Có kẻ thân hình đẹp đẽ, dung mạo đoan nghiêm, bị bệnh tật xâm chiếm, những món ngon vật lạ, không thể ăn uống. Tuy ở nơi chốn giàu sang mà như kẻ nghèo hèn. Bậc trí ở thế gian thường tự tỉnh xét. Nên biết bệnh khổ không thể yêu thích. Như mưa đá làm hại lúa mạ, làm đình trệ, tổn hại sự tươi tốt, sum suê. Như con rùa ở nơi đất liền thường nhớ nghĩ đến ao nước. Như mặt trăng lúc ban ngày không có ánh sáng. Như kẻ khát nước rơi vào giếng khô. Như đèn cạn dầu không thể cháy lâu. Như tường vách cũ mục không có bền chắc. Như đứa trẻ si mê đần độn bị mọi người khinh khi. Như voi điên cuồng phá hoại ao hoa sen. Đây gọi là những thứ nhiệt não hiện có của bệnh khổ.

Thế nào là người ngu? Luôn luôn tham đắm, làm tổn giảm thọ mạng, thiêu đốt căn lành. Bị vô minh che phủ, sinh sống tà vạy, mong cầu bất chính. Tham đắm nơi thức ăn uống, y phục thế gian. Thân phiền não, tâm phiền não, hủy hoại chánh trí, không vui thích nương dựa nơi chốn núi rừng tịch tĩnh, thọ trì đọc tụng kinh điển Đại thừa không thể giữ gìn tịnh giới bền chắc.

Do đâu có thể đi đến bờ giác ngộ kia? Nếu tâm vắng lặng, từ bỏ cảnh dục. Hoặc các hành phóng dật đã tạo tác trước thầy đều chán ghét, không còn nghĩ tưởng đến. Như kẻ oán đối sâu đậm tâm không thích thấy. Như xác bã mía không còn vị ngọt. Như đốt mầm cây khô khiến cháy sạch không còn gì. Nếu nhận biết rõ như thế, người này không vị vua Diêm-ma-la bức bách. Lại những người nữ phần nhiều là tham lam, ôm lòng ganh ghét, thích làm chúa tể. Cũng như bình nứt chứa đựng vật bất tịnh. Như âm tàng của ngựa cái rất đáng chán ghét. Như dùng thuốc độc trộn vào thức ăn ngon. Như kẻ oán thù đang cầm kiếm không nên cúi gằm. Như đóng lửa kia, chạm vào thì sinh nóng bức khó chịu. Nếu vui thích cảnh dục, tâm tất tán loạn, phá bỏ các phạm hạnh. Như người không có giới luật, chặt đứt nhân an lạc, diệt mất tuệ mạng, thân chết hiện tiền, một mình đi đến, vào chốn hiểm nạn không người có thể cứu giúp, đều do nhiễm dục, sinh các vọng niệm, không hổ không thẹn, bỏ hạnh tri túc, bị người thế gian chê trách đủ loại.

Thế nào gọi là Tử? Như có kệ nói:

*Tuệ là mắt tối thẳm
Si là tối cực nặng
Bệnh tất do oán kia
Chết là sợ thứ nhất.
Nên ý lạc chánh pháp
Dùng tuệ khéo tu tập
Do đấy lúc mạng chung*

Quyết định là hiểm nạn.

HẾT – QUYỂN 4

KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

Quyển 5

Lại do nghĩa gì mà gọi là *Ưu*? Đó là các hữu tình, do tham dục, chìm đắm trong lo sợ. Cũng như loài thú dữ bị lửa bao vây. Như cá ở vực sâu bị bắt bỏ nơi đất liền. Như vào trong biển lớn thuyền bè bị tổn hại, tâm sinh buồn lo sâu xa, sợ mất thân mạng. Như dùng một ít nước nhỏ trên hòn sắt nóng. Sắp vào cửa tử mạng không dừng lâu. Ví như trong nồi nấu đậu nước sôi vọt lên đầy khắp, lại tăng thêm củi khô. Những người thế gian kia, thân ở nơi nhà bị những buồn lo bức bách. Các căn suy kém, tiêu tụy, tâm không chút an ổn. Như lấy bình tô đặt gần nơi lửa nóng, nên biết là không lâu tất chảy tan.

Lại do nghĩa gì mà gọi là *Bi*? Đó là các hữu tình, trước có tài sản vật báu, không thể giữ gìn, thân lại biếng trễ, dẫn đến nghèo khổ, quần áo rách rưới, sắc diện tiêu tụy, cổ họng cháy khô, ý lời buồn thảm. Nghĩ lại trước kia giàu có, nay không còn có thể được.

Lại do nghĩa gì mà gọi là *Khố*? Đó là các hữu tình, tạo các hành phi pháp, thân chạm đến lưới pháp luật. Dao, gậy, thuốc độc, hoặc bị loài phi nhân đâm chém giết hại, cho đến mất mạng, thọ nhận nhiều khổ độc.

Lại do nghĩa gì mà gọi là *Nã*? Đó là các hữu tình, lời nói thô ác cùng thêm vào, như trúng phải mũi tên độc, các căn nã loạn, hoại mất tướng vui.

Lại vì sao gọi là *Cầu* không được khổ? Hoặc các hữu tình, vui thích tu tập chánh pháp, nhưng không thể hiểu biết, thân tâm

khô nhọc. Hoặc do phóng dật, cầu mong nhiều mà không được toại nguyện, phát sinh nhiệt não. Không mong, không cầu, tâm tức an ổn.

Lại vì sao gọi là Ái biệt ly khổ? Đó là đối với những thứ vui thích như quyến thuộc, bạn bè hòa hợp hân hoan bỗng nhiên ly tán, tâm ôm giữ luyến tiếc mà sinh nhiệt não.

Lại vì sao gọi là Oán ghét gặp nhau khổ? Đó là các hữu tình kia vui đắm tham dục, cầu nhiều tài lợi, cùng nhau tranh giành mà kết oán sâu. Hoặc bị vợ con, ân ái trói buộc cũng như gông cùm, không được tự tại. Nên biết nữ sắc khiến người mê loạn, hoặc lời nói của họ dịu dàng như hoa Câu-mâu-na, kẻ ngu ham thích, tiêu hao sắc trẻ, không lâu sẽ khô héo, tiêu tụy. Như Tiên nhân Kiền-đáp-ma cho đến chư thiên, tham vương nhiều dục lạc, như củi gần lửa tất bị đốt cháy. Thế nên Tỳ-kheo thường phải xa lìa. Nếu thân cận dục lạc kia, tất bị cái khổ bậc nhất. Hết thủy thể gian, chư thiên và loài người, đều bị lửa dục bức bách khắp cả. Hiện tại chiêu cảm các khổ, chết thì rơi vào đường ác, bị mười ba đồng lửa rộng lớn kia vây quanh thiêu đốt. Phật là bậc cha lành của chúng sinh ở thế gian, vì thương xót chúng sinh kia nên giảng nói kinh này.

Đó gọi là địa ngục có mười ba thứ: (1) Đẳng hoạt. (2) Hắc thăng. (3) Chúng hợp. (4) Hào khiêu. (5) Đại Hào khiêu. (6) Thiêu nhiên. (7) Cực Thiêu nhiên. (8) Vô gián. (9) Tro nóng. (10) Thây phần. (11) Mũi nhọn. (12) Rừng kiếm. (13) Sông tro. Địa ngục như thế, các hiểm nạn hung dữ, vô lượng khổ não tụ tập ở trong ấy. Vô số hữu tình tạo các nghiệp ác, mạng chung thì đi vào cõi ấy thọ nhận nhiều loại khổ. Bị các ngục tốt trị phạt bằng nhiều cách: Dùng chùy sắt nóng, giận dữ đánh đập, thân thể nát nhừ, máu chảy khắp cả. Các lông, khớp xương thủy đều đốt cháy. Hoặc lại nắm lấy hai chân ném vào hầm lửa. Giơ tay hoảng loạn, tiếng kêu khóc vang lên. Lính của vua Diêm-ma kia hung dữ rất đáng sợ. Những

người chịu tội trông thấy hãi hùng. Hoặc lại rảo chạy vào trong ngục tro nóng. Da thịt, gân cốt chân dưới đều tiêu tan. Do nghiệp ác đã tạo, nên vừa trở gót thì sống lại.

Lại có vùng cây chết, phần dơ cực nóng mà sâu rộng. Mùi hôi thối không thể ngửi nổi. Lại có loài trùng mỏ sắt gọi là Cô-noa-ba, qua lại trong đồng phần cây ấy, cắn rúc chân của người tội, suốt thịt thấu xương, lấy tủy mà ăn. Lại dùng vô số mũi nhọn thứ lớp bày bố thành hàng làm đường đi, rồi xua đuổi những tội nhân kia khiến chân giẫm đạp lên trên. Lại bị gió mạnh thổi chạy lên trên. Do trốn những thứ khổ bên chạy vào rừng lá kiếm. Vô số mũi kiếm nhọn từ trên không phóng xuống đâm cắt thân hình, không chỗ nào không bị đoạn hoại.

Lại có con sông lớn, nước tro đầy tràn, sóng cả sôi sục vọt lên, luộc nấu những tội nhân kia. Ở hai bên bờ, có các ngục tốt, tay cầm chĩa ba, qua lại đâm đẩy, tội nhân phải chịu những thứ khổ nặng. Hoặc lúc quá chán nản, cũng có kẻ chạy trốn như cá chui xuống bùn, ngục tốt liền dùng lưới câu sắt móc vào môi kéo lên. Dùng tấm lưới sắt to, kéo đặt lên đất nóng: Lửa to cháy hừng hực, lật qua lật lại thiêu nướng. Lại dùng kim sắt banh miệng ra, rồi lấy nước đồng sôi bức bách rót vào. Hoặc dùng hòn sắt nóng, bức ép khiến ăn nuốt. Răng, nướu cổ, lưỡi, mỗi mỗi đều bị cháy tiêu. Từ cổ họng suốt đến dưới, thảy đều bị thiêu đốt.

Lại có hai hòn đá, dùng kèm kẹp thân hình, từ đầu đến chân để cưa xẻ. Ngục tốt bạo ác cũng như voi say, nộ khí bốc lên, lông tóc dựng đứng. Ngôi sao lửa cháy tán loạn khắp nơi, rượt đuổi những tội nhân kia. Hoặc bắt nằm trên giường sắt, dùng dây quất, đập, hoặc chặt chém, hoặc đục khoét. Lửa hừng hực bốc lên khắp nơi, chỉ nghe tiếng kêu khóc.

Lại có ngọn núi từ trên không trung rơi xuống, đè bẹp những tội nhân kia, thân hình, tứ chi đều nát bấy. Tuyệt vọng ngã khuỵu

xuống đất, hồi lâu mới sống lại. Có các ngục tốt, bộ dạng xấu xí hung tợn, hoặc cầm búa bèn, hoặc gậy gộc, vòng đao, cung tên, chày vồ, máy bắn đá, gậy sắt nóng cháy... vô số các loại vật dụng khổ hình, tra khảo đánh đập tội nhân.

Lại có trăm ngàn ngọn lửa dữ từ bốn hướng bay đến, tụ tập trên thân những người tội như đốt một khúc cây, thấy đều cháy rụi. Lại dùng dao bèn để cắt lấy lưỡi, hoặc chặt hoặc cắt ra làm trăm ngàn phần. Cho đến hết thấy chi thân hiện có, bỗng nhiên phân tán như áng mây nổi.

Lại bỏ tội nhân vào trong cái lu bằng sắt nóng cháy. Lửa hùng hực bốn phía bức bách. Nước sôi sùng sục tràn đầy, nổi lên chìm xuống, giống như nấu đậu. Thân thể căng phồng, nứt xé ra, da thịt tiêu tan, chỉ còn lại những khớp xương, vương vãi trên mặt đất. Gió nghiệp thổi lên tức thì sống lại như cũ. Các thứ khổ như thế thật đáng kinh sợ. Những kẻ bị đọa vào địa ngục này là không thể thoát khỏi những hình phạt kể trên.

Lại có địa ngục băng lạnh rộng lớn. Có đồng tuyết to, cao như núi, gió mạnh rét buốt thổi rớt vào không dứt. Có vực sâu lớn, kết thành cối băng, tựa như do thủy tinh tạo thành. Có các ngục tốt xua đuổi những tội nhân kia, vào hết trong cối băng ấy, nhận lấy cái khổ lạnh lẽo bức bách, phát ra tiếng kêu khóc buồn thảm. Lại có hai cái chày, thay nhau cất lên, hạ xuống để đâm giã tội nhân, khiến thân thể họ nát như đám bọt nước. Gió nghiệp lại thổi lên thì đám tội nhân sống lại như trước không khác. Thọ khổ lâu dài, nghiệp dứt mới được thoát ra. Những hữu tình kia đều do nhân duyên tuệ nhiễm tà dục, đối với thân sắc của kẻ khác mê đắm không buông bỏ, vì tham thứ dục lạc nhỏ bé mà phải chịu nhiều khổ báo. Vậy nên Đức Thế Tôn sinh niệm thương xót sâu xa khởi tâm đại bi mà giảng nói kinh này.

Này các Tỳ-kheo! Vô số các loại nhân khổ hiện có ở thế gian, sinh là căn bản. Nếu không có duyên của sinh thì luân hồi tự dứt, huống là vô lượng sinh khổ ở đời vị lai. Do có sinh tức có sắc uẩn. Do sắc uẩn nên có thọ uẩn. Do thọ uẩn nên có tưởng uẩn. Do tưởng uẩn nên có hành uẩn. Do hành uẩn nên có thức uẩn. Thứ lớp như thế nối nhau sinh khởi, tăng trưởng tụ khổ, luân chuyển không cùng. Ví như đám giặc xâm nhập vào nơi ao cạn trong thành mặc sức đốt phá, cướp giết sách nhiễu lê dân. Năm uẩn như thế, dựa nơi thành thức kia, sinh khởi các phiền não, làm tổn hại các căn. Lại, già, bệnh, chết đối với các thế gian làm tổn hại sự an vui, thật không đáng yêu thích, như ba thứ oán đối luôn theo đuổi: (1) Thường cầu tìm lỗi lầm, hiềm khích. (2) Khiến rơi vào chốn hiểm nạn. (3) Dò xét, đoạ dứt mạng căn. Do đây các Tỳ-kheo phải nên tu tập chánh hạnh của Lọng phước, thọ trì kinh điển, như thuyết tu hành. Nếu như các thứ oán đối là già bệnh chết vây quanh thì không sinh hoảng sợ, đối với đường hiểm ác tất có thể vượt khỏi. Bậc đại trượng phu này được lợi ích của hai đời. Như hoa sen trong lửa thật là hy hữu, tức được an trụ trong diệu lạc, tịch tĩnh. Các Tỳ-kheo! Thể tánh của phước kia đang được hiển thị từ nhân đến quả đều đáng yêu thích, cho đến phát sinh pháp thiện vô lậu. Nghiệp thân ngữ ý đều được thanh tịnh, an trụ không thoái chuyển, được thọ ký đạo, như trăng tròn mùa thu tỏa sáng tràn khắp, hết thảy thế gian đều được lợi ích. Vui thích bố thí rộng lớn không có giới hạn. Những người đến xin thấy đều cấp cho, khiến chúng hữu tình sinh tâm vui vẻ. Như vị tướng chiến thắng tâm dũng mãnh tiến lên. Như nương nơi vua hiền thiện yên ổn mà trụ. Cũng như biển lớn dung nạp các dòng sông. Như núi Di Lô kiên cố, an định bất động. Hết thảy chúng sinh đều kính phụng như cha mẹ. Được các thế gian cung kính cúng dường. Đạt được sự an lành thù thắng bậc nhất. Được hàng thân thích, bạn bè xung tán. Tất cả chỗ mong cầu đều được thành tựu. Rốt ráo vượt khỏi biển khổ luân hồi.

Nghĩa này đã nêu rõ tự tánh của phước, cũng như vật chứa đựng bằng vàng, bền chắc đáng yêu thích. Là nơi chốn nương dựa tối thắng của các chúng sinh. Tự tánh của phi phước thì không đáng yêu thích, cũng như cái bình đất, nhất định bị hư hoại, khiến các chúng sinh lưu chuyển trong đường ác. Như chiếc dù lọng ở thế gian, được người cầm giữ đi khắp bốn phương, che ngăn nắng nóng. Được làm khéo léo, không lâu tức hư hoại. Như thế, điều mà chánh hạnh của Lọng phước che chở giữ lấy, đó là có thể trừ bỏ các thứ nhiệt nã hiện có như sinh v.v... và những thứ thiêu đốt của lửa địa ngục. Chỗ thành tựu của các điều thiện đã nhận giữ thì không bị hoại.

Như ở trong thành Xá Vệ, có một nữ trưởng giả cùng với một tộc tánh tử (nam nhi) kết duyên, sau sinh được một đứa con. Do tiêu pha phung phí vô độ khiến ngày càng suy kiệt túng quẫn, người chồng nói với vợ mình: Tôi sẽ đi đến phương xa gắng sức làm ăn, nàng phải thương nghĩ đến sự việc nuôi dạy con. Năm tháng trôi qua, người chồng đi xa vẫn chưa về. Đứa con trai nhỏ tuổi đã lớn lên, dần dần sinh phóng túng, cùng với người con gái gần bên, lần hồi sinh lòng yêu thích. Người con gái kia bèn cởi dải buộc tóc bằng vật báu trao cho người con trai. Sau đấy người mẹ biết được câu chuyện bèn dùng lời lẽ dịu dàng, khuyên răn đủ cách: Con trai của mẹ không nên vui với những chuyện thấp kém như thế, phải tự giữ gìn cẩn thận, chớ để lòng mẹ lo lắng. Thế rồi, ngày càng gia tăng việc xem xét, bó buộc, không để con trai rong chơi nữa. Ban đêm, xếp đặt giường của mình ở ngoài cửa phòng ngủ của con. Cậu con trai, một tối kia, bị tham dục quấy nhiễu, vừa nằm xuống rồi lại ngồi dậy, giây lâu không dừng được bèn xin mẹ mở cửa để đi tiểu. Người mẹ bảo: Ở đây có sẵn chậu không phải ra ngoài. Bị mẹ kiểm soát chặt chẽ, tâm dục chuyển tăng, bèn khởi ý ác, giết hại mẹ mình. Tạo tội ác này rồi, lòng rất hoảng sợ, nên tìm

đến chôn Già lam, thưa: Bạch Đại đức! Con muốn xuất gia, xin rủ lòng thương xót thu nhận.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở đấy không thể quán xét, cật vấn, tìm hiểu duyên do của người con trai kia, bèn cho thế phát. Sau khi được làm Tỳ-kheo rồi, thì trốn đi tới nước khác, cách xa quê cũ, dững mãnh tinh tấn, kiên trì tịnh giới, tu tập thiền định, vui tụng kinh điển. Nơi chôn mới này có một trưởng giả, thấy vị Tỳ-kheo ấy, đầy đủ giới đức như thế nên phát tâm cúng dường, kiến tạo Già lam, thỉnh vị Tỳ-kheo ấy làm chủ. Tăng chúng khắp nơi đều đến nương dựa. Lúc này, vì Tỳ-kheo ấy vì đại chúng liền thuyết giảng kinh điển Đại thừa. Lại khiến tu tập thiền quán tương ưng. Vì thế ở đây bốn sự cung cấp không hề thiếu. Khi ấy đại chúng tu tập siêng năng, không chút biếng trễ. Dần dà có vị chứng quả A-la-hán. Nhưng vị Tỳ-kheo chủ Già lam ấy, về sau trở lại bị bệnh khổ. Tuy được uống các loại thuốc hay nhưng bệnh tình càng lúc càng tăng. Bèn triệu tập Tăng chúng, khéo bày lời hối tạ: Sai lầm khi đảm nhiệm vị chủ, khinh mạn chúng đức. Các đệ tử v.v... bị nhiễu loạn cũng thế. Rất mong đại chúng từ bi, ban cho sự hoan hỷ. Kẻ thường tình đều chết. Bạc cao quý rồi cũng qua đời. Hòa hợp thì có biệt ly, sinh tất quy về diệt. Nói lời này xong, hốt nhiên mạng chung.

Khi đó, đại chúng và các đệ tử của vị kia cùng tạo việc thiện lợi để trợ giúp phước báo ngậm cho thầy mình, bèn bàn bạc với nhau: Thầy của chúng ta quy tịch, chưa biết thân thức sinh về chôn nào. Trong chúng đệ tử có vị đã chứng Thánh quả, nên nhập định xem xét. Bắt đầu ở các xứ trời, kể đến là chôn nhân gian, cho tới nẻo ngạ quỷ, súc sinh, thấy đều không thấy. Bèn lại xem khắp trong các địa ngục, mới biết thầy mình đọa vào ngục Vô gián. Vị đệ tử thấy rồi, sinh nghi hoặc lớn: Đại Hòa thượng của chúng ta, lúc tại thế, kiên trì tịnh giới, đa văn biện tài, tu hành tinh tấn, chưa

từng tạm bỏ, thâm nhận cung cấp Tăng chúng khắp nơi. Do duyên gì lại thọ nhận quả báo dữ này? Vị đệ tử kia lại nhập định quán xét, mới thấy nhân trước là từng sát hại mẹ của ông, do báo này nên bị đọa vào ngục Vô gián. Đổng lừa cháy hừng hực thiêu đốt thân hình. Bị các ngục tốt chửi mắng đủ cách: Ngươi lúc ở thế gian, vô trí, thấp hèn tạo tội nghịch này, nay khiến ai chịu? Nói rồi, ngục tốt liền lấy chày sắt cực nóng, đập nát đầu của tội nhân kia, máu tuôn xối xả, khổ không thể nêu. Khi đó, vị đệ tử chứng Đại A-la-hán, thấy sự việc này rồi, bèn vận dụng diệu lực bi nguyện, dứt trừ khổ não, nương vào uy đức của pháp, khiến biết túc mạng, duyên niệm Tam bảo, nối tiếp căn thiện, tức thời mạng dứt, sinh lên xứ trời Dạ Ma. Theo pháp thường các vị thiên tử mới sinh, đã trụ ở xứ trời rồi, thì khởi ba thứ suy niệm: (1) Quán xét thân trước thọ sinh tộc loại gì? (2) Ở nơi xứ nào thân hết mạng chung? (3) Tu phước gì được sinh lên xứ trời? Vị thiên tử kia sau khi quán xét những việc ấy rồi, mới thấy tự thân trước tạo tội nghịch, nhờ ân lực của Phật nên được sinh lên xứ trời này. Do đấy khởi suy nghĩ: Ta nay nhất tâm, không có tướng riêng khác, chỉ cầu thấy Phật, thân cận cúng dường để báo đáp ân lớn. Do phước lực nơi xứ trời, tự nhiên có các báu anh lạc trang nghiêm nơi thân, Vào lúc đầu đêm, thân phóng hào quang, chiếu sáng khu rừng Kỳ Đà, thấy đều hiện rõ. Trước là đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lễ nơi chân Phật. Rồi lấy hoa sen, hoa Mạn-đà-la nhiều màu thuộc xứ trời để rải trên Đức Phật. Những hoa này tự lại, cao đến quá gối. Đã dâng hoa cúng dường rồi, tức lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được những suy nghĩ trong tâm của thiên tử kia, bèn vì ông thuyết giảng về hành tướng nơi ba lượt chuyển pháp luân của tứ đế. Nghe xong, thiên tử kia tỏ ngộ liền được kiến đế. Không rời khỏi chỗ ngồi, vị ấy chứng được quả Dự lưu. Chày trí Kim cang vô lậu kiên cố đã đập vỡ các núi thân kiến, tà mạn. Pháp tứ đế này chẳng phải là các Sa môn và Bà-la-môn,

cha mẹ, thân thuộc có thể tuyên thuyết. Duy chỉ Đức Phật Thế Tôn đã thương nghĩ nơi ta. Khóc ứa máu đầy biển, xương chất chứa như núi, đóng cửa nẻo ác, mở đường sinh thiên, cứu độ khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đều khiến an trụ nơi quả thiện của hàng người trời. Lúc ấy, vị trời kia liền nói kệ:

*Con do nhiễm dục, tội lỗi sâu
 Bị đọa trong địa ngục Vô gián
 Nhờ ân lực Phật được sinh thiên
 Lại khiến chứng đắc đạo Niết-bàn.
 Con do nương dựa mắt pháp tịnh
 Thoát hẳn luân hồi các đường ác
 Cùng dòng sinh tử vị lai kia
 Được đến bờ giác ngộ tịch tĩnh.
 Con nay được thấy chư Mâu Ni
 Trong trăm ngàn đời khó được gặp
 Khéo vượt nhân khổ: Sinh, lão, bệnh
 Nên thọ thế gian rộng cúng dường.
 Lấy báu Anh lạc để phụng hiến
 Chắp tay nhiều quanh tâm vui thích
 Nên con đánh lễ Lương Túc Tôn
 Hay khiến người, trời sinh giác ngộ.*

HẾT – QUYỂN 5

KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

Quyển 6

Bấy giờ, vị thiên tử kia đã vượt khỏi nẻo ác, dùng kệ tán thán Đức Phật rồi, tâm sinh hoan hỷ ví như người khách buôn có được tài lợi lớn. Như người nông dân cày cấy được mùa. Cũng như dũng tướng đánh trận thắng lớn. Như người bị bệnh lâu ngày tức thì lành khỏi. Lúc này, trong chúng hội có một vị A-la-hán biết được nhân duyên đầu cuối của vị thiên tử kia, do đây nhớ lại vị Bôn sư của mình viên tịch đã lâu, không biết đang ở nơi xứ nào. Khi đó, có một Đàn-việt ở nơi chùa thiết trai dâng cúng. Có một Tỳ-kheo múc nước sạch mới trong phiên hành đường của mình để phục vụ Tăng chúng. Vị A-la-hán kia lấy bát bằng đồng trắng, nhận nước, sấpuống. Đầu ngón tay của ông chạm vào nước hết sức mát mẻ liền tự suy nghĩ: Thầy ta thuở xưa từng làm vị chủ chùa, nhận biết sự việc của đại chúng bốn sên tiếc các vật, tham đắm những vật dụng nuôi sống, thường nguyện thân sau được sinh lại chốn này. Có tội như thế, nếu bị đọa vào địa ngục Biển đồng sôi, muốn uống nước suối ngọt này há có thể được sao?

Suy nghĩ như thế rồi, bèn nhập định quán xét xem Bôn sư của mình. Tìm khắp trong các địa ngục, rồi đến nẻo bàng sinh, nga quỷ thấy đều không thấy. Vị này lại suy nghĩ: Há chẳng phải xưa kia gieo trồng căn thiện, nay được thành thực, thác sinh vào xứ tốt đẹp. Liền ở nơi các trời thứ lớp quan sát mới thấy thầy mình sinh vào xứ trời Tứ Thiên Vương. Bấy giờ, Tôn giả liền đi đến trụ xứ của thầy mình, thăm hỏi an ủi, rồi nói với ông: Con nghe xứ trời này chỉ tu các thiện, kiên trì tịnh giới mới có thể sinh về. Thầy tích

chứa túc trái sao có thể về đây? Vị trời này nói với Tôn giả: Tôi thuở xưa từng làm chủ chùa, ngu si hành ác, không từng phát lồ, lúc sắp mạng chung, chí thành khẩn thiết, duy chỉ Phật Pháp Tăng là chỗ tôi quy y. Do đấy, duyên niêm ân lực của Tam bảo, nương nơi căn thiện ấy được sinh về đây.

Lúc ấy, Tôn giả kia nghe nói như thế rồi, tâm thanh tịnh phần khích được điều chưa từng có. Tức ở trong đại chúng, hàng người trời, bậc hữu học, vô học, ba lần nói: Kỳ lạ thay! Rồi nêu bày đầy đủ sự việc trên. Diệu lực của Phật, Pháp, Tăng, công đức khó nghĩ bàn, có thể tiêu trừ vô lượng thứ khổ cực nơi chốn địa ngục. Có thể nuôi lớn vô lượng căn thiện của hữu tình. Đoạn trừ phiền não, phá bỏ các lưới nghi. Rốt ráo có thể đi đến bờ giác ngộ. Những người có trí phải siêng năng tinh tấn, làm thanh tịnh thân ngữ ý, tu tập bố thí, trì giới, thiền định. Đây tức là có thể báo đáp ân lớn của chư Phật. Nhưng các chúng sinh tánh dục đều khác, phải dần khiến tu tập đủ ba thứ hành này. Hoặc có kẻ vui thích hiện tại được giàu có, thọ dụng năm thứ dục. Đức Thế Tôn theo phương tiện khuyên khiến bố thí. Hoặc có người ưa thích sinh thiên, thọ những diệu lạc thù thắng. Đức Thế Tôn theo phương tiện khiến trì tịnh giới. Hoặc có vị vui thích giải thoát, xuất ly biên vực khổ. Đức Thế Tôn theo phương tiện khiến tu tập thiền định. Do vậy Đức Thế Tôn thuyết giảng ba hành này, gọi là Lọng phước, phải phụng hành đầy đủ.

Ví như hai con quỷ tranh nhau ba món đồ là cái rương, đôi giày và cái chày. Cả hai lời to tiếng lớn cùng tranh cãi với nhau. Nghe nói nơi chốn kia có một Bà-la-môn, người này rất chính trực, có thể phân xử việc ấy. Hai quỷ bèn khiêng ba vật đi đến xứ nọ, chấp tay thưa: Bạch đại Bà-la-môn! Xin ông vì chúng tôi chia đều những vật này. Vị Bà-la-môn nói: Đây là vật nhỏ, sao phải tranh giành với nhau mà từ xa đến đây xin phân định? Hai quỷ nói: Đây chẳng phải là vật nhỏ. Rất khó có được. Ông xem cái rương này,

tức có thể biến hiện. Tùy theo ý muốn, đồ vật đều từ trong rương này hiện ra. Còn đôi giày ấy, nếu ai mang vào thì có thể lên trời, thọ hưởng diệu lạc. Còn cái chày kia thì có thể đánh dẹp hết thảy oán địch đều khiến phải lui tan. Vị Bà-la-môn nghe nói như thế rồi, liền bảo chúng lui ra đứng một bên, ông nói: Ta nay sẽ vì các người, suy nghĩ một chút, rồi phân chia ba món đồ này đều được bằng nhau. Vị Bà-la-môn kia nói xong liền vội vàng mang giày, rồi lấy cái chày và cái rương, cỡi hư không bay đi. Hai con quỷ thấy thế, hối hận là đã cho kẻ kia biết được giá trị của ba món đồ ấy nên bị ông ta chiếm hữu.

Ở trong dụ này nên khéo phân biệt. Bồ thí như cái rương, vì được như ý. Trì giới như đôi giày, vì có thể sinh thiên. Thiền định như cái chày, vì hàng phục chúng ma. Đây gọi là Đức Thế Tôn nói về thí, giới, định, là phương tiện để thâm nhận chánh hạnh của Lộng phước.

Trong phần ấy lại nói rõ về ba loại hành ác: Đó là bòn sên, phá giới và tán loạn, khiến sinh khởi các tội lỗi, tức là gốc của sự luân hồi trong nẻo ác, có thể hủy hoại công đức của bồ thí, trì giới và thiền định. Cho nên Đức Thế Tôn dùng vô số cách hiển thị lỗi lầm của bòn sên, cũng như câu uế làm vấy bản hữu tình, chiêu cảm những điều không như ý. Như thế, người bòn sên tuy tích chứa tiền của vật báu, nhưng không thể xả thí, giống như loài diều hâu, chim cú đậu giữa rừng hoa sen. Đối với cha mẹ không hay cung cấp, thân thuộc tụ họp thì lẩn tránh mà đi. Không tin lời hay tốt, không vui nghe kinh pháp. Ý mình giàu có, không hài lòng với vinh hoa của người khác. Cũng như voi say tánh khó điều phục. Cũng như rắn độc không ai muốn thấy. Người thiện thấy rồi thấy đều lánh xa. Đối với nghiệp phước thù thắng không thích tùy hỷ. Thấy người đến nhờ vả tâm tức bực bội. Như ở giếng khô mà mong cầu tìm nước. Lời nói thốt ra người không muốn nghe. Theo

chỗ đi đến không có người cùng trò chuyện. Ở trong đại chúng thì như người ngu si. Qua ngã tư đường giống như cây chết. Người ngu si kia, tuy ở thế gian nhưng không thể xa lìa các lỗi xấu ác, không thể hộ trì các công đức thiện, không thể nuôi lớn các chủng tử thiện. Người bòn sẻn như thế tạo tác nhân bản cùng. Hiện tại tuy giàu có mà không thể thọ dụng. Người hạ mình đến cầu xin cũng không thể thi ân một chút. Nên biết người này như rừng Thi Đà, các người ở thế gian không ai thích nương dựa. Nhân duyên bòn sẻn này như trong Kinh Đại Danh Trưởng Giả đã nói rõ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn trụ trong khu vườn rừng Kỳ Đà – Cấp Cô Độc thuộc thành Xá Vệ. Lúc này, trong thành kia có vị đại trưởng giả tên là Đại Danh, rất giàu có nhưng không có con, bỗng nhiên mạng chung. Khi ấy, đại vương Thắng Quân, chủ nước Kiều-tát-la nghe sự việc này rồi, vội đến nhà ông trưởng giả kia, bụi đất bám đầy mình. Đến rồi tức thì thu hết thầy kho tàng và các tài vật, tất cả đều giao cho các quan trông coi. Việc xong thì quay xa giá, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lễ nơi chân Phật, rồi lui ra ngồi qua một bên. Đức Phật hỏi: Này đại vương! Vì có gì mà vội vàng, bụi đất bám đầy mình, đến đây? Nhà vua đem sự việc vừa rồi thuật lại đầy đủ cho Đức Thế Tôn. Đức Phật nói: Này đại vương! Vị đại trưởng giả kia của cải giàu có ước tính là bao nhiêu? Nhà vua thưa: Nhà ông ta rất giàu, có nhiều tài sản, vàng bạc, châu báu, kho lẫm các vật, mỗi mỗi thứ đều có vô lượng trăm ngàn câu-chi. Giàu có như thế, không người sánh kịp, thế nhưng ông ta chỉ thọ dụng loại gạo thô to để nấu ăn. Áo quần để mặc thì rách nát, cũ xấu. Đi ra ngoài thì dùng xe cũ kỹ, kết lá làm lọng. Vào lúc muốn ăn thì trước tiên đóng cửa lại. Mỗi ngày tuy có ăn uống nhưng chưa từng no đủ. Nếu như có Sa-môn cùng Bà-la-môn, những người xin ăn, những kẻ đường xa lỡ bước, các người làm nghề..., những người như thế đến xin thức ăn uống thì không có ai từng được hứa cho chút ít.

Lúc đó, đại vương Thắng Quân lại thưa với Phật: Bạch Thế Tôn! Xin vì con giảng nói về trường giả Đại Danh, về quả báo do lỗi lầm bòn sên đã chiêu cảm, khiến người nghe đều được khai ngộ. Đức Phật nói: Này đại vương! Vị trường giả như thế tuy là cự phú, nhưng không phụng dưỡng cha mẹ, tự mình cũng không thể thọ dụng. Đối với phước điền thù thắng không vui thích. Bạn bè quyến thuộc chưa nghe ai được một chút ân giúp nào. Kẻ tôi tớ, người giúp việc cùng dân chúng thấy đều lia bỏ. Nên biết người này, tuy sống trong sự giàu có, nhưng do tâm keo kiệt nên không cùng thuận hợp. Như ở nơi chốn bất tịnh mà sinh ra hoa sen. Nhưng trong vùng vườn rừng tốt đẹp có con cọp dữ ngồi chờ mồi. Như trong thức ăn ngon quý bỏ thuốc độc vào đấy. Như ngọc báu Ma-ni sinh ra nơi núi cao chót vót. Như trái chín ngon ngọt tròng trên sườn núi cao. Như mặt đất sạch sẽ đem phân ứ bôi trét lên. Như uống thuốc độc mà muốn kéo dài thọ mạng. Như kẻ dâm nữ tự xưng phạm hạnh. Như kẻ nhiều sân hận lại muốn mọi người yêu kính. Như người giảng giải xằng bậy xưng là khéo luận nghị. Nói năng như đứa trẻ ngu si không có chuẩn mực. Phi pháp nói là pháp, bất thiện nói là thiện, tức nhận lấy vô số sự chê trách của thế gian. Ở đây chỉ giữ lấy tài sản, uống danh là giàu lớn, tuy có của báu mà không tạo lợi ích cho ai, trọn ngày khổ nhọc như kẻ không tiền bạc. Nhiều người thấy rồi đều cho là không tốt. Thân thích bạn bè trông thấy không ai thềm thăm hỏi. Người keo kiệt như thế mọi người đều ghét bỏ. Như bày nhận kia không đậu nơi rừng lạnh. Do tài sản kia tự tạo trói buộc. Không biết mạng sống như thác đổ từ núi cao. Không nhớ nghĩ vô thường là nỗi sợ hãi lớn sắp đến. Trong khoảnh khắc một sát-na mạng sống mất đi. Nên biết giàu có cũng không trụ lâu, giống như tai voi, không tạm ngừng nghỉ. Ở nơi sư thuyết pháp không thể hạ mình thưa hỏi. Nghe khen ngợi hành thí tâm không tin vui. Thấy người đến giáo hóa dẫn dắt thì chạy trốn, tránh xa. Nếu như có kẻ được gặp thì

quay lại chửi mắng. Kẻ ngu như thế tuy nhiều tiền của, như những thứ người ta có được trong mộng không khác. Keo kiệt bôn sên cho đến chôn giấu trong đất, giả như gặp bệnh khổ cũng không cầu thuốc hay. Nghe mời thầy thuốc tâm sinh ưu phiền. Do đấy bệnh càng thêm nặng, cuối cùng mạng chung. Người nghe kẻ kia mắt không ai là không hả dạ. Tất cả thân phần vỡ nát khó dám đến gần. Lửa dữ thiêu đốt, khói tanh bốc lên, phút chốc thành đồng tro tàn, mặc cho gió thổi bay đi khắp. Nên biết người này nhất định bị đọa vào đường ác. Ở trong địa ngục chịu vô số khổ. Ra khỏi địa ngục sinh vào naga quý, hình dạng dài lớn, thân thể trần truồng, đen gầy thường bị lửa dữ thiêu đốt, mọi chi phần đều cháy bỏng. Hai mắt sâu như hố, bụng cực to, cổ họng thì nhỏ như cây kim. Trải qua một kiếp dài không được ăn uống, da xương liền sát, không thể tự nhả chịu, thường ăn phân dơ để tự nuôi mạng, môi mép cấu bản, không sinh ghét bỏ. Nếu thấy đờm dãi cùng nhau tranh cướp. Hoặc được chút phần phải chịu nhiều kinh sợ. Hoặc lại sinh ra nơi chốn đồng hoang xa xôi, hoặc nơi biển cạn. Ở chỗ ấy không nghe đến tên nước. Thân thể cao lớn, giống như ngọn núi, bị gió mạnh thổi, lay động phát ra tiếng. Lại bị chim chóc bay đến đậu nghỉ, hoặc mổ hoặc bấu lấy, nhận đủ các thứ khổ não. Từ đây được thoát ra, sinh vào các loài quỷ khác, đó là Dạ-xoa, La-sát-sa, Tất-xá-già, Bộ-đa, Củ-bạn-noa, Bồ-đơn-na, Yết-trá-bồ-đơn-na, Tác-kiến-na, Ôt-ma-na v.v... Nếu như được làm người thì thân hình rất xấu xí, da dẻ đen đúa, thô nhám, dạng mạo như hun khói. Các căn đóng kín, mắt không thấy rõ, nghèo cùng, đói khát, xin ăn để tự sống. Thường cầm gạch đá, tự đập vào ngực mình. Có được thức ăn dơ thừa bỏ đi, hoặc đã sinh giới, bèn cho là đủ. Thường bị gió mưa, nóng lạnh bức bách. Bị các loài côn trùng, ruồi muỗi cắn chích, vĩnh viễn mất hết mọi thứ an lành vui vẻ. Những quả báo xấu ác như thế thật đáng ghê sợ. Hành nghiệp tham lam bôn sên này lại như Kinh Tôn Giả Sở Vấn nói.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn trụ trong vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương Xá. Lúc ấy, trong thành kia có con của một vị trưởng giả thường đến chỗ Đức Phật, vui thích nghe pháp, phát tín tâm thanh tịnh, muốn cầu xuất gia. Liền thưa với mẹ: Xin mẹ cho con, ở trong pháp Phật, xuất gia học đạo. Người mẹ nói: Nay mẹ chỉ có một mình con. Đợi sau khi mẹ qua đời rồi, lúc ấy con sẽ theo ý mình. Người con nghe theo lời dạy của mẹ, gắng sức kinh doanh, của cải vật dụng kiếm được thầy đều dâng mẹ: Xin mẹ lấy tiền của này tùy ý tiêu dùng, nếu có dư thì tạo các nghiệp phước. Người mẹ có được tiền bạc rồi, không chịu bố thí, chỉ lo chứa nhóm cho nhiều, đem chôn giấu dưới đất. Nếu có Sa-môn đi đến khát thực thì vung tay trách mắng, bảo là quý đến. Người con nghe biết sự việc thì không vui: Mẹ ta do đâu đối với chút ít thức ăn uống mà không thể bố thí! Lại tìm cách khuyên dụ. Người mẹ nói dối là đã cho rồi. Không lâu sau, người mẹ mạng chung. Lúc ấy, người con của vị trưởng giả hành tác bố thí rộng lớn để cầu phước báo cho mẹ. Sau đấy thì từ bỏ nhà cửa xuất gia. Đã vào pháp rồi thì càng siêng năng tinh tấn, vui nghe chánh pháp, như lý tư duy, thành tựu căn lực, thông đạt hành hữu vi, tỏ ngộ pháp sinh diệt, dứt các thứ luân hồi, vượt qua năm nẻo, phá vỡ vỏ bọc vô minh, lia tham nơi ba cõi. Xem vàng bạc châu báu cũng như gạch ngói, xoa cắt nơi thân, không sinh yêu giận, tâm luôn bình đẳng giống như hư không. Quyết định vĩnh viễn đoạn trừ hết thầy phiền não, hiện tiền chứng đắc quả A-la-hán. Thiên vương Đại Phạm, Đế Thích, chư thiên thầy đều tôn trọng, cúng dường tán thán. Bấy giờ, Tôn giả ở trong một thảo am bên bờ sông Hằng, tu tập thiền định. Chợt có một con quỷ, hiện ra đứng trước mặt, lỏa hình, đen xấu, như gốc cây cháy trụi, đầu tóc rối bù, bụng to, cổ nhỏ, nơi các phần thân đều bốc cháy, phát ra tiếng kêu khóc thảm thiết. Tôn giả hỏi: Người là ai? Quỷ thưa: Tôi là mẹ ngài. Từ khi mạng chung đến nay trải qua hai mươi lăm năm bị đọa trong loài ngạ quỷ, chịu đói khát vô

cùng, không hề nghe biết đến ăn uống cùng tên gọi của nước. Nếu như thấy sông lớn thì bỗng nhiên khô cạn, xa trông thấy rừng cây trái đến nơi thì không có. Cho đến trong sát-na cũng không có một chút vui vẻ. Rất mong Tôn giả cứu giúp cho tôi. Xin nương nơi chốn này, cầu chút ít nước uống. Tôn giả nghe rồi thì buồn khóc, than nghĩ: Sinh tiền không tạo phước, chết bị đọa vào nẻo ác. Phải phát tâm chí thành, sám hối tội lỗi trước. Quý nói: Tôi bị phiền não bồn sấn che lấp tâm tư, đối với các phước điền chưa từng thí xả chút ít. Những thứ của cải vật dụng đã có trước đây thấy đều ở nơi nhà cũ, đào đất chôn giấu. Xin Tôn giả hãy vì tôi mau chóng lấy những vật này, tạo hội đại thí dâng cơm cúng dường Sa-môn và Bà-la-môn, bố thí cho kẻ bần cùng, cúng dường chư Phật và chúng Hiền Thánh, xưng gọi tên tôi, phát lồ sám hối, nguyện cho thân tôi sớm thoát khỏi khổ này. Tôn giả nói: Nếu có thể như thế thì phải nghiêm khắc trách mắng, hối hận về những lỗi lầm, tội sẽ được tiêu diệt. Quý thưa: Tôi do thân trước không hổ, không thẹn, nên chiêu cảm thân thể lửa lò này, không kham dừng ở nơi đây. Tôn giả nói: Nếu đã tạo ác rồi, tâm không hối tiếc, thì nghiệp kia quyết định. Nếu có thể phát lồ thì tội không tăng trưởng. Nay đã phát tâm, có thể được trụ ở đây. Lúc ấy, Tôn giả mời thân thuộc của mẹ mình trở lại ngôi nhà cũ, đào lấy các thứ của cải vật dụng, như lời quý kia thỉnh cầu, vì quý tổ chức hội bố thí. Dùng các món ăn ngon quý cúng dường Tam bảo và các Bà-la-môn, những người xin ăn đều thí cho đầy đủ. Khi đó, mẹ của Tôn giả đứng một bên thấy vô số người tụ hội đông đúc, tức hổ thẹn vì hình dáng xấu xí của mình, rơi lệ kêu khóc, chỉ cầu xin Đức Thế Tôn thương xót cứu độ. Tôn giả thì năm vóc sát đất, lớn tiếng vì mẹ mình gọi tên họ của bà, nguyện nương nhờ việc thiện này sớm được giải thoát. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng diệu lực của phương tiện, hiện uy thần gia trì, vì bà thuyết pháp và chúng hội kia có trăm ngàn chúng sinh nghe pháp thì tỏ ngộ, đạt được những hiểu biết chân thật. Quý được lia

khô, liền mạng chung. Tôn giả sau đấy lại nhập định xem xét thấy quý kia sinh lại trong loài quý có tài sản. Liền đi đến chỗ của quý, vì quý ấy giảng nói về nhân xưa khiến phát tâm, khuyên hành hạnh bố thí. Nay phải tu phước, sớm cầu xuất ly. Quý nghe lời khuyên hóa rồi, suy nghĩ giây lát và thưa: Bạch Tôn giả! Tôi không thể bố thí! Tôn giả nghe thế bèn than trách: Người thật là ngu si, tập khí bòn sẻn vẫn còn. Không biết hắc nghiệp lần lượt vây quanh, nẻo quý rất hung hiểm, sao không chán sợ? Dùng đủ mọi cách khăn thiết răn trách, kể đến đồ dành, khuyên hóa được hai tấm vải trắng. Tôn giả nhận rồi, đem đến bố thí cho chúng Tăng. Chưa kịp đổi trao, mới khiến một vị Tỳ-kheo thu lấy cất giữ. Quý vẫn còn bòn sẻn tham tiếc, tâm không muốn thí xả nên ngay đêm đó lén đến lấy đi. Vì Tỳ-kheo sau khi phát hiện mất hai tấm vải mới đến bạch Tôn giả. Tôn giả suy nghĩ: Đây chẳng phải người nào khác, ta sẽ đến lấy. Đã đến chỗ của quý rồi, quả nhiên lấy được tấm vải. Quý lại lén cắp ba lần như thế. Tôn giả cũng ba lần thu hồi lại như trước. Vị Tỳ-kheo thu giữ vải tâm cũng sinh phiền não, bèn chia nhỏ ra, đem phân phát cho chúng Tăng. Mỗi vị đều đã thọ nhận rồi, hoặc dùng để vá y. Quý kia lại đến, trộm lấy y đem đi.

Đức Phật dạy: Nên biết tâm tham lam bòn sẻn là lỗi lầm lớn. Do sự trói buộc của tâm này, nên vĩnh viễn bị đọa vào nẻo ác. Cho nên Ta nay theo phương tiện chỉ rõ, khiến các hữu tình đoạn trừ cấu uế bòn sẻn, vui tu hành nghiệp bố thí thanh tịnh rộng lớn. Đây gọi là chánh hạnh của Lọng phước bố thí thâm nhận.

HẾT – QUYỂN 6

KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

Quyển 7

Nếu có chúng sinh dùng các thứ vật dụng bố thí cho các hữu tình, đó là các thức ăn uống, y phục, đồ ngồi nằm, thuốc men, cho đến hết thấy các thứ châu báu quý giá và các kho tàng đều có thể đem bố thí cho. Người bố thí như thế gọi là Bố thí rộng lớn. Hoặc các chúng sinh tâm vui hành thí, nhưng chưa đạt đến sự việc đem các loại vật dụng như trên để bố thí, thì tùy theo những thứ mình hiện có mà có thể thí cho. Người bố thí như thế gọi là Tùy phần thí.

Phật dạy: Ở đây có hai loại thí: Nghĩa là nghiệp thân ngữ ý và các uẩn như thọ, tướng v.v... cùng với tư cùng chuyên, đồng thời tu tạo hiện tiền thí cho, vui thích cùng nối tiếp. Đây gọi là thí. Hoặc trong khoảng sát-na, phát khởi tâm tịnh, dùng các vật mình có mà có thể đem cho, cũng gọi là thí.

Lại nói rõ về hai loại: (1) Không thanh tịnh. (2) Thanh tịnh. Người khéo hành phải nên nhận biết rõ thì có thể kiến lập Nhất thiết chủng trí.

Nếu người bố thí không có giới, không thuận chánh lý, không gồm đủ chánh kiến, cho là thí không quả. Người bố thí như thế, thì không có báo. Hoặc người thọ nhận không có giới, không hiểu giáo pháp, chấp sâu nơi tà kiến, nói thí không có quả, nói người thí cho kia cũng không có báo. Đây gọi là không thanh tịnh.

Nếu người bố thí có trì giới, có chánh kiến, hiểu giáo pháp, biết có quả của bố thí. Người bố thí như thế tức có quả báo. Hoặc

người thọ nhận đủ giới, có chánh kiến, hiểu giáo pháp, nói có quả của bố thí, đối với người thí cho kia là có quả báo. Đây gọi là người thí kẻ thọ, cả hai đều thanh tịnh, chánh hạnh viên mãn.

Nếu người thí thanh tịnh, kẻ thọ nhận không thanh tịnh, đây cũng gọi là thành tựu quả báo bố thí. Hoặc người thí không thanh tịnh. Nghĩa là người ngu kia giữ chặt tài sản của mình, giống như kẻ tồ tở phụng sự chủ. Hoặc bị sai khiến, quan lại đốc thúc, bắt buộc khiến buồn phiền, sau đấy mới thí cho. Hoặc bị giặc oán cướp đoạt làm tổn hại, chịu các thứ kinh sợ, sau đấy mới thí cho. Hoặc bị những thứ khổ do già bệnh nổi tiếp triền miên dần dần bức bách, sau đấy mới thí cho. Các loại cho như thế đều không gọi là bố thí. Hoặc xem ca múa, các loại nghệ thuật biểu diễn, để mua lấy tiếng tốt cho mình, sau đó mới thí cho. Hoặc thấy người khác, so với tiền tài của cải nơi kẻ kia, tự cho mình là giàu có mà cho gấp bội. Ở nơi sắc đẹp của người khác, tâm sinh yêu thích, muốn thu lấy về mình, nên cho gấp bội giá trị của kẻ kia. Người cho như thế đều không gọi là thí. Vì sao? Vì kẻ kia tuy cho tiền tài nhưng tâm thường nhiệt nảo, cùng kết với tham, sân, si, nghi hoặc v.v... không thuận với chánh ý, không tương ưng với thiện, chỉ đi đến luân hồi, tạo điều không lợi ích, sao có thể chiêu cảm căn thiện xuất thế kia? Đức Như Lai có tướng tốt, giữa các ngón tay đều nổi kết đẹp đẽ như mạng lưới là phước báo của bố thí. Những cách cho như trên, ở đây gọi là bố thí không thanh tịnh.

Lại nói về hai loại: (1) Thí rồi không thanh tịnh. (2) Thí rồi hồi hướng thanh tịnh.

Lúc ấy, ở thành Vương Xá có các Đàn-việt đã tu tạo nghiệp phước rồi, ở nơi Tăng-già-lam, trong vườn của chúng Tăng đàn ca múa hát, vui chơi hoan lạc. Khi đó, người vốn là chủ vườn đến thưa cùng chủ chùa. Vị Tỳ-kheo trưởng lão bảo với những người Đàn-việt kia: Các người vì lẽ gì lại đến đây buông lung? Tạm thời

tuy được vừa ý, về sau sẽ chiêu lấy khổ báo? Vị Tỳ-kheo chủ vườn bạch cùng vị Trưởng lão: Những người Đàn-việt ở đây, nói những lời lẽ hay đẹp khiến cho vui vẻ. Vì sao trách cứ họ khiến mọi người sinh phiền não? Vị Trưởng lão liền quở mắng Tỳ-kheo chủ vườn: Ông trước chưa học, không biết giới luật, hành theo bạch y. Nếu vì tài lợi của họ, ông lại xem sự việc thọ dụng những thứ giàu vui này có thể khiến nhiều người tâm sinh cuồng loạn, tác ý phi lý, là duyên hủy hoại chánh pháp.

Khi ấy, vị Trưởng lão kia nói kệ:

*Nếu ở vườn chúng Tăng
Vui chơi thọ dụng lạc
Kẻ ngu kia mù tối
Phá pháp đọa đường ác.
Phải ở trong chốn này
Tu bố thí, trì giới
Cùng hai hành làm bạn
Hay đến cửa giải thoát.
Như hồ ao trong sạch
Bên trong trồng hoa sen
Hoa kia đã nở rồi
Sau tất kết thành quả.*

Thế nào nói là bố thí rồi hồi hướng thanh tịnh? Do người thí kia kiên trì tịnh giới, thể tánh, ý lạc, xưa nay thanh tịnh. Hết thấy các vật hiện có như vàng bạc, châu báu, kho tàng, voi ngựa, xe cộ v.v... tâm không tham tiếc, thấy đều có thể bố thí. Nhận biết có quả báo của bố thí và đời khác của quả báo ấy. Chán ghét luân hồi, lưu chuyển mau chóng. Vui chứng chân thường, lìa các lỗi lầm. Đối với những hoan lạc của năm dục nơi thế gian kia, không sinh nhiễm vương, đều có thể từ bỏ. Đối với sự khen chê, tâm ấy không động. Thấy người đến xin thì nói lời dịu dàng an ủi, hỏi han, sắc

mặt hòa nhã, tránh cau có buồn bực, như trông thấy thân thuộc tôn kính, tâm không chán mệt. Tùy theo ý muốn của kẻ kia đều khiến được đầy đủ. Mau chóng lấy cho, không sinh nghi ngờ hối tiếc, xa lìa những thứ dua nịnh dối trá. Trừ sạch cấu uế bợn sền, chuyên vui với lợi tha. Gánh vác giúp mọi người, giữ gìn uy nghi, dứt bỏ những việc kiện tụng.

Hoặc giả có kẻ đến xin chi phần của thân thể, phải khéo tu nhẫn nhục, không sinh nóng giận bực bội, tâm không tán loạn, vui vẻ hành thí tối thượng: Kẻ kia đã khéo theo phương tiện, cầu xin nơi ta. Ta phải hoan hỷ bố thí cho họ, khiến ta được đầy đủ các Ba-la-mật tịnh giới, tinh tấn, thiện định, thắng tuệ, mau chóng chứng đắc hiện pháp lạc trụ vô vi, thành tựu Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng.

Lại, các hữu tình do tài sản giàu có kia nên sắc lực dững kiện khiến tham đắm nhiều nơi dục lạc. Kẻ kia ở thế gian không gần gũi thiện hữu, không thích nghe pháp Phật, ương bướng khó giáo hóa. Cho đến phát khởi nhiều loại bệnh khổ: Nhức đầu, vàng da, ho hen v.v... hoặc ba nhóm bệnh, làm cho mạng chung.

Lại, quan chức, nông dân, thương nhân thợ thuyền, hết thầy dân chúng hiện có ở thế gian, tâm thường vội vã, hấp tấp, không chút thông dong, thư thả. Hoàn toàn dong ruổi tìm cầu những hoan lạc phóng dật, rơi vào hầm sâu hiểm nạn của năm dục, lần lượt luân hồi, không biết nẻo xuất ly. Dùng tâm đại bi khai thị, chỉ dạy, đối với kẻ ngu si tăm tối, vì họ khiến phát khởi trí sáng. Đối với những người không ai cứu giúp thì diệt trừ khổ não. Người không nơi chốn quay về nương dựa thì khiến có được nơi an ổn. Cho đến những kẻ đang chịu các thứ khổ như trong địa ngục v.v... thì dùng phước nghiệp của bố thí mà mình đã tu tập, bố thí cho các hữu tình, khiến đều lìa khổ. Dùng quả báo của bố thí mà ta đã thu đạt được, không cầu những thứ hoan lạc của năm dục ở thế gian, cũng

không ưa thích sự giàu sang vinh hiển. Chỉ mong vượt khỏi luân hồi, hoàn toàn giải thoát. Đây gọi là bố thí rồi hồi hướng thanh tịnh.

Đức Phật dạy: Hành thí thanh tịnh đã thực hiện như thế rồi, nhân duyên của thời xa xưa, Ta nay lược nói. Trong vô lượng đời về quá khứ, có nước tên Thiện Thanh, vua là Thiên Thắng, giàu sang tự tại. Quyến thuộc rất nhiều, dân chúng đông đúc, yên ổn, giàu vui, yêu kính lẫn nhau, không có tranh cãi, kiêu cáo. Không nghe lời xấu ác, không có bệnh tật. Vườn rừng tốt tươi, cây trái ngon ngọt. Đất đai màu mỡ, không sinh gai gổc, vật dụng nuôi sống đầy đủ. Cõi nước cực thịnh. Nhà vua bẩm tánh nhân hiền, thấy xem lê dân cũng như con đẻ. Yêu thích chánh pháp, chưa từng tạm bỏ. Tâm đại bi quyết định thương xót hết thảy. Chán lìa hữu vi, thấu đạt vô ngã. Là bậc đại trượng phu mọi người đều xưng tán. An trụ trong sự bố thí rộng lớn tâm không tham tiếc. Hết thảy vật sở hữu nhà vua đều có thể xả bỏ. Mỗi sáng sớm, vào hội trường bố thí, những người đến xin đều khéo dùng lời dịu dàng an ủi. Hoặc cần ăn uống thì ban cho các thức ăn ngon. Hoặc kẻ cầu áo quần thì cho y phục tốt đẹp. Cho đến các vật như vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, Ma-ni, kho lẫm v.v..., tùy theo ý muốn thảy đều cấp cho. Bố thí như thế rồi, nhà vua vào hậu cung, tiêu tập các nữ quan, tôi trai, tớ gái, đại thần, quan đứng đầu... mỗi mỗi thảy đều thí cho, khiến được đầy đủ. Các vật sở hữu thảy đều xả thí hết không còn lại gì, chỉ còn bộ trang phục mặc trên người. Lúc ấy, vua Thiên Thắng khởi suy nghĩ: Nay trong thành này, hết thảy dân chúng ta đã chu cấp, đều được giàu có, đầy đủ. Chỉ có những loại trùng nhỏ là chưa từng được thấm nhuần ân huệ. Suy nghĩ nên dùng vật gì để có thể cứu giúp chúng. Khi đó nhà vua liền đi đến nơi chốn có nhiều ruồi muỗi, cởi chiếc áo đang mặc để cho chúng chích hút, khiến đều được no đủ, tâm không chút khổ nhọc. Bấy giờ, trời Đế Thích nhìn xuống cõi nhân gian, thấy sự việc này

rồi, lấy làm lạ về điều chưa từng có. Vua Thiện Thắng kia có thể phát khởi tâm đại bi rộng lớn như vậy, tạo lợi ích an lạc cho hết thảy hữu tình. Ta nên tự thân đi đến để kiểm nghiệm sự thành thật kia. Vua trời Đế Thích bèn hóa làm chim Thú, lông cánh đen sì, móng mỏ sắc bén, bay đến trước mặt vua muốn mổ lấy hai mắt. Vua tích chứa tâm từ nhẫn, trọn không chút kinh hãi, dùng mắt từ ái, đoái nhìn chim kia, nói: Nay thân thịt của ta người mặc tình ăn dùng. Chim vội cúi mình xuống bỗng nhiên biến mất. Vua Đế Thích lại biến thân mình thành một Bà-la-môn, đi đến trước vua, gằn gữ cung kính: Rất mong đại vương bố thí cho tôi đôi mắt. Nhà vua liền bảo: Này Đại Bà-la-môn! Người nếu quả thật cần thiết thì hãy tự mình lấy đi. Ta đối với mắt mình không chút tham tiếc. Bây giờ, trời Đế Thích kia biết hạnh bố thí của nhà vua là chân thật không hư dối, liền ẩn mất thân Bà-la-môn, hiện thân tướng thật của mình, tâm rất hoan hỷ, tán thán: Lành thay! Đại vương nay đại bi kiên cố, nguyện lực quyết định, tạo lợi ích cho hữu tình tâm không nghiêng động. Nơi nơi chốn chốn, tất cả chúng sinh nghe danh hiệu của đại vương đều được những an lành to lớn. Không lâu sẽ chứng đắc quả Bồ-đề tối thượng. Người thí như thế, chủ thể thí là người và đối tượng được bố thí là vật, hoặc nhiều rộng, hoặc nhỏ ít, không gì là không thanh tịnh. Người này sẽ chứng được niệ m xứ, chánh cần, thần túc, căn, lực, các pháp công đức. Đối với đạo Bồ-đề không còn thoái chuyển. Tức là phước điền thanh tịnh tối thượng, có thể nuôi lớn căn thiện của hết thảy chúng sinh. Bậc đại trượng phu này tức vì các hàng cha mẹ, thân thuộc, bạn bè làm nơi chốn quay về nương dựa. Như nhà cửa tốt đẹp có thể ngăn chặn gió mưa, nóng lạnh, các loại côn trùng, khiến dừng trụ được an ổn. Hay đối với vô số Sa-môn, Bà-la-môn v.v... ở trong đại chúng, khéo tuyên thuyết luận nghị, dung mạo hòa vui, thân tâm mạnh mẽ, tinh tường, dùng tuệ quyết định hàng phục các dị kiến. Ví như Hương tượng có sức mạnh lớn nơi núi Tuyết, đè bẹp những

loài oán địch của mình, tâm không chút sợ hãi. Cũng như bậc Tông sư dạy bảo đồ chúng, không hề xả bỏ họ. Như mẹ nghĩ nhớ đến con. Nên biết người này như ao nước trong mát hay cứu giúp hết thảy kẻ mệt khát. Như loại hoa kỳ diệu được mọi người yêu thích, tùy theo xứ nở rộ thì làm trang nghiêm xứ đó, Như bậc y sư kia khéo điều trị các bệnh, đi đến phương nào thì có thể đem lại sự an lạc. Như người khác trừ chú, hay trừ các thứ rắn độc, Người hành thí kia khéo trừ diệt các độc tham sân si, thấy các chúng sinh bần cùng không có phước tuệ, nhiều kiếp bị chìm đắm trong bùn như sinh tử, khiến chúng tu tập các pháp thiện chân thật tương ưng, dần dần dẫn đến núi báu công đức. Như rừng Chiên-đàn, hương thơm theo gió bay xa, mọi người, theo chỗ nghe thấy không ai là không vui lòng. Tiếng tốt của người này cũng lại như thế. Ở khắp nơi chốn đều được mọi người kính vâng. Như đô thành của vua, yên ổn không có lo sợ, tất cả dân chúng nương dựa mà ở. Người hành thí này được mọi người thân cận, như trăng tròn mùa thu, ánh sáng trong lành, hết thảy thế gian thảy đều chiêm ngưỡng. Người vui hành thí cũng lại như thế. Như Đấng Mâu Ni, các căn tịch tĩnh, thuyết pháp giải thoát hoan hỷ bố thí, viên mãn rộng lớn, tương tục không lười trễ. Đây gọi là bố thí chánh niệm giải thoát thanh tịnh.

Lại vị bố thí kia, thấy có người đến, cầu xin nơi mình, phải đứng đây đón tiếp an ủi. Trước tiên thăm hỏi, trao cho các loại nước hương để người kia rửa tay. Sau đây như pháp bày biện các thức ăn uống. Theo chỗ mong cầu của kẻ kia đều có thể thí cho. Cho đến cảnh giới an vui hiện có, tâm cũng không tham tiếc, hoan hỷ thí cho. Đã bố thí như thế rồi, người kia có thể xả bỏ tất cả những thứ ngăn che, trói buộc, lại hay thâm lấy hết thảy căn thiện. Một khi bỏ thân này rồi, trung hữu sáng suốt, lanh lợi, quyết định sinh về xứ trời Tri Túc (Đâu Suất), là cảnh giới an ổn, diệu lạc bậc nhất. Lúc ấy nơi cung trời kia có cây Kiếp-ba, lá tươi tốt xanh biếc, tỏa ra ánh sáng vi diệu. Hoa báu nở tròn, hương thơm xông

khắp. Lại sinh ra vô số thiên y thượng diệu, trùm các chúng trời, tùy ý lấy dùng. Lại có cung điện thanh tịnh rộng lớn, do các báu tạo thành, vàng ròng đan xen, vô số bình báu xếp hàng vây quanh. Phan phướn thêu vẽ đẹp khéo phát phơ theo gió. Lại có vô số trăm ngàn thiên nữ, hình dáng thướt tha, tươi vui không gì sánh bằng. Những vòng hoa đẹp nhất nối kết trang sức xiêm y. Đai áo bằng châu báu, dùng buộc thân hình, xuyên vàng, khoen ngọc, ngọc kha, ngọc bội, chuỗi ngọc, theo bước đi uyển chuyển khuê vang, nghe thật đáng yêu thích. Những thiên nữ như thế trong xứ kia là đông đầy. Lúc ấy, thiên nữ đẹp đẽ bậc nhất kia, biết có một thiên tử mới sinh về xứ này, bèn cùng các quyến thuộc diễn các thứ kỹ nhạc, đi đến cửa thành xứ trời cung nghinh đón tiếp. Khi đó trong chúng, vị thiên tử mới sinh về, uy đức tôn quý riêng biệt, hình sắc khác lạ, tóc xanh biếc mềm mại, nhuần thấm, xoắn quanh phía hữu. Các thứ bụi cấu đều không thể bám vào. Mắt trong sáng, dài rộng như cánh sen xanh. Sắc môi đỏ tươi như trái Tần-bà. Răng trắng đều khít như ngọc kha, như tuyết. Thân phát ra ánh sáng, cùng với mặt chiếu nhau, dài ngắn xứng hợp, người nhìn thấy đều vui vẻ. Vị thiên nữ đẹp đẽ bậc nhất kia thưa cùng thiên tử: Nay trong xứ trời này, những hoan lạc thù diệu, trọn không có nơi chốn nào hơn. Rất mong nhân giả cùng tôi kết làm phu thê, an trụ lâu dài nơi trời này, cùng nhau vui vầy. Liền lấy bình vàng, rót nước rửa tay, và mũ báu xứ trời, các loại chuỗi báu, các vật dụng trang nghiêm thân, đều lấy dâng cho thiên tử.

Lại có thiên nữ, tay cầm phất trần trắng đi trước dẫn đường, đến rừng hoa báu, diễn bày múa hát, tấu các loại âm nhạc. Cả hai cùng nhìn nhau thọ hưởng dục lạc thù diệu. Kế đến lại bay lên lầu quán vi diệu giữa trời, dạo chơi khắp chốn, nghỉ ngơi tùy ý tự tại. Hoặc trong ao báu đều cùng vui đùa. Các thiên nữ kia tranh nhau hái hoa sen, mỗi mỗi đều dâng lên vị thiên tử mới sinh. Hoặc là tung rải hoa, trải khắp mặt đất. Những người ấy đều sinh tưởng

dục, cùng tìm đến gần gũi. Lại có một vị trời đi tới nói lời vui mừng, an ủi: Nhân giả thuở xưa, ở nơi nhân gian, tu hạnh Du Già, phá trừ tham dục, diệt nhân duyên bất tịnh, nay được sinh về đây, thọ lạc thù thắng, được các thiên nữ cung kính, vây quanh. Lúc ấy, vị trời kia liền đánh lễ nơi chân, hoan hỷ khen ngợi rồi nói kệ:

*Lành thay! Nhân giả sinh trời này
Được thọ năm thứ dục thù thắng
Nhu trắng tròn sáng đẹp trời cao
Nở đóa sen xanh hương tỏa ngát.
Xưa tu các hành thiện rộng lớn
Thân phát ánh sáng tịnh vi diệu
Thường dùng mắt từ nhìn chúng sinh
Nên được người trời đồng tôn quý.
Lại có rừng Chiên-đàn thanh tịnh
Cành lá nương nhau thật đáng yêu
Dây dài trải khắp, rũ bốn phương
Hoa thơm chen lẫn thấy tươi tốt.
Có các thiên nữ ở trong ấy
Dung nhan trắng sạch rất thanh nhã
Thân hình mềm mại tỏa hương diệu
Đua tài ca múa không nhọc mệt.
Tôi nay được hầu hạ nhân giả
Mắt sáng tâm vui chưa từng có
Đời này ý lạc không luống bỏ
Nào phải duyên nhỏ mà có được.
Trăm ngàn thiên nữ thường vây quanh
Do hành phước trước mà trang nghiêm
Báo thí như thế khó nghĩ bàn*

Phải nên dứt hẳn các nghi hoặc.

Vị Thiên tử mới sinh dùng kệ đáp:

*Nếu muốn tăng trưởng Tạng công đức
Phải tu thí thanh tịnh rộng lớn
Quyết định đạt được vui thượng diệu
Nước, lửa, phi nhân không thể hoại.
Hoan lạc thiên giới thật hy hữu
Thọ dụng tùy ý thấy hiện tiền
Những người thông tuệ ở thế gian
Nên phát tâm tịnh hành bố thí!*

Các loài hữu tình v.v... phải khéo suy nghĩ, bố thí như thế rồi, thọ báo thù thắng nơi xứ trời, sau sinh vào nẻo người, là trong gia đình vọng tộc, đầy đủ danh xưng lớn, có uy đức lớn, sắc tướng đoan nghiêm, được mọi người vui thích nhìn, thân thuộc đầy đủ, giàu có vô lượng. Ví dù gặp duyên xấu ác cũng không thể phá hoại. Như trong Kinh Tỳ Xá Khư Vương Mẫu Nhân Duyên nói: Lúc ấy, vương nữ kia cùng với quyến thuộc đi ra khỏi cung, đến hoa viên du ngoạn. Sau khi vui chơi rồi thì nghỉ ngơi, liền cởi những vật dụng trang sức nơi thân bằng châu báu quý ra, lấy để vào trong khăn bịt đầu rồi giao cho tỳ nữ của mình. Lại đi đến chỗ Đức Phật, vui nghe chánh pháp. Nghe xong thì trở về cung. Nữ tỳ chợt quên mất những vật dụng mình được giao giữ. Cô vương nữ nghe lấy làm không vui, bèn thưa cho vua cha biết. Người mẹ nói với nhà vua: Vật này nhất định còn. Giả như có người thấy cũng không thể lấy được. Ta ở trong nhiều đời, cho đến thân này, đối với vật của người khác, không sinh khởi một chút ý tham. Nếu như khởi niệm này, ta tất muốn lấy hết thấy tài vật, phần thân của chúng sinh, tôi tức không thể được thấy chư Phật, khiến các hữu tình được quả báo như ý.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan trông thấy vật này rồi bèn lấy cất, sáng hôm sau đi đến hoàng cung dâng nộp cho vua. Vua nói: Vật bị mất kia nhờ Tôn giả trông thấy. Người khác nếu nhặt được tất đã giấu đi. Người mẹ nói với vua: Sao con không tin? Ta đem vật này ném nơi ngã tư đường để kiểm chứng phước lực của mình, xem ai có thể lấy nó? Sau khi đã ném bỏ như thế rồi, những người qua lại, mỗi mỗi đều trông thấy, lấy làm lạ, hoặc cho là bất tịnh, hoặc nói là rắn độc, rồi đều bỏ đi. Vua hãy còn nghi, chờ mẹ ngủ say, tháo lấy chiếc nhẫn của bà ném xuống sông. Bà mẹ thức dậy hỏi: Ai lấy chiếc nhẫn? Vua thưa: Nhờ phước lực giữ gìn, người nào dám lấy? Người mẹ nói: Chờ đấy! Sau nhất định sẽ tìm được. Bỗng một hôm, sai người vào chợ mua một con cá đem về. Lúc mổ bụng cá thì thấy chiếc nhẫn. Mọi người đều kinh lạ. Nhà vua liền tán thán: Lành thay! Mẹ ta, lời nói quyết định như tiếng gấm của sư tử. Về sau, Tôn giả A-nan lại đến chỗ vua. Nhà vua bội phần sinh tin tưởng, bèn nói: Phước lực chân thật như thế, rốt cuộc tôi sẽ vui tu phước nghiệp.

HẾT – QUYỂN 7

KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

QUYỂN 8

Đức Phật dạy: Đại vương nên biết! Hết thấy chúng sinh ở thế gian do bố thí thanh tịnh nên phước báo thọ nhận được kẻ oán thù không thể hủy hoại. Giả như có trăm ngàn người cũng không thể cướp đoạt. Tùy theo nơi chốn thì phước luôn là dẫn đầu. Cho đến đời khác phước cũng như vậy. Giống như bạn bè thường tùy thuận theo đuôi. Bây giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Do đời trước tích tập
 Những hành phước rộng lớn
 Nay được làm vua người
 Đủ an lành tôn quý.
 Trăm ngàn kẻ tùy tùng
 An lập nơi trước vua
 Do phước lực thấu phục
 Chiêm ngưỡng đều kính sợ.
 Nên biết phước nghiệp kia
 Như mắt bụng, tay chân
 Thường yêu thương, giữ gìn
 Khiến nối tiếp không dứt.
 Ta xưa tu hành thí
 Hết thấy đều xả bỏ
 Chỉ giữ một con voi
 Theo ý mình cỡi đi.*

Vui nương chốn núi rừng
Tu tập các thiền định
Lúc ấy dân trong nước
Thấy đều đến cùng theo.
Tay cầm phát trần trắng
Hoặc là cầm tán lọng
Lại dùng các đệm cỏ
Chỗ đến trải giường tòa.
Mọi người cùng thừa vua
Chúng tôi không phước tuệ
Nay mong đều thân cận
Cùng tu các hành thiện.
Phước là tài sản báu
Thường được vui chân thật
Phước là người thân nhất
Dẫn đến xứ an ổn.
Phước tợ báu Như ý
Đặt trong lòng tay mình
Tạo an lành tối thượng
Sở nguyện đều thành tựu.
Đủ sắc tướng thù thắng
Thọ diệu lạc năm dục
Lời nói người thích nghe
Khéo léo thật sáng rõ.
Thọ mạng được dài lâu
An ổn không ưu não
Tất cả các chúng sinh
Trông thấy như thân hữu.

Nếu các hữu tình ở nơi phước điền thù thắng, thuận theo chánh lý, chuyên tâm bồ thí, thì quyết định trong đời này, hiện có được phước báo tương ứng là giàu có sung túc. Như phu nhân Kim Man, nghe nói về công đức của Phật, tâm sinh kính ngưỡng tán thán, bèn lấy tóc mượt vàng vi diệu có trước của mình, dâng lên Đức Như Lai. Lại, vương nữ của vua Thiện Tư, dùng thức ăn uống thượng diệu cúng dường Tôn giả Tu-bồ-đề. Lại, con gái của Bà-la-môn Tu Phát, tự cắt tóc nơi đầu mình đem bán để thết cơm cúng dường Tôn giả Đại Ca Chiên Diên, tóc lại mọc như cũ. Ba người nữ này, do bồ thí thanh tịnh, thân hiện tại đều được làm hoàng hậu của nước. Lại, trưởng giả Phước Nghiêm, cúi mình đến thỉnh Phật và các vị A-la-hán đến nhà thết trai cúng dường, kho lẫm lại đầy tràn. Như người nữ chăn bò cầm hương Chiên-đàn và cô gái nhà nông dùng bông lúa mạch cúng dường tháp Phật đều được sinh thiên. Nhân duyên được thọ hưởng quả báo hiện tại như thế, như Kinh Thắng Quân Vương đã nói.

Lúc Phật ở tại thành Xá Vệ, phu nhân Mạt Lợi, vợ vua Thắng Quân, mới sinh một bé gái, đủ mười tám tướng trạng cực xấu. Tuổi lớn dần phải tìm nơi gả chồng. Những nhà quý tộc kia, không ai muốn làm cha chồng cô gái. Còn những tộc họ thấp kém thì ý vua không bằng lòng. Khi ấy, có con trai của một trưởng giả nước ngoài, sinh sống lâu trong thành này, mọi chi phí tiêu dùng đều cạn, lẻ loi đi khắp nơi, chưa có chỗ sánh đôi. Quan lại tâu với vua, có thể cho kẻ kia yết kiến. Vua bèn triệu đến và bảo anh ta: Ta có một trưởng nữ, nhận khanh làm rể. Nếu cùng theo nhau thì phú quý trọn đời. Nếu như muốn trở về nước, cũng có thể cùng về. Khi ấy, vương nữ bèn lấy những thứ châu báu quý giá trang sức nơi thân, rồi vua đem gả cho kẻ kia cùng ban cho vô số các loại tiền của vật báu. Người con trai của trưởng giả kia bèn lấy cô công chúa này làm vợ. Chẳng bao lâu sau, hai vợ chồng cùng trở về bản quốc. Đã về đến nhà, bà con thân tộc của người con trai bày lễ xin

gặp mặt. Người con trưởng giả nói: Vợ tôi là con gái của vua, xem mặt đâu có dễ. Nếu muốn xem tất phải chọn ngày. Về sau, những người thân thuộc lại đến nhà. Người con trưởng giả nói: Xin hẹn bảy ngày sau ra khỏi thành đến hoa viên sẽ cùng gặp nhau ở đây.

Những người kia hỏi gạn lại: Lời nói này là quyết định. Nếu không đến chúng tôi sẽ phạt năm mươi vạn tiền. Bảy ngày đã đến, người con trưởng giả kia bày biện đầy đủ các loại thức ăn uống ngon lạ. Trước lấy một phần đem để trong phòng, rồi báo cho vợ biết, khóa chặt cửa phòng lại, tiếp theo, người con trưởng giả mang khoản tiền bị phạt và các thức ăn uống đi vào hoa viên. Lúc này, đám người ở trong vườn, xa thấy người con trưởng giả kia chỉ đến một mình, đều bảo nhau: Người này nói dối không theo sự nghị bàn trước.

Khi đã đến vườn, người con trưởng giả thưa với chúng bà con thân thuộc: May mắn là không thấy ai nóng giận, xin được nộp khoản tiền phạt. Những người kia nói vợ ông là hạng tôn quý, giấu kín trong nhà, ánh sáng của mặt trời mặt trăng hãy còn không khiến thấy huống gì chúng ta, làm sao có thể thấy được!

Bấy giờ, cô vương nữ kia tự than thầm: Ta tuy tuổi trẻ mà hình dung xấu xí. Đây là nghiệp ác gì mà chiêu cảm lấy sự thô xấu này! Rồi lớn tiếng than: Khổ thay! Khổ thay! Khiến cho chồng ta phải chịu nhiều sự hổ thẹn, thường phải nói dối và bị trách phạt. Sống ở trên đời như thế thì sống làm gì! Than xong liền lấy dải lụa tự thắt cổ mình. Lúc ấy, vị Thần thủ hộ nhà thấy sự việc này rồi bèn nói với vương nữ kia: Ta phải cởi sợi dây ra để bảo toàn tánh mạng, không khiến bị chết yểu. Nên biết Đức Thế Tôn, đại bi vô tận, thường vui cứu độ các chúng hữu tình, luôn khởi niệm thế này: Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào vì họ giảng nói pháp yếu, khiến sinh tin hiểu?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến chúng tẩy trừ cấu uế của tham dục?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ dứt trừ lỗi lầm của sân hận?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ diệt trừ ngu si ám độn?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ tăng trưởng hết thảy căn thiện?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ xuất ly khỏi bùn lầy sinh tử?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ vượt qua biển khổ luân hồi?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ giải thoát khỏi sự trói buộc của phiền não?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ nhổ bỏ tên độc tuệ ác?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ cắt đứt bốn dòng thác dữ, khiến đến bờ kia?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ thoát khỏi các loại khổ độc của ba đường ác?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, bỏ thí nước pháp, khiến họ dứt trừ khát ái?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ chán ghét các thứ ung nhọt của cảnh giới?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ phá vỡ màng vỏ vô minh từ vô thủy?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ đè bẹp núi cao ngã mạn?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ xa lìa các điều ác, mặc áo hồ thẹn?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ tu tập đầy đủ giới, định, tuệ học?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ thông đạt các pháp, tâm được tự tại?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ đạt được mắt trí thanh tịnh?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ vượt nhập nơi cửa đại giải thoát?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, khiến họ phát khởi tâm đại Bồ-đề?

Ta nay nên ở nơi những chúng sinh nào, dùng vòng hoa Bồ-đề kết vòng trên đầu chúng?

Ta nay nên khiến con gái của vua Thắng Quân, thay đổi hình dạng xấu xí đạt được sở nguyện.

Đây là Đức Thế Tôn, trong từng sát-na, sát-na, niệm niệm quán xét về tất cả chúng sinh, hoặc gần hoặc xa, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc tốt đẹp, hoặc xấu kém, tánh thượng, trung, hạ, đều có thể cứu độ. Mắt tuệ đều thấy không bỏ sót một chúng sinh nào. Như có kệ nói:

Phật không bỏ chúng sinh

Xa gần đều hóa độ

Như quả lúc chín tới

Tự nhiên sinh vị ngọt.

Cho nên Đức Mâu Ni

Oán thân chỉ một tướng

Lợi lạc các chúng sinh

Cũng không mong báo đáp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn trước vì thu phục, giáo hóa ngoại đạo lõa hình Ni-kiền-tử, nên hiện tướng đại nhân an tọa trên hoa sen báu, thân mặc y hồng, rực rỡ như mặt trời mới mọc, sắc tướng tịch tĩnh, an trụ vào uy nghi, giống như núi vàng phát ra ánh sáng vô cùng tận. Ở trong đại hội có vô số người trời, như ở giữa muôn vì sao hiện rõ ánh trăng tròn. Cũng như cây Đa la báu nơi thiên cung, gió nhẹ lay động, người người đều thích nương dựa. Như cây San hô có hoa báu trang nghiêm. Như trong mâm vàng, đốt đèn đuốc lớn. Như Hương tượng trắng lộ vào sông Ni-liên, được bụi phấn nơi nhụy hoa sen vàng phủ đầy. Cũng như mùa xuân, cây Yết-ni-ca nở rộ hoa vàng, người người đều ưa thích, khéo có thể điều phục tất cả hữu tình, vào trong các đường ác, không sinh chán mệt, du hóa nơi nẻo thiện, khéo thuyết giảng các pháp, đều khiến phát tâm được vui an ổn. Do các hữu tình từ vô thủy đến nay, nối nhau tạo tác vô số các hành ác như tham sân si v.v... Hoặc oán hoặc thân và không thân oán, luôn bình đẳng thương xót giống như một người con, đều khiến xuất ly khỏi hiểm nạn luân hồi. Như mặt trời xua tan bóng đêm, khiến hết hẳn không còn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng âm thanh của bậc Nhất thiết trí, vì ngoại đạo kia, lược nói pháp yếu. Nên biết thế gian, pháp động, bất động, dùng trí thấu suốt, thấy đều vắng lặng. Do tâm hư vọng, mê lầm nơi nhận thức chân thật, tự tánh Niết-bàn xưa nay thanh tịnh. Ngoại đạo kia nghe thuyết giảng như thế, tâm được khai ngộ, liền có thể đoạn trừ các thứ ngã mạn chấp chặt. Ví như sư tử cất tiếng gầm rống, tự nhiên có thể làm rạn nứt tảng đá to. Lúc ấy, Đức Như Lai bẻ gãy những dị kiến kia, luận nghị thù thắng, hiện thân thông lớn, bay lên xứ trời A-ca-ni-trá. Tất cả chúng sinh hiện có trong cõi ấy, thấy đều xung tán công đức của Phật, hết thấy thế gian không ai có thể hơn. Lại hiện hiện tướng Ô-sắt-ni-sa, là

tướng Vô kiến đánh, ly cấu tối thắng. Sắc xanh biếc xoay quanh phía hữu, nhuần thấm rất đáng yêu thích. Lại phóng ánh sáng từ tướng bạch hào ở giữa hai lông mày, như trăng tròn mùa thu. Đây là công đức bậc nhất của Đức Như Lai, chẳng phải đồng với điều thiện nhỏ của Phạm thiên mà chiêu cảm được. Là do tâm đại bi, lợi tha của Phật phát khởi. Nếu như các chúng sinh nhiều như vi trần nhóm họp, an trụ trong chánh tư duy, cũng không thể suy lường được tướng Ô-sắt-ni-sa kia. Chẳng cứng, chẳng mềm, chẳng thành, chẳng hoại, chẳng gấp, chẳng hoãn, chẳng động, chẳng tĩnh, chẳng mau, chẳng chậm, chẳng mạnh, chẳng yếu, chẳng trầm, chẳng cử, chẳng bằng phẳng, chẳng hiểm trở, chẳng hợp, chẳng tan, chẳng bám, chẳng lia, chẳng siêng, chẳng lười, chẳng lo, chẳng toan, chẳng bệnh, chẳng nã. Tất cả chúng sinh bình đẳng cùng có công đức đệ nhất, an lành tối thắng. Khi đó, ngoại đạo kia tâm tin hiểu thanh tịnh, ở trong pháp Phật được trụ an ổn.

Bấy giờ, cô gái con vua ở trong nhà mình, nhờ hào quang của Phật chiếu tâm được an ổn, rộng mở, liền khởi suy nghĩ thế này: Nay Phật ở đời, tạo lợi lạc cho chúng sinh. Có kẻ gặp nguy nạn đều nhờ Phật tế độ. Chỉ mong Đức Thế Tôn không bỏ đại bi, thương xót che chở, hộ trì, hiện thân trước con. Nói những lời như thế rồi, hướng về phía xa, rạp mình kính lễ, buồn khóc rơi lệ. Phật biết được ý của nàng, khiến trong căn nhà ấy hốt nhiên nghiêm tịnh. Lúc ấy, Đức Như Lai từ đất vọt lên, thân sắc vàng ròng, tướng hảo đoan nghiêm. Cô gái con vua, thấy thân tướng Phật, tán thán chưa từng có, dùng hương hoa thù diệu kính dâng cúng dường. Lại dùng ngọc anh lạc, châu báu quý giá phụng cúng. Chắp tay đánh lễ, cung kính gần gũi. Bóng Phật che thân, tức khắc được đoan chánh. Tâm rất vui mừng, hân hoan cực độ, cúi mình trước Phật, dùng kệ tán thán:

Thích Sư Tử tới thẳng
 Nương hang đá Chỉ la
 Đủ thiếu dục tri túc
 Là lỗi lầm thế gian.
 Trí tuệ là răng bén
 Hồ thẹn là tóc râu
 Hàng phục các ma oán
 Như ngoạm loài hươu nai.
 Nhân là áo giáp chắc
 Lực từ dùng làm cung
 Khéo bắn tên trí kia
 Diệt hết giặc phiền não.
 Tám giải thoát làm ao
 Chánh hạnh làm bờ đê
 Nước tinh tấn không cầu
 Nở hoa sen giác ý.
 Dũng mãnh lia các lỗi
 Dứt trừ gốc ba cõi
 Thí pháp được bình đẳng
 Là lành bệnh tham sân si.
 Đủ uy đức sáng thịnh
 Tướng tốt để trang nghiêm
 Tăng trưởng tâm công đức
 Gánh vác nơi quần sanh.
 Khéo trụ vào uy nghi
 Các căn không tán loạn
 Như hoa Câu-phước-la
 Người thấy sinh yêu thích.
 Không sợ, không cầu nhiễm

Tâm tịch tĩnh tối thắng
Giải thoát hết buộc trói
Thành tựu Nhất thiết trí.
Mâu Ni, Đại Ngưu vương
Thế gian không gì sánh
Hay cứu các chúng sinh
Hoặc bệnh, hoặc ưu não.
Mặc Tăng-già-lê hồng
Lặng trong mà bất động
Con dùng các thí dụ
Tâm tịnh để xưng tán.
Như cây Đa La vàng
Thân cao vút lại thẳng
Cũng như trụ vàng đúc
Tỏa ánh sáng rực rỡ.
Lại như thổi vàng kia
Mạ bột thơm Chiên-đàn
Thân tướng Phật như thế
So sánh không thể biết.
Hoặc cho núi vàng diệp
Một ngọn cao chót vót
Dù cuồng phong thổi dữ
An nhiên trụ như vậy.
Hoặc cho A-tu-la
Cùng vua trời đánh nhau
Xe kiệu vàng kia rơi
Bỗng nhiên hiện nơi đây.
Hoặc bảo cò Đé Thích
Đều do vàng tạo thành

*Uy nghiêm lại sáng rõ
 Bổng nhiên hiện nơi đây.
 Hoặc bảo trời Đa văn
 Lâu gác báu vi diệu
 Dùng các báu trang nghiêm
 Bổng nhiên hiện nơi đây.
 Hoặc Phật mẫu Trì Địa
 Lộ ra Tạng diệu bảo
 Phóng vô số ánh sáng
 Bổng nhiên hiện nơi đây.*

Đức Phật bố thí hóa độ rồi bổng nhiên ẩn mất. Khi ấy, cô vương nữ kia ngồi kiết già, nhất tâm chuyên chú tưởng niệm thân Phật. Lúc này, người con trưởng giả, trước ở trong vườn, bị bạn bè thân thích ép uống đến say. Cả đám người cùng luận bàn với nhau: Có thể lấy chìa khóa cửa trong tay anh ta. Rồi tất cả cùng vội vàng đi đến nhà kia, mở cửa mà nhìn, mới thấy vợ của người ấy, dung mạo như thiên nữ, nên đều ngạc nhiên, bất giác cung kính thi lễ. Lúc đó, người con trưởng giả về đến nhà, thấy vợ mình dung nhan tươi đẹp, người vợ bèn đem sự việc trên thuật lại cho chồng biết. Nay Đức Phật Thế Tôn là phước điền tối thượng, tôi nay lại đến cung kính cúng dường. Đã làm Phật sự rồi, bèn tự mình phát thệ: Nếu các nghiệp ác mà thân này của tôi hiện có đã chiêu cảm quả báo xấu xí ấy, thì xin không còn thọ nữa. Cho đến hết thấy chúng sinh trong thế gian đều lìa thân thô xấu, đều được đoan chánh. Tức ở trước Phật, dùng kệ nói lại ý này:

*Thế Tôn sắc tướng diệu
 Trang nghiêm đều đầy đủ
 Hay khiến các hữu tình
 Người thấy được như ý.
 Con nay đem chút thiện*

*Đến khắp chúng hữu tình
Thấy dứt nhân thô xấu
Đều được báo đọa nghiêm.*

Phật nói: Nay hiền nữ! Ta không tự tán thán, không nói lời hư dối, không cầu được cúng dường. Tùy theo nghiệp báo đã thọ nhận của các chúng sinh, khởi tâm đại bi mà cứu độ chúng. Liền nói kệ:

*Ta là Điều Ngự Sư thế gian
Không cầu danh xưng và lợi dưỡng
Khéo có thể dứt cờ năm dục
Đều khiến tâm chúng sinh tịch tĩnh.
Ba minh, hai hành thấy đầy đủ
Nên cùng trời người tạo an lành
Ta đã hàng phục các ma oán
Rốt ráo không người có thể hơn.
Lìa hẳn lỗi lầm trong ba cõi
Tâm giải thoát không sinh phiền não
Tập khí kia dứt hết trọn vẹn
Được thọ thế gian, rộng cúng dường.
Nếu có chúng sinh đến gây ác
Tâm vẫn bất động như hư không
Nguyện sẽ dẫn dắt chúng phạm ngu
Chúng được trí vô lậu tròn sáng.
Nếu có bốn chúng như Tỳ-kheo v.v...
Cùng đến chỗ Ta vui nghe pháp
Đều khiến đầy đủ các luật nghi
Quyết định sẽ được thành bậc trí.
Ta là Thái tử vua Tịnh Phạn
Vui tu khổ hạnh nơi hang núi
Thoát được nguồn khổ sinh lão bệnh*

Do đây thành tựu Đạo vô thượng.

Cô vương nữ kia, do ở nơi Đức Phật Thế Tôn, tâm tịnh bố thí nên hiện thân đạt được sắc tướng đoan nghiêm. Nếu người vui cầu an lạc tối thượng, phải ở nơi Phật cúng dường thanh tịnh. Đây gọi là Phật nói về chánh hạnh của Lộng phước. Tỳ-kheo các ông phải thường vui thích thọ trì. Đối với thí, giới, định phải siêng năng tu học.

HẾT - QUYỂN 8

KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

QUYỂN 9

Nếu ở nơi phước điền tối thắng như Đức Phật v.v... chuyên tu hành thí nhất định đạt được quả báo. Như thế cho đến hiện thấy ở thế gian, sự tôn quý của bậc vua chúa là không gì sánh bằng. Đầu đội mũ báu, châu ngọc xen lẫn, khoen tai, xuyên tay đều là vàng ngọc, ánh sáng giao nhau. Dung nghi thanh khiết, đủ tướng đoan nghiêm, chuỗi ngọc, tràng hoa báu dùng để trang sức nơi y phục. Cung điện là chỗ ở cao rộng, nguy nga, tráng lệ. Lầu gác, cửa ngõ, cổng vào thay đều tinh xảo, cân đối. Tơ thêu, lụa vẽ đủ màu, màn che giăng khắp. Thú ngọc, sư tử, chim Câu-chỉ-la đặt ở trong lồng dùng để thưởng ngoạn. Tường thành cao vút, các lực sĩ bảo vệ vòng quanh, voi ngựa xe cộ qua lại tấp nập. Dân chúng cư trú, an ổn giàu vui, không có các thứ tranh tụng, trộm cắp, trốn chạy, các sự việc quấy nhiễu, khủng bố v.v... Nơi nơi đều có cây Sa-la, cây Đa-ma-la, cây Chiêm-bác-ca, cây Vô ưu v.v..., cành lá, hoa quả tươi tốt đáng yêu thích. Nơi chốn vua muốn đến, ở nơi ngã tư đường lớn đều được dọn dẹp sạch bụi bặm cầu bần, ngói đá, gai gộc. Dùng các loại nước thơm rưới khắp trên mặt đất. Trăm ngàn loại kỹ nhạc, tiêu, sáo, đàn không đàn bầu, đánh trống, thổi loa. Đám tùy tùng dẫn đường trước sau. Vua cỡi long tượng, uy đức tôn quý đặc biệt, thanh khiết tối thượng. Gỗ nguru đầu chiên đàn mài dùng để xoa nơi thân hương thơm lan xa. Áo quần lụa đỏ tươi như mặt trời mới mọc. Tay mặt cầm phát trần trắng đẹp đẽ, báu phệ lưu ly dùng làm cán. Trương dù lọng quý, vàng ròng làm thân.

Vô số các loại châu báu trang trí rực rỡ. Bấy giờ trong thành kia, hết thầy dân chúng cùng hoan hỷ chấp tay, đồng âm xung tụng, rải các thứ danh hoa, trải khắp mặt đất. Có các sĩ tộc chọn những ý tưởng hay khéo, tạo nên những bài ca vịnh, ghi chép tán dương đức hóa của vua. Vua nghe rồi càng thêm vui thích. Quả báo tốt đẹp như thế là do bố thí mà được. Đây nói: Đó là ở nơi phước điền thù thắng, chuyên tu hành thí, thành tựu Lọng phước.

Thế nào là bố thí khiến các hữu tình hoàn toàn được sự giàu vui ở thế gian, thọ dụng cảnh giới của năm dục thù diệu? Phải nên nhận biết rõ hành nghiệp bố thí như thế không chỉ chiêu cảm được sự giàu vui rộng lớn, cho đến nhân của trí vô thượng cũng có thể thành tựu. Nên biết thí này là kho tàng kiên cố, không bị nước lửa, giặc cướp hủy hoại. Nên biết thí này là người bạn tối thắng, đời này, đời khác luôn là bạn tốt. Nên biết thí này như hạt giống tốt, nơi tất cả thời đều được quả như ý. Nên biết thí này như thêm thang kỳ diệu có thể dẫn lên xứ trời thọ các hoan lạc. Nên biết thí này cũng như đèn sáng có thể phá tan bóng tối tham lam, bòn sẻ của loài nạ quý. Ở trong nẻo ác có thể làm sự cứu vớt. Ở nơi chốn hiểm nạn có thể tạo sự cứu hộ, vượt biển sinh tử, đạt đến bờ kia. Nếu các chúng sinh nhận biết như thế rồi, luôn luôn phát khởi tác ý thanh tịnh, siêng hành bố thí nối nhau không dứt. Đối với những vật hiện có tâm không tiếc lẫn, cũng không uổng phí, sinh giác ngộ sâu xa. Những thứ ấy đều là những vật không bền chắc, hoàn toàn vui tu nghiệp thí thanh tịnh. Do vậy nên tiếng tốt lan xa, người thấy đều vui kính, thường được người thiện nương dựa cùng trụ. Ở giữa đại chúng, tâm không khiếm nhược. Khéo trụ vào uy nghi, tán thán công đức bố thí, có thể chiêu cảm sự giàu có, lìa khỏi đường ác, được sinh lên xứ trời, đi đến thành giải thoát. Khiến người khác tin hiểu, lìa cấu uế tham lam keo kiệt. Nên biết người này là Đại Bồ-tát, là thiện trí thức, là đại trượng phu, có thể nuôi lớn căn thiện chân thật của các hữu tình. Hết thầy chúng sinh

phải nên đi đến thân cận cúng dường, vui nghe chánh pháp, như lý tu tập, cầu đạo xuất ly.

Như trên đã nói, nếu ở nơi Đức Phật v.v... chuyên tu hành thí, nhất định đạt được quả báo. Giả sử không gặp một Đức Phật, Bồ-tát mà có thể nhận giữ tâm thí như thế, thì quả báo được chiêu cảm cùng đồng như trước không khác. Vậy nên Đức Thế Tôn dùng phương tiện chỉ bày khiến các chúng sinh theo thứ lớp hành học.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn du hóa, nương dựa, ở trong rừng trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục Kiền Liên khởi suy nghĩ: Nay Đức Thế Tôn cùng chúng đại đệ tử là các Thanh văn, trụ trong khu rừng này, cần phải kiến lập một tăng phường thanh tịnh. Suy nghĩ như thế rồi, Tôn giả bèn đến chỗ của Đế Thích, bạch: Thưa Thiên chủ! Dám xin nhân giả vì Đức Phật Thế Tôn, ở nơi rừng trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương Xá tạo lập Tinh xá, để Ngài và các đệ tử, các vị Đại A-la-hán, cùng an cư ở đây. Vua trời Đế Thích nghe nói như thế rồi tâm rất hoan hỷ, vâng dạ nhận lời. Liên dùng vô số vàng bạc, châu báu, để thanh, ma-ni, phệ lưu ly v.v... xây dựng hai lớp cổng, hành lang, mái hiên, cửa ngõ, cung điện lầu gác, san hô làm cột, vô số vật báu tô điểm đan xen. Lại dùng các loại báu khắc thành hình các loài chim bay quý giá, treo lơ lửng nơi không trung, tư thế như đang cất cánh bay liệng. Vô số gương báu bao quanh, treo chùng xuống, trong suốt không chút cấu uế, phản chiếu rực rỡ như trăng, sao. Vô số thiên y sáng sạch mềm mại, vàng ròng làm giá, dùng để phơi trái y phục thượng diệu bên trên. Vòng báu kim cang, vòng hoa chân châu, xen nhau theo từng hàng dùng để tô điểm. Đốt các thứ danh hương, hơi quyện tỏa tan khắp. Lại thắp vô số loại đèn, ngày đêm chiếu sáng. Cúng dường như thế là việc ở thế gian chưa từng có. Trong khu vườn kia, nơi nơi đều trồng hoa Long tự tại, hoa Chiêm-bác-ca, hoa Ngung-lỗ-ma, hoa Câu-trá-ba, hoa Vô ưu

thọ. Hoa nở khắp nơi trông rất đáng yêu thích. Nơi rừng hoa còn có đình bằng san hô, cửa ngõ chạm trổ kỳ xảo. Đều dùng nhiều thứ châu báu để trang hoàng tạo vẻ đẹp khác lạ. Gió nhẹ thổi hoa, mùi hương thoảng bay rất xa. Có các thiên nữ dạo chơi, dừng lại trong vườn. Những thứ trân kỳ bậc nhất dùng làm râu chuỗi báu, thú ngậm ngọc đeo, phát ra tiếng kêu leng keng. Trong rừng còn có các Dược-xoa nữ, hình dung nghiêm túc, tranh nhau cùng chạy xem, búi tóc còn rớt lại hoa báu, thay nhau cười đùa.

Lại có các hồ ao thanh tịnh rộng lớn, do nhiều thứ báu hợp thành, nước hương tràn đầy. Trong hồ thì có hoa sen báu lớn, bạc trắng làm cánh, vàng ròng làm cọng, các thiên nữ xinh đẹp đứng yên bên trong đối sắc mặt tạo vui, dâng các điệu ca múa hay lạ. Lại còn có vô số hoa sen màu vàng, hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-một-na, hoa Ca-ha-la, chiếu sáng rực rỡ hương thơm tỏa khắp hòa quyện xông ngát. Có các loài chim nước: Chim Tử uyên ương, chim Le le, chim Nhạn, bay liệng, đậu lại làm tổ trong hoa, xù lông rửa cánh. Lại có các đàn cá đùa giỡn, nhớn như bơi lội qua lại, chạm hoa, lật mình trên sóng, làm kinh sợ những chú cò bẽ, vịt nước. Bao quanh hồ đều dùng vàng bạc pha lê và các ngọc báu làm bậc thềm. Trên bờ ao hồ lại có rừng cây Kiếp-ba, cành dài đong đưa trên nước, lá dày kín, giao tàng rợp bóng, các loại hoa tươi tốt xen nhau nở rộ. Vô số trăm ngàn sĩ tộc, dân chúng, giàu vui, trang nghiêm, diễn bày các thứ kỹ nhạc, tới lui thường ngoạn không có ngăn trở.

Lúc ấy, vị Thiên chủ kia, vì Đức Phật, Thế Tôn tạo lập Tịnh xá tròn một tháng mới xong. Sửa sang liệu biện những việc phải làm, không để có chỗ thiếu sót. Vô số kho tàng thầy đều sung mãn. Trước tiên Thiên chủ đi đến chỗ Đức Phật thừa bầy: Đất này an lành, rộng rãi nghiêm tịnh, so với vườn Hoan hỷ là như nhau, không khác. Kính mong Như Lai đến đây an cư. Lúc ấy, Đức Phật

vì thương xót Thiên chủ kia nên liền nhận lời. Lại dùng trăm ngàn voi quý bậc nhất dâng cúng Như Lai. Cùng dùng trăm ngàn thiên nữ xinh đẹp cầm lọng, mang phất trần quạt mát để hầu hạ các vị đại đệ tử. Lại đem trăm ngàn chúng Càn-thát-bà tấu âm nhạc vi diệu để cúng dường.

Bấy giờ, trong thành Vương Xá có một trưởng giả nhà rất giàu, tiền tài của báu vô lượng, sánh với Thiên vương Đa Văn vẫn còn hơn. Nhưng trưởng giả kia nhiễm sâu tà kiến, tín thọ pháp của ngoại đạo Ni-kiền-tử. Vị trưởng giả thấy sự việc này rồi thì tâm ôm giữ nghi hoặc. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục Kiền Liên biết cơ duyên của trưởng giả kia đã chín, liền đi đến giáo hóa dẫn dắt, vì ông thuyết giảng pháp yếu, tán thán công đức của Phật. Trưởng giả kia nghe pháp rồi, tâm sinh ngộ giải, thưa cùng Tôn giả: Tôi nay phát tâm, quy y Đức Như Lai, muốn đến để thân cận, cung kính cúng dường. Tức cùng với Tôn giả đồng đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lễ nơi chân Phật, rồi đứng qua một bên. Tôn giả bạch Phật: Vị đại trưởng giả này bỏ tà quy chánh, mới phát tín tâm, nay muốn cúng dường Phật và chúng Tăng. Duy nguyện Đức Đại Từ nhận lời thỉnh cầu ấy. Đức Phật nhận biết việc này rồi, nên im lặng chấp nhận. Lúc ấy, trưởng giả kia biết Đức Phật đã thọ thỉnh, tâm vô cùng hoan hỷ, vội vã trở về nhà, tức dùng vô số các loại châu báu, tơ lụa bậc nhất, sửa sang tô điểm trụ xứ của mình. Cửa ngõ, lầu gác, phòng xá đều khiến sạch mới. Nấu nướng các thức ăn uống, trăm loại ngon khéo. Xếp đặt bày biện xong xuôi liền sai người hầu đến trước bạch với Đức Thế Tôn: Giờ ăn sắp đến, kính mong Đức Đại Từ thọ nhận sự cúng dường đơn sơ của chúng con. Lúc này, Đức Thế Tôn từ tăng phường đi ra, uy đức an nhiên, tướng hảo đoan nghiêm, thân phóng ánh sáng, như mặt trời đỏ lừng, cùng các đệ tử, các vị Đại A-la-hán, các căn tịch tĩnh, tâm được tự tại, tiến dừng đúng pháp, cùng đi đến nhà của vị trưởng giả kia. Lại có trăm ngàn vị thiên tử, thiên nữ, tâm ý thư thái, lìa các tán loạn,

bột Chiên-đàn xoa thân, cung kính vây quanh. Dân chúng trong thành thấy sự việc này rồi, đều cho là kỳ lạ chưa từng có, đi đến thưa lại với vị trưởng giả. Lại có trăm ngàn thanh tín sĩ, thanh tín nữ tâm sinh hoan hỷ, trong khoảnh khắc đều làm lễ, đều mang bột kiên hắc chiên đàn đốt xông để cúng dường. Hương được đốt xông quá trăm ngàn học. Lại tấu lên vô lượng âm nhạc vi diệu trầm bổng đủ cách, âm thanh chấn động khắp mặt đất. Khi ấy vị trưởng giả kia, dùng các loại phướn lọng thứ lớp bày biện khắp nơi màn che trướng phủ, ngọc anh lạc giăng xen. Đốt hương báu lớn, tự thân nghinh đón. Những thân tộc nội ngoại hiện có của trưởng giả, người người đều mang theo các thứ danh hoa, đầy hai bàn tay để tung rải cúng dường. Lúc này, Đức Phật Thế Tôn đã đến nhà trưởng giả rồi, nơi chính giữa nhà, vì Phật lập tòa ngồi. Tơ lụa quý thượng hạng trải chồng hai lớp mềm mại, đệm chiếu bằng lụa năm màu trải khắp mặt đất. Cờ báu bày biện ngay hàng thẳng lối. Lưới châu bốn phía rủ xuống. Treo các cờ phướn đủ kiểu, màu sắc xen lẫn. Trăm ngàn linh báu treo khắp nối liền bên trên. Gió nhẹ lay động phát ra âm thanh hòa nhã. Vòng hoa châu châu, màn báu rủ khắp. Hương xoa, hương bột, bình tắm, nước sạch, thủy đều bày đủ. Thỉnh Phật thăng tòa. Lại dùng lụa trắng bậc nhất mới mẻ, cắt may y mặc, quỳ dâng cúng Phật. Sau đó, vị Đại A-la-hán thượng thủ và các Tỳ-kheo tân học đi vào trong nhà thứ tự lần lượt an tọa. Kế đến dùng những món thượng vị trong các thức ăn uống dâng cúng Phật và chúng Tăng thủy đều được đầy đủ. Ăn xong chư vị đều cất bát, rửa tay. Bấy giờ vị trưởng giả kia chấp tay chiêm ngưỡng tôn nhan của Đức Phật rồi dùng kệ tán thán:

*Như Lai đầy đủ tướng thù thắng
Vẻ đẹp tùy hình trang nghiêm thân
Tóc dài dày kín không tạp loạn
Bóng mượt, xanh biếc như ong chúa.*

Như Lai trán rộng lại bằng phẳng
Cũng không khuyết giảm rất bền chắc
Lông trắng giữa mày thường xoắn phải
Như trăng thu tròn tỏa ánh vàng.
Như Lai hai mắt rất thanh tịnh
Mi như Ngưu vương không hề chớp
Dài rộng hay đẹp luôn chiếu sáng
Như hoa Câu-na đáng yêu thích.
Như Lai đầy đủ bốn mươi răng
Sạch trắng bằng khít như kha tuyết
Tương lưỡi rộng dài khó nghĩ bàn
Hồng tươi như hoa Bát-la-xa.
Như Lai lại có mũi công đức
Cao nhô, ngay thẳng lỗ không hiện
Môi không vểnh suit, không trề xuống
Tươi nhuận như màu quả Tần-bà.
Như thế, Đại Tiên mặt tròn đầy
Vành tai mềm mại cùng đối xứng
Ví như đóa sen tươi nở trọn
Xa lìa cấu nhiễm nhìn không chán.
Như Lai thân tướng như thổi vàng
Kiên cố đầy chắc không gì sánh
Sắc da ngoài như hoa Chiêm-bặc
Cũng không óm gầy lộ gân mạch.
Hai cánh tay no tròn nhuần thấm
Chỉ tay hiện rõ các hình tượng
Đủ dấu bánh xe, trục, tấm, vành
Cờ báu, bình báu và hình cá.
Ngực rộng như ngực loài sư tử

Đức tướng hỷ toàn vẽ phân minh
 Lượng bụng phẳng đầy xứng hợp thân
 Rún sâu, xoáy phải, trong tròn sạch.
 Hai bắp chân như Tiên lộc vương
 Đi không xoay lại thân cùng chuyển
 Chân phải cất trước hiện dấu ấn
 Thông thả, vô úy như sư tử.
 Như Lai xuất hiện ở thế gian
 Như mặt trời lên chiếu sáng khắp
 Hay tạo an lành cho chúng sinh
 Trời cùng phi thiên đều tin lễ.

Trưởng giả dùng kế tán thán Đức Phật rồi, tâm vui vẻ hết mực, tín lực kiên cố, ở trong đại chúng lại nói kệ:

Mâu Ni bậc mười lực
 Phá diệt các lưới ma
 Là hấn phiền não cấu
 Các căn thường tịch tĩnh.
 Tộc họ thù thắng nhất
 Là giòng họ Cam giá
 Dũng mãnh đại tinh tấn
 Giác ngộ các lỗi lầm.
 Thích Sư Tử vô úy
 Đây đủ các công đức
 Thành tựu pháp vi diệu
 Vì chúng sinh khai thị.
 Nơi biển khổ ba cõi
 Các hiểm nạn luân hồi
 Lấy giới làm căn bản
 Cuối cùng đều vượt khỏi.

Do thọ trì tịnh giới
Điều phục nơi tự tâm
Khéo hàng phục ma oán
Xứng thọ cúng dường diêu.
Đủ Đại trí Đại bi
Không bỏ thệ nguyện xưa
Thương xót các hữu tình
Đều khiến lìa ưu khổ.
Điều Ngự Sư tối thắng
Tam giới không ai sánh
Khéo nhỏ các tên độc
Dứt trôi buộc ba cõi.
Hiện hiện đại thân thông
Phá trừ các dị kiến
Khai thị tám Thánh đạo
Khiến tu các phạm hạnh.
Đây gọi Đại thương chủ
Hay tạo hội thí lớn
Đây gọi bậc Đại trí
Vì tạo mắt thế gian.
Đây gọi Đại trượng phu
Chóng xa lìa các ác
Dứt thác dữ sinh tử
Đến được xứ an ổn.
Thế Tôn, Đại Đạo sư
Kiền-đáp-ma tộc lớn
Đủ thân tướng kim sắc
Người thấy không biết chán.
Dẫn dắt các chúng sinh

*Nhập hiểu nơi chánh giáo
Lìa hẳn các bất thiện
Tâm thanh tịnh không cầu.
Như mây ở hư không
Rớt vị pháp cam lồ
Khiến hết thấy hữu tình
Nhuần chủng tử căn thiện.
Như Lai, Đại Thánh Tôn
Và các chúng Tỳ-kheo
Trụ an ổn tối thượng
Hay đến nơi bờ kia.*

HẾT – QUYỂN 9

KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

Quyển 10

Lúc này, trưởng giả lại dùng kệ xưng tán Đức Phật rồi, kể phát lời chí thành khởi thệ nguyện lớn: Dem công đức căn thiện đã tu tập của con, nguyện đời vị lai được thành Phật đạo. Cũng như Đức Thế Tôn, thành tựu đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, dùng pháp dược vô thượng của trí vô ngại, có thể chữa lành bệnh tham sân si của chúng sinh. Đối với người không thân thích, vì họ làm chủ tể. Đối với người tối tăm, vì họ tạo chiếu sáng. Người chưa điều phục khiến khéo điều phục. Người chưa tin hiểu khiến sinh tin hiểu. Người chưa an ổn khiến được an ổn. Người chưa được Niết-bàn khiến chứng Niết-bàn. Rốt ráo xa lìa sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi khổ não. Điều khiến được sinh thiên, thọ hưởng an lạc thù diệu. Lại có thể khuyến tu hành tám Thánh đạo. Khai thị tuyên dương pháp bốn Thánh đế khiến chúng hữu tình kia nghe rồi tâm được ngộ giải. Tán thán vô số các công đức của Phật, Pháp, Tăng, vô lượng trí tuệ, tự tánh thanh tịnh, uy thần rộng lớn, không ai có thể hơn, có thể nhổ bật gốc khổ não của sinh tử luân hồi. Theo phương tiện khuyến dụ, dẫn dắt vào thành giải thoát, dần dần khiến tu các pháp công đức, giữ gìn tịnh giới, tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Ở nơi bốn vô úy, bốn thần túc, bốn chánh cần v.v... đối trị các thứ biếng trễ. Ở nơi bốn niệm xứ ghi nhớ rõ không quên. Nơi bốn tâm vô lượng bình đẳng tu tập. Nương nơi năm căn, năm lục, đoạn trừ chướng ngại của năm nẻo. Hiểu rõ về tướng của năm

uẩn, mình người đồng nhau. Thành tựu viên mãn sáu Ba-la-mật. Dùng bảy Thánh tài rộng thí cho hết thấy. Tu tịnh giới túc, đi trên hoa bảy giác chi. Nhất tâm an trụ nơi bảy phương tiện quán. Phân biệt diễn nói tám chi Thánh đạo. Khéo có thể tu tập chín định thứ đệ. Đầy đủ mười lực, danh lan khắp mười phương, được mười loại tự tại cho đến thành Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thấy trưởng giả kia ở trong đại chúng, phát thệ nguyện rồi, liền khen ngợi: Lành thay! Ông nay thật là Đại long trong loài người, sư tử trong loài người, tối thượng tối thắng. Đại Tiên trong loài người, lìa các cấu nhiễm. Như hoa sen trắng có thể gắng sức chuyên chở tất cả chúng sinh, có thể thực hiện thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn đưa cánh tay kim sắc như hoa sen nở, màng lưới giữa các ngón tay, hoa văn xảo diệu, như cha vỗ về con, ấn nhẹ vào đánh đầu của trưởng giả, dùng Phạm âm, như tiếng sấm mùa xuân, nói: Ông ở đời vị lai sẽ được làm Phật, hiệu là Năng Mãn Chúng Sinh Chí Nguyện, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, đầy đủ mười lực, phá diệt chúng ma, cõi nước thanh tịnh, rộng lớn giàu vui. Lúc ấy, trong hư không có các vị thiên tử tuôn mưa hoa hương vi diệu để cúng dường. Tất cả hữu tình nơi khắp thế giới của Phật đều phát tín tâm, vui tu hành phước. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ông nơi đời vị lai
Tích tập công đức thắng
Ở trong biển sinh tử
Cứu vớt kẻ chìm đắm.
Qua vô số kiếp rồi
Sẽ được thành Phật đạo
Tuệ nhãn tịnh vô cấu*

*Hiện chứng tất cả pháp.
 Đủ tướng phóng ánh sáng
 Như mặt trời thế gian
 Khiến hết thấy chúng sinh
 Trừ tối tăm ba độc.
 Trong đại chúng trời người
 Tối thắng không ai hơn
 Khéo điều phục hữu tình
 Đều khiến tu phạm hạnh.
 Là Đạo sư bậc nhất
 Đầy đủ Nhất thiết trí
 Được Bồ-đề tối thượng
 Như hoa sen khỏi nước.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn ở trong đại chúng, thọ ký thành Phật cho trưởng kia rồi, lúc này dân chúng trong nước của vua Tần-bà-sa-la đều phát tín tâm tán thán là điều chưa từng có. Do ở nơi chư Phật v.v... chuyên tu hành thí, nên ở trong xứ trời, người thường làm bậc Chủ tể có uy lực lớn. Luôn dùng tâm đại bi làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh. Quả vị Bồ-đề vô thượng quyết định đạt được. Cho nên Phật dạy: Các Tỷ-kheo v.v... ở nơi kinh điển này phải nên thọ trì, vì mọi người tuyên thuyết giảng nói.

Đã thuyết minh rộng về hành thí, sợ nhiều nên lại dừng. Nay sẽ hiển bày công đức của trì giới. Vì sao sau bố thí liền nói về trì giới? Đây là dựa nơi các kinh, thứ lớp là như thế. Lại các chúng sinh, phóng dật, tham đắm dục lạc, phần nhiều do trong tâm tự suy nghĩ tà vạy, rồi thuận theo đấy tạo tác, cho đến hiện hành, chuyển đến thân ngữ, phá hủy giới cấm. Vì khiến chúng sinh phát khởi đối trị, nên sau bố thí thì nói tướng trì giới. Nếu đệ tử Phật và các hàng tại gia đối với giới cấm kia, giữ gìn chắc chắn, không hủy phạm, đó gọi là trì giới thanh tịnh. Nếu các chúng sinh phát khởi

suy nghĩ tà, thân ngữ ý nghiệp tạo tác nhiều tội, sát hại chúng sinh, đoạn mạng căn người. Vật sở hữu của người khác, không cho mà lấy. Tham vương nhiễm dục, tâm không tạm bỏ. Nói dối, nói thêu dệt, nói lời thô ác, nói hai lưỡi, khởi tà kiến lớn, bài bác cho không có nhân quả. Giết cha, hại mẹ, giết A-la-hán, dùng tâm ác độc làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng, phá tháp, hủy hoại chùa, trộm vật của chúng Tăng, làm như Ni tịnh hạnh, đối với những người thiện thích sinh khởi nhục mạ. Thường vui tụ tập nói lời vô nghĩa, khinh mạn giáo pháp, tham kinh doanh việc thế gian, sống theo tà mạng, tạo các nghiệp ác, giã thịt làm nem, làm lính giữ ngục, đồ tể giết hại vật, đánh bắt cá, đào tường khoét vách trộm cắp. Cho đến người nghèo có chút ít tài vật cũng cướp đoạt. Cho người khác thuốc độc, làm tổn hại chúng sinh. Voi, ngựa, bò v.v... vui vì đấu chọi. Phá hoại xóm làng, chặt đốn cây rừng. Phát ngôn sàm độc, chê trách bậc hiền thiện. Dối hiện uy nghi, tâm đua nịnh quanh co. Thiện nói là bất thiện, cho khiến không cho. Đã tạo các tội rồi, lúc sắp mạng chung, vô số tướng khổ thấy đều hiện tiền, thân thức đã diệt, nghiệp ác theo đuổi, đọa vào địa ngục, thọ khổ vô cùng.

Địa ngục có bốn: (1) Tro nóng dữ. (2) Phẫn tử thi. (3) Rừng kiếm. (4) Sông tro. Bốn địa ngục này gọi là Cận biên. Lại có tám địa ngục căn bản nóng. (1) Đốt cháy. (2) Đốt cháy dữ. (3) Chúng hợp. (4) Kêu gào. (5) Kêu gào lớn. (6) Nóng cháy. (7) Nóng cháy cực độ. (8) Vô gián. Lúc ấy, trong địa ngục kia có các ngục tốt hình dạng xấu xí, hung ác, thật đáng kinh sợ, hoặc tạo ra đầu bò, đầu lừa, đầu voi v.v... Thân hình dài lớn, map mạnh, da dẻ đen nhám, lông tóc vàng đỏ, cau mày trợn mắt, mũi hếch môi trề, hai tay cứng rắn, cầm gậy sắt hoặc cầm búa bén sáng, kích chùy đều là sắt, cưa sắt, bánh xe kiếm dây treo v.v... vô số các loại khổ cụ đều phát ra lửa dữ. Những ngục tốt này hung hiểm, gấp gáp, đối với những tội nhân kia không có chút tâm từ. Hoặc đốt, hoặc nấu,

hoặc chặt, hoặc cưa. Bỗng chốc mạng chung, nhưng trong khoảnh khắc thì sống lại. Hoặc lại đuổi chạy vào địa ngục tro nóng dữ, địa ngục phần tử thi. Bàn chân cháy chín, cất bước lên thì trở lại như cũ. Xa thấy rừng cây, liền chạy đến trốn tránh. Đến rồi thì cành lá đều là mũi nhọn, từ trên rơi xuống, chặt cắt thân hình. Lại có các loài thú dữ: chim, thú, cọp, tê giác, sư tử, cá Ma-kiệt v.v... há miệng phun lửa. Răng chúng bén nhọn, cắn xé ăn nuốt. Những hữu tình tạo ác thì có cây sắt to, gọi là cây Sa-lạp-mạt-lê, bên trên có trăm ngàn gai sắc bén nhọn. Mỗi mỗi gai sắt dài mười sáu ngón tay. Khi đó ngục tốt xua đuổi tội nhân, theo vị trí trên dưới của chúng trên cây mà khiến gai đâm ngược vào. Các loài chim hung ác tranh nhau đậu lên trên chúng, mỏ bén, móng cứng, hoặc mổ, hoặc quắp. Ngục tốt hoặc dùng hòn sắt nóng to, lại dùng kèm banh miệng ra, bức bách phải nuốt. Hoặc nước đồng nấu chảy, rót vào miệng tội nhân, từ cổ họng suốt đến dưới, thấy đều cháy bỏng chín nát. Hoặc dùng đinh sắt đóng xuống lưng, rồi lấy cây sắt khiến bò cày lên trên. Hoặc ném tội nhân vào cối sắt to, lại lấy chày mà quết nát như. Hoặc lấy hộp sắt kẹp lấy thân hình tội nhân. Nơi tai, mũi, miệng thấy đều vọt máu ra, hết thấy phần thân bị hủy hoại không sót chỗ nào. Lại có hầm than lớn rất sâu, cháy nóng dữ dội. Bất những tội nhân kia ném vào trong ấy, giây lát biến thành đồng khối. Lúc này những ngục tốt đều quở trách: Ngươi, thuở xưa tạo nhiều điều ác, tâm không từ bi, hủy phạm giới cấm. Nay thọ quả báo như thế, tự mình phải biết. Trong địa ngục này là rất khổ, khó kham, khó nhận, lâu dài thọ tội, nghiệp hết mới thoát ra. Cho nên Phật dạy: Tỳ kheo các ông, thường ở nơi kinh này, thọ trì đọc tụng, vì chúng nhân diễn nói, khiến tu thí, giới, thành tựu được Lọng phước.

Phật dạy: Kẻ phá giới kia, do tuệ ác, trong tâm suy nghĩ, không khởi đối trị, nhiệt não bức bách, gây tạo các tội. Giống như trong bông cây khô đặt vào môi lửa, tất bị đốt cháy hết. Như hạt

giống hư, tuy gieo vào ruộng tốt nhưng cuối cùng không thể nảy mầm. Kẻ phá giới ở nơi ruộng pháp Phật, không thể sinh mầm thiện cũng lại như thế. Lại như cây rừng, thấy đều đốn gốc thì thân cây, cành lá không thể còn tươi tốt. Kẻ phá giới chặt đứt căn thiện, hoại pháp công đức, cũng lại như vậy. Giống như giếng cạn những kẻ khô khát muốn tìm lấy nước tất không thể được. Kẻ phá giới, hết thấy người thiện cầu pháp nơi họ, cũng không thể được. Như hạng Chiên-đồ-la không thể làm vua, hết thấy dân chúng không chịu tin phục. Người phá giới không thể giảng nói pháp, tất cả chúng sinh không thể nghe nhận. Ví như người ở nơi đám mía khô rục, muốn tìm cầu vị ngọt trọn không thể được. Nếu ở nơi người hủy phạm giới cấm, mong cầu công đức thì rốt cuộc là không có. Lại các người tại gia thấy Sa-môn kia đơn độc không hề lụy tịch tĩnh an lạc, xả bỏ gia đình, vui làm Sa-môn. Còn kẻ kia không có nhân chánh, tâm không quyết định, ngu si ám độn. Đã làm Sa-môn rồi lại vui thích kinh doanh, theo sự nghiệp của thế tục, tham đắm dục nhiễm, phá hủy giới cấm. Lúc ấy, trong đại chúng có các vị trưởng lão cao đức quả trách và vì kẻ phá giới nói kệ:

*Người giữ ba y Phật
 Vui tạo hành phi pháp
 Ô nhục chúng thanh tịnh
 Chiên-đồ-la không khác.
 Trong tâm suy nghĩ tà
 Các cảnh giới năm dục
 Giống như trâu nghé kia
 Thường nghĩ đến cỏ nước.
 Vui làm việc thế tục
 Buôn bán các châu báu
 Thêm bớt giá trị hàng
 Nói năng không thành thật.*

Kia như nguồn lợi tràn
 Tâm luôn không biết đủ
 Vì cầu chút tài lợi
 Gây tạo sự dối trá.
 Ví như ong hút hoa
 Nên dựa rình hoa sen
 Trái lại vào bụi gai
 Uổng công chịu gian khổ.
 Trong biến pháp Phật ta
 Trọn không dung tử thi
 Ở trong ruộng muối kia
 Không sinh lại hạt giống.
 Như bệnh hủ nổi buộc
 Không cách nào chữa trị
 Người tạo các nghiệp ác
 Sao không thấy hoảng sợ?
 Cũng như chiếc thuyền thủng
 Mình người sao qua sông?

Đức Phật dạy: Người phá giới không nơi chốn nào có thể nhận lãnh, gánh vác, do đa dục, tâm tất cầu nhiều. Xâm phạm hình sắc của kẻ khác, luôn ôm giữ lo sợ, danh xưng bị hủy hoại, xa lìa thiện tri thức. Nên biết những kẻ ấy như người tham lam keo kiệt kia, rớt cuộc không có một chút công đức bố thí. Người phá giới như kẻ nghèo cùng không tay, tuy đến được núi châu báu nhưng không lấy được gì. Như bình bất tịnh, tuy đầy mà chỉ chảy tràn. Như hồ sâu bay thú kia, người thấy đều lánh xa. Như rắn ở trong nhà, người thường lo sợ. Như vườn rừng đẹp, bên trong lù lù một con cạp dữ. Như đường hiểm ác, không ai muốn đi đến. Như xe bị phá hư không thể chuyên chở. Như kẻ xấu ác, người người đều xua đuổi. Như rắn độc kia, mắt không muốn nhìn. Như rừng Thi

đà, người phần nhiều đều chán ghét. Như voi điên kia bị người hung dữ chế ngự. Như kẻ trộm cắp, người giàu ghét sợ. Giống như họa vẽ hoa Chiêm-bác-ca, kẻ kia không có hương giới cũng lại như vậy. Như rừng Chiên-đàn có cây Tỳ-ma, mùi hôi của nó cùng hòa lẫn, phải mau chóng đốt bỏ. Giả sử trong miệng có trăm ngàn lưỡi cũng không thể nói hết lỗi lầm của sự phá giới. Muốn biết về số lượng, thật không có bờ bến. Do phá giới nên không thể làm tăng trưởng pháp thiện bình đẳng của tất cả chúng sinh. Như trong Khế kinh nói: Có một người đàn ông bảo với rể của mình: Người nay nên sửa soạn xe để vào rừng đốt củi. Do đốt củi nên kẻ ấy để lạc mất con bò. Rồi do đi tìm bò nên khiến người coi giúp xe. Bò còn chưa tìm được xe lại bị mất. Người này lo sợ vội tìm kiếm khắp nơi. Đi đến một cái ao, thấy có chim chóc, liền lấy búa từ xa ném vào chúng. Chim không trúng mà búa lại rơi xuống ao. Liền cỡi y phục để trên bờ rồi lội xuống ao tìm búa. Búa không tìm được mà áo quần lại bị người trộm mất phải lữa hình về nhà. Lúc ấy đã chiều tối, về đến đầu cổng, núp dòm vào cửa sổ. Người nhà đều cho là có kẻ trộm đến, dùng gậy mà đánh, bị thương một mắt, máu trong mắt trào ra, bất tỉnh nằm trên đất. Lại có loài trùng dữ từ trên cao rơi xuống, người thấy mùi máu tanh, lại ăn một con mắt. Đến sáng, cha vợ từ nhà đi ra, biết là chàng rể, lấy làm lạ hỏi duyên cớ. Anh ta mới thuật lại đầy đủ sự tình. Người cha liền vì chàng rể nói kệ:

*Mắt áo rơi hư mắt
 Thân người sao chịu thế?
 Đã không kham việc làm
 Do đấy mà bỏ xa.
 Cũng như đệ tử Phật
 Thà phé bỏ đa văn
 Nơi giới phải hộ trì*

*Phá giới như không mắt.
Nên biết người hủy giới
Giả danh làm Sa-môn
Không xứng thọ cúng dường
Mất các công đức thiện.*

Ở đây lại nói, ví như trưởng giả mà có nhiều con, thường khuyên răn dạy dỗ, khiến không phóng dật, liền đem kho tàng với vô số các loại của cải vật dụng, nô tỳ tôi tớ, thầy đều giao phó cho. Như thế thì có thể giữ sự giàu vui lâu dài. Trong số các người con, hoặc có kẻ xa xỉ, hoang phí, mê đắm nữ sắc. Trưởng giả nghe rồi, liền nhóm họp thân thuộc tha thiết trách mắng, lấy một ít tiền của phân cho và đuổi ra khỏi nhà, lại răn đe: Cẩn thận chớ buông lung làm tan hoại tài sản của người, sau phải chịu nghèo khổ, bị người khác bỏ đi. Người con này của trưởng giả, không theo lời cha dạy. Chẳng bao lâu sau, tiền bạc đều hết sạch, hình dung tiêu tụy, phải xin ăn để tự nuôi sống, bị thân tộc khinh ghét. Lúc ấy, người cha thấy thế thì ưu sầu phiền muộn, tâm quyết định bỏ. Ở trước mọi người, lớn tiếng tuyên bố: Đây không phải là con của tôi. Đây không phải là con của tôi. Khiến người con kia nghe rồi ôm lòng hổ thẹn.

Đức Phật dạy: Ta cũng như thế. Nếu các đệ tử phá hủy giới cấm, không hổ không thẹn, tức liền đuổi hẳn ra khỏi pháp Phật, cũng không giao phó cho các pháp công đức như Bồ-đề phần v.v... cùng các loại Thánh tài. Bèn ở trong các đại chúng như trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn v.v... lớn tiếng nói: Người phá giới này chẳng phải là đệ tử của Ta, khiến kẻ kia nghe rồi xấu hổ với tội lỗi.

Lại các người bạch y đã xuất gia rồi, phải nương nơi Sa-môn thanh tịnh mà trụ, mặc y cà-sa, cầm giữ bình bát, đội đèn tinh tấn, tu tập đa văn. Trái lại dựa nơi thế tục, sinh sống bằng nghề bát chính, cỡi voi, ngựa, thân mang giáp trụ, cầm cung đeo tên vào

trong quân trận. Những việc như thế ở trong pháp Ta là hủy hoại luật nghi, mắt không muốn thấy. Ví như thế gian họa vẽ đèn đuốc, dầu cho thật nhiều cũng không thể xua tan bóng tối. Người ngu si kia không thể phát khởi Thánh trí vô lậu, chiếu sáng thế gian cũng lại như vậy. Như kẻ phùng chèo, mặc áo mũ đẹp, ở trước mọi người, tự xưng là vua, nhưng kẻ kia thật sự không có niềm vui bậc nhất đó. Người phá giới tuy mặc cà-sa, làm hình tướng Sa-môn nhưng không có cái vui vi diệu thanh tịnh xuất thế. Lại như người nghèo dối xưng là giàu sang. Ở trong đại chúng lớn tiếng tự nói: Ta là trưởng giả. Nhưng kẻ kia thật sự không được tự tại tùy ý. Người phá giới giả danh Sa-môn tất không thể đạt được quả giải thoát thắng diệu.

HẾT – QUYỂN 10

KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

QUYỂN 11

Ở đây lại nói: Người phá giới đối với vô số các loại pháp thiện công đức hiện có của chư Như Lai là không thể thành tựu. Ví như vương nữ đem gả cho kẻ nghèo. Về đến nhà của người chồng rồi thì nói với chồng: Ta là con gái của vua, những điều mong muốn phải được như ý. Phải có các vật dụng trang sức nơi thân như các chuỗi ngọc anh lạc, vòng hoa, hương đốt thượng diệu, kho tàng của cải vật dụng thảy đều đủ cả. Nếu được như thế ta mới ở đây. Người chồng nghèo nói: Những vật như trên trong nhà đều không có. Cô gái con vua nghe rồi bèn trách mắng chồng: Nghèo thiếu như thế ta sẽ bỏ đi.

Đức Phật dạy: Người phá giới cũng lại như vậy. Không thể thành tựu người nữ giải thoát thanh tịnh tối thượng. Cũng không thể đạt được các thứ hương đốt như noãn, đảnh, nhẫn v.v.... Cũng không thể đạt được hoa do giới biệt giải thoát tạo thành. Cũng không thể có được vòng hoa do thiên định giải thoát tạo thành. Cũng không thể có được các loại kho tàng như Bồ-đề phần v.v... Cũng không thể đạt được trí vương do văn tư tu v.v... tạo thành. Cũng không thể chứng được Bồ-đề Chánh đẳng tối thắng, tối thượng. Cũng không thể chứng được quả vị Duyên giác, Thanh văn làm quyền thuộc. Người phá giới này do không có nghiệp thiện, nên ở trong đời hiện tại tức không có phước đức. Hết thảy người thiện đều không vui thích ở chung. Những điều nói ra người

không tin dùng. Đối với pháp tài, công đức xuất thế gian của Như Lai hiện có thì vĩnh viễn mất phần.

Bấy giờ trong chúng hội, Tôn giả A-nan liền từ tòa ngồi đứng dậy, tiến tới trước bạch Phật: Thế Tôn! Vì sao đối với người hủy phạm giới trong chúng đệ tử, không vì họ thuyết giảng pháp yếu thâm diệu? Lại không thâm nhận mà bị đuổi ra? Nhiều người đều cho Đức Như Lai chẳng phải là bậc Đại Bi.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan: Ta đối với tất cả chúng sinh trong thế gian, thương xót bình đẳng, ở nơi pháp tuyên thuyết, tâm không sên tiếc. Do kẻ kia không phải là pháp khí, không thể nhận lãnh nổi nên không thuyết trao cho họ. Chẳng phải như kẻ trí ở thế gian thuyết pháp, đối với các chúng sinh có tướng trái thuận. Nếu người chống trái thì không vì họ nói pháp. Như vật giữ trong nắm tay, giữ kỹ không trao cho. Như có quốc vương mở hội bố thí lớn, thỉnh các Sa-môn, Bà-la-môn, những vật cần dùng đều cung cấp đủ. Có Bà-la-môn từ phương khác đến, đứng trước mặt vua, xin nhiều vật. Vua nghe nói rồi thấy đều không cho. Khi ấy có vị cận thần khuyên vua tùy ý thí cho Bà-la-môn kia. Vua bèn trả lời: Chẳng phải là ta có chỗ sên tiếc. Vì người này không có đức nên không cho. Đức Phật nói: Nay Tôn giả A-nan, Ta cũng như vậy. Do kẻ kia phá giới, chẳng phải là pháp khí, nên không vì họ mà thuyết giảng. Nếu như vì kẻ kia mà thuyết giảng, kẻ ấy cũng không thể lãnh thọ, như vật chứa có lỗ thủng thì không thể chứa trữ nước. Giả như ngày đêm gắng sức cung cấp nước, chẳng mấy chốc lại chảy ra hết. Người phá giới này không thể dung nạp nước pháp công đức cũng lại như thế. Nếu chỉ vì phạm phần nhỏ giới cấm, người này ở nơi các loại Pháp bảo như Bồ-đề phần v.v... cũng không thể thành tựu. Nên biết người ấy, chỗ thọ trì tịnh giới không gọi là viên mãn, lại không tăng trưởng. Giới hạnh như thế, vì không tăng trưởng, nên ở nơi pháp giải thoát cũng không tăng

trường. Ở nơi pháp giải thoát đã không tăng trưởng thì chỗ đạt được của kẻ kia chẳng phải là đạo tịch tĩnh. Chỉ được gọi là giải thoát tương tự. Nếu ở nơi giới pháp, giữ gìn chắc chắn không hủy phạm, người này tất ở nơi các loại pháp tài như Bồ-đề phần v.v..., mỗi mỗi đều đạt hiểu biết, tư duy như lý, được trụ an ổn. Tỳ-kheo các ông, ở nơi kinh điển này, thường vui thọ trì, vì người diễn nói công đức của bố thí, trì giới, thành tựu được Lọng phước.

Nếu các Tỳ-kheo trụ nơi chánh tư duy, gần gũi thiện hữu, vui nghe chánh pháp thì có thể trừ bỏ những thứ nhiệt não lo sợ của thế gian, ngăn dứt pháp ác, không khiến sinh khởi. Như diệt lửa dữ khiến không còn sót. Nếu các Tỳ-kheo trụ nơi tà tư duy, dẫn sinh phóng dật, khiến tâm tán loạn, thì chỉ thân nhận lấy nhân duyên của năm dục, là nơi chôn phát sinh phiền não của các hữu tình, quyết định hoại mất các pháp công đức. Như mưa đá phi thời làm tổn hại lúa mạ, có thể tạo nên các loại tai nạn ở thế gian. Thường ôm giữ dua nịnh quanh co, không có hổ thẹn, bị hàng bạch y chê bai, khinh mạn. Người phi pháp này, ý chí thấp kém. Đối với quả thiện thanh tịnh của Sa-môn kia, tâm không vui cầu. Đối với các thứ nước pháp cam lồ của Như Lai thì không có thể uống. Vui làm các việc ác, mong cầu đi đến đường hiểm, tức thân nhận lấy địa ngục, nga quý, bàng sinh, là các xứ ác khổ cùng cực mà lấy làm chỗ nương dựa. Hoặc đối với lời Phật dạy tâm không tin nhận, tuy hủy phạm giới ít mà phải thọ báo dữ, hưởng chi là tạo tác nghiệp ác rộng nhiều thì quả được chiêu cảm, khổ báo là khó lường. Như kinh Y La Diệp Long Vương Nhân Duyên nói:

Tôi nghe như vậy: Một thời, Đức Phật ở tại rừng Thí Lộc, là xứ vốn gắn bó của Tiên nhân thuộc thành Phù-la-noa, vì các đại chúng tuyên thuyết pháp yếu. Lúc ấy, Long vương Y La Diệp nhận biết Đức Phật Thế Tôn đang ở tại thành kia thuyết pháp, bèn phát tâm thanh tịnh, muốn đi đến chỗ Phật, thân cận cúng dường,

liên khởi suy nghĩ thế này: Thân ta thuộc loài rồng, có nhiều oán cừu, nếu như cùng gặp gỡ tất bị tổn hại. Bèn biến thân mình làm Chuyển luân vương, tướng mạo đoan nghiêm, uy đức tự tại, dùng những chuỗi báu anh lạc làm vật trang sức nơi thân. Lại mang lọng tán đẹp, cỗ xe báu, gồm đủ bảy báu và ngàn người con, trong ngoài cùng đi theo. Lại dùng chín mươi câu-chi quân binh, trước sau lớp lớp. Lại có trăm ngàn ngoại đạo Phạm chí, Bà-la-môn v.v... những người xin ăn, thầy đêu tùy tùng, uy thần hộ vệ như thiên Đế Thích, tức thì đi nhanh đến pháp hội của Đức Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn có bốn chúng đệ tử, các chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà v.v... cung kính vây quanh, vì họ thuyết giảng pháp. Lúc ấy, chúng hội kia nhìn thấy sự việc này, rồi đều sinh kinh nghi liền tiến tới trước bạch Phật: Đây là vua nào mà uy thần như thế?

Đức Phật nói với đại chúng: Đây là vua của hàng phi nhân. Nên chờ đợi trong chốc lát tự sẽ nhận biết. Khi đó, Long vương kia đã đến chỗ Đức Phật, tức đầu mặt đánh lễ nơi chân Phật, rồi lui ra ngồi qua một bên.

Đức Phật nói: Long vương! Ngươi xưa do ngu tối, nay thọ báo này. Lại do duyên gì mà đến đây? Phải nên mau chóng đứng lên rời khỏi xứ này, bỏ những biến hóa hiện trở lại nguyên hình thì có thể tới đây, hiển thị nơi chúng hội.

Long vương thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Chúng tôi là thân rồng, rõ ràng là có nhiều oán đối, nếu bỗng nhiên gặp nhau ở đây, nhất định khởi lên tai nạn. Do vậy nên phải biến hóa.

Đức Phật Thế Tôn nghe Long vương kia nói như thế rồi, bèn lệnh cho thần đại Dược-xoa Kim Cang Thủ đi theo Long vương để bảo hộ khiến tới xứ khác mới hiện lại nguyên hình. Thân hình dài lớn, thô nhám khô khốc, nứt nẻ, cùng nhiều loại tướng ác chứa nhóm thành thân. Do nghiệp trước mà có bảy đầu, trên mỗi mỗi

đầu đều có cây Y la. Do cây ấy cứ lung lay khiến phải khổ sở, máu mủ tuôn ra rất là xú ối, bị vô số loài giòi trùng bám theo rúc rĩa. Đã hiện lại nguyên hình rồi, trở lại nơi chỗ Đức Phật, đầu của Long vương kia ở tại thành Phù-la-noa, còn đuôi thì đã đến nước Đát-xoa-thi-la. Bây giờ, các đại chúng, những người từ lâu đã lìa tham, thấy hình tướng xấu ác này cũng sinh kinh sợ, đều khởi suy nghĩ: Đây là loài hữu tình gì mà chiêu cảm quả báo như thế? Lại đi đến pháp hội này?

Đức Phật nói với đại chúng: Đây là hữu tình vừa biến làm Chuyển luân vương đi đến pháp hội này. Ta đã khiến rời đi nơi chốn khác để hiện lại hình tướng cũ. Các Sa môn nghe Đức Phật nói như thế đều buồn rầu, than thở rồi im lặng mà trụ. Long vương Y La Diệp đã hiện thân rồng rồi, liền buồn khóc bạch Phật: Ngưỡng mong Đức Thế Tôn đại từ bi thương xót, dự ghi cho con đến bao giờ thì thoát khỏi nẻo ác này?

Đức Phật nói: Long vương! Ta nay sẽ vì ngươi nói rõ, nên sinh tâm tin chắc chắn. Nơi đời vị lai về sau này, lúc thọ mạng của chúng sinh đạt tám vạn tuổi, có Đức Phật ra đời hiệu là Từ Thị, Đức Phật ấy sẽ dự ghi về thời gian phải trải qua của ngươi thoát khỏi thân rồng này.

Long vương nghe Phật nói như vậy rồi bèn cất tiếng khóc rống lên, nước mắt như nước sông. Phật dùng tâm đại từ bi khéo nói lời an ủi: Ngươi nên tự hối lỗi mình, không thể chỉ tăng thêm buồn khổ. Nay trong hội này, khó có thể ở lâu.

Lúc này, Long vương kia tự nơi thâm tâm nghiêm khắc trách mình: Nghiệp ác ấy của ta không có ai tương tự. Nguyện nương nhờ nơi Phật lực, sớm lìa khổ này. Bèn phát thệ nguyện: Từ đây về sau, cho đến tận cùng đời vị lai, tâm không suy nghĩ tà, không sinh phóng dật. Cho đến đối với con dế, con kiến cũng không sinh

tâm sát hại. Nói lời thề ấy rồi thì đánh lễ nơi chân Phật, tức ở trong hội chúng bỗng nhiên biến mất.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhất tâm chấp tay thưa hỏi Đức Như Lai: Vị Long vương này, trước kia đã tạo tội gì phải đọa vào loài rồng? Lại do nghiệp gì mà có bảy đầu, trên mỗi mỗi đầu đều có cây Y la, mỗi khi lay động, thật là thống khổ, máu mủ trào ra? Kính mong Đức Như Lai vì chúng con giảng nói về nhân duyên ấy khiến rõ tội phạm.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: Về đời quá khứ xa xưa, trong Hiền kiếp, lúc chúng sinh thọ mạng hai vạn tuổi, có Đức Phật ra đời, tên là Ca Nhiếp Ba, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thời đó, Long vương kia ở trong pháp Phật xuất gia tu đạo, làm Tam tạng Tỳ-kheo, chán sợ phiền não, tu hạnh xa lìa, ở nơi xứ vắng lặng, tu tập Xa-ma-tha (Chỉ). Từ định ra rồi, mặt trời đã quá giữa, bèn vào xóm làng kia hành pháp khát thực. Hoặc có được các thứ vật dụng, hoặc không được các thứ vật dụng, bị người trách mắng, liền sinh khởi phiền não. Ra khỏi xóm làng ấy về đến A-lan-nhã, bên cây Y la, đi qua đi lại, nhân đó dùng hai tay hái lá cây, gồm bốn lần, hái rồi lại hái, vò nát rồi vứt đi. Đức Phật biết được chuyện này, bèn quở trách Tỳ-kheo kia, cùng nói về giới tướng nhằm khiến hối lỗi. Nhưng Tỳ-kheo ấy không tin thọ, lại nói: Đây là vật vô tình, đâu có lỗi gì! Do hai nhân duyên, nên thọ khổ báo như thế: Khát thực quá giờ phải chịu quả báo sinh vào loài rồng, do không tin lời Phật nên sinh cây Y la trên đầu.

Phật bảo các vị Tỳ-kheo: Long vương Y La Diệp kia chỉ tạo chút nhân ác, nay phải chịu nhiều khổ não. Tự mình tạo nhân, tự mình thọ quả. Chẳng phải do địa giới, thủy, hỏa, phong giới bên ngoài có thể chiêu tập. Hết thầy đều do nội tâm tạo tác.

Nếu các hữu tình hoàn toàn ưa tạo hắc nghiệp phi pháp thì ở trong đường ác nhất định phải thọ khổ báo. Nếu các hữu tình hoàn toàn vui tạo bạch nghiệp thanh tịnh thì ở trong nẻo người, trời nhất định thọ báo vui. Nếu các hữu tình nơi các nghiệp đã gây tạo, thiện ác xen lẫn, thì thọ nhận quả báo xen tạp. Cho nên các Tỳ kheo, ở nơi hắc nghiệp kia là hoàn toàn chớ tạo, ở nơi bạch nghiệp thì quyết định tu tạo. Quả báo đến nhanh cũng như dòng thác chảy, nghiệp thiện ác tạo ảnh hưởng không sai. Như có tụng nói:

*Ví trái vô lượng kiếp
Nghiệp kia không thể hoại
Lúc quả báo thành thực
Chúng sinh quyết định thọ.*

Đức Phật nói: Tỳ-kheo các ông phải nương theo lời Phật, tư duy như lý, đối với các thứ giới cấm không nên phạm dù chút ít. Thế nên Ta nay phân biệt tỉ mỉ về lỗi lầm của sự hủy phạm giới, nhằm khiến hữu tình sinh tâm sợ hãi sâu xa, vĩnh viễn đoạn dứt các ác, siêng hành các thiện. Tỳ-kheo các ông, đối với kinh điển này, nên vì người khác diễn nói, khiến thành tựu Lọng phước.

Bấy giờ, trong chúng hội, Tôn giả A-nan-đà thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Tướng trì giới này làm sao nhận biết rõ?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Muốn vào pháp Phật, trước phải giữ năm giới, đó là: Không sát sinh, lìa lấy vật không cho, xa hành dục tà, dứt lời nói hư vọng, lìa uống rượu phóng dật. Hành tướng như thế, mỗi mỗi đều nhận biết rõ. Nay A-nan! Nơi nơi xứ xứ, thành ấp xóm làng có các thiện nam, tín nữ, nương dựa nơi pháp thiện, vui giữ tịnh giới, phát sinh tâm tịnh, ở nơi năm giới này trọn đời có thể vâng giữ.

Như Kinh Tạo Tác Phước Nghiệp nói: Thế nào là trì giới được thành tựu sự việc phước? Nếu người có thể đối với hết thảy hữu tình, không làm việc giết hại, người này được gọi là trì giới

không giết hại. Người sát sinh, từ nơi tâm mới khởi, quyết định sẽ giết hại những vật nào, hoặc khiến người khác giết. Khởi tâm gia hạnh chính thức đoạn mạng sống của hữu tình kia, chặt cắt thọ dụng. Người này gọi là mắc tội sát sinh.

Nếu người đối với tài vật hiện có của người khác, lia sự không cho mà lấy. Người này được gọi là trì giới không trộm cắp. Người trộm cắp, nghĩa là đối với vật của kẻ khác, không cho mà lấy. Hoặc làm việc cướp lấy. Hoặc kẻ khác để quên, giấu không trả lại. Cho đến ngay từ đầu, khởi tâm gia hạnh, trộm lấy vật kia. Người này gọi là mắc tội trộm cắp.

Nếu người có thể lia tất cả nhiễm dục, hoặc đối với sắc của người khác, không sinh tâm xâm phạm. Người này được gọi là trì giới không dâm. Người hành dục tà, là chẳng phải trong thân tộc, tự làm trò khoe mình để làm hại người nơi xóm làng, xứ sinh nhiễm dục đều không nên đến mà cứ đến. Hoặc thân quyến kẻ khác, thường được giữ gìn, thì khéo sắp đặt phương tiện để lại châu báu của mình. Hoặc kẻ khác gặp nạn mà sinh cưỡng bức. Khởi tâm như thế cho đến hành tác, người này gọi là mắc tội tà dục.

Nếu người có thể lia lời nói hư dối, ngôn thuyết chân thật, tâm miệng không trái. Người này gọi là trì giới không nói dối. Người nói dối, đó là thấy nói không thấy, không thật nói là thật. Như trong Luật nói: Như có Tỳ-kheo, từ phương xa đến, hoặc có người hỏi: Có thấy người kia v.v... không? Vị ấy thật sự là đã thấy nhưng đáp: Không thấy. Những loại như thế v.v... gọi là mắc tội nói dối.

Nếu người đối với rượu đã răn là không uống. Hoặc gió thổi bay mùi thơm, cũng không muốn ngửi. Người này gọi là trì giới không uống rượu. Rượu có ba loại: (1) Tô la. Là lấy gạo rang trộn lẫn với men tạo thành. (2) Mai lý. Loại này chỉ dùng rễ, quả, hoặc

hoa, lá v.v... lấy nước ép làm thành. Hai loại rượu này đủ sắc, hương, vị. Do gió thổi mùi hương, người đều muốn uống. Uống rồi thì mê say, tất sinh phóng dật. (3) Ma nật. Loại này lược không nói. Ba loại rượu ấy, nếu vui thích uống, người này gọi là mắc tội uống rượu.

Lại như Kinh Nan Nỉ Ca nói: Rượu Ma nật đó không nên làm ra. Tỳ kheo uống vào rồi thì dẫn đến phóng dật, hao tổn tài vật, thọ dụng không dòi dào thì tăng thêm sân hận. Hoặc cùng đánh đuổi nhau, cùng thêm lời thô ác, tranh cãi xô xát, cho đến mất hết y phục, lỏa hình, không biết xấu hổ, tiếng xấu lan rộng, người thiện nên lánh xa. Bỏ quên việc tụng tập kinh điển Đại thừa, tổn giảm trí tuệ, tăng trưởng vô minh, không kính Tam bảo, cha mẹ, tông thân, ở trong dòng họ không được quý trọng. Như thế, người phá giới do uống ba loại rượu kể trên sinh các thứ lỗi lầm. Do vậy nên biết, đối với các sự việc như sát sinh v.v... không gây tạo nữa, thường phải xa lìa.

HẾT – QUYỂN 11

KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP

Quyển 12

Nay ở đây lược nêu rõ về tướng trì giới. Bắt đầu từ các căn, nhận giữ kín đáo. Uống ăn biết lượng, giảm trừ ngủ nghỉ, thường vui tôn trọng, tu các phạm hạnh. Nghe những việc thọ hưởng dục lạc thuở xưa thì không thích nghĩ tưởng. Lại có thể hiện thị công đức của Sa-môn, xuất ly lỗi lầm của luân hồi nơi nẻo ác. Thân cận thiện tri thức, tác ý như lý, vui nghe chánh pháp, hiểu sâu diệu nghĩa. Trừ tham, sân, si, dứt các phiền não, bỏ tướng hư vọng, thêm lớn minh tuệ, chuyên cầu giải thoát, không sinh mệt mỏi. Nếu như có hủy phạm tội cấu vi tế thì không che giấu. Hết thầy tài vật, tâm không keo kiệt, thường vui thí giúp những chúng sinh nghèo khổ. Biết rõ năm dục có nhiều tội lỗi. Đối với quyến thuộc của mình, ân ái ràng buộc, sinh tướng xa lìa, ví như là oán đối. Ở một mình trong rừng, nơi đồng hoang, bỏ các chốn ồn náo. Không nuôi lớn các loài vật, khác với những kẻ tham lam. Có người đến cầu pháp, không sinh tâm keo kiệt ganh ghét, liền vì những kẻ ấy thuyết giảng khiến họ tin hiểu. Có thể dùng kiếm tuệ diệt giặc phiền não. Được các người thiện tôn trọng ngợi khen, xứng đáng thọ những vật cúng dường của thế gian như: Y phục tốt đẹp, ngọc cụ, các thức ăn uống v.v... Đối với những mùi vị thịt, khởi tướng dứt tuyệt, ma61t hẳn. Nơi danh lợi thế gian, tâm không mong cầu, tranh lấy. Đối với hai loại nghiệp đạo thiện, bất thiện, hoặc làm, hoặc ngừng, tin hiểu chắc chắn. Đã tự mình hiểu biết rồi, trừ bỏ

ngã mạn, dùng tâm lợi lạc, vì người khác diễn noli, hóa độ các ngoại đạo như Ni-kiền-tử v.v... khiến họ cũng sinh tâm tin hiểu, an trụ trong pháp Phật. Ngoài ba y của mình, những vật hiện có khác, dùng tâm thanh tịnh mà bố thí cho mọi người. Người như thế tức là đã ở trong chủng tộc Thánh. Thân tâm mát mẻ, lia các thứ nhiệt nã. Rõ biết sáu xứ là không chân thật, cũng như ung nhọt. Bị vật ngăn che, thường bị phiền não là ruồi muỗi cắn hút. Những người có trí, siêng cầu phương tiện, nương nơi chánh niệm xứ và tám Thánh đạo, dùng khói hương pháp thiện xông lên để đuổi đi. Nhận biết rõ về năm uẩn giống như cây chuối. Nếu sinh tâm tham thì khởi tưởng không bền chắc. Do tham lam đã hủy hoại chánh đạo, nên trước là chế ngự các căn, khiến không tán loạn. Dần dần khiến tu tập, trụ vào Tam-ma-địa. Nhận biết rõ về cảnh giới, bản tánh chỉ là khô, cũng như rừng gai, rậm rạp khó vượt qua. Cũng như bụi bặm làm ô nhiễm hữu tình, nên dùng nước chánh pháp để gội rửa sạch. Quán sát như thế về uẩn xứ giới kia, sinh tưởng các Hoặc không đáng yêu thích.

Đây nói rõ về trì giới có hai loại: (1) Trì giới không thanh tịnh. (2) Trì giới thanh tịnh. Như trong Luật nói: Có hai vị Tỳ-kheo tinh tấn trì giới, mỗi người ở một nơi, tiếng tốt lan xa. Lúc ấy, dân chúng đều kính ngưỡng đạo đức của họ, cùng nhau đi đến chỗ ở của hai vị, thân cận cúng dường. Bấy giờ có vua tên là Ca-ni-sát-sá, nghe biết hai vị Tỳ-kheo này hộ trì tịnh giới, nên cùng với quần thần đi đến trụ xứ của hai vị kia. Thấy một vị lão niên, uy nghi nghiêm túc, tu tập thiền định, nên sinh tâm kính ngưỡng, ý muốn thưa hỏi. Vua thưa: Bạch Đại đức! Trì giới như thế, ý mong cầu điều gì? Vị Tỳ-kheo đáp: Ý của tôi là đời sau mong được làm quốc vương. Nhà vua nghe nói như thế thì không sinh vui thích. Vì sao trì giới mà không có trí tuệ để phân biện lựa chọn. Lại hướng đến vòng trói buộc của sinh tử luân hồi. Người này là dối trá, làm mê

hoặc chư thiên và dân chúng. Ta nay ở đây không nên cúng dường. Trì giới như thế gọi là không thanh tịnh.

Nhà vua lại đi đến chỗ ở của vị Tỳ-kheo tân học. Đến rồi, vua liền hỏi: Thầy nay trì giới ý mong cầu điều gì? Vị Tỳ-kheo thưa: Ôn vua đoái hỏi, điều mong cầu của tôi là nguyện chứng thành Bồ-đề, làm lợi lạc quần sinh. Vua nghe nói như thế tâm rất vui: Trì giới như thế thì không làm lẫn, lìa các cấu nhiễm, gọi là thanh tịnh. Ta nay nên tạo sự cúng dường tối thượng. Sa-môn như thế đã phát tâm rộng lớn, Đệ Thích, chư thiên đều nên cúng dường. Lúc ấy, dân chúng nghe vua ngợi khen, đều cùng chấp tay, đánh lễ nơi chân vị Tỳ-kheo. Vua bèn quay nhìn các vị cận thân theo hầu, bảo: Các người mỗi người đều nên lấy những vật quý báu để dâng cúng. Đây gọi là trì giới thanh tịnh.

Như Đức Thế Tôn nói: Có mười loại duyên gọi là trì giới không thanh tịnh: (1) Thân lấy tổn hại. (2) Đắm sâu nhiễm dục. (3) Không cầu xuất ly. (4) Thường sinh biếng trễ. (5) Mong cầu mưu tính khắp. (6) Thoái mất chánh hạnh. (7) Hành tà mạng để tự nuôi sống. (8) Mất vui an ổn. (9) Ít nghe không học. (10) Bỏ quên việc tụng tập.

Thế nào gọi là Thân lấy tổn hại? Đó là đối với vua, con vua, các đại thần, vì sợ uy thế của họ, nên thường phải xa lìa, cho đến vô số các loại luật nghi ác. Tỳ-kheo nếu bị bức bách vì khát, không nên ở những nơi kia, cầu xin nước để uống. Vì chưa dứt trừ phiền não, chưa chứng được thần túc, không thể tự điều phục, sinh nhiều sợ hãi.

Thế nào gọi là Đắm sâu nhiễm dục? Đó là ở nơi năm trần cảnh, liên tục khởi tưởng bất chính, tự tánh buông thả, phóng dật, bỏ việc tu tập thiện.

Thế nào gọi là Không cầu xuất ly? Đó là xả bỏ nơi chốn tốt đẹp hướng đến nơi chốn lỗi lầm. Lại chê bai xứ tốt đẹp, tán thán hoan lạc của năm dục.

Thế nào gọi là Thường sinh biếng trễ? Đó là luôn nghĩ nhớ những sự việc phi nghĩa lợi đã làm trong quá khứ, cùng nhau tranh chấp. Cây nơi của cải mình đã có, thọ dụng tùy ý, sinh nhiều kiêu mạn. Đối với những bậc cao niên đức độ, không hay tỏ bày sự kính trọng, viện cớ để không tỏ bày.

Thế nào gọi là Mong cầu mưu tính khắp? Đó là đối với những vị thiện tri thức, đồng phạm hạnh, thì cùng đua nịnh, tán dương để cầu lợi dưỡng.

Thế nào gọi là Thoái mất chánh hạnh? Đó là vui tạo các thứ ác, trái vượt giới pháp, không có phương tiện thiện để khởi đạo đối trị.

Thế nào gọi là Hành tà mạng để tự nuôi sống? Đó là sợ mình khó nuôi dưỡng nổi mình, tâm không biết dừng đủ. Như ở trong Luật nói: Tỳ-kheo hành tà mạng, tạo tác phi luật nghi, giả hiện dị tướng. Ở trong đại chúng, tự khoe đức của mình. Nói nhiều không biết hổ thẹn. Hoặc y lại nơi dòng họ cho là đa văn luận nghị. Hoặc lúc phi thời vì kẻ khác nói pháp. Tuy có chút ít đức, do tham lợi nên những người nghe pháp, phần nhiều không tin thọ. Nghe có người nói, ở nơi chốn nọ, có trưởng giả thuộc tộc họ lớn Bà-la-môn, bố thí các thứ y phục, các vật dụng nuôi sống, liền đi đến đó, nói với trưởng giả kia: Tôi là hàng trưởng lão đức độ, nên dùng những vật tốt đẹp bậc nhất, mong là được thấy thí trước. Lúc này, trưởng giả sợ tranh giành âm ĩ, không muốn trái ý, nên cấp cho. Kẻ giúp việc thấy thế, đều sinh tâm khinh chê, vật thí không đem cho, lại xua đuổi khiến bỏ đi. Khi ấy vị Tỳ-kheo kia tâm sinh ưu não, ở trước mặt trưởng giả nói lời thế này: Tôi trước đã không muốn đi đến chỗ tộc họ thấp kém để cầu những vật cần dùng. Nay đã không

được, ở cũng chẳng hổ thẹn. Kẻ kia tuy dòng họ thấp kém nhưng cũng hay vui thí xả. Tỳ kheo như thế, xảo ngôn dối trá. Do mong cầu nhiều nên tâm thường nhiệt nảo.

Thế nào gọi là Mất vui an ổn? Đó là người trì giới phải nên an trụ việc làm trong xứ không khổ, không vui. Chẳng phải như các ngoại đạo Ni-kiền-tử v.v..., nằm ngồi trên gai gộc, dùng năm thứ lửa thiêu nướng thân, luống thọ khổ nhọc, không có được chút lợi lạc nào. Nếu tham đắm nơi lạc cũng không có chứng đắc, chỉ tăng thêm phóng dật, sau tất chiêu cảm khổ báo.

Thế nào gọi là Ít nghe không học? Đó là bên ngoài tuy có phòng giữ lỗi ác, nhưng bên trong không có tuệ sáng, chỉ toàn là ngu si, lại không hay thưa hỏi.

Thế nào gọi là Bỏ quên việc tụng tập? Đó là chỉ nghĩ đến việc ăn no, không thể tấn tu. Ăn uống no nê, đầy bụng, bất tịnh chảy tràn, thật chẳng phải là Sa-môn, tự xưng là phạm hạnh. Cũng như thối loa ốc, chỉ đuổi theo âm thanh hư ảo.

Mười duyên như thế, theo đầy đầy đủ một loại, gọi là trì giới không thanh tịnh. Những người tu hành phải nên nhận biết rõ.

Nếu người nơi thâm tâm tin hiểu quyết định, cho đến một lỗi nhỏ, cũng sinh sợ hãi lớn, nên biết người này là khéo trụ nơi tịnh giới. Như trong Luật nói: Có một trưởng giả mua được một nô bộc, đã còn nhỏ lại nghèo, phải bán thân để tự nuôi sống, nhưng kẻ ấy trong tâm thì thọ trì giới Phật. Một hôm, trưởng giả sai khiến sát sinh, kẻ nô bộc liền thưa: Trưởng giả là bậc chánh nhân, sao lại khiến người tạo nghiệp sát? Ở nơi việc thiện, bất thiện cần phải phân biệt. Vì giữ giới Phật nên không dám theo lệnh. Trưởng giả cảm ngộ bèn dừng việc sát hại.

Lại có vị quốc vương tên là Kế-la-ca, thường dùng hình phạt nghiêm khắc để cai trị muôn dân. Nếu kẻ thứ dân kia, có các lỗi

lâm, thuộc về quan gia, tất sẽ bị tru lục. Lúc ấy, có một người sắp sửa bị giết. Kẻ Chiên-đà-la kia đập đầu trước vua thưa: Con nay phát tâm mới lãnh thọ giới Phật. Đối với các tội nhân thì không hành sát. Cho đến các loài dế, kiến cũng không làm tổn hại. Nhà vua nói: Người tôn trọng giới Phật, chống lại lệnh nước. Đã không có chỗ dùng, nuôi người phỏng ích gì? Kẻ Chiên-đà-la kia lại thưa vua: Con nay quyết định không hủy phạm tịnh giới, xin vua thử xem: Đế Thích chư thiên hãy còn đối với giới Phật chế không dám trái vượt, huống chi là đám chúng con. Nhà vua nói: Nếu thật vậy sẽ dùng nghiêm hình trước là chặt đầu người. Chiên-đà-la thưa: Nay thân này của con là thuộc về nơi vua. Nhưng ở đời sau lại có thân khác. Do công đức của căn thiện trì giới này, nguyện sẽ được những an lạc thượng diệu của thế gian, cho đến chư thiên, theo nguyện ý đi đến. Ở đời vị lai, vui cầu pháp thiện, tăng trưởng diệu lực của tín, tấn, niệm, định, tuệ. Dùng nước công đức rửa sạch cấu nhiễm của ba độc như tham v.v..., rửa sạch hết không còn gì, quyết định sẽ được các quả như Dự lưu v.v..., cho đến pháp thân vi diệu, thanh tịnh của Như Lai. Phát nguyện này xong, liền ở trước đại chúng, cao tiếng xưng: Tôi nay thân này từ nhân duyên sinh, trong khoảng sát-na tất sẽ chấm dứt, vì hộ trì giới Phật, tâm không lo sợ.

Nhà vua nghe kẻ kia nói thế càng thêm phẫn nộ, liền sai sứ giả, đuổi kẻ Chiên-đà-la. Rồi nơi rừng Thi Đà đã giết hại mạng kẻ kia. Lúc ấy, dân chúng đều kinh sợ than thở, bèn nói với nhau: Người này là bậc đại trượng phu, thật là ít có. Vì hộ trì giới Phật mà bỏ thân mạng mình.

Do đấy nên biết, hết thảy chúng sinh chẳng phải do nơi lớn nhỏ, chủng tánh cao thấp, chỉ có thể ở nơi tâm tâm gồm đủ sự hổ thẹn, quyết định tin hiểu mà không hủy phạm, tức được gọi là trì giới thanh tịnh.

Ở đây lại nói rõ về trì giới không thanh tịnh. Như trong Luật nói: Có một vị Tỳ-kheo, tu hạnh xa lìa, trụ nơi hang núi. Bỗng vào lúc nửa đêm, tự lấy lương khô ăn. Do vội vàng nên làm bể cái bình. Lúc ấy, chúng nghe rồi quở trách vị Tỳ-kheo kia, tuy ở trong hang núi mà lại ăn phi thời. Đây gọi là trì giới không thanh tịnh.

Lại có vị Tỳ-kheo vốn là Bà-la-môn, sau nương theo pháp Phật, xuất gia tu đạo, vui ở chốn đồng hoang, sống một mình. Do thói quen, thường vào ban đêm, gập y cà sa lại xoạc chân mà ngồi. Có đám học trò ngày trước, chợt đến thăm hỏi, bèn nói với họ: Đây nếu không có người, người có thể vào trong rừng Am-la kia hái trái cây mang về. Đệ tử vâng lời dạy, liền đi đến chỗ ấy, bèn bị người chủ bắt trói. Đây cũng gọi là trì giới không thanh tịnh.

Lại có Tỳ-kheo, ở nơi A-lan-nhã, tu hạnh tịch tĩnh. Vào làng khát thực, lạc qua nhà mại dâm. Cô gái kia hỏi: Tỳ-kheo trì giới, vì có gì đến đây, là xứ không phải giải thoát? Nếu vui thích hòa hợp sẽ vào hầm lửa. Tỳ-kheo như thế, khó ở nơi chốn vắng lặng, vì không khéo quan sát nên bị kẻ kia chê trách. Đây cũng gọi là trì giới không thanh tịnh.

Có hai vị Tỳ-kheo trụ ở A-lan-nhã, thật sự không có đức nhưng tự bảo là có đức. Theo đám thương nhân vào trong biển lớn, gặp lúc gió đen hung dữ thành linh nổi lên, sóng to lớp lớp ập đến, cả đám người đều kinh hoàng. Các loài thủy tộc, cá Ma-kiệt v.v... tới lui, qua lại ngang dọc, húc đâm khiến tàu thuyền bị hư hoại. Những người hiện có nơi biển đều rối loạn, kêu khóc bi thương. Hoặc nổi lên được cứu vớt, hoặc bị chìm đắm. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo già đã rơi xuống nước rồi. Nghĩ mình đã già yếu, mạng không thể thoát được, liền cởi các phao nơi người ra, trao cho người bạn đồng hành. Vị kia đã được phao rồi, liền vợ lấy nhiều châu báu, ngọc Ma-ni v.v... nhưng rồi bị mất mạng. Đây gọi là trì giới không thanh tịnh.

Kể lại nói rõ về trì giới thanh tịnh. Có một vị Tỳ-kheo, đi một mình nơi quãng đường xa, đã bị đám đạo tặc cướp đoạt hết cả y phục. Trong số đạo tặc kia có một kẻ trước làm Sa-môn, biết vị sư này là người trì giới, bèn bảo đám kia: Lấy cỏ trói lại, bỏ ông ta ở đó rồi đi. Vị Tỳ-kheo luôn nghĩ tưởng đến giới Phật chế, nên đối với hết thầy cỏ lá không được bứt đứt, chỉ nằm nép bên đường không dám động dậy. Gặp lúc vua đi săn bắn, từ xa trông thấy, tưởng là ngoại đạo lừa hình, do ngã mạn không chịu đứng dậy. Liền đi đến cất vấn, mới biết đây là Tỳ-kheo, vì hộ trì tịnh giới, nên không làm tổn hại các thứ cỏ lá. Vua khen là chưa từng có, rồi sai người cởi trói cho ông ta, cho ăn uống lại cung cấp cả y phục. Đây tức gọi là trì giới thanh tịnh.

Có hai vị Tỳ-kheo từ phương xa lại, muốn đi đến cúng dường Xá-lợi của Như Lai. Hành trình vất vả, mệt khát, muốn tìm nước uống. Vị Tỳ-kheo thứ nhất bị cơn khát bức bách, không bận tâm xem xét kỹ uống nước liền. Vị Tỳ-kheo thứ hai tuy cũng rất khát nhưng quán xét kỹ biết là nước có trùng. Vị này bảo với bạn đồng hành: Thà tự mình chết khát chứ không làm tổn thương sinh mạng của kẻ khác, không nên trái phạm giới luật của Đức Thế Tôn. Rồi vị Tỳ-kheo này ngồi ngay thẳng trong rừng chịu khát mà chết. Do nhân duyên ấy nên được sinh lên xứ trời Đạo Lợi, gặp Phật nghe pháp, chứng quả Dự lưu. Đây tức gọi là trì giới thanh tịnh.

Có một vị Ưu-bà-tắc tu phạm hạnh đã lâu, bỗng vào một hôm, nhà ông bị lửa cháy. Ông răn bảo các con: Các con cẩn thận chớ lấy nước có trùng tưới vào lửa. Vì sao? Vì ta hộ trì giới của Phật đối với những con trùng nhỏ nhít trong nước cũng không làm tổn hại chúng. Đối với giới của Phật đã chế, ta luôn tuân giữ, không đoái tiếc tài sản, thân mạng. Há vì chút lợi nhỏ mà phải đọa vào đường ác. Đây tức gọi là trì giới thanh tịnh.

Thế nên người trí cần phải an trụ trong sự trì giới thanh tịnh. Hoàn toàn xa lìa sự trì giới không thanh tịnh. Nên biết Đức Như Lai xuất hiện ở thế gian thường vui làm lợi ích cho hết thảy hữu tình. Đóng cửa vào nẻo ác, chỉ đường sinh lên xứ trời. Đốt cháy củi phiền não. Nhổ bật gốc tham dục, giáo hóa các chúng sinh, lìa bỏ nhà, dứt trói buộc, đều khiến đạt được an lành vui vẻ. Rốt ráo vượt qua dòng thác dữ sinh tử, cõi thuyề trí tuệ đến nơi bờ kia. Dần dần chứng đắc trọn vẹn đạo quả Bồ-đề, Niết-bàn. Kiến lập cờ pháp lớn, phá trừ các ngoại đạo, các thứ ngã mạn, kiêu căng, các hành bất thiện. Thấy đều khiến phát tâm, dũng mãnh tinh tấn, dùng nước chánh pháp, tẩy rửa khát ái. Kẻ kia nghe pháp rồi, nương theo giáo pháp tu học. Tích tập pháp tài, là kho báu công đức, an trụ nơi thần thông, xuất ly ba cõi, rõ thấu thắng nghĩa đế, an trụ chốn giải thoát. Trì giới như thế được chư Phật khen ngợi. Nên biết người này là mắt của thế gian, có thể dẫn dắt chúng sinh đến chốn an ổn. Cũng như đèn sáng có thể phá bóng tối si mê. Như nước trong sạch có thể tẩy rửa bụi nhơ tội lỗi. Như thuốc hay chữa lành bệnh phiền não. Như bậc Đại Y vương khéo nhổ mũi tên dục. Như ruộng tốt ở thế gian sinh trưởng lúa công đức. Khéo có thể chỉ dạy những chúng sinh lười biếng, khiến sinh tâm hoan hỷ, vui giữ tịnh giới.

Nếu người ưa tạo tác nghiệp đạo bất thiện, như ở chung với kẻ oán thù, tất sẽ bị tổn hại. Như dựa theo pháp của ngoại đạo, Bà-la-môn, để cầu xuất ly, trở lại chiêu cảm lấy tai vạ lỗi lầm. Phải nương dựa nơi giáo pháp của chư Phật xưa, lấy cày sa làm tướng cờ hiệu để cầu giải thoát, thì có thể tiêu diệt được các cội gốc bất thiện, khiến các thứ ma quân sinh sợ hãi lớn. Dùng sức trí tuệ đoạn dứt phiền não, được đại danh xưng, lìa các sự suy hoại, họa hoạn. Cứu cánh là thành tựu đạo Bồ-đề vi diệu. Như nói: Bậc trí giả kiên trì tịnh giới, khéo giảng nói pháp yếu, hiện đời có được danh tiếng, nghĩa lợi, lại sinh về xứ trời, hưởng thọ phước báo thù thắng, tăng

trường các loại công đức của tuệ sáng. Nên biết người khéo có thể trì tịnh giới cũng như người nghèo có được bình quý, theo chỗ mong cầu thấy đều được như ý. Thường phải tinh tấn, cung kính hộ trì. Như phụng thờ Sư tôn không có tưởng mỗi mệ. Người giữ tịnh giới cũng lại như vậy.

Như Đức Thế Tôn nói: Trì giới thanh tịnh thì có thể đạt được mười loại công năng: (1) Do trì giới, nên phạm những việc được thực hiện đều không có lầm lẫn, không sinh phiền não, tâm thường vui vẻ. Do vui vẻ nên tâm vui thích pháp. Vì vui thích pháp nên thân được khinh an. Vì khinh an nên thọ an lạc thắng diệu. Do diệu lạc dẫn sinh thiên định. Do được định nên nhận biết về thật tế. Vì nhận biết rõ về thật tế nên an trụ nơi Bồ-đề, lìa bỏ chương nhiễm, trụ vào trí vô ngã, tức có thể vĩnh viễn diệt trừ các phiền não vi tế. Sự sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, không còn thọ thân sau, đi đến cảnh giới Niết-bàn.

(2) Do trì giới, nên ba nghiệp hiện có không tạo các tội, xa lìa đường dữ. Lúc sắp mạng chung, tâm không sợ hãi. Nghiệp phước đã tạo, các thiện hiện tiền, tùy ý vãng sinh nơi thắng xứ thọ vui.

(3) Do trì giới, tiếng tốt lưu truyền khắp, người nghe đều khen ngợi.

(4) Do trì giới, nên ngủ thức luôn yên ổn, thân tâm không ưu não.

(5) Do trì giới, nên thường được chư thiên yêu mến nhớ tưởng, hộ trì.

(6) Do trì giới, nên ở trong đại chúng tâm không khiếp nhược.

(7) Do trì giới, nên không bị hàng phi nhân dò xét tìm chỗ yếu kém của mình.

(8) Do trì giới, nên được các người lìa xấu ác, xem như thân tộc.

(9) Do trì giới, nên vật dụng cần dùng không thiếu, không phải mong cầu, thường được người hiền thiện cung kính cúng dường.

(10) Do trì giới, nên những điều nguyện cầu, tùy tâm đều được thành tựu. Nếu muốn cầu sinh vào dòng họ tôn quý, trưởng giả, giàu có lớn, nhà Bà-la-môn. Hoặc lại cầu sinh vào hàng chư thiên nơi sáu trời thuộc cõi dục, cho đến các trời thuộc cõi sắc, cõi vô sắc, hoặc cầu quả A-la-hán lià dục, tịch tĩnh giải thoát, đều được như ý.

Trì giới như thế, công đức đạt được, ví như biển lớn, sâu rộng vô biên. Nếu Ta theo thứ lớp tuyên thuyết đầy đủ, thì đến cùng tận đời vị lai cũng không thể nói hết. Như vừa nêu ở trước, công năng trì giới, những người nào từng đạt được quả báo thù thắng như thế? Như Phật, bậc Đại tiên, thầy đều thành tựu. Từ lúc mới phát tâm, tu trì tịnh giới, cho đến đạt được ba minh, sáu thông, lục, vô úy v.v..., ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Đầu mỹ diệu, rõ ràng, tròn đầy không giảm. Tóc xanh biếc xoay quanh theo phía mặt, nhuần thấm như màu đen của loài ong. Sau cổ hiện rõ vòng ánh sáng viên mãn cũng như ánh trăng tròn. Diện mạo đoan nghiêm như hoa sen nở, hình nghi đỉnh đạc như núi vàng ròng. Hai bàn chân bằng phẳng diệu thiện, an trụ. Phần thân tròn đầy như cây Ni-câu-luật-đà. Thường dùng mắt từ ái nhìn các chúng sinh. Hết thầy người trông thấy Phật đều được lợi ích, theo phương tiện cứu giúp ra khỏi đường ác. Trong các thế gian không ai sánh bằng. Thế nên gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Nếu các chúng sinh thọ trì tịnh giới, thì có thể đạt được công đức như trên, cùng các Đức Như Lai bằng nhau không khác. Khéo có thể tạo lợi lạc cho hết thầy hữu tình, vì vậy sau bổ thí là nói rõ

về trì giới, hành tướng thứ lớp, như trước đã nói. Tỳ-kheo các ông, thường phải nhất tâm, vui hành trì bố thí, trì giới, vì người chi bầy. Đây gọi là thành tựu đầy đủ Lọng phước.

HẾT – QUYỂN 12

SỐ 1672/1
LONG THỌ BỒ TÁT VỊ THIÊN ĐÀ CA
VƯƠNG THUYẾT PHÁP YẾU KỆ

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư Cầu Na Bạt Ma.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).

*Vua Thiên Đà Ca phải nên biết
 Sinh tử khổ não rất nhiều lỗi
 Thấy đều bị vô minh ngăn che
 Tôi muốn vì vua khởi lợi ích.
 Ví như chạm vẽ làm tượng Phật
 Người trí thấy tượng phải cung kính
 Ta nương Như Lai nói chánh pháp
 Đại vương cũng nên tin thọ sâu.
 Vua tuy trước nghe lời Mâu-ni
 Nay nếu nghe nhận chuyển phân biệt
 Cũng như ao hoa sắc thanh tịnh
 Trăng sáng chiếu xuống càng rực rỡ.
 Phật dạy sáu niệm nên tu tập
 Đó là Tam bảo, Thí, Giới, Thiên
 Tu hành mười thiện tịnh ba nghiệp
 Là rượu, phóng dật và tà mạng.
 Quán thân, tài sản, mau nguy hoại
 Phải thí phước điều giúp kẻ nghèo*

Thí là bền chắc không gì bằng
Cũng là người thân cận bậc nhất.
Siêng tu Tịnh giới trừ lỗi cấu
Cũng chẳng mong cầu được các hữu
Thí như đại địa sinh muôn vật
Giới cũng như thế sinh các thiện.
Tu Nhân, nhu hòa bỏ sân hận
Phật nói hạnh này thật vô thượng
Như thế Tinh tấn và Thiên, Trí
Đủ sáu hạnh ấy vượt sinh tử.
Nếu hay tại nhà hiếu cha mẹ
Đây gọi là phước điền thù thắng
Hiện đời lưu hành đại danh xưng
Vị lai phước báo chuyển vô lượng.
Giết, trộm, dâm dối, tham đắm rượu
Giường chạm, cao rộng và hương xông
Ca hát, xướng kỹ, ăn phi thời
Các ác như thế phải xa lìa.
Nếu lúc tuổi trẻ tu giới này
Tất thọ thiên lạc, đạt Niết-bàn
Keo ganh, tham dục và dua nịnh
Dối trá, điên đảo cùng biếng nhác.
Các pháp ác bất thiện như thế
Đại vương nên quán mau xả bỏ
Đoan nghiêm, tôn quý và năm dục
Nên biết nguy hại như bọt nước.
Chớ cậy pháp không bền như vậy
Kiêu căng, phóng túng, sinh các khổ
Muốn lớn các thiện, chứng cam lộ

Cần phải xa lìa như dứt độc.
 Nếu hay nỗ lực bỏ sân, mạn
 Ví như mây tan trăng thu tỏ
 Giống như Chỉ-man với Nan-đà
 Cũng như Sai-ma, các Hiền Thánh.
 Như Lai nói có ba loại ngữ
 Ngữ vào ý, chân thật, hư dối
 Vào ý như hoa, thật như mật
 Hư dối hèn xấu như phân uế.
 Phải nên tu tập hai ngữ trước
 Phải mau trừ dứt người hư vọng
 Từ sáng vào sáng, bốn loại pháp
 Vua nên phân biệt tư duy kỹ.
 Hai loại vào sáng là nên tu
 Nếu theo ngu tối phải mau bỏ
 Quả Am-bà-la, bốn cách biến
 Người khó phân biệt cũng như thế.
 Nên dùng trí tuệ quán xét sâu
 Nếu thật hiền thiện nên thân cận
 Tuy thấy nữ nhân thật đoan nghiêm
 Nên khởi tưởng mẹ, chị gái mình.
 Nếu dấy tâm tham dục nhiễm ái
 Phải nên chánh tu quán bất tịnh
 Tâm ấy động loạn nên ngăn chặn
 Như giữ thân mạng và châu báu.
 Tâm dục nếu khởi nên kinh sợ
 Như sơ đao kiếm, các thú dữ
 Dục thì không lợi như oán độc
 Đây chính là lời Mâu-ni dạy.

Sinh tử luân hồi hơn ngục buộc
Nên phải siêng tu cầu giải thoát
Sáu nhập tán động đuổi các cảnh
Cần phải thâm giữ chớ phóng dật.
Nếu hay thâm các căn như thế
Hơn cả dưng tướng thắng giặc dữ
Thân này bất tịnh chín nơi chảy
Không có cạn kiệt như sông biển.
Da mỏng đây che tợ như sạch
Như nhờ anh lạc tự trang điểm
Nhưng người có trí nên phân biệt
Biết kia hư dối bèn xả bỏ.
Như người ghẻ lở gần lửa cháy
Mới tuy dễ chịu, sau thêm khổ
Tướng tham dục cũng lại như thế
Trước tuy hoan lạc, sau lo nhiều.
Thấy thật tướng thân đều bất tịnh
Tức là quán nơi không, vô ngã
Nếu có thể tu tập quán này
Ở trong lợi ích vô thượng nhất.
Tuy có sắc tợ và kiến thức
Nếu không giới, trí như cầm thú
Tuy chón xấu hèn, ít hiểu biết
Hay tu giới, trí, gọi Thắng sĩ.
Tám pháp lợi, suy không thể tránh
Nếu có đoạn trừ thật không sánh
Các vị Sa-môn, Bà-la-môn
Cha mẹ, vợ con và quyến thuộc.
Chớ vì ý họ nhận lời ấy

Rộng tạo hành phi pháp bất thiện
 Nếu vì chúng đẩy khởi các lỗi
 Vị lại khổ lớn chỉ thân chịu.
 Phạm tạo các ác không báo liền
 Chẳng như đao kiếm đấu gây tổn
 Tương tội lâm chung mới cùng hiện
 Sau vào địa ngục buộc các khổ.
 Tín, thí, giới, vãn, tuệ, hổ thẹn
 Bảy pháp như thế gọi Thánh tài
 Lời Phật chân thật không gì sánh
 Siêu việt các châu báu thế gian.
 Đại vương nếu chứa thắng tài này
 Không lâu cũng chứng quả đạo tràng
 Cờ bạc, rượu chè, mê đàn địch
 Biếng trễ, kiêu mạn và bạo ác.
 Phi thời, vội vã nhiều loạn động
 Bảy pháp như thế nên xa lìa
 Tri túc là tài sản tối thắng
 Đức Thế Tôn nói lời như vậy.
 Tri túc tuy nghèo đáng gọi giàu
 Có của nhiều dục đầy gọi nghèo
 Nếu giàu sản nghiệp thêm các khổ
 Như rỗng nhiều dầu thêm sàu nảo.
 Phải xem vị ngon như thuốc độc
 Dùng nước trí tuệ rảy khiến sạch
 Vì nuôi thân này tuy phải ăn
 Chớ tham sắc vị thêm kiêu mạn.
 Đối các dục nhiễm phải sinh chán
 Siêng cầu đạo Niết-bàn vô thượng

Điều hòa thân này khiến an ổn
Sau đây phải nên tu trai giới.
Một đêm phân biệt có năm thời
Ở trong hai thời cần ngủ nghỉ
Đầu, giữa, cuối đêm quán sinh tử
Phải siêng cầu thoát, chớ luống qua.
Bốn định vô lượng nên tu tập
Đây gọi mở đường nơi Phạm thiên
Nếu tâm chuyên buộc niệm bốn thiên
Mạng chung tất sinh xứ trời kia.
Hữu vi đời động đều vô thường
Khổ không hư hoại chẳng bền chắc
Vô ngã, vô lạc, không thanh tịnh
Như thế đều gọi pháp đối trị.
Nếu có quán sâu pháp môn này
Vị lai thường ở vị tôn quý
Tu hành năm giới đoạn năm tà
Đây cũng điều Đại vương nên nghĩ.
Như bỏ chút muối xuống sông Hằng
Không thể khiến nước có vị mặn
Một chút ác nhỏ gặp các thiện
Tan hoại, diệt mất cũng như thế.
Năm tà nếu tăng, cướp công đức
Vua phải trừ diệt chớ khiến lớn
Năm căn như tín v.v... nguồn các thiện
Đây nên tu tập khiến tăng thanh.
Tám khổ như sinh v.v... thường thiêu đốt
Luôn dùng nước tuệ rảy khiến diệt
Muốn cầu thiên lạc và Niết-bàn

Phải siêng tu tập chánh tri kiến.
 Tuy có trí sáng vào nẻo tà
 Công đức vi diệu, trọn không còn
 Bốn loại điên đảo hại các thiện
 Thế nên quán xét chớ khiến sinh.
 Là sắc chẳng ta, ta chẳng sắc
 Trong ngã không sắc, sắc không ngã
 Nơi sắc sinh bốn loại tâm này
 Các ám còn lại đều như thế.
 Hai mươi tâm ấy gọi điên đảo
 Nếu hay trừ diệt là tối thượng
 Pháp chẳng tự khởi, minh sinh trước
 Chẳng Tự Tại tạo đúng thời có.
 Đều từ nghiệp ái, vô minh khởi
 Nếu không nhân duyên liền diệt hoại
 Đại vương đã biết những nhân này
 Nên đốt đèn tuệ phá si ám.
 Thân kiến, giới thủ và nghi kiết
 Ba thứ hay ngăn đạo vô lậu
 Vua nếu hủy hoại khiến tan diệt
 Pháp Thánh giải thoát sẽ hiển hiện.
 Ví như người mù hỏi tướng nước
 Trăm ngàn vạn kiếp không thể rõ
 Muốn cầu Niết-bàn cũng như thế
 Phải tự tinh tấn sau mới chứng.
 Muốn nhờ quyền thuộc và tri thức
 Mà được điều này thật khó có
 Vì vậy Đại vương phải tinh tấn
 Về sau mới chứng đạt tịch diệt.

Thí, giới, đa văn và thiên định
Nhân đầy dân gần bốn Chân đế
Nhân chủ phải nên tu tuệ sáng
Hành ba pháp ấy cầu giải thoát.
Nếu có thể tu thừa tối thượng
Tất gồm hết thấy thiện còn lại
Đại vương phải quán thân niệm xứ
Thế Tôn nói là đạo thanh tịnh.
Nếu không niệm này, tăng giác ác
Do thế phải nên siêng tu tập
Mạng người ngắn ngủi không dùng lâu
Nnhư bọt trên nước khởi liền diệt.
Thở ra, thở vào trong giác ngủ
Niệm niệm luôn qua thường suy giảm
Không lâu tức sẽ thấy mài diệt
Da thịt hôi thối thật đáng ghét.
Xanh, ú, trướng, hoại, máu mủ chảy
Giòi trùng cắn rúc đến cạn khô
Tóc lông, răng móng đều phân tán
Gió thổi, nắng phơi dần khô kiệt.
Nên biết thân này không bền chắc
Vô lượng các khổ đã chứa nhóm
Cho nên Hiền Thánh, những người trí
Đều quán lỗi này cùng xả bỏ.
Tu Di, biển lớn và sông suối
Bảy mặt trời chiếu đều tan cạn
Bền chắc như thế còn hủy diệt
Huống gì thân mạng mỏng manh này.
Vô thường đã đến không ai cứu

Không thể nương cây và tìm cầu
 Do đày Đại vương thường quán kỹ
 Mau sinh chán lìa, cầu thẳng pháp.
 Thân người khó được, pháp khó nghe
 Như rùa mù gặp bọng cây nổi
 Đã được thân hy hữu như thế
 Cần phải dốc tâm nghe chánh pháp.
 Được thân diệu này, tạo các ác
 Ví như bình báu đầy những độc
 Sinh nơi giữa nước gặp bạn lành
 Chuyên niệm phát tâm khởi chánh nguyện.
 Công đức trông lâu đủ các căn
 Vua nay đầy đủ các thiện ấy
 Nếu lại gần gũi người hiểu biết
 Phật nói đây là phạm hạnh tịnh.
 Thế nên phải vui thích tùy thuận
 Chư Phật do đày chứng Niết-bàn
 Đã gặp pháp thanh tịnh vi diệu
 Phải dốc chí cầu đạo lìa dục.
 Sinh tử hiểm nạn khổ không lường
 Cùng kiếp nêu bày không thể hết
 Tôi nay vì vua lược phân biệt
 Cần phải lắng nghe, khéo suy nghĩ.
 Ba cõi chuyển biến không biên vực
 Cha mẹ, vợ con lại cùng nhân
 Oán thân, yêu ghét, xú vô thường
 Như vòng lửa xoay, há cùng tận!
 Thế giới sinh tử vô thủy nay
 Sữa mẹ uống tính nhiều biển lớn

Nếu không tinh tấn chứng không trí
Vị lai lại uống không cùng hạn.
Trôi nổi năm đường, trải người, trời
Nếu chứa xương thân cao Tu-di
Ái biệt buồn thương lệ sánh kia
Cũng chẳng sông suối so đối được.
Nếu tính cha mẹ của một người
Số cây cỏ thế gian chẳng bằng
Tuy thọ năm dục vui xúr trời
Rốt lại rơi vào khổ nẻo ác.
Chư thiên thọ mạng rất dài lâu
Diệu lạc xúr ấy khó nói hết
Ca múa, hát xướng thanh diệu tuôn
Tiếng buồn hòa nhã cùng vang xa.
Dáng ký, sắc diệu cực đoan nghiêm
Kẻ hầu vây quanh thấy vui vẻ
Trăm món thịnh soạn đều đầy đủ
Theo ý vui thích tự nhiên đến.
Ao báu luôn đầy nước thơm trong
Nhiều hoa đẹp vây quanh che phủ
Muôn chim sắc lạ đậu bên trên
Véo von cùng hát tiếng bay khắp.
Chư thiên dạo chơi tắm trong ấy
Vui thú như vậy không thể nêu
Phước tận, lâm chung, năm suy hiện
Lúc ấy sinh khổ hơn vui trước.
Cho nên tuy có vui thiên nữ
Người trí thấy đó sinh nhàm chán
Tuy ở trên lầu gác châu báu

Cũng tất thoái đọa xứ cầu uest.
 Dù dạo vườn Nan-đà trên trời
 Rớt cũng lại vào rừng đao kiếm
 Tuy tắm ao Mạn-đà chư thiên
 Sau rồi tất đọa ngục Sông tro.
 Tuy lại ở ngôi Chuyển luân vương
 Sau làm tội tớ bị sai khiến
 Tuy thọ Phạm thiên vui lìa dục
 Sau đọa Vô gián khổ thiêu đốt.
 Tuy ở cung trời đủ quang minh
 Sau vào trong địa ngục Hắc ám
 Là ngục Hắc thành, ngục Đẳng hoạt
 Thiêu, cắt, lột, đâm và Vô gián.
 Tám địa ngục này luôn thiêu đốt
 Đều là báo nghiệp ác chúng sinh
 Hoặc nhận khổ lớn như ép dầu
 Hoặc nghiền thân thể như bụi bặm.
 Hoặc xẻ tứ chi thành nhiều mảnh
 Hoặc lại lột da và đốt nấu
 Hoặc dùng đồng sôi rót vào miệng
 Hoặc dùng sắt ép xé thân hình.
 Chó sắt đến tranh giành ăn nuốt
 Chim sắt đậu lên cùng mổ kéo
 Các loại trùng độc đều rúc rĩa
 Hoặc đốt cột đồng xuyên thân ấy.
 Lửa dữ hừng hực cùng cháy suốt
 Do vì nghiệp tội, không trốn được
 Nước sôi sùng sục vọt lên cao
 Trút ngược tội nhân ném vào trong.

Mạng người suy hoại thật mau chóng
Ví như khoảnh khắc chur thiên thở
Nếu người ở trong mạng ngắn này
Nghe các khổ trên không kinh sợ.
Nên biết tâm ấy thật vững chắc
Cũng như kim cương khó hủy hoại
Nếu thấy tranh vẽ, nghe tiếng kia
Hoặc theo kinh sách, tự nghĩ nhớ.
Biết như thế thời đã khó nhận
Huống lại thân mình tự trải qua
Địa ngục lớn Vô gián không cứu
Các khổ trong ấy khó cùng tận.
Nếu lại có người trong một ngày
Dùng ba trăm giáo ném thân kia
So một niệm khổ ngục A-tỳ
Trăm ngàn vạn phần không bằng một.
Thọ khổ lớn này qua một kiếp
Duyên nghiệp tội hết sau mới khởi
Khổ nào như thế từ gì sinh?
Đều do ba nghiệp bất thiện khởi.
Đại vương nay tuy không lo này
Nếu không tu nhân rốt đọa lạc
Trong loài súc sinh khổ không lường
Hoặc bị trói buộc cùng đánh đập.
Vì không tín, giới và hiểu biết
Thường ôm tâm ác ăn nuốt nhau
Hoặc vì ngọc châu, lông, sừng, ngà
Xương, lông, da, thịt nên bị giết.
Bị người ngự cõi, không tự tại

Luôn chịu khổ gạch ngói, dao gậy
 Trong đường nợ quý khổ cũng thế
 Những vật cần muốn không theo ý.
 Đói khát bức bách do lạnh nóng
 Các khổ thiếu ốm thật vô lượng
 Bụng to như núi, cổ như kim
 Phần tiêu, máu mủ không thể nói.
 Lõa hình tóc che thật xấu ác
 Như cây Đa-la bị chặt đốt
 Trong miệng ban đêm lửa dữ cháy
 Các trùng tranh nhau cùng rúc rĩa.
 Phần tiêu cấu ứ, các bất tịnh
 Trăm ngàn vạn kiếp chẳng thể được
 Ví như tìm cầu được chút ít
 Lại cùng cướp đoạt, liền tan mất.
 Trăng thu trong mát sợ lửa nóng
 Ngày xuân ấm áp chuyển khổ lạnh
 Nếu đến vườn rừng, cây trái hết
 Sông trong đi tới thành khô cạn.
 Vì duyên nghiệp tội, thọ dài lâu
 Trái có một vạn năm ngàn tuổi
 Thọ các khổ độc không hề thiếu
 Đều là quả báo của nợ quý.
 Bạc Chánh giác nói nhân khổ này
 Gọi là nghiệp xan tham, ganh ghét
 Nếu phước trời hết, thiện còn lại
 Nhân đầy được làm vua nẻo người.
 Sau nếu biếng nhác, phước đều tận
 Tất đọa ba đường ác, không nghi

*Hoặc sinh Tu-la, khởi cao ngạo
Sân, ganh, tham hại thêm phiền não.
Chư thiên tuy có hành căn thiện
Do vì xan, ganh mất lợi lạc
Vì thế nên biết kết ganh ghét
Là pháp ác sâu cần xả bỏ.
Đại vương! Ông nay đã biết đủ
Sinh tử lỗi lầm rất nhiều khổ
Cần phải siêng tu thiện xuất thế
Như khát nghĩ uống, cứu cháy dầu.
Nếu thêm tinh tấn đoạn các hữu
Ở trong các thiện thật vô thượng
Phải siêng trì giới, hành thiên trí
Điều phục tâm vọng, cầu Niết-bàn.
Niết-bàn vi diệu dứt các tướng
Không sinh, già, chết và suy não
Cũng không núi sông cùng nhật nguyệt
Cho nên cần phải mau chứng biết.
Nếu muốn chứng được trí vô sư
Phải nên chuyên tu bảy giác pháp
Nếu hay cỡi thuyền giác phần này
Biển lớn sinh tử dễ vượt qua.
Mười bốn pháp Phật đã không nói
Chỉ sinh tín tâm chớ nghi hoặc
Chính phải chánh tâm siêng tinh tấn
Quyết định tu tập các pháp thiện.
Vô minh duyên hành, thức, danh sắc
Lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu
Hữu thì duyên sinh, sinh duyên tử*

Nếu hết sinh tử nhân duyên diệt.
 Như thế chánh quán mười hai duyên
 Người này tất thấy Thánh Sư tử
 Nếu muốn lần lượt thấy bốn đế
 Phải siêng tu tập bát chánh đạo.
 Tuy ở chốn tôn quý năm dục
 Cũng được Thánh đạo, đoạn các kiết
 Quả này không thể cầu kẻ khác
 Tự tâm phải ngộ mới chứng được.
 Tôi nói các khổ và Niết-bàn
 Vì muốn thám nhuần lợi ích vua
 Không nên sinh khởi tâm sợ hãi
 Chỉ siêng tụng tập hành các thiện.
 Tâm là căn bản của các pháp
 Nếu trước điều phục làm việc này
 Tôi nói pháp yếu lược phân biệt
 Vua chớ nên sinh tâm là đủ.
 Nếu có đại trí lại quảng diễn
 Cũng nên chí tâm siêng nghe nhận
 Vua nay gọi là đại pháp khí
 Nếu rộng nghe pháp tất lợi lớn.
 Nếu thấy người tu ba nghiệp thiện
 Phải sinh tâm tùy hỷ trợ giúp
 Việc thiện mình làm cùng tùy hỷ
 Công đức như thể thấy hồi hướng.
 Vua phải kính học các Hiền Thánh
 Như Quan Âm cứu độ chúng sinh
 Vị lai tất sẽ thành Chánh giác
 Nước không sinh, già, ba thứ độc.

*Đại vương nếu tu các thiện trên
Danh xưng được lưu hành rộng khắp
Về sau dùng đầy giáo hóa người
Khiến khắp tất cả thành Chánh giác.
Sông phiền não trôi cuốn chúng sinh
Vì sợ hãi sâu khổ lửa đốt
Muôn diệt các trần lao như thế
Phải tu để giải thoát chân thật.
Lìa các pháp giả danh thế gian
Liên được xứ bất động thanh tịnh
Nếu có phụ nhân ôm tâm hại
Vợ như thế nên phải xa lìa.
Nếu người trinh hòa, yêu kính chồng
Khiêm tốn siêng năng như người ở
Luôn nghĩ là chị, mẹ, bạn thân
Đầy nên tôn kính như thần nhà.
Pháp tôi đã nói chính như thế
Vua nên đêm ngày siêng tu tập.*

Long Thọ Bồ Tát Vị Thiên Đà Ca Vương Thuyết Pháp Yếu
Kệ.

HẾT.

SỐ 1673/1

KHUYẾN PHÁT CHƯ VƯƠNG YẾU KỆ

Tác giả: Bồ tát Long Thọ soạn tập.

Hán dịch: Đồi Lưu Tống, Đại sư Tăng Già Bạt Ma.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

Nêu công đức thắng vua
 Tôi không mong tướng khác
 Pháp chư Phật thuyết giảng
 Trang nghiêm chính nghĩa gì?
 Lược soạn tụng Hiền Thánh
 Mong Đại vương lắng nghe
 Như dùng nhiều cây tạp
 Tạo lập tượng Như Lai.
 Người trí cung kính lễ
 Nương Phật nên xem trọng
 Tôi nay do không biện
 Nói rõ Tạng chân thật.
 Người tuệ nên tin vui
 Dựa pháp nghe chỗ thuật
 Đại vương tuy luôn nghe
 Phạm âm, Như Lai nói.
 Do đa văn tỏ ngộ
 Thường nghe tất tin sâu
 Như nhật chiếu chất trắng

Há chẳng thêm rục rờ.
Tam bảo, thí, giới, thiên
Nói sáu niệm tối thắng
Tùy thuận các công đức
Khéo quán xét như thật.
Thân, miệng, ý thường hành
Mười nghiệp đạo thanh tịnh
Xa rượu không say loạn
Lìa tà tu chánh mạng.
Biết tiền của năm nhà
Vô thường không bền chắc
Huệ thí bậc hữu đức
Nghèo khổ và thân thuộc.
Tùy chỗ sinh thường theo
Bố thí là tối thắng
Không đoan cũng không diệt
Không lìa, không mong quả.
Các Tịnh giới như thế
Phải nên khéo thọ trì
Đây tức là ruộng tốt
Vì sinh các công đức.
Thí, giới, nhẫn, tinh tấn
Thiền định, vô lượng tuệ
Các Ba la mật này
Người trí phải tu tập.
Hay qua biển ba cõi
Mau được Mâu Ni Tôn
Nếu người hiếu mẹ cha
Chỉ tâm phụng cúng dường.

Đây gọi cửa lễ giáo
Thắng tộc, trời thanh tịnh
Tiếng tốt lan truyền xa
Bỏ thân sinh thiên thượng.
Lìa giết trộm dâm dối
Uống rượu và ba chi
Thành tựu tám phần trai
Tùy thuận học chư Phật.
Bỏ thân sinh sáu trời
Chỗ mong thầy tùy ý
Keo, nịnh, giả dối, mạn
Lười biếng, tham, sân, si.
Dòng họ, sắc diệu đẹp
Trai trẻ, hiểu biết, vui
Các mê hoặc như thế
Phải xem như oán đối.
Nếu tu không phóng dật
Đây là đường bất tử
Phóng dật là nẻo chết
Là lời Thế Tôn dạy.
Vì tăng trưởng pháp thiện
Nên tu không phóng dật
Nếu người trước làm ác
Sau nên không phóng dật.
Đây tức chiếu thế gian
Mây tan ánh trăng tỏ
Nhẫn nhục không gì bằng
Không theo tâm nóng giận.
Phật dạy hay xa lìa

Là được đạo Bất hoàn
Có sân như vẽ nước
Hoặc như vẽ đất đá.
Nếu nói vượt phiền não
Người đầu là thù thắng
Sửa ác, tu từ nhân
Thứ ba tức là trên.
Tối thắng nói chúng sinh
Ba loại lời thiện ác
Đầu gọi dẫn tâm người
Lời đẹp như mật ngọt.
Kế gọi lời chân thật
Cũng như hoa đẹp nở
Sau gọi không thành thật
Thô bỉ như phân ứ.
Người trí nên phân biệt
Bỏ sau, tu hai trước
Từ sáng, sáng đến cuối
Từ tối, tối rốt cùng.
Có từ tối vào sáng
Hoặc từ sáng vào tối
Người trí phải biết rõ
Bỏ ba, lên sáng đầu.
Có người sống tợ chín
Hoặc lại chín tợ sống
Hoặc hai cùng sống chín
Người sáng phân biệt kỹ.
Không nhìn sắc vợ người
Nhìn phải nghĩ mẹ, con

Như thế còn khởi hoặc
 Nên tu quán bất tịnh.
 Tâm ý thường động loạn
 Phải siêng khéo giữ gìn
 Như người giữ kiến văn
 Kho báu, yêu mạng con.
 Nên quán năm dục lạc
 Cũng như rắn độc dữ
 Oán ghét và đao, lửa
 Phương tiện tu chán lìa.
 Năm dục sinh phi nghĩa
 Giống như trái Tân-bà
 Che đậy, khéo dối trá
 Buộc người trụ sinh tử.
 Người trí nên quán xét
 Xả bỏ chớ cấu nhiễm
 Các căn thường loạn động
 Dong ruổi sáu trần cảnh.
 Nếu hay khéo điều phục
 Tức là đại dừng kiện
 Thân này là nhà xí
 Chín đường thường tiết uế.
 Rò rỉ khó được đầy
 Da mỏng giáu bất tịnh
 Người ngu bị lừa dối
 Bạc trí phải chán lìa.
 Như người bệnh ghẻ lở
 Hướng lửa mong hết khổ
 Vui ít sau khổ tăng

Tham dục cũng như thế.
Phải khéo biết lỗi dục
Từ đây là các khổ
Muốn thấy đệ nhất nghĩa
Phật dạy quán duyên khởi.
Phải nên siêng tu lập
Hơn hết không gì qua
Dòng họ, thân đoan nghiêm
Đa văn tự tô điểm.
Nếu không tu giới, tuệ
Đây thật chẳng tốt đẹp
Hay đủ hai công đức
Không ba vẫn kỳ đặc.
Lợi suy và chê khen
Xưng tán cùng khổ vui
Tám pháp không nghiêng động
Đây tức là Thánh vương.
Chớ vì các thiên thần
Sa-môn, Bà-la-môn
Tông thân và khách quý
Hại sinh tạo nghiệp ác.
Mạng chung vào địa ngục
Thọ khổ kia không thay
Nếu người tạo nghiệp ác
Không thọ liền khổ độc.
Mạng chung chịu khổ báo
Sau hối sao còn kịp
Tín, giới, thí, đa văn
Trí tuệ có hổ thẹn.

Phật nói tài bất cộng
Tài sản khác đều chung
Bà bạc cùng tụ tập
Lười biếng theo bạn ác.
Rượu say thêm phóng túng
Đêm chơi không xấu hổ
Sáu việc này ô danh
Người trí nên xa lìa.
Biết đủ, tài sản lớn
Thế Tôn đã ngợi khen
Nếu hay tu biết đủ
Tuy nghèo kém mà giàu.
Ví như rỗng nhiều dầu
Đầu nhiều thì khổ nhiều
Tự tánh kết hận sâu
Đấy gọi vợ oán đối.
Ngạo mạn không vâng thuận
Đấy gọi vợ khinh chồng
Hoang phí tài sản chồng
Đấy gọi là vợ giặc.
Cẩn thận! Trọng phu hiền
Nên xa ba vợ ấy
Tùy thuận làm chị em
Yêu thích làm bạn tốt.
An ủi làm người mẹ
Theo ý làm tôi tớ
Bón vợ hiền lương này
Tức là quyến thuộc chồng.
Ăn uống là thuốc thang

Không nuôi tham, sân, si
 Chỉ làm ngừng thân khổ
 Chớ làm tăng phóng dật.
 Ngày siêng năng tu hành
 Đầu, cuối đêm cũng vậy
 Giữa đêm cũng chánh niệm
 Không khiến mộng luống qua.
 Tâm từ bi, hỷ xả
 Ngày đêm thường tu tập
 Nếu chưa xuất thế gian
 Phước ấy hơn Phạm thiên.
 Lìa giác (Tâm) dục hoan hỷ
 Khổ vui tu bốn thiền
 Quả thật Phạm quang tịnh
 Thọ các thiên lạc này.
 Nếu người hành ác ít
 Rộng tu vô lượng thiện
 Như lấy một nhúm muối
 Ném vào sông Hằng lớn.
 Nếu người làm nhiều ác
 Ít tu công đức tịnh
 Như lấy nhiều độc dữ
 Bỏ vào cơm bát nhỏ.
 Năm ám, giặc tối tăm
 Cướp báu thiện của người
 Kẻ năm căn, lực: Tín v.v...
 Tức hay khéo gìn giữ.
 Khổ sinh già bệnh chết
 Kẻ yêu thương là biệt

Chìm đắm không vượt qua
 Đây do lỗi nghiệp mình.
 Cầu sinh thiên giải thoát
 Phải siêng tu chánh kiến
 Tà kiến tuy làm thiện
 Chỉ thu được quả khổ.
 Vô thường, khổ, bất tịnh
 Cần phải khéo quán xét
 Nếu không chánh tư duy
 Bốn đảo mù mắt tuệ.
 Sắc đoan chánh chẳng Ta
 Ta, sắc cũng không chủ
 Bốn ám kia cũng vậy
 Chỉ là tự khổ không.
 Chẳng thời, chẳng không nhân
 Cũng chẳng tự tánh có
 Chẳng trời Tự Tại sinh
 Nghiệp vô minh, ái khởi.
 Thân kiến, giới thủ, nghi
 Ba áy chướng giải thoát
 Thánh tuệ mở cửa thoát
 Tự lực không nhờ người.
 Tịnh giới học thiền định
 Tinh tấn tu bốn thiền
 Giới tâm tuệ tăng thượng
 Thường phải siêng tu học.
 Các giới, trí, tam muội
 Thấy vào trong ba học
 Thân niệm xứ lực lớn

Phật thuyết đạo Nhất thừa.
Thường nên buộc tâm niệm
Phương tiện khéo gìn giữ
Nếu quên chánh niệm này
Tất mất các pháp thiện.
Thân mạng rất mỏng manh
Như gió thổi bọt nước
Mộng thức khó bảo toàn
Thở ra không chắc lại.
Hốt nhiên thành hạt bụi
Nên biết không bền chắc
Đại địa, Tu-di, biển
Bảy mặt trời thiêu đốt.
Chẳng còn chút tro tàn
Huống lại thân mỏng manh
Vô thường không thể dựa
Chẳng phải pháp che giấu.
Thân này không thể cậy
Thế sao không sinh chán?
Ví như rùa mù biển
Gặp được bọng cây nổi.
Súc sinh lại thân người
Khó được còn hơn đấy
Vì sao trong nẻo người
Không tu nghiệp quả tốt.
Bình báu đầy phần uế
Đây là người ngu si
Đã được thân người báu
Mà dùng tạo hành ác.

*Phải biết những kẻ này
Ngu si còn hơn đày
Được sinh nước có đạo
Lại gặp thiện tri thức.
Tâm chánh kiến thành tựu
Túc mạng có công đức
Đầy đủ bốn bảo luân
Hay thoát đường sinh tử.
Gần gũi thiện tri thức
Tu phạm hạnh đầy đủ
Phật nói người như thế
Tâm thường được tịch diệt.
Ba nẻo ác, tà kiến
Không nghe tiếng pháp Phật
Chốn tối tăm, biên địa
Trời Trường thọ điếc, câm.
Vua đã lìa tám nạn
Được thân vô ngại này
Cần phải tu nghiệp thiện
Phương tiện cầu Nê-hoàn.
Trong đêm dài sinh tử
Vô lượng các thứ khổ
Lần lượt làm sáu thân
Cao thấp không thứ lớp.
Vĩnh kiếp trong sinh tử
Chưa từng không làm con
Tính uống sữa mẹ hiền
Lượng bằng bốn biển lớn.
Phàm phu mới thọ sinh*

Sữa uống lại hơn đây
Một người từ xưa lại
Xương chứa cao Tu-di.
Các người trời trải qua
Như vi trần đại địa
Trước làm Chuyển luân vương
Sau lại làm tôi tớ.
Hoặc trên là Đế-thích
Được chư thiên phụng sự
Sau sinh trong đất phẩn
Qua lại cũng vô số.
Hoặc lúc sinh lên trời
Chọn thiên nữ rất vui
Các sắc đẹp, hoa mắt
Tai nghe muôn loại tiếng.
Chạm thân đều mềm mại
Dục lạc khó nói hết
Sau đọa vào địa ngục
Không khổ nào không trải.
Hoặc sinh cây rừng kiếm
Đầu mình rơi theo đao
Hoặc dạo đỉnh Tu-di
Lên xuống theo tâm niệm.
Cùng với chúng thiên nữ
Tắm gội ao Mạn-đà
Hoa báu bày trang nghiêm
Mát mẻ rất vui thích.
Lại vào sông Tro sôi
Đun nấu thầy nát như

Sáu trời, năm dục vui
Phạm thế lìa dục lạc.
Chết vào ngục không chọn
Chịu đủ các khổ độc
Hoặc làm trời nhật nguyệt
Ánh sáng chiếu bốn vùng.
Sau sinh ngục Hắc ám
Không tự thấy hình mình
Vua nên thấp đèn tuệ
Chớ lại theo nẻo tối.
Trong tám địa ngục lớn
Khổ thiêu nướng mổ xé
Trải đủ nhiều khổ độc
Vô lượng không thể ví.
Nếu người theo si hoặc
Tạo đủ các nghiệp ác
Trong khoảnh khắc thở ra
Nghe các khổ dữ này.
Tâm ấy không sợ hãi
Tức là người gỗ đá
Mắt thấy cảnh báo ứng
Lại nghe người trí nêu.
Kia chọn kinh điển Phật
Nội tâm chánh tư duy
Tất nên rất sợ hãi
Huống gì thân tự trải.
Trong hết thủy thọ khổ
Không chọn khổ lớn nhất
Trong tất cả thọ lạc

Ái dứt, lạc đệ nhất.
Đêm ngày đều ba thời
Ba trăm cọc xuyên thân
Dục so khổ không chọn
Gấp trăm ngàn không dụ.
Vô lượng các khổ độc
Cầu chết không thể được
Thọ tội trăm ngàn tuổi
Nghịch ác hết mới thoát.
Quả báo khổ bất tịnh
Nghịch thân miệng, hạt giống
Không hạt giống không có
Vua nên dứt gốc khổ.
Nếu đọa nẻo súc sinh
Khổ trời buộc giết hại
Tâm tham hại cuồng loạn
Oán kết lại ăn nhau.
Hoặc vì lấy châu ngọc
Lông, đuôi, da, thịt, xương
Do đầy mắt thân mạng
Mổ, lột, chặt, cắt, đau.
Ngựa giỏi có sức lớn
Khổ buộc cổ cỡi kéo
Lòng lộn chưa thuần thực
Khổ roi, giàm, đánh đập.
Ngạ quỷ xét ăn uống
Điều nghĩ chưa từng có
Đói khát nóng lạnh bức
Đêm dài không ngừng nghĩ.

Hoặc thân như núi lớn
Cổ họng như mũi kim
Đói khát trong thiêu đốt
Đói thức ăn không theo.
Hoặc thấy phân, mủ, đờm
Cả đám chạy đến giành
Tới nơi tự nhiên mất
Tuyệt vọng thêm khổ não.
Đói khát nấu bên trong
Bướu cổ phát, ung nhọt
Lại cùng nhau đánh đấm
Cắn xé hút máu mủ.
Gây óm da bọc xương
Lỗ hình, phủ tóc khắp
Thân dài như cây khô
Từ miệng lửa dữ phát.
Trở lại đốt thân mình
Như cây Đa-la cháy
Mùa hạ mong đêm mát
Ánh trăng thêm nóng bức.
Mùa đông tưởng sáng ấm
Trời mọc hơn băng kết
Hương cây trái liền mất
Đến sông nước bỗng cạn.
Trải vạn năm ngàn tuổi
Nghịch giữ mạng không dứt
Thọ lâu vô lượng khổ
Đây do duyên tội xưa.
Vô số những bức não

Thuần khổ không gián đoạn
 Tham tiếc rất bồn sển
 Phật nói nhân nga quý.
 Sinh thiên tuy diệu lạc
 Phước hết khổ vô cùng
 Đây chẳng quả Hiền Thánh
 Người trí không nương dựa.
 Thân thể không sáng tươi
 Không vui chỗ ngồi cũ
 Hoa mũ chợt héo rụng
 Bụi cấu liền bám thân.
 Dưới nách chảy mồ hôi
 Phải biết giờ chết đến
 Nghiệp tịnh nẻo thiện hết
 Lại đọa ba đường ác.
 Hoặc sinh A-tu-la
 Tham ganh luôn khổ não
 Tuy có trí thông sáng
 Rốt không thấy chân đế.
 Sinh tử trong sáu đường
 Luân chuyển thường không dứt
 Thắng pháp không thọ sinh
 Sinh là vật nhiều khổ.
 Vì khiến đánh lửa đốt
 Chánh ý chớ nên nghĩ!
 Không thọ nghiệp hữu sau
 Chuyên tâm siêng tu tập.
 Giới phẩm, thiên định, tuệ
 Tịch tĩnh, hòa bất động

Phải cầu đạo Niết-bàn
 Rốt ráo là sinh tử.
 Niệm, trạch và tinh tấn
 Hỷ, an, tam muội, xả
 Bảy phần Bồ-đề này
 Đạo cam lồ thanh tịnh.
 Không trí thì không thiên
 Không thiên cũng không trí
 Hai pháp cùng thành tựu
 Hay thoát dòng sinh tử.
 Biển khổ lớn không bờ
 Thấy như nước chân bờ
 Mười bốn luận vô ký
 Phật dạy không nên xét.
 Là đạo không an ổn
 Cũng chẳng xử tịch diệt
 Vô minh duyên các hành
 Tức duyên kia sinh thức.
 Danh sắc từ thức khởi
 Sáu nhập nhân danh sắc
 Sáu nhập sinh sáu xúc
 Từ xúc khởi các thọ.
 Các thọ làm nhân ái
 Theo ái sinh bốn thủ
 Bốn thủ sinh ba hữu
 Nhân hữu, ái sau sinh.
 Từ sinh đến lão tử
 Ưu bi các khổ não
 Vô lượng các khổ tụ

Sinh hết thấy đều diệt.
Nơi hiển thị tối thắng
Pháp duyên khởi thâm diệu
Nếu hay chánh quán xét
Thấy chân thật pháp trên.
Thấy chân thật như thế
Đây tức là thấy Phật
Chánh kiến, chánh tư duy
Chánh ngữ, chánh nghiệp, mạng.
Chánh niệm, chánh phương tiện
Và chánh Tam-ma-đề
Tám phần đạo Hiền Thánh
Tịch diệt nên tu tập.
Sinh là khổ chân đế
Án ái tức là tập
Khổ diệt gọi giải thoát
Đến kia là tám đường.
Để thấy chân đế ấy
Thường siêng tu chánh trí
Tuy ở năm dục lạc
Người trí hay xuất ly.
Có thể chứng chánh pháp
Đều từ phàm phu khởi
Không từ hư không rơi
Cũng không từ đất xuất.
Vua minh triết vô úy
Nhận pháp yếu không phiền
Nên sửa cầu chánh pháp
Vượt qua vực sinh tử.

Các pháp sâu như trên
 Xuất gia còn khó tịnh
 Huống chi bậc Vương chủ
 Có thể hành đầy đủ.
 Theo thời, tu tập dần
 Chớ để ngày luống qua
 Hết thấy người tu thiện
 Luôn sinh tâm tùy hỷ.
 Tự hành ba loại nghiệp
 Chánh hồi hướng Phật đạo
 Nên ở đời vị lai
 Thọ vô lượng phước này.
 Thường sinh trong người, trời
 Được làm vua Tự Tại
 Cùng chúng Đại Bồ-tát
 Các thần thông diệu dụng.
 Phương tiện độ chúng sinh
 Nghiêm tịnh cõi nước Phật
 Thí, giới, tuệ làm nhân
 Qua lại trong trời, người.
 Danh xưng sạch không cấu
 Lưu hành khắp phương cõi
 Vị dẫn đường thế gian
 Trên sinh Hóa Thiên vương.
 Khiến bỏ năm dục lạc
 Xa lìa các phóng dật
 Chúng sinh mê bến giác
 Trôi nổi theo bốn dòng.
 Vô lượng khổ sinh tử

*Độ khiến đến bờ kia
Duyên đây thành Phật đạo
Cứu cánh Đại Niết-bàn.*

Kệ Trọng Yếu Khuyến Phát Các Vua.

HẾT.

SỐ 1674/1
**LONG THỌ BỒ TÁT KHUYẾN GIỚI
 VƯƠNG TỤNG**

Hán dịch: Đời Đường, Đại sư Nghĩa Tịnh.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

*Hữu tình không biết tâm bị che
 Do đầy hưng Bi vì khai giải
 Đại đức Long Thọ vì Quốc vương
 Gửi thư cho vua khiến tu học.*

(Một Bài Tụng này là người đời sau đã thuật lại nêu rõ bản ý của thư – Tức kệ này).

*Đủ đức, Tôi diễn giáo như như
 Vì sinh phước ái mà hưng thuật
 Chân thiện nên phải khá nghe kỹ
 Tụng này gọi là Thánh kỳ đề.
 Tùy loại gỗ nào khắc tượng Phật
 Những vị có trí đều cúng dường
 Nếu như thơ Tôi không xảo diệu
 Dựa chánh pháp nói chớ nên khinh.
 Vua tuy trước hiển giáo như như
 Lại nghe lời Phật thêm thắng giải
 Cũng như phản tường trắng sáng chiếu
 Há chẳng rực rỡ càng thù diệu.*

*Phật pháp và Tăng chúng
Thí, giới cùng với thiên
Mỗi mỗi tụ công đức
Phật nói nên thường niệm.
Mười thiện các nghiệp đạo
Thân ngữ ý luôn gần
Xa lìa nơi các rượu
Cũng hành mạng thanh tịnh.
Biết của, thể không chắc
Như pháp, thí Bí-sô
Nghèo kém và tái sinh
Đời sau làm bạn thân.
Các đức dựa giới trụ
Như đất nuôi lớn vật
Chớ bận rộn mong nhiều
Phật dạy nên thường học.
Thí giới nhẫn dũng định
Huệ không thể xưng lượng
Đầy hay đến nên tu
Vượt biển hữu thành Phật.
Nếu hiếu dưỡng cha mẹ
Nhà ấy có Phạm vương
Hiện chiêu danh xưng thiện
Đời sau sinh thiên xứ.
Sát đạo dâm vọng ngữ
Tham thực yêu giường cao
Đoạn các rượu, ca múa
Hoa đẹp cùng hương xoa.
Nếu nữ nam hay thành*

Tám chi Thánh giới này
 Sáu trời thuộc cõi dục
 Lớn tịnh thiện sẽ sinh.
 Keo, nịnh, dối, tham, lường
 Mạn dâm sân thị tộc
 Đa văn, niên thiếu, đẹp
 Điều xem như giặc oán.
 Nói không sinh do cần
 Có tử nhân phóng dật
 Cần nuôi lớn pháp thiện
 Ông nên tu cần thận.
 Trước thì lìa phóng dật
 Sau hoặc đổi siêng tu
 Cũng như mây che dứt
 Đêm lành thấy trăng sáng.
 Tôn-đà-la, Nan-đà
 Ương-cụ-ly-ma-la
 Đạt-xá-y-mạc-ca
 Chuyển ác đều thành thiện.
 Dũng tiến không đồng nhẫn
 Chớ khiến thế phẫn hành
 Trọn được vị Bất hoàn
 Phật chứng khá trì sân.
 Kẻ khác đánh mắng ta
 Dối chiếm đoạt của mình
 Ôm giận chiêu oán tranh
 Bỏ hận ngủ an lạc.
 Như nơi nước đất đá
 Tâm người đều kia đồng

Khởi phiền não trước thắng
Người yêu pháp như sau.
Phật nói ba loại ngữ
Người khen ngôn thật hư
Cũng như mật hoa phấn
Bỏ sau, đáng hành trước.
Nay sáng sau cũng sáng
Nay tối sau lại tối
Hoặc nay sáng sau tối
Hoặc nay tối sau sáng.
Bốn loại người như vậy
Vua nên dựa loại một
Tự có sống như chín
Cũng có chín như sống.
Cũng có chín như chín
Hoặc lại sống như sống
Trong quả A-một-la
Có sai biệt như thế.
Người cũng đồng bốn kia
Khó biết vua nên rõ
Chớ thấy thê thiếp người
Nếu xem như mẹ nữ.
Tưởng chị em tùy tuổi
Khởi tham, nghĩ bất tịnh
Như nghe con giấu mạng
Phòng giữ tâm động loạn.
Thú, thuốc đao oán lửa
Không khiến dục lạc xâm
Do dục tạo không lợi

Ví như quả kiêu bác.
 Phật nói kia nên trừ
 Gông cùm ngục sinh tử
 Lừa dối luôn động cảnh
 Hay trừ sáu thức này.
 Cầm đao xua các oán
 Thuận đầu là dừng mãnh.
 Xú khí chín cửa nhà chúng uế
 Thân hành khó đầy da mỏng buộc
 Xin xem thiếu nữ trừ trang điểm
 Hình hài riêng bỏ xấu khó nêu.
 Trùng hủi xuyên đã đau
 Cầu an theo bên lửa
 Ngừng dứt không do khỏi
 Đắm dục cũng đồng thế.
 Vì biết lý chân thẳng
 Tác ý quán các sự
 Chỉ đức này nên học
 Pháp khác không đáng gần.
 Nếu người đủ tộc vọng
 Tướng đẹp lại học rộng
 Không trí, phá giới luật
 Người ấy sao đủ quý.
 Hoặc người không tộc vọng
 Tướng xấu ít hiểu biết
 Có trí hộ Thi la
 Người đều nên cúng dường.
 Lợi không lợi, khổ vui
 Khen không khen, chê trách

Rõ tám pháp thế gian
 Tâm đen, lìa cảnh ấy.
 Khát sĩ tái sinh thiên
 Cha mẹ vợ con người
 Chớ do đẩy tạo tội
 Quả ngục, khác không phân.
 Nếu hành các nghiệp tội
 Không như đao chém vật
 Đợi đến lúc lâm chung
 Quả nghiệp ác hiện rõ.
 Tín giới thí tịnh vẫn
 Hồ thẹn cùng chánh tuệ
 Bảy tài, Mâu-ni nói
 Cùng có vật thật hư.

Bài bạc vui xem cảnh ôn tạp
 Tình lười, bạn ác mù thân chí
 Uống rượu, phi thời hành sáu lỗi
 Kiếp này danh thơm ông nên bỏ.

Cầu của thiếu dục nhất
 Thầy người trời nêu đây
 Nếu hay tu thiếu dục
 Tuy nghèo là người giàu.

Nếu người rộng cầu ác sự việc
 Lại bị ông cho khổ tăng thêm
 Kẻ trí nếu không tu thiếu dục
 Thọ ão lại như rắn nhiều đầu.
 Bẩm tánh ôm oán như kẻ giết
 Dối kinh phu chủ như mạnh ngu
 Giả như mảnh vật tất hành trộm

Nên khá bỏ ba vợ giặc này.
 Thuận hoặc chị em, từ như mẹ
 Tùy theo như hầu, bạn cũng gần
 Bốn vợ như đày phải nên vâng
 Nên biết nhà ấy hiện trời người.

Thọ thực như uống thuốc
 Biết lượng trừ tham sân
 Không vì đủ kiêu ngạo
 Chỉ nhằm trụ giữ thân.
 Thân siêng mãi độ nhật
 Ở trong đầu sau đêm
 Ngủ mộng cũng giữ niệm
 Chớ khiến mạng trọn hư.
 Từ bi hỷ chánh xả
 Tu tập nên thường xét
 Thượng lưu tuy chưa vào
 Hay sinh trời Phạm thế.

Bỏ tạp dục khổ tìm hỷ lạc
 Theo nghiệp sẽ sinh trong bốn địa
 Đại phạm, Quang âm cùng Biến tịnh
 Trời Quảng quả sinh cùng kia đồng.

Nếu luôn tu đối trị
 Đức thắng thương chúng sinh
 Hành năm này là thiện
 Không hành là ác lớn.
 Mưa muối mặn ít nước
 Há tuôn ngập sông ao
 Nếu khiến nghiệp tội nhỏ
 Thiện lớn đầy, nên biết.

Sân, trạo cử – ó tác
Hôn – thù, dục tham, nghi
Giặc năm cái như thế
Thường trộm các thiện lợi.
Có năm pháp tối thắng
Tín dũng niệm định tuệ
Đối đày nên siêng hành
Hay chiêu đánh căn lực.
Bệnh tử khổ ái biệt
Đây đều tự nghiệp tạo
Chưa vượt khá siêng tu
Đối phạm quên kiêu dật.
Hoặc mong thiên giải thoát
Ông nên tu chánh kiến
Nếu khiến người hành thiện
Tà kiến chiêu quả ác.
Không lạc thường không ngã
Bất tịnh xét biết người
Vọng niệm bốn đảo kiến
Nạn khổ tại thân này.
Nói sắc chẳng là ngã
Ngã không có nơi sắc
Sắc ngã không còn ở
Rõ bốn uẩn còn không.
Chẳng từ thời tiết sinh
Không tự nhiên, bản tánh
Chẳng không nhân, Tự Tại
Từ ngu, nghiệp ái sinh.
Giới cảm kiến thân kiến

Cùng Tỳ chức cát sa
 Nên biết ba thứ kết
 Hay buộc cửa bản xoa.
 Giải thoát trọn nương mình
 Không do bạn khác thành
 Siêng tu vẫn giới định
 Bốn chân để liền sinh.
 Giới tâm tuệ tăng thượng
 Học ấy khá thường tu
 Trăm năm mười giới khác
 Điều thâu quy ba này.
 Nơi thân trụ thân niệm
 Đường đở khéo tu thường
 Như thiếu chánh niệm kia
 Các pháp thấy mất dần.
 Thọ mạng nhiều tai ách
 Như gió thổi bọt nước
 Nếu được chốc lát dừng
 Nằm dậy thành ít có.
 Chợt quy tro cháy khô
 Phân uế khó giữ lâu
 Quán thân pháp không thật
 Diệt hoại, rời, phân ly.
 Đại địa, Mê-lô, biển
 Bấy mặt trời thiêu đốt
 Huống thân này rất nhỏ
 Sao chẳng thành tro tàn!
 Vô thường như thế cũng chẳng lâu
 Không quy không cứu không nhà cửa

*Sinh tử, thắng nhân nên chán bỏ
 Đều như cây chuối Thế không thật.*

*Rùa biển chui lỗ cây
 Một hợp thật khó gặp
 Bỏ vật thành thân người
 Hành ác quả lại chiêu.
 Chậu báu vàng, thêm phân
 Đây làm là si lớn
 Nếu sinh người tạo tội
 Toàn thành bé cực ngu.
 Sinh trong dựa bạn thiện
 Cùng phát khởi chánh nguyện
 Thân trước là nghiệp phước
 Bốn đại luân toàn được.
 Phật nói gần bạn thiện
 Toàn phạm hạnh là thân
 Thiện sĩ nương dựa Phật
 Rất nhiều chứng viên tịch.
 Tà kiến sinh quý, súc
 Nê-lê pháp chẳng nghe
 Biên địa Miệt-lê-xa
 Sinh liền tánh si câm.
 Hoặc sinh trời Trường Thọ
 Trừ tám lỗi không bận
 Nhàn hạ đã được rồi
 Ông khá chăm nên sinh.
 Ái biệt, già bệnh chết
 Xứ chúng khổ như vậy
 Người trí nên sinh chán*

Nói ít lời nên nghe.
 Mẹ hoặc đổi làm vợ
 Cha thì chuyển thành con
 Oan gia chuyển tạo bạn
 Dời trôi không quy định.
 Mỗi mỗi uống sữa mẹ
 Hơn nơi nước bốn biển
 Chuyển nhận thân phàm phu
 Lại uống nhiều hơn kia.

Quá khứ mỗi mỗi đời thân xương
 Lặn lướt chứa như núi Diệu Cao
 Đất hòn đất làm quả táo chua
 Đếm thân hình mình, biên há hết?
 Phạm chủ thế đều vâng
 Nghiệp lực trọn chìm đất
 Nếu nói Chuyển luân vương
 Xoay thân hóa nô bộc.

Trong trời Ba Mười Ba kỹ nữ nhạc
 Nhiều thời thọ rồi đọa Né-lê
 Mau chóng trộn độc trái các khổ
 Thân mòn Thở nát hết kêu gào.

Núi Diệu Cao thọ lạc
 Đất mềm theo chân kia
 Chuyển nhận khổ tro nóng
 Hành trái ngục phân dơ.
 Trong vườn Hoan Hỷ thơm
 Thiên nữ theo dạo vui
 Đọa lạc trong Rừng kiếm
 Cắt tay chân tai mũi.

Hoặc vào ao diêu Mạn-đà tắm
 Thiên nữ dung nhan hoa vàng tươi
 Bỏ thân lại thọ khổ Nê-lê
 Lửa nóng khó đương trong sông tro.

Trời dục thọ pháp lạc
 Đại Phạm thiên trù tham
 Lại đọa A tỳ chi
 Củi cháy khổ luôn nổi.
 Hoặc sinh ở nhật nguyệt
 Thân sáng khắp bốn châu
 Một sớm quy Hắc ám
 Mở tay thấy không do.
 Phước ba thứ đèn sáng
 Sau chết đáng mang theo
 Riêng vào vô biên tối
 Trời trăng không soi tới.
 Có mạng Hắc thằng nóng
 Hợp khiêu dưới vô gián
 Khổ ấy cùng luôn buộc
 Đốt các kẻ hành ác.
 Hoặc như giường gai chạm
 Hoặc nát vụn như bột
 Như búa bén chặt cây
 Cũng như cưa bừa cắt.
 Lửa dữ luôn đun nấu
 Khiến uống nước đồng sôi
 Đuôi khiến kiếm trên đâm
 Thân úp giường sắt nóng.
 Hoặc khi tay gơ cao

Răng sắt chó dữ cắn
 Chim ưng mỏ móng nhọn
 Dùi đày mỏ tim gan.
 Ruồi nhặng cùng sâu bọ
 Số lượng hơn nghìn ức
 Mỏ bén rúc rĩa thân
 Gấp roi đều ăn nuốt.

Nếu người tạo đủ các nghiệp tội
 Nghe khổ thân tự không giữ đọa
 Tánh cứng rắn bướng ngu như thế
 Khí hết, Nê-lê gặp lửa dữ.
 Lúc xem đều biến nghe nên nghĩ
 Đọc tụng Kinh Luận luôn tìm hỏi
 Nê-lê nghe tiếng đã kinh hoàng
 Vì sao khiến chịu dị thục này?
 Ở trong các vui gì là nhất
 Ái hết vui không sinh tối tinh
 Nơi các thứ khổ gì là tội
 Nê-lê vô gián khổ tội thành.

Nhân gian trong một ngày
 Ba trăm giáo luôn đâm
 So khổ nhẹ địa ngục
 Phần chút đâu cùng tính.
 Xứ ấy thọ khổ tội
 Trái trăm câu-chi thu
 Như ác kia chưa hết
 Mạng bỏ định không do.
 Những quả ác như vậy
 Tạo do thân ngữ tâm

Ông siêng tùy lực giữ
Ác bụi nhẹ chớ phạm.
Hoặc vào nẻo bàng sinh
Giết cột khổ luôn gần
Xa lìa nơi thiện tịch
Lại càng bị gian nan.
Hoặc bị khổ giết, trói
Tìm ngọc, đuôi sừng da
Dùi đánh móc đẽo đánh
Đạp tát nhận người cỡi.
Thọ quỷ mong chẳng toại
Khổ không cự luôn tới
Đói khát cùng nóng lạnh
Khổ khôn sợ luôn xâm.
Miệng nhỏ như lỗ kim
Bụng lớn bằng núi gò
Khát buộc ví phân mình
Được ít, định không do.
Hình như cây cháy khô
Da mới tạo y phục
Miệng đuốc đêm đêm cháy
Sầu bay rơi ăn đủ.
Máu mủ các bất tịnh
Phước ít được không theo
Lại cùng miệng bực bách
Nuốt cả bướu, nhọt sưng.
Dưới trăng liền cảm nóng
Trời nắng thân bèn lạnh
Hương quả chỉ cây không

Nhìn sông nước thừa khô.
 Nhận các khổ như thế
 Trái vạn năm ngàn năm
 Thời dài buộc thân mạng
 Chính do vật khổ chắc.
 Nếu sinh trong nạn quỷ
 Gặp một vị khổ này
 Không người Hiền vương ái
 Phật nói do xan cầu.
 Sinh thiên tuy thọ vui
 Phước hết khổ khó lường
 Chung quy gặp đọa lạc
 Chớ thích khá nên biết.
 Chán ngồi, áo thấm bản
 Thân quang có biến suy
 Nách chảy mồ hôi mới
 Trên đầu hoa cũ héo.
 Năm tướng hiện như vậy
 Thiên chúng chết không nghi
 Người ở đất nếu mất
 Sầu loạn đổi dáng thường.
 Nếu từ thiên xứ đọa
 Các thiện hoàn toàn hết
 Nhận rơi bàng sinh, quỷ
 Né-lê tùy một ở.
 Bản tánh A-tô-la
 Nếu khiến toàn tuệ giác
 Giận trời sinh tâm khổ
 Ngăn đến nơi kiến đế.

Nổi trôi xứ sinh tử như thế
 Trời người súc sinh A-tô-la
 Nghiệp thấp kém sinh các vật khổ
 Nẻo quý gồm hợp Nại-lạc-ca.
 Ví như lửa cháy đốt trên đầu
 Khấp thân y phục lửa đều thông
 Khổ ấy không rảnh để trờ dửng
 Không sinh tưởng trụ trong Niết-bàn.
 Ông cầu Thi la cùng định tuệ
 Tịch tĩnh điều hợp lia cầu nạn
 Niết-bàn vô tận không già chết
 Bốn đại ngày tháng thấy đều mất.

Niệm trạch pháp dừng tán
 Định tuệ hỷ khinh an
 Bảy Bồ-đề phần này
 Hay chiêu Niết-bàn diệu.
 Không tuệ, định không có
 Thiếu định, tuệ liền chìm
 Nếu hai cùng vận hành
 Biển hữu như dầu bò.
 Mười bốn pháp không ghi
 Ngày gần như đã nói
 Ở đây chớ nên nghĩ
 Không thể khiến giác diệt.
 Từ không biết, nghiệp khởi
 Do nghiệp lại sinh thức
 Thức duyên nơi danh sắc
 Danh sắc sinh sáu xứ.
 Sáu xứ duyên nơi xúc

Xúc sinh duyên nơi thọ
Thọ đã duyên nơi ái
Do ái chiêu cảm thủ.
Thủ lại duyên nơi hữu
Hữu lại duyên nơi sinh
Sinh duyên nơi lão tử
Ưu bệnh cầu chẳng được.
Luân hồi tụ khổ lớn
Đầy nên chóng đoạn trừ
Như sinh kia nếu diệt
Chúng khổ dứt hoàn toàn.
Tạng ngôn giáo tối thắng
Môn duyên khởi thâm diệu
Như hay chánh kiến đầy
Liên quán Vô thượng tôn.
Chánh kiến mạng chánh niệm
Chánh định ngữ nghiệp tư
Đây là tám Thánh đạo
Vì tịch đáng tu trị.
Không do tập ái khởi
Dựa thân các khổ sinh
Trừ đầy chứng giải thoát
Tám Thánh đạo nên hành.
Tức nghiệp Du-già này
Nhân bốn thứ Thánh đế
Tuy ở nhà trang sức
Trí ngăn bến phiền não.
Chẳng từ xứ không rơi
Như lúa nhờ đất tạo

Các người trước chứng pháp
 Đều gồm đủ phiền não.
 Sao nhờ nhiều trần thuật
 Trừ não lược trình bày
 Sự do tình khá ẩn
 Thánh nói tâm là nguồn.
 Như trên đã nêu pháp
 Bí-sô khó hành chung
 Tùy sức tu một sự
 Chớ khiến uổng cả đời.
 Chúng thiện đều tùy hy
 Hành diệu ba tự tu
 Hồi hướng vì thành Phật
 Nhóm phước ông hằng thâu.
 Đời sau thọ vô lượng
 Rộng độ khắp trời người
 Cũng như Quán Tự Tại
 Oán thân như cực khó.

Sinh lão bệnh tử, ba độc trừ
 Sinh về nước Phật, cha thế gian
 Thọ mạng thời lượng không thể biết
 Đồng Đại Giác Di Đà chủ kia.
 Mở hiển Thi la cùng xả thí
 Trời đất hư không danh tỏ khắp
 Người ở đại địa cùng thiên chúng
 Chớ khiến ái nữ nhân đẹp hại.
 Phiền não buộc trói các hữu tình
 Dứt dòng sinh tử lên Chánh giác
 Vượt độ thế gian chỉ danh hữu

Do đạt vô sinh là trần cấu.

Long Thọ Bồ Tát Khuyến Giới Vương Tụng.

HẾT.

SỐ 1675/1
TÁN PHÁP GIỚI TỤNG

Tác giả: Bồ tát Long Thọ.

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

*Quy mạng mười phương Phật
Pháp thân cùng báo hóa
Nguyên cùng các chúng sinh
Chóng thành tánh pháp giới.
Luân hồi ba đường ác
Lý pháp giới tự tánh
Xưa nay thường thanh tịnh
Các tướng không dòi dôi.
Tịch tĩnh như hư không
Xứ xứ thấy hiện khắp
Thể đều là kia đây
Chẳng sâu lại chẳng cạn.
Sửa lúc chưa chuyển biến
Tô, Đề hồ không thấy
Phiền não chưa hàng trừ
Pháp giới không do hiển.
Như tô ở trong sữa
Tô vốn sáng trong đẹp*

Pháp giới, phiền não che
 Thể thanh tịnh viên mãn.
 Như đèn bị chướng ngại
 Không thể chiếu vật khác
 Vô minh luôn che tâm
 Pháp giới không sáng rõ.
 Như đèn lìa chướng ngại
 Xứ xứ vật hay soi
 Phiền não lúc phá trừ
 Chân như hằng hiển hiện.
 Đầu, giữa và sau cùng
 Hai chướng không thể quấy
 Như ngọc Lưu ly tịnh
 Mọi thời chiếu sáng rõ.
 Ánh sáng bị vật ngăn
 Minh bị ngăn không thấy
 Pháp giới phiền não phủ
 Lý chân như khó hiển.
 Tròn lặng thể sáng sạch
 Luân hồi không thể nhiễm
 Siêng cầu hướng pháp giới
 Luân hồi không thể lấp.
 Như gạo trong vỏ trấu
 Thể lúa, gạo chẳng không
 Phiền não che chân như
 Chân như phiền não có.
 Như lúa bỏ trấu kia
 Thể gạo tự nhiên thấy
 Nếu lìa trấu phiền não

Lý pháp giới mới hiển.
Vọng chấp có thể gian
Thân chuỗi trợn không thật
Pháp giới phi thể gian
Cũng phi kiến hư vọng.
Như người uống cam lồ
Nhiệt não thấy đều trừ
Nếu chứng tánh pháp giới
Nhiệt phiền não đều bỏ.
Diệt trừ lửa phiền não
Cam lồ pháp giới hiện
Trong tất cả hữu tình
Cao thấp đều bình đẳng.
Thê thật quả chẳng sinh
Chấp chủng quả chẳng có
Trí tuệ lúc xuất sinh
Hữu vi chẳng pháp giới.
Pháp giới vốn không xứ
Cứu cánh mới chứng đắc
Thanh tịnh luôn sáng sạch
Ngày tháng đều trong suốt.
Pháp giới không cấu nhiễm
Như rồng đêm mưa bụi
So tợ mặt La Hầu
Ánh sáng luôn rực rỡ.
Vi như lửa giặt vải
Xứ lửa hay là nhiễm
Cấu trừ, vải đều còn
Ánh sáng càng trong suốt.

Tham ái khiến tâm nhiễm
 Hư vọng có luân hồi
 Cũng như như giặt vải
 Chân không vọng chẳng có.
 Ba độc gốc sinh tử
 Lửa trí tuệ hay đốt
 Thể pháp giới thường có
 Sáng tỏ luôn chiếu diệu.
 Phiền não nhiễm gọi cấu
 Thế Tôn hằng tuyên thuyết
 Cấu diệt chân như hiển
 Như suối trong đất tuôn.
 Thể pháp giới không cấu
 Căn tùy hay che giấu
 Nếu trừ phiền não hết
 Sạch trong chẳng khó lường.
 Pháp giới vốn không ngã
 Hai hình cùng nữ nam
 Thể không chấp hư vọng
 Xír nào lại tư duy?
 Pháp giới là yêu ghét
 Căn trần cảnh vốn không
 Chấp hư vọng là nhân
 Sai biệt từ đây sinh.
 Chân không chẳng khổ não
 Tham ái nhân khổ não
 Đắm nhiễm do vọng tưởng
 Ba cõi mới luân hồi.
 Mang thai ở nơi bụng

Đưa bé chưa nói thấy
Hai chướng phủ chân như
Pháp giới không thể chứng.
Các thứ sinh nghi lo
Kiến mạn cùng sân si
Vọng chấp có chân thật
Chân thật chấp chẳng có.
Sùng thờ thể chẳng có
Vọng chấp khiến chân thật
Pháp giới lìa vọng chấp
Vọng chấp thật chẳng có.
Như sắc tất hư hoại
Vi trần cũng nhận biết
Pháp giới không hủy hoại
Ba thời không thể đạt.
Có sinh lại có diệt
Vinh nhục cũng đều theo
Pháp giới không sinh diệt
Làm sao nói sở tri?
Sùng thờ vốn không có
Ba đời cũng thể xét
Chân không chẳng sùng thờ
Suy xét không thể biết.
Chân không xưng Thiện Thệ
Sắc tướng thấy đều không
Ứng hóa tùy duyên có
Tu nhân là chấp phi.
Viên thông như nhật nguyệt
Nước hiện ảnh đều đồng

Sắc thanh cùng dứt bật
Sai biệt làm sao có?
Ba đời khá tâm tư
Sinh duyên lúc quyết định
Nếu ngộ pháp thân mình
Thân mình làm sao có?
Nhu nước ở biên nóng
Xứ nóng hiểu rõ không
Biên lạnh lý cũng thế
Viên thông đều như vậy.
Tâm luôn phiền não che
Mê lầm không thể rõ
Nếu lìa phiền não buộc
Giác ngộ nhưng không có.
Nhu mắt xem các sắc
Lìa chướng hay chiếu sáng
Chân không lý cũng thế
Chiếu sáng lìa sinh diệt.
Nhĩ thức nghe nơi thanh
Lìa vọng cùng phân biệt
Tánh pháp giới cũng vậy
Phân biệt, vọng chẳng có.
Mũi hay ngửi các hương
Vọng chấp tánh chẳng có
Sắc tướng hai cùng không
Chân không cũng như thế.
Thiệt căn tự tánh không
Vị giới luôn xa lìa
Thức không thể cũng vậy

Lý pháp giới như thế.
Thân căn tự tánh tịnh
Lạnh nóng xúc chẳng có
Lý pháp giới cũng vậy
Xúc xú luôn xa lìa.
Ý duyên pháp xứng hợp
Tự tánh thường xa lìa
Tánh các pháp vốn không
Viên thông lý như thế.
Thấy nghe cùng hiểu biết
Pháp tương ưng cũng không
Rõ dứt các vọng tưởng
Thấy nghe lý cũng không.
Căn trần khởi vọng chấp
Thể thanh tịnh nguồn không
Mê chấp có căn trần
Căn trần lý chẳng có.
Thế gian cũng xuất thế
Tánh không vốn không sai
Ngã pháp do mê khởi
Chấp khắp tự luân hồi.
Pháp giới lý thanh tịnh
Tham sân si vốn không
Mê ngộ từ tâm khởi
Ba độc pháp giả danh.
Mê chấp tự trời buộc
Trí thông đạt giả danh
Bồ-đề không gần xa
Ba đời lý chẳng có.

Phiền não lòng mê chấp
 Thế Tôn, Kinh đã nêu
 Trí sinh hoặc nhiễm diệt
 Vọng chấp chớ cùng buộc.
 Khử lai chấp tối thắng
 Thế không cũng đáng suy
 Bò-đề chẳng vọng chấp
 Chánh chứng cũng rõ phi.
 Nước sữa đồng một xứ
 Ngỗng uống sữa không lộn
 Vọng chấp ngã chẳng không
 Thấu tỏ vốn chẳng có.
 Niết-bàn lý thanh tịnh
 Hai ngã cùng chẳng lập
 Ba Đàn đều tu thí
 Thi la lìa lỗi trái.
 Nhân nhân quả đoan nghiêm
 Tinh tấn dũng cần dựa
 Tịch lự khiến tâm dừng
 Bát nhã dụng không nghi.
 Nguyên gồm phương tiện lực
 An trụ Bò-đề thắng
 Bò-đề khó vọng chấp
 Chân không tánh diệt không.
 Thông tỏ bản tánh không
 Hai tướng cũng chẳng có
 Sữa đường lìa nơi mía
 Lìa mía, đường không có.
 Ba thừa đến Bò-đề

Lìa chúng, Thế chẳng có
Giữ gìn giống lúa thóc
Mâm canh tất được sinh.
Gìn giữ giống Bô-đề
Bô-đề từ đây khởi
Ví như nơi tháng tối
Ánh sáng chưa thể thấy.
Hữu tình phiền não buộc
Chân như chưa minh hiển
Trăng đầu, sáng tuy có
Dần dần mà tăng trưởng.
Địa nhất chứng Bô-đề
Bô-đề chưa viên mãn
Trăng đêm rằm tròn đủ
Xứ xứ sáng trong lành.
Giải thoát hiển pháp thân
Pháp thân lý không thiếu
Ý cầu niễm tương ưng
Trói buộc cùng sinh diệt.
Giải thoát hết thấy chương
Ba đời ngộ chẳng có
Đại Tăng kỳ đầu mãn
Ba đàn tu rộng khắp.
Đoạn trừ phân biệt chương
Trí hoan hỷ khó đong
Ba nghiệp mê gồm phạm
Phòng phi trọng và khinh.
Thi la giới viên mãn
Lìa cầu riêng nêu danh

Hai chướng luôn luôn nhiễm
 Cùng đao không tuệ trừ.
 Phát quang hay chiếu sáng
 Trừ diệt dần hết sạch
 Xa lìa căn tùy nhiễm
 Dân tăng uy diệm tuệ.
 Bỏ-đề xưng tối thắng
 Đốt chiếu càng sáng rõ
 Chân tục nêu hai trí
 Tương ưng cùng khởi lìa.
 Hợp khiến không chón ngại
 Nan Thắng sự mọi thời
 Trí mười hai duyên sinh
 Tuần hoàn lý hướng trọn.
 Thâm diệu gọi tối thắng
 Bát nhã hiện ở trước
 Thế tục hai thừa hành
 Tu lâu đạo đã sáng.
 Tướng không công dụng đủ
 Sau rốt xưng Viễn Hành
 Trí dụng không phân biệt
 Mọi lúc tự nhiên thành.
 Các ma hàng thoái tán
 Bất động riêng rõ danh
 Thiện Tuệ gọi vô ngại
 Mười phương diễn pháp mong.
 Thân mây cam lồ mưa
 Ứng vật tốt gắng dựa
 Chúng đức cũng như nước

Hư không dụ tợ thân.
Nặng thô đều che lấp
Trí đại pháp gọi mây
Xét đúng sự luân hồi
Ai tránh khỏi nghiệp kéo?
Cần biết không khổ nào
Tịnh độ chớ cùng buộc
Quy mạng Phật chân tử
Vị lên mây trí tuệ.
Vi tế đều đoan hết
Vượt khổ lìa các trần
Quán đánh nhiều sáng chiếu
Căn trần rộng khắp thân.
Đại định kim cương tịch
Chúng khổ chớ cùng gần
Tòa vua hoa báu lớn
Câu chi chúng diệu thành.
Trang nghiêm đều rộng khắp
Công đức thật khó lường
Mười lực cùng vô úy
Ba thân bốn trí tròn.
Sáu thông luôn tụ tại
Ứng vật hóa cỏ duyên
Chiếu sáng như trăng tròn
Hằng thời lửa bùng cháy.
Mười phương đều hiện khắp
Rực rỡ càng sáng tươi
Mãi dứt duyên sinh nhiễm
Thời xứ luôn Niết-bàn.

Bô-đề gọi hơn hết
 Hóa ích vật tình vui
 Trí dụng sâu như biển
 Tùy cơ hiện ứng thân.
 Nước trong tiếp bóng trăng
 Xứ xứ vượt bến mê
 So tợ báu pha lê
 Tùy duyên hiện ảnh đồng.
 Vật tình căn có giảm
 Khấp vòng sự vô cùng
 Ngạ quỷ luôn đói khát
 Không thể thấy suối nước.
 Chúng sinh không chút tin
 Nghiệp trước tự vây buộc
 Hóa hiện thân các tướng
 Ánh sáng đều rực rỡ.
 Phật tuy luôn ở đời
 Không thấy trước không duyên
 Hiểu rõ vô số cõi
 Căn theo nhiễm lâu không.
 Trí hai không thù thắng
 Diệu dụng hóa trẻ, ngu
 Thanh tịnh dứt các cấu
 Tự tha thọ dụng thân.
 Luôn ở Sắc Cứu Cánh
 Lợi ích người năm thừa
 Cứu giúp chúng sinh khổ
 Câu chi thọ mạng dài.
 Hai nghiêm không có tận

*Công đức chẳng thể lường
Phật nói pháp Nhất thừa
Tùy cơ ngộ sâu cạn.
Hoa sen không cấu nhiễm
Ngọc vốn dứt tỳ vết
Chỉ xưng tán phần ít
Rộng nêu lý sâu huyền.
Nguyện đem các công đức
Lợi rộng thí nhân thiên.*

Tán Pháp Giới Tụng.

HẾT.

SỐ 1676/1

QUẢNG ĐẠI PHÁT NGUYỆN TỤNG*Tác giả: Bồ tát Long Thọ.**Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.**Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).*

*Hết thấy loại chúng sinh hiện có
 Đòi quá vị hiện tại vô tận
 Mà cõi chư Phật rộng vô biên
 Vô biên vô số cõi kia đây.
 Lại mỗi mỗi trần là một cõi
 Cõi Phật rộng nhiều như vi trần
 Trong mỗi mỗi cõi: Chánh Giác Tôn
 Như trần vô lượng, con lẽ khắp.
 Trần kia gấp bội cõi chư Phật
 Trong cõi: Phật Phật con xung tán
 Con luôn dùng nhất tâm cúng dường
 Trái kiếp rộng lớn như trần số.
 Đánh lễ chư Phật cùng pháp chúng
 Con nơi Tam bảo thường quy mạng
 Con tất mang đem các hoa diêu
 Cùng nhiều nhóm báu luôn thí khắp.
 Nếu con đã khởi tất cả tội
 Con nay đều hướng khắp sám hối*

Nếu con chưa sinh tất cả tội
Con hết thấy thời luôn xa lìa.
Tất cả sự thắng phước đã có
Con nơi hết thấy thường tùy hỷ
Phước này hồi hướng nơi hữu tình
Cùng quả Bồ-đề vô thượng Phật.
Như Phật trong chánh pháp đã dạy
Nguyện lực kiên cố lại chân thật
Con luôn cúng dường chư Thế Tôn
Nguyện con sau cùng được thành Phật.
Nguyện con đời đời đủ trí sâu
Luôn như Bồ-tát Diệu Cát Tường
Tâm bi cứu thế gian dứt khổ
Nguyện như Bồ-tát Quán Tự Tại.
Mắt hiền thiện ái xem chúng sinh
Nguyện cùng Phổ Hiền Tôn không khác
Ý từ khéo quán các phẩm tình
Nguyện con luôn như Trì Thị Tôn.
Bố thí nguyện như kho hư không
Trì giới nguyện như thần thông tuệ
Nhẫn nhục, tinh tấn môn hai độ
Nguyện con đều như Thường Tinh Tấn.
Định lực thâm giữ các tán loạn
Nguyện con được như Kim Cang Thủ
Khéo nói các pháp môn Mười Địa
Nêu trí nguyện như Kim Cang Tạng.
Đối Phật Thế Tôn khéo thưa hỏi
Nguyện con được như Trì Cái Chương
Tâm sâu trí tuệ đủ bền chắc

Nguyên con luôn như kiên cố tuệ.
 Thân thông vô ngại phương tiện khéo
 Nguyên con được như Vô Cấu Xưng
 Khéo giữ các căn thiện chúng sinh
 Cản, dừng nguyên như Thường Dũng Mạnh.
 Khéo nói pháp như Ba-la-mật v.v...
 Nguyên con được như Vô Tận Ý
 Đầy đủ vô lượng âm thanh diệu
 Nguyên cùng Diệu Âm Tôn không khác.
 Gắn thiện tri thức tâm không trễ
 Nguyên con đời đời như Thiện Tài
 Hư không không dụ pháp hay nêu
 Nguyên con được như Hư Không Tạng.
 Đất hay nuôi lớn các thế gian
 Lợi khắp nguyên như Địa Tạng Tôn
 Dứt trừ nghèo khổ lợi chúng sinh
 Nguyên cùng Thân Bảo Tạng không khác.
 Lời xuất pháp bảo diệu vô tận
 Nguyên con được như Đàm Vô Kiệt
 Trí tuệ bền, bén lại luôn siêng
 Nguyên cùng Thường Đề Tôn không khác.
 Chư Phật tử tối thượng như thế
 Tụ công đức tối thắng vô biên
 Danh xưng rộng lớn lại vô tận
 Nguyên con danh xưng cũng như vậy.
 Con, tụ công đức tán Phật này
 Thắng thiện hơn hết, rộng lớn tột
 Nguyên khắp các hữu tình thế gian
 Trụ nơi tụ công đức tối thắng.

Quảng Đại Phát Nguyễn Tụng.

HẾT.

SỐ 1677/1
TAM THÂN PHẠN TÁN

Hán dịch: Đồi Triệu Tông, Đại sư Pháp Hiền.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).

Du nãi cô na miết nê ca. Sa ba la hí đa ma hạ, tam bát na đà la bộ đô nãi phược, bà vu na bà phược khiết di phược tam ma la tô nột lý vĩ, bà phược sa bà phược nễ lý lê bang nễ lý vĩ ca, lăm thủy phược mặt tam ma tam mãng, dương tất năng thiết thân bát la bán tả, mẫn nĩ bát la đà đốt ma vị nại tích đất ma hát ma nậu ba mãng đạt lý ma ca dã di na nam lộ ca đề đa mặt tấn đà tốc ngật lý, đa tam ma phát lãng ma, đốt ma, nỗ du vĩ bộ đỉnh ba lý sát nỗ mặt đề vĩ tức đất lăm, tát đa bát dã đề ma, hạ đề đề, mặt đương tất lệ đề hệ đô, một đà nam, tát lý phược lộ ca, bát la thất lý đa mặt vĩ la đô, na la tát đạt lý ma cụ, sảng mẫn nĩ, tam bồ nga ca tích đất ma hát nĩ hát ma hạ, đạt lý ma la, nhĩ tích bát la đề sắt trá tát đóa, nam bá ca hệ đô quát tức na năng la dĩ phược bà đề du nĩ miết ma na, tam mạo đào đạt lý ma, tát ngật lộ quát tức nại tất tả bỏ na, la nại lý, thiết đế duệ bát la phiến dương, nãi ca ca la bát la một lý, đương đế lý phược bạt dã hát lăm, vĩ thuyết lỗ bé lỗ bá duệ, mẫn nĩ nễ lý phược noa ca dã, nai xá nĩ nga nậu nga đương đương ma hạ, lý thang mâu nê na tát đóa lý đài, ca ngật lý bá noa mặt ba lý di đa ma hạ nghê dã, na bôn nữ, nại dạ năng, ca da năng tô nga đa năng, bát la đề vĩ nga đa mặt nỗ phược cô bát tha năng đất la, dạ noãn ngật lý đóa bạc ngật đa, bát la noa mãng, cô xá la mẫu, ba tức

đương duệ noa ma dạ mạo đề vị nhạ đế lý, ca dạ tất đế na lạp một
đà, nhược nga nỉ mạt xí lãng, mạo đề ma lý nghệ thiết thân dụ nhạ,
đế lý ca dã tát đất phục tam ma bát đa.

Tam Thân Phạm Tán.

HẾT.

SỐ 1678/1
PHẬT TAM THÂN TÁN

Hán dịch: Đồi Triệu Tông, Đại sư Pháp Hiền.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).

* *Pháp thân:*

*Con nay đánh lễ Pháp thân Phật
 Không dụ, khó suy, trí rộng khắp
 Sung mãn pháp giới không chướng ngại
 An nhiên tịch tĩnh không gì sánh.
 Phi có phi không tánh chân thật
 Cũng phi nhiều ít là số lượng
 Bình đẳng vô tướng như hư không
 Phước lợi tự tha cũng như thế.*

* *Báo thân:*

*Con nay đánh lễ Báo thân Phật
 Trong lặng an trụ Đại Mâu Ni
 Thương xót hóa độ chúng Bồ-tát
 Xứ hội như mặt trời chiếu khắp.
 Ba kỳ tích tập các công đức
 Mới hay viên mãn đạo tịch tĩnh
 Dùng âm thanh lớn nói pháp diệu
 Rộng khiến đạt được quả bình đẳng.*

* *Hóa thân:*

*Con nay đánh lễ Hóa thân Phật
 Bên cội Bồ-đề thành Chánh giác
 Hoặc khởi biến hiện hoặc tịch tĩnh
 Hoặc lại đến hóa nơi mười phương.
 Hoặc chuyển pháp luân ở Lộc Uyển
 Hoặc hiện sáng lớn như khối lửa
 Báo khổ ba đường dữ đều trừ
 Đại mâu nib a cõi không sánh.*

** Hồi hướng:*

*Trí vô lậu thân Phật như vậy
 Con luôn tin hiểu tịnh ba nghiệp
 Dùng vô lượng tuệ hành phước lớn
 Nhất tâm thương tưởng các quần sanh.
 Do nay tụng tán ba thân Phật
 Chỗ đạt loại công đức vô lậu
 Nguyên con mau chứng Bồ-đề Phật
 Dẫn hết chúng sinh quy chánh đạo.*

Phật Tam Thân Tán.

HẾT.

SỐ 1679/1
PHẬT NHẤT BÁCH BÁT DANH TÁN

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Thiên.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

*Quy mạng Nhất thiết trí
 Thầy hết thầy thế gian
 Đại Pháp vương Mâu Ni
 Một trăm tám danh hiệu.
 Biển công đức vô biên
 Đầy đủ mọi an lành
 Hay diệt: Các phiền não
 Nghiệp tội các hữu tình.
 Con nay quy mạng lễ
 Hết thầy đại an lành
 Cứu độ những quần sanh
 Khiến được an lạc lớn.
 Con nay quy mạng lễ
 Lương Túc Tôn từ bi
 Viên mãn nơi chúng sinh
 Tất cả sự an lành.
 Con nay quy mạng lễ
 Vô Thượng Tôn vô tướng
 Thành tựu Thiện Trung Thiên*

*Nghĩa đại minh bí mật.
 Như Lai Chánh Đẳng Giác
 Lợi lạc nơi thế gian
 Trăm tám danh tối thượng
 Con nay hợp kia nói.*

Nam mô Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu. Nam mô Chánh Đẳng Giác. Nam mô Nhất Thiết Trí. Nam mô Đại Thích Tử. Nam mô Nhất Thiết Tự Tại Vô Úy. Nam mô Đại Kim Tiên. Nam mô Công Đức Hải. Nam mô Như Lai. Nam mô Ứng Cúng. Nam mô Thiện Thệ. Nam mô Thế Tôn. Nam mô Nhất Thiết Thế Gian Giải. Nam mô Ly Nhất Thiết Cấu Nhiễm. Nam mô Tối Thượng Pháp Đẳng. Nam mô Vô Úy Tịnh Phạm Vương Tử. Nam mô Cam Giá Vương Chủng. Nam mô Cù Đàm. Nam mô Nhật Tộc. Nam mô Cát Tường Đại Mâu Ni. Nam mô Lạ Nghĩa La Sa Tộc. Nam mô Thiên Nhân Sư. Nam mô Thập Lực Hàng Ma Quân. Nam mô Ly Quá Trừ Độc. Nam mô Điều Ngự Trượng Phu. Nam mô Diệu Giải Thoát. Nam mô Trừ Chướng Ám. Nam mô Chỉ Túc Hàng Chư Căn. Nam mô Thanh Tịnh Giới. Nam mô Vô Cấu Vương. Nam mô Diệt Tội Vô Ngã Tướng. Nam mô Vô Kinh Vô Bồ Úy. Nam mô Đệ Nhất Pháp Viên Mãn. Nam mô Vô Biên Vô Khả Dụ. Nam mô Đại Luận Sư. Nam mô Hy Hữu Bất Tư Nghị Tinh Tấn. Nam mô Tam Giới Thân Từ Phụ. Nam mô Tam Minh Tri Tam Thế. Nam mô Diệt Tam Độc. Nam mô Cụ Túc Tam Biến Thông. Nam mô Thuyết Tam Thừa Bồ Đề. Nam mô Vô Tướng Diệc Vô Lão. Nam mô Vô Ngã Vô Nhị Chấp. Nam mô Vô Oán Vô Hý Luận. Nam mô Vô Nghiệp Vô Bồ. Nam mô Thí Nguyện Vô Úy. Nam mô Pháp Sư Tử Nhị Túc Tôn. Nam mô Điều Phục Trừ Phiền Não. Nam mô Tối Thượng Ý Thanh Tịnh. Nam mô Minh Hạnh Túc. Nam mô Tự Tại Biến Hóa Vương. Nam mô Điều Phục Tâm Thanh Tịnh. Nam mô Ly Trần Vô Thượng Sĩ. Nam mô Chỉ Túc Nhất Thiết Tội. Nam mô Đắc Thanh Lương.

Nam mô Đắc Tịch Tĩnh. Nam mô Cứu Độ Thế Gian Sư. Nam mô Dũng Mãnh Đại Thanh Tịnh Trí. Nam mô Viên Mãn Cát Tường Tướng. Nam mô Năng Trừ Oán. Nam mô Sa Môn Nguyệt. Nam mô Thích Sư Tử. Nam mô Tác Thiện Thanh Tịnh Nghiệp. Nam mô Lục Phật Pháp Trang Nghiêm. Nam mô Lục Căn Thanh Tịnh Nhân. Nam mô Đệ Nhất Lục Thần Thông. Nam mô Lúc Thú Hải Đảo Bỉ Ngạn. Nam mô Vô Sư Tự Nhiên Giác. Nam mô Thiện Thệ Đức Thành Tựu. Nam mô Nhất Thiết Thế Gian Vi Ái Lạc. Nam mô Vô Đẳng Đại Trí Tuệ. Nam mô Hằng Nhập Tam Ma Địa. Nam mô Nhất Thiết Hữu Tình Lợi Ích Chủ. Nam mô Chân Thật Hàng Chư Căn. Nam mô Nhất Thiết Thế Gian Tôn. Nam mô Phổ Biến Hữu Tình Tinh Tấn Giả. Nam mô Vĩnh Quá Luân Hồi Khổ. Nam mô Viên Mãn Chư Sở Cầu. Nam mô Hàng Phục Đắc Tối Thắng Thuyết Tứ Đế. Nam mô Đảo Bỉ Ngạn Độ Tha Đại Long Vương. Nam mô Đắc Tối Thượng Niết Bàn. Nam mô Tôn Sư Đại Phạm Hạnh. Nam mô Đệ Nhất Tịch Tĩnh Lạc. Nam mô Bí Mật Tối Thắng Đại Trượng Phu. Nam mô Điều Phục Thanh Văn Giả. Nam mô Lợi Ích Chư Hữu Tình. Nam mô Thế Gian Cúng Dường Xuất Thế Trí. Nam mô Thánh Trí Chiếu Thế Gian. Nam mô Ly Thế Pháp Lợi Dưỡng. Nam mô Xuất Thế Vi Như Lai. Nam mô Đại Pháp Chủ. Nam mô Đại Pháp Vương. Nam mô Điều Ngự Minh. Nam mô Cứu Độ Đệ Nhất Nhị Túc Tôn. Nam mô Hành Nhẫn Nhục. Nam mô Thiện Ý Đoan Nghiêm Tướng. Nam mô Thiện Trì Thiện Giới Tướng. Nam mô Kim Sắc Quang Thiện Thệ. Nam mô Thiện Du Ái Tôn Trọng. Nam mô Nhân Sư Tử Cát Tường Vân. Nam mô Phật Đà. Nam mô Vô Úy Độc Trư Âm. Nam mô Vô Biên Lợi Thế Gian. Nam mô Vô Đẳng Tam Hữu Sư. Nam mô Năng Đoạn Chư Kiết Phược. Nam mô Vô Ngã Tối Đệ Nhất. Nam mô Phổ Chiếu Nhất Thiết Nhân. Nam mô Chứng Lý Tinh Tuệ Nhân. Nam mô Tam Tuệ Chân Thật Nhân.

Một trăm lẻ tám danh hiệu như thế, nếu lại có người, nơi sáng sớm kia, thành tâm phát chí, hoặc đọc tụng, hoặc lễ niệm, hoặc nhớ giữ, hoặc lắng nghe... thì đạt được phước đức an lành tối thượng. Tất cả phiền não hiện có cùng các nghiệp tội, mau chóng được thanh tịnh, không thọ luân hồi, sẽ được giải thoát cho đến thành Phật.

*Danh công đức Đại Mâu Ni này
Con nay đọc tụng cùng lễ niệm
Rộng đem hồi thí cho quần sanh
Đồng được chứng thành quả Bồ-đề.*

Phật Nhất Bách Bát Danh Tán.

HẾT.

SỐ 1680/1
NHẤT BÁCH NGŨ THẬP TÁN PHẬT TỤNG

Tác giả: Tôn giả Ma Diệt Lý Chế Trà.

Hán dịch: Đồi Đường, Đại sư Nghĩa Tịnh.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

*Thế Tôn tối thù thắng
 Khéo đoạn các chủng Hoặc
 Vô lượng công đức hơn
 Hợp chung thân Như Lai.
 Chỉ Phật đáng quy y
 Đáng tán dương thừa sự
 Như lý đã tư duy
 Tất nên trụ giáo này.
 Các phiền não ác hành
 Bạc Hộ Thế đã trừ
 Phước trí hai cùng trọn
 Chỉ Tôn không thoái mất.
 Như kẻ sinh ác kiến
 Nơi Tôn khởi hiểm hận
 Dò tìm nghiệp thân ngữ
 Không thể được chút lỗi.
 Con đã được thân người
 Nghe pháp sinh hoan hỷ*

Ví như trong biển lớn
Rùa mù gặp lỗ cây.
Quên niệm luôn theo đuổi
Hoặc nghiệp rơi hầm sâu
Nên con dùng ngôn từ
Tán công đức thân Phật.
Mâu Ni vô lượng cảnh
Thánh đức không biên vực
Vì cầu đạt tự lợi
Con nay tán phần ít.
Kính lễ trí vô sư
Tánh các sự ít có
Phước tuệ cùng uy quang
Ai biết được số lượng.
Đức Như Lai vô hạn
Không sánh không thể nêu
Con nay cầu phước lợi
Dùng danh ngôn giả tán.
Trí lực con nhỏ cạn
Đức của Phật vô bờ
Xin nguyện đại từ bi
Cứu con xứ không quy.
Oán thân đều bình đẳng
Khởi đại bi không duyên
Khắp đối chúng sinh giới
Luôn tạo bạn lành thật.
Nội tài hãy nên xả
Huống chi nơi ngoại tài
Tâm tôn không tiếc lẫn

Người cầu nguyện ấy đây.
 Dùng thân giúp thân kia
 Dem mạng chuộc mạng khác
 Toàn thân cứu bồ câu
 Hoan hỷ không keo kiệt.
 Tôn không sợ đường ác
 Cũng không tham nẻo thiện
 Chỉ vì tâm lặng sạch
 Thi la do đầy thành.
 Luôn lià những tà vạy
 Thường gần người ngay thẳng
 Các nghiệp bản tánh không
 Chỉ ở đệ nhất nghĩa.
 Chúng khổ bức thân kia
 Tôn hay khéo lo an
 Chánh trí dứt các Hoặc
 Có lỗi đều khởi bi.
 Bỏ mạng cứu nạn khác
 Sinh vô lượng vui vẻ
 Như chết chột sống lại
 Vui này hơn hẳn kia.
 Oán đối hại thân mình
 Tất cả thời luôn nã
 Không xem đày lỗi ác
 Thường khởi tâm đại bi.
 Chánh biến chủng Bồ-đề
 Tâm luôn dành trân trọng
 Đại hùng: Trí khó thắng
 Không có người sánh kịp.

Quả Bồ-đề vô thượng
Khổ hạnh là nhân kia
Do đầy không quản thân
Siêng tu các thắng phẩm.
Giàu sang cùng nghèo kém
Đẳng dẫn do đại bi
Ở trong các sai biệt
Không có tướng cao thấp.
Quả đẳng trì thắng lạc
Tâm không hề tham vướng
Cứu khắp các quần sanh
Đại bi không gián đoạn.
Tôn tuy gặp khổ tội
Nơi vui không mong cầu
Các công đức trí diệu
Thù thắng không thể chung.
Những pháp xen tịnh nhiễm
Phân biệt giả lấy thật
N hư ngỗng chúa thanh tịnh
Uống sữa bỏ nước kia.
Nơi vô lượng ức kiếp
Dũng mãnh đến Bồ-đề
Ở trong đời đời ấy
Mát thân cầu pháp diệu.
Số lượng ba tăng kỳ
Tinh cần không biếng mệt
Giữ đầy làm bạn tốt
Để chứng diệu Bồ-đề.
Tôn không tâm ganh ghét

Đôi kém trừ tướng khinh
Bình đẳng không tranh trái
Hành thắng đều viên thành.
Tôn chỉ trọng hành nhân
Không cầu quả vị trọn
Tu khắp các thắng nghiệp
Chúng đức tự thành đủ.
Siêng tu pháp xuất ly
Vượt lên đầu các hạnh
Ngồi nằm xứ kinh hành
Đều là phước điền tốt.
Nhỏ trừ những lỗi nhiễm
Tăng trưởng đức thanh tịnh
Đây do chứa hành thành
Chỉ tôn tối vô thượng.
Chúng phước đều tròn đủ
Các lỗi thấy dứt trừ
Nhu Lai thân thanh tịnh
Trần cấu đều đã đoạn.
Tư lương hợp lại hợp
Công quy thân Điều Ngự
Muốn tìm nơi thí dụ
Không thể cùng Phật sánh.
Quán khắp các thế gian
Tai họa nhiều chướng ão
Nếu có chút phần thiện
Đổi được làm so đối.
Xa lìa các lỗi họa
Trong lặng an bất động

Những căn thiện hơn hết
Không thể dùng thí dụ.
Trí Như Lai sâu xa
Không đáy không biên vực
Thế sự dụ thân Phật
Dấu bò so biển lớn.
Nhân sâu gánh vác hết
Thế gian không có sánh
Đại địa mang gánh nặng
Dụ đầy thật là nhẹ.
Ngu si ám đã trừ
Mâu Ni sáng chiếu rộng
Thế trí không thể so
Như đom đóm: Mặt trời.
Như Lai ba nghiệp tịnh
Trăng thu sáng ao không
Đời trong dụ thân Phật
Tánh trần đục cùng thành.
Các thứ dẫn như trên
Sự thù thắng trong đời
Pháp Phật vượt hơn xa
Tục sự đáng thương xót.
Thánh pháp khối châu báu
Phật ở tốt đánh kia
Trong vô thượng vô tỷ
Chỉ Phật cùng Phật bằng.
Biển Thánh trí Như Lai
Tùy vui xưng phần ít
Lời thô tán đức thắng

Đôi đây thật thẹn nhiều.
Khi tục thấy hàng ma
Hết thấy đều quy phục
Quán kia đồng chân tánh
Con cho bằng lông nhẹ.
Giả khiến chiến trận lớn
Trí dững hay trừ diệt
Thánh đức vượt thế gian
Hàng kia chẳng làm dụ.
Gần tiếp sau hàng ma
Ở trong phần sau đêm
Đoạn các phiền não tập
Thẳng đức đều viên mãn.
Thánh trí trừ các tội
Vượt hơn ngàn mặt trời
Bẻ gãy các tông tà
Hy hữu không thể đối.
Ba căn thiện trọn đủ
Diệt hẳn tham sân si
Chủng tập đều đã trừ
Thanh tịnh không thể dụ.
Pháp diệu tôn luôn khen
Chẳng chánh pháp luôn trái
Nơi xứ chánh tà này
Tâm không có yêu ghét.
Đối chúng đệ tử Thánh
Cùng sư đồ ngoại đạo
Ở trong thuận trái kia
Tâm Phật đâu không hai.

Nơi đức tình không vướng
Người đức cũng không tham
Lành thay! Vô cầu tột
Thánh trí mãi tròn sạch.
Các căn luôn lặng tịch
Lìa hẳn tâm mê vọng
Đối trong những cảnh giới
Hiện lượng do thân thấy.
Niệm tuệ cùng cõi chân
Phàm ngu không lường được
Ngôn ngữ khéo an lập
Chứng xứ vô ngôn kia.
Tịch tĩnh quang vô ngại
Sáng trong vượt nhật tỏa
Sắc diệu đời ít có
Ai không mang tâm kính.
Nếu có vừa mới xem
Hoặc lại luôn chiêm ngưỡng
Diệu tướng từng không hai
Trước sau đồng tán thán.
Thân uy đức tối thắng
Người nhìn tâm không chán
Nếu trải vô lượng kiếp
Vui ngưỡng như mới xem.
Đối tượng dựa thể đức
Chủ thể dựa tâm đức
Tánh tướng hai cùng hợp
Chủ – đối: đâu không khác.
Đức Thiện Thệ như vậy

Hợp chung thân Như Lai
Lìa thân tướng hảo Phật
Còn, không phải xứ an.
Con nhân phước đời trước
May gặp Điều Ngự Sư
Ngưỡng tán núi công đức
Xa đáp Tôn đã dạy.
Hết thấy loài hữu tình
Đều nhân mang phiền não
Chỉ Phật hay khéo trừ
Do bi trụ thế lâu.
Ai nên kính lễ trước
Chỉ Phật đại bi tôn
Thánh đức vượt thế gian
Bi nguyện ở sinh tử.
Tôn ngự tịch tĩnh lạc
Xử đực vì quần sanh
Muôn kiếp luôn tinh tấn
Tâm từ vì tất cả.
Từ chân lại lợi tục
Do bi đã dẫn sinh
Như chú xuất rồng ẩn
Mây tụ tuôn mưa ngọt.
Luôn ở vị định thắng
Quán bình đẳng oán thân
Người hung hiểm la hét
Thân nương quy Thánh đức.
Thần thông sư tử gầm
Nêu bày ba cõi quý

Đã lâu chán danh văn
Do bi tự xưng tán.
Thường tu hạnh lợi tha
Tâm thường không tự lợi
Từ niệm khắp chúng sinh
Đối mình riêng không ái.
Bi nguyện không bờ bến
Theo cơ độ quần sinh
Tùy xứ đều tạo ích
Cũng như rải té thực.
Tâm sâu niệm tất cả
Khoảnh khắc luôn không bỏ
Lợi kia lại gặp nhục
Vì bi chẳng lỗi Phật.
Âm từ diễn nghĩa diệu
Thật đúng chẳng hư thuyết
Rộng lược hợp cơ duyên
Nửa, trọn theo thời chuyển.
Nếu nghe Tôn diễn nói
Thấy đều xưng diệu kỳ
Vị khiến mang tâm ác
Có trí đều quy tín.
Nghĩa lời luôn thiện xảo
Hoặc lại xuất ngôn thô
Lợi ích tất chẳng dối
Nên đều thành chân diệu.
Mềm dịu cùng thô tệ
Tùy sự hóa chúng sinh
Thánh trí, tâm vô ngại

Một vị đều bình đẳng.
Đẹp thay! Không nghiệp cấu
Thiện xảo dụ thợ giỏi
Thành thân vi diệu này
Diễn câu châu báu ấy.
Người thấy đều hoan hỷ
Nghe nói cùng tâm mở
Tướng đẹp nên diệu từ
Nhu trắng tuôn cam lồ.
Mây từ rải mưa pháp
Làm tịnh bụi dục nhiễm
Nhu Kim sí vương kia
Nuốt diệt các rồng độc.
Hay trừ vô minh tối
Dụ như ngàn nhật sáng
Phá tan núi ngã mạn
Dụ như chày Thiên đế.
Hiện chứng không dối lầm
Tinh lực trừ tâm loạn
Khéo tu hành như thật
Ba sự đều tròn đủ.
Mời nghe Phật thuyết giảng
Tâm hỷ đã mở sáng
Từ đây khéo tư duy
Tiêu trừ các cấu nhiễm.
Gặp khổ hay an ủi
Phóng dật khiến sinh sợ
Vướng lạc khuyên tâm chán
Theo sự đều mở dẫn.

Thượng trí chứng pháp hỷ
Trung căn sinh thắng giải
Cạn kém phát tâm tin
Tôn nêu lợi ích khắp.
Khéo nhỏ các tà kiến
Dẫn dắt đến Niết-bàn
Tội cấu hay tẩy trừ
Do Tôn tưới mưa pháp.
Nhất thiết trí vô ngại
Luôn trụ trong chánh niệm
Như Lai đã ký biệt
Hoàn toàn không hư lầm.
Không trái xứ trái thời
Cũng không trái vật chuyển
Tôn nêu không giả phát
Người nghe đều siêng tu.
Phương tiện thắng một đường
Không tạp khả tu học
Đầu giữa sau toàn thiện
Giáo pháp khác đều không.
Hoàn toàn thiện như thế
Cuồng ngu dấy tâm chê
Giáo này nếu sinh hiềm
Không oán cùng đây bằng.
Nhiều kiếp vì quần mê
Trải đủ các khổ độc
Giáo này nếu không thiện
Niệm Phật hãy nên tu.
Hướng có thể ích lớn

Lại nêu nghĩa thâm diệu
Giả sử đầu bị đốt
Trước nên cứu giáo này.
Bồ-đề tự tại vui
Thánh đức luôn thanh đạm
Đều do giáo này sinh
Chứng xứ vô ngôn kia.
Giáo chân thật thế hùng
Tông tà nghe thấy sợ
Ma vương ôm tâm nảo
Người trời sinh hỷ thắng.
Đại địa không phân biệt
Bình đẳng hay giữ khắp
Thánh giáo lợi muôn loài
Chánh tà cùng nhận ích.
Vừa nghe Phật thuyết giảng
Chủng kim cương đã thành
Nếu chưa xuất lồng vây
Trọn vượt xứ hành tử.
Nghe pháp mới nghĩ bàn
Nhu thật khéo tu tập
Ba tuệ thứ lớp tròn
Giáo khác đều không sánh.
Chỉ riêng ngu vương tiên
Khéo hợp lý chân viên
Giáo này không siêng tu
Sao có oán hơn đây?
Vừa nghe trừ khát ái
Tâm tin tà kiến sinh

Người nghe khởi tâm vui
Dựa đầy đủ tịnh giới.
Sinh hợp thời đều mừng
Thành lớn đời đều vui
Đại hóa lợi muôn loài
Thị diệt hung bi cảm.
Tán vịnh trừ các độc
Nhớ nghĩ chiêu vui mừng
Tìm cầu phát tuệ sáng
Tâm tỏ ngộ tròn sạch.
Người gặp khiến tôn quý
Kính dựa tâm thẳng sinh
Thừa sự cảm nhân phước
Thân phụng trừ ưu khổ.
Thi la đủ trong sạch
Tĩnh lự tâm lắng tịch
Bát nhã viên trí hợp
Hằng sa phước tụ tập.
Tôn dung cùng tôn giác
Và pháp tôn chứng đắc
Trong thấy nghe xét biết
Báu ấy thù thắng nhất.
Trôi nổi tạo châu bãi
Hại mình luôn được giúp
Kẻ sợ làm quy y
Dẫn dắt khiến giải thoát.
Tịnh giới thành vật diệu
Ruộng tốt sinh quả hơn
Bạn thiện đem lợi ích

Tuệ mạng do đầy thành.
Hành ân cùng hòa nhĩn
Người thấy đều vui thích
Rộng tụ tâm nhân từ
Công đức không biên vực.
Thân miệng không lỗi ác
Ái kính do đầy sinh
An lành chúng nghĩa lợi
Đều nương đức Thiện Thệ.
Đạo sư hay khéo dẫn
Roi mạn khiến vượn siêng
Đẳng trì đều tâm công
Lâm đường quy chánh đạo.
Kẻ căn thiện thành thực
Chế ngự do ba thừa
Người buồn sâu không điều
Do bi nên tạm bỏ.
Đối gặp ách hay cứu
An lạc khuyên gắng tu
Thương xót chúng sinh khổ
Lợi lạc mọi quần phẩm.
Trái hại khởi niệm từ
Kẻ hành lỗi sinh lo
Bạo ác khởi tâm bi
Thánh đức không thể xưng.
Ấn sâu nơi lớn tội
Cả đời đã cùng biết
Nơi ấy lại sinh oán
Tôn luôn khởi từ mẫn.

Bỏ thân cứu tất cả
Tự sự chẳng sinh ưu
Đối các người sa đọa
Thân hay vì cứu giúp.
Hai đời hành ân tạo
Vượt quá các thế gian
Nơi tối thường chiếu sáng
Tôn là đèn đuốc tuệ.
Người trời chỗ thọ dụng
Theo loại có sai khác
Chỉ tôn vị chánh pháp
Bình đẳng không sai biệt.
Không xem nơi tộc họ
Sắc lực cùng niên hoa
Tùy người có căn thiện
Kẻ cầu đều được toại.
Hiện rộng các hy hữu
Khởi đại từ không duyên
Thánh chúng và trời người
Chấp tay đều thân cận.
Than ôi! Sinh tử sợ
Phật xuất là ánh sáng
Lợi ích khắp chúng sinh
Đều hay mãi nguyện kia.
Kẻ ác cùng ở chung
Bỏ vui lấy ưu nguy
Hủy báng nã hại thân
Xem như nhận đức thắng.
Vì vật hành khổ nhọc

Tâm từng không nhiễm đấm
 Thế Tôn: Đức hy hữu
 Khó dùng danh ngôn nêu.
 Tôn đi đường hiểm ác
 Thóc ngựa cùng đá, bò
 Khổ hạnh trái sáu năm
 An thọ tâm không thoái.
 Tôn ở vị tối thắng
 Bi mãn độ muôn loài
 Nếu gặp kẻ khinh rẻ
 Thân ngữ càng khiêm kính.
 Hoặc vị chủ tôn quý
 Từng không tâm kiêu mạn
 Cúi mình sự chúng sinh
 Khiêm cung như nô bộc.
 Cơ tình ức vạn loại
 Luận nạn trăm ngàn mối
 Như Lai lời từ thiện
 Một đáp nghi đều dứt.
 Ân sâu hơn trời đất
 Bỏ đức khởi oán dày
 Tôn quán oán cùng cảnh
 Cũng như ân cực nặng.
 Oán nơi Tôn càng hại
 Tôn đối oán càng thân
 Kia luôn tìm lỗi Phật
 Phật cho đầy là ân.
 Tông tà tâm ganh thỉnh
 Cơm độc cùng hầm lừa

Bi nguyện hóa ao trong
 Độc biến thành cam lồ.
 Do nhân điều giận dữ
 Lời thật trừ hủy báng
 Sức từ độ ma oán
 Chánh trí hàng tà độc.
 Quean mê từ muôn kiếp
 Quen ác do tánh thành
 Chỉ Tôn hành diệu trọn
 Một niệm chuyển khiến thiện.
 Ôn nhu độ bạo ngược
 Huệ thí phá xan tham
 Lời thiện điều ngôn thô
 Chỉ Tôn phương tiện thắng.
 Nan Đề dứt mạn lớn
 Ương Quật khởi tâm từ
 Khó độ có thể độ
 Thấy đều xưng hy hữu.
 Chỉ Thánh đệ tử tôn
 Pháp vị tự vui thần
 Tòà cỏ cho là an
 Giường vàng không là quý.
 Khéo biết tánh căn dục
 Thâu hóa thuận cơ duyên
 Hoặc có đơi kia thỉnh
 Hoặc không hỏi tự thuyết.
 Đầu nêu giảng thí, giới v.v...
 Làn lượt tâm tịnh sinh
 Sau nói pháp chân thật

Rốt ráo khiến viên chứng.
 Sợ hãi xứ nổi trôi
 Chỉ Phật đáng quay nương
 Tôn đại bi dững mãnh
 Cứu vớt các quần phẩm.
 Mây thân khắp pháp giới
 Mưa pháp tưới muôn phương
 Ứng hiện đều chẳng đồng
 Tùy duyên nên có khác.
 Thiện tịnh không trái, tranh
 Chỉ Tôn nên vâng phụng
 Lợi rộng các người trời
 Đều nên khởi cúng dường.
 Thân miệng không dấy tạo
 Khéo hóa độ muôn loài
 Thuyết giảng khéo tương ưng
 Đức ấy chỉ Tôn có.
 Tu lâu ba nghiệp tịnh
 Ngọc diệu hiện vô biên
 Quán khắp các thế gian
 Từng không đức thắng ấy.
 Huống nơi kẻ cực ác
 Thuần hành bi tối thượng
 Lợi rộng các chúng sinh
 Dững mãnh, cần, tinh tấn.
 Người Thanh văn biết pháp
 Đối Tôn luôn phụng sự
 Nếu khiến chúng Niết-bàn
 Trọn gọi là mang nợ.

Như các Thánh chúng kia
Vì mình mà tu học
Do bỏ tâm lợi sinh
Không gọi người hoàn nợ.
Vô minh ngủ đã tỉnh
Bi quán khắp mười phương
Gánh vác dốc khởi cần
Thánh thiện nên thân cận.
Ma oán dấy não hại
Phật lực đã hay trừ
Trong công đức vô úy
Đây chỉ hiển phần ít.
Tâm bi độ hết thấy
Thánh ý dứt mong cầu
Mọi lợi lạc đều thí
Theo sự đầy đều xong.
Như Lai: Pháp thắng diệu
Nếu hoặc có thể dời
Điều Đạt cùng Thiện Tinh
Chẳng nên vào giáo này.
Trong lưu chuyển vô thủy
Cùng tạo không lợi ích
Do đầy Phật xuất thế
Khai thị độ chúng sinh.
Lộc Uyển độ Câu Lân
Kiên Lâm hóa Tu Bạt
Đất này căn duyên hết
Nợ dẫn lại không còn.
Pháp luân đã chuyển lâu

Giác ngộ chúng mê lầm
 Hằng sa người thọ học
 Đều hay lợi ba hữu.
 Dùng định kim cương thắng
 Tự nát thân kiên cố
 Không xả bỏ đại bi
 Tự hóa cũng phân bày.
 Hai lợi hành đã đủ
 Sắc pháp hai thân tròn
 Cứu độ Nhất-xiển-đề
 Song lâm hiển Phật tánh.
 Tâm bi thông ba cõi
 Sắc tượng ứng mười phương
 Xả lợi để phân thân
 Đầy mới trụ viên tịch.
 Lành thay! Hành kỳ diệu
 Thân công đức hy hữu
 Đại giác các pháp môn
 Thế gian chưa từng có.
 An lưu khắp hàm thức
 Thân ngữ luôn tịch tĩnh
 Phàm ngu bỏ ân Thánh
 Đối Tôn khởi hủy.

Nhóm pháp tạng báu thật vô biên
 Nguồn đức biển phước thật khó lường
 Nếu có chúng sinh từng lễ Tôn
 Lễ kia cũng gọi là khéo lễ.
 Đức Thánh công thần không hề hết
 Con nay trí kém dụ vi trần

*Muốn tán núi công đức Như Lai
Trông núi sợ thoái do đầy dưng.
Vô lượng vô số vô biên cảnh
Khó suy khó thấy khó chứng lý
Chỉ Thánh trí Phật riêng biết rõ
Há là phàm ngu xưng tán được!
Một mảy một tướng đầy pháp giới
Một hành một đức khắp nguồn tâm
Thanh tịnh rộng lớn dụ ao thom
Chữa trị chúng sinh khát phiền não.
Con tán biển công đức Mâu Ni
Dựa nghiệp thiện này đến Bồ-đề
Nguyện khắp hàm sinh phát thẳng tâm
Mãi lìa thức hư vọng phàm ngu.*

Nhất Bách Ngũ Thập Tán Phật Tụng.

HẾT.

SỐ 1681/3
PHẬT CÁT TƯỜNG ĐỨC TÁN

Tác giả: Tôn giả Tịch Hữu.

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).

QUYỂN THƯỢNG

*Con nay quy mạng Phật Thế Tôn
 Xưng tán các công đức tối thượng
 Thời ngữ như ngữ, ngữ không đối
 Thật ngữ pháp ngữ, ngữ như nghĩa.
 Chánh ngữ, tịch ngữ, ngữ vô ngã
 Hiện thị môn đệ nhất nghĩa đế
 Xuất hiện các thân mắt biến khắp
 Khéo nơi ánh sáng luôn quán chiếu.
 Mở mắt trí tuệ các hữu tình
 Trừ tối si ám vốn có kia
 Mười lực chân thật đã xuất sinh
 Đã đến địa trong mát bậc nhất.
 Bốn vô sở úy cùng đầy đủ
 Mang đèn đuốc tạo ánh sáng lớn
 Khai phát lửa sáng soi chiếu khắp
 Bày tuệ đại minh rực rỡ kia.
 Phát khởi hành tinh tấn kiên cố*

Không giảm hết thấy công đức thắng
 Thích Ca Sư Tử tiếng gầm lớn
 Người hay thuyết chánh pháp không buộc.
 Tám pháp thế gian không thể nhiễm
 Bậc đại bi thanh tịnh hơn hết
 Phạm Vương Đế Thích Tỳ Sa Môn
 Cùng chư thiên khác đều cung kính.
 Phật Ta thường xuất ngữ xảo diệu
 Ngọt đẹp, sâu xa lại lớn rộng
 Âm giải thoát chánh chân như lý
 Lại hay nhận biết rõ mọi ngữ.
 Thanh tịnh rộng lớn như hư không
 Tộc họ bậc nhất, vương cung sinh
 Ánh sáng Phật như nhật nguyệt sáng
 Người trời A-tu-la cúng dường.
 Tự đạt bảy giác chi báu diệu
 Kiến lập cờ pháp bảo tối thượng
 Ngu si ám che đều mở sáng
 Vàng ròng quang tụ thân tỏa rực.
 Tôn quý hơn hết trong người trời
 Đã đoạn các nhiễm tham sân si v.v...
 Hoa Bôn-noa-lợi-ca trong người
 Trong người như các hoa sen tươi.
 Ưu bi nào sinh tử đã tịnh
 Vô minh kiêu mạn tất đều trừ
 Lấp hẳn cửa đánh giành tranh tụng
 Đoạn hẳn các chủng nhiễm nói tiếp.
 Giao trao các pháp không chút tiếc
 Phá cờ ngã mạn dùng cờ pháp

Chuyển chánh pháp luân lợi chúng sinh
 Trừ vòng sinh tử dứt các khổ.
 Nước Xa ma tha trong lặng tịnh
 Như biển sóng cuộn sâu không đáy
 Đã hay làm cạn nguồn chảy ái
 Thế nên nước công đức sung mãn.
 Người thấy đều sinh tâm vui thích
 Nơi tất cả xứ không tham vương
 Hay xả thân mình vì chúng sinh
 Hai chón oán thân đều bình đẳng.
 Sắc như vàng thật mới ra lửa
 Lưỡi sánh hoa sen rộng thanh tịnh
 Thân quang tỏa chiếu, sạch lại rõ
 Rực rỡ như vàng cũng như chớp.
 Tinh tấn, cần sách dùng làm lưng
 An trụ Tam-ma-địa làm cố
 Trí tuệ thông đạt là môn đánh
 Thứ lớp biểu hiện tướng trang nghiêm.
 Như Lai dững mãnh: Vô úy tôn
 Hết thấy rộng xa thấy thấu tỏ
 Đại Tượng long hay trừ sức ma
 Khéo nói các pháp ngữ tối thắng.
 An trụ vui nhẫn nhục thù diệu
 Đã đoạn tất cả ái trói buộc
 Chánh trí an lập trí kiên cố
 Trí tuệ rộng sâu, trí vô phá.
 Hoa Ưu Đàm tối thượng khó được
 Đủ trăm ngàn loại công đức quý
 Như Lai Thánh Tôn gặp càng khó

Đây đủ vô biên pháp công đức.
 Như đất luôn giữ những hạt giống
 An định vắng lặng lại quảng đại
 Trí tuệ Như Lai cũng như vậy
 Đây đủ vô biên pháp công đức.
 Không cấu không nhiễm, vốn trong sạch
 Tắm gội thân tâm, điều phục Tôn
 Dẫn đường chúng sinh hành bờ kia
 Bạc tuyên thuyết chánh pháp cứu đời.
 Ba mươi hai tướng thấy gồm đủ
 Tám chục vẻ đẹp lại trang nghiêm
 Trăm phước cùng tròn thân thắng diệu
 Rộng lớn trên hết không gì sánh.
 Đối các pháp đã được tự tại
 Hiện thị môn thắng nghĩa thanh tịnh
 Trí hiện khắp trong các cảnh giới
 Trí kim cương phá mọi phiền não.
 Đã hay điều phục cảnh thế gian
 Phát ngộ, tánh mong cầu đã trừ
 Đối trị phiền não dứt trọn vẹn
 Biện tài rộng khắp không chướng ngại.
 Bồ thí, trì giới cùng nhẫn nhục
 Tinh tấn, thiền định và trí tuệ
 Các Ba-la-mật đều đã tròn
 Tiên A-tư-đà thường cúng dường.
 Phật là núi công đức cao vượt
 Kho công đức cùng biển công đức
 Tự giác giác tha giác hạnh mãn
 Tiếng vang mười phương chấn động khắp.

Vô biên ngôn thuyết vô biên đức
 Biện tài vô tận cũng vô biên
 Phật Nhất thiết trí, Vô thượng tôn
 Quy mạng Phật là bậc đại ân.
 Quy mạng khéo tạo Hộ thế gian
 Tuy hợp các pháp đều đã nghe
 Tự trí thông tỏ các pháp môn
 Đánh lễ bậc biết pháp tối thắng.
 Trước dùng tự trí thấy các pháp
 Chứng đắc Đại Bồ-đề vô thượng
 Sau giác chúng sinh lợi cũng vậy
 Đánh lễ bậc Chân giác tự tha.
 Biết rõ các phạm hạnh chân thật
 Không phá không đoan sắc lực bên
 Đây đủ thanh bạch lại tròn khắp
 Đánh lễ bậc phạm hạnh tịnh tu.
 Pháp không quên mất đã an trụ
 Dững mãnh kiên cố Tối Thắng Tôn
 Tâm Phật quảng đại lượng vô biên
 Điều hay chiếu đạt tánh khổ vui.
 Phật là Thiện Điều Ngự tối thắng
 Lại xưng Nhị Túc Tôn vô thượng
 Đại Sa-môn trong các Sa-môn
 Đánh lễ vị Sa-môn không lỗi.
 Phật đã tu đủ các hành tịnh
 Hay làm Đại Y vương thế gian
 Lại là Thắng quán Giải thoát tôn
 Đánh lễ Đạo sư đại trí tuệ.
 Điều phục tịch tĩnh gần tịch tĩnh

An trụ tâm điều phục trên hết
 Được vào cửa đệ nhất nghĩa đế
 Đánh lễ đã đến địa trong mát.
 Hết thầy chấp tay tạo cung kính
 Nên thọ người trời cúng trước nhất
 Đáng làm phước điền thí người trời
 Quy mạng Vô thượng sĩ phước sinh.
 Biết pháp biết nghĩa biết thời lượng
 Biết như thật mình cũng biết người
 Mình người căn tánh đều biết rõ
 Biết rõ Sở thủ thú đây kia.
 Tam-ma-hí-đa, các căn lặng
 Những hành đã tạo đều tròn đủ
 Giới cấm gồm đủ diệu không lỗi
 Đánh lễ đại lực Tam-ma-địa.
 An trụ Tam-ma-địa không diệt
 Không bệnh không động, lìa các nguy
 Tâm đã không cao thấp lấy bỏ
 Kiết sinh tương tục thầy lìa hẳn.
 Như núi Diệu Cao tâm an vững
 Trí không thoái chuyển đều hay thành
 Khấp tất cả xứ trí luôn thuận
 Đánh lễ trí không hơn không diệt.
 Vô năng thắng biết rõ các pháp
 Phật là Tôn ái kiến thiện kiến
 Trí ái thiện ái đức vô biên
 Đánh lễ bậc yêu ghét bình đẳng.
 Oai nghi tối thượng chúng hỷ ái
 Đầy đủ các biện tài hay đẹp

Biện tài tùy ý trừ ngu si
 Đánh lễ bậc tuyên thông chánh ngữ.
 Danh xưng lớn rộng lại ít có
 Khấp trong ba cõi đều nghe biết
 Người trí thế gian tùy nêu hỏi
 Phật đều khéo đáp không ẩn giấu.
 Tướng oai nghi Phật hơn không sánh
 Người xem đều sinh tâm vui thích
 Rộng khiến thế gian hỷ ái sinh
 Đánh lễ bậc Thiện thí hoan hỷ.
 Ngôn thuyết nhanh chóng không trùng lặp
 Bình đẳng, vô đẳng không sai biệt
 Ngôn âm vi diệu đủ mỹ vị
 Đánh lễ ngôn ngữ vô đẳng đẳng.
 Phật là bậc Đại trí trong người
 Lại là Tiên trong người tối thượng
 Thế gian dị kiến đều không sinh
 Đánh lễ xa lìa tư giác tà.
 Đã dứt ưu bi các khổ não
 Trừ hết pháp nhiễm thảy trọn vẹn
 Nổi chìm động loạn lỗi chẳng sinh
 Đánh lễ bậc lìa hẳn các lỗi.
 Hủy báng, tâm Như Lai không thấp
 Xưng tán, tâm Như Lai không cao
 Khen chê bình đẳng trí an nhiên
 Đánh lễ không vướng nơi hủy, tán.
 Bình thản cao thấp cùng nhiễm tịnh
 Pháp khổ pháp vui và yêu ghét
 Trí Phật không chấp cũng không khác

Đánh lễ Như Lai bậc thiện ngữ.
 Chúng sinh ác ngữ không nghĩa lợi
 Như Lai khéo che không hiển bày
 Hành các pháp thí thâu thế gian
 Đánh lễ bậc hay nói chánh chân.
 Người ác lời ác cố xúc nhiều
 Tâm Phật không động mà an nhiên
 Ngôn thiện ngữ ác đồng không khác
 Đánh lễ bậc yêu giận bình đẳng.
 Vàng ròng, lưu ly, báu chân châu
 Đây là báu bậc nhất thế gian
 Như Lai đã lìa tâm tham ái
 Xem đồng như cỏ cây đất đá.
 Như Lai đã lìa ba thứ mạn
 Tâm ấy an định mà vắng lặng
 Giường tòa ngọa cụ cùng các báu
 Thấy kẻ cầu đến đều cấp cho.
 Đồi lợi không lợi chẳng vui giận
 Khinh mạn cũng sinh tâm hỷ xả
 Không ưu không não, lỗi chẳng sinh
 Đánh lễ bậc trí phá pháp tà.
 Đã có thể lìa các nhiễm não
 Luôn nói gần gũi những người thiện
 Không nói lời lợi dưỡng thế gian
 Cũng không ngôn thuyết như hư vọng v.v...
 Nói năng tùy ý lại tự tại
 Nói năng điều hợp lìa hỷ lạc
 Nói năng thuần nhất tịnh không lỗi
 Đánh lễ bậc ngôn thuyết tịch tĩnh.

Ngôn thuyết hay đẹp nhưng không chấp
 Ngôn thuyết hay hàng phục các ma
 Ngôn thuyết quyết định lý thế gian
 Đánh lễ đã lừa các vô trí.
 Đã có thể lừa kiến điên đảo
 Đã lừa duyên nổi chìm động loạn
 Đã lừa hết thầy phi ngôn ngữ
 Đánh lễ bậc khéo nói thâm hóa.
 Luôn hành hạnh không nịnh không dối
 Hành thuận tâm chân thật trong sạch
 Hành rộng ái kính thật không hư
 Đánh lễ đã vượt nạn sinh tử.
 Tất cả việc làm khéo thành tựu
 Đó là môn xuất sinh chánh pháp
 Người thấy hoan hỷ, thế gian quý
 Đánh lễ quy mạng Thanh tịnh sĩ.
 Quy mạng thân thuyết các giáo pháp
 Tùy nghi mà chuyển trừ phiền não
 Khéo biết rõ đúng môn xuất ly
 Hướng chứng pháp Bồ-đề chân thật.
 Không bỏ pháp quy hướng cao thắng
 Khéo mở cửa tịch tĩnh thế gian
 Cho đến rộng tuyên dương chánh diệu
 Pháp lợi lạc trời người thế gian.
 Như Lai đã thuyết các pháp ngữ
 Lừa những tiếng ái dục nhiễm chấp
 Tiếng không điều phục đều đã trừ
 Đánh lễ bậc khéo thuyết giáo pháp.
 Như Lai tu lậu các tịnh mạng

Tâm không động loạn, vốn an định
 Ba xứ bình đẳng tâm niệm trụ
 Đánh lễ Năng Nhân ba bất hộ.
 Phật đã đoan trừ lời nghi hoặc
 Phần vị bình đẳng luôn hành hóa
 Niết-bàn không khác môn thắng ái
 Đánh lễ bậc chứng nhập quảng đại.
 Phật là bậc thắng đạo tối thượng
 Gồm đủ các đức trời người quý
 Thần thông phương tiện đều viên thành
 Đánh lễ đã được các tự tại.
 Đánh lễ quy y chúng đức tròn
 Mười hiệu đầy đủ không sánh đối
 Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác
 Minh Hạnh Cụ Túc Thiện Thệ Tôn.
 Thế Gian Giải rõ Vô Thượng Sĩ
 Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư
 Phật Thế Tôn hiệu xưng dương rộng
 Thế nên con nay bày lễ tán.
 Như Lai không nhiễm không phát ngộ
 Là sinh thai tạng, sinh thù thắng
 Hay mãn các nguyện cầu chúng sinh
 Đánh lễ khéo gồm thâu mọi pháp.
 Thị hiện sinh Thánh vương chủng tịnh
 Phú quý lớn rộng lại tôn cao
 Đều có thể từ bỏ, xuất gia
 Đánh lễ tâm hạ là cao ngạo.
 Gồm đủ các sắc lực bậc nhất
 Tướng hảo đoan nghiêm người thấy vui

Cảnh diệu thế gian đều lìa bỏ
 Đánh lễ bậc Giải thoát thanh tịnh.
 Giới luật sạch trong, đủ không thiếu
 Như hợp, hay thiếu tức hay hành
 Đại trí đại tuệ đại Thánh tôn
 Đánh lễ bậc Đồng sự nhiếp ích.
 Phật ngữ đúng, sáng lại thiện diệu
 Đoạn trừ tham dục lỗi chẳng sinh
 Tất cả pháp nhiễm thảy dứt sạch
 Tuyên thuyết nhân chánh nghiệp ngữ chánh.
 Nêu các ngữ hành lìa trói buộc
 Thường dùng ngôn hòa diệu ái tuyên
 Trong chúng Sa-môn Bà-la-môn
 Ngôn ngữ Như Lai luôn trước thắng.
 Diệu tướng tròn thẳng lìa nhãn nhỏ
 Chánh thuận dẫn trước mà an nhiên
 Ái ngữ: Thiện lai! Độ chúng sinh
 Đánh lễ thuyết đúng thâu các lỗi.
 Ngôn ngữ xuất phát đều đầy đủ
 Ngữ nghiệp vô úy khéo xung dương
 Lời sâu, lời chánh, lời trí nêu
 Đánh lễ Như Lai dứt ác ngữ.
 Phật ngữ không vương không nhờ dựa
 Cũng không trái bỏ các ngữ ngôn
 Ngôn thuyết hiện có đều vô biên
 Đánh lễ hay mở lời liễu nghĩa.
 Ngôn từ xảo diệu khéo biện tài
 Lợi lạc thương xót các chúng sinh
 Rộng mở cửa điều phục hữu tình

Đánh lễ Thánh pháp tánh điều phục.
 Phật là bậc điều phục chánh pháp
 Các pháp lìa cấu, điều phục tôn
 Sư điều phục pháp môn vô thượng
 Do người điều phục vô lượng pháp.
 Như Lai giới đầy đủ đồng bậc
 Định tuệ đầy đủ cũng không sai
 Giải thoát đầy đủ vốn đồng nguồn
 Giải thoát tri kiến đủ không khác.
 Bậc Đại giác Thánh chánh an lành
 Điều phục trên hết đồng một cửa
 Luôn ở rìng vắng dứt các duyên
 Tùy ý ngồi nằm khiến an trụ.
 Do tướng không hại mà nói pháp
 Tướng ngữ không theo dết nói pháp
 Tướng không động chuyển mà nói pháp
 Hiện tướng xuất ly để nói pháp.
 Tướng đã dứt luân hồi nói pháp
 Tướng Niết-bàn đáng yêu nói pháp
 Tướng không khiến tha khổ nói pháp
 Tướng tự tánh thiện để nói pháp.
 Tướng lợi ích thế gian nói pháp
 Tướng lìa tà kiến để nói pháp
 Tướng đồng phàm phu để nói pháp
 Tướng tương tục không chuyển nói pháp.
 Đánh lễ tướng vô trụ thuyết pháp
 Chiếu sáng chân thật nghĩa chân thật
 Hoặc pháp hoặc trí thật cũng thế
 Nói rõ liễu nghĩa trừ nghi hoặc.

Nói pháp chân chánh khéo phân biệt
 Bình đẳng cao thấp, lời nêu khắp
 Đạo chánh đạo tà thày hiền bày
 Sự lợi chẳng lợi đều khéo tỏ.
 Hoặc thiện bất thiện tất phân biệt
 Thông đạt môn chánh giáo tà giáo
 Công đức đã tròn, lỗi đã trừ
 Đánh lễ bậc tự tha hay độ.
 Hay dùng pháp thiện phá nẻo ác
 Trong lạc phi lạc phương tiện nói
 Thế gian sinh diệt biết đúng thật
 Khéo thuyết các pháp bảo thù thắng.
 Như Lai giáo chân thật bậc nhất
 Ba cõi hành tác đều thành tựu
 Nẻo thiện nẻo ác thấy biết rõ
 Trong sự thiện ác, trí không đảo.
 Biết rõ tánh buộc mở xưa nay
 Mà hay khéo nói muôn buộc mở
 Tà chánh nhiễm tịnh đều nhận biết
 Nghĩa thiện bất thiện đều sáng tỏ.
 Đã có thể đủ thiện hơn hết
 Hành giả đủ thiện xưng tán rộng
 Cứu độ hết thấy trong nẻo ác
 Như Lai bi là thuốc một vị.
 Đánh lễ Thiên Tiên Tối Thắng Sĩ
 Không đắm lạc thiền định sâu diệu
 Không sinh tâm vui thích hỷ ái
 Thệ vượt biển tham dục ngu mê.
 Các sắc tướng tự thân quảng đại

*Rốt ráo viên mãn đáng xưng dương
Ba cõi ứng cúng tôn tối thượng
Con nay quy mạng không nghĩ bàn.*

HẾT – QUYỂN THƯỢNG

PHẬT CÁT TƯỜNG ĐỨC TÁN

QUYỂN TRUNG

Quy mạng Như Lai tướng thắng diệu
 Dưới chân bằng đầy khéo an trụ
 Ngàn nét tằm xe hiện tâm chân
 Các tướng vành, trục đều tròn đủ.
 Tay chân mềm như Đâu-la-miên
 Màng kết sáng hiện giữa tay chân
 Các ngón chân tay thon dài đẹp
 Gót chân tròn đầy mu tương xứng.
 Mu bàn chân dài cao lại đầy
 Bắp chân như Lộc vương Y nê...
 Cánh tay dài tròn sát vòng gối
 Tướng âm ấn kín như ngựa quý.
 Tóc lông thẳng nhuần đều hướng trên
 Mỗi mỗi lông thân thả xoay phải
 Da thân mịn trơn cấu không bám
 Sắc thân vàng rờng sáng rực rỡ.
 Chân tay cổ vai bả xừ đầy
 Cổ sau bắp tay nách đều tròn
 Dáng vẻ đôn hậu đoan nghiêm diệu
 Thân tướng dài rộng lại thẳng đều.
 Như thân Nặc cù đà đầy đặn
 Nửa trên thân như Sư tử vương

Thường quang mặt hướng đều một tâm
Bốn mươi răng bang không thừa khuyết.
Bốn răng lớn trắng tươi cứng nhọn
Luôn được vị tối thượng trong vị
Trướng lưỡi mỏng sạch rộng lại dài
Phạm âm thâm diệu như trống trời.
Tiếng nói, người nghe đều vừa ý
Lại như tiếng Ca lãng tân già
Mắt my chính tề dạng Ngu vương
Ngươi mắt trắng sạch sắc xanh biếc.
Giữa mày, trướng bạch hào mềm mại
Xoay phải trong sạch như loa trắng
Ô sắt nị sa đánh trang nghiêm
Đánh lễ tướng đại trượng phu đủ.
Quy mạng Như Lai: Tùy hình hảo
Móng tay hẹp dài như đồng đỏ
Ngón tay chân tròn đều thon dài
Các ngón chân tay đều thứ tự.
Gân mạch kết quanh lại ẩn sâu
Hai mắt cá cùng ẩn, chẳng thô
Đầy đặn mềm mại, chân an bằng
Quay nhìn xoay phải như Lộc vương.
Bước đi thẳng tiến như voi chúa
Sáng rõ đoan nghiêm không chướng ngại
Tự tại thứ lớp dạng Nga vương
Toàn thân tùy chuyển bước quyết đoán.
Phần thân tuần tự mà cao rõ
Bình đẳng chuyển theo thân thẳng vững
Tướng thiện gắn kết thân bền chắc

Thân hình sáng tỏ lìa ám chướng.
 Chi phần an định không dao động
 Thăng ngay thân tướng khéo đầy đủ
 Tướng đồng tử đẹp thân trong sạch
 Dịu dàng tươi trẻ đều không sánh.
 Hình bụng tròn thẳng không khiếm khuyết
 Không loom không lồi rộng lại tròn
 Xoay phải sâu dày vòng rốn khéo
 Tĩnh không lỗ chấm không giảm thấp.
 Chi thân gần chạm lìa các lỗi
 Đều không chấm lun cùng thịt thừa
 Ví như hoa sen cấu không bám
 Cũng lại lìa thứ không tịch tĩnh.
 Khuôn mặt tròn đầy trắng sạch trong
 Tướng thân đầy đủ không tổn giảm
 Tướng lưỡi dài rộng như đồng đỏ
 Dịu mềm lại như cánh hoa sen.
 Sắc môi sáng thắm thật khả ái
 Như đồng đỏ cùng quả Tần Bà
 Âm thanh như nước mây vỗ vang v.v...
 Lại như voi chúa gầm chấn động.
 Âm thanh sâu xa lại mỹ diệu
 Tất cả người nghe đều vừa ý
 Tay mềm cũng như bông Đậu La
 Vân tay sâu sang nói không dít.
 Bón răng lớn bén nhọn chắc chắn
 Thanh tịnh tột bậc lại đều bằng
 Các răng vuông ngay ngắn trắng tươi
 Tướng mắt dài rộng như cánh sen.

My mắt nhiều kín mà không trắng
 Mày thắm đen đậm lại dài lớn
 Vành tai rộng lớn dày lại tròn
 Lông thân mỗi mỗi đều nhuần mượt.
 Tướng trán rộng, bằng thẳng thù diệu
 Phần thân nửa trên thấy trọn đủ
 Đầu tóc rậm kín, đều lại dài
 Xanh biếc xoay chuyển mà tươi thắm.
 Cho đến rộng cùng nơi ngực Phật
 Điều có văn tướng đức xoay vui
 Tóc xoắn ốc xanh biếc trang nghiêm
 Đánh lễ tướng đánh chẳng thể thấy.
 Quy mạng trí lực xừ phi xừ
 Nghiệp quá hiện vị lai đều biết
 Môn thiền định đẳng trì giải thoát
 Phân biệt rõ căn tánh tự tha.
 Vô số tín giải đều thông đạt
 Vô số cõi, nẻo cũng đều biết
 Chúng loại tha tâm rõ không sai
 Trí túc trụ tùy niệm gồm đủ.
 Chiếu sáng hết thảy pháp sinh diệt
 Các lậu đã tận, lậu diệt hết
 Mười trí lực như vậy trọn khắp
 Đánh lễ Như Lai đại tinh tấn.
 Như Lai lậu dứt, nhiễm dứt sạch
 Hiểu rõ các pháp cũng trọn vẹn
 Nên xưng Chánh đẳng Chánh giác Tôn
 Con nay đánh lễ hiện kính lễ.
 Tất cả pháp nhiễm bình đẳng nêu

Những đạo xuất ly cũng khéo tuyên
 Hết thấy đều hiểu rõ trọn vẹn
 Đánh lễ Năng Nhân bậc Đầu Giác.
 Phật đủ chánh trí tuệ bất hoại
 Hiện giác tôn trọn vẹn đều khắp
 Tâm chánh trí trừ các tà trí
 Phật chân giác rồi giác cứu cánh.
 Tự cảnh giới cùng tha cảnh giới
 Hết thấy cảnh giới đã tạo thành
 Ở trong tất cả căn nghĩa kia
 Phật là bậc căn vô năng thắng.
 Trong tướng, tướng vô dư đã duyên
 Loại phi sắc hiện thấy đều đoạn
 Gánh nặng vô sinh lâu đã trừ
 Đã thấu triệt đáy dòng duyên sinh.
 Hai thứ vô trí si ám là
 Phát sinh hai thứ trí ánh sáng
 Lại là hai thứ tâm nghi cầu
 Kiến lập hai loại trí quyết định.
 Đã đạt tận trí câu thể gian
 Chương trí đã là, pháp tròn sáng
 Dựa nơi môn tịch chỉ thắng đủ
 Đầy đủ thắng xử khéo an trụ.
 Đầy đủ tất cả hành ứng hợp
 Minh hạnh cụ túc sắc tướng tròn
 Đầy đủ chủng tánh và ngôn ngữ
 Được quả thần thông khéo cứu độ.
 Nghiệp thân ngữ ý đều không tạo
 Tự tánh trí vô tận không chấp

Cửa trí quyết định không thoái chuyển
 Trí nói tướng nhân thời không hoại.
 Vô số môn nhân đều hiểu rõ
 Vô số môn quả cũng đều biết
 Vô số phiền não cùng đối trị
 Đánh lễ Như Lai bậc Thiện Giác.
 Ngôn thuyết không hai, biện vô tận
 Vị khéo nêu pháp không thoái chuyển
 Tám pháp thế gian tâm không nhiễm
 Đánh lễ khéo đạt bờ công đức.
 Phật trong ba A tăng kỳ kiếp
 Tích tập hết thấy hành khó hành
 Chuyển tâm đại bi để che khắp
 Tự tha hay qua dòng phiền não.
 Biết rõ ba khổ rất vi tế
 Do xót khổ nên khởi đại bi
 Ba cõi đã duyên trong các tánh
 Đại bi trùm khắp tất cả xứ.
 Như Lai trí bình đẳng trong tánh
 Hoặc oán hoặc thân xem như nhau
 Tâm bi rộng lớn không thể lường
 Thâu khắp hết thấy loài chúng sinh.
 Phật vì chúng sinh nói một thuốc
 Thân bệnh tâm bệnh đều khiến an
 Rót ráo cực khổ cũng dứt trừ
 Đánh lễ bậc khéo nói thuốc diệu.
 Hành quyết định chân thật thuần nhất
 Quyết định thuần thiện vô nhiễm tôn
 Quyết định không còn sinh pháp nhiễm

Hoàn toàn vị tha khéo nuôi lớn.
 Không do lợi mình cầu nơi người
 Lạc tự đã được đều từ bỏ
 Tâm bi mẫn phương tiện tùy nghi
 Quyết định điều phục bệnh chúng sinh.
 Chúng sinh lúc nên được đối trị
 Như Lai khéo nhận biết không lỗi
 Vì chúng sinh làm bạn không rời
 Khởi tâm bi khiến được độ khắp.
 Năng nhân khéo nói pháp được hay
 Trị nguồn gốc sinh pháp khổ kia
 Hiện thân soi sáng lỗi chúng sinh
 Biết rõ phiền não tánh vô biên.
 Đoạn trừ bệnh phiền não chúng sinh
 Phật biết thời lượng đều không sai
 Tùy kia bệnh gì, thuốc dóc trị
 Thế Tôn như hợp vì nói thuốc.
 Như Lai đã hành tất cả hành
 Tu tập như lý đều tròn đủ
 Hoặc một hoặc nhiều môn xuất hiện
 Hòa hợp biết rõ đều vô ngại.
 Như Lai công mẫn có thể đến
 Trí nhất thiết trí địa trong mát
 Rõ đạo biết đạo nói đạo quý
 Bạc quy hướng thẳng đạo chúng đạo.
 Cứu vớt hết thấy khổ luân hồi
 Khiến các chúng sinh lìa trôi buộc
 Rộng khiến được qua sông phiền não
 Bạc đầy đủ hổ thẹn bền chắc.

Hay khéo kiến lập cờ Thánh pháp
 Biểu thị các hành pháp vô thường
 Mở bày môn lìa tham tận diệt
 Mở bày đạo xuất ly tịch diệt.
 Bậc hay khéo biểu thị các pháp
 Tôn hay đem các pháp dạy trao
 Đại Đạo sư hay tạo lợi ích
 Đánh lễ bậc thiện thí hoan hỷ.
 Luôn thuyết lời chỉ dạy lợi vui
 Đủ uy đức lớn thân thông lớn
 Đại Phạm Tôn thanh tịnh tối thượng
 Đánh lễ Tự Tại lại hưng thịnh.
 Đã dứt các ngôn luận chùng tánh
 Lại đoạn những ngôn ngữ tộc họ
 Ngữ tám sự thế gian cũng mất
 Đánh lễ thường thuyết lời chánh pháp.
 Như Lai hành bộ luôn tịch tĩnh
 Hành bằng thẳng không rộng không hẹp
 Thuận thiện mà hành, người thấy vui
 Biểu thị tướng thiện hành Như Lai.
 Như Lai chánh tri kiến bất hoại
 Đầy đủ tánh như trước đã tạo
 Thành các sự phước đoạn gốc nghi
 Tâm lìa phần vị nhập thôn xóm.
 Xuất tất hiển bày chúng đã thấy
 Không dựa không chuyển, tôn tối thượng
 Những an lành thẳng diệu đặc biệt
 Bậc phạm hạnh thuần nhất, đầy đủ.
 Hay khéo biết rõ pháp năm uẩn

Lại có thể hành đủ bảy pháp
 Đã có thể diệt tâm ngã mạn
 Đánh lễ hay phá lưới ngu si.
 Như Lai đã đắc pháp không động
 Lại hay gồm đủ tâm sâu rộng
 Khéo hay thành tựu bảy Thánh tài
 Đánh lễ bậc khéo học ba học.
 Phật đại trượng phu đã nên xưng
 Những cảnh tà, dị không khiến sợ
 Xa lìa mọi thứ không an lành
 Đánh lễ đã đến địa điều phục.
 Phạm hạnh chân thật khéo an lập
 Trên dưới dọc rộng thấy quy y
 Luôn đem vô úy thí chúng sinh
 Đánh lễ Đối pháp lìa chấp thủ.
 Quy mạng Phật Đại A-la-hán
 Tôn hết thấy lậu tận, không nhiễm
 Việc làm đã xong, đức tròn sáng
 Đánh lễ đã bỏ các gánh nặng.
 Đạt được nghĩa lợi mình đã tạo
 Diệt trừ hết các hữu kiết chướng
 Tâm giải thoát an trụ chánh trí
 Đánh lễ bậc xuất ly, giải thoát.
 Đã chứng lý giải thoát vô ngôn
 Ái tận thủ hết mà giải thoát
 Tâm không quên mất, giải thoát trọn
 Đánh lễ bậc tâm không điên đảo.
 Tâm Phật vô lượng lại rộng lớn
 Pháp không dị biệt tâm khéo tu

Tâm được lìa trừ phiền não buộc
 Đánh lễ đã dứt các dị loại.
 Hết các nghiệp nhiễm đạt thanh tịnh
 Đã chứng Niết-bàn vô dư y
 Trong người: Tôn giải thoát tối thượng
 Chiến thắng quân tử ma mà được.
 Nơi các pháp thiện không phóng dật
 Khéo trụ chánh niệm chánh trí tuệ
 Khéo mở mắt tịch xem chúng sinh
 Đánh lễ khéo cứu khổ sinh tử.
 Khéo tỉnh chúng sinh ngủ vô minh
 Khéo trừ các ngu si chúng sinh
 Phật cần dùng khởi tâm tinh tấn
 Hết thấy kẻ biếng trễ: Giục phát.
 Trong những bất thiện: Thí pháp thiện
 Trong những bỏ học: Mở cửa học.
 Trong các sợ hãi: Thí vô úy
 Kẻ không an ổn: Khiến an ổn.
 Nơi những tối tăm: Tạo sáng chiếu
 Nơi những bất thiện: Khiến tu thiện
 Nơi những lỗi lầm: Sinh công đức
 Đối những nghiệp tội: Trừ nghiệp tội.
 Khiến người trái nghịch biết ân đức
 Hay mãn ý mong cầu chúng sinh
 Chú mình thành tựu tu chân thật
 Đánh lễ bậc hay trừ phiền não.
 Phật đã xa lìa những cuồng vọng
 Tâm không loạn động không đề cao
 Hiện thị môn an lành tôn thắng

Đánh lễ Phật là xứ phước sinh.
 Trong một cõi sinh tất cả hành
 Không chung hết thấy loại thân thông
 Rốt ráo thành tựu môn tối thượng
 Tất cả xứ là phi cú nghĩa.
 Tất cả nghi hoặc cùng tạp thuyết
 Chánh ngữ quyết định đều hay trì
 Các hành an lành bình đẳng tu
 Khéo nhận biết ý các chúng sinh.
 Đã hay thấu phục những ngữ khác
 Cũng như lửa mạnh đốt cỏ khô
 Thiêu các phiền não nghĩa cũng thế
 Đánh lễ an trụ pháp chánh sĩ.
 Đủ mọi an lành đủ hỗ then
 Tịch mặc thắng chủ tế thế gian
 Thích Ca Mâu Ni Đại Đạo sư
 Áng Nghĩ La Sa Cù Đàm tộc.
 Là các phiền não si hắc ám
 Bi mãn gồm thấu khắp chúng sinh
 Luôn ở trong lợi tha tạo ích
 Những thắng hạnh rộng nhiều gồm đủ.
 Phật đối hết thấy loài chúng sinh
 Trong chốn hành tất cả tăng thượng
 Phật do đại trí thường quán xét
 Hợp rộng sự lợi ích thế gian.
 Đầy đủ sáu thông trí điều phục
 Trí đức, trí thuyết cùng trí thời
 Thần thông thắng đối trị tất cả
 Cõi nẻo, trí thắng giải nghiệp chướng.

Thuyết pháp hơn hết, thần thông đủ
Ba thời điều phục khéo mở độ
Hết thấy văn nghĩa khéo giải tròn
Đánh lễ trí biện tài vô tận.
Phật đã gồm đủ biện như thuyết
Khéo đầy các hành đến bờ kia
Tất cả công đức giải thoát trọn
Hiện thị thân tâm thanh tịnh thẳng.
Người nghe âm Phật, tâm hoan hỷ
Phật tự hành hóa đều tròn khắp
Không rơi trong tất cả ngôn thuyết
Không lấy tướng công đức tự phân.
Bình đẳng trước chúng đạo đầu tiên
Tiếp hợp đại hạnh không bỏ sót
Gánh vác lớn chúng sinh gắng nhận
Ở trong các tướng đạt tịch tĩnh.
Công đức như đại từ v.v... đã tròn
Chưa từng xa lìa nơi hành xả
Dùng chánh trí tuệ thấu chúng sinh
Ở trong đêm dài quán xét khắp.
Nhu Lai luôn phát đại dũng mãnh
Đem các hành thiện dạy chúng sinh
Lại ở trong hết thấy hữu tình
Tâm bi khéo bình đẳng đã đạt.
Phật là bậc thương xót thế gian
Đệ nhất nghĩa để khéo hiểu rõ
Nhu Lai ba mắt đã tròn sáng
Ba thứ xung tán khéo gồm đủ.
Nhu Lai đã đủ ba bất hộ

Hiện thị tôn ba cõi không cầu
 Bốn niệm xứ hành thông tỏ rộng
 Bạc danh cú văn thân tự tại.
 Tùy ý biện xảo diệu vô tận
 Hết thấy thuyết hiện trí đều thông
 Chủng loại ngôn ngữ khéo hiểu biết
 Tùy xứ biện tài thấy vô ngại.
 Trong những chống trái tạo hướng thuận
 Trong những giận dữ tạo thanh tịnh
 Ở trong các mạn phát tâm kính
 Trừ bỏ hết thấy sự lợi dưỡng.
 Đã hành chánh chơn lại tối thượng
 Tôn do tự lực hay hiện chứng
 Tất cả môn ngôn thuyết thanh tịnh
 Đánh lễ bậc ngôn ngữ không chấp.
 Xuất hiện lai ngữ như nghĩa ngữ
 Đây đủ tất cả hành tác đúng
 Như Lai hết thấy công đức tròn
 Đánh lễ bậc pháp không quên mất.
 Thắng Điều Ngự tạo ích hơn hết
 Hoan hỷ bi mẫn các chúng sinh
 Tâm bi kiên cố nhằm lợi tha
 Đánh lễ bậc thường mong lợi lạc.
 Phật cùng chúng sinh có ân đức
 Thường làm bạn thiện và tri thức
 Như cha như mẹ hay xuất sinh
 Muốn khiến chúng sinh được thiện lạc.
 Phật là Thân giáo sư chúng sinh
 Khéo thuyết các giáo pháp thắng nghĩa

*Nêu như lý câu nghĩa tối thượng
Khiến nhận biết rõ tất cả tánh.
Như Lai luôn do thuyết không chấp
Không tăng không giảm khéo xưng dương
Đại bi nói tiếp sinh không dứt
Đánh lễ khéo thấy xứ phi xứ.*

HẾT – QUYỂN TRUNG

PHẬT CÁT TƯỜNG ĐỨC TÁN

QUYÊN HẠ

*Quy mạng tạo Đại Sư Tử gầm
 Xuất sinh hết thấy môn hành thiện
 Đối tất cả tánh biết như thật
 Tri kiến vô thắng khắp hết thấy.
 Khéo độ chúng sinh thời không đoan
 Tuyên thuyết vô biên các pháp môn
 Trước hết phá vỡ trứng vô minh
 Tùy giác ngộ hết thấy các pháp.
 Đại Chánh Sĩ hiểu rõ chúng sinh
 Tôn giác ngộ các pháp vi diệu
 Nơi lý vô ngã đã tỏ ngộ
 Bậc khéo biết tự tánh các nghiệp.
 Khéo hay giác ngộ không nhiều nã
 Tự tánh thế gian đều hiểu biết
 Phá những ác kiến trí mở sáng
 Bậc biết đúng tất cả nhân quả.
 Biết rõ tướng xuất ly ba cõi
 Nên lại tu các hành cực khó
 Thân không mệt mỏi, tướng chấp diệt
 Nhưng nơi pháp nhỏ không chán là.
 Cứu cánh phương tiện khéo tạo ích
 Nêu rõ các pháp môn trung đạo*

Lành thay! Thích Ca Mâu Ni Tôn
 Đánh lễ quy mạng bậc Ứng Cúng.
 Bậc Tịch mặc, bậc Thuyết tối thượng
 Tối thượng tối thắng Đại sư ta
 Khéo gồm thâu ý lạc chúng sinh
 Nơi các sự tướng đều không chấp.
 Bậc đầy đủ hai thứ xưng tán
 Khéo hay thành tựu bốn nhiếp pháp
 Sáu pháp hòa kính khéo tuyên dương
 Sáu hạnh thường hành đã tròn đủ.
 An lập chánh tri kiến thâm diệu
 Đắc các đẳng trì tịch tĩnh thiện
 Trong pháp thiện, tâm không phóng dật
 Đã chứng đạo đã thành Phật trước.
 Bậc giác ngộ chánh đạo sâu diệu
 Mở khởi trí ánh sáng sâu xa
 Nơi đạo không tầm không tứ kia
 Đánh lễ Như Lai bậc chứng ngộ.
 Bậc trí nhóm chung cảnh sở tri
 Sâu xa vi tế đều biết rõ
 Hiện thị hai thứ Niết-bàn giới
 Chứng đủ hết thấy đạo Niết-bàn.
 Chúng sinh đem dài khởi hư vọng
 Phật phương tiện nói pháp không vọng
 Chúng sinh chìm nơi bùn sinh tử
 Phật vì đưa tay khéo tiếp độ.
 Chúng sinh: Kẻ đọa tại nẻo ác
 Phật phương tiện lực vì cứu vớt
 Các chúng sinh khỏi sợ như sinh v.v...

Phật vì dẫn chỉ xứ vô úy.
 Tự đủ lực uy thần lớn rộng
 Thân hiện tất cả sắc tướng báu
 Nội chứa tâm báu tròn sáng diệu
 Tuyên thuyết chánh pháp báu không sánh.
 Phật không bị kẻ khác thù phục
 Hết thấy không thể chống trái Phật
 An trụ tất cả môn hoan hỷ
 Phật hết thấy tướng đều viên mãn.
 Sa-môn vô thượng hành chánh chân
 Trí thanh tịnh như hoa sen nở
 Hợp khắp phạm hạnh đều trọn vẹn
 Đánh lễ bậc phạm hạnh đã lập.
 Tuy rõ sách Vi Đà thế gian
 Không hoại tất cả Thánh giáo pháp
 Rửa sạch hết thấy các tội cấu
 Đạt được pháp tăng thượng bậc nhất.
 Khéo hay thành tựu giữ mình pháp
 Hay khéo dẫn chỉ xứ tịch tĩnh
 Đạo sư mở chỉ cửa thiện lạc
 Đồng rộng luân hồi khéo dẫn đường.
 Luôn là tất cả các tâm tối
 Mở mắt sáng vui thường xem thấy
 Tôn hoàn toàn thanh tịnh không nhiễm
 Tội phước không động hành giải thoát.
 Hay nơi tự thân quán tánh không
 Ái kiến đã hết khéo không nhiễm
 Đối các cảnh dục là tâm tưởng
 Là nhiễm phiền não cùng phân biệt.

Tâm trụ các sự nghiệp vắng lặng
 Trong pháp yên lặng đắc giải thoát
 Đại Mâu Ni tịch tĩnh bậc nhất
 Bậc tất cả thanh tịnh không nhiễm.
 Công đức xuất thế đã lớn rộng
 Khéo bày thế gian đại minh chiếu
 Cảnh vọng nơi đời đều hay quán
 Các pháp tướng chân thật tròn đủ.
 Dây ái đã đoạn thân thông đủ
 Khéo phát trí tuệ ánh sáng lớn
 Trừ hết thấy tâm dựa chấp kia
 Nơi các ý lạc đều vắng lặng.
 Như Lai đã lìa các lỗi lầm
 Chốn nên kính lễ cùng cúng dường
 Trừ tất cả pháp ác không lợi
 Bậc tương ưng tất cả lợi ích.
 Phật cùng chúng sinh là bạn thiện
 Bậc không chân hai chân đệ nhất
 An trụ niệm tuệ trong các tánh
 Bậc khéo đủ pháp không quên mất.
 Phật đối tự tánh nghĩa vô nghĩa
 Hòa hợp nương dựa nhưng không vướng
 Sinh tử sợ bờ này đã trừ
 Hay chứng Niết-bàn, bờ kia vui.
 Phật khéo nương dựa hành chánh đạo
 Lắng nghe không làm tâm không giảm
 Trong các thanh tịnh: Phật tối tôn
 Sắc tướng quảng đại tuệ sáng soi.
 Thế gian, vị tham dục hiện có

Trí Phật từ lâu khéo xuất ly
 Trí tuệ xung tán cửa Niết-bàn
 Đánh lễ Như Lai nói quyết định.
 Kiến không nhiễm cùng tư không cấu
 Ngữ không nhiễm cùng nghiệp không cấu
 Mạng không cấu cùng cần không nhiễm
 Niệm không cấu gồm định không nhiễm.
 Giải thoát không nhiễm trí không cấu
 Nơi giới định tuệ khéo an trụ
 Tất cả kiết phược thấy đoạn trừ
 Phá các xứ phiền não điên đảo.
 Như Lai, phạm hạnh đã xuất sinh
 Đạ trụ địa trong mát hơn hết
 Hết thấy hành tác tôn tịch tĩnh
 Không vương sự kính ái thế gian.
 Đã hay đoạn trừ năm phần kiết
 Lại hay gồm đủ sáu phần pháp
 Tâm hộ niệm khởi một bình đẳng
 Bốn dựa thành tựu không thiếu sót.
 Chân thật thuần nhất không dị biệt
 Bình đẳng, từ bỏ ái thế gian
 Tư duy thuận hợp, tâm chân chánh
 Bạc đã đượ hết thấy khinh an.
 Tâm khéo giải thoát tuệ giải thoát
 Phạm hạnh thuần nhất khéo an lập
 Như Lai thắng trượng phu tối thượng
 Thế nên quy mạng xung tán rộng.
 Đánh lễ Đại A-la-hán thắng
 Là danh là tướng là phần vị

Ra khỏi cửa danh tướng phân vị
 Danh tướng phân vị đều vắng lặng.
 Tâm khéo thấy hay dứt lửa dục
 Cảnh dục tham ái nhiễm đều trừ
 Nơi những dục nhiễm lìa dung chứa
 Cùng lìa lỗi lầm tất cả dục.
 Khéo tu bảy thứ pháp quán tưởng
 Khéo nói pháp môn Bồ-đề phân
 Tất cả đã hay thắng phục tha
 Phật là bậc dũng mãnh vô úy.
 Lìa si đoạn nhiễm, thắng trong thắng
 Bậc giới lực tăng thượng không tội
 Đầy đủ trí tuệ tâm vi diệu
 Nội thâm vô số hành công đức.
 Không nghi lìa cầu thường hỷ túc
 Đã dứt các nguồn vọng thế gian
 Đại Sa-môn sự tạo đã thành
 Đánh lễ bậc hoan hỷ chân thật.
 Phật là thắng trong Ma nậu nhạ
 Đã ở thân kia khéo quán xét
 Nên được đã được các môn thuyết
 Đánh lễ Như Lai không dụ sánh.
 Chánh niệm thắng quán hết thấy biết
 Không bị tha phục hay phục tha
 Đã được tịch tĩnh không đối tạo
 Đánh lễ bậc Nguru vương thắng thượng.
 Vô lượng diệu sâu trụ tịch mặc
 Chánh trí thường hành hạnh an lạc
 Như oai nghi diệu pháp luật kia

Đánh lễ thân nghiêm tâm vắng lặng.
 Các hành viên diệu, ngữ khéo thuyết
 Thân hiện tướng Đâu đà khó hành
 Ngôn không hý luận trụ chánh chân
 Đánh lễ Chánh mạng sĩ lìa tham.
 Như Lai tôn thắng lại tự tại
 Cũng như Đế Thích thắng trong trời
 Nơi hướng chánh thuận lại khéo quán
 Ngôn ngữ khiêm tốn mà hòa mỹ.
 Bạc thanh tịnh hết thấy thanh tịnh
 Thanh tịnh rộng khéo ái không vương
 Hương công đức thành thực sung mãn
 Đánh lễ đã đến xứ tối thượng.
 Phật là Đại Tiên Vương hơn hết
 Công đức chứa rộng đầy không giảm
 Tịnh hạnh đã tròn, nịnh đã trừ
 Đánh lễ chánh trí ánh sáng tự.
 Thân tâm thanh tịnh lại khinh an
 Đã dứt hết thấy các oán đối
 Đại tuệ tôn tuệ tịch tuệ rộng
 Lấp nguồn phần hận luôn hoan hỷ.
 Trong Bồ-đặc-già-la: Vô thắng
 Không thể xưng lượng, lìa các chấp
 Cú thân thông tỏ đã không nghi
 Đánh lễ bậc Năng nhân thiện giải.
 Trong giáo hóa điều phục: Tối thắng
 Tạo ánh sáng khả ái vô thượng
 Không cầu không mạn không ái vương
 Đánh lễ bậc không dối trong sạch.

Đã lìa ám che, không chỗ nhiễm
 Trong Bồ-đặc-già-la: Tối thượng
 Đã được đại danh xưng thiện tịch
 Đánh lễ không vương không trói buộc.
 Mê làm đắm chấp, lâu đã lìa
 Không ngã chấp tướng ngã kiến trì
 Đầu giữa sau pháp thiện tuyên dương
 Văn thiện nghĩa thiện đều tròn đủ.
 Xứ chúng sinh khổ, không mệt biếng
 Phật phương tiện nên khiến thôi dứt
 Chúng sinh không đến của xuất ly
 Phật phương tiện nên khiến lìa khỏi.
 Như Lai không trụ nơi pháp diệt
 Luôn hành cứu độ thâm thế gian
 Lại nơi cửa chánh pháp rộng lớn
 Đánh lễ đại trí thấy gồm thâu.
 Đã dứt các phân biệt tà vọng
 Khéo lìa hết thấy nẻo tìm cầu
 Trừ các pháp ác, hiệu thắng nhân
 Lìa bảy thứ nhiễm, phạm hạnh trọn.
 Như không, bèn dục không thể cầu
 Thanh tịnh luôn nương dựa phạm hạnh
 Tuy dứt pháp nhiễm, rõ tánh không
 vượt quá ngôn ngữ tâm không đắm.
 Phật luôn an trụ thân niệm trụ
 Tâm Phật đã lìa nơi hai biên
 Chánh trí sâu kín dừng lực tôn
 Bạc thiện thân trong môn an lành.
 Đánh lễ đại bi không nghĩ bàn

Hết thấy việc làm tự thông lực
 Kẻ khác yếu kém giúp tu đủ
 Kẻ khác tốt đẹp tất tùy thuận.
 Phật là thân kim cương kiên cố
 Từ xứ chân thật đã xuất sinh
 An trụ tất cả môn tương ưng
 Đắc đại Niết-bàn lạc tối thượng.
 Như Lai đã được lợi hơn hết
 Từ bỏ tự lạc mà không vương
 Dẫn chỉ xứ an ổn thế gian
 Rộng vì chúng sinh nói chánh đạo.

Quy mạng Đại giác tôn
 Hiện chứng đạo chánh giác
 Người không tu phạm hạnh
 Phật khéo vì kiến lập.
 Phật là bậc tri đạo
 Bậc biết đạo nói đạo
 Phật là chánh đạo tôn
 Các đạo đã quy hướng.
 Phật từ minh chiếu sinh
 Lại là bậc trí sinh
 Nghĩa sinh cùng pháp sinh
 Khéo nói nghĩa sáng rõ.
 Bậc các nghĩa xuất ly
 Trong người: Đại sư tử
 Trong người: Đại tượng long
 Trong người: Đại tiên vương.
 Trong người: Bậc chánh tri
 Trong người: Trí dũng tôn

Trong người: Thắng không sánh
Trong người: Cực tối thượng.
Trong người: Thư diệu sĩ
Trong người: Hoa sen trắng
Không sợ cùng không hãi
Không khiếp cũng không nhục.
Phật là bạc lìa sợ
Vô úy, không vội tranh
Sợ hãi hiểm nạn trừ
Đoạn dứt các nạn sợ.
Từ ra khỏi cảnh sợ
Lại khiến tha cũng xuất
Tự đoạn dứt nạn sợ
Lại khiến tha cũng đoạn.
Tự vượt biển nạn sợ
Lại khiến tha cũng vượt
Lìa vui lông thân dựng
Lìa sợ lông thân đứng.
Phật thắng không sánh bằng
Cũng lại vô đẳng đẳng
Công đức không thể nêu
Đã hơn mọi xưng lượng.
Lại không thể lấy tương
Cũng không đều phân biệt
Bổ-đặc-già-la hơn
Chỉ là một không hai.
Phật là trí tự nhiên
Mà không người đồng đẳng
Rộng lợi các chúng sinh

Đánh lễ Nhất thiết trí.
Chư thiên, người thế gian
Trong Phạm Ma Sa-môn
Phật là tối thượng tôn
Lại là bậc vô thắng.
Phật bảo rất hy hữu
Nhưng cũng lại khó được
Gặp Phật bảo xuất sinh
Thật hy hữu khó đạt.
Phật là mắt rộng lớn
Lại là ánh sáng lớn
Đại diệu đại minh chiếu
Đèn lớn đuốc sáng lớn.
Sáng rực lớn không ám
Đã được pháp hơn hết
Căn lực giác đạo tròn
Không cùng Thanh văn chung.
Nếu không sự lợi ích
Nhu Lai tức chẳng sinh
Không lợi chẳng hiện hóa
Không lợi cũng không ẩn.
Phật vì các quần phẩm
Lợi ích nên xuất sinh
Bi miễn các thế gian
Tạo những sự lợi lạc.
Ở trong các trời, người
Phật là bậc chánh kiến
Dùng pháp luật chánh đạo
Chỉ dạy khắp hết thảy.

Lại trong tất cả chúng
 Phật là kính ái tôn
 Đều khởi tâm kính ái
 Tạo quán tưởng tôn trọng.
 Phật là chốn thân cận
 Cùng tùy thuận cung kính
 Đánh lễ kiến chân như
 Báu an lành tối thượng.
 Tuệ nhãn Phật sáng tỏ
 Lại từ tuệ nhãn sinh
 Mở phát lửa tuệ sáng
 Giữ đuốc tuệ lớn rộng.
 Đèn tuệ cháy sáng khắp
 Tuệ lớn trừ các ám
 Tự tánh tất cả tánh
 Như Lai đều chiếu rõ.
 Như Lai tuệ căn thẳng
 Vì diệu lại hơn hết
 Như Lai tuệ lực lớn
 Không gì khiến khuất phục.
 Chưa tuệ tài vô tận
 Đủ tuệ báu vô giá
 Dùng đạo tuệ sắc bén
 Nắm khí trượng tuệ hơn.
 Cầm kiếm tuệ nhọn sắc
 Tuệ không rơi không giảm
 Phật khéo mở chánh tuệ
 Hiểu rõ hết thấy pháp.
 Tuệ rộng làm cung điện

Bậc chánh trí ở yên
Tuệ kiên cố làm tường
Vây quanh mà giữ kín.
Chánh tuệ không nghĩ bàn
Là thêm bậc tiến đến
Tôn không khuất phục thẳng
Tâm an trụ không khác.
Không bị tha khuất phục
Cũng lại không giữ lấy
Mà ở trong ba cõi
Bậc tức nên cúng dường.
Hết thấy hiện quán xét
Hết thấy không vương mắc
Chỗ nên biết đã biết
Chốn nên lia đã lia.
Nơi nên đạt đã đạt
Việc làm thẳng đã làm
Sự mình đã tròn khắp
Vì thế gian dạy trao.
Phật là vị đại Thánh
Tinh tấn chưa từng có
Đã an lập thanh tịnh
Hành rộng lớn hy hữu.
Hiện chứng đạo tối thượng
Pháp hy hữu khó xét
Đạt được câu tốt bậc
Uống cam lồ Niết-bàn.
Nhỏ bật gốc lười ái
Dứt các cội lỗi làm

Khéo hành không dị biệt
Pháp không nhiễm hiện rõ.
Sinh thiện cùng thể thiện
Thắng thiện mà xuất gia
Gốc thiện từ nơi đến
Đánh lễ bậc Thiện lai.
Không động chẳng nghĩ bàn
Bậc trí tôn trong trí
Dua nịnh lỗi nhiễm, trừ
Đã qua biển phiền não.
Hành giải thoát tương ưng
Giải thoát các trói buộc
Đã được tâm không thủ
Đã hết tất cả lậu.
Đã cùng biên lỗi lầm
Đã trừ tất cả độc
Đã đoạn hết thấy chướng
Đốt sạch các lưới kiến.
Ngôn tà vọng hiện có
Cùng thấy nghe tà vọng
Niệm tà tạo sự tà
Phật tất cả đã là.
Các pháp uẩn xứ giới
Tùy rộng lược khéo nói
Nương dựa tịnh không buộc
Trong những nương dựa, thắng.
Không người cứu, làm cứu
Không người quy, làm quy
Các kẻ không hướng đến

Phật vì làm hướng đến.
Đã qua biển sinh tử
Vào khắp các cảnh giới
Xứ hiện hóa đã hợp
Hết thấy đều hay đến.
Những kẻ đọa nẻo ác
Phật luôn biết luôn nghĩ
Tức dùng phương tiện thiện
Vì khắp để cứu độ.
Không tham cùng không sân
Không si căn thiện đủ
Thân đại, thân thường trụ
Bậc bi mẫn, lợi ích.
Thân trù thích chủng phục
Rộng tạo sự an lành
Lực tinh tấn hy hữu
Bậc đại trí biết đúng.
Pháp giới nhẫn chân thật
Nội tâm luôn thanh tịnh
Lớn rộng lại sâu xa
Đầy đủ các công đức.
Ánh sáng lớn chiếu rõ
Điều phục tâm sạch trắng
Như nước lắng trong sạch
Thiện chủng hiện viên mãn.
Mắt thanh tịnh thế gian
Hoa Ưu-bát-la xanh
Quảng đại mà thù diệu
Hiện khắp mười phương cõi.

*Tánh lặng dừng nhuần thắm
Nhất thiết trí: Trăng đẹp
Phật đức rộng vô biên
Thế nên con xưng tán.*

HẾT – QUYỂN HẠ

SỐ 1682/1
THẤT PHẬT TÁN BỒI GIÀ THA

Hán dịch: Đồi Triệu Tống, Đại sư Pháp Thiên.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).

1. *Tán Phật Tỳ Bà Thi*: Nhặt nga nại ngu long dững thuật la năng la lộ ca bố nhĩ đặng ngật lý bá bát trá dụng bả la hí đát mộ khát xoa ni xả tuyên vĩ bát thủy già năng để lý bà phược ma hộ già bá la nghiêm năng ma nhị đặng tô, nga đá nga để dụng đát tha nga đát âm.

2. *Tán Phật Thi Khí*: A nan đá bá lê bà phược sa nga lê tất nhị nật ma nhạ duệ ma năng bát la xả minh khát sử già lộ tuyên bát la ca thủy cầu duệ năng hê đá đã đạt mô năng mô tốt đồ đát tát muội thức xí ninh nhĩ năng đã.

3. *Tán Phật Tỳ Xá Phù*: Văn vĩ thập phược bộ vẫn một đặng tán nại la ca địa yết để nhạ tăng sa nga lô già nhị phược nga đặng nghe đã ni, năng vĩ năng duệ năng tạt.

4. *Tán Phật Câu Lưu Tôn*: Đã tát duệ nỗ la thủy minh bát la để muội lý đã thú tử la lãng ngật lý đá bà để phược tôn đà lý diễm úc nỗ muội phược lãm bỏ sáp bá nhị phược na bộ đặng, đặng vẫn ni ngật la củ tế nại ma hạ mẫu ninh nại lãm.

5. *Tán Phật Ca Nặc Ca Mâu Ni*: Vĩ ta lý noa vĩ nga đát mặt lệ năng tức đát sa vĩ la nghĩ noa tát đát đát ê đá nỗ ca lý noa hát đát

đát mô vĩ nga đa muội năng duệ năng đặng tô la tức đặng yết năng
yết mẫu nật năng ma ma dã hám.

6. *Tán Phật Ca Diếp Ba*: Bát la đát bát đát tả nhị ca la la thấp
minh ngẫu lằng sa hạ ta la tổ lý dã địa ca ni bát đá đế nhạ tăng lộ
cú đát mông tát phược nhả năng tị vẫn ninh dụng vẫn na muội dã
hám ca xả bát năng ma địa dụng.

7. *Tán Phật Thích Ca Mâu Ni*: Vá chỉ dã thuật nhạ lệ bát la
để mạo hằng lộ tuyên tổ lý diễm thuật nhạ lệ lý vạt bát na ma sán
niễn dữ nật một lý đá thiết chỉ giã mẫu nật bát la ni bát tát đát tát
muội năng mạc bá la ma ca lỗ nĩ ca dã thiết tất để lý.

8. *Tán Bồ tát Tì Thị hóa chủ vị lai*: Muội đát lệ dã năng ma
đồ sử đá la dã tát thổ dã tát duệ ca nhạ năng ma đát lý đá ê mạo địa
lỗ đát bát thực đế nhiếp tô nga đá tát lật thể vĩ diễm. Tát phược đát
ma năng hãm bát la noa đồ thấp minh đát tát muội.

* *Bài tán kết hồi hương*: Tốt đồ đát phược ma dã tấp bát đá
nhĩ năng năng để đá năng năng nghịet đặng tả sắt trá ma mạo địa
tát đát vẫn dã đát bôn ni dã mả sa sĩ đát ma bát la nhĩ diễm nật la
mạt dã tát đế năng bà vẫn đồ tát đát phược tấp bát đá nhĩ năng tát
đát phược tam ma bát đá.

Bảy Phật quá khứ con tán xong

Tiếp xưng dương vị lai Tì Thị

Vô biên phước lợi con tạo được

Nguyện các chúng sinh đều giải thoát.

Thất Phật Tán Bồi Già Tha.

HẾT.

SỐ 1683/1
KIỀN TRUY PHẠN TÁN

Hán dịch: Đồi Triệu Tông, Đại sư Pháp Hiền.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).

Dạ bố lý văn mạo địa mô lệ la vĩ nga ma năng ba thể ma la nga nga lã nga nga nga lã, nga nga nga lã, nga nga nga lý già năng già già năng, già già lý, đà đà tán năng, đà ca sát dạ tất đất lý ty lý ni, vĩ dã lỗ bối, lý nỗ nỗ bát đề nỗ nỗ ty lý nỗ. Nỗ nỗ ty lý nỗ nỗ ty, sô bạn nãi phược nỗ dạ, đa tô la năng la năng di đa bát, đa phược thiết chỉ dã tăng hạ.

Dạ kiến na lý ba, nốt bà năng nam ca hạ ca ca hạ, hạ hí hạ đề bát la hạ tái. Lý dã tất di năng noa dần ma la nản năng trí đa đa trí đất trá đất trí trí đề bát la, la bối câu đất câu độ độ, câu đất câu tức đất câu la tức câu hạ la tức đa chi ca la nản tả phược nốt ty nỗ đất đất la, tô tốt đồ táo ma dã tô lỗ đa sa ca la phiên đa duệ mạo mô nhĩ dần nại la. Bộ lỗ sát bá bạ cam nga bạn nga sa ma la xá la sa la sa đất ba sát ma đa la sát ba đại bát não trà nam căng nga năng nam la lệ đa bộ nhạ la đa, la sa lệ la bát đán nga sa một lý noa sa tất di đồ ngật đế ca la một lý nỗ mật độ la mô na la muối phược tô ty bộ lãm đán tức đồ năng tức đất lại sa ma la phược la nhạ duệ nỗ dã tả đất sa muối năng mô tốt đồ.

Ô lý vĩ tán tả la diễn đa khư la thi la nhĩ ca lý giới sa tha, na diễn đồ đất đa lý sạn nhập phược la ty cốt lỗ đà phược hý nhĩ nhập phược la đa nại xả ni xá sô bà diễn đồ một la thủy hý lộ đất khư

đa tất tác yết la yết la ca tả bát trụ la phược la vĩ ni sờ ma la vĩ la
muội đất lý thiết tất đất lý noa duệ năng bát la ta bà ma ty nhĩ đa
bát đa mạo táo mô nhĩ diễn nại la.

Nhĩ vĩ tắc phổ lý nhạ cảm nhạ đa câu ba bát la ca trí đa vĩ ca
trá tắc phổ trá nhĩ lý cù sa cù la nga lý nhạ cảm nhĩ mô đa nhạ la
bát la ca trá nga nhạ già điều trá cú, ba phược thám đà ca lãm tán
na lý bố na ma phược hý nhĩ tắc phổ la na tất chỉ la ni sờ nốt bà tất
đa thể sa vĩ dựng mằm bổ sát bẻ số tái nhĩ dã mô tái tạc hạ trí để
vĩ già trí đán duệ năng một đà tam mạo đệ dã đa.

Nị phê la ca lân noa bố lý ca ma la na la nhĩ ty ba sát ma lệ la
vỹ lộ lại bà phược tất nhĩ nga phê lý vĩ na nga phê bát la tả lệ đa
la lệ đái sa tất di đái lý bộ vĩ la tái nhĩ đất lại lý ma lãm nga năng
nam ba lý nga đa la bà tái lý lộ hý đán đái la phiến đái năng ngật lý
sắt trá tất lý phược tha dã sa đa ma hạ một lý sử phược lãm ma đa
nỗ sám năng ma di. Nỗ nốt bà lãm đán dã tả tức đán tắc phổ trá vĩ
ca trá sa trí giới tăng ca trí giới lý lộ la nhĩ hạ phê ma lý giới thâm
la nga la hạ tất đái lý nga nhạ đồ la nga mục khế tăng hạ sa lý nỗ
la phược ngật đất lại bát la nhĩ dã ma đa ca ma nỉ phược tất đất lý
noa phược na nga ni đồ duệ năng tăng sa la ty lỗ tam một đà bá đồ
dũ sát mạn vĩ dã ba nga đa lỗ số lộ ca năng độ mô nhĩ dần nại la.

A sô bà dã dã tả một đệ lý đà la ni năng nga năng nỉ sa nga
lãm bộ đà la nốt ty lý nga lý nhạ nốt ty lý ma la vĩ lý lý vĩ lý
phược thiết đa mục khế lý cù la lỗ bôi la nam đái duệ năng táo bổ
sắt ba ké đô tất đất lý noa phược na nga ni đa tất lý phược vĩ đệ đa
la nga sa thất lý mạn một đà vĩ la ca lỗ sa bà dã hạ la bát đồ mạo
nhĩ lý vĩ ca la.

Ma la nhĩ ké lý ma hộ khế la tất ba la thuật đà nỗ thiết ngật
đế thâm la nga la hạ tất đế lỗ ca ba đái la nhĩ ké lý na hạ năng ba
trụ la phê lý ty sát ni sờ lý ty ma năng nãi năng sô đặc văn dã tả
tức đán nghệ lý lý phược năng tả lãng nga trà ba lý diễn ca phược

đạm đán mạn nữ văn na nhĩ diển đát lý bà phược bà dã hạ lăm một
đà vĩ lăm tô vĩ lăm.

Ô tái la trá trá hạ tái bát la ca trá ba trụ đát trá măn đà kiện
trá la nản đán. Tán trá ba tái phổ trá trá hàng ca tái phổ trá nhạ trí
la nhạ trí khản ca la câu trá la sát bà nga nam ca lý đồ nấng thiết
ngật đa ba trụ ba trá hạ trụ sa phả la nấng dã tả mạo mạo cáo. Đát
lý bát đa nam nga lý đà la câu trí ba trụ ba trá hạ ba trụ tô sa đa
mạo một đà lý la.

Câu kiến nản la ma lăm nản bát la đề bà dã câu hạ nản niết
lý ba noa nản la noa nản. Nản mạn nê dâm mạn noa nê dâm ma ni
sở hạ ni sở hạ ca ni sở hám tất đát lăm, nga la tất đát đát lăm, nga
la sa đát lăm tạc hạ một lăm thế một lăm một lăm tạc hạ thế một
lăm khư mô khư mô cụ cụ mạn cụ cụ mạn cộng cụ mạn cộng ế ty
lý phược nãi lý nấng ty đa tô la la la di đa bán đa phược thiết chỉ
dã tăng hạ.

Diễm ma la tả la đà la tam ma dã sa ma lăm bà tam lăm bà
mục ngật đán nấng ngật đán nam căng nga nấng nam mục khư ca
ma la phược nam thất lý vĩ ba lợi ca ba xoa tam ma dã tam mạo,
địa la sát di thiết thủy nấng di phược xá la đát kiêu mô ni tam bát
la duệ ni đát tể diễm đà ma nỗ đề đặc phược nấng đề bà nga phược
đồ đát lý ma la nhạ tả hiển ni.

Nhĩ già nam nấng bát la bát đa đát lý bát đề xoa noa ma bé
ma bé vĩ tá la đề diển đa câu diển na lăm đa đán nhĩ sát bát đa, nhĩ
dã tức đa câu lỗ đa tô tả lý đế sát sá na lăm tất lý phược ca lăm y
đát đạm la đát nấng đát la dạ nghệ dã di phược phược hạ đề mô hộ
bát la ni nam dã tả thế sa duệ sảm mạn na dã ma nấng bát la thể đa
mục khư la ni nga mạn noa la đát lý ma hiển ni.

Mạn lý đa noa mạn noa la di mạo nỗ nga nản vĩ nhĩ đề dã bà
đề hạ đề lý thể ca nhạ nam nhĩ nấng xá sa nam tả. Lăm la ma dã

đế đà la ni mạn noa la mạn noa năng tả hiển ni dạ ma tả nhạ đã nê
dâm ni ma phược đất bát la tán noa.

Dạ thất tả đất vãn năng niết lý trà đất vãn nhạ di nhạ di ni sở
ni sở mạn lý dần nhạ ni dần nam ni năng ni nản mạn nê dâm mạn
noa nê dâm, mạn noa bà noa bà ni sở, ni sở bạn năng ni bà năng ni
bạn nản lăm ni dần lỗ nê dâm lỗ lỗ nê dâm đã la la phược khur khur
mạn khur khur mạn khur khur mạn, khur dạ thất tả đất phệ nhĩ phược
lộ kế nại xá phược la phược lệ nặc bé noa đã đế ma la tái nhĩ đã.

Bộ kiếm bổ đất kiếm ba nhạ đa bát la tả lệ đa phược tô phược
kiếm ba đế di lỗ la nhạ ô đất la sa đa ni phược tăng già nga la hạ
nga noa kế la noa năng nga la nhạ tam ma sa đa tô lỗ đất phược
hiển ni bát la tán nản vĩ vĩ đà bà đã ca lý dần đế lý thể ca nam mạo
đà nam phiến đệ hý đồ bát la đế la noa đế ma hý la phược diễn đế
phược tăng kiện.

Ế sa vĩ hạ la thủy khur lý bát la vĩ lỗ đế hiển ni. Di già sa
phược nhĩ phược câu lỗ đế đế ma nỗ nghệ đã cù sa ma đế phược
phược đất sa la đa dạ tô phược hý lý nga đán thất tả bổ đất lăm sa
ma hạ phược đã đế bộ nhạ năng ca la hiển ni.

Tăng sa la tác yết la ba lý ma lý na năng đa đất ba la tả. Một
đà tả tát lý phược ngu noa la đất năng vĩ bộ sử đất tả. Năng nan
ca lỗ đế tô la nỗ nại la tỵ đồ la đã cù sa hiển ni sa ma sa đa nỗ lý
đa nhĩ vĩ na la diễn đế ế sa hý hiển ni la noa đế năng nga nản. Tam
mạo phược nhĩ ni phược năng la tô la nản bà nại la thất lý ni ở đặc
vãn tô nga đất tả hiển ni. Ma bổ lý đán tỵ sô nga nãi sa ma nga lý
năng nghệ tam mạn lý đa ca la sô tỵ đa nhạ la đà la ca la phược đà
dụ di nhĩ chỉ la ni ca tất di la đặc vãn thiết thương ca bà đã tả kế
đa nhạ năng sa đa đất bát la đế ca la hý đồ câu lý vãn đế đã nhĩ đã
bé đã tả đặc phược nhĩ mô ba xá di đa thủy sa đế lý thể phược lệ
diễn sa hiển ni bát đa dụ sắt mạn sa ca la mô nhĩ phược lý giới sa
tha bé đa đạt lý ma một lý thái.

Ê sa tô la tô la ma hộ la nga sa đát ngật lý đát tả phiến đễ ba la mô ba nga đát tả đát tha nga đả tả hiên ni la noa đễ đả ma la nộn nồ ty đô la đả cù sa ngật lý la nhĩ đả đễ lý tha hỷ lý na đả nhĩ vĩ na la diễn đễ bố la đả đát ba la ma năng sa bà phược đả bộ bà phược lăng nga ba phược lý nga bát la nhĩ ba bán noa lăng nga đễ na đả kiếm câu lỗ đả ma lộ ca thất tả lăng nhĩ vĩ đản y xán ma đỉa đả nhĩ lệ năng bộ lăng nga vĩ lỗ đái lý nhạ la bán năng dạ đả tức lăm. Ma la lý thất tả la noa nhạ dụ vĩ nhĩ hỷ đả bổ sắt bán nhạ lệ bán đả phược.

Môn tả nột ty câu sa ma nhĩ đát lý lý đả la ni đái la đả nột ty lý ni thân tổ tổ đần ca la bố la sa lý giới tô la nga nãi thiết yết la ni ty sa na lý giới sa phược lăng nga nhĩ đả tả bộ văn kế la phược đả la đồ nan đả nồ dạ đát la tức lăm đát tả phược diễm ca lỗ noa nhĩ đỉa lý bà nga phược đồ hiên ni bát la tán noa nhạ nga đả. Nga đát phược sa bát đả ế na nhĩ mạn đả lỗ na lăm nhĩ sắt ca la đả ma đát la sa phược diễn. Tăng sa la đệ la đễ đựng ca lỗ đễ đả hạ di đễ bố lỗ phược tả dụ năng la ba vĩ đả tả năng la ba bà vĩ phược bộ phược phược tả nam bộ la nhĩ sắt noa ty phược nhĩ đản. Bộ dạ đả tô nga đát tả đát tả nhạ duệ noa hiên ni đả ma khiếm ni nhĩ.

Nhĩ đát phược ma la phược lăng ma hạ bà đả ca lăm ngật lý đát phược tả nồ sa xoa diễm tát lý phược nghệ đả ba na ma ba đả tô lỗ tức lăm đát đát lại đỉa la đát la phược hỷ đát tả thủy sa ngu noa ca la tả tô đỉa dụ một đả tả thuật đả đát ma nồ hiên ni khiếm ni đả tán noa chỉ la ni sa đả dạ đệ bộ đễ đả niết lý nản.

Một la hám ma y phược bà phược tô la ngu lỗ nga lý văn nhạ hộ tát lý phược tha tát lý phược khư lý phược ma đễ lý phược bộ phược bà nga văn vĩ sắt noa thất tán noa sắt ni nga đả y xán diễn ngu noa chỉ lý đả nhĩ số vĩ một đả dạ đản hỷ lý dạ mô ca đản hiên ni đát tả mô nhĩ lý nhạ nam bà đả ty na ba dạ na bá diễn nhạ năng năng.

Dạ tả nhạ cảm ma nhĩ nĩ năng ma đa đã bát la bố thâu tán đề lý thể ca hạ lý sa vĩ thủy sa phược đề đa vĩ dụ mạo cáo đà đạt lý đề dụng lễ ty da ma sa nhĩ đã ngu ma bát la diễn đề vĩ đa đề dụng nỗ sa một la nhạ cảm đề xoa diễm sa hiển ni ca lệ ca la chỉ lệ kế sa hạ la bộ dạ nột bà phược bộ đa duệ diễn năng đất phược vĩ vĩ đà vĩ thuật đề ma đa dụ nga xán đề dụng đán căng nga đề dụng đã sa diễm lợi bát la đa lãm bát la diễn đề vĩ phược xá tát lý vị, vĩ ba xoa xoa diễm đặc phược sa đa vĩ đã sa đa sa ma tô mô hạ ba trá la sa đạt lý ma hiển ni mô nhĩ. Tam bộ đã nột bà phược bà vĩ tam một đà sa đề nĩ dữ sắt ma ca ma dữ sắt ma đán.

To lỗ đất phược diễn bát đề đa ma hý đa la ma lăng một la hám ma na đã sa phược lý bộ phược kiếm ba đế đà la ni đà la sát đế la bẻ sát bát la nga đa sát ma đa lăng đề lý thể nam bà đã ca lý ni ba la hý đa bát la, lãm bà thuật đà đất ma nam mạo cáo đà năng mô ba phiến đa duệ sa ba nĩ xá tán đa nhĩ đã đán hiển ni kiếm.

Kiên Trùy Phạm Tán.

HẾT.

SỐ 1684/1

BÁT ĐẠI LINH THÁP PHẠN TÁN*Tác giả: Giới Nhật Vương tạo.**Hán dịch: Đồi Triệu Tông, Đại sư Pháp Hiền.**Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).*

Nhạ đỉnh mạo đình bát la phược la mặt đồ lãng. Đạt lý ma tác
 ngật la tả la miêu đài đế dương tả ni dương đế lý bộ phược na ma
 hý dương thất lý ma hạ bát la đề hạ lý dương tát tha nan tế năng
 hý ma nghĩ lý nhĩ la dương ni phược ni phược phược đa la. Mãn
 ni hát bát la noa ma đa thất la sa nhĩ một lý đa duệ đất la một đà.
 Phệ xá lương đạt lý ma tát ngật lệ thất thân ma nghĩ lý đất trí. Tỳ
 sắt ma ca du điệt đế lệ. Thất la phược tát đa mạo đề mộ lê câu thi
 na nga la phược lệ long di nhĩ ca tát la khế duệ. Kiêu thiêm dương
 tát thổ la cô sắt trí mặt thổ la phược la bỏ lệ nan na ngô bá tả la sắt
 trí lệ. Duệ tả thiết thân xá tốt đồ đài đa nại xá phược la phược lý
 na tát đán na mặt tả di mộ đạt na cát tháp di lệ tế na ni thi khiết sa
 đất trá dã mâu nê mặt lý phược lệ tinh hạ lê phược la nùng nại lệ
 tân độ bao nại lệ, tam ma đất trá ma nghiê đề mặt khiết lê cô tát
 lê phược nê bá lê ca ma lỗ bế cát la xá phược la bỏ lệ cán tức tao
 la sắt trá la la sắt trá lệ. Duệ tả thiết thân đà đồ nga lý bà nại xá
 phược la phược lý na tát đán na mặt tả di mộ đạt na cai la tế hệ mặt
 cô, trí hý ma nghĩ lý nhĩ la duệ. Mãn nại lệ di lỗ thất lãng nghê. Bá
 đất lê muội nhạ diễn đế đạt na bát đề nhĩ la duệ, tát đà hiển đạt lý
 phược, lộ kế một la hồng mãn ni vĩ sắt nữ bộ mạo bát du bát đế bà

phước nê. Tán nại la tổ lý giã nỉ lộ kế. Duệ tả thiết thân đà đồ nga lý bà nại xá phước la phước lý na tát đản na mộ tả di mộ đạt na. Duệ tả sắt tru đà đồ nga lý bà nại xá phước la phước lý na. Công bà tăng nghe giã, thất tả tái đa. Áng nga la khế giã tát đát tha thiết thân hý ma la nhạ đa nhĩ bà, tốt đô ba la đát na bát la ca xá. Bá đa lê duệ tả bộ dương nghĩ lý thất khiết la nga đa. Tát lý phước đô đà đồ nga lý bà một đà nam dạ nhĩ dân ma bát la đề nỉ na ma thiết ngật lý. Đa nhĩ mộ đạt na na ma di. A sắt trá ma hạ tái đa mẫn nại na tam ma bát đa.

Bát Đại Linh Tháp Phạm Tán.

HẾT.

SỐ 1685/1**KINH PHẬT THUYẾT BÁT ĐẠI LINH THÁP DANH HIỆU**

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Bí-sô: Ta nay xưng dương về danh hiệu của tám linh tháp lớn, các ông nên lắng nghe, Ta sẽ vì các ông mà nói rõ. Tám linh tháp đó là những gì? Đó là: Thứ nhất là vườn Long Di Nhĩ trong thành Ca Tỳ La, là xứ sinh của Phật. Thứ hai là nơi cội cây Bồ-đề, bên sông Ni Liên thuộc nước Ma Già Đà, là chốn Phật chứng đắc đạo quả. Thứ ba là thành Ba La Nại thuộc nước Ca Thi, là xứ Phật chuyển đại pháp luân. Thứ tư là vườn Kỳ Đà thuộc nước Xá Vệ, là xứ hiện đại thần thông. Thứ năm là thành Khúc Nữ, là xứ từ cung trời Đao Lợi giáng hạ. Thứ sáu là thành Vương Xá, là xứ có các Thanh văn phân biệt, Phật vì họ đã hóa độ. Thứ bảy là hình tháp ở thành Quảng Nghiêm, là xứ nhớ nghĩ về thọ lượng. Thứ tám là khoảng giữa hai cây lớn trong rừng Sa La thuộc thành Câu Thi Na, là nơi chốn Phật nhập Niết-bàn. Như thế là tám linh tháp lớn. Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Thành Ca Tỳ vương đô Tịnh Phạn

Vườn Long Di Ni xứ Phật sinh

Bên sông Ni Liên: Ma Già Đà

Nơi cội Bồ-đề thành Chánh giác.

Thành Ba La Nại nước Ca Thi

Chuyển đại pháp luân mười hai hành

*Trong Kỳ Viên, đại thành Xá Vệ
 Hiện thân thông đầy khắp ba cõi.
 Thành Khúc Nữ nước Tang Ca Thi
 Từ cung trời Đao Lợi đi xuống
 Đại thành Vương Xá, Tăng phân biệt
 Như Lai khéo hành hóa từ bi.
 Trong linh tháp đại thành Quảng Nghiêm
 Nơi Như Lai nhớ nghĩ thọ lượng
 Đất đại lực thành Câu Thi Na
 Hai cây Sa La nhập Niết-bàn.*

Tám đại linh tháp như thế, nếu có các Bà-la-môn và các thiện nam, thiện nữ v.v... phát tâm tin lớn, tu sửa bổ, kiến tạo tháp miếu phụng thờ, cúng dường, người này tức đạt được lợi ích lớn, có được quả báo lớn, đầy đủ tiếng khen lớn, danh tiếng hiện bày khắp, sâu xa, rộng lớn. Cho đến các Bí-sô cũng phải nên học

Lại nữa, các Bí-sô ! Nếu có thiện nam, thiện nữ tịnh tín, có thể ở nơi tám linh tháp lớn ấy, đang trong đời này chí thành cúng dường, thì những người này mạng chung, mau chóng sinh về xứ trời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo các Bí-sô : Các ông nên lắng nghe! Ta nay sẽ nói về du hành, dừng nghỉ nơi thành nước cùng nơi trụ thế. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Hai mươi chín năm ở vương cung
 Sáu năm núi Tuyết tu khổ hạnh
 Năm năm thành Vương Xá hóa độ
 Bốn năm ở tại rừng Tỳ Sa.
 Hai năm an cư Nhạ Lý Nham
 Hai mươi ba năm dừng Xá Vệ
 Thành Quảng Nghiêm và vườn Lộc dã*

*Ma Câu Lê cùng trời Đạo Lợi.
Thi Thâu Na và Kiều Thiểm Di
Tháp báu, đỉnh núi cùng đồng rộng
Xóm làng Vĩ Nỗ, Phệ Lan đế
Thành Ca Tỳ vương đô Tịnh Phạn.
Những Thánh cảnh này đều một năm
Thích Ca Như Lai đều hành trụ
Như vậy tám mươi năm trụ thế
Sau đấy Mâu Ni nhập Niết-bàn.*

Kinh Phật Thuyết Bát Đại Linh Tháp Danh Hiệu.

HẾT.

SỐ 1686/1
**HIỀN THÁNH TẬP GIÀ ĐÀ NHẤT
BÁCH TỤNG**

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thiên Tức Tai.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).

*Đánh lễ tất cả xuất thế gian
Biển công đức trên hết ba cõi
Lửa trí thiêu đốt phiền não cấu
Chánh giác con nay quy mạng lễ.
Đánh lễ hay trừ hiểm sinh tử
Cạn hết biển tham si ưu não
Phá núi nghiệp tội trần lao kia
Con nay quy lễ pháp bảo diệu.
Đánh lễ xưng tán hết thầy Phật
Tám hành Thánh đạo tạo trang nghiêm
Thiền định vô vi dần tròn sáng
Con nay quy lễ Thánh chúng bảo.
Kho báu trong cung, các lâu gác
Vàng ngọc, ma-ni lớp lớp sáng
Chân châu, anh lạc trang nghiêm rộng
Trăm ngàn trời người thường du hành.
Nếu được an cư trong thiên giới
Nghiêm tịnh chùa Phật được báo này*

Tín tâm quy kính nơi Tam bảo
 Cúng thí tài vật vào Tịnh xá.
 Thọ hưởng diệu lạc trời người rồi
 Tức được quả Niết-bàn tịch diệt
 Tịnh xá lâu năm nhiều hư hoại
 Trùng tu, nghiêm sức cúng Phật Tăng.
 Thường được diệu lạc trụ người trời
 Cũng được quả Niết-bàn tịch diệt
 Nếu nơi Tịnh xá thí vườn rừng
 Tọa cụ, y phục cùng thuốc men.
 Lại gặp đời ác, lúc đói nạn
 Thí chúng sinh kia vật ăn uống
 Như thế đạt được phước vô biên
 Cùng được bảy Thánh tài bậc trí.
 Tiêu trừ hết thấy khổ đường ác
 Mãi thọ giàu lớn không cùng tận
 Xứ chư Phật Như Lai hành trụ
 Nếu người đến rồi sinh cung kính.
 Phụng sự cúng dường cùng nghe pháp
 Tin sâu, tu học, nương giới hành
 Sẽ được vô biên quả rộng lớn
 Ví như biển cả thăm thẳm sâu.
 Dùng vật so tính là không thể
 Phước đức nhân duyên cũng như thế
 Nếu người tu tạo nơi Phật điện
 Gió mưa lạnh nóng chẳng thể hại.
 Trước tiên chúng được pháp tịch diệt
 Hết thấy trọn đầy theo ý nguyện
 Nếu người tô vẽ nơi tượng Phật

Buồn lo, bệnh tật đều thoát khỏi.
Lại được sinh thiên thân thẳng diệu
Trí lớn an lành cùng tôn quý
Nếu người trùng tu nơi tượng Phật
Sẽ được thân bền chắc không bệnh.
Sắc lực sống lâu các tướng đủ
Sau được vui tịch tĩnh Niết-bàn
Ưu não tranh tụng đều diệt trừ
Dũng mãnh biện tài người khen ngợi.
Điều phục các căn lại siêng gắng
Tất cả trang nghiêm, chúng cung kính
Nếu người tu tạo tượng chư Phật
Xa lìa lỗi lầm được sinh thiên.
Phú quý đoan nghiêm người người kính
Hết thấy phước đức đều đầy đủ
Tháp miếu hư hoại nếu tu sửa
Người này không bệnh, thân viên mãn.
Tất cả quả đáng yêu thế gian
Vô số tùy tâm đều gồm trọn
Nếu tạo tượng Phật và tháp Phật
Hình lượng rất nhỏ như hạt gạo.
Không chỉ trên trời cùng nhân gian
Quyết định làm vua hưởng diệu lạc
Có sắc, không sắc sinh cũng vậy
Phú quý vô biên không thể lường.
Sẽ lìa khổ sinh, già, bệnh, chết
Cứu cánh quả Phật Bồ-đề tròn
Nếu nơi tháp miếu đặt Xá-lợi
Cùng vẽ tượng Phật mà cúng dường.

Được ánh sáng trí chiếu đại địa
 Thiện Thệ tịnh diệu, Phật phú quý
 An trụ vô biên cõi chúng sinh
 Đồng vào tánh bình đẳng vô tướng.
 Nếu ở trên đỉnh núi tĩnh lặng
 An trí tháp Phật và tướng Luân
 Hình lượng dù như lông ngón tay
 Sẽ sinh trong hết thấy người, trời.
 Đoan nghiêm, giàu lớn, sắc lực an
 Sau làm thiên tử trời Ba Ba
 Nếu người dùng tay mở tháp Phật
 Sẽ được phú quý và đầy đủ.
 Thân thể sáng sạch tâm hòa dịu
 Biết nhiều, tánh tịnh, không sân hận
 Nếu có người trí hành bố thí
 Cúng Phật hương xoa cùng bạch đàn.
 Dâng các loại hương như Câu-ma v.v...
 Sẽ được quả đáng yêu thích lớn
 Nếu người tin Phật, sinh hoan hỷ
 Dem hương hoa diệu và âm nhạc.
 Đủ loại cúng dường Phật Như Lai
 Sinh thiên chiêu cảm ao báu vàng
 Dùng nhụy sen ao kia hương ngát
 Khấp thân thấm đượm mà tắm gội.
 Nước Mạn na cát nỉ trong sạch
 Người vào trần cấu tự nhiên trừ
 Sóng cả vỡ tung tỏa hương lạnh
 Bờ báu sen hồng nở vây quanh.
 Chúng trời nhìn ngắm luôn vừa ý

Cúng dường Phật Tăng đợc báu này
 Công đức như thế không thể lường
 Cho nên các kinh kết tụng tán.

*Y quý cùng thượng phục
 Thí Phật và thí Tăng
 Sau lúc sinh thiên giới
 Hương y trời tối thượng.
 Xanh vàng các loại sắc
 Trăm ngàn báu Ma-ni
 Dùng để tạo trang nghiêm
 Giàu sang thật vô lượng.
 Diệu lạc cũng vô biên
 Đợc quả thắng diệu này
 Nếu người sinh thế gian
 Tức đợc làm quốc vương.
 Đầy đủ các sắc tướng
 Áo thêu kết thượng diệu
 Vô số hương thù thắng
 Tùy thân luôn thọ dụng.
 Đều do cúng y Phật
 Thành tựu báo như thế
 Nếu có sinh xứ trời
 Đủ loại báu trang nghiêm.
 Thân đeo châu anh lạc
 Đầu đội mũ ngọc báu
 Khoen tai và xuyên vàng
 Giàu an vui như vậy.
 Cúng Phật vật trang nghiêm
 Đợc quả thắng diệu trời*

Nếu làm vua nước lớn
Thân tướng nghiêm sức rộng.
Anh lạc, ngọc Ma-ni
Tiếng ngọc khua vang rõ
Cũng là ruộng Tam bảo
Bố thí vật trang nghiêm.
Kẻ trí tâm thanh tịnh
Dâng cúng Phật vòng hoa v.v...
Trên trời cùng nhân gian
Luôn được nhiều diệu lạc.
Lại trong báo đời sau
Thành tựu hoa bầy Giác
Lại sinh địa Thiên sơn
Mà làm Đế Thích chủ.
Cùng các quyến thuộc kia
Vui chơi trong vườn rừng
Dùng muôn hoa cúng dường
Đạt được báu như thế.
Báu lưu ly, chân châu
Vàng bạc các màu xanh v.v...
Trang nghiêm nơi dù lọng
Tròn đầy như trăng rằm.
Hoặc vua, hoặc đại thần
Dùng để che đỉnh đầu
Nhân này như Phật nói
Thí lọng được báu ấy.
Thoát khỏi ưu não tham
Không bệnh luôn an lạc
Lại làm vua thế gian

Cũng là báo thí lợng.
Nếu nơi tháp miếu Phật
Bố thí các cờ phướn
Sẽ làm Thiên Luân vương
Trên đời không ai hơn.
Xa lìa hết thảy tội
Ở trong các chúng sinh
Tức làm bậc thượng thủ
Luôn được người cúng dường.
Nếu người nơi tháp miếu
Bố thí những chuông mõ
Không sinh chốn tội ác
Thường được tiếng Phạm âm.
Nếu người tạo kỹ nhạc
Cầm, sắt, trống, thổi tiêu
Cúng dường Phật, Thánh Hiền
Khiến nghe tâm vui vẻ.
Sẽ được căn thiên nhĩ
Trang nghiêm luôn thanh tịnh
Lại được tuệ kim cương
Phá vỡ núi phiền não.
Nếu phát tâm tin vui
Dùng hương vị sắc diệu
Các loại thức ăn ngon
Cúng dường các Đức Phật.
Sẽ sinh vào xứ trời
Quyển thuộc cùng tòa báu
Dùng vật báu Ma-ni
Ăn tiệc thượng diệu trời.

Kiếp đao binh, đói kém
Trọn không sinh thời ấy
Nếu người dùng thức ăn
Cúng dường chúng Thánh Hiền.
Sẽ sinh trong người trời
Thức ăn ngon thường đủ
Vô số loại tối thượng
Bậc trí luôn kính yêu.
Hoặc dùng thức ăn ngon
Cúng người xuất gia kia
Luôn được thân giàu vui
Biện tài lại sống lâu.
Sắc lực tướng đầy đủ
Thí thực báo như thế
Nếu dùng tâm từ bi
Thí kia nước mật ngọt.
Các nước tô, sữa, lạc
Khiến kẻ khát thiếu ấy
Uống vào được an vui
Cũng được báo như trước.
Nếu dùng các cỏ thuốc
Ha-lê-lặc, dây rừng
Cúng cho các Thánh Hiền
Sẽ sinh nơi trời người.
Không bệnh lại sống lâu
Mãi được thân an lạc
Lại kẻ thí nước uống
Sau được sinh cung trời.
Cây kiếp hoa tỏa ngát

Chỗ cầu theo ý được
Bình bát cùng rượu mật
Quyển thuộc cùng thưởng thức.
Lại ở nơi cây kiếp
Hay sinh vật trang nghiêm
Xướng ca các nhạc trời
Vui thích tâm thiên chúng.
Cam lộ lại tùy thân
Thí uống được báo áy
Nếu người thết tiệc chay
Sẽ được sinh người, trời.
Xa lìa chốn nghèo khổ
Sống lâu đủ vật báu
Nếu dùng các voi, ngựa
Xe cộ gồm nhiều loại.
Cúng dường Phật, Như Lai
Sẽ được thần thông lớn
Nếu thí các giày dép
Luôn sinh nhà vọng tộc.
Thường có voi, ngựa, xe
Lìa hẳn khổ nghèo khó
Sư trưởng như mắc bệnh
Nếu người chăm hầu hạ.
Sẽ ở khắp các chốn
Chỗ cầu đều thành tựu
Thí vật dụng để ngồi
Sẽ sinh nơi xứ trời.
Không thọ khổ khó nhọc
Thường ngồi tòa thượng diệu

Thí vật dụng trải nằm
 Sinh thiên luôn an lạc.
 Thân tướng đoan nghiêm rộng
 Vô úy người xưng tán
 Sửa sang nhiều vườn rừng
 Nghiêm tịnh các nhà cửa.
 Thí người khiến đạo, dừng
 Thân tâm sinh vui thích
 Chiêu cảm vườn Hoan Hỷ
 Chốn chư thiên du hành.
 Cùng với các thiên nữ
 Đùa vui hưởng hoan lạc
 Hoặc lúc trời nóng bức
 Thí bóng mát phủ che.
 Chiêu cảm Ưu-đàm-bát
 Cây Ni-câu-bồ-đề
 Sau được sinh thiên giới
 Luôn thọ lạc năm dục.
 Giếng suối và hồ ao
 Sửa sang khiến sạch đẹp
 Giúp cho người khô khát
 Đều khiến no đủ khắp.
 Sau được báo sinh thiên
 Hoặc sinh trời Phạm Thế
 Thọ vô số diệu lạc
 Lại chứng quả tịch diệt.
 Nếu dùng Bát-đa-la
 Cúng thí nơi Tam bảo
 Sẽ sinh tất cả xứ

Giàu sang lại an vui.
Ở trong thế gian kia
Đức tôn quý tối thượng
Lại cảm các chúng sinh
Thời thời đều cúng dường.
Kẻ trí nếu thí đao
Sẽ được sinh lên trời
Trí tuệ thật thông lợi
Trọn không gặp đao binh.
Nếu người bỏ thí kim
Trí tuệ luôn sắc bén
Hay đoạn các phiền não
Chứng đắc đạo tịch tĩnh.
Phật dạy nếu có người
Đắp vẽ các tượng Phật
Sinh vào trong thiên giới
Thân sắc vàng lấp lánh.
Thanh tịnh như nhật quang
Khiến các chúng trời người
Thiên nam và thiên nữ
Khắp thời đều quy mạng.
Nếu bậc trí tuệ kia
Khéo hay thuyết pháp thí
Sinh chốn trời, nhân gian
Sức trí đức đầy đủ.
Luôn thọ nhận an lạc
Lìa hẳn ưu bi khổ
Nơi thân hậu hữu ấy
Chứng được đạo tịch diệt.

Nếu các hữu tình kia
Sao chép pháp bảo diệu
Sẽ được trí túc mạng
Phú quý luôn an vui.
Diệt trừ hết thảy tội
Trải qua câu-chi kiếp
Không đọa vào địa ngục
Cùng ngạ quỷ, súc sinh.
Nếu người có trí kia
Quét dọn kết đàn tràng
Thí hương hoa đốt, rải
Mọi lúc mà cúng dường.
Sau sinh nơi nhân gian
Và sinh vào thiên giới
Luôn thọ các phú quý
Lại chứng đắc tịch diệt.
Nếu dùng đèn thấp sáng
Cúng dường Phật, Thánh Hiền
Sinh chốn người trời kia
Ba mắt luôn thanh tịnh.
Mắt tuệ và mắt trời
Cùng với mắt thường ấy
Lại kẻ cúng thí đèn
Thường được sinh lên trời.
Miệng cũng không cảm ngọng
Tai mắt không mù điếc
Lại kẻ cúng đèn kia
Không chỉ ba mắt tịnh.
Hay đối pháp Chánh giác

Tất cả đều thông đạt
Bậc trí nếu thí của
Cúng dường chúng có đức.
Sa-môn, Bà-la-môn
Thí ít được báo nhiều
Rộng được của thuận đạo
Lâu dài mà thọ dụng.
Lại người hành thí kia
Cho súc sinh thức ăn
Phước đức thu đạt được
Thành tựu gấp trăm lần.
Nếu dùng tiền, thức ăn
Bỏ thí cho tội nhân
Công lợi dần thêm tốt
Được phước gấp ngàn lần.
Nếu thí người trì giới
Được phước trăm ngàn lần
Người cúng dường vô tâm
Được lợi trăm câu-chi.
Nếu thí bậc hữu học
Và bậc vô học kia
Phước đức sẽ đạt được
So trước là tối thượng.
Nếu thí Phật Như Lai
Sẽ sinh về thiên giới
Phú quý luôn không dứt
Luôn thọ nhận diệu lạc.
Cho đến dứt luân hồi
Mà chứng pháp tịch diệt

Tôi hơn hết thầy đây
Kính Phật nói Già Đà.
Lược nêu về phước báu
Rộng khiến sinh tín thọ
Giả sử ngàn nhật quang
An lành soi đại địa.
Ban đêm ánh trăng tròn
Hay nở đóa sen xanh
Thủy Thiên Tỳ-sa-môn
Đế Thích, Na-la-diên.
Các chúng trời thượng thủ
Đều do hành thí được
Hu không mặt trời chuyển
Trên dưới khắp sáng soi.
Hay nuôi sống muôn vật
Thời đến cũng vô thường
Đế Thích, Tứ Thiên Vương
Cùng với các chúng trời.
Lúc phước thọ cùng tận
Vào miệng oán đối chết
Lửa ru bi khổ não
Bị thiêu đốt không dừng.
Vậy nên khuyên các người
Quan sát thân vô thường
Xa lìa tâm khát dục
Chớ đắm vui trời người.
Ngán ngủ chẳng dài lâu
Đều quy về tan hoại
Tôi phát tâm tịnh tín

*Lìa bỏ vui hư huyễn.
Thường đến trước nơi Phật
Chấp tay mà gận gũi
Vì đại Bồ-đề mình
Mà tạo chủ giải thoát.*

Hiền Thánh Tập Già Đà Nhất Bách Tụng.

HẾT.

SỐ 1687/1
SỰ SỰ PHÁP NGŨ THẬP TỤNG

Tác giả: Bồ tát Mã Minh soạn tập.

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Sa môn Nhật Xứng.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

*Nương các kinh luật, Bí mật giáo
Lược xuất phép tắc thừa sự thầy
Nghe rồi vui thích phát tâm tịnh
Sẽ được trí kim cang Như Lai.*

*Nếu nơi thầy quán đảnh
Ba thời kính lễ hầu
Tức là đã cúng dường
Mười phương các Như Lai.
Khởi cung kính tối thượng
Chấp tay dùng cầm hoa
Rải nơi đạo tràng ấy
Đầu mặt tiếp chân lễ.
Thầy kia hoặc tại gia
Hoặc mới thọ Cụ giới
Đặt kinh tượng ở trước
Liên dứt các nghi, chê.
Nếu đệ tử xuất gia
Thường tâm tịnh hầu hạ
Đã ngồi phải dậy tiếp*

Chỉ trừ nơi đang lễ.
Thầy kia và đệ tử
Phải luôn xét pháp này
Nếu không trước quan sát
Đồng mắc tội vượt pháp.
Nếu nóng giận, không từ
Tham ái nhiều tán loạn
Ngạo mạn cậy tộc họ
Dùng tuệ nên chọn lựa.
Đủ giới nhân bi trí
Tôn trọng không dối nịnh
Rõ nghi tắc bí mật
Thông suốt các luận nghị.
Khéo đạt tướng chân ngôn
Sự nghiệp Mạn-noa-la
Chứng hợp mười chân như
Các căn đều thanh tịnh.
Nếu người cầu pháp kia
Đối thầy sinh chê khinh
Tức chê chư Như Lai
Thường bị các khổ ão.
Do ngu si tăng thượng
Trong hiện báo nhận lấy
Bị sao xấu nắm giữ
Bệnh nặng cùng trời buộc.
Bị phép vua bức bách
Cùng rắn độc cắn hại
Giặc oán nạn nước lửa
Phi nhân được tiện lợi.

Tần-na-dạ-ca kia
 Luôn tạo các chương ngại
 Từ đây mà mạng chung
 Liền đọa vào đường ác.
 Chớ khiến A-xà-lê
 Sinh phần ít phiền não
 Vô trí cùng trái nghịch
 Quyết vào ngục A-tỳ.
 Nhận vô số khổ não
 Nói ra thật đáng sợ
 Do chê A-xà-lê
 Trong ấy thường dừng trụ.
 Vị A xà lê kia
 Hoằng trì tạng chánh pháp
 Thế nên phải nhất tâm
 Luôn chớ sinh hủy báng.
 Thường đối A-xà-lê
 Thừa sự và cúng dường
 Phát sinh tâm tôn trọng
 Tức dứt trừ chương ngại.
 Lại ở nơi chỗ thầy
 Vui hành theo hỷ xả
 Không cầu nơi thân mình
 Huống gì đối tài vật?
 Trong vô lượng ức kiếp
 Dững mãi siêng tu tập
 Nay mới chứng Bồ-đề
 Đây thật là hy hữu.
 Khéo giữ nguyện sâu này

Cúng dường các Như Lai
Cung kính A-xà-lê
Cùng đồng hết thầy Phật.
Nếu nơi mình hiện có
Các châu báu tối thượng
Cầu Bồ-đề vô tận
Thành tâm mà phụng hiến.
Thí Phật, A-xà-lê
Niệm niệm thường tăng trưởng
Là phước điền tối thắng
Mau đắc quả Bồ-đề.
Người cầu pháp như thế
Đủ công đức giới hạnh
Đối thầy không hư dối
Sẽ được trí kim cang.
Nếu chân đạp ảnh thầy
Mắc tội như phá tháp
Nơi vật dụng ngồi nằm
Cỡi ngựa tội quá chân.
Nếu được thầy chỉ dạy
Vui vẻ nên nghe nhận
Tự mình hoặc không thể
Thì khéo lời thưa bày.
Do nương dựa nơi thầy
Việc làm đều thành tựu
Hiện vui và sinh thiên
Sao dám trái lời thầy.
Giữ gìn tài vật thầy
Cũng như thân mạng mình

Nơi kia làm người hầu
Nhu thân thường kính phụng.
Không nên ở trước thầy
Đội nón và cỡi xe
Nhón gót, tay chống nạnh
Hoặc an nhiên ngồi nằm.
Hoặc sự duyên khởi ngồi
Chớ duỗi cả hai chân
Luôn đầy đủ oai nghi
Thầy dậy, mau phải dậy.
Nếu ở chốn kinh hành
Không nên tùy cất bước
Kính cẩn đứng một bên
Không khạc nhổ các thứ.
Cũng chớ ở trước thầy
Mà nói chuyện riêng tư
Cùng bên cạnh nói cười
Ca múa và hát xướng.
Hoặc khiến ngồi hoặc đứng
Đều từ tốn lễ kính
Hoặc ở trong đường hiểm
Thưa xin làm dẫn đường.
Lại không nên ở trước
Thân hiện tướng mỗi một
Bỏ ngón tay phát tiếng
Dựa cột cùng tường vách.
Hoặc giặt áo, rửa chân
Cùng các việc tầm gọi
Trước thưa thầy khiến biết

Hành sự không để thầy.
Hoặc đối với tên thầy
Không nên thường gọi lên
Như có người hỏi đến
Chỉ nên nói một chữ.
Thầy hoặc khiến làm việc
Nên dò ý sai bảo
Đối việc làm của thầy
Nhớ giữ thường không quên.
Hoặc cười, ho há miệng
Tức lấy tay che đậy
Hoặc có việc trình thưa
Phải cúi mình nhỏ tiếng.
Nếu người nữ tại gia
Tâm tịnh đến nghe pháp
Chấp tay đủ oai nghi
Chăm nhìn nơi mặt thầy.
Nghe rồi nên vâng giữ
Lìa bỏ tâm kiêu mạn
Như mới về nhà chồng
Cúi mặt hiện e thẹn.
Nơi vật nghiêm thân kia
Không còn sinh yêu thích
Cùng thiện không tương ưng
Đều suy xét xa lìa.
Thường kính ngưỡng đức thầy
Không nên tìm lỗi nhỏ
Tùy thuận được thành tựu
Tìm lỗi chính tự tổn.

Nói pháp độ đệ tử
Mạn-noa-la hộ ma
Cùng thầy ở thành ấp
Không bảo chó nên làm.
Hoặc nói pháp có được
Tịnh thí các tài vật
Thầy đều dâng cho thầy
Tùy được có thể dùng.
Đồng học cùng pháp duệ
Không nên làm đệ tử
Cũng không ở trước thầy
Nhận hầu hạ, lễ kính.
Nếu dùng vật dâng thầy
Tức hai tay phụng hiến
Hoặc thầy cho đồ vật
Luôn cung kính cúi nhận.
Tự chuyên tu chánh hạnh
Thường nhớ giữ không quên
Khác hoặc trái luật nghi
Ái ngữ cùng chỉ dạy.
Nếu thầy có sai bảo
Vì duyên bệnh không làm
Nên thưa bày theo lễ
Thế mới không mắc lỗi.
Thường khiến thầy hoan hỷ
Lìa các việc phiền não
Phải gắng mà làm theo
Sợ nhiều nên không thuật.
Đức Như Lai kim cang

*Tự tuyên thuyết như thế
Và giáo khác đã nêu
Nương thầy được thành tựu.
Nếu đệ tử thanh tịnh
Hay quy y Tam bảo
Ví như mạng sắp hết
Cũng vì nói pháp yếu.
Cùng trao bí mật giáo
Khiến làm pháp khí chánh
Nếu hiện tướng trì tụng
Tức mắc tội căn bản.*

*Nếu có thể tùy thuận thầy học
Thì thành hết thầy các công đức
Đem nhân thiện tôi soạn tập này
Nguyện cùng chúng sinh mau thành Phật.*

Sự Sư Pháp Ngũ Thập Tụng.

HẾT.

SỐ 1688/1
**KINH MẬT TÍCH LỰC SĨ ĐẠI QUYỀN
 THẦN VƯƠNG KỆ TỤNG**

Đời Nguyên, Đại sư Quảng Phước, Tăng Lục Quán Chủ Bát tuyền.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

*Quy mạng Tối Thượng Thừa
 Nương kinh nhập lưu thông
 Nguyên cùng các chúng sinh
 Đồng chứng trong quang minh.
 Phước rộng tâm không lo
 Thân huyễn, bốn sinh xuất
 Nhỏ học tập kinh sách
 Quên mất lý chân như.
 Để tâm nơi giáo điển
 Sớm tối ngẫm ý kinh
 Tâm mê chưa hiểu được
 Niệm niệm nhờ huân tu.
 Không lúc nào gián đoạn
 Nếu chẳng hỏi rớt ráo
 Ánh sáng quy bốn đại
 Bao giờ lại được gặp.
 Nay gặp Đấng Đại Giác
 Rộng mở môn phương tiện*

Khắc gỗ diễn Phạn thư
Truyền khắp chẳng toàn vẹn.
Rứt rề chưa đến nơi
Gần xa tám phần đủ
Đều là Chánh Biến Hựu
Giác Hoàng sức từ bi.
Tuy rõ lý chân không
Muôn hạnh chưa từng xong
Chư Phật ba đời nói
Như Lai một việc lớn.
Đều từ chúng sinh khởi
Chúng sinh không tham sân
Chư Phật do đâu nói
Quyền hành thật hóa kia.
Sơ sinh đến Niết-bàn
Trong quan vàng quách bạc
Trời người, bốn chúng khóc
Loa Kế thần vương ác.
Cắt nấu lập một nước
Chúng sinh bị ăn nuốt
Phật ta lại ra đời
Vua tám tay đen xanh.
Tay cầm tám binh khí
Ma kia bèn quy y
Chúng sinh khỏi gặp khó
Đấng Giác từ bi lớn.
Thọ ký cho ma ác
Quan phụ cùng quyền thuộc
Nhiều kiếp chốn thanh tịnh

Biển hội được tình ngộ.
Quyền hóa thật phần nô
Gặp giết liên tạng giới
Trợn không khởi niệm ác
Là cửa từ bi Phật.
Trì niệm chẳng luống không
Nương kinh đạt tu hành
Đã thấy bờ chân như
Chỉ cầu việc thế gian.
Không quả không tùy ý
Nếu người không chí thành
Uổng sức khó được toại
Ngu si khuyên trí cao.
Chẳng là lời dối trá
Nếu kẻ không nói thật
Nguyện vào ngục đánh cầu
Bốn mươi hai đạo mật.
Bốn dấu triện đại bảo
Đại Quyền Kim Cang ý
Sáu ấn trên móng tay
Không được cong lẫn lộn.
Tôi nay thuật ý kinh
Mạt pháp định tại đời
Hộ giáo, hộ quân vương
Vị lai đời Di Lạc.
Thời Chánh, Tượng, Mạt pháp
Theo loại một Thể xuất
Bản trí hóa hậu trí
Hóa Phật nói mật ngữ.

Đại quyền hóa vua tiếp
 Vua tiếp từ bi chép
 Nguyên được nghĩa trong kinh
 Hết thấy chúng sinh ngộ.
 Sớm tối siêng dự lễ
 Niệm niệm lớn không dứt
 Xem xét Đại Hoa Nghiêm
 Không suy tìm nơi lý.
 Tỳ-kheo Hải Tràng hỏi
 Mới hiểu ý Năng Nhân
 Phật mở Thừa tối thượng
 Mọi người đều vào hết.
 In kinh thí khắp nơi
 Đại Giác vốn không nói
 Niệm niệm giúp theo loại
 Thân, ngữ và ý nghiệp.
 Không lúc nào lười chán
 Lời thô, ý vụng về
 Không thể dám hạ bút
 Không mê lý chân như
 Mật pháp một vạn năm.

Tam bảo ẩn chứng không thêm bớt
 Tám Bộ uy nghiêm thường gia hộ.
 Con cháu Cam Giá, Sát để tộc thanh tịnh
 Vì đại nhân duyên, mật pháp hay truyền trao
 Bên sông Bạt Đề, Song thọ tịch diệt định
 Tám Bộ áo não, Thế Chủ vật vã than.
 Vua chúa các nước cùng lúc đến chỗ Phật
 Đám ngực, té ngã, nghẹn ngào kêu khóc lễ

Tiếng động ba cõi, ánh sáng nhật nguyệt tối
 Mây sâu sương thấm, núi lở, đất rừng nứt.
 Chim chóc kêu buồn, cỏ cây héo úa khô
 Sông suối cạn kiệt, biển cả dậy sóng to
 Vật loại hiện có, hết thấy mặc áo tang
 La Hán, Ứng Chân, không hiểu lý chân đế.
 Bồ-đề Tát đỏa thấu đạt lẽ biến hóa
 Tổ ngộ vô thường an định như hư không
 Không sinh không diệt, trong nhuận sinh giữ Hoặc
 Mười hai duyên sinh lá rụng mới kiến tích.
 Hàm linh xuẩn động vốn có tánh thành Phật
 Chư thiên ba cõi đến trước dự Niết-bàn
 Các bậc đế vương buồn thương tiếc Như Lai
 Loa Kế khinh miệt thương lượng sai Tiên lấy.
 Chư thiên bèn bảo Đại Lực Chủ Tiên nhận
 Điều cầm chày báu thu tóm Ma vương đi
 Vừa ngửi mùi uế tạp lan khắp trong cung
 Không cách lấy về chư thiên đến lễ trước.
 Nguyên Phật từ bi từ bi thương thọ nhận
 Ma quỷ tai hại một phương ăn mạng sống
 Cướp đoạt thất nữ thọ dục lạc thích thú
 Chứa xương như núi, mong Phật độ quy thuận.
 Như Lai tịch diệt rồi các vua than khóc
 Cống cao ngã mạn quỷ ác không kính tin
 Chư thiên, Tiên chúng bảy ngày không trở về
 Buồn thương rơi lệ đến lễ Kim quan Phật.
 Từ phụ Năng Nhân thuận người quy tịch diệt
 Chúng sinh tạo ác cảm đắ Ma vương hiện
 Loa Kế gây khổ hại ăn thịt chúng sinh

*Nguyện Phật từ bi bỏ chủ chúng sinh tà.
Phật, căn bản trí, thường vui tịch quang rồi
Hậu trí hóa hiện ba đầu tám tay đứng
Đều cầm ấn báu, vòng lửa kim cang lay
Giăng dây linh kêu tám rỗng quán thân tay.*

Một tay mặt: Ấn Khai sơn. Tay hai: Chày Kim cang. Tay ba: Chuông báu. Tay bốn: Kích ấn báu.

Một tay trái: Đều thâm ấn. Tay hai: Vòng lửa. Tay ba: Giăng dây. Tay bốn: Kiếm báu.

*Chín mắt, ba mặt, kiếm bén, kích ấn báu
Màu xanh đen lam trộn trên tóc đỏ dựng
Kể Phật nói chủ hiện quang minh rực rỡ
Vô lượng Ma vương đều đến cung kính lễ.
Tay đeo vòng báu, chân đè châu Diêm-phù
Chân mặt in hư không, quần lụa quán quanh
Lửa trí thông suốt lấp đầy trong hư không
Độc tụng, thọ trì quyết đến vị vô sinh.
Gia trì bản chú bốn mươi ba chữ cái
Nơi đánh quang Như Lai thân thuyết Già Đà
Pháp giới chúng sinh, Thế Chủ cùng vô số
Nghe thuyết Phạm âm viên mãn Đà-la-ni.*

(Trong chú trước thiếu chín chữ, câu chú nội thêm vào: Ấn Phật hồng quật duật ma ha bát la quật na hư vẫn chỉ vẫn, ê ma ni vi cát vi ma na tê. Ấn tạt cát la ô thâm mộ hanh duật hám hám hồng hồng phát phát tát ha).

Nay thêm vào câu chú: Ấn tạt cát la. Ê ma ni. Hồng hồng, phát.

*Không niệm quán định quy y Tam bảo rồi
Kể phát Bồ-đề không cầu quả Nhân Thiên*

*Nguyện các chúng sinh đồng chứng Thừa vô
thượng*

Khí tình hóa không, tự ma tan, giáo tịnh.

Trong vàng trắng khởi bốn vô lượng tâm, hồng

Sáng chiếu hư không vô lượng chư Phật đến

Bóng trong gương mặt Bản Thể Thần vương hiện

Tóc đỏ nhọn tươi hóa thân xứ đoan nghiêm.

Ba vú chín mắt tay cầm sáu kiện báu

Kiếp lửa thiêu đốt an nhiên thế phẫn nộ

Hồng quang gọi lại trí Phật một niệm đến

Rót, súc, rửa chân, năm loại hương hoa đủ.

Tạt hồng bang cùng trí cú không hai một

Tâm lắng đầu họng, mười phương chư Phật tới

Cam lồ quán đánh rót đầy vật quang minh

Thân miệng ý sạch cuối cùng ta niệm Phật.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô Hóa Thân Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô Đại Quyền Thần Vương Phật

(Mỗi danh hiệu đều niệm mười tiếng)

Niệm tụng bí chương, tâm miệng cùng tương ưng

Mười vạn, trăm vạn định chứng đường Niết-bàn.

Đại Quyền Thần Vương đã hóa tâm trái hiện

Uy nghiêm rờ rờ, phi thiên, phi nhân lễ

Mây phóng hào quang mười phương thế giới biết

Vòng hoa lọng báu chư thiên tấu nhạc dâng.

Phạm thiên trụ thế

Khải thỉnh lưu thông

Lúc ấy có Phạm vương tên Cứu Thế Chủ

Thống lãnh Phạm chúng đến lễ kim quan Phật

Đại Thân Kim Cang Thế Bất Hoại kính cáo
 Chúng sinh hiểm nạn Như Lai từ bi hiện.
 Đại thân trình báo, Phạm Vương Cứu Thế nghe
 Ta từ kim quan thị hiện bảy mặt trời
 Trời người buồn thỉnh hàng phục quý Loa Kế
 Khởi điều bất thiện lại phạm Đấng Từ Bi.
 Thế Tôn bảo ta tuyên dụ bốn chúng biết
 Không cho việc nhỏ sao sinh ra trần thế
 Phật thị hiện diệt, bốn quả chư thiên nghi
 Chúc lụy lưu thông kinh văn đến xứ lập.
 (Hóa cõi trước làm Tịnh độ
 Chuyển chất phàm thành thân Phật)
 Hải hội bạn Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát
 Tám bộ Thiên long ngày đêm thường hộ trì
 Giới định tuệ tu thành các việc trang nghiêm
 Trước phát Bồ-đề chứng A-nậu-đa-la.
 Pháp thân vô tướng, sinh diệt vì sao nói
 Ngu si ám muội, tà kiến, phẫn nộ tranh
 Dâm dục hôn mê nhà lửa nghi thành khởi
 Thấu suốt chân như bao giờ mới đến được.
 Đánh quang hóa Phật khởi tuyên thuyết thần chú
 Cầu từ quả đầu cho đến địa Như Lai
 Năm căn, năm lực, Bồ-đề tám Thánh đế
 Nhật, nguyệt bốn châu, há có lý ngày đêm.
 Từ bi hỷ xả, sáu độ vạn hạnh khởi
 Lãm đất rộng suốt mau chứng cốt tủy Phật
 Mười địa, ba Hiền thành tựu không lìa Thế
 Chúng sinh căn dần hết là thành Phật khi.
 Tuệ nhật Như Lai chiếu khắp bờ pháp giới

*Quang minh chiếu sáng chúng sinh tham sân si
Sinh thì thấy thường, chết thì thấy đoạn dứt
Không thường, không đoạn, tuần hoàn thật bậc
nhất.*

*Phạm Vương Cứu Thế lãnh các chúng Phạm Thiên
Nhiều quanh kim quan hướng đại thân lễ bái
Ta tự theo Phật du hóa trong mười phương
Chày báu kim cương chưa có bậc Đại Thánh.
Thần vương tuyên dụ, Phạm Vương Cứu Thế nghe
Ta từ hậu trí chánh biến hóa hiện ra
Gọi là Mật Tích Lực Sĩ Đại Thân Vương
Điều phục Loa Kế, hiển thị chúng sinh sau.
Ấn báu trấn tâm, bốn mươi hai linh văn
Quét sạch yêu quái đều quy về Đông phương
Loa Kế cúng cao nói Phật nhập diệt rồi
Sinh diệt vô tướng duyên đều thuận tịch định.
Trí lực Thiện Thế ta thật khó sánh cùng
Bồ-tát, La-hán thần lực đất móng tay
Thế Tôn không nghĩ bàn tợ đất đại địa
Ma vương riêng nghĩ thần thông là bậc nhất.
Như Lai duyên đủ thị hiện tướng nhập diệt
Ma vương kiêu mạn không lễ kính Như Lai
Phá hang ổ chúng quy về hai bộ kia
Khiến hoàn Thần quán trời người dứt hết phiền.
Chư thiên, bốn chúng trong tâm mười phần vui
Cung điện Ma vương đều nghiêng và ngã đổ
Quân ma, nhóm ác cùng sợ hãi nghiêng ngửa
Hoặc là hai Tiên thần thông khởi như vậy.
Ma vương thương nghị Như Lai lại xuất thế*

Hoặc là hai Tiên hoại cảnh giới Ta đi
 Nghĩ thân lực mình không thể biết đến được
 Hai mắt rơi lệ sớm chiều tai họa sinh.
 Đánh quang hóa Phật trong miệng tụng Già đà
 Quang minh soi sáng vi trần giả thế giới
 Ma vương ba cõi cung điện đen như mực
 Không dám trái nghịch thâm giữ các chúng sinh.
 Kêu được Loa Kế tám thức không tại thế
 Quan lớn, đồ đảng trên đất dân dân dậy
 Tiêu diệt dấu uest chúng ma đều quy y
 Chỉ mong từ bi lưu sinh thân tàn này.
 (Hai bộ chú Tiên đều hoàn lại sức thần thông)
 Phiền muộn, bất tỉnh, trốn sống không đường chạy
 Hồn phi phách tán mở miệng nói chẳng được
 Hai bộ chú Tiên đều hoàn sức thần thông
 Chiêm ngưỡng Đại Thần ngày nay được về lại.
 Đại thần rửa mắt chao ôi quý Loa Kế
 Ngu si vô cùng, ngã mạn đấm dục lạc
 Tâm ác không đổi xâm phạm chủ Từ Bi
 Người nên mau hối, bỏ tà quy chánh lý.
 Tâm người không hối sớm sớm cầu sám trừ
 Toàn tánh mạng người nên chiêm lễ Niết-bàn
 Người ở đời trước gương thí tuệ chúng sinh
 Phước hết, vui đủ đọa vào ngục Nê Lê.
 Tâm nghiệp không thiện tạo tội như núi cao
 Trăm ngàn đồ đảng tụ tập ở một chỗ
 Trăm ngàn vạn người mỗi ngày thọ tai ương
 Mỗi người tự có tám thức, bốn rấn theo.
 Sáu tình chấp giữ khởi niệm ác không bi

Chiêu dụ quần sinh, tám mươi tám sử bức
 Trăm não cùng kéo lại thêm hai mươi ác
 Trong mười hai thời từ đây dấy tai ương.
 Đồ đảng hung ác thiên ma làm quyến thuộc
 Dẫn dụ chúng sinh buộc vào đồ đảng ma
 Khiến vạn người gặp tai ương chịu giết hại
 Chỉ còn bốn đại, năm uẩn, sáu căn chủ.
 Ý thức không hiển, năm căn thường lần lượt
 Sáu trần sắc pháp, bảy lậu, tám cấu động
 Chín kiết, mười triền, mười hai phược bị dẫn
 Hai mươi lăm hữu, trăm tám phiền não sinh.
 Tám vạn trần lao, hồi tâm tức thời chuyển
 Tám thức chuyển biến, thẳng đến đường giải thoát
 Năm uẩn bất động liền chứng thân Pháp vương
 Trăm Hoặc điên đảo chóng trừ, chứng trăm pháp.
 Trăm hai mươi ác chuyển làm quả công đức
 Tám vạn bốn ngàn chuyển thành tướng quang
 minh
 Đều tâm người tạo chẳng phải từ ngoài đến
 Trời xanh không vật, mây đen quạt đập khởi.
 Hốt nhiên mây tan, nhật nguyệt tròn sáng soi
 Mây đen mù mịt không tìm từ xứ ngoài
 Là một tâm người vốn tự tròn đang mê
 Lúc ngộ đương thể không tổn hại lý này.
 Xoay niệm ác, người liền quy lên đường chánh
 Mưa báu, cung điện, vòng hoa cùng phụng hiến
 Pháp giới Như Lai, Bồ-tát, Tăng bốn quả
 Trời, rồng, Phạm vương đều nhập châu vô vi.
 Phạm vương Loa Kế bèn hướng Đại Thần lễ

Hai mắt lệ rơi, năm vóc sát đất thưa
 Sám hối lỗi không chánh lý tạo từ trước
 Điều phát tiếng nói Nam Mô Thích Ca lễ.
 (Loa Kế Vương ở xứ hai Tiên xin sám hối)
 Hai bộ chú Tiên đều hoàn sức thần thông
 Nghiễm nhiên như cũ đứng vây quanh Thần vương
 Loa Kế dẫn chúng phát lồ cầu sám hối
 Bạch rằng: Thánh giả thương niệm, thôi sinh nghi.
 Loa Kế thưa nêu: Thiện lai Đại Tiên biết!
 Tôi xưa hành nghiệp ác nên nhân duyên đến
 Ương bướng phạm vật, tổn mạng chúng sinh khác
 Nay được giáo hóa tôi xin đầu mặt lễ.
 Cung điện Ma vương khởi làm Phật sự lớn
 Đất trời quang tạnh, nhật nguyệt thêm sáng rõ
 Các loài bay chạy nhiều quanh Thế kim quan
 Song thọ biến trắng, cúi mình tiếp chân lễ.
 Đại Quyền Thần vương lãnh các ma, quý kế
 Quan lớn, đồ đảng cùng chiêm lễ hai Tiên
 Bốn chúng Phật hội, tám bộ chư thiên tiên
 Điều cung kính thưa đồng lễ nghe nói kệ.
 Vô số vọng tưởng do vô minh kia khởi
 Tạo tác các huyễn, Ma vương làm quyền thuộc
 Như Lai chỉ dạy không vào đường ma quỷ
 Phò tông lập giáo vĩnh viễn không đổi ý.
 Vàng ròng từ mỏ bị vô minh che phủ
 Dầu ở trong bột vĩnh viễn lìa khó lấy
 Quặng dầu phân biệt bột trắng, vàng ròng đỏ
 Bỏ tà quy chánh, vàng trắng không hai loại.
 Pháp giới hóa chung ba cõi bốn loài sinh

Chỉ tâm một khởi không tìm ở xứ riêng
 Trước ngộ minh sư không vào đường tà vậy
 Nay gặp Đại giác khởi vào ngục luân hồi.
 Vàng ròng làm thành mắt tai mũi lưỡi thân
 Tánh vàng chẳng đổi nơi bồn, châu, thoa xuyến
 v.v...

Muôn phẩm ngàn sai bản tánh rất phân minh
 Vàng chảy tánh định chân không dùng tự tại.
 Bốn ma tạo chướng Như Lai khởi từ bi
 Ma Ha Cát Thứ Đại Quyền phần nộ hiện
 Quan Âm Đại Trí, Mã Hạng vua chủ ngục
 Không xả môn nhân đến cứu khổ chúng sinh.
 Cửa tâm bi mở trí vô vi cứu đời
 Mây từ trái khắp, che thai noãn thấp hóa
 Tà kiến hiểm độc không vào nẻo Bồ-đề
 Quyền quý cùng lên đều về chốn cứu cánh.
 Thân Vương nghe kệ tám tay cùng lay động
 Chín mắt quay tròng đứng giờ chân phải đề
 Lửa trí vuông tròn trong kim quan đỏ phát
 Tan hoại huyền thuật tiêu diệt quỷ Loa Kế.
 Bí chương công năng rộng thí đời mạt pháp
 Mười thiện mới vào ác khẩu tụng xú ứ
 Mười phương chư Phật nghe tụng âm thân chú
 Dự ghi đương lai thẳng đến địa vô thuyết.
 Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm Kim Cang Tạng
 Bồ-đề Tát đỏa Xá lợi ngộ không sinh
 Mục Liên, Ca Diếp, bạn bốn quả ứng chân
 Ngợi khen lành thay hương hoa vui cúng dường.
 Chư thiên ba cõi chúng Kim Cang phần nộ

*Nghe âm chú này cúi mình đứng hầu giữ
Phàm có mong cầu không gì không toại nguyện
Chưa thể đạt lý chóng được nẻo Bồ-đề.*

(Tụng Bản chú linh nghiệm, thư phù, ấn cây hương chạm chày, thí nghiệm trị trăm bệnh, hết thầy các sự việc).

*Tụng Chú Vương ta như sớm gặp mưa ngọt
Đánh nhau, chiến bại, lại gặp đại tướng đến
Kẻ mồ côi trên đường gặp nhóm cha mẹ
Mù lòa già bệnh mới gặp thầy Kỳ Bà.
Sư tụng niệm chú không được sinh nghi lo
Thần vương kính tuân sai sử tùy người dùng
Nẻo trời, người, Tu-la, địa ngục, ngạ quỷ
Tai nghe âm chú đều được giải thoát cả.
Tâm ác trì niệm hãy còn được thắng quả
Tinh nghiêm, chuyên chú, tâm miệng cùng tương
ung*

*Ngoài ra công năng không bằng sức Già đà
Thiện nam, tín nữ trì niệm được lợi ích.
Viết chú này trên lụa, giấy, lá Bối-đa
Lưới báu, áo thêu, vòng hoa trên rương báu
Theo uy nghi, chư thiên, long thần hộ vệ
Lọng báu che đầu, Phật xưa ngồi an nhiên.
Nếu một vi trần rơi trên vật chú nguyện
Gió thổi vi trần rơi trên thân chúng sinh
Phước báo đạt được tựa như cát sông Hằng
Thêu họa đánh tượng trừ bỏ ngục A-tỳ.
Giấy hoa, Chiên-đàn, Bạt-chiết-la khéo léo
Cầm giữ chày báu, chày tượng tâm Mạn-noa
Hương hoa, đèn nến, cây trái dâng ăn uống*

Cúng dường Thích Ca, Đại Thần Tôn phần nộ.
 Nước hương trộn bùn tô đắp tượng từ bi
 Trăm thứ trang nghiêm vật đẹp đặt chày tượng
 Kính thành kết ấn, bất động mười vạn biến
 Chày lay, nước vọt, lúc ấy mới chứng rõ.
 Chày tượng phóng quang ngôn ngữ cùng thần biến
 Đại Giác Từ Tôn tâm trái hóa hiện ra
 Điềm linh vạn mối tâm sinh hoan hỷ lớn
 Quả nương nguyện lực lại tụng ba mươi vạn.
 Thần vương linh cảm trì tụng được pháp ngữ
 Bày một cái chậu chứa đầy nước trong sạch
 Ta tụng bí chương ngày đêm không dứt tiếng
 Nước vọt, chày động, chứng thần thông quang
 minh.
 Đi đứng, nằm ngồi, tâm miệng thường trì tụng
 Quả tam muội chín thông đạt dụng thần giao
 Đèn miếu đi qua thần thánh đều cung phụng
 Đi theo không rời, không dám trái mệnh tôn.
 Bốn trăm bốn bệnh và các quái yêu tinh
 Độc dược âm sùng hại mạng chúng sinh khác
 Nghiệp xưa hại người sinh nhiều bệnh oan trái
 Chữ đỏ, chú mật, vĩnh viễn trừ lành hẳn.
 Sư tụng niệm chú, kính thành gia trì nước
 Chữ đỏ, ấn vương, bốn mươi hai đạo mật
 Cắt, xếp gập, dán, đeo giữ ở trên thân
 Vò lại thành viên, đến miệng trừ trăm bệnh.
 Không người viết họa, ấn báu, phù chú linh
 Gỗ thơm chạm trổ, thắm ấn cát trên giấy
 Cắt xếp, vò viên như trước thật linh nghiêm

Đánh quang hóa Phật phóng hào quang sáng rỡ.
 Đầu đề quá khứ, hiện tại và vị lai
 Chư Phật cùng âm, tuyên nói chú căn bản
 Thành đạo Niết-bàn thấy đều nói âm này
 Hữu tình bốn loài, trời rồng, sáu bộ tụng.
 Nam nữ tịnh tín chuyên tâm đọc mật chú
 Muốn cầu quả Phật các việc thế gian thành
 Như Lai, Tát đỏa từ bi sinh thương xót
 Phóng quang động địa hiển dụng đại thần biến.
 Chú Sư trong mộng hiện việc mình mong cầu
 Đầu gồm kết trước, hết thấy Tổ vương chú
 Vua chúa thời xưa, thái tử cùng đại thần
 Thân tâm bệnh tật, trì niệm đều linh ứng.
 Đầu trâu chóng trừ, nước vọt thuốc, quang hiện
 Uống vào lành mạnh trăm bệnh khó sinh khởi
 Nhật, nguyệt xâm thực, mưa gió không đúng thời
 Năm sao lệch hướng, bức bách chúng sinh khổ.
 Người tai, nước nạn, mất mùa, giặc cướp dậy
 Vua tôi thất thố, năm đường đều trâu chép
 Ngược nhìn hư không lập kỳ khởi tụng chú
 Giữ nước an ổn, trọn không khởi tai họa.
 Ngụy, Chu, Đường, Vũ hủy diệt Phật Pháp Tăng
 Không cho xuất gia tu hành tỏ chân tánh
 Bức bách Tăng Ni hoàn tục, lao dịch nặng
 Hủy diệt tông thừa, định vào ngục A-tỳ.
 Chỉ tụng bảo ngọc kết trước đầu trâu ấn
 Bí-sô khổ nạn chuyển cùng chỗ vua ác
 Kia tự hỏi trách tâm sám hỏi quy y
 Tháp miếu như cũ, Tinh xá, Già lam dựng.

Vàng bạc đồng sắt, triện hương, hình tượng rồng
 Bình chậu nước đầy, đặt tượng vào trong nước
 Rồng Sa-kiệt-la thủ ấn đều thấu ghi
 Nước vọt, tượng lay, không trung rền tiếng sấm.
 Mâu Ni lửa hóa Phật Đại Quyền Thần Vương
 Ba lần xưng danh hiệu tụng Phật Thế Tôn
 Mưa to rout cam lồ rưới khắp Diêm-phù
 Mưa lâu hại vật, sấm dừng trời quang tạnh.
 Voi ngựa, lừa bò, cầm thú khó điều phục
 Thời khí bệnh tật chỉ uống nước thần chú
 Rắn, chuột, trùng độc tổn hại các giống vật
 Nước rảy nền nhà tự nhiên kia tuyệt tích.
 Cấm chế hiện có mỗi mỗi nói không hết
 Ân cần tử tế mời xem trong chánh kinh
 Vượt phạm nhập Thánh đều là tự tâm người
 Không đạt chân như luống uổng dụng tâm sai.
 Dạ-xoa, quỷ ác, sơn tinh và địa thần
 Thủy phủ, hang núi, cây đá hết thảy miếu
 Tà ma quỷ mị ở lâu chốn nhân gian
 Xâm phạm nước nhà đều thấu trừ xua đuổi.
 Tầm vàng, rắn, trùng, đầu lâu, bọ vàng bạc
 Rét, ỉng ương, tất cả các thần trùng độc
 Bỏ trong thức ăn giết hại mạng người tốt
 Ấn báu, vân phù đeo thân không bị hại.
 Loài súc sinh, mặt người lòng lang dạ thú
 Ngày tháng, năm sinh, tên họ đều biết rõ
 Chu sa viết tên, lòng chân đạp đất chắc
 Tay lớn đều thấu, hỏi trách đầu mặt lễ.
 Tâm trí chậm độn, không hiểu biết, phân biệt

Muốn cầu trí tuệ đều gồm dụng Già đà
 Uống nuốt chú ấn lặng lẽ được biện tài
 Tổng trì đa văn học rộng thấy rốt ráo.
 Bàn cùng thọ khổ, tụng niệm phú cấp cô
 Sống lâu, không chết, giới định cùng Bồ-đề
 Ấn thí chúng sinh đời sau giàu sang lớn
 Học tập thân đàn, vàng ròng tử ma thắng.
 Thân hình phân đoạn biến dịch thường chẳng
 hoại.
 Định nhập phân đoạn thân thông luôn tự tại
 Như chim bay hư không qua lại không ngại
 Trên đảnh phát lửa dưới chân tuôn biển nước.
 Biến đổi vô ngại Thánh phàm khó lường biết
 Núi cấm, trước tượng, tụng niệm, làm như trước
 Chỗ ở thiếu nước, đào giếng nước thơm ngọt
 Chúng sinh tật bệnh chứng tức thời tiêu tan.
 Con cái hiếm muộn đều thấu tóm bí chú
 Trăm bệnh phụ nữ, quái thai mang lâu năm
 Tổ tông gặp họa, con cháu hành hiếu nghĩa
 Quỷ quái, yêu ma, chú ấn liền bình phục.
 Mệt nhiễm thầy ma, quỷ tà mộng giao cảm
 Mũi miệng bốn chi, cự phú đi nhật báu
 Nếu gặp kiện tụng, tù giam liền được khỏi
 Lâm trận giao chiến, giặc thù tự nhiên tan.
 Cầu nơi Phật địa không gì không thành tựu
 Phật diệt, hàng phục Thiên ma và Xiển-đề
 Hết thấy việc đời, không gì là không toại
 Bảo vương, mật ngữ, phóng quang Như Lai nói.
 Thường lạc ngã tịnh trói buộc tâm ý vượn

Điều nguyện không thành, Thiện Thệ đều hư thuyết
 Lời chân, lời thật, Như Lai không nói dối
 A nậu đa la tam niệu tam Bồ-đề.
 Già đà linh nghiệm, chư Phật, Bồ-tát nói
 Thanh văn, Thiên tiên bày ấn phù họa tượng
 Đại nguyện thuở xưa lực thiên na tinh tấn
 Phạm chí ngoại đạo thông sáng như tối tăm.
 Chày báu Thần vương vì sao dám tự hỏi
 Trên đánh hóa Phật tuyên thuyết lời thần chú
 Phần nộ vọt thân tám tay cầm giữ vật
 Rộng phóng vô lượng trăm ngàn ánh sáng báu.
 Đánh quang hóa Phật cũng phóng tướng đại nhân
 Chắp tay đang ngồi, miệng phóng vô lượng quang
 Soi sáng lẫn nhau hoại tan nạn huyền thuật
 Tiêu diệt vết nhơ, điều phục quỷ Loa Kế.
 Ba cõi chư thiên như Tứ vương, Đạo lợi v.v...
 Sáu đường Tu-la, chúng Phạm vương trụ thế
 Thế chủ cung kính, đại chúng quỳ gối lễ
 Tuyên thuyết thần thông, âm mật chú viên mãn.
 Lúc ấy Thần vương đánh quang hóa Phật nói
 Sức thần thông đại viên mãn đại phương quảng
 Chúng trời người nghe pháp hiểu biết đúng khắp
 Được pháp nhãn tịnh thấy chứng đắc tam muội.
 Dắt dìu Loa Kế trước khiến hai bộ quy
 Trước sau vây quanh cùng đến chốn Niết-bàn
 Thần Vương hóa Phật trải khắp cả mười phương
 Hóa Phật nói pháp lợi giúp chủ chúng sinh.
 Đại Quyền Thần Vương tuyên dụ bốn chúng nghe
 Đi đến Phật ta nói rõ âm thần chú

Cung ma thành hào đều nghiêng đổ không còn
 Mùi hôi bốc lên hóa thành quả Ưu-bát.
 Phật căn bản trí thị hiện trăm ngàn ức
 Thường trụ bất diệt, Phật trụ, Phật diệt qua
 Chúng sinh cầu đảo lập giữ thế nguyện lớn
 Chỗ ngồi an dưỡng, thân hình pháp huyễn hóa.
 Bí-sô kiên trì ngồi đứng tháp Đa Bảo
 Tinh nghiêm liền chứng Thích Ca Mâu Ni Tôn
 Thế nguyện sai khiến vâng giúp người trì chú
 Chứng sáu thần thông được cửa đại giải thoát.
 Thần vương nêu thế sợ người sinh nghi kỵ
 Kính xin Như Lai soi xét cõi chân thật
 Vì làm chứng minh, phá nghi các chúng sinh
 Không ôm nghi sợ, lại khởi lên tiếng sấm.
 Lúc ấy, Như Lai tuy bát Niết-bàn tịch
 Tâm trái thị hiện trăm ngàn ánh sáng báu
 Chư Phật mười phương phóng quang tưới kim thể
 Bồ-tát, Thanh văn, bốn chúng sinh hy hữu.
 Loa Kế ngã mạn, quần thần cùng quyến thuộc
 Đồng thanh tán thán, trong tâm mười phần vui
 Đạo nhãn soi suốt, thấu lý chân như không
 Hằng sa nước Phật, địa Đẳng giác, Diệu giác.
 Đánh quang hóa Phật hoan hỷ mỉm miệng cười
 Chỉ bảo Thần Vương, đại chúng nghe lời dạy
 Phật căn bản trí Thích Ca Mâu Ni Đà
 Chiếu soi hàng phục quý Loa Kế tạo nghiệp.
 Hóa Phật tuyên thuyết, Phật căn bản trí diệt
 Loa Kế ác nghịch, tâm trái lực sĩ hiện
 Trời người kinh nghi thâm tóm Thiên ma quy

Thay Phật hành sự, chân như từ bi hiện.
 Thiên ma chấp tay hướng đấng trí Phật lễ
 Thân thuộc, bộ chúng, duyên chín nên thọ ký
 Trong hội thanh tín đều phát tâm Bồ-đề
 Trọn không thoái chuyển kiên cố giữ thế nguyện.
 Như Lai phóng quang đưa tay xoa đánh Loa
 Lành thay! Khéo học, bỏ tà về nẻo chánh
 Nhận được thọ ký, lãnh ngộ tánh chân như
 Sửa cũ đổi mới, sức tinh tấn dững mãi.
 (Vua Loa Kế được nhận thọ ký
 Tên là Thanh Tịnh Quang Minh Phật).
 Phạm Vương được ký, đồng đến thiện tri thức
 Sáu mươi ức kiếp tu vị các Bồ-tát
 Rộng khắp mười phương cúng dường Hằng sa
 Phật
 Nhiều kiếp tu hành chứng nhập địa Như Lai.
 Loa Kế chứng thành Thanh Tịnh Quang Minh Phật
 Điều Ngự Trượng Phu mười hiệu đều gồm đủ
 Phật thọ hai vạn, trời người nghe pháp âm
 Rộng tuyên nêu lưu hành dùng thân tạp loại.
 Thị hiện hai Thừa, Thanh văn, Duyên giác bạn
 Tức hiện thân Phật, nhất thừa nẻo chí lý
 Thai noãn thấp hóa trên đến Bồ-tát thừa
 Xuân động hàm linh đều nghe tiếng Quang Minh.
 Chứng đắc quả đầu cho đến vị Bích-chi
 Viễn Hành, Pháp Vân, mười Địa trụ đầy tâm
 Thành tựu quả Phật Đại Bồ-đề vô thượng
 Chánh, Tượng, Mạt pháp, Phật thọ hai vạn năm.
 Quang Minh Như Lai nhập định tịch diệt rồi

Lăn lượt trao cho một vị Bồ-tát tiếp
 Quân thân, quyền thuộc đã quy về hôm nay
 Thứ lớp chứng đắc thể Quang Minh Như Lai.
 Cõi nước Phật kia đều gọi Vô Cấu Thế
 Thiên, Long, tám bộ, bốn chúng thấy quy y
 Cùng Phật Thanh Tịnh Quang Minh nói hôm nay
 Điều không sai biệt, đồng trụ Vô Cấu Thế.
 Thế giới Vô Cấu, Bồ-tát, người hai thừa
 Tám bộ uy linh, bốn chúng nghe pháp âm
 Quang Minh Như Lai cùng hóa Phật nay nói
 Đại mãn thân chú, bốn mươi hai đạo Thánh.
 Thanh Tịnh Như Lai duyên mãn, Niết-bàn rồi
 Lửa trí tam muội trà tỳ thu Xá-lợi
 Xây dựng tháp báu cao đến chốn Phạm thiên
 Trời người, bốn chúng cúng dường tạo xứ phước.
 Lúc ấy Loa Kế cùng các loại đồng đến
 Nhận được hóa Phật, thọ ký quả Bồ-đề
 Vô cùng hoan hỷ tức được vô lượng thừa
 Trong một thời gian khởi làm Phật sự lớn.
 Đại Quyền Thần Vương lắng nghe hóa Phật nói
 Trong tâm phấn khích hoan hỷ tán thán lễ
 Nói cùng tịnh chúng những thượng nhân Loa Kế
 Nghiệp xưa chiêu cảm được vui đại thiện lợi.
 Thần Vương lại nói Bốn Sư Thích Ca Phật
 Thị hiện nhập diệt, thương người, đời mật pháp
 Hữu tình hàm thức mất hết lợi công đức
 Điều phục Loa Kế, Hữu Lao Như Lai hiện.
 Ta nay nơi đầu thân cùng hiện uy nghi
 Phật căn bản trí tâm trái hóa hiện xuất

Đại Mãn thân chú, đảnh quang hóa Phật nói
 Công đức đã tạo, nghi thức tụng chú pháp.
 (Nghi thức kết ấn của Bản Thể Thần Vương)
 Đầu ngón ấn bấu, ngón vô danh phải, trái
 Cong hướng lòng tay, hai ngón cùng nương dựng
 Ngón giữa trái trên, phải dưới, xoe đồng ngón
 Đầu ngón dựng thẳng, ngón cái cuối lóng giữa.
 Thủ ấn thêm chú việc thế gian hiện có
 Người ác, quỷ tà đều hướng chú sư lễ
 Bỏ tâm ác nghịch tuân lệnh nghe sai khiến
 Không dám trái nghịch lực thế nguyện kiên cố.
 Ấn bấu núi Cấm tay phải vô danh cong
 Bốn ngón bằng thẳng tiến thoái đều bảy bước
 Một chú, một ấn, phải trái trên dưới nhìn
 Buông chú ấn này tự nhiên tâm ác dừng.
 Ấn bấu không sấm gió dữ, mưa đá, sấm
 Mưa to kéo dài, ngón giữa, vô danh, út
 Đầu ngón dựng thẳng, ngón cái xoe lóng giữa
 Tay trái ấn chú, mây tan, nhật quang hiện.
 Bảo ấn dứt bệnh, tay phải mở trang nghiêm
 Ngón giữa đầu ngón, cong hướng lòng bàn tay
 Ba ngón thẳng, năm nhọc bảy thương tổn
 Một chú, một ấn, một trăm lễ tám biến.
 Bảo ấn năm đường, ngón vô danh trái phải
 Cong vào lòng tay, tám ngón đều đứng thẳng
 Người sống vừa chết, phóng ấn ở trên tim
 Cao tiếng tụng chú, hồn phách hoàn thể xác.
 Người ác, quỷ thần muốn phạm chủ trì chú
 Ra vào không tốt, theo bắt, thân trốn mất

Ngày đêm trộm cướp loại bò ngựa heo dê
 Chim bay thú chạy, tình thức không xả bỏ.
 Thần vương chỉ dạy chúng hội thiện tri thức
 Năm đại bảo ấn, tín thọ phụng hành rồi
 Bốn cái ấn chính, bốn mươi hai đạo bí
 Truyền trao mật pháp, lần lượt khiến lưu thông.
 Đại Quyền hóa riêng, thứ vương Phần Nộ hiện
 Tới lui uy nghi cùng gốc vốn không khác
 Bản Thể Thần Vương lặng yên trụ vào định
 Cảm vật không động, từ đây giữ dáng tượng.
 (Bản Thể Thần Vương hóa hiện thứ vương
 Bỗng nhiên từ hư không đến)
 Kế hai Thần Vương nương không bỗng nhiên tới
 Tay nâng giấy trắng Bối đa hơn vài trượng
 Keo, cá, phèn, phấn, các loại màu sắc tụ
 Nâng bút vừa động tượng nghiêm không hai khác.
 Kế hai Thần Vương đến nhiều quanh kim quan
 Than khóc làm lễ, thưa cùng trí Phật biết
 Loa Kế giết hại, bản Phật quy chân tế
 Tâm trái hóa hiện, Bản Thể Thần Vương xuất.
 Bản Thể Thần Vương điều phục Loa Kế quy
 Ta phân thân hóa, Tiểu vương trái cuối đời
 Thần thông biến hóa chỉ mong Như Lai biết
 Phóng quang ấn chứng dấu ghi ở đời thường.
 Tiếp hóa Thần Vương nhiều quanh Thần Vương lễ
 Thưa rằng Thánh giả! Đại Thánh hóa Tôi ra
 Cùng chúng nêu đặt, dùng giả giữ chân thật
 Nguyên vua phóng quang soi xét lời chân thật.
 Như Lai tịch định, hào quang trong quan xuất

*Bản Thẻ Thần Vương trăm báu sáng rực rỡ
Hai đạo sáng báu rót trên đánh Hóa vương
Chư Phật ấn chứng lưu truyền nơi phàm thế.
(Như Lai tịch định phóng quang, Bản Thẻ
Thần vương phóng quang rót trên đánh Hóa
vương).*

*Hóa vương tức thời tay mặt nâng bút lên
Thánh tượng đoan nghiêm ba đầu cùng tám tay
Chín mắt lấp lánh, giữ phép đều đầy đủ
Đánh quang Như Lai chấp tay đoan nghiêm thuật.
(Thứ vương vẽ tám tay, tướng nghi, bảo ấn linh
phù).*

*Trái đập đá báu, ấn phải nhón chân đứng
Tám rỗng quán tay hết thấy thần biến lạ
Bản Thẻ Thần Vương mỗi mỗi đều không khác
Đại chúng chiêm ngưỡng tức thời ánh sáng hiện.
Lá bói đã vẽ, trí công đức tức mạng
Gỗ thơm, ấn trí khắc một tác tám phân
Triện văn sâu thẳm, chu sa mài nhuyễn rõ
In trên lụa trắng, trọn không mắc tai họa.
Trí tức mạng in in rồi uống nuốt xong
Liên được tam muội phân đoan chứng biến dịch
Phàm phu thể huyễn khó chứng môn tổng trì
Hành cầu uế tức khắc chứng tâm tịnh diệu.
Công năng tức mạng chiêu cảm quả hiện đời
Tay chân trong tâm báu như ý trên tháp
Chưa thành tối thượng sớm được trí biện tài
Tâm mắt linh sáng các pháp tự nhiên thành.
Thứ hai ấn giấu không thấy chấp ấn tự tại*

Dùng gỗ thơm một tác bảy phân khắc nên
 Triện tròn như thế phương pháp chiếu đồng trước
 Vô vi vắng lặng gắng phỏng luận Như Lai.
 Ba ấn hiển vọt lên không toàn tự tại
 Gỗ thơm một tác năm phân lượng như thế
 Áo vật trong tóc, ấn, chú văn khắp Thế
 Đi khắp trần gian mới tỉnh hạnh Bồ-tát.
 Ấn mật chú tự tại thần khí giao hợp
 Một tác hai phân, sâu thẳng, văn triện định
 Ấn tâm thắm đỏ, nhân phi nhân cung kính
 Không thể đạt không, tự tỉnh khó so bàn.
 Thứ vương đã vẽ bốn đại bảo ấn rồi
 Gắng cùng chúng hội xa vẽ bốn mươi hai
 Linh văn Phạn kinh trên lá Bối đa thành
 Mỗi mỗi rõ ràng không lìa Thế chữ Phạn.
 Tiếp hóa Thần Vương đã vẽ ấn phù xong
 Đại chúng thương vui Hóa vương chấp tay lễ
 Khải bạch Bản Thế Thần Vương hóa tôi biết
 Cùng với đại chúng nghe tôi nói mục đích.
 Đòi ác năm trước, dâm dục là căn bản
 Sinh tạng, thực tạng trong bụng tạo lý sinh
 Tóc lông, móng răng, nước mắt, mũi, máu huyết
 Gân cốt, tủy não đều là vật tanh hôi.
 Gió giữ nhật nguyệt, xoay chuyển làm ngày đêm
 Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ ở theo lãnh vực
 La Hầu, Kế Đô, Nguyệt Bội, ba sao động
 Bốn Đẩu chia cõi, bảy sao quanh Bắc Đẩu.
 Giác, Cang đứng đầu hai mươi tám viên tướng
 Tròn khuyết biến lạ, chủ họa phúc nhân gian

Thiên cung, Hà, Khôi, khí tia chiếu người tốt
 Một bốn thiên hạ Đế Thích làm chủ tế.
 Căn bản trí Phật đã hóa đại thiên giới
 Trăm ức nhật, nguyệt, năm sao bày các sao
 Chủ trì khu vực như họa phúc, khí hậu v.v...
 Chúng sinh nghịch cảnh đều là nơi tự tu.
 Mạt pháp, người thiện phải theo loại đảng ác
 Mạng ngắn, thọ giảm, bỏ cửa từ cửa ta
 Tâm Xiển-đề phát tổn hại ý Bí-sô
 Chú, ấn khẩn thiết ý như Phật tại thế.
 Đại Quyền phần nộ bảo cho Hóa vương biết
 Lành thay! Đại bi, ông hay làm việc này
 Đủ khắp chúng sinh đều thấm ân huệ lớn
 Nguyên lực đại hạnh chúng sinh được lợi ích.
 (Bản Thể Thần Vương tán thán thứ vương)
 Tiếp hai Thần Vương việc có thể làm xong
 Ấn báu linh phù đối chúng tự phó chúc
 Loa Kế đốc trao Phạm kinh, linh văn lễ
 Nơi thành uy Phật, sức Thần Vương bản thứ.
 Căn lực từ thiện, sức đại chúng Hiền Thánh
 Sức uy thần chư Phật Bồ-tát gia bị
 Nhiều kiếp chuyên tâm trì tụng lưu hành rộng
 Chớ khiến mạt pháp chúng sinh gặp khổ lớn.
 Thứ vương cáo thị, đánh quang Như Lai nói
 Đại Mãn chú vương, ngón tay kết ấn khởi
 Năm loại ấn báu bày giữ bốn mươi hai
 Đều còn thần dụng, ngăn cấm do ý người.
 Công năng bản chú nói ra không thể hết
 Gia trì tinh nghiêm chỉ bảo các thần khác

*Nước vọt, sóng dậy, chày báu ngang bay chuyển
 Tượng nghi sáng hiện, ngôn ngữ đích thực kính.
 Trong mộng thiên định thân thấy Thích Ca Tôn
 Pháp, Báo, Hóa thân, tượng Đại Quyền Thần
 Vương*

*Diệu âm vỗ về thường có chỗ cầu đảo
 Thân giao khí hợp, pháp vật năm sắc ẩn.
 (Kể hai Thần vương ẩn)*

*Kể hai Hóa vương phóng ánh sáng lớn xuất
 Bản Thể Thần Vương ánh sáng từ đánh khởi
 Hai vua tước nhau hợp biến hóa vương ẩn
 Bản Thể Thần Vương nâng tám báu như cũ.
 Hóa vương đã ẩn, Lục Sĩ Thần Vương nói
 Vừa đến chỗ hóa, Minh vương phân nộ ra
 Vẽ Ta ba đầu tám tay cùng đề đá
 Tới lui uy nghi, ẩn báu, linh phù mật.
 (Tròn sáng vô tướng)*

*Thích Ca trí Phật, tâm trái lực sĩ khởi
 Đại Quyền hóa hiện Thứ vương từ không đến
 Pháp giới hư không vô lượng các Như Lai
 Đề từ tâm ẩn Tỳ Lô Giá Na sinh.
 Loa Kế cúi mình chấp tay đầu mặt lễ
 Nhiều nhờ diu dắt thân nhận về đường chánh
 Niệm ác từ trước hôm nay đoạn trừ sạch
 Tỏ tự chân như cùng Phật đồng một thể.
 Hóa Phật thọ ký, Loa Kế không nghi lo
 Thành tựu chứng quả, ấm lạnh tự mình biết
 Một hàng bộ chúng đồng nhận ghi Bồ-đề
 Phật ta từ bi, ma thuộc được thiện lợi.*

Lục sĩ tuyên cáo, Bô-tát Loa Kế nghe
 Bí chương truyền khắp thẳng đến địa bất thoái
 Đại chúng nghe pháp nhiều quanh Thân vương
 đứng
 Thưa rằng: Đại Thánh! Hôm nay mới kiến tích.
 Loa Kế bạch nói: Như Lai thị tịch diệt
 Trái hóa Thân vương, đánh quang Như Lai hiện
 Phật ta nói chú, Lục sĩ nêu nghĩa kinh
 Giữ gìn, lưu hành không dám trái lệnh Phật.
 Loa Kế phát nguyện, Như Lai án chứng biết
 Chúng sinh mật pháp, Thiên ma, ngoại đạo đối
 Phân thân đầy khắp, trăm ức Diêm-phù-đề
 Quét trừ yêu tinh, chúng sinh không mắc họa.
 Lúc Đại Thân Vương nói kinh chú này rồi
 Tám tay khí trượng, đánh quang Như Lai bật
 Tụ kim quang đỏ dần dần gần kim thân
 Thân tướng quang minh đều vào thể Như Lai.
 Minh không tịch vui, diệu hữu, chân không hư
 Ca Diếp là Phật trụ trong núi Kê Túc
 Quán hành điên đảo, đồ đệ sáng sớm bàn
 Tất là Như Lai sớm chiều nhập diệt rồi.
 (Trời buộc quy không tịch thị hiện Xá-lợi)
 Trao ngàn xấp lụa quán bọc thân Thiện Thệ
 Quan vàng quách bạc, không trung tự nhiên khởi
 Thành Câu Thi La bốn cửa đều chen chúc
 Đầu đà cầm củi, lửa tam muội tự phát.
 Bốn vạn tám ngàn phần thân Xá-lợi thật
 Chia khắp các cõi, tháp báu từ đây dựng
 Trên trời, long cung, trước chia hai phần rõ

*Di Lặc ra đời, Ca Diếp đốt thân thể.
Tín thọ phụng hành, dựa kinh tụng lưu thông
Chư Phật từ bi tha thứ lỗi lầm con
Thệ nguyện bốn loài đồng chứng tòa duy tâm
Chân thật không lời, lý cung sen tám thức.
Nhiều đời che lấp mới gặp thuốc bổ hay
Đời nay may mắn, hiểu được, không tăng giảm
Quần sinh mê muội, tự tỉnh cầu xuất ly
Căn bản tròn sáng chốn ấy thường tự tại.
Công đức niệm Phật lợi giúp trong pháp giới
Hai xứ tình, khí mười phương vô số loại
Tai nghe tiếng Phật liền dứt ba não ác
Đều xin gánh vác, nguyên lai vốn là vậy.*

Kinh Mật Tích Lực Sĩ Đại Quyền Thần Vương Kệ Tụng.

HẾT.

SỐ 1689/1
KINH THỈNH TÂN ĐÀU LÔ

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Sa môn Tuệ Giản.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

Nước Thiên Trúc có Ưu-bà-tắc là Quốc vương, Trưởng giả, nếu thiết lập nhất thiết hội thì thường thỉnh A-la-hán Tân Đầu Lô Phả La Đọa Thệ. Tân Đầu Lô là tự. Phả La Đọa Thệ là họ. Vị ấy đã vì trưởng giả Thọ Đề thị hiện thần túc, nên Đức Phật tạo điều kiện không cho nhập Niết-bàn. Lệnh khiến vì bốn bộ chúng đòi mật pháp làm phước điền. Khi thỉnh tức nên ở nơi xứ tĩnh lặng đốt hương, lễ bái hướng về núi Ma Lê nước Thiên Trúc, chí tâm xưng tên, thưa: Đại đức Tân Đầu Lô Phả La Đọa Thệ thọ nhận giáo lệnh của Phật vì người thời mật pháp làm phước điền, xin nhận lời thỉnh cầu của con đến nơi xứ này thọ thực. Nếu mới xây dựng nhà cửa, cũng nên thỉnh nói: Mong nhận lời thỉnh của con, nơi nhà này đã trải giường tòa xin dừng lại. Nếu lúc thỉnh khắp chúng Tăng tắm gội, cũng nên cung thỉnh nói: Mong nhận lời thỉnh của con, ở nơi chỗ tắm gội này. Cùng trước khi chưa sáng bày biện đủ nước nóng thơm, nước sạch, táo đậu, hành dương, dầu thơm, nóng lạnh điều hòa, như phép tắm gội của con người. Mở cửa mời vào, sau đấy thì đóng cửa. Như khoảnh khắc người tắm xong, chúng Tăng mới vào, phàm nhóm họp ăn uống, tắm gội, hết thấy cần phải thỉnh Tăng, chí tâm cầu giải thoát. Không nghi ngờ, không mê muội, tín tâm thanh tịnh. Sau đấy thì có thể phục tùng. Gần đây, có một vị

trưởng giả nghe nói A-la-hán Tân Đầu Lô nhận giáo lệnh của Đức Phật, vì chúng sinh thời mạt pháp mà làm phước điền. Liên đúng như pháp thiết lập đại hội, chí tâm thỉnh cầu Tôn giả Tân Đầu Lô. Dưới thảm lông trải hoa đầy khắp là muốn kiểm nghiệm xem Tôn giả có đến không. Khi đại chúng thọ thực xong, vị trưởng giả kia giờ đệm lên thì thấy các hoa đều héo úa. Trưởng giả này buồn bã tự trách, không biết là lỗi từ đâu, bèn hết sức tinh cần suy xét, thưa hỏi nơi các vị Pháp sư. Sau đấy lại thiết lập đại hội, và cũng như lần trước các hoa để bên dưới tấm thảm lông đều héo úa. Vị trưởng giả lại buồn bã tự trách. Rồi lại dốc hết gia sản, tổ chức đại hội, thiết trai cúng dường, nhưng các hoa kia cũng vẫn héo úa như trước. Trưởng giả trong lòng càng phiền muộn tự trách, bèn thỉnh hơn một trăm vị Pháp sư, cầu xin chỉ rõ về lỗi lầm của mình, xin ăn năn sám hối về lỗi lầm ấy. Bắt đầu là hướng đến một vị Thượng tọa cao niên, bốn lần nêu bày sự sám hối đối với những lỗi lầm kia. Vị Thượng tọa nói với trưởng giả: Ông ba lần thiết lập đại hội mời ta, ta đều nhận lời thỉnh. Ông tự sai gia nhân, đứng bên trong cửa trông coi, ngăn chặn. Vì ta tuổi già y phục cũ rách, thế là bị đuổi ra, lấy cớ là Sa-môn không được gặp trước. Ta do ông mời nên muốn mạnh dạn đi vào, gia nhân của ông đã dùng gậy đánh ta trúng mạnh vào đầu, góc bên phải trán bị sưng. Hội lần hai ấy cũng đến, lại không gặp trước, ta lại muốn cứ đi vào, cũng bị đánh trúng vào giữa đầu trán nên sưng vù. Hội thứ ba cũng đến và cũng bị đánh như trước, góc bên trái nơi đầu trán bị thương. Đây đều là do ông tự gây ra, sao lại buồn phiền áo não? Nói xong thì biến mất. Trưởng giả mới biết đấy là A-la-hán Tân Đầu Lô. Từ ấy trở đi, những người thiết lập hội tạo phước đều không dám sai người ngăn chặn nơi cửa nữa. Nếu được Tôn giả Tân Đầu Lô đến thì hoa nơi chỗ ngồi kia không héo. Nếu mới xây dựng nhà cửa, phòng ốc, giường tòa, lúc muốn thỉnh Tôn giả Tân Đầu Lô, đều nên dùng nước thơm rưới nơi đất, đốt hương, đèn dầu. Giường mới nệm

mới, rắc bông trái lên, dùng lụa trắng phủ ở trên. Đầu hôm, đúng như pháp thỉnh Tôn giả, rồi đóng cửa phòng lại. Cận thận chớ có khinh mạn dòm. Thấy đều chí tâm tin kính là Tôn giả tất đến. Tinh thành cảm thấu, không gì là không đến. Đến thì trên đệm hiện có chỗ ngồi. Phòng tắm hiện cũng hiện bày chỗ dùng nước nóng. Lúc nhận lời thỉnh của đại hội, hoặc tại thượng tọa, hoặc tại trung tọa, hoặc tại hạ tọa, tùy chỗ hóa hiện hình vị Tăng. Người cầu việc khác lạ trọn không thể được. Khi đi rồi thì thấy nơi chỗ ngồi hoa không héo, tức biết Tôn giả đã đến.

Kinh Thỉnh Tôn Đầu Lô.

HẾT.

SỐ 1690/1
**KINH TÂN ĐÀU LÔ ĐỘT LA XÀ VỊ ƯU ĐÀ
DIÊN VƯƠNG THUYẾT PHÁP**

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư Cầu Na Bạt Đà La.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

Hương vị của dục lạc thì rất ít, ưu khổ tai vạ thì quá nhiều. Do đây người trí phải tu phương tiện, mau chóng lìa các dục, siêng hành tịnh hạnh. Tôi xưa từng nghe, con vua Thiên Phước tên là Ưu Đà Diên, nối ngôi vua cha, trụ nơi thành Câu Xá Di. Thành này thù diệu, rộng lớn nghiêm tịnh, cung điện lầu gác nguy nga sáng đẹp, cửa ngõ thông suốt, lưới ngọc đan xen, lầu đèn nghìn vạn, tạo sự trang nghiêm cho thành ấy. Đường xá tương xứng, lộ đê thẳng chắc, phố thị sung túc, châu báu vô số. Bao quanh thành này có những vườn rừng sầm uất, cây cối xanh tươi, hoa trái trĩu cành, suối rạch trong veo tuôn chảy róc rách, sinh các loại hoa sen xanh vàng đỏ trắng, dáng màu rực rỡ. Các thứ chim hồng, hạc, uyên ương, khổng tước, anh vũ, Ca-lăng-tần-già, mạng mạng, tiếng hót giao hòa giống như tiếng nhạc. Thịnh vượng tráng lệ như Sơn vương Kỳ La Bà hùng vĩ, sừng sững để tự tô điểm. Lại giống như thành Hỷ Kiến là trụ xứ của Đế Thích. Vua Ưu Đà Diên dung mạo tuấn tú, uy tướng gồm đủ, thông sáng trí tuệ, vũ dũng xuất chúng, tài năng thâm tóm, không gì là không biết. Khéo có thể niệm chú gọi voi, khiến các sơn tượng đều đến tụ tập. Lại có thể chế ngự khiến chúng đều thuận thực. Lại khéo đánh đàn cầm, hòa nhã đúng

nhịp, cung thương ứng hợp, các loài chim thú cùng múa theo. Hợp các hương làm thành viên, dùng để hàng phục oán địch. Nơi chốn mùi hương bay đến khiến quân binh kia thấy đều quy thuận. Khéo có thể chạm vẽ, uyển chuyển đạt được tướng mạo. Hình tượng tạo ra so với hình thật không khác. Sáu mươi hai nghề thấy đều biết đủ. Y phục ăn uống không chuộng xa xỉ. Thương người bần cùng, kính trọng hạng già cả, chăm lo, vỗ về muôn dân. Dùng chánh pháp trị nước ngày đêm quên cả mệt nhọc. Lễ nghi pháp luật đều dựa nơi điển chế cổ, như các vua xưa: Triết Vương, Thập Xa v.v... nước giàu dân đông, kho lẫm sung mãn. Người có phước đức hội nhau sống ở nước này, nhận lấy phong hóa của vua đều cùng tu thiện. Rộng thông kinh học, hiểu rõ các luận, sách vở thế gian, không gì là không tinh tường. Dũng kiện hùng vũ như La Ma Diện A Thuần v.v... Do thân trước của vua đã gieo trồng các căn thiện nơi Phật-bích-chi nên được quả báo như thế. Uy đức của vua khiến các nước láng giềng đều kính sợ quy phục, đạo hóa tỏa sáng khắp danh vang thiên hạ.

Bấy giờ, con quan tể tướng tên là Tân Đầu Lô Đột La Xà, dung mạo tươi đẹp, trong đời ít có, thông tuệ vượt bậc, học rộng hiểu nhiều, nhân từ hòa ái, dốc chí cứu khổ, khuyến hóa quốc dân, tu đủ mười thiện, vui tin Tam bảo, xuất gia học đạo, được quả Cù túc, du hành giáo hóa, trở về thành Câu Xá Di, muốn độ thân quyến. Đi khắp khát thực, xong xuôi thì ở bên gốc cây trong rừng ngồi kiết già tư duy nhập định. Lúc ấy, có một người biết vị này là Tân Đầu Lô, bèn đến thưa với vua: Trước đây là con của quan tể tướng tên Tân Đầu Lô, nay là Tỳ-kheo đang an tọa bên gốc cây trong khu rừng gần đây. Vua nghe thì hoan hỷ, tâm mang sự kính ngưỡng, bèn ra lệnh chuẩn bị xa giá, cùng các cung nhân, quyến thuộc, tùy tùng, đi đến chỗ Tôn giả. Thăm hỏi đã xong, mời vua ngồi tạm. Vua liền suy nghĩ, sự việc nghi vấn có nay nên thưa hỏi, bèn nói: Tân Đầu Lô! Nay ta cùng ông ít nhiều biết nhau. Tổ tiên

của ông nổi đời làm tể tướng, thông sáng trí đạt, thường làm quốc sư. Nay đã cùng đến, muốn hỏi về chỗ nghỉ, nếu không có gì phiền thì xin vì ta nêu bày được chăng? Tôn giả đáp: Xin vua cứ hỏi, tôi sẽ vì vua phân biệt giải thích. Vua dùng kệ hỏi:

*Hết thấy người đời
Tham đắm năm dục
Theo tình phóng đạt
Để tự vui chơi.
Như ông nay đây
Riêng xử tĩnh lặng
Lìa bỏ ân ái
Có gì vui hiển?*

Tôn giả đáp: Tôi quán nhân duyên thấy đều vô thường, thế nên xuất gia cắt bỏ tình ái, vui chốn núi rừng, cũng như nai đồng. Chuyên tâm siêng tu dứt hẳn phiền não. Dùng búa trí tuệ chặt cành cây ái, tâm không luyến vương, quả độc tiêu diệt, các dòng kiết sử, sông dữ sinh tử, tôi đã được vượt qua, trọn không buồn lo. Ví như chim bay vượt khỏi lưới giăng, tung cánh nơi trời cao bay xa gọi là giải thoát.

Vua nghe lời ấy thì nói với Tân Đầu Lô: Ta nay đủ thế lực có thể hàng phục các nước, uy đức hiển hách, có ngày thịnh vượng như thế. Đầu đội mũ trời, anh lạc đeo khắp thân, thế nữ hầu hạ như trời Đế Thích. Ông nay ở một mình, từng có ham thích như ta không?

Tôn giả đáp: Tôi không có tâm ham thích.

Vua lại hỏi: Vì sao đối với ta mà không có tâm mong muốn ham thích?

Tôn giả đáp: Tôi ở nơi ngày nay, bùn dục đã khô, các hữu kiết phược đều đã giải thoát. Cho đến các thiên nữ thắng diệu của Đế

Thích hãy còn không sinh tâm ham thích, huống gì là những thứ thô xấu ở nhân gian của ngài sao? Có kẻ trí nào đã lìa được những trói buộc của ma, vượt qua bờ sinh tử, đạt được tuệ nhân thanh tịnh, phá trừ bóng tối vô minh mà lại ham thích những điều như vua nói chẳng? Sao có kẻ mắt sáng mà ham thích người mù? Sao lại có kẻ khỏe mạnh mà lại ham thích bệnh hoạn? Sao có người vô tội lại ham thích nơi ngục tù? Sao có kẻ cự phú mà lại ham thích bần cùng? Sao có người cao quý mà lại ham thích kiếp nô bộc? Sao có kẻ trí mà lại ham thích ngu si? Sao có kẻ dũng mãnh mà ham thích yếu đuối?

Nhà vua nghe Tôn giả nói như thế rồi, tâm ý buồn bã và nói thế này: Ông nêu những ví dụ trái ngược, sao chỉ là một thứ khổ dữ, ta há cùng khốn yếu kém như thế sao?

Tôn giả đáp: Vua không có tuệ nhãn, bị phiền não gây bệnh, bị bốn dòng thủ xô đẩy làm chìm đắm, đánh mất sự dũng mãnh, không thể siêng năng tinh tấn. Đưa trẻ ngu tối như thế không nhận biết chân đế, trầm luân trong biển khổ. Đó là phần của vua, ở trong năm dục sinh tướng hy hữu. Tướng như thế thật sự là trái với tịnh hạnh.

Nhà vua lại hỏi: Có những lỗi gì mà nói là lỗi trái?

Tôn giả trả lời: Năm thứ dục này là gốc của các khổ, làm hại căn thiện vốn có của chúng sinh, như mưa đá làm hại lúa mạ, nọc độc não hại chúng sinh hơn cả rắn độc. Cũng như lửa dữ có thể thiêu đốt công đức. Cũng như dọn nắng đã dối gạt mê hoặc phàm phu. Cũng như huyễn hóa làm mê loạn kẻ lầm lạc. Dục giá trá làm thân thiện còn hơn là oán đối. Dục như con bò già chìm ngập trong vũng bùn nhơ. Dục như lưới to phủ khắp ba cõi. Dục như đường cắm đầy đao kiếm khó có thể giẫm bước. Dục có thể buộc trói sát hại chúng sinh. Hết thấy lỗi lầm họa hoạn đều từ dục khởi. Như về thời xa xưa có vị trời Bà Tu, do nhân duyên dục nên

bị A-tu-la Bà Lợi cột trời, ném vào trong nước sôi. Trời Bà Lạc hủy hoại thành quách của A-tu-la, giết hại dân chúng của họ, xúc não, làm khổ vương chủng Bà La, vua Bát Thuần Đề cùng trăm người con của ông thầy đều bị giết sạch. A-tu-la Tử Đa La giết La Ma thiên nhân, hại La sát thập đầu cùng vài ngàn ức chúng La sát. La Mạn giết Nhân đà la, Thả Dục Xoa Vương. Ma La Chi Vương tiêu diệt chủng tộc Đa La Ma Chất. Ca Đế Tỳ Vương bị Bà-la-môn Diêm Ma Ni giết. Tỳ Na Tát Na hại quyền thuộc của Đề Đầu Lại Trá. Năm con của Ban Tể giết mười tám ức người. Vương chủng Bất Nặc An Độc Đa La Thặng Già, Vương chủng Câu La, Vương chủng Di Hi La Đàn Đặc Già, những nhân vương này vì dục mà giết hại lẫn nhau. Liền nói kệ:

*Vương vị tuy tôn nghiêm
Đổi thay không tạm dừng
Mau chóng như ánh chớp
Khoảnh khắc quy tan diệt.
Vương vị cực giàu sang
Người ngu lòng yêu thích
Lúc suy diệt chết đến
Khổ não hơn hạ tiện.
Vương giả ở ngôi cao
Danh tiếng khắp bốn phương
Doan nghiêm thật khả ái
Vô số tự vinh thân.
Vị như người sắp chết
Cài hoa đeo anh lạc
Mạng thừa chẳng bao lâu
Vương vị cũng như thế.
Vương giả ví như chim
Thường ôm giữ sợ hãi*

Đi, đứng cùng ngôi, nằm
Cho đến tất cả thời.
Ở trong thân thích kia
Luôn có tâm nghi, sợ
Thần dân, cung phi, hậu
Voi, ngựa cùng châu báu.
Cõi nước, các sở hữu
Tất cả vật của vua
Lúc các vua bỏ mạng
Đều bỏ không gì theo.
Vua người và vua trời
Cùng vua A-tu-la
Uy lực bức muôn dân
Rìu búa giết hại nhau.
Không biết vô thường khổ
Rộng thêm tham ganh nảo
Ví như rừng hoa đẹp
Rắn vàng ngủ trong ấy.
Người ngu cho châu báu
Gói đầy mang về nhà
Rắn thức phun lửa độc
Đốt cháy nhà cửa ấy.
Vương vị như rừng hoa
Tai họa như rắn vàng
Người ngu cho là quý
Người trí thì không vui.
Ví như đem mỡ thịt
Đặt đầu bốn ngã đường
Chồn, sói, quạ, chim thú

Tranh nhau đến cùng ăn.
Ngôi vua cũng như thế
Chúng cùng tranh giành lấy
Chim thú dùng mỏ móng
Quắp mỏ cùng đánh nhau.
Vua chúa dùng đao mâu
Giết hại tranh ngôi vinh
Cũng như cầm thú kia
Đồng ngu si không khác.
Tôi thà ăn tro đất
Cỏ cây để sống còn
Thân này như ung nhọt
Sau rớt sẽ thối rữa.
Sao lại vì thân ấy
Tạo tác các nghiệp ác
Như ăn quả Am-bà
Hương vị đều đầy đủ.
Kịp lúc quả này tiêu
Thân thể thấy tan hoại
Vương vị như quả kia
Mất đi sinh khổ não.
Ví như có phương vùng
Tai dịch gây tật bệnh
Bậc thắng nhân có trí
Nên mau chóng xa lìa.
Nếu người không lìa xa
Như ngược gió cầm đuốc
Không bỏ tắt tự đốt
Như khát uống nước mặn.

Không có lúc no đủ
 Như La-sát mười đầu
 Thành quách và quyền thuộc
 Do vì nhân duyên dục.
 Hoại diệt không còn sót
 Lại như Kỳ Việt vương
 Anh em có trăm người
 Do vì nhân duyên dục.
 Cũng đều bại diệt hết
 Nhật Chung Bàn Triệu vương
 Và Đề Đầu Lại Trá
 Các vị vua như thế
 Đều bị dục hủy diệt.

Nên biết cõi nước giống như tấm lưới lớn, cũng như màng lưới giăng bầy, như chìm sâu trong bùn, cũng như sóng cuộn. Lại như sóng biển, như rừng bị đốt cháy, cũng như bờ hiểm. Giống như địa ngục. Sao có kẻ trí lại vui tham đắm nơi khổ lớn như thế? Sao có kẻ trí lại sinh tưởng vui? Than ôi! Như thế thật là quái lạ, thừa đại vương! Bị lừa như thế, bị dối như thế, giống như nắm tay không dôi gạt dôi với trẻ con. Mau chóng không dùng giống như huyễn hóa. Năm dục lừa dối cũng lại như thế. Giống như khi vượn ở trên đỉnh núi cao thấy mây giăng khắp cho là chắc thật, nói đây là đất bèn gieo mình rơi xuống từ núi cao trăm trượng, thiệt mất thân mạng, hết thấy đều nát tan. Cũng như loài dã can, thấy cây Chân-thúc-ca, quả của nó giống như thịt. Lúc thấy rơi xuống đất, liền đi đến muốn ăn. Biết đây chẳng phải là thịt, lại khởi ý nghĩ: Nay đây chẳng phải là thịt, quả ở trên cây kia nhất định là thịt, bèn ở giữ cây, bị dục kia làm khốn khổ. Năm dục dối gạt vua cũng lại như thế. Cũng như khách buôn dùng ngọc giả dối gạt người. Năm dục dối gạt vua cũng như vậy. Lại như đứa trẻ ngu thích vị ngọt

nên ăn viên bánh hoan hỷ. Người ta dùng nắm đất bùn đem đến dổi gạt nó, nói rằng đây chính thật là bánh hoan hỷ. Chạy đuổi vất vả mới được nắm đất bùn. Như lúc nắng nóng, ánh nắng lấp loáng dổi gạt kẻ ngu đang khát. Giống như trước nhiều người dựng cây cọc huyễn có thể khiến nhiều người lúc ấy thấy vô số sự việc. Nếu nhỏ cây cọc huyễn thì mọi hình tượng liền mất. Giống như thợ vẽ và thợ sửa máy móc. Như chó sủa bóng của nó khi nhìn thấy dưới giếng. Mắt giận dữ, lông dựng đứng, cho rằng bóng nơi đáy giếng muốn đánh nhau với mình, nên càng bực tức đâm đầu xuống giếng mà chết. Đại vương! Phải khéo quán xét: Đâu có năm dục mà được thường còn? Sao có vương vị mà được trụ lâu? Tôn quý, giàu có, uy thế còn không được trụ. Sao có cõi nước mà không dòi dôi biến hoại? Sao có châu báu mà không tan mất? Sao có dục lạc thường hằng không đổi? Khổ nhọc để được thọ phong tất phải nhận suy diệt. Sao có hội họp mà không biệt ly. Hết thấy năm dục thể tánh thật sự là khổ, đều từ vọng tưởng mà sinh khởi lạc. Sao có các hành không giống như cây chuối, như thành Càn-thát-bà? Đại vương! Thế nào là ở trong sự bức bách khủng bố của sinh già bệnh chết suy họa? Thế nào là có thể vì cõi nước ít vui mà sinh tưởng yêu thích? Như nai ở trong rừng, bốn bề lửa cháy. Như chim ở trong lồng. Như cá ở trong lưới. Như rùa nuốt lưỡi câu. Như sư tử bị tên độc vào tim. Như rồng ở chốn thần chú. Như người ở trong nhà, bốn bên lửa dậy. Như ở trong căn nhà đẹp mà cũ mục sắp sửa sụp đổ. Như ao hoa đẹp có thủy La sát ăn hút nhiều người. Tôn giả dùng kệ nói lại ý trên:

*Họa sinh, già, bệnh, chết
 Ở đây chưa giải thoát
 Tên độc vô minh, ái
 Còn chưa nhỏ ra được.
 Đại vương nghĩ thế nào*

Mà sinh tướng vui đấm
 Như voi ở trong rừng
 Bốn phía lửa dữ khời.
 Ở chốn nạn gấp này
 Sao có thể vui vẻ
 Đại vương phải nên biết
 Vinh hiển trong chốc lát.
 Người trí quán xét sâu
 Không nên nơi việc này
 Mà sinh tướng hy hữu
 Vua do đâu hiểu lầm.
 Thật là nô bộc ái
 Lại sinh tướng cao quý
 Bỏ của báu thượng diệu
 Mà sinh tướng giàu lớn.
 Không khéo hiểu phương tiện
 Ngang sinh tướng trí tuệ
 Bị các họa phiền não
 Ngang sinh tướng không bệnh.
 Chưa thoát thai sinh tử
 Ngang sinh tướng vô úy
 Nơi mười hai rừng gai
 Ngang sinh tướng không đâm.
 Giặc đục cướp các căn
 Ngang sinh tướng không giặc.

Là đại vương nhưng thân này tất quy về hư hoại. Tôn quý vinh hiển tất có suy diệt. Của báu kho lẫm tất có tan mất. Đại vương! Như Đức Phật nói: Địa vị vinh hiển như mộng. Ân ái chỉ là tạm có. Ngài đối với năm đục sinh tướng hy hữu khó gặp. Bậc hiền đức ở

nơi sự việc này há có thể gọi là khéo quán xét? Vì sao? Vì địa vị vinh hiển ân ái tất có biệt ly. Như bầy chim bay, đêm đậu nghỉ trên một cây, sáng sớm thì bay tứ tán. Lại như nhà trọ, chiều thì nhiều khách tụ tập, sáng thì mỗi người một đường. Cũng như đi thuyền, những người khác nhau cùng đi một chuyến, nhưng khi đã đến bờ thì đều tự theo đường riêng. Cũng như dòng nước chảy xiết cuốn trôi các thứ cây gỗ nhóm lại một nơi, chỉ trong chốc lát lại theo dòng phân tán. Giống như đám mây nổi, chỉ tức khắc thì tan mất. Như chôn tạc âm nhạc, nam nữ tụ tập vui chơi, sau đó thì phân tán mỗi người một nẻo. Cung nhân thể nữ xinh đẹp tươi trẻ, lý vô thường đến thì hội hợp quy về xả bỏ. Ví như cây hoa, ong bướm đậu ở trên. Khi hoa héo rụng hết tức ong bướm bay đi. Như ao hoa khô cạn trâu voi không vào. Như hồ nước rộng lớn, loài thiên nga vui thích dạo chơi, cư ngụ, đến lúc khô cạn thì không còn đến gần. Nhà phước báo hết thì vinh hoa lợi lộc không tới. Như mây dầy tụ tập, ánh chớp tạm thời hiện. Như gió thổi mây thì ánh chớp không hiện. Những thứ kia không bỏ ngài, ngài tất bỏ chúng. Giống như mùa hạ chấm dứt thì các thứ lông của loài công thảy đều rụng. Như khi mùa lạnh đến, loài thiên nga, vịt nước rời xa ao. Như cây A-thâu-già, hoa lá lúc tươi tốt, được mọi người yêu thích, kíp đến khi khô héo, cành lá trơ trụi, không còn ai muốn nhìn. Giống như cờ hoa, người phú quý yêu kính, nhưng khi hoa héo, vải rách thì người liền bỏ. Tôn giả nói kệ:

*Vô thường không bền chắc
Như cây chuối, bọt nước
Cũng như mây nổi tan
Vua trời vị tôn thắng.
Mông nguy cũng như thế
Vua người phải nên biết
Tham lợi rất chóng qua*

*Như nước rót hang sâu.
Thích đục rất nhẹ nhanh
Chuyển động như rung dây
Ngu si nhiệm làm đục
Không tỏ tức đọa lạc.*

Tôn giả nói: Đại vương! Tôi nay xin vì vua lược nói về thí dụ. Các hữu sinh tử đã tạo lỗi lầm tai họa do tham vương vị, vua nên chí tâm lắng nghe. Ngày xưa có một người đi trên quãng đồng rộng gặp phải một con voi to dữ, bị voi rượt đuổi. Hoảng sợ chạy trốn, không chỗ nương dựa. Bỗng thấy một cái giếng to, bèn lần theo rễ cây, vào trốn trong giếng. Có con chuột trắng và con chuột đen, dùng răng cắn rễ cây. Trong giếng này, bốn bên có bốn con rắn độc, muốn cắn vào người ấy. Dưới đáy giếng lại có một con rồng độc lớn. Bên cạnh thì sợ bốn con rắn. Nơi phía dưới thì sợ rồng độc. Thân cây đã bám víu thì rễ lay động. Trên cây có ba giọt mật ong, rơi vào trong miệng người này. Lúc ấy, thân cây lay động, đập vỡ tổ ong. Bầy ong bay tán loạn, châm chích người ấy. Lửa dự bỗng bốc lên, cháy lan đến thiêu đốt cây. Đại vương nên biết! Người kia khổ não là không thể tính kể. Vua buồn sâu, chán ghét nói: Người kia được vị ngọt rất ít, còn khổ họa thì rất nhiều. Vị ngọt của kẻ kia nếm như nước trong dấu chân bò. Khổ họa của kẻ kia giống như nước trong biển lớn. Vị ngọt như hạt cải mà khổ não như núi Tu Di. Vị ngọt như lửa của đom đóm mà khổ não như mặt trời mặt trăng. Như lỗ trống của ngó sen so với hư không. Cũng như con muỗi so với loài Kim sí điểu. Vị ngọt so với khổ não kia nhiều ít cũng như thế.

Tôn giả nói: Đại vương! Đồng rộng dụ cho sinh tử. Người đàn ông kia dụ cho phàm phu. Con voi dụ cho vô thường. Cái giếng to dụ cho thân người. Rễ cây dụ cho mạng người. Chuột trắng chuột đen dụ cho ngày đêm. Cắn rễ cây dụ cho niệm niệm

diệt. Bốn con rắn độc dụ cho bốn đại. Mật ong dụ cho năm dục. Bầy ong dụ cho giác quán (tâm tứ) xấu ác. Lửa dữ thiêu đốt dụ cho già. Con rồng độc nơi đáy giếng dụ cho chết. Vì thế nên biết vị ngọt của dục rất ít, khổ họa thì rất nhiều. Sinh già bệnh chết đối với tất cả người đời đều là tất yếu. Người ở thế gian thân tâm lao khổ, không có nơi chốn quay về nương dựa bị các khổ bức bách, mau chóng như ánh chớp. Là điều đáng sầu lo, chớ nên yêu thích tham vướng. Đại vương! Tôi nay nói với vua, lời tuy thô vụng nhưng thật là lợi ích. Vua nghe lời này, lông tóc đều dựng đứng, buồn vui lẫn lộn, bùi ngùi rơi lệ, bèn đứng dậy chấp tay, năm vóc gieo xuống đất, bạch cùng Tôn giả: Tôi ngu tối, không có trí tuệ. Tôi thật hạ tiện, nói lời si cuồng. Lời si cuồng như thế, xin cho tôi sám hối. Tôn giả nói: Tôi nay là người xuất gia tâm nhẫn, không gì là không nhẫn thọ. Tâm tôi thanh tịnh như trăng thu sáng chiếu không chút mây che. Vua nay sám hối, nguyện khiến đại vương giống như Thiên Đế được thấy dấu đạo. Nhà vua vô cùng hoan hỷ, cùng với quyến thuộc lễ bái Tôn giả rồi trở về cung.

Kinh Tân Đầu Lô Đột La Xà Vị Ưu Đà Diên Vương Thuyết Pháp.

HẾT.

SỐ 1691/1
**KINH CA DIẾP TIÊN NHÂN THUYẾT Y
NỮ NHÂN**

Hán dịch: Đòi Triệu Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ (2013).

Bấy giờ, Tiên nhân Nhạ Phục Ca chợt khởi lên ý nghĩ: Chúng sinh ở thế gian đều từ nơi người nữ mà sinh ra thân này, nhưng người nữ kia từ lúc mới mang thai cho đến đủ mười tháng, hoặc thai lại kéo dài đến mười hai tháng mới sinh. Hoặc giả nửa chừng mắc bệnh. Lúc bệnh hoạn phải chịu đau khổ vô cùng. Tôi nay theo phương tiện xin thưa hỏi thầy, lãnh nhận phương dược dùng để cứu chữa.

Nghĩ như thế xong liền đi đến chỗ thầy mình là Tiên nhân Ca Diếp, theo đúng lễ đối với thầy rồi thưa hỏi: Đại sư Ca Diếp là bậc đại trí, con nay có điều muốn hỏi, xin rũ lòng nghe nhận.

Tiên nhân Ca Diếp nói: Ông cứ thưa hỏi.

Tiên nhân Nhạ Phục Ca liền thưa: Người nữ mang thai thời hạn phải mười tháng hoặc mười hai tháng, đủ ngày mới sinh. Thế nào trong giai đoạn giữa, nếu có các bệnh hoạn đưa đến bào thai chuyển động không an, hoặc có sự tổn hại, khổ não vô cùng. Thầy con là bậc đại trí, nguyện vì sự việc ấy, tuyên thuyết phương thuốc để cứu chữa những bệnh khổ như thế. Thưa hỏi như vậy rồi thì đứng yên lắng nghe thọ lãnh.

Lúc ấy, Tiên nhân Ca Diếp bảo Tiên Nhạ Phục Ca: Người nữ mang thai không biết giữ gìn, khiến cho thai tạng không được an ổn. Ta nay vì ông lược nói về phương thuốc bảo hộ thai tạng tùy theo tháng. Người nữ mang thai, trong tháng thứ nhất, nếu thai tạng không an nên dùng hương Chiên-đàn, hoa sen, hoa Ưu-bát-la cho vào nước, cùng nghiền nhỏ, sau đó đổ sữa nước, đường sữa vào cùng nấu. Thuốc này dùng trong lúc ấm, có thể khiến người mới mang thai, không có các sự tổn não mà được an vui.

Lại nữa, này Tiên Nhạ Phục Ca: Người nữ mang thai, vào tháng thứ hai, nếu thai tạng không an, nên dùng các thứ thuốc như hoa Ưu-bát-la màu xanh, cùng với rễ hoa Mẫu na, Lăng giác, Nhân yết, Tế-lỗ-ca v.v... Các thuốc này phân lượng bằng nhau, giã ray nhỏ như cháo đặc, dùng nước sữa nấu, để nguội cho uống. Thuốc này có thể khiến thai tạng không tổn não, ngừng đau đớn, ngày đêm được an ổn.

Lại nữa, người nữ mang thai, đến tháng thứ ba, nếu thai tạng không an, nên dùng thuốc Ca câu dĩnh, thuốc Sát la ca câu dĩnh và rễ cây thầu dầu, các loại thuốc như thế phân lượng bằng nhau, dùng nước hòa chung rồi nghiền ra thật nhỏ. Kế đổ nước sữa vào rồi nấu cho chín. Sau đấy lại đổ đường mật vào hòa chung để nguội cho uống. Thuốc này có thể giúp thai tạng được yên định, ngừng đau đớn. Nếu có người mắc bệnh, cho uống tức được an lạc.

Lại nữa, người nữ mang thai, đến tháng thứ tư, nếu thai tạng không an, thì nên dùng rễ cùng cành lá cỏ Tật lê, hoa Ưu-bát-la cùng cành gốc, phân lượng bằng nhau, dùng nước hòa chung, nghiền ra thật nhỏ. Tiếp theo dùng nước sữa đổ vào nấu chung cho đến chín, để nguội rồi uống. Thuốc này có thể khiến thai tạng an ổn, ngừng dứt đau đớn. Người bệnh uống vào tức được an vui.

Lại nữa, người nữ mang thai, đến tháng thứ năm, nếu thai tạng không an, nên dùng rễ cây bầu và hoa Ưu-bát-la, mỗi thứ

phân lượng bằng nhau, giã nát rây nhuyễn, sau đó đổ nước bồ đào, nước sữa, đường sữa vào nấu chung, đợi nguội cho uống. Thuốc này có thể giúp thai tạng an ổn, ngừng dứt đau đớn. Người bệnh uống vào tức được an vui.

Lại nữa, người nữ mang thai, đến tháng thứ sáu, nếu thai tạng không an, nên dùng thuốc Bế a la, thuốc Tử ma địa ca la hạ, thuốc Tát ngật đa phục, mỗi thứ phân lượng bằng nhau, dùng nước hòa lẫn, nghiền ra thật nhỏ, lại đổ nước sữa vào cùng nấu. Sau đổ nước đường sữa và mật vào đợi nguội cho uống. Thuốc này có thể giúp thai tạng ổn định ngừng dứt đau đớn, người bệnh uống vào tức được an lành.

Lại nữa, người nữ mang thai, đến tháng thứ bảy, nếu thai tạng không an, nên dùng cành lá và rễ cỏ Tật lê, giã nhỏ, rây làm bột, dùng đường sữa và mật vò thành viên tròn, dùng nước thịt cho uống, lại dùng nước thịt vào lúc ăn cơm thì cho ăn thuốc ấy, hoặc ăn cơm và cháo đậu xanh. Thuốc này và cơm có thể giúp thai tạng ổn định. Người bệnh uống vào thì được an vui.

Lại nữa, người nữ mang thai, đến tháng thứ tám, nếu thai tạng không an, nên dùng thuốc Tam mả nga, hoa sen, hoa Ưu-bát-la xanh, cỏ Tật lê, mỗi thứ phân lượng bằng nhau, dùng nước lạnh hòa chung, nghiền thật nhỏ. Sau đó đổ nước sữa, đường, mật v.v... vào rồi cùng nấu chung, để nguội, cho uống. Thuốc này có thể lúc ấy thai tạng ổn định, ngừng dứt đau đớn. Người bệnh uống vào tức được an lành.

Lại nữa, người nữ mang thai, đến tháng thứ chín, nếu thai tạng không an, nên dùng rễ cây thầu dầu, thuốc Ca câu đĩnh, thuốc Xá la bát noãn ni, thuốc Một lý hạ đễ, mỗi thứ phân lượng bằng nhau, dùng nước lạnh hòa chung, nghiền thật nhỏ, đổ nước sữa vào nấu chung, để nguội cho uống. Thuốc này có thể khiến thai tạng

an ôn, ngừng dứt hết đau đớn. Người bệnh uống vào tức được an lành.

Lại nữa, người nữ mang thai, đến tháng thứ mười, nếu thai tạng không an, nên dùng hoa Ưu-bát-la, đậu xanh, phân lượng bằng nhau, dùng nước hòa chung nghiền thật nhỏ. Lại trộn đường sữa mật và đổ nước sữa vào nấu chung, để nguội cho uống. Thuốc này có thể khiến thai tạng được an ôn, ngưng đau đớn. Người bệnh uống vào thì được an lành.

Lại nữa, người nữ mang thai, đến tháng thứ mười một, nếu thai tạng không an, nên dùng hoa Ưu-bát-la xanh, thuốc Sa lộ cương, hoa và cộng sen, phân lượng bằng nhau, dùng nước mát hòa chung nghiền khiến nhỏ, sau cho nước sữa, đường sữa cùng nấu, để nguội cho uống. Thuốc này có thể khiến thai tạng ổn định, ngưng đau. Người bệnh uống vào thì được an vui.

Lại nữa, người nữ mang thai, đến tháng thứ mười hai, nếu thai tạng không an, nên dùng thuốc Ca câu dĩnh, thuốc Sát la ca câu dĩnh, cam thảo, hoa Ưu-bát-la, mỗi thứ phân lượng bằng nhau, giã nát rây nhuyễn, dùng nước cùng nghiền, sau đó đổ nước sữa vào hòa chung rồi nấu chín, đợi nguội cho uống. Thuốc này có thể giúp thai tạng an ôn, ngừng dứt đau đớn. Người bệnh uống vào thì được an vui.

Bấy giờ, Tiên nhân Nhạ Phục Ca nghe thầy nói về phương pháp bảo dưỡng người nữ mang thai như thế rồi thì hoan hỷ tin thọ làm lễ lui ra.

Kinh Ca Diếp Tiên Nhân Thuyết Y Nữ Nhân.

HẾT.

SỐ 1692/1
**KINH THẮNG QUÂN HÓA THỂ BÁCH DỤ
 GIÀ THA**

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thiên Trúc Tai.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ (2013).

Quá khứ Tiên nhân, các thứ điển tịch, chương cú như Da Sa v.v... không gì là không nói.

*Tôi nay tự vịnh vui lòng ngu
 Lược tụng Già đà làm trăm dụ
 Hành ân, hành nghĩa, hành hiền đức
 Không ngã, không mạn, không khiếp nhược.
 Từ bi chân thật Sư đáng trọng
 Gắng làm thượng nhân hành xuất ly
 Dẫn cho nghèo kém giữ vững chí
 Nếu thân phú quý cũng nhu hòa.
 Như gặp cường địch mà sức mạnh
 Đây tức gọi là tướng đại nhân
 Tuổi trẻ hành thiện, người ít có
 Người tìm đến cầu hoan hỷ cho.
 Nếu người xưng tán ta nghe thẹn
 Người như thế kia cũng khó được
 Muốn cầu danh tốt trước cầu pháp
 Trên pháp luyện tâm đức tự sinh.*

Hết thầy giới hạnh giữ bền chắc
Người kia thế gian thật hy hữu
Thiên nhiên tánh thiện nói cũng thiện
Người thiện, người ác thầy biết hết.
Kẻ khác có lỗi cùng che giấu
Nhưng người trí này đời khó có
Tánh lửa nóng ám vốn tự đốt
Tánh trăng mát mẻ cũng như thế.
Dòng Sát-đế-lợi danh xưng trên
Nhưng dòng họ thấp sao được ngờ
Thân quyền nguy nan phải cứu giúp
Người khác gặp nạn cũng như thế.
Hết sức vì người tình không hai
Trong đây nuôi mạng gọi chánh mạng
Bố thí, nhẫn nhục và minh lực
Điều phục các căn ngôn ngữ thiện.
Đây là vị Thánh thật nghiêm trang
Vàng ngọc trang sức như gánh nặng
Thế gian chưa từng có một vật
Không bị vô thường hủy hoại không.
Chỉ có vô vi, đức tịch tĩnh
Trái kiếp an nhiên được thường trụ
Lành thay! Hình sắc, thân đoan nghiêm
Mà đủ sùng tu đức hạnh sáng.
Ví như trăng tỏ giữa hư không
Ánh sáng trong lặng soi lâu gác
Giàu sang hành thí tất cả người
Tâm thức thành tựu vô biên pháp.
Sức mạnh cứu giúp người yếu đuối

Lành thay! Đức này thật lương thiện
Người đức trọng đức thương không đức
Người ngu khinh đức mà bỏ đi.
Trí như mặt trời hồng tỏa sáng
Ngu tợ ánh sao bị che mờ
Người hiền hay giữ các lỗi thân
Hoàn toàn tu tập đức hạnh cao.
Trẻ nếu phóng tâm phạm một lỗi
Tu chứa nhiều đức cũng đều mất
Người ác xa lìa nơi giới đức
Luôn muốn gán gũ người bất thiện.
Như bỏ ao công đức trong mát
Mà vào nước bất tịnh nhiều đục
Xoa dầu trên thân cần trừ bản
Trừ bản lại phải rửa dầu đi.
Ví như làm việc cốt thành công
Nếu được công thành bỏ chỗ làm
Người ác luôn ác dụ rắn đen
Người ác mê buông như voi say.
Người thiện sợ hãi, tâm thương xót
Người ác điên đảo, tình vui vẻ
Lửa to đầy trời khó diệt liền
Hang sâu không đáy không thể biết.
Tuệ xét khéo quán việc nguy ác
Hành sâu tin thiện không nghi ché
Rơi núi, vào lửa nguy hiểm lớn
Hoặc giả thân còn lại cát bước.
Nếu người bị đọa vào nẻo ác
Nẻo ác suối sâu không thể ra

Nước lớn sóng cả không thể cuốn
Lửa dữ hùng hực không thể đốt.
Đám giặc ác mạnh không thể cướp
Là tài sản tối thượng thế gian
Người thấp kém cậy có tiền của
Người bậc trung không gì cậy dựa.
Trung lưu thấy của tâm thoáng vui
Kẻ kém cậy tiền của trên hết
Tất cả chủng tộc, hình sắc đức
Đồng hành thân quyến cùng bạn bè.
Mỗi mỗi không biết chỗ nào đến
Chỉ vụ tham ngu thích tài lợi
Người giàu nói dối người là thật
Người nghèo nói thật tức là trái.
Dối nịnh dựa theo hành không thật
Người hiền thiện nghe rồi xấu hổ
Nhiều của phú quý mà không đức
Dụ như có đức người khen ngợi.
Không tiền nghèo kém đức hạnh đủ
Người ngu không biết liền chê bai
Dũng mãnh đức hạnh có như không
Là người thiện kia giác quán đúng.
Lìa tiền vui đạo sống thanh bản
Thân quyến khinh nghèo thật cho dối
Đồ tể giàu sang khen chân thật
Thượng nhân không tiền là thấp kém.
Thân quyến bạn bè thuận thế tình
Kính phụng kẻ đồ tể, buôn rượu
Chúng biết nẻo ác trầm luân hiểm

Thọ tội khoảng giữa khổ trăm phần.
 Người xin đi đến mong cứu giúp
 Toàn không ơn cho, cố trái tình
 Người xin không toại ngược tình kia
 Ý giận ngậm sân than nỗi hận.
 Người này tâm ngang lời lẽ sến
 Bỏ lợi không như bỏ thân mạng
 Người này keo kiệt, si mê nặng
 Cứu giúp hành thí đều không biết.
 Tích chứa tiền của sau tan hoại
 Nếu hành thí giúp mãi bền chắc
 Một người như thế giúp nhiều tiền
 Ngu mê càng dày không suy xét.
 Chịu khổ thà biết, keo kiệt dối
 Nhiều người giúp vật khổ bằng nhau
 Không sử không dụng không cho người
 Thật không biết việc tốt đẹp này.
 Vàng bạc chất chứa đầy trong nhà
 Có khác gì hầm đầy bất tịnh
 Bàn cùng hành thí đàn độ thật
 Nói kia gọi là người tối thượng.
 Phú quý xả bỏ chút tài sản
 Như giọt nước sông ai không hiểu
 Nếu người dựa pháp hành không thiếu
 Thích thí như đồng ư nữ sắc.
 Nếu thí của dư, hành dirt nói
 Cảm quả thiếu đủ cũng như thế
 Ruộng tâm thanh tịnh phụng Pháp vương
 Tuổi trẻ giới đức dụ hoa hương.

Tâm từ nhu hòa như khuê nữ
Vui thích trang nghiêm hương đại hạnh
Lễ tham cảnh Thánh hành bố thí
Tinh tấn, đa văn thọ khổ nhọc.
Khuôn phép nếu thiếu không giới hạnh
Trước tu nhiều thiện đều uống công
Ngày nay danh xưng, người biết trọng
Đời sau sinh thiên chúng kính ngưỡng.
Phước thọ lâu dài luôn an lạc
Đều do trì giới được thành tựu
Thường nghe cực khổ, ba đường ngục
Luôn giữ uy nghi, giới đức tròn.
Thọ hết, phù sinh lúc bỏ mạng
Diêm ma, nẻo ác ta không sợ
Thành ao, thôn xóm cùng núi rừng
Hoặc có ngu mê hoặc trí tuệ.
Giả sử biết pháp không biết pháp
Nếu cầu Thiện Thệ cần trì giới
Kiên trì giới cấm khiến thanh tịnh
Luôn phải gần gũi thiện tri thức.
Nhu pháp huân tu nghiệp thiện tròn
Hết thấy công đức đều tụ tập
Trì giới pháp lợi được an lạc
Nếu ý ngu mê có hủy hoại.
Đức mạng sát-na tức liền diệt
Người trí duyên gì mà uống rượu
Kia hoặc uống rượu rõ ngu hèn
Rớt cuộc sai quấy không danh tốt.
Chợt ngã xuống đất dụ vô thường

Nhiễm ô khắp thân thành bất tịnh
Mặc dù thân quyến cùng vui uống
Say rồi trái nhau bèn hại mạng.
Lỗi lầm như thế trong sát-na
Nói rượu này độc hơn thuốc độc
Mắc tội phần nhiều do hành dâm
Đến lúc bỏ mạng còn dặt tâm.
Tất cả dục tình không thiện ích
Sao lại si mê mộ người nữ
Nếu vui vợ mình cầu vui thích
Do thường tham ái khá hợp nên.
Đối thế thiếp người vọng cầu tìm
Phải chịu cô đơn tâm sợ hãi
Máu thịt gân cốt lớp da che
Trong ngoài đều đến thân bất tịnh.
Tự thân vợ con còn trái phận
Vợ con người khác há hợp tham
Nếu người chỉ sạch không dâm dục
Biết hòa hợp này như mộng huyễn.
Thế nên xa lìa nơi người nữ
Mà được tâm an lìa mê vọng
Người nữ thật đáng là vui thích
Phú quý, kiêu xa cũng như thế.
Thân quyến cùng đồng sinh luyến ái
Mạng sẽ chẳng lâu tức vô thường
Người ngu hoàn toàn tăng tham ái
Người trí tư duy thấy là giả.
Như theo bụi ái mà vui sống
Bao giờ xuất ly được Bồ-đề

Tu hành chớ sợ đối căn khổ
Kia sau chiêu cảm thân an lạc.
Nên là lời thiện lợi ích thật
Việc uống đáng dụ thuốc tốt hay
Hết thấy việc làm nhiều sáng rõ
Lỗi làm nguy vong đều nên biết.
Nếu là hành hợp kia nên làm
Việc thiện thế nào có giấu che
Nếu người gây dựng việc tiền trình
Trước trừ tà loạn tư duy đúng.
Quyết định thời sau không lỗi lầm
Tự nhiên an ổn khổ không sinh
Nếu tu nghiệp thiện khiến tăng trưởng
Nhất tâm thanh tịnh là ổn náo.
Như có oan gia bệnh phiền não
Tự nhiên trừ bỏ dứt ngu si
Nói ác, hai lưỡi, tâm thấp kém
Người ngu phóng ý mặc tình làm.
Há biết loài công, sắc nghiêm đức
Khá dụ lang sói, quạ, khách kêu
Quở trách ngu si không hiểu đúng
Tán dương tịnh tấn môn giới, thí.
Ta nói có người hành hạnh này
Tích phước an thân thật hơn hết
Pháp âm tự tại đồng ca nhạc
Vô tâm vui vẻ còn nhờ gì?
Hữu tình các ông nếu từ bỏ
Đây là bàng sinh hay là người
Là lợi, không lợi, đều không hiểu

Là thật, không thật cùng không biết.
 Như thế mờ mịt không phân biệt
 Tuy đủ hình người, đồng sức sinh
 Không phân hiện thiện cùng ngu si
 Há rõ đã can khác sư tử.
 Đều không hơn kém thấy như nhau
 Kẻ trí tạm thời chớ cùng trụ
 Không nói tự Thánh, không ngu si
 Không nói hai lưỡi, không ngã mạn.
 Khó biết trên lý có chỗ rõ
 Nói là Bà-la-môn trang nghiêm
 Một lòng cẩn ý tu hành thật
 Lầm lỗi luôn luôn không thọ hành.
 Ngã mạn người ác khởi tranh chấp
 Sắc đức như thế ta chẳng có
 Trong tâm ngu si luôn điên đảo
 Từ nhân toàn không, hung dữ nhiều.
 Lấy những lỗi lầm mạnh bạo này
 Cho là đức mình hơn người khác
 Xuất gia thẳng đạo không tâm trọng
 Bạn thiện hoàn toàn không kính thân.
 Thầy dạy chưa từng hành cúng dường
 Chỉ thích tranh chấp ngu si lớn
 Bên trời trăng tròn sau cũng khuyết
 Dưới núi hoa thơm mấy chốc tàn.
 Người đời vô thường nào khác thế
 Phải tranh nhân ngã để làm chi
 Người nữ bản tánh trọn không thật
 Chướng ngại người tu nhân nghiệp thiện.

*Quả A-mạt-la có hạt kia
Đây là ba loại lỗi thế gian
Tôn trọng Pháp sư tìm Thánh tích
Tâm hành biết đủ giữ bi trí.
Năm thứ việc thế gian như vậy
Hoặc nói khó làm cũng dễ làm
Nếu người biết pháp luôn hành thiện
Lại hay tìm hỏi bạn bè lành.
Dụ như trong cát luyện chân kim
Tất cả hữu tình đều biết trọng
Ngu kém đồng hành không tự tại
Tự nhiên không đức không biết quý.
Nếu lại xuất gia tất bạo ác
Ví như nuôi mạng không tiếng thiện
Sao dùng bất tín đối bạn bè
Sao dùng bất tri đối người trời.
Sao lấy bất hành làm phương tiện
Sao lấy tự làm nơi khó học
Người sển xứ nào hiểu bố thí
Cát chảy nơi nào mà có nước.
Bất tịnh chốn nào có hương thơm
Người ác xứ nào có ân nghĩa
Người ghét yêu làm sao có đức
Oan gia nơi nào có người lành.
Hoan lạc người nào hiểu tri túc
Thọ mạng người nào được lâu dài
Dâm nữ phù hoa không tin dày
Người si ngu độn không phân biệt.
Giàu sang tạm vinh ai được lâu*

Nghiệp nhân quyết định khó hủy hoại
 Bà-la-môn được ăn hoan hỷ
 Khổng tước nghe sấm vang vui mừng.
 Người thiện cứu giúp kia vui vẻ
 Ngủ mê khi phá hoại thích thú
 Ngủ mê yêu thích hành tranh chấp
 Như nghèo được báu tâm hoan hỷ.
 Người hiền nghe kia nói lời thiện
 Như ong ngửi thấy hương hoa kia
 Người có đức, đức là thân thuộc
 Người có lỗi, lỗi là oan gia.
 Người của sự hèn, hèn là khổ
 Người của biết đủ, đủ là vui
 Sợ gì canh cửa, giữ bát hóa
 Há từ lao dịch ở phương khác.
 Trọn không nơi thân, chấp ngã kiến
 Luôn điều tâm hành thiện nhu hòa
 Khiêm tâm, không ái, không nhân ngã
 Tợ nai không nhà ở rừng hoang.
 Tuy là giàu sang cùng tôn quý
 Nên không ít việc, cầu nơi người
 Từ bỏ duyên vọng các hoan lạc
 Điều không buộc ngăn, tự tại nhàn.
 Nuôi mạng tánh đồng loài ngỗng vịt
 Lớn ở trong nước sạch du hành
 Thành vua, thôn xóm người cư trú
 Tám đức nhiều không còn một hai.
 Bi, hổ, thanh tịnh, hiềm khích, thẹn
 Biết pháp vô ngã sức diệu lạc

Núi tiếp, suối khe, hang động sâu
Ăn trái, mặc da, điều năm căn.
Rừng hoang vắng lặng nên vui thích
Đâu cần xóm làng, cần tìm người
Ở núi sâu chẳng thấy nhà cửa khác
Tự tại không buộc an lạc hành.
Trụ trong tâm kia lợi đã được
Hàng phục căn đức mạng trường sinh
Tôi nay giáo hóa các người rồi
Chấp tay tâm ý điều hòa nghe.
Hết thấy Tạng pháp an lạc thật
Kia phải vui vẻ nhất tâm cầu
Ông biết thiện báo một thân người
Nếu cần sát-na không thể được.
Được rồi ngu si không tạo phước
Dựa trước tự dối, tự trầm luân
Giọt nước trên đất chẳng trụ lâu
Khá dụ sinh mạng người không bền.
Ba loại vô ngại ai hay làm
Nếu là người trí mới làm được
Như thế, kia nếu theo sức mình
Ba loại tác ý biết phần ít.
Dụ như chim câu xét tự thân
Chim công trang nghiêm chẳng hơn ta
Sinh tử vô thường người nào thích
Trí tuệ đâu từng quán năm căn.
Thân này tuy trụ trọn không lâu
Nói kia dối sống tại thế gian
Diễm ma như thế người đều thấy

Chúng sinh thọ khổ bao kẻ khỏi?
 Già chết không phạm xứ an vui
 Thế nào các ông không thể làm
 Tình vật vô thường nên đều định
 Chỉ cốt tham sinh tử không biết.
 Đường trước không nương bóng sáng chóng
 Do đâu mãi mãi không suy xét
 Cha mẹ vợ con cùng bạn bè
 Hòa hợp hư huyễn tạm thời thôi.
 Chánh pháp, thân quyến, đây khá nương
 Hay bỏ vô thường, sinh tử khổ
 Nhiều cầu sinh đắc phiền não thật
 Giữ thân sinh đắc sợ hãi thật.
 Phá hoại sinh đắc ưu sầu thật
 Người trí nếu cầu có lợi gì
 Kia nếu không tu hành chân như
 Luân hồi sinh tử bao giờ dứt?
 Người trí luôn quán thế gian này
 Đều thành huyễn hóa sức ngu si
 Hỉ ngôn hát xướng đều không thật
 Tham muốn, tìm cầu dụ ung nhọt.
 Tổn mạng không chắc như huyễn mộng
 Sao như pháp Phật dụng thân tâm
 Chỉ là vì chẳng tạo tác tội
 Thấy đều bình đẳng hoại thân này.
 Thế gian sao tâm kia ngu tối
 Không hiểu tư duy tội ác sinh
 Việc thiện ác ôm giữ trong tâm
 Thiên nhân hộ thế thấy đều biết.

Tâm nếu không thể tư duy đầy
 Ý địa bao giờ tiêu các tội
 Tùy duyên ngồi ở vật thọ dụng
 Chút ít thân nương được tạm thời.
 Đây giả trợ duyên hành thiện lợi
 Ngoài ra vật dụng phiền não người
 Tuy thấy cung điện đều trang nghiêm
 Chỉ là ngộ cụ, giường thô xấu.
 Biết đủ tự nhiên tâm vui thích
 Như xem nữ xấu hơn thiên nữ
 Nên biết của hữu vi thế gian
 Nước, lửa, giặc cướp có thể đoạt.
 Như thế muốn cầu phước đời khác
 Chớ cầu tài sản không chắc này
 Luận bàn loại sĩ nông công thương
 Không nương phép tắc chớ nên làm.
 Phải biết việc này hợp như thế
 Là phước tự nhiên không thành tự
 Nếu có thể tạo thiện, bất thiện
 Nên biết chẳng phải người nào khác.
 Đều là nghiệp tự thân đã tạo
 Do đấy chúng sinh tất cả được
 Hết thấy nghiệp đã tạo như thế
 Nếu hay hậu hữu không sinh lại.
 Sinh, lão, bệnh, khổ và vô thường
 Từ đâu đến nối nhau chưa bỏ.

Kinh Thắng Quân Hóa Thể Bách Dụ Già Tha.

HẾT.

MỤC LỤC

Số 1668/10: LUẬN THÍCH MA HA DIỄN.....	5
Quyển 1.....	5
Quyển 2.....	48
Quyển 3.....	100
Quyển 4.....	140
Quyển 5.....	180
Quyển 6.....	210
Quyển 7.....	237
Quyển 8.....	263
Quyển 9.....	283
Quyển 10.....	309
Số 1669/20: LUẬN ĐẠI TÔNG ĐỊA HUYỀN VĂN BẢN.....	330
Quyển 1.....	330
Quyển 2.....	340
Quyển 3.....	348
Quyển 4.....	354
Quyển 5.....	368
Quyển 6.....	375
Quyển 7.....	387
Quyển 8.....	393
Quyển 9.....	400
Quyển 10.....	403
Quyển 11.....	409
Quyển 12.....	412
Quyển 14.....	420
Quyển 15.....	425
Quyển 16.....	428
Quyển 17.....	433
Quyển 18.....	435
Quyển 19.....	438
Quyển 20.....	450

Số 1670/2 (Bản A: 2 Quyển): KINH NA TIÊN TỶ KHEO: Quyển Thượng	458
Số 1671/12: KINH PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỔ TẬP	
Quyển 1.....	481
Quyển 2.....	490
Quyển 3.....	498
Quyển 4.....	506
Quyển 5.....	517
Quyển 6.....	526
Quyển 7.....	535
Quyển 8.....	546
Quyển 9.....	559
Quyển 10.....	569
Quyển 11.....	579
Quyển 12.....	588
Số 1672/1: LONG THỌ BỒ TÁT VỊ THIÊN ĐÀ CA VƯƠNG THUYẾT PHÁP YẾU KỆ ...	600
Số 1673/1: KHUYẾN PHÁT CHƯ VƯƠNG YẾU KỆ	616
Số 1674/1: LONG THỌ BỒ TÁT KHUYẾN GIỚI VƯƠNG TỤNG.....	636
Số 1675/1: TÁN PHÁP GIỚI TỤNG	655
Số 1676/1: QUẢNG ĐẠI PHÁT NGUYỆN TỤNG	668
Số 1677/1: TAM THÂN PHẠN TÁN.....	672
Số 1678/1: PHẬT TAM THÂN TÁN	674
Số 1679/1: PHẬT NHẤT BÁCH BÁT DANH TÁN	676
Số 1680/1: NHẤT BÁCH NGŨ THẬP TÁN PHẬT TỤNG	680
Số 1681/3: PHẬT CÁT TƯỜNG ĐỨC TÁN	
Quyển thượng.....	702
Quyển trung.....	716
Quyển hạ.....	730
Số 1682/1: THẤT PHẬT TÁN BỐI GIÀ THA.....	746
Số 1683/1: KIỀM TRUY PHẠN TÁN.....	748
Số 1684/1: BÁT ĐẠI LINH THÁP PHẠN TÁN	754
Số 1685/1: KINH PHẬT THUYẾT BÁT ĐẠI LINH THÁP DANH HIỆU	756

Số 1686/1: HIỀN THÁNH TẬP GIÀ ĐÀ NHẤT BÁCH TỤNG	759
Số 1687/1: SỰ SỰ PHÁP NGŨ THẬP TỤNG	774
Số 1688/1: KINH MẬT TÍCH LỰC SĨ ĐẠI QUYỀN THẦN VƯƠNG KỆ TỤNG .	782
Số 1689/1: KINH THỈNH TÂN ĐẦU LÔ.....	812
Số 1690/1: KINH TÂN ĐẦU LÔ ĐỘT LA XÀ VỊ UUU ĐÀ DIỄN VƯƠNG THUYẾT PHÁP	815
Số 1691/1: KINH CA DIẾP TIÊN NHÂN THUYẾT Y NỮ NHÂN	828
Số 1692/1: KINH THẮNG QUÂN HÓA THỂ BÁCH DỤ GIÀ THA.....	832